

Nevil Shute

Mùa Mưa

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

Nguồn: <http://vnthuquan.net/>

Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

MUC LUC

[Thay Lời Tựa](#)

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

Nevil Shute

Mùa Mưa

(In The Wet)

Thay Lời Tựa

Tác giả Nevil Shute đã mất năm 1960, nhưng dự báo của Ông về một nước Anh hùng cường trong

Khôi Thịnh Vương Chung đã thấy rõ. Đây cũng là nhờ sự đóng góp tích cực của Vương Triều qua hình ảnh sống động, đầy gan dạ, mưu trí và đầy lòng nhân đức của Nữ Hoàng Elizabeth Đệ Nhị và lòng trung thành của người dân Anh trong 50 năm qua, trước bao thử thách.

Câu chuyện tình lãng mạn của một phi công người Úc lai một phần tư da đen với cô thư ký của Nữ Hoàng, tuy có hơi ước lệ trong khung cảnh của Hoàng Gia, nhưng đây kịch tính của một xã hội nền nếp, gia phong của nước Anh, cộng với sự khoáng đạt, đầy nhiệt tình của một nước Úc đang trên đà phát triển.

Chọn tác phẩm “Mùa Mưa” (In the wet) để dịch, Tôi muốn kêu gọi lòng thương yêu, đùm bọc trong Hoàng Gia Nguyễn Phước trước những thành quả lịch sử hết sức vĩ đại của Tiên Đế. Còn gì nữa mà chia năm xẻ bảy , còn gì nữa mà tranh phần , đoạt lợi, để con cháu nghìn đời mai mỉa !

Tôi lại muốn kêu gọi sự đoàn kết tôn giáo để nhân loại tránh đi bao nỗi thống khổ, chết chóc triền miên. Còn hình ảnh nào đẹp bằng một vị Cha Xứ của Thiên Chúa Giáo La Mã và một Mục Sư Tin Lành đều được người dân Úc trọng nể như nhau như là những vị Thừa Sai của Chúa mang đến hạnh phúc cho nhân dân.

Ngoài ra trong một xã hội dân chủ pháp trị, thì quyền bầu cử của người dân là quan trọng hơn cả, nó định đoạt tương lai và vận mạng của một dân tộc. Vậy 7 quyền bầu cử Quốc Hội của nước Úc cũng đáng cho ta học hỏi, rút kinh nghiệm để làm cho đất nước phồn vinh.

Và nếu chúng ta có được cái “Tâm Bò Đê”, tâm Từ Vô Lượng, quả đất này sẽ không còn cảnh tranh bá đồ vương, tàn sát lẫn nhau, để cùng nhau xây dựng một “thiên đàng hạ giới”, cõi Nát Bàn ngay trong tim mình.

Nevil Shute

Mùa Mưa

(In The Wet)

Chương 1

Trước đây tôi chưa bao giờ chịu khó ngồi viết những chuyện dài dòng như thế này, tuy cũng đã viết nhiều những bài giảng đạo hay những đề tài khác cho các tạp chí trong họ đạo. Nói thật tôi cũng không biết cách sắp xếp câu chuyện hay cần viết dài hay ngắn như thế này cho thích hợp, nhưng chẳng có ai ngoài tôi ra đọc truyện này nên chẳng lấy đó làm quan trọng. Tuy vậy, sự thật là tôi cũng đã bán khoản lo nghĩ từ khi ở Blazing Downs trở về nên cũng thường xuyên bị mất ngủ và không thể

làm việc hết mình cho họ đạo, tuy rằng các buổi lễ ở nhà thờ vẫn tiến hành như thường lệ và máy móc. Tôi nghĩ rằng nếu cố gắng viết ra thì tâm hồn cũng nhẹ nhõm phần nào, điều mà từ lâu tôi vẫn đè nặng trong tâm tư, hơn nữa, sau khi viết, tôi sẽ gửi cho ngài Giám mục đọc qua. Điều băn khoăn của tôi, có lẽ tôi cảm thấy mình càng ngày càng già đối với công việc của họ đạo có hơi kỳ lạ này và điều đó chứng tỏ là trường hợp này tôi phải chấp nhận bất cứ điều gì khi bề trên đã quyết định.

Viết tư liệu không phải dễ dàng gì ở nơi đây vì Landsborough là một thị trấn nhỏ. Chốc nữa tôi sẽ đi xuống cửa hàng sách Duncan để mua ít giấy viết, nhưng cửa hàng chỉ có những tập giấy mỏng để viết thư và những tập vở mà cô giáo Foster dùng cho các học sinh lớn tuổi hơn khi các em đã qua thời kỳ dùng bảng viết. Tôi mua sáu tập và hy vọng còn cần nhiều hơn nữa khi đã viết xong những điều cần nói ra, nhưng trong cửa hàng chỉ còn vòn vẹn chín tập vở nên không muốn làm họ kẹt. Tôi đã yêu cầu họ mua thêm, và họ đã đặt hàng ở Townsville, chuyến máy bay tuần tới mới có.

Để trung thực với những ai đọc tác phẩm của tôi viết, tôi nghĩ là nên nói thật về mình, ngõ hầu sẽ được đánh giá chính xác và có được tín nhiệm về những điều tôi viết hay không. Tôi tên là Roger Hargreaves, đã được thụ phong mục sư thuộc giáo hội nước Anh bốn mươi một năm qua, tháng trước đây tôi đã qua tuổi sáu mươi ba. Tôi sinh năm 1890 ở Portsmouth thuộc miền Nam nước Anh và đã tốt nghiệp trường cấp ba Portsmouth. Tôi đã được thụ phong vào năm 1912 và trở thành mục sư của nhà thờ Thánh Mark, thành phố Guildford.

Năm 1914, thế chiến bùng nổ, tôi vào quân đội với chức vụ Tuyên úy. Tôi đã làm chủ lễ ở Gallipoli và ở Pháp. Trong chiến tranh tôi rất may mắn, bởi vì tuy bị một quả pháo đập ở Delville Wood trong suốt cuộc chiến Somme, tôi chỉ nằm bệnh viện vài tuần lễ và chỉ bốn tháng sau là trở ra tiền tuyến ngay.

Sau chiến tranh tôi vẫn chưa có chỗ cố định và không muốn trở về với công tác giáo xứ trong một thị trấn nước Anh. Lúc ấy tôi mới hai mươi tám tuổi, chưa có gia đình và cũng chẳng có gì phải vương bận nhiều khiến giữ chân tôi ở lại Anh. Theo tôi trong lúc còn trẻ trung và sức lực cũng nên hiến cuộc đời mình cho việc phụng vụ đến nhiều nơi khó khăn hơn và sau khi thảo luận với cha Giám mục, tôi sang Uìc theo chương trình huynh đệ Bush ở Queensland.

Tôi đã phục vụ cho chương trình này bốn mươi năm, đi lại rất nhiều nơi từ Cloncurry đến Toowoomba, từ Birdsville đến Burdekin. Trong suốt mười bốn năm, tôi chưa có chỗ ở cố định và thường không ngủ quá hai đêm ở cùng một nơi. Chương trình huynh đệ này trả cho tôi mỗi năm năm mươi Anh kim, số tiền này cũng đủ để may mặc và chi tiêu cá nhân. Tôi cũng được cung cấp một số tiền nhỏ để chi phí cho việc đi lại nhưng tôi chưa phải dùng tới. Dân chúng ở vùng xa xôi hẻo lánh hầu hết đều có lòng tốt muốn giúp tôi đi lại từ nơi này đến nơi khác trong các lễ nghi tôn giáo, cưới hỏi hay ma chay. Họ thường lấy xe hơi chở tôi đến một địa điểm tiếp theo. Vào mùa mưa, khi ngập bùn, xe hơi không đi được, họ lại cho tôi mượn một con ngựa, khoảng chừng ba tháng để tôi có tiếp

tục công việc cho hết mùa mưa.

Năm 1934 tôi bị đau ruột thừa ở một nơi tên là Goodwood gần Boulia; cách Longreach ba trăm dặm về phía tây có một bệnh viện. Vào thời ấy, chưa có bác sĩ lưu động bằng máy bay. Tôi được họ chở trên xe tải trong hai ngày. Thời tiết thì quá nóng nực, đường đi thì gập ghềnh, khó khăn lắm mới tới được bệnh viện. Đến được đây, tôi bị viêm màng bụng và gần chết. Tôi nghĩ mình cũng sẽ chết thôi nếu không nhờ công ty xe hơi Billy Shaw ở Goodwood chở tôi chạy suốt đêm. Sau khi phẫu thuật, thằng tôi trông thật thảm thương và khó mà bình phục trở lại. Vì vậy tôi miễn cưỡng xin thôi việc chương trình huynh đệ và trở về nước Anh. Đức giám mục hết sức nhân từ và sắp xếp cho tôi một đời sống khá thoải mái ở nhà thờ Thánh Peter thuộc địa phận Godalming và tôi đã định cư ở đây, rồi kết hôn với cô Ethel. Những năm mới lập gia đình, chúng tôi sống rất hạnh phúc và tôi đã dần lòng chứ không đã viết ra tất cả.

Ethel chết năm 1943, lúc chúng tôi chưa có con. Vào thời chiến, ở nước Anh, một mục sư có nhiều việc phải làm và tôi không cảm thấy tiếng gọi phục vụ quan trọng hơn khi chiến tranh chưa chấm dứt. Nhưng tôi cũng nhận ra rằng miền Godalming cần một mục sư có gia đình hơn là một người goá vợ và còn rất nhiều miền ở Queensland cần một người đàn ông có kinh nghiệm như tôi, đầu người đó đã năm mươi sáu tuổi. Tôi đã từ bỏ giáo khu và trở lại Uìc như là một mục sư trên một chiếc tàu biển di dân, và tôi thật sự nhận ra rằng chương trình huynh đệ còn muốn nhận tôi trở lại công tác đầu tôi đã lớn tuổi.

Chẳng bao lâu sau, tôi cũng nhận ra rằng công tác ở vùng xa xôi hẻo lánh dễ hơn nhiều trước đây mười năm. Chiến tranh đã làm đường sá thay đổi và cải tiến, có một điều là các đài thu và phát vô tuyến đã được sử dụng đại trà ở các nhà ga xa xôi hẻo lánh, do đó sự liên lạc đã dễ hơn nhiều. Điều quan trọng hơn cả là đã có nhiều người sử dụng máy bay, hầu như đâu cũng có phi trường, và những dịch vụ cho khách thường xuyên đã được mở. Tất cả những sự cải tiến này đã tạo thuận lợi cho một vị mục sư muốn phục vụ hết mình cho các tín đồ hơn là trước đây. Tôi cũng nhận ra rằng nhiều nơi ở trong quận của tôi ở có thể đến thăm dễ dàng, có thị trấn cứ sáu tháng tôi có mặt một lần, khác với trước đây phải mất hai năm mới tới được một lần như lúc tôi mới đến nước Úc lần đầu.

Năm 1950 ở xứ Tân Guinea bị khan hiếm trầm trọng các nhà truyền giáo. Có một lúc người ta bỏ đi hay vì bệnh tật nên chỉ còn một mục sư của Giáo hội nước Anh ở đây mà phải phục vụ một miền rộng một trăm tám mươi một ngàn dặm vuông ở Papua và lãnh thổ Ủy trị. Hình như tôi cũng đã nghĩ đến những nhu cầu quá lớn của họ so với nhu cầu ở Queensland và được sự thỏa thuận của chương trình huynh đệ, tôi đã tự nguyện đi đến đó một vài tháng để giúp đỡ họ giải quyết những khó khăn. Khi tôi đi máy bay đến cảng Moresby, tôi đã năm mươi chín tuổi, đối với công việc như thế này, tôi cảm thấy mình quá già, vì chẳng có ai khác dám đi. Trong một năm, tôi đã đi đến nhiều nơi trong xứ, từ con sông Fly đến Rabaul, từ các mỏ vàng ở Wau đến các đồn điền Samarai. Bây giờ tôi mới lo là

mình quá bất cẩn không mang theo Paludrine vì vào tháng chín năm 1951 tôi bị bệnh sốt rét nặng ở Salamaua và phải nằm viện đến mấy tuần lễ ở cảng Moresby, do đó cũng chấm dứt luôn công tác của tôi ở Tân Guinea.

Sở dĩ tôi nói đến chứng sốt rét bởi vì sau này tôi còn bị tái đi tái lại nhiều lần nữa, tuy có phần nhẹ hơn. Có một địa điểm mà trong các phần này tôi đã nói đến. Có người nói với tôi rằng khi chứng sốt rét đã bị một lần, vài năm sau có thể bị tái lại, trước khi dứt hẳn và lần tái phát này không mấy trầm trọng như cơn bệnh tôi đã bị lần đầu ở Salamaua. Tôi cũng biết là mình điều hành công việc tạm ổn tuy đang bệnh; nhất là vấn đề đi lại, có khi tôi cũng hoãn hành lễ trong một ngày và nằm cho mồ hôi toát ra. Tuy nhiên cơn đau đầu tiên quá nặng làm tôi yếu người hẳn đi, nên rời bỏ Tân Guinea mà chẳng mấy tiếc nuối, để trở về sống với các bạn hữu ở trên đồi Atherton Tableland phía sau Cairns thuộc miền Bắc Queensland, mong bình phục và khỏe mạnh trở lại.

Đức Giám mục vào thời ấy, vẫn đi lại đều trong Quận và Ngài đã viết thư đề nghị là sẽ đến thăm tôi và bàn bạc những chuyện mà tôi thấy chưa xứng đáng được Ngài quan tâm như thế. Tôi đi xuống Innisfail để gặp Ngài ở đấy vì tôi cảm thấy đã bình phục nhiều. Qua câu chuyện thân mật, Ngài đã đề cập đến tuổi tác của tôi và mong muốn tôi tiếp tục làm việc nhưng ít năng nổ hơn. Ngài nói là Ngài nóng lòng mở lại nhà thờ Giáo xứ Landsborough và muốn cử một Mục sư lo việc họ đạo tại địa phương. Ngài đã đề cập đến kinh nghiệm của tôi ở vùng nông thôn và hỏi nếu tôi bằng lòng sẽ cử tôi đến đấy vài năm để xây dựng lại tinh thần Giáo hội ở trong Quận ấy. Ngài cũng không mong tôi đi hết họ đạo rộng gần hai mươi tám ngàn dặm vuông, trong một vùng mà dân cư thưa thớt, vì Ngài hy vọng trong một năm thôi là có một mục sư trẻ về thay thế. Dĩ nhiên vấn đề tài chính là một vấn đề khó khăn cho nhà thờ, nhưng Ngài nói là sẽ gởi cho tôi một chiếc xe tải trong vài tháng tới, mặc dầu nó đã hơi cũ. Xe chẳng thấy tới, nhưng tôi đã điều hành tốt mà không có xe.

Landsborough là một thị trấn nằm phía trên vịnh Carpentaria, người ta thường gọi là Gulf Country. Cách đây năm mươi năm, thị trấn rộng hơn bây giờ. Thời săn vàng bùng nổ, cả thị trấn có chừng hai mươi lăm khách sạn, hầu hết là quán nhậu, nhưng bây giờ chỉ còn lại hai. Có chừng tám mươi cư dân da trắng ở đấy gồm cả đàn ông, đàn bà và trẻ em và một số dân da đen độ hai ba trăm người trời sụt bất thường, họ sống trong điều kiện đáng thương, trong các túp lều che bằng các tấm sắt rỉ, ở ngoại ô thành phố. Nơi ấy cách Cloncurry hai trăm dặm và cách Cairns và thị trấn Townsville về phía biên năm trăm dặm bằng đường hàng không. Ở đấy có một bệnh viện điều hành bởi hai chị em cô y tá và một nhà riêng cho bác sỹ mặc dầu từ trước tới giờ chẳng có bác sỹ nào bị lôi cuốn về thực tập ở đấy. Gặp trường hợp khẩn cấp, người ta gọi về Cloncurry và bác sỹ cứu hộ sẽ đến bằng máy bay. Trong chiến tranh người ta xây ở đấy một phi trường thật tốt và mỗi tuần một lần cũng có máy bay chở thư và đồ tiếp tế đến.

Nhà thờ ở Landsborough thuộc loại kiến trúc rất đơn giản, phía ngoài đóng bằng cây, mới được xây

dựng lại cách đây ba mươi năm sau một vụ cháy rừng. Tôi thấy nhà thờ được trang bị quá sơ sài nên định bụng nếu nhận được chút ít tiền là tôi sẽ sơn trang và ngoài luôn thể. Nhà thờ chỉ có ghé dựa chứ không có ghé dài hành lễ và đây cũng có cái lợi vì cứ hai hay ba tháng một lần, chúng tôi có đoàn chiếu bóng lưu động ở Landsborough và chúng tôi có thể đem những ghé dựa này ra khỏi nhà thờ đặt trong sảnh Shire hay trước sân nhà sách Duncan vào mùa nắng. Cá nhân tôi cũng thấy tiện lợi nữa, vì trong tòa Cha sở chẳng có ghé bàn gì cả, nếu có ai đó muốn đến gặp tôi, tôi có thể đến nhà thờ mượn ghé và trả lui cho buổi lễ sau.

Cả nhà thờ và tòa Cha sở chẳng được ai ngó ngàn tới, bởi vì vị mục sư cuối cùng bị rắn cắn chết năm 1935 và từ đấy chẳng có mục sư sở tại nào ở Landsborough cho tới khi tôi tới nhận việc vào mùa thu 1952. Dĩ nhiên, nhà thờ thỉnh thoảng cũng được sử dụng để làm lễ do các Mục sư vắng lai. Còn chính bản thân tôi sử dụng nhà thờ trong rất nhiều dịp khi tôi có mặt ở trong Quận, để mong tìm hiểu những gì thuộc địa phương Landsborough. Tôi rất hoan hỉ được đi trên đó, bởi vì tùy theo những chuẩn mực của nước Anh, nhưng không còn nhiều đối với một giáo xứ. Có lẽ theo chuẩn mực của nước Anh, tôi không mấy giống một mục sư. Theo tôi đó là một nơi tôi có thể tiếp tục tiến hành công tác đã quen thuộc và cũng từ đấy tôi có thể góp nhặt một số sách mới, cũng như được sống thoải mái và tương đối tiện nghi. Dầu cho đã trình bày với đức Giám mục, tôi cũng phải nhận ra rằng, cá nhân tôi không còn là người đàn ông trước khi bị bệnh sốt rét. Tôi hy vọng cơn bệnh sẽ qua đi và thể lực sẽ được phục hồi. Tôi hy vọng như thế vì có quá nhiều việc để làm mà quỹ thời gian chẳng còn bao năm nữa.

Đức Giám mục, khi tôi gặp Ngài ở Innisfail, đã cấm tôi không được tiếp tục cuộc sống ở Landsborough cho đến tháng Tư khi mùa mưa đã dứt ở vùng Gulf Country. Lúc ấy tôi cũng hơi bực mình nhưng nghĩ lại tôi thấy Ngài đã hành động khôn ngoan khi thấy vẻ suy nhược của cơ thể tôi và tình trạng của tòa Cha sở. Trong mười bảy năm qua kể từ khi cái chết của vị mục sư cuối cùng, cũng đã có lúc có chút ít tiền để sửa chữa khi thì nhà thờ, khi thì tòa Cha sở. Về phía nhà thờ, cũng đã chi tiêu một số tiền để giữ cho mái nhà khỏi bị bọn mối phá hoại. Về phía tòa Cha sở, những năm ấy chẳng tu sửa gì nhiều, hầu hết mái nhà lợp tôn đã bị rỉ sét, các cửa sổ chỉ còn một ít kính thôi. Tuy vậy tôi đã mua tôn mới ở Atherton và đem theo về trên xe thơ khi tôi đi Landsborough vào tháng tư. Quá tốn kém nên tôi nghĩ tốt hơn là để cửa sổ trống như vậy, hơn nữa vùng nhiệt đới đâu cần bỏ kính vào cửa sổ.

Phải mất năm ngày, xe thư báo đi từ Cairns đến Landsborough vì chúng tôi đã phải dừng lại ở rất nhiều nơi. Hơn nữa, vào tháng Tư, đang là đầu mùa nên đường xá chưa được khô ráo, một ngày chúng tôi bị sa lầy ba lần gần sông Gilbert. Đối với tôi, thật quá dài ngày vì tôi mong muốn trở về chỗ ở để bắt đầu công việc của họ đạo. Cuối cùng chúng tôi cũng lái xe về được Landsborough và bỏ túi xách tay các tấm tôn trước mặt nhà thờ. Lúc ấy tôi mới nhận ra rằng tòa Cha sở không còn lạnh

lặn như tôi nghĩ. Phía trước có hai phòng và một bao lon nhưng mỗi đã đục hư bao lon của một phòng. Tuy nhiên phòng kia vẫn còn tốt và tôi chỉ cần có thể. Tôi bỏ tấm lợp lên và đóng đinh trên kèo mái nhà và nhờ sự giúp sức của cảnh sát viên Jim Phillips và một người da đen, một trong những cộng tác viên của anh cảnh sát, tên là Sammy Ba, để phân biệt với các anh Sammy khác. Họ đều là những người lương thiện và đã mang đến cho tôi những hộp đựng đồ và những két bia phế thải, vì trong tòa Cha sở chẳng có một vật dụng nào. Chỉ trong vài giờ, tôi đã được trang bị khá tiện nghi, chiếc giường bố được mở ra, túi xách tay bỏ trên đầu giường có mùng phủ lên. Một ghế dựa mượn từ nhà thờ, một thùng đựng đồ dùng làm bàn viết có cây đèn bão trên ấy và một kệ sách làm bằng thùng bia có độ nửa tá sách tôi thường đem theo và cái rương bằng thiết tôi đựng áo quần.

Họ đạo của tôi rất lớn. Nó chạy về hướng Nam một trăm sáu mươi dặm, về hướng Tây gần địa giới Northern Territory một trăm hai mươi dặm, về hướng Đông theo hướng Normanton độ năm mươi dặm. Cũng có thêm hai nhà thờ nữa là nhà thờ thánh Mary ở Leichardt Crossing và nhà thờ Thánh Du đã ở Godstow. Nhà thờ Thánh Mary được sửa sang tươm tất vì nhỏ và chỉ đủ chỗ cho hơn mười lăm con chiên, nhà thờ ở trong trại nuôi gia súc Horizon, nên ông quản đốc, ông Kim Bell, thấy cần phải giữ cho tươm tất. Còn nhà thờ Thánh Du đã, chẳng khác gì một đồng đồ nát, nhưng tôi cố tình tạo thêm một địa điểm hành lễ một năm hai lần và tôi cũng hy vọng trong vài tháng tới có thể kiếm ra một số tôn lợp mái.

Những tháng tạnh ráo trong năm từ tháng Tư cho đến cuối tháng Mười một, tôi có thể đi đây đi đó trong họ đạo một cách dễ dàng. Dĩ nhiên là những con đường chưa được rải đá, bên Anh người ta gọi đó là đường dành cho xe bò, nhưng trong xe tải trung bình mười lăm cây số giờ nên họ đạo của tôi nằm dài khoản hai ngày đường mới đến tòa Cha sở. Tuy nhiên, vào mùa mưa, việc di chuyển thật là khó khăn. Trong ba tháng lượng mưa lên đến năm mươi hay sáu mươi phân. Những con sông khô cạn vào cuối năm trở thành những thác nước mênh mông và phần lớn miền quê chìm trong nước lũ. Vào mùa mưa chẳng có xe có động cơ nào có thể di chuyển một trăm mét ra ngoài thị trấn mà không bị sa lầy cho nên ở miền quê này sự di chuyển cũng ít thôi. Vào tháng Mười một, các quản lý trại chăn nuôi gia súc đã mua ở cửa hàng những thứ cần dùng trong bốn tháng, nên họ ít khi có mặt ở Landsborough trước đầu tháng Tư. Chỉ có ngựa là phương cách duy nhất để đi lại trong xứ vào lúc ấy nếu cần phải đi, nhưng cá sấu cũng là mối nguy hiểm đáng kể trong cơn lũ và cơn mưa dai dẳng làm cho người trong họ đạo bực bội hơn.

Cũng giống như tất cả các giáo xứ trên thế giới, giáo xứ Thánh Peter, Landsborough, có những vấn đề hết sức đặc biệt. Ôu Landsborough, chỉ có mười chín gia đình da trắng, trong đó có bảy gia đình theo đạo Thiên Chúa La Mã, cho nên phần lớn công việc của họ đạo địa phương chỉ xoay quanh trường học, bệnh viện và văn phòng bảo vệ thổ dân Úc. Tuy nhiên, thị trấn là trung tâm giao dịch của một số trại chăn nuôi gia súc toàn vùng gộp lại. Trại nhỏ nhất cũng rộng tám trăm dặm vuông, và lớn

nhất cũng trên ba ngàn. Các quản lí và các trại chăn nuôi gia súc này tổng cộng phỏng chừng một trăm người Âu và gấp đôi số người này là người lai và thổ dân những người này giúp việc ở các trại chăn nuôi rất giỏi. Do công việc làm ăn nên những người da trắng làm việc tại các trại chăn nuôi, thường xuyên ở thị trấn và họ Ở lại ban đêm trong khách sạn. Còn tất cả những người ở vùng quê chỉ đến thị trấn một năm hai lần vào mùa khô trong các cuộc họp mặt để xem các cuộc tranh tài. Mỗi cuộc họp kéo dài trong bốn ngày và thị trấn đầy đàn ông ngủ khắp mọi nơi, trên giường ngủ, ngoài bao lon, trong phòng chứa đồ hay trên đất bãi cỏ ngựa, quán mình trong túi xách tay, say xỉn hay tỉnh rượu, nhưng thường là say xỉn.

Một Mục sư đến sống trong trị trấn như thế này, Mục sư đầu tiên đã mười bảy năm qua, ắt phải hành động rất thận trọng. Vấn đề nhậ nhệ của các thị trấn xa xôi như Landsborough không phải là dễ giải quyết. Đúng thì không hẳn đúng mà sai thì không hoàn toàn sai trong những cộng đồng như thế này. Landsborough nằm ở mười bảy độ tính từ xích đạo, thật sự rất nóng vào những khoảng thời gian nhất định trong năm. Những nơi như thế này cơ thể đòi hỏi một lượng nước bốn lít mỗi ngày để thay thế cho sự thiếu hụt vì bốc hơi. Vào mùa viêm nhiệt, có vài loại thức uống ngon hơn và đã khát hơn loại bia nhẹ và lạnh của Úc. Hai quán rượu trong thị trấn là nơi gặp gỡ thường xuyên của đàn ông từ các trại nuôi gia súc này. Thật ra đây cũng là nơi độc nhất ở Landsborough mà bọn đàn ông thường lui tới gặp nhau và hàn huyên về công ăn việc làm. Nếu một người làm công cho các trại ấy ở xa trong miệt rừng về thị trấn để gặp bạn bè nghe ngóng có tin gì mới, anh ta có thể la cà suốt ngày trong quán rượu, vì cũng chẳng có chỗ nào khác mà đi. Và rồi, sau khi tâm trí khát khao tin tức và sự kết bạn đã được thỏa mãn, sau khi nhậ say, anh ta nằm phía sau xe tải, đánh một giấc ngon lành, thử hỏi vị mục sư có lấy lời rao giảng mà phản đối quyết liệt hay không? Tôi không biết phải nên làm hay không. Tôi chỉ biết rằng tôi chưa bao giờ hành động như thế.

Tôi đã bắt đầu một cách từ tốn và khá thận trọng ở Landsborough. Trong tuần lễ đầu, tôi đã thăm viếng từng gia đình da trắng trong họ đạo của tôi và dành một ngày Chủ Nhật cho các em học sinh. Tất cả đều tốt đẹp và hiện tại tôi có vài gia đình đến cầu kinh vào buổi sáng. Tôi nhận ra rằng cũng như tôi đã kinh nghiệm ở những nơi khác, một nửa người lai da đen và da trắng mộ đạo hơn những người trắng thuần chủng. Hiện tại tôi đã bắt đầu các buổi lễ ngắn cho các em học sinh, mỗi buổi sáng, năm phút trước khi đến trường, gồm một bài hát lễ, một đoạn ngắn kinh thánh. Nhiều học sinh đến dự vì nhà thờ nằm trên đường đến trường. Mỗi buổi sáng tôi thường đến bệnh viện và những túp lều sắt rỉ của người da đen vào buổi chiều và cũng bỏ ra nhiều công sức đáng kể để liên lạc thư từ, cố gắng xin cho được một máy chiếu phim cũ cho thị trấn ngõ hầu làm cho họ xao lãng với các quán rượu.

Những điều trên cũng tạm thành công nhưng chưa có hiệu quả mấy trong việc đánh động các vấn đề xã hội chính trong Quận liên quan tới phái nam. Tôi có mặt ở Landsborough chưa đến sáu tuần lễ thì

cuộc tụ tập đầu tiên để xem những cuộc tranh tài đã đem tất cả những người làm công cho trại chăn nuôi gia súc về thị trấn cùng một lúc. Vào lúc ấy, tôi đang dùng bữa tại khách sạn buru điện, khách sạn lớn nhất trong hai cái, do Bill Roberts và vợ điều hành. Nấu ăn cũng không mấy thuận tiện trong toà Cha sở. Buổi sáng tôi có thể dùng cái bếp Primus để nấu ấm nước sôi pha cà phê, chứ bữa trưa và tối thường đến khách sạn, thay đổi từ khách sạn này sang khách sạn kia hằng tuần để tránh bực mình. Trong bốn ngày liên tiếp khách sạn sống trong cảnh hỗn loạn ồn ào. Thường thường trong mười phòng ngủ thì chỉ có một hay hai phòng là có khách, nhưng đây là tuần đua ngựa nên ông Bill Roberts xếp thêm mười bảy giường ngủ ở bao lơn và khách sạn kia cũng nhiều khách như thế. Trò đu quay cho trẻ em được đưa từ Cloncurry đến dựng tại trục lộ chính, ở đây tiếng om sòm của loa phóng thanh làm át tiếng nhạc của buổi khiêu vũ “ cá hộp” hằng đêm cho mãi đến một giờ sáng và tiếng loa vọng đến cánh rừng cách đây cả mười dặm. Hai người bán hàng rong xe tải đến và mở thành hai cửa hàng và để tạo cho khung cảnh rạng rỡ thêm, chiếc xe chiếu bóng lưu động cũng đến, đó là một trong những cuộc thăm viếng bất thường, trình chiếu những phim mà tôi đã xem mười năm trước ở Godalming xa xôi, về phía bên kia của địa cầu. Cô giáo Foster cũng đóng cửa trường và tất cả thị trấn đều đi xem các giải đua ngựa.

Cuộc tập trung đua ngựa ở Landsborough có một hay hai nét đặc biệt khác với cuộc đua ngựa ở Ascot. Tất cả ngựa đua phải được nuôi ở trong Quận đến trực tiếp từ các trại chăn nuôi gia súc, và dĩ nhiên không được chải lông, và đôi khi chúng lăn bùn cũng để dơ như vậy. Nài ngựa từ các trại chăn nuôi súc vật được tổ điểm bằng những màu sắc cho cuộc đua thêm rực rỡ, mỗi người cỡi một con ngựa do mình chọn ra từ hai hay ba trăm con từ bãi giữ ngựa của trại chăn nuôi và tin tưởng lạc quan con ngựa ấy sẽ thắng giải Melbourne Cup. Đường đua chỉ được phát dọn sơ sài ở trong rừng, các cột trụ và hàng rào để tự nhiên, các cây con chẳng tỉa xén gì cả, chỉ cắt cụt đọt hàng trăm thước. Trung tâm đường đua là sân bay và chiếc máy bay cứu hộ đậu ở đây phòng trường hợp tai nạn, và còn có một lý do trần tục khác nữa, phi hành đoàn đang bận sát phạt nhau để trả tiền xâu cho chiếc máy bay. Chẳng có bụi cho khán giả đứng xem, nhưng trên vạch khởi hành và rào cản có mái che thô sơ bằng cành cây bạch đàn để tạo ra ít bóng mát. Ngựa đến trong ngày cuối của cuộc đua được buộc vào bãi giữ ngựa. Cái nắng gắt gao cứ ào ào đổ xuống, bia cứ ào ào chảy và bụi vẫn bốc lên ngùn ngụt. Tôi đến thăm cuộc đua ngựa cùng bà Roberts và người tớ gái da màu, một cô gái mười bảy tuổi tên là Coty. Chúng tôi đến có hơi muộn vì hai người ấy phải phục vụ hơn sáu mươi thực khách phải ăn nóng, nấu trên kiểu bếp xưa trong mái che và ngoài sân còn hơn cả trăm thực khách nữa đang đợi. Thành thật mà nói cũng nên ở lại giúp họ rửa bát đĩa, cho nên hơn ba giờ chiều chúng tôi mới đến trường đua. Tôi cũng quen biết khá đông quản lý và nhân viên trại chăn nuôi thời ấy nên đã vui vẻ ở lại với họ suốt cả buổi chiều, cụng ly bia với cứ ba người một và theo lời khuyên của họ, mỗi cuộc đua lại bỏ ra hai ngàn vào máy tính tiền.

Vào cuối cuộc đua cuối cùng, tôi gặp Stevie lần đầu tiên trong đời, tôi đang đứng với nhóm Jim Maclaren, quản lý trại Beverly, thì thấy một ông già rách rưới khật khưỡng đi về phía tôi. Ông ta mặc áo sơ mi bần thiêu không có cổ, áo không cài cúc để lộ bộ ngực xương xẩu và cái quần dài bằng vải thô khá bần buộc lại bởi một sợi thắt lưng bằng da có kẻ hở để dắt dao nhọn và một túi da để đựng hộp quẹt bằng thiết. Đầu không đội nón, nước da sạm nắng, người gầy, bộ mặt khó ưa, chân đi đôi giày cỡi ngựa hai má bên bằng cao su đã mòn nhẵn. Râu ria chằng cạp lại nhậ hơi nhiều. Thật ra, dường như ông ta chỉ xin vào những lúc có lẽ lược gì quan trọng.

Ông ta đi về phía chúng tôi, dừng lại nhưng thân hình vẫn còn chao đảo và nói:

- Cha là Mục sư mới?

Phải :

Tôi trả lời và chìa tay về phía ông ta :

- Tôi tên là Roger Hargreaves.

Ông ta nắm bàn tay tôi và cứ lắc hoài mà không thả.

Roger Hargreaves,

Ông ta trịnh trọng nói. Ông ta dừng lại một chút như để suy ngẫm điều gì :

- Đúng là tên của cha rồi!

Vâng tên của tôi đấy! :

Tôi trả lời :

Tôi biết mọi người quanh tôi cũng mỉm cười xem sự thể một mục sư mới đang phản ứng với một ông già say rượu.

Dừng được một lúc ông ta nói tiếp.

Tôi biết rõ rồi đấy, thưa cha Roger Hargreaves. Họ gọi cha như thế mà !.

Đúng đấy :

Tôi nhấn mạnh thêm :

- Tên tôi đấy !

Ông ta đứng bất động, còn nắm bàn tay tôi, trong lúc ý nghĩ của ông ta đã thay đổi Con có nghe nói về cha, một người gốc Anh, chắc cũng ghê gớm lắm!

Ê, im cái miệng anh lại

- Jim Maclaren đứng cạnh tôi nói :

Cha Hargreaves đã ở Queensland hai mươi năm rồi. Stevie, anh biến đi cho và cần nhậ thêm bia thì cứ việc! Tôi đã gọi cho anh rồi!

Cha Hargreaves :

Ông già càu nhàu, vẫn còn cầm tay tôi :

- Nếu cha nói đúng, tại sao anh không gọi bằng tên mà gọi bằng họ?

Thì cha nói đúng chứ sao! :

- Jim trả lời :

Tôi gọi cha Hargreaves vì cha là một mục sư. Anh biến mà đi nhậu bia cho người ta nhờ!. Nói với Albert là tôi đã gọi bia cho anh đấy. Một phút nữa tôi sẽ đến.

Tôi quay sang phía Jim:

- Ông ta cũng đúng thôi! :

- Rồi quay về phía ông già tôi hỏi :

- Tên anh là gì?

Stevie, Ông ta trả lời.

Stevie gì?

Stevie :

Ông ta lập lại :

- Tôi là Stevie còn cha là Roger. Để bia đó cho tau, thằng bạn chí cốt.

Ông ta lắc mạnh tay tôi, nhìn chòng chọc vào mặt tôi, mùi bia nồng nực phả vào mũi tôi Bạn bè cả mà, phải không cha?

Đúng vậy,

- Tôi trả lời :

- Anh là Stevie và chúng ta là bạn.

Cuối cùng ông ta thả tay tôi ra và vẫn còn lảo đảo trước mặt chúng tôi. Ông ta quay về phía Jim.

Cha nói đúng cho dầu cha có là gốc Anh đi nữa! :

Ông ta quay về phía tôi đầy thiện chí :

- Cha cá cược con ngựa nào?

Tôi mỉm cười:

- Tôi là mục sư, hai lần hai ngàn là quá lắm rồi!. Tôi nghĩ Frenzy sẽ thắng.

Đừng đánh con đó :

Ông ta phản đối :

- Cha đánh con Ô Lạc đi cha, đánh con Ô Lạc là trúng chắc!

Anh điên rồi sao Stevie? :

- Fred Hanson nói :

- Này lại đằng kia, tôi kêu cho lon bia!

Anh ta xách bỗng cánh tay ông già lôi về quán rượu.

Tôi nhìn Jim Maclaren, cả hai chúng tôi cùng cười. Tôi hỏi:

- Ai vậy?

Stevie? À, anh ta luôn luôn thế. Anh ta sống với một người Hoa cách đây mười dặm. Giờ chẳng còn

làm được vì quá già. Ngày trước, một thời cũng là tay tháo vát, người ta bảo thế. Nghe nói cách đây lâu lắm có làm quản lý cho trại Wonamboola :

Anh ta nhìn tôi ngần ngại nói tiếp :

- Thịnh thoảng cũng gây phiền hà một chút.

Tôi quay lại nhìn bảng tổng kết tiền sau lưng chúng tôi. Vào lúc ấy chỉ có một người đánh cá con Ô Lạc.

Đánh con Ô Lạc có được không? :

- Tôi hỏi Anh ta đùa đấy! :

- Jim trả lời :

- Cha cứ yên tâm với con Frenzy đi!

Tôi bỏ đi trước khi cuộc đua bắt đầu để xem cho biết những con ngựa chạy nước kiệu đến điểm xuất phát. Frenzy là con ngựa độc nhất với giống rất lạ. Ô Lạc thì gầy nhom, có vẻ đói khát với cái đầu to tướng và móng nhỏ. Tôi đi về phía bảng tổng kết tiền cá cược, vẫn chỉ có một người ủng hộ cho ý kiến của Stevie, trong lúc hơn bốn chục người khác đánh cá cho con Frenzy. Bài toán chia, chắc chắn tỉ lệ thắng rất mong manh. Tôi nghĩ đến ông già Stevie mà tôi chắc chắn rằng ông ta sẽ hỏi tôi đánh con nào và y như rằng hai lần tôi phải cá cho được con Ô Lạc. Đôi khi tôi cũng nghĩ rằng địa điểm đua ngựa Ascot còn thiếu một điều gì đó nên không thể thành công như Landsborough. Anh Tommy Ford đang cưỡi con Frenzy và anh quyết định phải thắng cho được cuộc đua này. Mỗi lần xuất phát, anh quát ngựa vụt nhanh về phía trước nên đã làm hỏng đến sáu lần, phải xuất phát lại, vì tiến quá đà. Mỗi lần như thế, các con ngựa đều nhảy chồm lên và đứng trên hai chân sau làm cho người nài ngựa mất thăng bằng, nên người ban lệnh xuất phát thủ sẵn một hòn đá trong tay. Lần xuất phát thứ bảy, anh ta vụt mạnh hòn đá vào anh Tommy để kiểm tra còn xuất phát sớm thì lãnh đủ nhưng hòn đá nặng gần một kí chỉ đi sót qua tai trong gang tấc, nhưng một con ngựa khác lại làm hỏng cuộc xuất phát. Vào lần xuất phát thứ tám, Tommy lại lướt đi nhanh một lần nữa và người ra lệnh lại ném một hòn đá khác, lần này nó xẹt qua đầu Frenzy ở giữa cự ly hai lỗ tai và trúng ngay ngực của Tommy. Frenzy giật mình vì cú ném hụt, miệng bị giật mạnh, chạy thẳng vào bụi cây bên đường. Cuộc xuất phát lần này thành công nhưng Frenzy lạc đường chạy, đến năm mươi mét và đâm phải con Daisy Bell ngã xuống, trên chân con Coral Sea, đang do dự thì con Frenzy nhảy qua dây hàng rào thấp làm bằng cây bạch đàn. Tommy đứng thẳng trên bàn đạp, vừa quát roi, vừa chửi đổng. Còn lại một mình con Ô Lạc đua tài với một con ngựa cái nhỏ bé tội nghiệp tên là Cleopatra và cuối cùng Ô Lạc đã thắng vì dài đòn hơn. Tôi thu được cả thảy hơn trăm ngàn.

Tôi nhìn quanh tìm kiếm Stevie, nhưng chẳng thấy ông già đâu cả. Tôi cũng mừng thầm, vì nếu gặp ông ta, tôi không thể tránh khỏi mời một chầu bia, mà ông già thì đã say khướt. Sau đó Jim nói cho tôi biết, ông ta đã ngủ say trong một chuồng ngựa, trong một hốc tối. Hầu hết ngựa trong chuồng đều

đi tham dự cuộc đua có các công nhân của trại giám sát qua đêm. Khi Stevie thức dậy, trời còn tối và đầy sao, đó là một đêm tuyệt vời ở Queensland, trời hơi se lạnh, nhưng rất dễ chịu. Khi sao đã lặn về phía chân trời, đó là lúc ngủ thích thú nhất trên đất lạnh. Mấy cậu nhóc da đen nhóm một bếp lửa và nói chuyện khào. Chúng mang lại cho Stevie cốc cà phê nóng nấu bên lửa và một đĩa thịt. Ăn xong Stevie bỏ đi về phía thị trấn để đến quán rượu.

Đêm ấy tôi không còn gặp Stevie nữa. Uống cà phê ở khách sạn xong, tôi giúp họ rửa bát đĩa. Sau đấy tôi trở về toà Cha sở, nhưng khi đi qua quán rượu, Jim Maclaren thấy tôi, thế là tôi buộc phải vào uống với họ, và trả một xuất vì tôi thắng cá ngựa. Tôi vỡ lẽ là cuộc cá ngựa của tôi là đề tài cho họ tranh cãi tối hôm ấy, không chỉ một trận đua cuối làm cho họ vui say giải trí mà là tất cả những ai đang la cà ở quán rượu, trong đó có Tommy Ford. Nhưng họ thật sự bày tỏ niềm vui một cách vô tư vì biết một vị mục sư đã mất công theo dõi một cuộc đua ngựa từ đầu chí cuối mà chỉ trúng có một trăm ngàn bạc. Miền Bắc Queensland là nơi thương nhiều nếu chịu khó cá cược.

Tôi cố gắng tìm hiểu thêm về Stevie, trong thời gian gần nửa giờ, tôi có mặt ở quầy rượu, trước khi tôi trở về lại giáo phận, để khỏi phải ân hận, nhưng vẫn không tìm được gì khác hơn. Ông ta là người lớn tuổi nhất trong số đàn ông có mặt ở đây và ông ta cũng đã cư ngụ tại Gulf Country từ thuở nào đến giờ mà cũng không ai nhớ ra. Chỉ có một truyền thống vẫn còn giữ đối với người phi công lái máy bay cứu hộ mà Stevie đã phục vụ Ở không lực Hoàng gia trong thế chiến 14 :

- 18 và ông ta đã là sĩ quan hoa tiêu. Người ta còn cho biết là ông đã từng làm quản lý cho trại chăn nuôi gia súc Wonamboola trong những năm 1920, có lẽ là sau chiến tranh, nhưng chẳng có cá nhân nào già đến như thế để kể lại mọi chuyện. Rồi sau đó ông ta bỏ núi xuống đồng bằng, khi thì làm nghề đóng yên cương, khi thì nấu bếp cho các trại nuôi gia súc khác nhau vào các thời điểm khác nhau. Chẳng ai trong quán rượu biết được họ của ông ta và cũng chẳng có người nào biết được bà con thân thuộc của ông ta cả. Ông bây giờ là người thất nghiệp, nhưng cũng có chút lương hưu, lâu lâu lại đến bưu điện lấy ra. Ông ta sống với một ông già Tàu tên là Liên Chi, làm chủ một vườn rau cách thị trấn mười đến mười hai dặm. Ông già Stevie giúp bạn làm vườn để tự nuôi sống. Hai người đều độc thân. Stevie không bao giờ có tiền trong túi, vì có thói quen là, mỗi lần đi bưu điện, là thẳng đến quán rượu, để uống cho hết số tiền hưu, trước khi về nhà, nhưng khi áo quần ông già quá tàn tẽ, Trung sỹ Donovan, thuộc lực lượng cảnh sát mã vận đã đợi sẵn ở ngoài bưu điện, đưa ông đến cửa hàng bách hoá, mua cho ông một cái quần dài mới trước khi để ông đi vào quán rượu.

Tôi cũng hiểu một chút ít về ông già Liên Chi bởi vì ông chính là nguồn rau cải tươi sống của Landsborough. Vào thời ấy, tôi chưa được thấy căn nhà của họ nhưng sau này tôi đã đến thăm rất nhiều bận. Nhà của ông Liên Chi ở giữa hai hồ nước dài cách trại chăn nuôi Dorset Downs cũng khá xa và cách các nhà vườn khác độ mười lăm dặm. Hai hồ nước này thật ra là một phần của con sông chảy vào mùa mưa và nối với hạ lưu của sông Dorset. Vào mùa khô, vùng đất giữa hai hồ nước rất

phì nhiều vì nó tiếp cận với nước khi cần làm thủy lợi. Ở đây ông Liên Chi trồng được hai ba sào gì đó, đủ các loại rau cải. Ông ta có cối xay gió bằng sắt đã cũ để bơm nước, và ông làm việc từ rạng đông cho tới tối mịt. Ông cũng có dựng một căn nhà trên một nong đất gần đấy, cao hơn mức nước lụt. tuần hai lần thứ Tư và thứ Năm, ông tự mình đánh chiếc xe bò hai bánh do con ngựa già kéo, về thị trấn bán rau cải và rồi đi thẳng về nhà chẳng ghé lại quán rượu vì ông không uống.

Sáng hôm sau tôi đã gặp ông già Stevie trên đường khi tôi đến Bệnh viện. Quán rượu đến mười giờ mới mở cửa nên trông ông ta có vẻ thê thảm, mắt thì đỏ ngầu, tóc thì dính bết lại, bàn tay run run. Chắc chắn là ông ta vừa ngủ dậy đầu đó vì áo quần bết bẩn cả đất và bên vai trái còn dính ít phân gà. Tôi dừng lại bên cạnh ông ta và nói:

- Tôi đánh trúng con Ô Lạc. Nhờ anh đấy.

Ông ta liếm môi nói:

- Cha may thật!. Họ kháo nhau đêm qua trong khách sạn. Phải cha Roger đó không?

Tôi đây mà! :

Tôi trả lời :

- Roger đây, còn anh là Stevie?

Về chỗ cha làm một châu đi cha.

Không được đâu :

Tôi trả lời :

- Tôi chẳng để rượu ở toà Cha sơ.û Tôi ngừng lại một lúc để nói vì nhìn thấy vẻ mặt buồn bã của ông ta.

Quán rượu mở cửa mười giờ mà!

Còn lâu :

Ông ta trả lời :

- Thằng chủ trước còn khá hơn thằng cù lần này. Giờ nào hấn cũng bán cho mình uống. Thằng này quá sợ cảnh sát!

Tôi có câu chuyện muốn nói với anh. Hãy đến chỗ tôi đã, căn nhà đầu tiên phía bên này của nhà thờ. Anh cứ tắm rửa và giặt giũ áo quần cho sạch sẽ. Thế nào cũng khô trước mười giờ. Mau thôi mà! Tôi có việc phải vào bệnh viện và về giờ đó, tôi sẽ khao anh một châu về con Ô Lạc.

Như vậy cũng nhanh thôi :

Ông ta nói :

- Phía nhà thờ hả cha?

Đúng đấy :

Tôi trả lời :

- Có cả xà phòng và mọi thứ ở đấy. Cả dao cạo nữa nếu anh muốn. Tôi sẽ trở về trước mười giờ và

rồi chúng ta sẽ trở lại đây cùng uống bia.

Tôi đi về phía bệnh viện, không nhớ ra là để làm gì và bệnh nhân là ai nữa. Tôi không mất công chờ trong khoa, tôi gọi khoa cho về lịch sự, chứ thật ra không quá ba phòng, trong mỗi phòng chỉ có hai giường. Khi tôi sắp rời khỏi khoa, xơ Finlay mời tôi nán lại dùng cốc trà nóng. Họ thường mời tôi trà sáng khi tôi đến bệnh viện.

Tôi đi vào phòng khách thì đã thấy cô Y tá Templeton đang rót trà ra tách. Chỉ vồn vẹn có hai người điều hành nơi đây.

Tôi nói:

- Tôi không nán lại ở đây được đâu. Stevie đang đợi tôi ở nhà.

Lạy Chúa! :

Xơ Finlay nói :

- Ông ta làm gì ở nơi cha vậy?

Tắm :

Tôi trả lời.

Y tá Templeton nhìn lên cười khúc khích nói:

- Ông ta cũng thường đến đây tắm luôn cha ạ!

Thế hai cô thường gặp ông ấy không? :

Tôi hỏi Có lẽ là không :

Xơ Finlay trả lời, vừa thờ dài :

- Ông già ấy ghê gớm lắm! Khi thì say bí tỉ, khi thì uỳnh lộn, có khi bị té ngựa, bị thương cùng mình.

Rồi ông ta tới đây và bọn con đã vá víu, băng bó cho ông ta. Vừa rồi ông già đến ngủ sau trại Jeff Cumming bị chó của ông Jeff cắn vào cánh tay.

Mời Cha dùng trà :

- Y tá Templeton nói tiếp :

- Nếu ông ta không bậy mùi hôi thối như thế thì Xơ Finlay cũng không muốn trêu tức ông ta làm gì!

Xơ Finlay lại nói tiếp:

- Con bảo ông ta đi tắm cho sạch , con mới băng cánh tay cho. Còn chị Templeton lại lo giặt áo quần cho ông ấy. Mặc vào trông ông ta bảnh như một chú lính mới tồ te! Nhưng ông ta lại không muốn đàng hoàng như vậy. Ông ta cũng quậy phá chút ít phải không?

Xơ lại gật đầu:

- Khi không uống rượu, ông ta cũng đàng hoàng ra phết. Hình như ông ta cũng không phải là xấu xa cho lắm. Nhưng rượu đã làm cho ông ta biến thành người như thế và ông ta cứ phải tiếp tục uống.

Chỉ có rượu, chứ có thứ gì khác nữa đâu!

Xơ lại nói:

- Ông ta sống tận trong rừng với một người Hoa, sống bằng nghề trồng rau cải, ở đâu gần Dorset Downs.

Cha có nghe nói, cũng định bữa nào đi thăm hai người ấy.

Xơ liếc nhìn tôi rồi ngần ngại nói:

- Con không chắc hai người ấy là tín hữu của mình, thưa cha :

Rồi Xơ nói tiếp :

- Nếu cha định đi thăm họ, Cha nên cân nhắc điều này. Riêng Stevie thì con không biết, nhưng Linh Chi là người theo đạo Aán độ hay Phật giáo gì đó vì có tượng thờ trên tường. Chuyện này không phải của con, nhưng con không muốn Cha bị bở ngỡ.

Tôi cười:

- Cám ơn Xơ đã nhắc nhở. Thế thì Stevie cũng là Phật tử nữa sao?

Xơ cũng cười:

- À ông ta à! Con không nghĩ ông ta theo đạo gì ngoài đạo bìa :

Dừng một chốc, Xơ lại nói tiếp :

- Có một ngày Trung sĩ Donovan đã đưa con đến đây với nhóm nhân viên của ông, để săn bắn vịt trời ở hồ nước sâu ấy. Chúng con có đến thăm hai người ấy. Stevie lúc ấy tỉnh táo lắm, trông rất chững chạc và đáng kính. Trung sĩ Donovan nói chỉ khi nào ông ta có chút ít tiền để đi về phố, ông ta mới bảnh như thế. Ông ta cũng sống hòa thuận với ông Liên Chi ở trại rau.

Tôi rời khỏi bệnh viện sau đó trở về toà Cha sở. Stevie đã tắm rửa xong, đang định cạo râu nhưng bị đứt tay nên không cạo nữa. Giờ này ông ta đang ngồi trên bậc cấp dưới mái hiên bị mục nát, quanh bụng đang quàng chiếc khăn tắm trong khi áo quần đã giặt xong đang phơi trên hàng rào. Vào mùa nắng, ở miền Bắc Queensland, chỉ cần mười phút thôi là áo quần khô ngay. Ông ta nói:

- Tôi vừa mới tắm. À, mà hôm nay tôi hơi bệnh :

Ông ta liếm môi nói tiếp :

- Cha có rượu, không Cha?

Không có đâu :

Tôi trả lời :

- Tôi chẳng có thứ gì ở đây cả. Mười phút nữa khách sạn sẽ mở cửa. Chúng ta đi trường đua nữa chứ?

Thì cũng muốn thế :

Ông ta miễn cưỡng trả lời :

- Tiền cũng đã hết, làm sao mà cá cược!

Ông ta với tay lấy áo sơ mi và quần dài và bắt đầu mặc vào để che tấm thân xương xẩu đầy sẹo.

Cơ may anh đã đem đến cho tôi ngày hôm qua ấy :

Tôi nhắc nhở :

- Điều gì làm anh nghĩ là con Ô Lạc lại có thể đua với con Frenzy?

À, thì có cái gì đó liên hệ đến cuộc đua cuối cùng :

Ông ta nói tiếp :

- Không có gì là không xây ra cho đến phút ấy và nó đã xây ra rồi! Năm ngoài rừng tôi đã nghĩ ra điều ấy cách đây ba hôm. Tôi biết trước điều gì sẽ xảy đến, mà thật vậy, Cha ạ!

Ông ta rê đôi chân khăng khiu cho đến khi xô được vào đôi giày.

Pisspot Stevie :

Giọng nói của ông có vẻ tức tối :

- Họ gọi tôi như thế đấy, Cha ạ! Nhưng tôi hiểu biết hơn họ. Ngày nào đó tôi sẽ nó cho họ là tôi hiểu nhiều hơn họ. Cha cứ tin tôi đi.

Dĩ nhiên là tôi tin anh :

Tôi nói :

- Thôi chúng ta hãy đi về khách sạn, tôi sẽ mời anh một châu bia, anh sẽ tỉnh táo ra thôi Giờ này thì trông ông ta có vẻ chững chạc. Vừa đi vừa gài quần ông ta nói:

- Tiền tôi làm ra thì tôi xài. Tôi đợi xem có thằng đêú nào chỏ miệng vào không?

Người ta nói cho tôi biết anh đã ở trong không lực quân vào thế chiến thứ nhất. Như vậy có đúng không?

Quân đoàn pháo binh và không đoàn Hoàng gia :

Ông ta trả lời :

- Đây là những đơn vị tôi đã phục vụ. Sĩ quan hoa tiêu, có áo và cánh máy bay trên túi áo đang hoàng, đồng thời cũng là sỹ quan đề lộ của lực lượng pháo binh. Những địa danh Armentears, St.Omer, Bethune, tôi biết rất rõ vì đã thấy từ trên không. Thật ra bọn họ có biết gì đâu , thưa Cha. Thằng Stevie xin kia mà!

Ông ta đi bộ về phía khách sạn. Tôi nói:

- Đãi xong anh châu bia là tôi đi ngay. Nếu anh chịu nghe tôi anh cũng nên đi đi.

Ông ta không trả lời và khi tôi đã rời quán rượu, ông ta vẫn còn sa đà trong các châu bia dài dài và càng uống càng hăng.

Ngày hôm ấy tôi không gặp ông ta ở các cuộc đua ngựa. Vào giờ uống trà, ông ta vẫn còn la cà trong các quán rượu, đã say khướt. Tôi thì cố tránh không vào quán rượu đêm ấy. Sau đấy tôi đến dự buổi khiêu vũ cho có mặt trong khoảng nửa tiếng. Các bà trong hội phụ nữ đã cố trang hoàng cái sảnh Shire hôi hám thành một nơi rục rờ và đã tạo được một ban nhạc hòa tấu dưới quyền điều khiển của bà Fraser, dương cầm; cô Brian; vĩ cầm, ông Peter Cornet, kèn đồng. Mọi người tỏ ra hả hê và tôi ở lại đấy cho đến mười một giờ khi cuộc ẩu đả xảy ra.

Chuyện xảy ra ở hàng hiên phía ngoài quán rượu của khách sạn Buru điện. Khi nghe được tin, tôi hối hả chạy ra đường để quyết ngăn lại, nhưng mọi chuyện đã xong. Cảnh sát ập tới và đưa Ted Lawson đi liền và nhốt ngay vào nhà tù đêm hôm ấy, mỗi người mỗi bên, xóc nách kéo đi, không cho nói gì. Còn Stevie máu me đầy người được đám đông đưa lên một chiếc xe ngựa chở tới bệnh viện. Chuyện xảy ra có lẽ vì Ted đã đối xử với Stevie quá hỗn láo, đã chửi Stevie là thằng xin truyền kiếp; Stevie lúc ấy cũng say khướt, đâm đại vào mặt Ted, nào ngờ cú đâm hụt và lãnh cú đâm của Ted mà đo ván. Ted mới khoảng hai mươi lăm tuổi, nài ngựa của trại chăn nuôi Helena Waters, dư sức hạ đo ván ông già lúc nào mà chả được. Tuy nhiên, họ đánh nhau trên hàng hiên và ngay cú đâm đầu tiên Ted đã hạ gục Stevie. Khi ngã xuống, lỗ tai của Stevie đụng vào chiếc cột của hàng hiên nên bị rách làm đôi, như vậy là có việc cho Xơ Finlay rồi! Đối với một mục sư thì chẳng làm được việc gì cho tới sáng mai, nên tôi đã trở về toà Cha sở và cầu nguyện trước khi đi ngủ cho những người lang thang vất vưởng, tội nghiệp như thế!

Sáng hôm sau, khi tôi đến bệnh viện thì Stevie đã đi đến quán rượu. Xơ Finlay đã may hai mũi và băng lại và giờ đây ông ta mang một lô băng trắng trên đầu. Ông ta không nói gì nhiều với tôi và thất thểu đi về phía thị trấn theo con đường đất đỏ bụi bặm, càng ngày càng xa hơn. Xơ Finlay nói:

- Giá mà có chiếc xe tải chở ông ấy về Dorset Downs, chỗ ông ấy ở, thì tiện hơn! Ôu dưới đó, ông ta sẽ mau bình phục.

Tôi trả lời:

- Việc này thì Cha làm được, nếu Cha nhờ thì cũng có người chở ông ấy đi.

Xơ lại nói:

- Ngày Chủ nhật, con còn phải cắt chỉ cho ông ấy nữa. Chẳng bao lâu nữa cuộc đua này rồi sẽ chấm dứt và ông ta cũng phải tự lo mà sống.

Sáng hôm sau, cảnh sát đã thả Ted ra khỏi chỗ giam sau khi đã bị mật sát thậm tệ vì tội đánh người già cả. Ted trở lại cuộc sống bình thường cũng cảm thấy mình hơi quá đáng. Thật ra Ted chỉ là kẻ hậu bối, nên muốn chuộc lỗi với ông già Stevie, anh ta quyết tìm cho ra và mời ông ta ly rượu giải hoà, chuyện qua rồi cho qua luôn. Cũng nhờ việc đã qua cho qua luôn mà hai người từ hôm đó trong trại chăn nuôi gia súc đã trở thành đôi bạn keo sơn và trong lúc thù tạc vãng lai cái tên xin Stevie vẫn được trao đổi giữa hai người một cách thân tình mà chẳng mấy may phật lòng.

Cũng nhằm vào ngày cuối cuộc đua, nên người ta có tổ chức một buổi dạ vũ hoá trang trong sảnh Shire và tôi phải giúp vào việc chăm trang phục và trao giải thưởng. Một số ít đàn ông thì cố thực hiện cho được một dạ hội hóa trang thật sự, còn các cô gái mới thử lần đầu nên chỉ lấy đó làm vui thôi, có hai vai nữ tu trong dòng Carmen và bốn vai hề kịch câm nữ. Cuộc trao giải thưởng cũng bắt đầu vào nửa đêm và khi buổi lễ xong, tôi bị Jim Maclaren lừa vào khách sạn giải khát như là để tưởng thưởng công lao của tôi.

Ted và Stevie vẫn còn ở đây, cũng đang cụng ly, đang biểu dương tình bạn thắm thiết nhất và Stevie đang cất cao giọng bài hát “ Căn nhà bé nhỏ của tôi ở miền Tây” để giúp vui thêm cho việc kết nghĩa. Tiếng hát đôi lúc bị ngắt quãng vì quên đi một số từ, tuy tay kia vẫn đánh nhịp đều. Tôi đứng ở cuối quầy rượu, vừa uống vừa nói chuyện phiếm với mấy người đàn ông, trong lòng cầu mong hết ly bia là tìm đường rút lui. Ngay khi ấy Stevie thấy tôi và loạng choạng tiến đến, tay vịn chặt quầy rượu để giữ bước đi cho khỏi ngã.

Ông ta dừng lại trước mặt tôi và nói:

- Cha Roger?

Đúng,

Tôi trả lời :

- Còn anh là Stevie?

Ông ta chìa tay ra:

- Bắt tay đi cha!

Tôi và ông ta bắt tay nhưng ông ta giữ tay tôi lại và nói với những người chung quanh Đây là Mục sư Roger.

Tôi rút tay lại:

- Đúng đấy, anh Stevie :

Giọng của Jim phát ra hơi trầm :

Cha Roger ở đây ai cũng biết, anh đã nhớ ra chưa?

Ông già tuy người hơi chao đảo, nhưng tay vẫn nắm chắc quầy rượu, cái đầu to ra vì có cuộn băng trắng. Tự nhiên tôi sực nhớ là ông già đang ngủ gật bị đánh thức thình lình. Ông ta nói:

- Dầu là mục sư, Cha vẫn là người bạn chí cốt, phải không Cha?

Chỉ có Jim kiên nhẫn trả lời:

- Đúng rồi, Cha là người bạn tâm đắc và Cha là mục sư. Xin anh biến đi cho và để cho Cha yên.

Chúng tôi đang bận công chuyện.

Nghĩ một lúc lâu Stevie lại nói tiếp:

- Cha là người bạn chí cốt, nhưng bị đặt sai việc rồi!

Im cái mồm anh lại Stevie.

Cha tưởng rằng ai cũng lên thiên đàng sau khi chết :

- Stevie lại nói tiếp, quay về phía tôi :

- Phải không cha?

Đúng vậy,

Tôi trả lời :

- Jack Picton đứng bên cạnh tôi nói :

- Anh sẽ không lên thiên đàng sau khi anh chết, Stevie ạ; nếu như anh còn quấy rầy cha Hargreaves tôi sẽ đập cho anh gãy một lỗ tai nữa.

Tôi để một bàn tay lên cánh tay anh chàng tên Jack.

Ông ta nói đúng, ông ta chẳng hại ai bao giờ! :

Quay về phía Stevie, tôi nói :

- Cha chẳng biết anh có lên được thiên đàng hay không nhưng Cha biết rõ giờ này là giờ anh đi ngủ rồi và với lỗ tai đau như thế lại càng phải ngủ sớm hơn. Anh ngủ ở đâu thế anh Stevie?

Không có tiếng trả lời. Một trong mấy người đàn ông nói:

- Ông ta chẳng có chỗ ngủ nhất định đâu Cha ạ! Ông ta bậy đâu ngủ đó thôi. Tôi quay về phía ông Roberts, chủ khách sạn, đang đứng sau quầy rượu.

Anh Bill, còn giường trống nào không? Bị thương như thế, đêm nay anh nên giúp cho ông ta một chỗ ngủ đi nhé!

Vâng ạ,

Người chủ khách sạn nói :

- Còn một giường trống ở bao lơn phía sau. Ông ta có thể ngủ ở đấy.

Quay về phía những người đàn ông tôi nói:

- Nhờ các anh đưa ông ta tới đó cho tôi nhé!

Jim và Jack Picton mỗi người một bên xách nách dìu ông ta đi ra phía sau. Tôi đi theo bọn họ. Họ dừng lại một lúc để làm việc gì đấy dưới ánh trăng lặng lẽ và rồi đưa ông ấy lên cầu thang ngoài ra đến bao lơn phía sau và đặt ông ta nằm trên chiếc giường trống. Jim Maclaren nói:

- Đây ông già, Cha đã xin cho anh được chiếc giường này, ưu tiên rồi đấy, ráng mà ngủ đi. Đêm nay tôi mà thấy anh lạng quạng dưới nhà, tôi đập cho gãy cổ.

Tôi nói:

- Làm ơn cởi giày ông ấy ra!

Chúng tôi cởi giày ông ấy ra để cạnh giường, đặt ông nằm xuống đâu vào đấy. Jim nói:

- Anh Stevie cần mền không? À, mà nên có, này cầm lấy.

Anh ta ném cho ông già một cái này, giờ thì nằm yên đấy. Chẳng ai gọi bia cho anh đêm nay nữa đâu. Nếu gặp anh dưới nhà, tôi đập cho gãy cổ. Nói thật chứ không phải dọa đâu.

Ông già miệng lẩm bẩm:

- Lên thiên đàng rồi! Nói gì được nữa mà nói!

Jim cười:

- Đi xuống, cha ơi! Thế là thằng chả yên rồi!

Từ chỗ tranh tối tranh sáng của chiếc giường, Stevie nói vọng ra:

- Con có thể kể cho cha nghe nhiều chuyện ly kỳ hơn thế nữa nhưng chỉ sợ Cha không tin :

Ngừng một lúc rồi ông tiếp :

- Thằng xin truyền kiếp, ai mà tin lời mày nói, thằng xin Stevie oi!

Tôi nói vào tai Jim Maclaren:

- Tôi ngồi đây đợi ông ấy ngủ say đã. Chắc không lâu đâu. Chốc nữa tôi sẽ gặp anh ở dưới nhà.

Dĩ nhiên, đây chỉ là mẹo lừa vì tôi không muốn gặp lại Jim trong quán rượu.

Được thôi, thưa Cha.

Anh ta bỏ đi xuống dưới lầu với mấy người bạn, vừa đi vừa cười nói, tiếng của họ xa dần và mát hút sau quày rượu. Trên bao lon bây giờ đã yên lặng trở lại sau khi bọn họ bỏ đi. Một nửa bao lon sáng lên dưới ánh trăng bạc, một nửa chìm trong bóng tối đen, che khuất cả mấy chiếc giường. Dưới bầu trời trong xanh, lâu lâu có vài con dơi bay lặng lẽ quanh khách sạn trong ánh trăng.

Trong bóng tối tiếng khàn khàn phát ra từ cửa miệng của ông già Stevie:

- Con có thể kể cho cha nghe nhiều sự việc, Cha cứ nghĩ là con chỉ nói về con Ô Lạc mà thôi, nhưng cái ấy có nghĩa lý gì! Con muốn nói về chuyện khác cơ!

Thế anh muốn nói với tôi những gì nào :

Tôi hỏi vặn lại.

Kiếp sau :

Giọng ông khàn khàn ngái ngủ :

Tất cả những gì Cha nghĩ là thiên đàng, nhưng Liên Chi là một Phật tử, anh ta là người hiểu biết.

Anh ta đã giải thích cho con rõ tất cả. Ông ta có tìm hiểu.

Có điều gì đó hơi nguy hại, nhưng đêm tỉnh lặng và tôi muốn khám phá chiều sâu của ông già này.

Tôi hỏi:

- Thế ông Liên Chi biết những gì nào?

Ông ta thì thào:

- Về kiếp sau, về việc tái sinh. Con người đầu thai vào kiếp khác để hoán cải mình mỗi kiếp cho được chân thiện mỹ. Tôi đã có được những cơn mơ tuyệt đẹp và càng ngày tôi càng chín chắn hơn.

Như vậy tôi phải sống kiếp sau khá hơn kiếp này. Đây là điều bí mật.

Tiếng nói đã ngưng thật lâu, tôi cứ tưởng ông ta đã ngủ, nhưng rồi ông ta lại nói tiếp:

- Một sự bí mật. Ông Liên Chi nói thế mà đúng. Con người không bao giờ chết, chỉ chuyển qua kiếp khác, như đi vào một cơn mơ.

Chuyện ấy không phải dễ hiểu và người ta mong muốn xây ra như thế. Nhưng Stevie đang say khướt. Tôi hỏi vì tò mò.

Thế anh mơ thấy gì nào?

Cha cần phải có xe điều mới được :

Một giọng ngái ngủ phát ra :

- Cha hãy nằm xuống với xe điếu, cơn mơ sẽ đến. Nào là Hoàng hậu, nào là Hoàng tử, và cứ thế, Cha cảm thấy bay bổng và dạt dào tình thương. Đi suốt cuộc đời, từ quá khứ đến tương lai, tư tương lai đến quá khứ, theo suốt cuộc đời và chờ theo cả Nữ hoàng.

Tôi đứng dựa vào hàng rào sắt ở bao lơn trong yên lặng, thắc mắc về sự lộn xộn của các từ ngữ được phát ra từ một đầu óc bị rượu đầu độc và rối rắm. Bay bổng là vì cách đây lâu lắm, người đàn ông này là phi công mặc dầu chuyện ấy giờ đây không thể tin được. Dạt dào tình thương

Vâng, ở một vài người đàn ông chuyện ấy kéo dài cho đến ngày tàn. Nữ hoàng và Hoàng tử :

Có lẽ hình ảnh trên bộ bài tây. Xe điếu và tư thế nằm :

Có phải chăng là hút thuốc phiện? Ít ra cũng có thể đúng, đối với một người ở chung nhà với một người Hoa. Một câu nói của xơ Finlay lại hiện ra trong trí tôi, phải chăng Xơ muốn ám chỉ đến điều này?

Tôi đứng đấy, bất động dưới ánh trăng sáng, suy nghĩ tất cả những điều trên cho đến khi nhịp thở đều từ trong bóng tối vọng lại báo cho tôi biết ông già Stevie đã ngủ say. Sau đấy, nhẹ nhàng bước từ thang gác gỗ xuống sân và lên đi khỏi khách sạn để trở về toà Cha sở và đi ngủ.

Sau đấy tôi chẳng còn gặp Stevie nhiều nữa. Cuộc đua ngựa cũng đã chấm dứt và sáng hôm nay, rất nhiều người rời thị trấn sớm để trở về trại chăn nuôi gia súc. Stevie còn nán ná đôi ngày, dáng điệu ủ rũ và cáu gắt vì đã hết tiền và chẳng còn ai ở lại thị trấn để chịu đãi một chầu rượu, trừ hai người kỹ sư làm việc cho sở bưu điện và hãng Reg Mc Auliffe, phụ trách bán bảo hiểm nhân thọ cho dân địa phương. Cuối cùng xơ Finlay cũng cắt chỉ ở vết khâu lỗ tai ông già Stevie, thay băng sạch sẽ và để cho ông trở lại nhà. Có người đi Dorset Downs đã cho ông quá giang trên xe tải và như vậy chuyện của ông già cũng tạm ổn. Mọi người trong thị trấn, thấy ông đi khỏi, ai cũng vui.

Tôi lại trở về với công việc họ đạo quen thuộc. Cô giáo Foster, người rất hiền, đã phụ trách hát lễ hàng ngày cho các em học sinh và bỏ ra một ngày đi đến Godstow để xem thử có thể làm được gì cho nhà thờ thánh Giuda. Tôi thường đi trên xe chở thư và trên đường đi tôi dừng lại từng nhà hoặc từng trang trại chăn nuôi, có lẽ cứ mỗi đoạn độ hai mươi lăm cây số. Trời rất nóng và bụi bặm, tôi phải mặc áo sơ mi kaki và quần sọt nhưng tôi luôn mang vali theo, trong đó có áo té và ly rước lễ, và tôi đã rửa tội cho ba em bé vào ngày thứ nhất, làm chủ lễ cho hai buổi kỷ niệm. Người tài xế xe thư rất biết điều, anh ta đợi tôi trong suốt các buổi lễ, và như thế anh ta phải lái xe chạy đêm mới kịp giờ giắc.

Trung sĩ Donovan cũng ngồi cùng xe với chúng tôi vì ông ấy có công tác cũng ở hướng này. Chúng tôi ở lại Beverly đêm đầu tiên với vợ chồng Maclaren. Còn một hai chuyện liên quan đến ông già Stevie còn vướng mắc trong đầu tôi, và trong lúc uống trà, lẽ đâu tôi lại đưa vấn đề thuốc phiện ra bàn. Tôi nói:

- Anh Jim này, có một điều trong khách sạn đêm ấy, ông già Stevie đã nói, khi anh đã xuống dưới

sân, là ông ta mơ nhiều giấc mộng đẹp.

Có thật mà Cha!

Vẫn biết thế nhưng ông ta nói khi mơ là phải có xe điếu. Vậy thì ông ta hút thuốc phiện, chứ gì? Ông ta ở với một ông già người Hoa mà!

Trung sỹ Donovan vặn lại:

- Nói thế là không có lý. Ông ta có thể hút thuốc lá cũng được, chứ sao?

Tôi cũng nghĩ như thế.

Trong giọng nói của anh ta có gì làm tôi ngừng nói và có điều gì khác thường hơn là tôi nghĩ. Tôi không nói tiếp và đến chiều tối, khi không có ai, Jim Maclaren mới nói riêng với tôi:

- Về ông già Stevie và ông già Liên Chi, tôi không dám nói vấn đề thuốc phiện trước mặt Trung sỹ Donovan, trừ khi Cha có lý do xác đáng.

Thế anh nghĩ là họ hút chứ?

Dĩ nhiên rồi! Liên Chi hút thuốc phiện. Có gì mà người Hoa không dám? Cũng chẳng nguy hiểm gì đâu, còn thua hút thuốc lá. Ông già Liên Chi trồng cây anh túc trong vườn ở Dorset Downs với các loại rau cải khác. Donovan biết rõ về điều đó.

Tôi nói:

- Nhưng như thế là phạm pháp. Nếu như Donovan biết tất cả, tại sao lại để như vậy?

Anh ta cười khi:

- Vì Donovan thích ăn rau tươi.

Tôi suy nghĩ một lúc rồi nói:

- Ý anh muốn nói, nếu Liên Chi bị truy tố, ông ta sẽ bỏ đi ngay.

Phải thế thôi. Ông ta sẽ dọn đi nơi khác để trồng rau cải và anh túc và lúc ấy Landsborough chẳng còn gì ngoài các loại đậu đóng hộp. Donovan cũng đã tính kỹ, điều quan trọng cho một thị trấn là cần có rau quả tươi, hơn là anh ta tính sai nước cờ đi truy tố một ông già Tàu, suốt đời làm lụng vất vả mà chẳng làm thiệt hại gì đến anh ta :

Dừng một lúc Jim lại nói tiếp :

Chỉ có điều nếu thiên hạ bàn tán mãi chuyện này khiến anh ta phải ra tay, nếu không thì mất việc.

Đúng thì không hoàn toàn đúng, mà sai thì không hẳn là sai ở Gulf Country. Tôi không đề cập đến vấn đề thuốc phiện nữa.

Và như thế tôi đã loại Stevie ra khỏi tâm trí tôi. Tôi còn nhiều việc quan trọng cần suy nghĩ, bởi vì mùa khô đã đến gần và tôi phải quyết định, trước khi mưa đến vào tháng Chạp làm ngưng việc đi lại, tôi phải đi thăm từng gia đình trong giáo phận khá rộng lớn này và làm chủ lễ cho từng trại chăn nuôi gia súc. Thật ra, đây không phải là một chương trình quá tham lam trong thời gian năm tháng, bởi vì cũng chỉ có một trăm mười gia đình cộng chung, nhưng điều đáng nói là phải đi nhiều thôi. Tôi

không quan tâm phải rời Landsborough lâu hơn một tuần lễ. Tôi đang cố dẫn dắt dân chúng có thói quen đi nhà thờ trong giáo phận và tôi cảm nhận việc này rất quan trọng, nếu như tôi có mặt ở đây vào những ngày Chủ nhật như khả năng của con người có thể làm được. Tôi không có phương tiện riêng mà phải nhờ vào xe thư hay xin quá giang bất cứ xe nào chạy qua vùng ấy và như thế thì ít khi trùng hợp với ý muốn của tôi là được trở về Landsborough vào mỗi Chủ nhật.

Năm ấy tôi phải làm việc suốt mùa nắng và tôi đã thành công trong việc tìm hiểu hết các tín hữu trong họ đạo. Tôi nghĩ họ cũng thành tâm tán dương việc ấy, vì càng về sau, tôi càng nhận được nhiều thư từ, thường xuyên hỏi thăm tôi có thể trở lại một số gia đình để an ủi một bà cụ sắp mất, hay hướng dẫn việc tang ma ở một huyệt mộ mới đào vội vàng, hay rửa tội cho một cháu bé. Dĩ nhiên, những sự mời gọi như thế làm đình trệ thời khoá biểu của tôi, nhưng tôi cũng có thể đến tham dự tất cả với họ, đến được những nơi cần thiết trong vòng hai hay ba ngày.

Vào tháng Chín, cũng vẫn có một cuộc đua ngựa ở Landsborough, nhưng tôi không tham dự. Một mục sư chẳng làm được gì nhiều trong một thị trấn đang hưởng thú vui đua ngựa. Cơ hội phụng vụ chỉ đến với những thời gian yên tĩnh hơn. Đối với tôi, hình như tốt hơn nên dùng thì giờ vào việc thăm viếng những miền xa xôi hẻo lánh ở giáo khu, và tôi không bận tâm phải trở về từ Landsborough trước thứ Bảy. Vì lúc ấy, cuộc đua đã xong rồi và mọi người đã trở về các trại chăn nuôi, nhưng quá nửa chục chủ trại và quản lý cùng vợ con họ còn ở lại trong thị trấn để đến nhà thờ dự lễ vào ngày Chủ nhật, và đó là niềm khích lệ lớn lao đối với tôi.

Tôi yêu cầu Xơ Finlay nếu có thể đưa Stevie đến được bệnh viện. Xơ nói:

- Lúc này không được đâu Cha! Ông ta về thị trấn tham dự các cuộc đua rồi, chỉ có ông Liên Chi chở rau cải đến đây vào ngày thứ Sáu và thế nào ông Stevie cũng trở về với ông ta. Trông ông Stevie không được khỏe lắm.

Tôi cười:

- Thì cha có ngạc nhiên đâu!

Suy nghĩ một lúc Xơ nói:

- Không đâu cha. Con nghĩ là ông ta có vấn đề đấy! Đêm qua con đã trình bày cho bác sỹ Mitchison. Ông Stevie bị một loại da tái nhợt :

Dừng một chốc Xơ nói tiếp :

- Bác sỹ Curtis đến đây trong đội bay cấp cứu và con đã nhờ bác sỹ, nếu rảnh, xem qua bệnh tình cho ông Stevie, nhưng có điện thoại khẩn bảo họ phải bay đến Forest Range, vào ngày thứ Hai, để chở một nhân viên của trại Abo, đến Bệnh viện Curry, vì bị gãy xương sườn. Có lẽ, ông ta cũng khó lòng gặp được ông Stevie.

Thế còn bác sỹ nào đến đây nữa không?

Cũng không chắc :

- Xơ trả lời :

- Con không thể quên được, nhưng cũng khó khăn đấy Cha ạ, vì ông ấy ở tận trong rừng. Con không nghĩ là ông ta có thể đến cho bác sỹ thăm bệnh; có lẽ bác sỹ đã đi rồi, ông ta mới nhận được giấy thông báo. Lần này, gặp lại được ông già, chỉ là điều tưởng tượng thôi! Có lẽ đấy chỉ là dư âm của ngày trước.

Tôi cứ đinh ninh trong óc là thế nào tôi cũng đến nhà vườn ở Dorset Downs trước mùa mưa để thăm ông Liên Chi và Stevie tại nhà. Nhưng cuộc viếng thăm như thế lại nằm cuối danh sách ưu tiên. Tôi không hy vọng làm được gì nhiều cho họ về phần đạo và căn nhà của họ đã cách biệt với lối đi quen thuộc và cũng khó khăn cho tôi nếu đến được đấy nếu không có xe tải của riêng tôi. Tôi luôn luôn tự nhủ thậm chí sẽ đến đấy trước mùa mưa nhưng rồi tôi chẳng bao giờ đến.

Những tuần cuối đã làm cho tôi quá mệt mỏi. Tháng Mười một ở miền Bắc Queensland thường rất nóng, đặc biệt năm ấy là một thử thách. Hơn nữa tôi vội vã thi đua với thời gian để đến thăm các nơi trong giáo xứ trong lúc việc đi lại còn dễ dàng và tôi cũng thực hiện được khá nhiều, tự cá nhân tôi. Tôi cũng biết khi mùa mưa đến vào dịp Giáng sinh, tôi có dư thời giờ nghỉ ngơi trong toà Cha sở vì lúc ấy không thể di chuyển ra khỏi Landsborough cho mãi đến tháng Ba hoặc tháng Tư. Chính tôi cũng thấy khó khăn trong việc lái xe những tuần cuối này, vì sức trẻ đã cạn kiệt và tôi cũng thú nhận là tôi thật sự quá mệt mỏi.

Vào đầu tháng Chạp cũng có vài trận mưa giông ngắn và như thường lệ, những trận mưa này làm cho tình trạng càng tồi tệ hơn, vì chúng đã không giảm được cái nóng bức mà còn làm cho sự ẩm ướt tăng cao. Bất cứ sinh hoạt nào cũng làm cho người ta đổ mồ hôi nhễ nhại, và một lần áo quần đã bị ướt thì khó mà khô trở lại. Tôi bị cái nóng làm ngứa ngáy, đó là điều tôi ít khi bị khổ sở như thế và rồi cơn ngứa cứ kéo dài làm tôi khó ngủ. Mọi người bắt đầu cảm thấy bức bối và trở nên cáu gắt, khó tính. Hằng ngày ai cũng mong mưa đến chấm dứt ngay cái mùa độc hại này.

Cuối cùng rồi mùa mưa cũng đến, chỉ vài ngày trước Giáng sinh. Mưa liên tiếp ba ngày, xối xả không ngừng. Những con đường bụi bặm, biến thành những vũng bùn lầy, các xe có động cơ lúc này, ngưng hoạt động. Landsborough rút lui về cứ điểm mùa đông, người ta bảo nhau như thế. Gần suốt ba ngày, tôi nằm trên giường thoải mái thụ hưởng sự nhu hoà cũng như sự ấm áp tuy vẫn thiếu vắng mặt trời và đọc hết cuốn thứ tư về hồi ký chiến tranh của ông Winston Churchill mà một người bạn cũ đã gửi cho tôi từ Godalming.

Dĩ nhiên mùa mưa cũng có vấn đề. Mỗi ngày tôi phải đến khách sạn hai lần để dùng bữa và trời vẫn còn quá nóng nực nên mặc áo mưa hầu như không chịu nổi. Nếu đi bộ mà mặc áo choàng, mồ hôi đổ ra ướt như không mặc áo choàng vậy. Nếu mưa nhỏ, tôi chẳng cần áo choàng, bởi vì áo quần ướt chẳng có gì khó khăn cả ở vùng nhiệt đới. Dĩ nhiên, việc khó khăn là kiếm cho ra áo quần khô mà mặc, toà Cha sở của tôi không có lò sưởi và giờ thì đâu có trời nắng mà phơi áo quần. Bà Roberts có

lòng tốt đã cho tôi sấy đồ mới giặt ở lửa nhà bếp nhưng cái khó khăn là đang mùa mưa thật sự và tôi thường phải mặc áo quần ướt suốt ngày và ngủ trên giường cũng ướt.

Giáng sinh đến rồi đi. Chúng tôi đã cùng hát lễ có các bài hát Giáng sinh trong nhà thờ “Vua Wenceslaus nhân từ” và “Hãy nhìn vào giữa tuyết mùa đông” và cô giáo Foster đã bỏ thời giờ, gắng sức giảng cho các em học sinh biết tuyết là thế nào, bài giảng càng khó hơn vì thực tế cô chưa bao giờ thấy tuyết. Có một nhóm học sinh phụ trách trang trí cây Noel ở sảnh Shire, có tuyết giả trên cây, còn tôi đóng vai ông già Noel và đi phát quà. Máy bay từ Cloncurry đã đem đến cho chúng tôi chuyên viên chiếu bóng với máy móc và ba vợ kịch cùng cô Bạch Tuyết. Các em nhỏ chưa bao giờ được xem phim như thế nên tất cả chúng tôi đều vui vẻ thoải mái.

Sau những ngày rộn rã xao động, mọi việc bây giờ đã lắng xuống ở Landsborough, và mưa vẫn rơi đều. Trong những điều kiện như thế này cho dù tôi đã uống nhiều thuốc, tôi vẫn ngã bệnh với chứng sốt rét cũ. Tuy cũng không có gì trầm trọng như lần đầu tôi bị Ở Salamaua và giờ đây tôi biết phải làm gì khi bị như thế. Tôi nằm trên giường, mồ hôi vã ra, khi mê khi tỉnh, trong một ngày, nhưng tôi vẫn uống thuốc đều. Bà Roberts rất tử tế, đã mang một vài thứ cần thiết đến tận nhà Cha sở. Bà và cô Coty, hai người thay nhau, cứ hai giờ lại pha cho tôi một tách trà. Ngày thứ Hai, Xơ Finlay được tin, cũng đến xem thử tôi bệnh ra sao, thay áo quần tươm tất cho tôi, đắp chăn ấm và chở tôi đến Bệnh viện bằng xe ngựa của nhà sách Duncan nhưng xe bị sa lầy cách bệnh viện một trăm mét, do đó tôi phải ra khỏi xe và đi bộ đoạn đường còn lại. Xơ Finlay và cô y tá Templeton đưa tôi lên giường liền và tôi nhìn quanh, cái gì tôi cũng có đủ, hơn cả ngày thường ở toà Cha sở. Tôi đã ở bệnh viện một tuần sau đấy. Con sốt làm tiêu hao sinh lực trong những ngày đầu. Tôi cũng đã biết như thế. Cho nên họ chỉ cho phép tôi ngồi dậy để ăn trưa, ăn tối, ngồi dậy với áo choàng ngoài để viết bài cho họ đạo và rồi uống trà trước khi đi ngủ. Vào lúc ấy thân nhiệt của tôi cũng bình thường, mặc dầu buổi chiều có tăng lên chút ít, nhưng như thế cũng không sao. Vào buổi chiều ngày tám tháng Giêng, lúc tôi đang ngồi trong phòng khách viết bài. Tôi nhớ rất rõ ngày này vì mới qua lễ Ba Vua được hai ngày. Ngày trước đó, tôi không thể rao giảng cho nhà thờ, ngày Chủ nhật đầu tiên sau lễ Ba Vua, nên tôi muốn viết những gì tôi nói với các tín hữu trong tờ báo họ đạo. Đúng là ngày tám tháng Giêng, lúc tôi đang ngồi viết khoảng ba giờ chiều, thì nghe thấy tiếng ngựa và bánh xe. Tôi đứng dậy và thấy ông Liên Chi đang tiến gần đến phía trước bệnh viện với xe rau cải.

Tôi rất ngạc nhiên gặp lại ông ta, vì từ sau lễ Giáng sinh chúng tôi đã không được cung cấp rau quả tươi và chúng tôi cứ nghĩ là qua mùa mưa khi các con đường đã đỡ lầy lội, họa chăng mới có được. Xơ Finlay và cô Templeton đang nằm nghỉ, tôi vào đánh thức họ dậy và trở ra bao lơn. Trời còn mưa nhỏ, ông Liên Chi bước xuống xe hai bánh và buộc dây cương vào hàng rào. Ông ta mặc một tấm áo mưa quân đội cũ có buộc dây qua vai làm áo khoác ngoài, ở trong là áo sơ mi và quần dài lao động, có hơi bẩn và ướt sũng, đầu đội một cái nón nỉ để tránh mưa.

Tôi nói:

- Vào đây đụt mưa đã, ông Liên Chi. Mừng được gặp ông.

Ông ta bước vào hàng hiên nói:

- Chào Xơ, Xơ cũng có mặt ở đây?

Tôi trả lời:

- Xơ vừa mới đến, chúng tôi khó gặp lại ông quá! Ông mang đến cho chúng tôi thứ gì nào?

Không có rau cải gì đâu?,

Ông ta trả lời :

- Vườn bị ngập nước tất cả. tôi đến gặp Xơ, ông Stevie bị bệnh bao tử.

Đau dạ dày à? :

Tôi hỏi :

- Đau thế nào ông Liên Chi?

Ông ta đưa tay sờ vào bụng dưới:

- Ông ta đau ở đây, đau ghê gớm, đã ba ngày rồi?

Giờ còn đau lắm không?

Ông ta gật đầu:

- Còn đau lắm, nhờ Xơ đến thăm một chút, không thì, ông ta chết mất!

Nevil Shute

Mùa Mưa

(In The Wet)

Chương 2

Xơ Finlay bước ra phía hàng hiên, đứng sau tôi, tôi quay lại nói với Xơ là Stevie bệnh. Xơ gật đầu và biết trước chuyện ấy cũng đến thôi. Xơ hỏi:

- Bác Liên Chi này, ông ấy bị bệnh ở đâu? Bác làm ơn chỉ dùm chỗ đau của ông ấy.

Ông ta để tay lên bụng và xoa một vùng khá rộng Ông ấy đau ở đây.

Tôi hỏi:

- Xơ có đoán ra bệnh gì không?

Xơ lắc đầu:

- Cũng khó mà đoán cho chính xác :

Rồi quay sang ông Liên Chi, Xơ hỏi:

- Có làm gì cho ông ấy đỡ đau không?

Ngần ngại một lúc ông ấy mới trả lời:

- Vải nhúng nước nóng. Tôi đã đắp vải nước nóng trên bụng. Nước rất nóng, Xơ ạ!

Thế chẳng đỡ gì sao?

Chẳng thấy gì, Xơ ạ!

Sao không chở ông ta tới đây luôn?

Ông Liên trả lời:

- Ông ta không chịu hiểu lại còn làm ngơ trước lời khuyên của tôi. Lại không thể dựng ông ta bỏ lên xe. Tôi chẳng biết làm thế nào nên đến đây cầu cứu.

Xơ suy nghĩ một lúc rồi nói:

- Thế nào thì chúng ta cũng đưa ông ấy đến đây, không thể nuôi bệnh ở đây được.

Ông ta bệnh nặng lắm :

Ông Liên nói :

- Nếu có được băng ca, bỏ băng ca lên xe, chắc được.

Tôi hỏi:

- Đường xá thế nào, từ chỗ ông đến đây có trở ngại lắm không?

Được thôi :

Ông ta trả lời :

- Nước cách nhà độ một hai dặm đường :

Ông ta ra dấu khoảng một hai gang tay và nói :

Sâu thế này này và đường cũng tốt thôi.

Một dặm hay hơn với nước cạn như thế chưa hẳn thuận lợi, nhưng con ngựa già kéo một xe ngựa hai bánh nhẹ nhàng hơn xe có động cơ mà chạy không được.

Xơ Finlay nói:

- Được thôi bác Liên ạ. Tôi sẽ về cùng bác. Liệu ta đến nơi có trước trời tối chẳng?

Ông ta gật đầu:

- Chúng ta đi ngay thôi , Xơ ạ!

Tôi quay lại hỏi ông ta:

- Từ nhà ông đến đây mất bao lâu ông Liên?

Tôi không có đồng hồ :

Ông ta trả lời :

Có lẽ hai tiếng đồng hồ.

Đã gần ba giờ chiều và bầu trời u ám như thế này, có lẽ trời tối trước sáu giờ. Tôi chưa bao giờ đến nhà của ông Liên Chi nhưng nghe người ta nói cách đây mười dặm. Phải tính trường hợp con ngựa

già không thể chạy nhanh được. Tôi quay sang nói với Xơ Finlay:

- Chúng ta nên lên đường ngay càng sớm càng tốt. Tôi sẽ đi cùng với Xơ.

Xơ hơi ngần ngại một chút:

- Tốt hơn Cha nên ở đây. Con sẽ nhờ Trung sỹ Donovan đi cùng. Con sợ Cha sẽ bị bệnh trở lại.

Cha phải đi thôi :

Tôi nói :

Nếu nhờ ông già qua đời, Cha sẽ có mặt bên ông ta.

Xơ lại nói:

- Trước khi con đem ông ta về viện, ông ta chưa chết đâu, con có đem theo một ít thuốc giảm đau. Điều con cần có ai đó giúp con đưa ông ta lên xe và đưa xuống. Cha cứ ở lại đây. Trên đường đến đây con sẽ đón Trung sỹ Donovan.

Tôi chỉ cần đi một hai ngày thôi nên nói như linh tính:

- Cha sẽ nói cho Xơ biết cha phải làm gì. Trong lúc Xơ chuẩn bị, cha sẽ đến báo tin cho Trung sỹ Donovan, như thế anh ta sẽ sẵn sàng khi Xơ và ông Liên Chi đi qua. Ôu Landsborough không có điện thoại.

Nếu cha giúp cho thì tốt quá. Mười lăm phút nữa con sẽ xong.

Tôi vội vã mặc quần dài vào, choàng áo khoát và đi giày và bắt đầu đi xuống con đường dẫn tới nhà người Trung sỹ cảnh sát. Bà Donovan bước ra hàng hiên gặp tôi.

Con chào Cha. Nghe nói Cha bị bệnh mà! Chắc là Cha đã khỏi. Chồng con đã đi Millangarra rồi Cha ạ! Anh cỡi ngựa đi từ sáng sớm.

Khi nào thì anh ấy về?

Anh ấy ở lại ăn trưa và về trước khi trời tối. Có chuyện gì quan trọng không, Cha?

Tôi báo cho chị ấy biết mọi chuyện rồi bảo:

- Thế anh Jim Phillips còn đi phép hả chị?

Có lẽ thế, thưa Cha. Con không biết phải đề nghị với Cha như thế nào, hay Cha cứ đem một thừng nhỏ da đen theo, như Dicky chẳng hạn. Hắn đi được đấy!

Tôi lắc đầu:

- Chính tôi phải đi thôi. Khi anh Donovan về, chị nhớ nói lại là chúng tôi đi đâu, nghe chị! Nếu chúng tôi không về kịp mười giờ sáng mai, nhờ anh ấy cỡi ngựa tìm chúng tôi theo con đường ấy. Tôi chỉ sợ trời mưa đều như thế này, nước sẽ dâng cao thôi!

Chị ấy nói:

- Con cũng nghĩ thế, ông Liên Chi đến được bình an cũng may đấy!

Thật may mắn! Chị nhớ nói lại như vậy khi anh về nhé!

Khi tôi về đến Bệnh viện thì gặp ông Liên Chi và Xơ đang chạy xe về phía tôi. Tôi nói:

- Anh Donovan đi vắng rồi! Anh ấy đi Millangarra và tôi có nhắn lại với chị ấy.

Tôi đu lên xe và nói:

- Cha đi với Xơ nhé!

Cha đi như thế con chẳng thích chút nào. Phải có ai đó đi thay Cha mới được Cha đi cũng thế thôi! :

Tôi trả lời :

- Nếu cứ mất thời giờ tìm kiếm, Xơ sẽ không đến đây kịp trong ngày đâu.

Xơ giữ im lặng và cũng biết rằng cái nguy hiểm nhất là đi lang thang lượ lượ trong rừng Queensland trong đêm tối. Như một sự bắt buộc tuyệt đối là chuyến đi phải được hoàn tất vào ban ngày. Chúng tôi dừng lại ở toà Cha sở một hai phút để tôi lấy vali nhỏ đựng đồ hành lễ và cây đèn bấm rồi đi ngay đến Dorset Downs. Trời vẫn mưa đều.

Một trong những nét đặc trưng của phần đất miền Bắc Queensland là hoàn toàn không có vẻ gì đặc biệt cả. Đó là một miền quê bằng phẳng chẳng có đồi núi nào cả, bao phủ bởi rừng thưa, lâu lâu lại có những dòng sông cắt ngang. Cảnh quang thì nhìn đâu cũng giống nhau thôi và vào thời gian này trong năm, mặt trời cũng có soi lói đôi chút vào giờ ngọ, vì nó ở ngay trên đỉnh đầu. Đây cũng là nơi rất dễ lạc vào rừng, ý niệm phương hướng rất dễ bị lẫn lộn, và khi điều này xảy ra, phương cách an toàn nhất là cắm trại đợi chiều đến, khi mặt trời lặn sẽ chỉ cho ta hướng Tây.

Chiều hôm ấy chẳng có mặt trời nào cả. Chúng tôi lê bước trong mưa, con ngựa già thỉnh thoảng cũng chạy nước kiệu trên những đoạn đường cứng, nhưng phần lớn là đi chậm rãi và kéo lê đôi càng xe trên miền đất sũng ướt. Chạy được nửa giờ thì tôi không còn nhận ra phương hướng nữa, chẳng biết đông hay tây, nam hay bắc. Tuy vậy, ông Liên Chi thuộc đường, thỉnh thoảng ông cũng chỉ cho chúng tôi những cây gậy hoặc những lối đi bị cây rừng che khuất, đó là những dấu chỉ đường quen thuộc của ông ta trên đường mà ông đã quen đi lại.

Dĩ nhiên, tất cả chúng tôi, chưa bao lâu, đã bị ướt mèm, nhưng nhiệt độ đang còn là hai mươi tám độ chưa là vấn đề. Tuy cũng hơi lạnh, nhưng trời chẳng có gió, nên cũng liều. Chúng tôi ngồi một hàng trên ghé băng, dựa vào thành xe, không dám cử động trừ khi bánh xe vấp phải đá hay lắc mạnh trên đường gập ghềnh. Chẳng ai nói chuyện, chỉ thấy vẻ mặt đăm chiêu. Khung cảnh trầm buồn, một màu tái xám và cơn mưa bốc hơi nồng nực. Có lẽ một cảm giác vô tích sự đối với sự mạng của chúng tôi là làm dịu đi cơn đau của ông già nát rượu, tất cả những điều này xảy ra cùng lúc đã cướp đi chúng tôi cảm giác muốn nói chuyện, hàn huyên. Đối với riêng tôi, mặc dầu đó là trách nhiệm phải đi đến, để an ủi tinh thần, đối với bất cứ người nào sắp chết, tôi đi còn để hiểu rằng sự tự nguyện của tôi đối với Stevie chắc chắn có thể bị Ông ta hiểu lầm và tôi không thể không nghĩ đến những căn phòng ám áp sơn màu xanh của Bệnh viện mà tôi phải rời bỏ, để gặp một chuyện vật vãnh chẳng ra làm sao cả! Giờ này, chúng tôi đã gặp những vũng nước đọng trên đường và rồi liên tiếp từ vũng này đến vũng khác, rồi xe chúng tôi đi qua vũng nước sâu cả gang tay, con ngựa già mỗi lần bước đi là làm bắn

tung toé nước. Tôi tự trấn an mình bằng cách hỏi ông Liên Chi:

- Sáng nay ông đi, ông có thấy nước lên nhiều như thế này không?

Ông ta trả lời:

- Sáng nay đâu có nước như bây giờ.

Ông nghĩ sao, liệu chúng tôi có đến kịp nhà ông không?

Được thôi. Tới nhà thì được thôi.

Ông tiếp tục đánh xe đi, đầu lúc này chúng tôi ít khi thấy dấu đường, nhưng rõ ràng ông ấy đi rất đúng hướng vì tuy xe lăn bánh trong nước nhưng vẫn cảm thấy đất cứng ở dưới bánh xe. Chiều xuống dần nên ánh sáng cũng không còn nữa; cũng có thể là mây kéo về càng ngày càng dày đặc.

Tôi hỏi ông Liên Chi:

- Còn bao xa nữa. Còn bao lâu nữa chúng ta về đến nhà?

Ông ta nhún vai:

- Hai ba dặm gì đó.

Có thể đến nhà trước trời tối không ông?

Ông ta trả lời:

- Được. Chúng ta sẽ đến trước trời tối.

Giờ đây, chúng tôi đến một vùng đất có hơi nhấp nhô, nên có những gò đất khô ráo hiện ra trong vùng nước và chúng tôi lại càng phải đi cẩn trọng hơn, vì chúng tôi đang tiến đến một vùng bị tách rời bởi những phụ lưu của con sông Dorset. Chúng tôi vượt qua được một hai con lạch, đây là nơi mà ông Liên Chi đã rõ địa thế nên rất cẩn thận và nước ở đây cũng gần ngập nửa bánh xe. Cũng chính lúc này, khi cẩn thận cho xe qua các con lạch ấy, chúng tôi thấy một khung cảnh rất tiêu điều.

Trên mảnh đất khô ráo gần xe chúng tôi đi qua có ba bốn con bò cái Hereford thuộc trại chăn nuôi Dorset Downs. Một trong những con bò cái đứng bên bờ nước có một con bê chạy theo bên, mới sinh hai ba ngày. Khi xe chúng tôi chạy ào qua, con bò ngẩng đầu lên nhìn và chậm rãi tiến gần kề chúng tôi và gần mép nước. Con bê cũng tiến theo đến gần mép nước.

Ngẫu nhiên tôi nhìn chúng, và thấy toàn bộ sự việc xảy ra. Cái mõm dài của con cá sấu lao nhẹ lên khỏi mặt nước, hai hàm răng khép lại, ngậm cái chân trước của con bê. Một sự vũng vầy và vật lộn trong nước, khi con vật thô bạo chìm con bê xuống sâu. Cuộc vũng vầy và vật lộn kéo dài trong được một lúc, rồi mọi vật trở lại im lìm. Con bò cái chẳng làm gì được, chỉ đứng nhìn ngơ ngác.

Xơ Finlay nói:

- Lẽ ra, chúng ta nên mang theo một khẩu súng trường.

Cha lại không nghĩ ra :

Tôi nói :

Chứ mượn một khẩu của bà Donovan cũng được thôi.

Sau đây chúng tôi lại tiếp tục im lặng, mỗi người đang miên man theo ý nghĩ của riêng mình. Giờ thì nước đã sâu hơn hai gang tay và ánh sáng hoàn toàn tắt hẳn. Ông Liên Chi cầm chiếc roi ngựa chỉ về nông đất khô ráo đằng trước, qua mặt nước cách độ một dặm. Ông ta nói:

- Nhà đấy. Cái nhà trên nông đất ấy.

Tôi lại hỏi:

- Nhà của ông đấy phải không? Thế chúng ta đến đấy chứ?

Ông ta gật đầu. Vào lúc ấy, xe chúng tôi bị sụm hồ. Dĩ nhiên, làm sao thấy được đường phía trước. Có lẽ cũng do tôi làm ông Liên Chi bị phân tâm đôi chút, nên đi trật đường. Dù lý do nào đi nữa, có lúc được đi trên đất cứng, có lúc con ngựa già lại lội bì bõm và hai càng xe trong nước làm cho con ngựa muốn tuột ra.

Ông Liên Chi thả dây cương đứng lên, nhảy qua một bên và đến trước đầu ngựa. Chắc hẳn ông thuộc đường nhưng ông lội một cách khó khăn vì nước đã lên tới bụng. Tôi do dự một chút, rồi sợ mắc cỡ với ông già người Hoa, tôi nhảy xuống, đi bên cạnh con ngựa để khỏi làm nặng càng xe. Tôi không ngờ nước sâu đến thế, và tôi lội về phía đầu con ngựa, trong ý nghĩ cứ tưởng chừng con cá sấu nào đuổi theo mà kinh hồn! Chân tôi đung đất cùng lúc với chân con ngựa. Ông Liên Chi và tôi, hai người đứng hai đầu con ngựa, khi nó đang mệt mỏi vật vã để trèo lên cái bờ lạch đã chìm dưới nước và đôi càng xe chìm trong nước lên trên ấy luôn. Xơ Finlay cũng đứng lên, chưa biết nên ra khỏi xe hay nên lội nước. Tôi phải gào to bắt Xơ phải ngồi yên chỗ cũ.

Sau những lần căng thẳng và lắc lư, con ngựa già cũng kéo được đôi càng xe lên bờ lạch, tuy nó vẫn dầm chân trong nước sâu trong ba tấc, run run vì sợ sệt. Tôi cũng run không kém, ngay cả ông Liên Chi cũng thế, vì cả hai chúng tôi đã kịp trở về trên đôi càng xe chỉ trong phút chốc để tránh bọn cá sấu.

À thế này cũng yên tâm rồi! :

Tôi nói như máy, vì khi quá sợ, người ta nói để quên :

- Chắc ở đây có cái hồ thật :

Tôi nhìn quanh và nói :

- Mọi chuyện đã yên chưa nào?

Nhưng rồi mọi chuyện vẫn chưa yên. Cái bưng phía sau bị rớt đầu mất. Vali của Xơ Finlay và hộp đồ lễ của tôi cũng không còn trong xe nữa. Chúng rơi mất, khi người đánh xe ngựa mãi mê cho xe qua con lạch và giờ đây tìm đâu cũng không thấy.

Dừng lại cho một chút. Chúng tôi bị mất vali :

Tôi nói với ông Liên Chi, đồng thời nhìn xuống dưới chỗ ngồi, nhưng chẳng thấy đâu. Đem xuống nhanh, nhìn lại phía sau, nước khá sâu, một màu xám kịt hãi hùng, có thể có cá sấu dưới đó. Có lẽ, muốn tìm ra vali của tôi cũng phải đợi đến mùa tạnh nắng. Trong lúc khẩn thiết, tôi có thể dùng chén

trà làm ly lẽ vì đã thường làm như thế, nhưng cái vali của Xơ thì quá quan trọng. Không có thuốc men và dụng cụ y tế, Xơ cũng chỉ làm giảm nhẹ cơn đau của bệnh nhân được chút ít thôi. Đợi một chút, tôi sẽ tìm ra chúng :

Tôi nói xong, trườn xuống nước ngay, đầu tôi sợ chết khiếp.

Xơ Finlay nói:

- Trèo lên đi Cha!

Nhưng tôi vẫn chậm rãi bước lui, lấy chân quờ quạng trong nước để tìm hai cái vali, sợ cũng vẫn phải làm! Khi nước sắp sửa tới bụng ở bờ lạch mới vượt qua, chân tôi đứng phải một trong hai cái vali và tôi cúi khom người để vớt lên, thì chính là vali của tôi, vali chứa đồ lễ. Tôi reo lên:

- Được một cái rồi! Cái kia chắc cũng gần đây thôi.

Và tôi lội lui bỏ nó lên xe. Ông Liên Chi và Xơ Finlay đều phản đối tôi, tuy vậy vì quá sợ tôi không trả lời được và xăm xăm đi trở lại cái vụng kia để tìm nốt cái còn lại. Lúc này tôi không thể dùng chân mà tìm vì mực nước đã lên đến vai, tôi lặn xuống, tìm trong nước với đôi bàn tay giữa cỏ và bùn. Khi tôi nổi lên, cả ông Liên Chi và Xơ Finlay cùng nhảy ào xuống nước, xóc nách đỡ tôi lên và đưa lên còng xe. Tôi nói:

- Một chút nữa thôi là tôi tìm ra ngay, để tôi thử một bận nữa.

Xơ Finlay vội la lên:

- Cha điên rồi sao! Chỗ này cá sấu nhiều lắm. Đêm nay con sẽ cố gắng làm cho được, chẳng cần cái vali ấy đâu!

Nhưng thuốc men là ở trong ấy cơ mà :

Tôi nói.

Xơ thật sự nổi nóng:

- Cha lên xe ngay đi. Con không hiểu tại sao Cha lại có thể điên đến thế!

Dĩ nhiên là tất cả chúng tôi đều sợ chết đuối, nhưng không nói ra, chứ Xơ đâu được phép nói với tôi như vậy.

Khi chúng tôi đã ngồi yên trong xe, ông Liên Chi mới quát roi cho ngựa chạy. Giờ thì trời đã tối hẳn, chúng tôi còn thấy được cái bóng mờ mờ của nông đất ở trước mặt, nhưng tôi chẳng thấy bóng dáng của ngôi nhà đâu cả. Sau đấy tôi mới hiểu rằng cái nhà nằm trên nông đất cách đấy một dặm là điểm cao nhất giữa hai con lạch, nước lụt chưa bao giờ chạm tới. Căn nhà một phần ở cuối nông đất, còn phần kia, chúng tôi đang tiến đến.

Xe chúng tôi lội bì bõm trong nước dưới trời đêm. Nước càng ngày càng cạn, con ngựa già chạy càng nhanh hơn và giờ đây, trong ánh sáng mờ mờ, đường đi xuất hiện trước mắt chúng tôi quanh co xuyên qua những hàng cây bạch đàn và rồi đất khô xuất hiện. Sau đấy chúng tôi thấy một cảnh quang hết sức lý lạ. Đất ở dưới gốc cây, như thường lệ được trồng một lớp đất mỏng các loại cây nhỏ

chậm phát triển, cây dương xỉ điều hâu và cỏ. Trong bụi rậm có các loại gia súc, hàng trăm loại. Nào là bò cái Hereford, bò đực Bramah, chuột túi loại nhỏ, vô số heo rừng da đen với cái mõm dài ngoằn và răng nanh hung ác. Cũng có đủ loại chó, chó Dingo, loại này giữ cừu, thả đi hoang và tạo giống trong rừng. Có cả loại gà tây, đà điểu nhỏ, kỳ đà, rắn mối và các loại rắn bò ngổn ngang trước mặt chúng tôi.

Tôi nói với ông Liên Chi:

- Ông đem tất cả những con vật này về đây mỗi năm vào mùa mưa phải không?

Ông ta gật đầu:

- Hằng năm. Tôi là Phật tử, tôi không ăn thịt chúng.

Chúng tôi đi qua những hàng cây và giờ đây tôi mong cho chóng đến. Chúng tôi đã ngồi trên càng xe hàng giờ và bắt đầu thấy mệt mỏi. Trong lúc này, thân nhiệt của tôi lại tăng lên mỗi buổi chiều, tôi cảm thấy hơi sốt trong người nên mắt không nhìn được rõ và kém suy nghĩ. Tôi hết sức buồn khi nghe con sốt có thể trở lại, dầu sao tôi cũng phải chịu đựng cho tới khi trở về Landsborough vào ngày mai. Tôi cứ nghĩ, giá mà xuống được khỏi xe, uống một hơi dài đá lạnh, ngồi yên trong một cái ghế thoải mái một lúc tôi sẽ khoẻ lại ngay; lúc ấy lại có sức làm một việc gì khác trong đêm mà chẳng để cho Xơ Finlay nhận ra là tôi bị bệnh.

Cuối cùng tôi cũng thật cảm động thấy được căn nhà trong ánh sáng cuối cùng của ngày. Đó là một nơi nhỏ hẹp, tội nghiệp, với hai căn phòng xây bằng ván, lợp mái tôn. Không biết loại sơn gì đã một lần phết lên, nay loang lổ và tróc đi, mưa gió đã để lại một màu bạc phết trên gỗ cũ. Căn nhà được xây trên những trụ cây, giống như các nhà ở thôn quê, có một số bậc cấp bước lên, một hàng hiên rệu rã. Có một hàng rào đã đổ bao quanh nhà, chạy dài vào bóng tối. Trong nhà chẳng có đèn đóm gì cả. Ông Liên Chi bước xuống xe, buộc dây cương vào hàng rào và bước lên bậc cấp. Chúng tôi theo sau. Trong nhà tối thui, chúng tôi nghe tiếng bật quẹt, ánh lửa bùng lên và tiếng nói của ông Liên Chi phát ra. Sau đấy ông ta thắp một cây đèn cầy cắm trong một cái đĩa trà để trên bàn. Ngọn đèn sáng dần và chúng tôi mới thấy được toàn bộ khung cảnh.

Trong phòng có một chiếc giường có mắc màn sẵn, mùng vắt lên phía sau, để lộ mảnh khăn trải giường và chiếc gối nhàu nát dơ bẩn. Ông già Stevie nằm trên giường, có mặc áo sơ mi và quần dài nhưng chân không mang vớ, chỉ có khuy trên của chiếc quần là có cài. Trên chiếc ghế dựa đặt bên cạnh giường có cây đèn còn nhỏ, một cái xe điều bằng kim loại và một cái chén mắt trâu, lại có thêm một đĩa trà có chất gì nâu nâu ở trong đó. Một mùi cay cay khó chịu bay lên trong phòng. Trên nền nhà cạnh giường, một cây đèn dầu lạc rỏ tiền thường máng trên tường, giờ nằm ngã một bên, dầu trong đèn chảy ra đọng thành vũng trên sàn gỗ. Còn Stevie đang mê man.

Ông Liên Chi đi đến nhặt cây đèn lên, dẹp bàn đèn nhưng chúng tôi đã thấy cả rồi. Xơ Finlay đi thẳng tới giường Chào bác Stevie :

- Xơ nói :

- Tôi là Xơ Finlay ở bệnh viện đến. Bác bệnh sao?

Không có tiếng trả lời. Ông già sau khi đẩy được tủy uế, không hiểu vì say thuốc phiện hay bệnh tình trầm trọng thêm mà không nói được. Xơ Finlay cởi áo khoát, cầm tay Stevie để xem mạch, mắt đăm đăm nhìn vào đồng hồ tay Cha có thể cho đèn sáng hơn một chút được không Cha? :

- Xơ yêu cầu :

- Con cần thấy cho rõ hơn.

Tôi nhặt cây đèn ở sàn nhà lên và nhìn kỹ, bóng đèn đã vỡ. Tôi hỏi ông Liên Chi:

- Ông cất dầu lửa ở đâu?

Ông ta không trả lời tôi mà bắt đầu lục lọi trong căn phòng bừa bãi và cuối cùng tìm ra được một đoạn đèn cây. Tôi nói:

- Tôi có đèn bấm đây.

Và mở cái vali sũng nước ra. Cây đèn nằm bên áo lễ lỏng bóng nước, tuy vậy nó vẫn sáng. Ông Liên Chi cười và hướng dẫn tôi đi xuống dưới nhà, nhà nằm trên các cột chống như những nhà ở thôn quê vậy. Dầu lửa để ở đây, nhìn quanh, tất cả chỉ có thùng dầu lửa mà thôi. Ai đó, chỉ có thể là Stevie, đã để cho vòi dầu chảy, tràn ra cả mặt nền nhà, thấm ướt và chảy xuống nước. Tôi không biết chắc vì sao ông ta làm thế, nhưng tôi nghĩ ắt hẳn ông đã đi xuống dưới này để lấy dầu châm thêm đèn và rồi con đau thắt ngang lưng ập đến và điều ông chỉ có thể làm là cố gắng lết cho được về tới giường nằm. Dầu sao thì thùng dầu cũng sắp cạn.

Ông Liên Chi cầm một cái lon và nhờ tôi cầm, còn ông thì dốc ngược thùng dầu đổ từ từ vào lon, nhưng chỉ được đầy một muống Chùng đó thôi sao, ông Liên Chi? :

Tôi hỏi :

- Ông còn thùng dầu nào nữa không? Chùng này dầu lửa thôi sao?

Ông ta lắc đầu:

- Hết rồi!

Thật là xui xẻo nhưng biết làm gì hơn được. Ông ta cầm cái phễu và tôi rót hết số dầu còn lại vào đèn, cũng được một phần tư. Chúng tôi trở lại nhà và giải thích cho Xơ Finlay rõ mọi chuyện. Tôi nói:

- Xin lỗi Xơ. Nhưng dầu lửa chỉ còn chùng ấy thôi. Tôi không nghĩ là đủ thấp trong đêm nay. Khi Xơ làm xong, ta nên vận lu một chút là đủ Tôi giúp Xơ cởi quần dài cho ông Stevie để Xơ dễ khám bệnh. Chúng tôi để ông nằm ngửa, ông vẫn chưa tỉnh. Sau đấy tôi cầm đèn trong lúc Xơ khám phần bụng của ông ta. Bụng có sưng lên rõ rệt vì khi Xơ lấy tay nhẹ nhàng ấn xuống, ông ta cựa quậy và rên lên mặc dù đang ngủ say. Giờ đây, Xơ đã kéo dra lên đắp ngang bụng ông già, trầm ngâm đứng nhìn ông ta. Cuối cùng Xơ nói:

- Có lẽ bị viêm màng bụng. Chúng ta cũng khó mà làm gì được vì ông ta đã dùng nhiều chất ma túy quá!

Xơ xoay về phía ông Liên Chi:

- Bác làm ơn cho tôi biết những vật trên bàn kia :

- Xơ vẫn dùng lời lẽ ôn tồn :

- Xe điếu và thuốc phiện.

Ông ta lẳng lặng đem bàn đèn ra cho Xơ coi.

Xơ hỏi:

- Ông ấy hút có nhiều không?

Ba lần :

Ông ấy trả lời :

- Hút xong ba lần. Trời tối là đi ngủ. Ngon mấy cũng không hút nữa.

Bác cũng hút chứ bác Liên Chi?.

Ông ta gạt đầu Xơ Finlay lại hỏi tiếp:

- Hút ba điếu mà ngủ say như thế cơ à?

Ông ta lắc đầu:

- Hôm qua ông ấy hút nhiều, cả hôm nay nữa. Hút cho đỡ đau!

Theo bác, hôm nay ông ta hút bao nhiêu điếu?

Ông ta nhặt cái đĩa lên, nhìn vào chất còn sót lại, đó là một chất nhựa có màu nâu đọng dưới đáy đĩa.

Mười :

À, mười một :

Ông ta nói :

Tôi cũng không chắc. Có lẽ ông ta thức dậy thấy đau, hút một hai điếu gì đó rồi đi ngủ lại, ông ấy ngủ cũng một hai tiếng rồi!

Xơ cúi mình trên người nạn nhân, cẩn thận đưa tay vạch mí mắt của ông ta. Tôi cầm đèn trong lúc

Xơ nhìn vào mắt ông ấy. Sau đấy Xơ đứng dậy và nói:

- Dầu sao chưa đến nỗi nặng lắm. Làm thế nào cũng phải đưa ông ấy đến phi trường vào ngày mai và nhờ máy bay cứu hộ chở ông ta đến Curry. Ôu đấy mới phẫu thuật được. Nếu không bị mất vali, chắc tôi cũng cho ông ấy uống một liều giảm đau, nhưng giờ này ông đã tự làm giảm đau rồi. Đôi lúc, trong vài trường hợp, có thể đấy là sự may mắn.

Tôi gạt đầu và hỏi:

- Thuốc phiện là thứ gì?

Là chất mót phin :

- Xơ nói :

- Con không biết trong đó có chất gì khác nữa , nhưng mót phin là thành phần chính trong đó. Đó là chất mà con phải chích cho ông ta khi cần thiết, cũng giống như một chất thuốc mê.

Chẳng còn việc gì để làm, tôi mồi một ngòi trên một vali áo quần bên cạnh một cái bàn, trên đó rất bừa bãi một vài thức ăn xong mà chưa dọn. Đầu tôi cứ quay quay và nóng lên. Tôi mơ hồ nghe tiếng Xơ Finlay nói:

- Chúng ta phải canh chừng ông ta đêm nay và hy vọng ngày mai, thế nào ngày mai cũng đưa ông ấy ra khỏi nơi này.

Tôi cố gắng lắng mới nghe rõ câu nói của Xơ. Tôi nói:

- Mưa thế này, sợ nước lên cao quá.

Con cũng đang lo như vậy.

Dừng một lát, Xơ lại nói tiếp:

- Cha thấy trong người thế nào?

Vẫn khỏe :

Tôi trả lời.

Tôi cảm thấy như có tay Xơ đang cầm tay tôi xem mạch và giọng Xơ vang lên:

- Cha có khoẻ đâu, cha đang bị sốt mà!

Không hề gì đâu! Cha cần nước uống :

Tôi nói Tôi mơ màng nghe tiếng Xơ nói với ông Liên Chi và tiếng khản khoản gì đó, nhưng tôi chẳng hiểu gì. Sau đó Xơ đưa cho tôi một ly nước, có mùi như nước lựu, tôi uống xong thấy khoẻ ra và hơi tỉnh táo.

Giờ đây tôi thấy ông Liên Chi ở phòng bên kia, có cái bếp nấu bằng củi và bắt đầu dọn thức ăn ra bàn. Ông dọn ra ba cái bát lớn bằng gỗ, ba cái muống gỗ và bánh mì tự làm lấy nên hình thù trông xấu xí. Cuối cùng, ông ta mang vào một cái xoong bằng đồng, đầy súp, còn bốc khói, trộn với nhiều loại rau cải. Đây là bữa ăn tối của chúng tôi. Chúng tôi ăn rất ngon miệng, tôi ăn những hai chén và còn muốn ăn nữa. Aên xong uống nước trà đen, không đường.

Trong lúc chúng tôi đang nhâm nhi nước trà ở bàn ăn thì trời tạnh mưa. Tiếng mưa rây đều đều trên mái tôn như một âm thanh không bao giờ dứt, giờ đây đã dịu đi và ngừng hẳn. Tôi ngẩng nhìn Xơ Finlay và Xơ nhìn lại tôi.

Thế này thì dễ chịu hơn :

Tôi nói :

- Cha bắt đầu lo là không biết làm thế nào để đưa ông ấy đi ngày mai.

Con cũng đang lo như Cha vậy :

- Xơ nói :

- Nếu nước lựu sâu hơn, làm sao mà tìm được một con thuyền.

Ôu Dorset Downs thì có thuyền :

Tôi nói :

- Donovan biết chúng ta ở đây. Thế nào ông ấy cũng sắp xếp cho chúng ta vào sáng mai.

Tôi quay sang ông Liên Chi:

- Từ đây đến Dorset Downs bao xa vậy ông?

Độ mười, mười lăm dặm, không xa đâu :

Ông ta trả lời Giờ đây chẳng có việc gì nhiều cho Xơ Finlay và cả tôi. Stevie thì hôn mê, đầu cũng chỉ một hai lần nhúc nhích. Tôi liền trở dậy và đi ra hàng hiên, ở đây mát hơn, tiếng gió nhẹ vi vút đầu đầu làm cho cơn sốt của tôi hạ xuống. Mây tan đi, vàng trắng rằm thỉnh thoảng lại xuất hiện, chiếu ánh sáng bạc xuống vạn vật trong đó có căn nhà chúng tôi đang ở và cánh rừng bạch đàn xa xa. Tôi vẫn đứng đấy để mặc cho gió nhẹ thổi lộng vào áo quần trong lúc mắt tôi dần dần quen với cảnh vật trong đêm. Và rồi tôi thấy một quang cảnh hết sức lạ lùng.

Những con vật còn đấy, đứng có, nằm có, ở vùng cỏ đã dọn sạch, tập hợp lộn xộn thành nửa vòng tròn quanh ngôi nhà. Đầu của chúng nó quay về hướng chúng tôi và chăm chú nhìn. Không những gia súc, chó rừng, chó dingo, heo rừng, chuột túi nhỏ, cũng tập hợp cách hàng hiên chưa đầy một trăm mét. Chúng không có vẻ gì đang gặm cỏ hay đi lui đi tới ồn ào, mặc dầu chúng không phải là bất động, một hai con chó đang cào đất và mấy con bò thì đổi chỗ đứng. Nhưng chúng vẫn đứng hoặc nằm nửa vòng tròn quanh nhà và nhìn vào chúng tôi Tôi đi vào phòng và nói với Xơ Finlay:

- Xơ ra đây mà xem!

Xơ đưa mắt ra hàng hiên và khi mắt Xơ đã quen với ánh trăng, Xơ cũng thấy bày súc vật Có lẽ là ngọn đèn

Tôi nói :

- Tôi nghĩ là ngọn đèn đã lôi cuốn chúng.

Đàng sau chúng tôi, ông Liên Chi đang nói lầm thảm gì trong miệng và ông ta im ngay, tôi không biết ông ta đã có mặt ở đấy, Xơ quay về phía ông ấy và hỏi:

- Ông thường tập hợp chúng như thế sao?

Ông nói câu gì đó mà chúng tôi không hiểu và rồi ông ta trở vào nhà. Chúng tôi đứng ngoài hàng hiên một lúc nhìn bày súc vật, và vì không có ông Liên Chi nên tôi có thể hỏi Xơ tự do:

- Tình trạng ông Stevie hiện tại như thế nào, Xơ? Xơ có nghĩ rằng ông ta qua được không?

Xơ nói:

- Con cũng lo lắm, thưa Cha. Con cũng chưa chắc ông ta bệnh gì. Có thể là viêm màng bụng và như thế thì phải đi đến Cloncurry. Cũng có thể, ông ta chết đêm nay.

Tôi gật đầu đồng ý:

- Tôi xin lỗi về cái vali thuốc của Xơ. Nếu trời tạnh ráo, tôi phải tìm mới được.

Chẳng quan trọng đâu Cha :

- Xơ trả lời :

- Con chẳng xài được gì mấy những thứ trong vali ấy!

Chúng tôi đứng ngoài hàng hiên một lúc nữa. Tôi còn đang sốt nhưng ngoài trời thoáng mát. Giờ đây tôi lại cảm thấy lạnh và bắt đầu run. Tôi xin lỗi và đi vào phòng. Ông Liên Chi không có mặt ở đây nhưng giờ đây trong phòng có mùi hương thoảng thoảng. Tôi đi tìm ở phòng khác xem thử có gì. Căn phòng được chiếu sáng bởi một cây đèn cầy, giờ đây chỉ còn leo lét. Trong góc phòng có một bàn thờ nhỏ loè loẹt có phủ rèm, ở trong có một tượng Phật làm bằng thạch cao sơn đỏ, đã bị ám khói. Trước tượng có một cây nhang đang cháy đỏ. Ông Liên Chi đang quỳ trước bàn thờ, yên lặng cầu nguyện. Tôi lặng lẽ rút lui.

Tôi nói nhỏ với Xơ:

- Ông ta đang cầu nguyện trong đó, trước một ông bụt.

Xơ ngạc nhiên nhưng chúng tôi chẳng thể làm gì với việc ấy cả, đây không phải là địa hạt của chúng tôi. Chúng tôi vặn nhỏ ngọn đèn để tiết kiệm ngọn đèn và yên tâm ngồi đợi chuyện gì sẽ xảy đến. Tôi ngồi ngủ gà gật trên ghế, vừa lên cơn sốt. Ào quần của tôi lúc ấy khô nhưng tôi vẫn thấy khó chịu. Chốc chốc, tỉnh dậy, tôi lại uống một ly nước lạt, rồi trở về chỗ ngồi.

Tôi không biết lúc ấy là mấy giờ thì ông Stevie tỉnh lại, có lẽ mười hay mười hai giờ gì đó. Chúng tôi đến đây cũng được vài giờ. Tôi ngủ thiếp đi và thức dậy, đã thấy Xơ Finlay đi đến bên giường, tôi đứng dậy đi theo. Xơ đang bắt mạch cho ông ta, lúc này ông ấy không nằm yên. Hai hay ba lần mắt ông ấy mở ra, nhắm lại. Ông ấy co đầu gối lên ép vào dạ dày, chứng tỏ là đang đau lắm.

Ông ta lên cơn rồi đấy! :

- Xơ thì thầm nói :

- Đã đến lúc chúng ta phải làm việc rồi Cha ạ! Giá mà có cái vali của con!

Tôi bước tới gần bàn, vặn sáng đèn lên, rồi trở về giường. Ông Liên Chi có lẽ bị đánh thức vì tiếng động của chúng tôi bước ra từ phòng bên cạnh. Ông ta đứng yên lặng với chúng tôi một lúc, nhìn bệnh nhân từ từ tỉnh lại và đau đớn. Rồi ông ta nhẹ nhàng ra hàng hiên và đứng nhìn ra ngoài trời.

Tôi chẳng làm gì được nên theo chân ông ta ra đứng đây trong lúc mắt bắt đầu quen với bóng đêm.

Aùnh trăng bị gián đoạn và bóng đêm bị bao phủ khi những đám mây dày trôi qua che lấp mặt trăng. Mây trôi đi, ánh bạc chiếu xuống, tôi thấy những bầy súc vật còn nhìn chúng tôi, còn nhiều hơn trước đây. Tôi hỏi ông Liên Chi:

- Súc vật thường đến đây vào mùa mưa phải không ông?

Ông ấy trả lời:

- Ông Stevie sẽ chết đêm nay.

Không đâu :

Tôi nói :

- Chúng tôi sẽ đưa ông ta vào bệnh viện vào ngày mai.

Ông ta lắc đầu:

- Súc vật đến đây. Tôi nghĩ ông ấy sẽ chết.

Tôi nhìn ông ngạc nhiên :

- Ông nghĩ rằng súc vật biết?

Ông ta gật đầu:

- Súc vật có linh tính.

Tôi không thể hiểu tại sao cái chết của một ông già phóng đãng, nát rượu lại làm động lòng thế giới loài vật đến như vậy, nhưng chẳng ích lợi gì đi tranh cãi với ông Liên Chi vấn đề này, nếu thật sự những vấn đề ngôn ngữ cho phép thảo luận. Tôi còn đứng thêm với ông ta vài phút nữa và sau đó trở vào phòng cùng Xơ Finlay và bệnh nhân của Xơ.

Stevie bây giờ đã tỉnh táo hẳn và rõ ràng là ông ta đau nhiều. Ông có rên nho nhỏ, thỉnh thoảng bộ mặt ông biến dạng khi cơn co thắt hành hạ Ông, và điều này gây ấn tượng với tôi nhiều hơn tiếng rên ông ta phát ra.

Khi ông ta thấy tôi, ông ta hỏi Xơ Finlay:

- Vị mục sư người Anh làm gì ở đây?

Tôi nghĩ rằng ông ta nói đến vị mục sư như bao vị mục sư khác, nhưng Xơ Finlay nghĩ rằng có ý xấu, nên Xơ hỏi ông ta có ý gì khi nói đến một mục sư người Anh. Là gì đi nữa thì tôi cũng chẳng quan tâm. Tôi đến bên giường và hỏi:

- Tôi đi cùng Xơ Finlay đến đây khi được tin anh bệnh. Đáng ra Trung sỹ Donovan đã đưa Xơ đến đây, nhưng vì ông ấy phải đi Millangarra, nên tôi đi thay. Anh thấy trong người thế nào anh bạn?

Ông ta thì thào :

- Tôi đau lắm, đã ba ngày nay rồi. Cha có đem theo huyết ki không?

Không anh ạ! :

Tôi nói :

Tôi chẳng mang theo. Dầu sao cũng chẳng có lợi cho anh đâu!

Ông nhìn tôi một lúc rồi nói:

- Tên Cha là Roger phải không?

Đúng rồi. Tôi là Roger, còn anh là Stevie.

Tôi biết :

Ông ta nói :

- Thiên đàng , địa ngục, quanh quẩn chỉ có thế!

Tôi cũng nhận ra Xơ Finlay đang giậm run lên. Phải nói rằng, chẳng có vẻ gì tỏ ra là Stevie thích

những lời an ủi thiêng liêng của tôi. Tôi nói:

- Anh hãy cố cho mau khỏe, ít hôm nữa, chúng ta lại có thể thảo luận với nhau. Chúng tôi sẽ đưa anh đến Landsborough ngày mai và rồi máy bay cứu hộ sẽ đưa anh đến Cloncurry. Tôi còn bay xa hơn thế:

Ông ta thì thầm:

- Lên rồi xuống, lên rồi xuống, khắp cả thế giới, có chớ cả Nữ hoàng. Ottawa, Keeling Cocos, Nanyuki, Ratmalana. Tôi biết tất cả những nơi này. Tôi đã đến Seventh Vote. Cha đã đến đấy chưa? Cha có biết rằng tôi đã đến đó không?

Tôi liếc nhìn Xơ, thấy Xơ hơi nhăn mày. Dĩ nhiên, ông ta đang vận dụng trí nhớ. Có lẽ điều gì làm động não thì cơn đau cũng quên đi. Và như vậy cũng có ích thôi vì khỏi chích thuốc giảm đau. Tôi trả lời:

- Tôi chưa bao giờ nghe đến tên đó. Làm sao anh đến đó được?

Cơn đau lại đến giày vò ông ta và bộ mặt của ông ta biến dạng theo cơn co thắt. Dòng tư tưởng bị phá vỡ, ông nói chẳng suy nghĩ:

- Tôi bệnh đã ba ngày nay. Cha có witky không Cha?

Rất tiếc tôi không mang theo:

Tôi kiên nhẫn trả lời, Xơ Finlay nói:

- Nằm xuống đi, cố gắng ngủ đi một chút bác Stevie. Bây giờ đến sáng mai không còn lâu nữa đâu. Chúng tôi sẽ đưa bác đến bệnh viện.

Tôi tự động rút lui khỏi nơi ấy. Một phần tôi chẳng biết cách chữa trị mà giúp Xơ một tay, một phần vì tôi lại lên cơn sốt và vã mồ hôi, cái đầu thì muốn xoay vòng vòng nhưng tôi lại không muốn cho Xơ biết tình trạng của tôi. Aùo giác về ông già cứ chạy quanh quanh trong đầu óc mệt mỏi của tôi nào là the Seventh Vote, Ottawa, Keeling Cocos, máy bay chớ Nữ hoàng. Tôi hình như nhớ ra rằng ông ta đã nói chuyện với tôi như thế. Tất cả những chuyện này từ đâu đến, những kỷ niệm lang thang nào đã cùng nhau đến để được diễn tả bằng những từ như thế? Những bản sao chép của các tạp chí du lịch về Ottawa và Keeling Cocos? Một bài báo nào trong tuần san phụ nữ của Uùc về Nữ hoàng? Và rồi chủ đề bây giờ lại được nói một lần nữa. Nhưng tất cả đều dễ, bởi vì khi người đàn ông đã một lần làm sĩ quan hoa tiêu lái một máy bay thì kỷ niệm in sâu trong óc anh ta và anh ta không bao giờ có thể quên được.

Tôi ngồi đây, trong người nóng ran khó chịu, trong lúc sự khủng hoảng lại xảy ra ở trên giường. Từ đằng xa, tôi nhìn thấy rõ những cơn co giật và thấy Xơ Finlay đã cố gắng hết mình để giúp đỡ nạn nhân, nhưng sức người có hạn. Từ phòng bên, ông Liên Chi đem đến vải nhúng nước nóng, còn bóc hơi và đặt trên chiếc bụng xương xẩu, cứng đơ. Giờ này, khi cơn sốt đã hạ, tôi thấy trong người hơi nhẹ nhõm, tôi nghe được tiếng ông già ấy nói:

- Có ông Liên Chi đấy không?

Ông ta ở phòng bên

- Xơ Finlay trả lời :

Bác muốn nói chuyện với ông ấy sao?

Stevie gật đầu và Xơ gọi ông Liên Chi đến bên giường. Ông Liên Chi hỏi:

- Anh cần gì, Stevie?

Tôi cần hút, anh bạn ạ! :

Ông già trả lời Ông già người Hoa nhìn Xơ, Xơ lắc đầu, ông đành lặng lẽ rút lui khỏi phòng, để mặc cho Xơ đối phó với người bệnh.

Xơ nói:

- Giờ này thì không được. Hôm nay bác đã hút đủ rồi. Hút thêm nữa, có hại đấy. Chịu khó đi, tôi sẽ đắp khăn nóng cho bác đỡ đau Không nghe tiếng đáp lại, một lúc sau, tôi nghe ông ấy giọng rất yếu:

- Cho tôi uống witky, đi Xơ. Tôi là thằng qui tha ma bắt.

Rất buồn lòng nhưng Xơ cũng gắng gượng nói:

- Tôi không có witky đâu , bác Stevie ạ! Và như vậy cũng tốt cho bác thôi. Nằm yên đi và cố gắng mà nghỉ ngơi.

Con co giật lại đến với ông ta. Tôi thấy Xơ dùng cả hai tay ấn vai ông ấy xuống. Ông Liên Chi ắt hẳn cũng có mặt ở đâu đấy ở đằng sau mà theo dõi và ông ta lâu lâu phải trợ giúp Xơ. Cả hai người phải vật lộn với ông Stevie cho đến khi con co giật chầm dứt. Tôi cảm thấy mắc cỡ vì bản thân tôi không giúp được Xơ gì cả. Tôi phải đầu hàng vì sự yếu đuối của tôi sao? Tôi quyết đứng dậy và đi về phía bàn.

Tôi ngờ nghếch hỏi:

- Tôi giúp được gì chăng?

Bệnh nhân đã nằm yên tạm thời, chờ đợi con giật kế tiếp chưa biết đến lúc nào. Xơ quay lại phía tôi, mồ hôi nhễ nhại sau cuộc phấn đấu, một mái tóc đỏ xuống phủ lấy đôi mắt, tuy vậy Xơ vẫn hỏi:

- Cha thấy trong người thế nào?

Cũng bình thường :

Tôi trả lời :

- Hồi này hơi khó chịu nhưng bây giờ đã khá rồi!

Xơ vừa tự chải tóc lật ra phía sau vừa nói:

- Mời Cha ra ngoài hàng hiên cho mát.

Chúng tôi đi ra khỏi phòng, mặt trăng còn soi sáng đầy đặn trên khoảng đất trống giữa cánh rừng, và các bày súc vật vẫn còn đứng nhìn chúng tôi. Xơ quay sang nói với tôi, giọng nhỏ hơn:

- Con biết Cha đang sốt. Cha có hiểu con nói gì không, Cha?

Tôi trả lời:

- Dĩ nhiên, Cha rất thông cảm với con.

Xơ gật đầu:

- Con không nghĩ rằng ông ấy gặp may :

Tiếng Xơ nhỏ dần. Xơ nhìn đồng hồ và nói thêm :

- Từ khi ông ấy tỉnh, đã được một giờ mười phút, và thì giờ ông ta yếu hơn lúc nãy. Con sợ Ông ấy chết trước khi trời sáng, thưa Cha.

Tôi gật đầu tán đồng:

- Cha cũng nghĩ như vậy. Chúng ta không làm gì được sao?

Không làm được gì đâu, Cha ạ! Điều độc nhất có thể làm được là phẫu thuật ngay, mà con không làm được điều đó. Cho dù con không mất vali y tế, con cũng không làm được gì cho ông ấy, trừ chích cho ông ta một liều giảm đau. Hiện trạng là ông ta đang đau ghê gớm.

Tôi trả lời:

- Cha cũng biết như vậy. Xơ lại nói tiếp:

- Con nghĩ công việc của chúng ta hiện nay là làm thế nào cho ông ta dễ chịu. Con không nghĩ là cho ông ấy hút thêm vài điếu thuốc phiện là gây nguy hại cho ông ta, và như thế thì tình trạng có gì thay đổi đâu! Cha có nghĩ rằng đó là điều quá tệ hại?

Tôi lắc đầu:

- Không, Cha nghĩ đó là điều tốt nhất mà con có thể làm được.

Xơ nói nhỏ nhỏ:

- Cái ấy trong nghề nghiệp không có. Con cũng không rõ... Nếu ông ta bớt đau, thì có thể giữ được sức khỏe.

Tôi nói:

- Cha sẽ để cho ông ấy hút.

Xơ gật đầu:

- Thì cũng phải thế thôi.

Rồi quay về phía tôi Xơ nói:

- Con không nghĩ thuốc phiện làm ông ấy chết nhưng nếu ông ấy hút đủ để ngất đi, có thể ông ấy chết trước khi tỉnh lại. Con muốn Cha hiểu tình trạng như thế đấy, thưa Cha Tôi nói:

- Tuy vậy, Cha nghĩ là Xơ nên cho ông ấy hút :

Suy nghĩ chốc lát, tôi lại nói tiếp :

- Nếu được Cha sẽ ngồi nói chuyện với ông ta trong lúc ông ta từ từ đi vào giấc ngủ.

Sau lưng chúng tôi, màn đêm đã buông xuống từ lâu. Xơ nói:

- Dĩ nhiên là con chưa bao giờ thấy tác dụng của thứ thuốc này và cũng không biết phải mất bao lâu.

Nếu nó giống như các loại thuốc khác, sẽ có một giai đoạn ngủ thiếp đi và khi ấy đâu biết đau là gì, trước khi ngủ hẳn. Ông ta cũng có thể tỉnh táo nói chuyện trong vài phút.

Đang sau chúng tôi, bóng tôi bò ra khỏi phòng, và đang bủa vây chúng tôi. Xa xa ngoài khoảng đất trống, bầy gia súc vẫn còn tập trung chờ đợi. Xơ hơi rùng mình Những con vật kia....

Nói xong Xơ nhìn ông già nằm đấy Lạ chúa tôi.

Chuyện gì thế, á Xơ? :

Hỏi xong tôi hiểu ngay.

Căn phòng sau lưng chúng tôi hoàn toàn tối hẳn, vì dầu trong cây đèn đã cạn, giờ đây chỉ còn lại leo loét một đốm lửa xanh.

Đừng lo :

Tôi nói :

- Đang còn đèn cây mà!

Tôi đi vào phòng bên và gọi:

- Bác Liên Chi.

Ông ta đi ra ngay, tay cầm cây đèn dầu lên, lắc nhẹ nhưng chẳng còn giọt dầu nào. Tôi đi đến chiếc vali, mở ra, lấy cây đèn bấm.

Đây rồi!

Aùnh đèn vàng chiếu trên nền gạch. Tôi hỏi:

- Ông có tìm được cây đèn cây nào nữa không ông, Liên Chi?

Đèn cây nhỏ thì cũng có, nhưng ít thôi.

Ông ta trả lời và đi qua phòng kế bên, khi ông ta trở về đã có cây đèn cây ngắn ba phân cắm trên chiếc đĩa trà.

Tôi hỏi:

- Chừng đó thôi sao?

Ông ta gật đầu:

- Hết đèn cây rồi sao?

Ông ta lắc đầu:

- Hết dầu lửa? Không còn gì để thắp đèn?

Ông ta lại lắc đầu:

- Tôi quay về phía Xơ:

- Cha sợ chúng ta ngồi trong tối trước khi trời sáng. Cây đèn cây ấy chẳng bao lâu nữa sẽ tắt và đèn bấm thì sắp hết pin.

Xơ mỉm cười:

- Chuyện này rồi đến chuyện khác xảy ra đêm nay, thưa Cha. Nếu ông ta đi vào giấc ngủ rồi, thì

cũng chẳng quan trọng gì. Chúng ta có bốn phận phải canh chừng ông ta, nhưng khi ông ta đã ngủ thiếp đi, tốt hơn nên tắt đèn vì còn đề phòng sau này mà dùng nữa. Ông ta co ừ thể tỉnh lại, chưa biết chừng.

Cha cũng nghĩ đó là phương cách tốt nhất ta cần làm.

Xơ quay về phía ông Liên Chi:

- Bác cứ đưa cho ông ta cái xe điếu, tùy ông ta muốn hút thì hút.

Một điều thôi? :

Ông ta hỏi Ông ta cầm đèn bấm của tôi và bước nhanh sang phòng kế bên. Ông trở về ngay với xe điếu, cây đèn dầu lạc và cái chất màu nâu trên đĩa trà mà ngay khi mới vào phòng, chúng tôi đã thấy trên ghế dựa cạnh giường.

Xơ Finlay nói:

- Ông Liên Chi đã mang xe điếu đến cho bác, bác có muốn hút không, bác Stevie. Hút ngay bây giờ một điếu đi!

Ông ta không nói gì, đang ở tư thế nằm ngửa, ông muốn trở mình nằm nghiêng sang bên phải. Xem ra, ông không thể di chuyển phần dưới của cơ thể. Ông Liên Chi tiến tới cùng Xơ Finlay giúp ông ta nằm thoải mái về một bên. Sau đấy ông Liên Chi thắp ngọn đèn dầu lạc lên, lấy cái xiên nhỏ nhúng vào chất nhựa màu nâu, lấy ra một miếng bằng hạt đậu, nướng trên ngọn lửa xanh cháy xèo xèo. Xong ông ta vo tròn cục nhựa nhét vào lỗ nhỏ ở bộ phận xe điếu, đưa bộ phận ấy lên lửa, ngậm vào cuối xe điếu rít từ từ, cục nhựa cháy lên, ông ta hít hơi vào. Xong đưa xe điếu cho ông Stevie. Ông già cầm xe điếu đưa lên miệng, bắt đầu hít thật sâu, giữ trong phổi vài giây rồi phì khói ra bằng mũi, mùi khói khét lẹt, khó chịu. Ông ta hít như thế ba bốn lần. Xem ra, ông ta hầu như thoải mái tức thì vì chỉ trong một hai phút ông ta nằm yên thư giãn, những đường nét mệt mỏi đau đớn đã dịu đi trên khuôn mặt của ông ta. Xe điếu hầu như đã chấm dứt nhiệm vụ sau những lần hít như thế vì ông ta đã trao nó lại cho ông Liên Chi.

Ông già Hoa hỏi:

- Điếu nữa nhé?

Ông già Stevie gật đầu. Ông Liên Chi đang chuẩn bị tẩu cho điếu thứ hai. Tôi tiến tới và ngồi xuống trên mép giường.

Bác Stevie này. Tôi là Roger Hargreaves. Chắc bác biết tôi, tôi là mục sư của Landsborough. Bác nhớ không?

Tôi biết. Cha đã thắng cá ngựa con Ô Lạc.

Đúng rồi! Chúng ta đã quen thân. Giờ đây bác bệnh. Bác sẽ ngủ thôi, sau khi đã hút những cử thuốc này. Trong lúc bác ngủ, chúng tôi sẽ đưa bác đến bệnh viện để phẫu thuật. Tôi nghĩ rằng, cuộc phẫu thuật sẽ thành công, bác sẽ khỏe mạnh trở lại, nhưng bất cứ một cuộc phẫu thuật nào cũng có sự may

rủi.

Rồi đây, tôi cũng sẽ chết, ông Liên Chi và Xơ Finlay cũng thế thôi. Chúng ta phải đối diện với cái chết đúng lúc, bác Stevie! Bác có thể từ giã cõi đời đêm nay. Bác có muốn tôi cầu nguyện cho bác không, trước khi bác đi ngủ không?

Địa ngục, thiên đàng

Ông ta thì thầm

- Tôi cũng chẳng cần lắm đâu.

Tôi biết bác không cần

Tôi nói

- Thế đức tin của bác là gì khi bác đã rửa tội, bác Stevie nhỉ? Thế bác đã đi nhà thờ nào khi bác còn trẻ?

•Tôi chẳng đi đến nhà thờ nào cả?

Ông ta nói

- Tôi đã trút bỏ tất cả khi ở trại chăn nuôi súc vật.

Thế khi bác ở quân đội trên thẻ bài của bác ghi chữ gì? Tin lành (C.of.E.) hay Thiên Chúa giáo La Mã (R.C) hay gì nữa?

Tin lành (giáo hội Anh Cát Lợi), họ gọi tôi thế

Ông ta trả lời Thế bác là tín hữu của tôi rồi!

Tôi nói tiếp

- Bác Stevie ơi, tôi chỉ cầu nguyện cho bác hai điều nhỏ thôi, rồi bác hãy trả lời tôi một hay hai câu hỏi, rất đơn giản. Hãy lắng nghe nhé!

Và tôi đã làm được điều tôi phải làm và ông ta đã ngoan ngoãn nghe theo và tôi đã cho ông ta được miễn xá. Sau đó ông Liên Chi chuẩn bị điều thứ hai. Ông ta cầm lấy và hút, lúc này có vẻ dễ dàng hơn nhiều và cơn đau cũng thuyên giảm.

Ông ta trả lui ống điếu cho ông Liên Chi Thêm nữa không?

Ông Liên Chi hỏi và ông già Stevie gật đầu. Liếc nhìn Xơ Finlay, thấy ban đầu thì Xơ nhún vai và sau đấy thì gật đầu.

Stevie nói:

- Tôi sắp chết, phải không?

Tôi trả lời:

- Không đâu. Nếu phải thì chẳng có gì đáng sợ.

Tôi là thằng quỷ tha ma bắt

Ông ta nói nhỏ?

- Xơ không cho tôi hút ba cữ, trừ phi tôi là thằng quỷ tha ma bắt ác ôn. Tôi không sợ chết. Tôi sẽ đi

chở Nữ hoàng.

Những ám ảnh đã trở về và phải chăng đó là thuốc phiện? Có lẽ ký ức phai nhòa đã bị đầu độc hay vì chất thuốc kỳ dị kia mà ra.

Bác yên tâm

Tôi bình tĩnh nói

- Chúa lòng lành không nở phán xử bác đâu!

Cha chẳng biết được gì đâu

Giọng nói yếu ớt của ông già khàn khàn phát ra

- Con có thể kể cho Cha nhiều chuyện lắm. Ông già Liên Chi mới lập luận sắc bén, chứ con nói chẳng hay đâu, con biết như thế. Con sẽ đầu thai làm kiếp khác, nhưng chẳng hề gì, vì mọi người cũng như thế cả. Tuy nhiên nếu được đầu thai ở hạng dưới cùng, sẽ yên tâm hơn.

Hình như ông ta bị thuyết phục bởi sự đầu thai theo một hình thức nào đó, nhưng ông ta quá bệnh hoạn nên tôi không thể thảo luận với ông. Nhưng ngay cả tôi cũng bệnh hoạn không kém, cơn sốt đã đến với tôi một lần nữa làm tôi vật vã và toát mồ hôi.

Tôi nói:

- Bác hãy yên tâm. Chúa sẽ thương xót đến bác.

Một khoảng yên lặng kéo dài, trong lúc ông Liên Chi đang sửa soạn xe điếu cho lần hút tiếp theo, có tiếng nói khàn khàn phát ra:

- Tôi không sợ chết. Chết chẳng là gì cả. Như ông Liên Chi đã hướng dẫn. Chỉ là ngủ quên mà thôi và đi vào một thế giới khác như đi vào một giấc mơ. Tôi cho rằng thà ở nơi ấy hơn ở đây.

Cơn sốt kéo đến làm cho người tôi say say nên không nói với ông ta được gì cả. Ông Liên Chi đốt cháy cục thuốc phiện nơi xe điếu và đưa cho ông Stevie. Sau khi hít mạnh vào bốn năm lần, ông ta trả xe điếu lại cho ông Liên Chi Thêm lần nữa nhé?

Ông già Stevie lắc đầu từ chối và dựa đầu lên gối nằm nghỉ. Ông Liên Chi thu dọn bàn đèn và bước qua phòng bên. Tôi tiến đến ngồi xuống ghế cạnh giường. Xơ Finlay cúi khom người, xem mạch ông già một lần nữa và đứng lên.

Xơ nói vừa đủ nghe:

- Chúng ta đi ra thôi!

Tôi gật đầu nói:

- Cha ngồi với ông ta một chút nữa

Khi nhìn cây đèn cầy leo loét cháy, tôi nói thêm

- Nếu muốn tiết kiệm, Xơ có thể tắt đèn cầy đi cũng được. Rồi đây, chúng ta còn cần nữa. Cha đã có đèn bấm rồi!

Xơ tiến đến bên bàn và thổi tắt ngọn đèn cầy. Tôi bật đèn bấm lên một chút. Bàn tay ông Stevie để

trên tấm dra, tôi cầm lên để vào tay tôi, bàn tay giá lạnh. Do đó tôi mới nhận ra rằng nhiệt độ cao trong người tôi cũng có hậu quả phần nào. Tôi bật đèn bấm và vẫn cầm tay ông ta. Ánh sáng nhợt nhạt hắt vào phòng từ khoảng rừng trông càng lúc càng mờ, và khi tôi ngồi ở đây, mưa lại rả rích trên mái tôn, một lúc sau đã trở thành một điệu gõ đều đều.

Tôi sực nhớ ra, có vài điều tôi định hỏi ông Stevie mà tôi quên. Tôi vẫn ngồi đấy, trong bóng tối, tay vẫn cầm bàn tay giá lạnh của ông ta, cơn sốt làm tôi ngây ngất, không còn định tính gì nữa, cố nhớ lại những điều cần làm mà không nhớ ra. Tiếng mưa râm ran trên mái càng làm cho đầu óc tôi lộn xộn, đờ đẫn, tôi như cảm thấy bị rớt vào một con mê sản và cố vùng vẫy để thoát ra. Tôi cần phải hỏi ông ta cái gì đây?

Và rồi câu trả lời đã đến, đó là câu hỏi về thân nhân của ông ta. Tôi đã quên không hỏi về vợ hay con cái hay thân nhân bà con của ông ta ở đâu đó, nếu trường hợp ông ấy lia đời phải thông báo cho ai. Điều đáng ân hận là không ai ở Landsborough biết về đời tư của ông ấy. Ông Liên Chi cũng biết rất ít những quan hệ ấy. Còn riêng tôi, ngay cả tên ông ta, tôi cũng không biết rõ.

Tôi bóp mạnh bàn tay ông ta, bản khoán là để sự việc xảy ra quá muộn Bác Stevie, bác có hiểu lời tôi nói không? Tôi là Cha Roger đây. Hãy nói cho tôi biết, trước khi đi ngủ, tên của bác, họ của bác đầy đủ.

Tôi cảm thấy bàn tay tôi đang nắm có hơi động đậy, tuy đầu óc ngây ngây, tôi vẫn cố tập trung để nghe ông ấy trả lời Anderson

Ông ta thì thào

- David Anderson. Nhưng các bạn thân thường gọi là Nigger.

Nevil Shute

Mùa Mưa

(In The Wet)

Chương 3

Đối với tôi chẳng lạ chút nào khi gặp người đàn ông có hai tên và tôi có thể nhớ lại một cảm giác nổi bật là hẳn ta còn có thể nói được, bởi vì đó là điều quan trọng để khám phá bất kỳ một người con cháu nào của hẳn ta. Các quận miền quê của Queensland đầy dẫy những người đàn ông như Stevie. Tôi đã quen rất nhiều thủy thủ rời bỏ thuyền mình và đến làm việc nhiều năm cho các trại chăn nuôi súc vật dưới những tên khác. Trong đó có một hai người chồng bỏ trốn khỏi những cuộc hôn nhân không thể chịu đựng nổi từ một đô thị nào đó. Công an cũng biết những người đàn ông này cùng

những tình huống của họ nhưng đã làm ngờ, vì lao động da trắng trong các trại chăn nuôi càng ngày càng hiếm. Cũng như ông Liên Chi với rau cải và hoa anh túc, họ chẳng có gì phải truy tố một người lao động giỏi như thế, trừ phi có gì bắt buộc họ phải thi hành mà thôi.

Tôi buộc miệng hỏi:

- Anh David Aderson, anh có gia đình chưa?

Rồi ạ!

Ông ta thì thảo Mấy con?

Hai.

Trong cơn sốt và mệt mỏi, tôi bỗng cảm thấy thư thái lạ vì đã có thời gian đặt thẳng vấn đề. Khi anh vào Bệnh viện, tôi sẽ viết thư cho vợ anh, và tin cho chị ấy biết tin tức về anh. Vậy chị ấy ở đâu?

Letchworth.

Ở đâu vậy?

Ngoại ô Canberra.

Tên nhà và tên đường?

Three Ways ở đường Yarrow.

Cơn sốt bệnh hành hạ tôi nên chẳng có gì là phi lý cả. Tôi sẽ viết thư cho chị ấy ngay khi chở anh đến bệnh viện.

Này người Úc gốc Anh ơi!

Ông ta nói lí nhí, có lẽ muốn nói là mục sư người Anh ơi. Sau đấy, ông ta nói tiếp

- Cô ấy cũng đến từ nước Anh Thế cô ta là người Anh rồi! người miền nào?

Oxford

Ông ta trả lời

- Cha mẹ cô ấy ở Oxford, thuộc miền Boars Hill. Nhưng chúng tôi lại ở Buck House. Ngay cả khi tôi mệt mỏi, tôi cũng hiểu rằng chuyện ấy là vô nghĩa. Chẳng có gì quan trọng trong việc ông già kể cho tôi nghe. Ông ta cũng chẳng lập gia đình, kể cả người vợ Anh ở Oxford, và ông ta cũng không có nhà ở Canberra. Đấy chỉ là những ảo giác, được thêu dệt từ thế giới mộng mơ mà ông ta đã chìm đắm vào do thuốc mạnh hay rượu làm lung lạc. Ngán ngẫm vì đã khám phá ra việc này, tôi tự bắt buộc phải tập trung vào vấn đề và cố gắng giải quyết. Tôi bảo với ông ta:

- Hãy cố gắng nói sự thật đi!

Ông ta không trả lời, nhưng bàn tay của ông ta ngọ nguậy trong tay tôi và lúc sau ông mới hỏi:

- Con đang ở đâu đây Cha?

Anh đang ở nhà của ông Liên Chi ở Dorset Downs

Tôi trả lời :

- Chúng tôi phải giữ anh ở đây, nhưng sẽ đưa anh đến Bệnh viện vào sáng mai. Trên đường còn ngập

nhiều nước quá nên không thể đi đêm nay.

Có khi ông thều thào chẳng đâu vào đâu:

- Hồn bướm bay ra khỏi ta, lang thang khắp nẻo trong lúc ta đang ngủ. Ông Liên Chi bảo với tôi như thế. Điều đó thật là huyền hoặc.

Có lẽ vì hút hay vì bệnh mà ông ta đi quá đà, điều đó cũng không mấy hay. Giờ đây mắt tôi đã quen với ánh sáng mờ nên tôi thấy được Xơ Finlay đang làm gì. Xơ đang ngồi cạnh bàn, một cánh tay đang đặt trên ấy và đầu Xơ đang tựa trên cánh tay, hình như Xơ đang ngủ say. Tôi cũng thấy vui trong lòng vì Xơ đã trải qua một ngày nhọc mệt và giờ đây không lí do gì cả hai chúng tôi lại thức cùng một lúc. Cứ để cho Xơ nghỉ ngơi và lấy lại sức khi cần Tôi cũng không thấy ông Liên Chi đâu cả, có lẽ ở phòng bên. Mùi nhang cháy nhàn nhạt đang lan toa? quanh tôi trong lúc tôi ngồi trong bóng tối và tôi nghĩ có lẽ ông ta đang thắp mấy cây nhang mới trước tượng Phật. Mưa vẫn còn rây trên mái tôn nhưng mây không còn dày đặc như trước, và với đôi mắt đã quen với bóng đêm của tôi, tôi có thể thấy được con đường nhỏ dẫn tới bãi đất trống cạnh rừng, từ chỗ tôi ngồi xuyên qua cửa lớn. Các bầy thú vẫn còn ở đấy, chúng đứng sát vào nhau, con ngồi con đứng, ở khoảng cách còn thấy rõ. Có lẽ trong đêm tối chúng đã tiến gần hơn để được nhìn rõ căn nhà mặc dầu đèn đóm đã tắt hết cả.

Stevie đang ngồi ở giường, thỉnh linh nói:

- Nơi này là vùng đất Dorset Downs?

Đúng vậy! :

Tôi trả lời :

- Từ nhà đến con sông Dorset chỉ cách mười lăm dặm thôi, đấy là nơi anh đang ở với ông Liên Chi Ông ta lại thì thầm, chẳng ăn nhập vào đâu Tôi sinh ra ở đây. Cha tôi là một người lái trâu.

Kể cũng kỳ thật, bao nhiêu sự kiện và ảo giác lẫn lộn trong đầu ông ta. Có thể tin được chẳng khi cha ông ta là một nhân viên phụ trách ở trại chăn nuôi hay có thể là một người lái trâu bò trong khi chính ông ta lại kết hôn với một cô gái ở Oxford? Tôi cũng đã nhớ lại cái địa chỉ ở Canberra mà ông ấy đã nói cho tôi biết, nhưng chẳng giống gì với người vợ và gia đình đã sống ở đấy. Thật ra sau đây tôi nghĩ chẳng có gì quan trọng. Tôi có thể đến bưu điện là tìm ra tông tích của ông ta ngay, vì hằng tháng ông vẫn lãnh lương hưu ở đấy. Một vài bưu điện nhà nước cũng lưu trữ những chi tiết về đời sống của ông ta. Thật ra, Trung sỹ Donovan có lẽ cũng biết được khá nhiều về ông ta. Tôi chỉ việc hỏi Trung sỹ ấy.

Tôi bệnh, phải không? :

Ông ta hỏi :

- Ở Dorset Downs, phía trên của Gulf Country?

Đúng vậy? :

Tôi trả lời :

- Chúng tôi sẽ đưa anh đến bệnh viện vào ngày mai.

Nhờ Cha giúp cho một việc :

Ông ta nói thều thào. Tôi phải cúi xuống thật sát mới nghe rõ :

- Nhờ Cha đánh điện cho Rosemary ở Letchworth. Tư lệnh phó không quân Watkins. Được không, Cha? Tư lệnh phó không quân Watkins. Nhớ nói là gặp cho được tư lệnh phó không quân Watkins không lực Hoàng gia Uùc. Nhớ đưa Nữ hoàng về Invergarry bằng máy bay không lực hay bằng trực thăng cũng được.

Dĩ nhiên đây chỉ là những ảo giác, một mớ hỗn độn của kí ức chiến tranh. Invergarry là một địa điểm thật sự. Đây là sân bay của oanh tạc cơ đậu trong thế chiến thứ hai, từ đây những pháo đài bay Liberafors cất cánh thả bom quân Nhật ở Timor và Tân Guinea. Tôi biết hai sân bay này vì có hai phi đạo rất lớn rải hắc ín dẫu trong rừng, sân bay mãi mãi vẫn còn tốt. Từ năm 1946, máy bay không đáp xuống đây nữa, trừ máy bay cấp cứu đến để chở những người bị thương trong trại chăn nuôi đi. Ở đây chẳng có nhà, chẳng có cơ sở, chẳng có người, chẳng có gì ngoài heo rừng và chuột túi.

Sáng mai Cha sẽ lo liệu

Tôi nói :

Bây giờ cố mà ngủ đi!

Hình như tôi thấy ông ta trần trở luôn luôn trong đêm tối.

Con phải liên lạc cho được với Rosemary :

Ông ta thì thầm, đôi khi có tiếng nức nở :

- Phải gặp cho được nàng. Chuyện vô lí. Nàng phải đem tôi ra khỏi đây.

Tôi chẳng làm gì được cho ông ta. Tôi cầm tay của ông ta và lắng nghe tiếng nức nở trong đêm trường. Cái chết đôi khi có thể đến trong trạng thái buồn khổ nhất. Sau một lúc tôi hỏi ông ta:

- Nếu anh không ngủ được, để tôi nhờ bác Liên Chi tiêm cho anh vài điều?

Tôi biết Xơ Finlay sẽ cho phép nếu thuốc phiện giúp ông ta ngủ yên Tôi đâu cần hút :

Ông ta nói nho nhỏ :

- Đừng làm thế. Tôi cần gặp Rosemary.

Ông ta lăn lộn trên giường trong cơn mê sảng, còn hơn cả người bị chứng bại liệt. Tôi thì cơn khát đang hành hạ, nửa tỉnh, nửa mê tôi đứng dậy đi đến bên bàn, uống một hơi dài nước lựu. Khi tôi di chuyển qua căn phòng, tôi cảm thấy như lướt đi trên không, tôi chẳng còn cảm giác đôi chân chạm đất và nghe tiếng bước chân. Khi cầm cái ly lên, tôi không biết nó nằm trong tay mình. Con sót đã hành hạ tôi và cơ thể tôi mờ hôi đổ ra như tắm. Ào quần tôi ướt sũng và dính lại mỗi lần tôi di chuyển. Tôi chẳng nghĩ ra được điều gì cả. Sau khi uống nước xong, tôi lang thang trong phòng tìm cho ra cây đèn bấm vì tôi muốn bật lên để nhìn ông Stevie trên giường. Nhưng tôi vẫn không tìm

thấy cây đèn bấm đầu và rồi hình như chẳng có gì quan trọng nữa, tôi đi trở về ngôi xuống ghế và tiếp tục nắm lấy bàn tay lạnh giá của ông ta.

Ông ta vẫn trần trụi, thì thào những điều khó hiểu. Dầu tôi cúi sát, để lỗ tai vào miệng ông ta, nhưng vẫn không thể hiểu được gì, trừ cái tên Rosemary được lặp lại nhiều lần. Tôi ngồi thẳng lên, bản khoăn buồn bã, không biết xử trí như thế nào. Sự khẳng định của ông ta về cái tên làm tôi cảm thấy âu lo. Rất có thể một phần trong những chuyện viễn vông kia là đúng sự thật và thật sự Ông ta đã có vợ tên Rosemary đã sinh trưởng tại nước Anh. Dầu đã uống nhiều nước, nhưng môi tôi vẫn thấy khô, khô đến nỗi không mở miệng ra được.

Làm cách nào anh gặp được cô ấy?

Tiếng mưa rơi đều trên mái tôn làm át tiếng nói của ông ta nên tôi không nghe rõ. Một lúc sau, có tiếng của ông ta trả lời:

- Sau chiến tranh tôi được chuyển về Boscombe Down và sau đấy lại được đổi về White Waltham. Tôi gặp nàng ở Hoàng cung.

Trong cơn mê sáng tôi hỏi ông ta:

- Cung nào?

Hoàng cung Buckingham. Nữ hoàng ở đấy, thưa Cha.

Dĩ nhiên theo sự hiểu biết của tôi, chuyện ấy chẳng nghĩa lý gì cả. Ông ta mê sáng thì tôi cũng chẳng hơn gì! Tôi nghĩ rằng tất cả đều là nhầm nhứ nhưng tôi quá mê sáng và hoang mang nên không thể suy nghĩ chính xác tại sao như thế. Tôi ngồi đấy, cầm bàn tay của ông ta và suy nghĩ rằng, giá như giờ này Xơ Finlay còn thức, nghe được những gì ông ta nói, ắt hẳn Xơ đã hành động một phần nào làm cho tôi đỡ khó khăn hơn. Trong lúc này, tôi có thể mê đi vì cơn sốt, nên giữa hai chúng tôi chỉ là nói chuyện vắn vơ, chứ không phải là một cuộc đối thoại, như thế dễ hơn.

Tôi hỏi:

- Boscombe Down ở đâu?

Ở Anh, tây Luân Đôn :

Ông ta trả lời, đấy là nơi thử nghiệm máy bay của không lực Hoàng gia. Tuy ở trạng thái mê sáng, tôi đã cố nhớ ra ông ta đã từng là phi công tham chiến ở Pháp hồi đệ nhất thế chiến, nên cũng có thể ông ta đã đến nơi ấy. Ông ta nói đấy là một nơi rất lớn ở một phi trường, bộ chỉ huy gồm nhiều kỹ sư và các nhà khoa học, thử nghiệm những loại máy bay này. Phi công là một tập thể gồm nhiều quốc tịch trong Liên hiệp Anh vì mỗi quốc gia chọn một số phi công xuất sắc nhất để gởi đến Boscombe Down, nên có rất nhiều phi công Anh, Canada, Uúc, Aán độ, Rhodesie và nhiều quốc tịch khác nữa, cùng làm việc, cùng bay thử nghiệm những máy bay này và cùng sống chung trong cư xá sĩ quan. Tôi ngồi đấy, đầu vầng vát và hỗn độn, lắng nghe những ý nghĩ kì quặc của ông ta, trong lúc mưa vẫn rơi đều trên mái làm át các âm thanh khác. Ông ta nói rằng đã từng có mặt ở đấy trong sáu tuần

để bay thử nghiệm hằng ngày và lần đầu tiên đã gặp được không đoàn trưởng Cox. Trước đó từ sáng sớm, ông ta bay thử nghiệm lên đến độ cao tám mươi ngàn bộ trong chiếc máy bay chiến đấu và phóng xuống ở độ cao thấp hơn, nhưng hệ thống lạnh không được hoàn hảo nên ông ta đã đổi hướng bay và giảm vận tốc còn lại bốn mươi ngàn bộ vì nhiệt độ ở trong buồng lái không thể chịu nổi. Ông ta bay lên và thử lại lần nữa và cố giữ đường phóng xuống cho tới độ cao ba mươi hai ngàn bộ. Ông ta hạ cánh sau một giờ mười phút bay và cảm thấy rất mệt mỏi. Những dòng chữ tường trình ấy, giờ đây những chi tiết còn rõ nét trong trí nhớ của ông, sau đây ông đã trở về cư xá sĩ quan tắm rửa và thay áo quần. Và rồi ông đến phòng ăn tập thể để ăn trưa.

Cùng bay với ông lúc ấy có hai phi công khác:

Một từ Hải quân và một từ không lực Hoàng gia như ông. Từ phòng ngoài đã thấy hai người bạn đứng với vị sĩ quan chỉ huy và một vị không đoàn trưởng mà ông chưa biết tên. Vị sĩ quan gọi ông lại và giới thiệu ông với ông Cox Đây là phi đội trưởng Anderson.

Không đoàn trưởng thật sự là người Anh, một sĩ quan thuộc loại già dặn, hơi gầy nhưng chắc chắn và đẹp trai với cung cách lịch thiệp. Ông ta nói:

- Chào anh, tôi có tên trong điện thoại niên giám. Anh uống gì nào?

Stevie trả lời:

- Nước cà chua, thưa Đại tá.

Có bay chiều nay chăng?

Stevie lắc đầu:

- Tôi đáp để chích lại hệ thống lạnh. Phải đưa máy bay vào xưởng gấp, chắc không kịp bay ngày mai.

Uống thêm nước sêri nhé!

Dạ, xin cảm ơn, tôi không quen.

Ông ta nhận ra rằng không đoàn trưởng đặc biệt chú ý công tác vừa rồi ông đã thực hiện trên chiếc đấu cơ và muốn biết rõ hơn nữa về sự việc đã xảy ra. Mở đầu câu chuyện, David Anderson luôn luôn cảnh giác tránh né một câu hỏi trực tiếp bằng cách pha trò rất khôn khéo khiến chỉ huy trưởng và không đoàn trưởng đều cười. Chỉ huy trưởng nói:

- Thôi, được rồi Anderson. Anh có thể nói chuyện với Đại tá Nói hết ư, chỉ huy trưởng?

Ừ, thì nói hết. Chúng ta sợ gì mà không nói hết!

Họ cùng ăn cơm trong phòng ăn sĩ quan. Qua câu chuyện, David càng thấy rõ, sự lưu tâm chính của không đoàn trưởng là đặt vào những chuyến bay thí nghiệm của chiếc máy bay mới chế tạo Havilland 316, sau này còn được gọi là De Havilland Ceres. Đây cũng là sự lưu tâm của nước Uìc nữa. Trước khi rời khỏi Laverton để đến nước Anh để theo học khoá này, David đã được phỏng vấn ở Canberra do bộ trưởng hàng không Uìc. Vị bộ trưởng này đã nói cho David biết về loại máy bay

chở thư tín này và sau đó bắt đầu những cuộc bay thử nghiệm ở Anh, và chính vị bộ trưởng đã tin cho ông biết hãng hàng không Uuc, Quatas, đã đặt mua sáu chiếc máy bay mới ra lò để bắt đầu cho dịch vụ chuyển thư tín bằng máy bay từ nước Anh. Cũng vì đơn đặt hàng ấy và cũng vì loại máy bay này hấp dẫn đối với không lực hoàng gia Uuc cho mục đích khác nữa, ông bộ trưởng đã viết thư cho Bộ hàng không ở Luân Đôn và yêu cầu cho phi đội trưởng Anderson được tham gia càng nhiều càng tốt trong các cuộc bay thử nghiệm ở Boscombe Down. Cho đến nay, David không làm một việc gì ngoài việc bay thử nghiệm. Tuy nhiên, chiều hôm ấy, ông ta đã cùng không đoàn trưởng Cox và phi công thử nghiệm trong cơ xưởng, giám sát chiếc máy bay mới trong nhà chứa máy bay. Chiếc máy bay đưa thư được thiết kế để bay từ Anh đến Uuc, chỉ dừng lại một lần ở Colombo, nửa đường từ Luân Đôn đến Canberra. Vận tốc máy bay vào khoảng năm trăm gút ở độ cao năm mươi ngàn bộ, nên chuyến bay từ Anh đến Uuc được thực hiện độ hai mươi giờ, chở theo ba tấn thư từ. Nhà chế tạo đã để mắt vào các thị trường khác nhờ loại máy bay đường dài và nhanh này, nên đã thiết kế một thân máy bay lớn đủ để chở hai mươi hành khách, thay vì chở hàng, cho nên loại máy bay 316 là loại máy bay có khả năng đa dụng.

Mãi cho tới chiều hôm ấy David Anderson mới khám phá ra lí lịch của vị sĩ quan mà ông ta đã cùng sinh hoạt chiều hôm ấy. Trong phòng ăn sĩ quan, ông đã hỏi chỉ huy trưởng buổi hẹn với không đoàn trưởng có mục đích gì và ông cũng còn lo ngại vì sự thiếu dè dặt khi nói chuyện với đại tá không đoàn trưởng một cách tự do.

Vị chỉ huy trưởng nói:

- Ông ta là tư lệnh của phi đoàn Nữ hoàng, anh không biết sao?

David lắc đầu. Ông ta hiểu lờ mờ rằng, vị trí hiện tại và công tác thực hiện các chuyến bay cho Hoàng gia, nhưng về mặt tổ chức thì ông chưa rõ lắm.

Phi đoàn ấy là gì, thưa đại tá? Họ có phi cơ riêng không?

Vị chỉ huy trưởng lắc đầu, ông ấy nói:

- Giờ thì chưa có. Ngày trước họ cũng thường đi như thế. Ngày nay họ thuê bao từ các hãng hàng không hay mượn máy bay của không lực Hoàng gia. Trên danh nghĩa, có một tổ chức độc lập trả tiền cho chi phí này ngoài ngân quỹ dành riêng do chính phủ cấp cho nhà vua chi tiêu, nhưng ngày nay tổ chức ấy chẳng còn gì ngoài một cô thư kí đánh máy kết toán chi phí ấy vào ngân sách Hoàng gia. Họ có một nhà chứa máy bay ở phi trường White Waltham và một ít thiết bị mặt đất. Hoàng tử xứ Gales cũng có một máy bay hiệu Auster nhưng nay đã bán rồi.

David không có ở nước Anh lâu, nên không biết hết các phi trường và cũng chưa bao giờ đến White Waltham. Ông ta hỏi:

- Đó là phi trường dân sự phải không?

Vị sĩ quan gật đầu:

- Gần Maidenhead. Ôu đầy yên tĩnh và gần kề với Windsor.

Nửa tháng sau David gặp lại đại tá Cox nhiều lần. Ngày tiếp theo, David được phân phối bay thử nghiệm chiếc máy bay đưa thư và đại tá Cox ham thích chiếc máy bay ấy lắm. Khi David bắt đầu bay thử như là phi công phụ, ông ta nhận ra rằng đại tá Cox thường xuyên làm hành khách trong thân máy bay trông sau lưng ông ta với những nhà quan sát thử nghiệm khoa học có các thiết bị đầy đủ. Nhiều lần khi công tác thử nghiệm đã xong và trước khi đáp, nhờ sự thúc đẩy của phi công chính, David nhường chỗ cho đại tá Cox vào lái chiếc 316 một lúc. Ông ta vẫn còn là một phi công vững vàng, dù tóc đã hoa râm và đã ngoại ngũ tuần.

Khi công tác này tiến hành được một tháng, David ngạc nhiên nhận được giấy mời dùng bữa tối tại nhà đại tá không đoàn trưởng. Ông ta sống trong căn nhà nhỏ xây theo kiểu hậu bán thế kỷ 18 trong vùng Windsor, ở giữa một sào đất tiếp giáp với đại công viên Windsor, cho nên căn nhà nhìn ra một bãi đất trống rộng lớn và bày nai thường ăn cỏ đến tận bờ rào. Đó là một căn nhà nhỏ nhưng rất bề thế, trang trí mỹ thuật và dễ thu hút, đó là căn nhà sở hữu của Hoàng gia. Ông Frank Cox sống với vợ và ba con nhỏ ở đây, trong cách sống nhân hậu và trang nhã mà trước đây David chưa từng thấy. Bữa tiệc tối có hơi trịnh trọng nhưng cung cách như thế thì chẳng trịnh trọng chút nào đối với người Uìc. Những thực khách khác là ông bà thiếu tá Macmahon và một người em gái của bà đại tá Cox. Macmahon là một người đàn ông trạc bốn lăm, năm mươi tuổi, cùng khuôn đúc với đại tá không đoàn trưởng, vui tính, dễ dãi, nhưng trong công việc thì rất lão luyện vì đã đi nhiều. Rõ ràng là ông ta cũng đã đến Uìc và trong câu chuyện ông đã có nhưng nhận xét về nội tình nước Uìc. David cũng không biết rõ ông ta là ai và đang làm gì nhưng cũng có phần nào thắc mắc về ông ta.

Cũng giống như các phi công thử nghiệm, David cũng là một người lái thuyền buồm sành sỏi. Hầu như phải ở lại nước Anh trong một năm, nên ông ta dự định mua một chiếc thuyền buồm năm tấn để chạy trên sông Hambble, và ông sắp sửa thoa? thuận giá cả. Ông ta cũng nhận ra cả hai ông Macmahon và đại tá Cox cũng là những tay chơi thuyền buồm, điều này cũng làm cho họ ràng buộc với nhau và cho phép ông ta vẫn tiếp tục câu chuyện về đề tài ấy. Họ cũng thảo luận nhiều về chuyện bay bổng và cuộc chiến mới đây khi ông ta làm quyền tư lệnh không đoàn, trách nhiệm về phi đội oanh tạc đảo Lữ Tống. Đối với David Anderson, buổi tối qua thật nhanh và vui vẻ, điều ngạc nhiên đối với ông ta là hút xong điều xìgà, thì đã mười một giờ đêm, đã đến lúc ra về và lái chiếc xe thể thao nhỏ bé trở về Boscombe Down.

Một tuần hay mười ngày sau, ông ta nhận được thư từ phủ cao uỷ Uìc khuyên nên đến thăm vị cao uỷ tại toà đại sứ Uìc và hẹn gặp vào buổi sáng. Cũng có chút ít ngạc nhiên và thắc mắc chưa biết việc gì xảy đến, ông ta xin nghỉ một ngày và đi Luân Đôn và đến trình diện vị Cao uỷ, ông Harry Ferguson. Khi ông đến nước Anh, ông cũng đã gặp ông Ferguson trong vài phút, cho mãi đến nay mới gặp lại Ông Ferguson đứng dậy khỏi bàn viết để chào David. Vì là người Uìc nên ông ta tin vào

việc dùng tên thánh Vào đi, David. Tôi đang mong gặp anh. Ông ta mời David ngồi vào một cái ghế thoải mái đặt cạnh bàn và tự mình ngồi xuống một ghế khác, đó là người đàn ông vui tính, có hơi nặng kí trong bộ comlê làm việc.

Sau khi mời thuốc David, ông ta nói:

- À, đối với công việc ở Boscombe Down anh có thích không?

Chàng phi công trả lời:

- Tôi chưa thấy công việc nào tốt hơn thế. Hiện tại tôi đang bay thử nghiệm 316 rất nhiều.

David cứ nghĩ là ông Ferguson muốn biết về đơn đặt hàng của hãng Qantas Tôi biết, loại máy bay này tốt, phải không?

David trả lời:

- Cũng được đấy, tuy cũng có nhiều khiếm khuyết cần tìm cho ra, nhưng cũng không quan trọng gì! Tôi hiểu. Thế anh làm việc ở đây có thích không?

Thích lắm chứ :

- David trả lời đầy vẻ tự tin.

Anh có muốn đổi đi nơi khác không?

Tôi không nghĩ là tôi thích thế! :

Viên phi công trả lời :

Chưa có công việc nào tốt hơn công việc tôi đang làm hiện tại. Thế công việc mới là công việc gì? Anh đã chứng kiến vô số công việc của ông Frank Cox mới đây, phải không?

Đại tá không đoàn trưởng Cox? Ông ấy cũng đã có mặt ở đây nhiều lần, cùng bay chiếc 316. Tôi cũng đã có đến dùng cơm tối tại nhà ông ấy một lần.

Tôi biết rồi! :

Ông ta suy nghĩ một chốc rồi nói :

- Thế anh có muốn gia nhập phi đội Nữ hoàng không?

David nhìn ông ta ngạc nhiên:

- Tôi à? Đội bay Nữ hoàng?

Ông Ferguson chậm rãi trả lời:

- Đây chỉ là lời đề nghị thôi David ạ! Họ muốn nêu lên vấn đề của anh trước khi tham khảo ý kiến của tôi, trong trường hợp chính phủ Liên bang và không lực Hoàng gia Úc phản đối, tôi sẽ liên lạc với Canberra về chuyện ấy, còn phía chúng tôi chẳng có gì phản đối cả, nhưng tất cả đều tùy thuộc vào anh. Có nghĩa là anh phải bị gián đoạn công vụ, dĩ nhiên, nhưng anh đâu có bị cho thôi việc khỏi không lực. Nói cách khác là anh được thăng cấp ngay chỉ huy trưởng phi đội với lương và trợ cấp ở cấp bậc mới theo tiền tệ của Úc. Nhưng anh được biệt phái cho công tác đặc biệt của phi đội Nữ hoàng.

David ngồi trầm ngâm một phút, suy nghĩ về điều kiện kì lạ này, không còn nghi ngờ gì nữa, đây là một vinh dự và một sự khen thưởng về khả năng làm việc của ông ta nhưng ông ta không niềm nở lắm. Cũng giống tất cả công dân Uúc, ông ta tôn kính Hoàng gia, nhưng trải qua sự nghiệp trong giới cung đình là một việc khác.

Ông ta tò mò hỏi:

- Tại sao họ lại chọn tôi? Có bao nhiêu phi công giỏi ở khắp nước Anh cơ mà. Những người này vì không có máy bay mà thôi!

Như thế đủ rồi, ông bạn ạ! :

Vị cao uỷ nói tiếp :

- Tôi không biết là anh hiểu đến mức nào những vụ việc đang xảy ra. Anh có biết Hạ viện đã quyết toán ngân sách đề trình một máy bay De Havilland 316 dành riêng cho phi đội Nữ hoàng?

Một hồi ức không rõ ràng với bức ảnh chụp nhỏ nhắn trong tờ Máy bay đã làm động não chàng phi công Tôi nhớ là tôi đã đọc bài báo nói về chiếc máy bay ấy.

Ông Ferguson gật đầu:

- Nước Canada cũng đang làm một việc tương tự như thế.

Thật vậy sao? :

Viên phi công bắn khoăn hỏi :

- Thế thì phi đội Nữ hoàng sẽ có hai chiếc 316?

Cũng có thể...

Ông Ferguson ngần ngại trả lời :

- Nếu anh muốn đảm trách công việc này, David, việc trước tiên anh phải học tập là luôn luôn đứng ngoài chính trị. Dĩ nhiên, cũng có vài việc anh cần phải biết, nhưng công việc của anh là càng suy nghĩ ít những công việc ấy càng tốt và chỉ mãi lo về chuyện bay thôi.

Viên phi công gật đầu:

- Tôi chẳng bao giờ để chính trị quấy rầy.

Thế là tốt :

Vị cao uỷ ngừng một lát, suy nghĩ rồi nói :

- Lúc mới bắt đầu phi đội của Hoàng đế được thành lập vào những năm ba mươi, máy bay còn nhỏ và không quá đắt tiền. Số tiền trợ cấp cho nhà vua và Hoàng gia được quốc hội biểu quyết theo quy định bằng tiền mặt lớn hơn bây giờ nhiều. Số máy bay ấy là tài sản của Hoàng cung và mặc nhiên Vua có quyền hạn phân phối, đi đâu khi Vua cần, vào bất cứ lúc nào, mà không cần tham khảo một ai :

Dừng một lát ông ta nói tiếp :

- Từ đây máy bay càng phát triển và đắt giá khó mua nổi và bảo trì. Quỹ hỗ trợ Hoàng gia cũng bị

giảm xuống đối với quyền mua sắm. Trong bao nhiêu năm, máy bay dùng trong các chuyến đi của Hoàng gia đã được quốc gia đài thọ. Ông ta liếc nhìn David:

- Anh có hiểu đây là chuyện kín không, phi đội trưởng?

Thưa ngài, tôi biết.

Thế thì... như người ta đã đề nghị, đội bay Nữ hoàng được huỷ bỏ vì vấn đề kinh tế. Cho nên Hoàng gia phải thương lượng với bộ chỉ huy vận tải của không lực Anh quốc khi nào cần sử dụng hàng không. Lời đề nghị này là một bước phát triển khi chiếc 316 rất thuận tiện cho Hoàng gia khi muốn đi từ Hoàng cung đến cơ sở toa. lạc của Hoàng gia tại Canberra trong hai mươi giờ hay đến cơ sở toa. lạc của Hoàng gia ở Ottawa chưa đầy sáu giờ.

Ông ta dừng lại:

- Chính phủ Liên bang :

Tiếng nói của ông nhỏ đi :

Cũng như chính phủ Canada, chúng tôi nghĩ rằng thật là sai lầm khi tự do đi lại của vương triều trong liên hiệp Anh đầu sao cũng bị kiểm soát do chính phủ Anh thông qua không lực Anh, tuy nhiên nói chung sự kiểm soát này có lẽ sẽ được áp dụng. Để ngăn chặn tình trạng trên phát sinh trong chính phủ ta và rồi chính phủ Canada, mỗi nước tự nguyện đưa vào phi đội của Nữ hoàng một chiếc 316 và phải chịu tất cả phí tổn bảo trì và máy móc hiện hữu. Nữ hoàng chấp nhận sự tự nguyện dâng tặng này và Nữ hoàng còn yêu cầu tất cả nhân viên phi hành phải do người Canada hay người Uúc đảm trách. Cho nên công việc này mới được giao cho anh, David. Anh là sĩ quan đã được chọn lựa để làm cơ trưởng cho chiếc máy bay ấy, đại diện cho nước Uúc.

David ngồi thừ người ra một lúc suy nghĩ. Anh ta cũng chẳng nồng nhiệt cho lắm với công việc này. Điều ấy có nghĩa là, lia bỏ công tác thử nghiệm đang hấp dẫn và đem lại kết quả tốt cho anh ta, để bước vào một thể chế vương triều chưa biết rõ. Cũng có nghĩa là anh ta sẽ gián đoạn sự nghiệp trong không lực Hoàng gia Anh quốc và rồi sẽ có nhiều thay đổi khác trong cuộc đời, trong đó, cái mà anh ta cảm thấy chẳng tốt đẹp gì hơn!

Cuối cùng anh ta hỏi:

- Ai đưa ra ý kiến này vậy?

Frank Cox đề nghị tên anh trước tiên :

Vị cao uỷ trả lời :

- Khi được đồng ý trên nguyên tắc, phi hành đoàn của chiếc máy bay này toàn là người Uúc. Ông Cox đưa tên anh lên đầu để giao trách nhiệm cho anh làm cơ trưởng.

Ông ta chẳng biết gì về tôi cả :

- David trả lời :

- Tôi không nghĩ là tôi thích hợp với công tác ấy.

Ông Ferguson mỉm cười:

- Dĩ nhiên là họ phải trải qua bao khó nhọc mới nắm được lí lịch của anh. Họ hỏi về hồ sơ quân bạ và chúng tôi đã cung cấp cho họ. Anh đã gặp phụ tá bí thư chưa nhỉ?

Bí thư nào?

Phụ tá bí thư cho Nữ hoàng. Thiếu tá Macmahon. Anh đã ăn tối với ông ta rồi , phải không?

Có một người đàn ông tên là Macmahon đã ở đây khi tôi đến ăn tối với đại tá Cox. Có phải ông ta đấy chăng? :

- David hỏi Đúng rồi. Anh nhớ giỏi đấy!

Việc của ai người nấy biết. Đừng chen vào công việc của kẻ khác.

David ngồi yên lặng một chút rồi nói:

- Ông cho tôi một hai ngày để suy nghĩ được không?

Được chứ. Theo tôi, anh nên nói chuyện với đại tá Cox thì tốt hơn.

Người phi công trả lời:

- Tôi nghĩ chắc cũng nên thế. Có nhiều công tác mà ông ta cần biết trước khi tôi nhận nhiệm vụ này.

Ông Ferguson nhìn viên sĩ quan một lúc rồi nói:

- Tôi thấy anh không tha thiết với công việc này lắm. Có gì trở ngại chăng?

Người phi công nhún vai:

- Thật sự thì tôi cũng chẳng tha thiết thứ gì ở đất nước này. Tất cả những căn nhà và những cơ xưởng trống rỗng làm tôi thất vọng. Họ vẫn là những kỹ sư ưu tú của thế giới và họ chế ra những máy bay tốt nhất. Thế cái cũ để lại cho ai dùng. Tôi quá lo lắng không?

Thế anh ở lại đây được bao lâu? :

Tiếng vị cao uỷ hỏi :

- Hai tháng phải không?

Gần ba tháng :

Vị sĩ quan trả lời :

- Tôi chỉ được phép ở thêm chín tháng để làm việc ở đây trước khi trở về Uùc.

Trước đây anh chưa từng đến nước Anh chứ?

David lắc đầu.

Vị cao uỷ nói tiếp:

- Anh muốn nhìn xa để thấy mức sống thấp ở đây. Vẫn còn nhiều người lắm và họ cũng dạy chúng ta được vài điều. Nhưng dù sao anh cũng nên suy nghĩ kỹ trước khi nói chuyện với đại tá Cox. Nhớ điện thoại cho tôi vào thứ ba tới để cho tôi biết quyết định.

David Anderson chia tay và đến ăn trưa ở câu lạc bộ xe hơi hoàng gia ở Pall Mall. Cũng như nhiều sĩ quan Uùc đến công tác ông ta được tiếp đón niềm nở ở câu lạc bộ. Trong phòng ăn sĩ quan ông ta

gặp một sĩ quan hải quân Uìc, một người gốc Queensland như ông ta mà ông ta biết rất rõ. Trung tá chỉ huy trưởng Fawcett nói:

- Chào anh Nigger. Mời anh uống nước Cho xin ly cà chua :

- David vừa nói vừa bước vào quầy rượu với Fawcett.

Anh xuống phố làm gì đây?

Đi lang thang và ngắm cảnh :

- David trả lời.

Uống chút gin nhé!

Cảm ơn anh. Tôi không quen.

Hai người ăn trưa với nhau. Người bạn đang phục vụ tại bộ Hải quân nhưng David không nói cho biết mình đang ở trong phi đội Nữ hoàng. Hạm trưởng Fawcett vừa đi nghỉ phép trở về, trong lúc đi ông ta đã tự lái xe hơi lên Scotland, lên một đường và về một đường khác.

Không ở lại trong khách sạn đêm nào cả :

Ông ta nói.

Cắm trại?

Những căn nhà bỏ hoang :

Vị hạm trưởng trả lời :

- Đó là đích nhắm đến ở nơi miền quê này. Dĩ nhiên chúng tôi cũng có đồ dùng xách tay và giường xếp. Nhưng thế này tiện hơn là lúng túng vì cái lều. Có điều đặc biệt ở Scotland là người ta đã gỡ hết mái nhà.

David nói:

- Tôi có nghe chuyện đó. Như vậy để giữ giá trị cho những nhà khác phải không?

Phải. Tôi chẳng biết chuyện ấy thật sự là như thế nào nhưng muốn kiếm một căn nhà ở đây có mái cũng phải giá khác chưa kể cộng thêm năm Anh kim cho các thứ lật vạt nữa. Đó là tư gia chứ chưa phải của nhà nước quản lí.

Ồu đây chỉ giá năm bảng Anh.

Đúng vậy.

Mình cũng không khó khăn lắm khi tìm được một căn nhà khi cần.

Không hẳn thế. Dĩ nhiên là nhà nào cũng thường cửa đóng then cài, nhưng thường muốn tìm được một căn nhà thường là nhờ cửa đã bị phá vỡ từ trước. Rất nhiều nhà như thế ở miền Bắc. Ôu ngoại ô cũng có nhiều nhà, nhưng hầu hết, đều ở cách xa trung tâm thành phố. Người dân dọn về ở miền trung tâm nên nhà bỏ trống, tuy tiền xe buýt rẻ hơn. Những vùng như Nottingham và Darlington nhà nào cũng bỏ trống vì ở vùng ngoại ô xa xôi. Kiếm một căn nhà để vào ngủ, chẳng khó khăn gì.

David nói:

- Tiếc là không thể chuyển những căn nhà ấy qua Uùc. Chúng ta sử dụng được hết tất.

Đúng như vậy. Đáng ra khi xây dựng những căn nhà này vào những năm năm mươi, họ nên xây theo kiểu tháo ráp được.

Như thế này thì lãng phí quá!

Bạn không thể đem mười hai mươi ba triệu người ra khỏi nước Anh mà không tốn kém :

- Fawcett nói :

Khi những căn nhà này xây lên thì dân nơi này là năm mươi triệu. Mật độ như vậy là quá cao. Nói hơi quá, sống chắc phải đụng vai nhau.

Uống xong cà phê David hỏi:

- Anh có thích đời sống ở đây chẳng?

Xem ra cũng thích :

- Fawcett trả lời :

- Có những cái ở đây chúng ta không có được ở nhà.

Cái gì?

Vị sĩ quan hải quân cười:

- Cũng chưa biết mà có đấy!

Mười năm nữa dân số ở đây sẽ đông hơn.

Có lẽ. Anh không thích nước này đông dân u?

Uùc đại lợi là đủ cho tôi rồi! :

- David nói :

Ở đây cũng hay và tôi thích đến đây, nhưng tôi chẳng quan tâm bao lâu nữa tôi sẽ trở về.

Sau khi ăn trưa, David điện thoại cho sư đoàn trưởng Cox và mới biết ông ta đã xuống phố và không xa chỗ làm việc của phi đội Nữ hoàng trong cung St.James là mấy. David quyết định tìm gặp ông ta.

Tìm cho ra phi đội Nữ hoàng trong những toà cao ốc vô trật tự ấy cũng hơi khó, đó là một căn hộ có

ba tầng nằm ở tầng trệt, nhìn ra biệt thự Engine Curt, đó là một căn hộ có phòng làm việc, phòng

khách và một phòng ngủ dành riêng cho đại tá Cox khi ông ở lại thành phố. Một cô gái ngồi ở văn

phòng, đánh máy và nghe điện thoại tiếp David và mời ông ta vào phòng khách Đại tá không đoàn

trưởng đứng dậy tiếp ông ta:

- Chào anh David :

Ông vừa nói, vui vẻ chìa bao thuốc lá :

- Đã gặp cao uỷ rồi phải không?

Bạn bè đều gọi tôi là Nigger :

Vị sĩ quan Uùc nói nhanh. Ông Cox liếc nhìn ông ta:

- À, tại sao họ lại gọi như thế?

Vì tôi là người độc nhất da trắng lai da đen.

Chỉ huy trưởng phi đội Nữ hoàng cười:

- Anh có biết là tôi thật sự thắc mắc về điều ấy không? Thế anh thuộc màu da nào?

David trả lời:

- Màu da của mẹ tôi. Tôi là người Uìc thật sự, còn hơn thế nữa. Bà nội tôi là thổ dân châu Uìc chính thống. Phía trên bán đảo Cape York. Tôi không biết ông nội của tôi là ai, nhưng ông ấy da trắng. Mẹ tôi là con lai ngoại hôn. Các cô chú của tôi ở rải rác vùng Gulf Country, có màu da cà phê. Cô Phoebe của tôi có những mười bốn người con. Cô ấy giúp việc cho một khách sạn ở Chillagoe. Tôi hiểu. Thế cha mẹ của anh có cưới nhau không?

Viên phi công gật đầu:

- Tôi có giấy khai sinh. Cha tôi chết năm ngoài. Ông làm chủ cửa hàng ở một thị trấn nhỏ, đó là Forsayth. Mẹ tôi mất cách đây năm năm.

Không đoàn trưởng nói:

- Vậy thì anh nói với tôi tất cả những điều này để làm gì, David? Thôi hút một điếu đi!

Anderson lấy một điếu và đốt lên:

- Để giải thích cái tên Nigger đấy.

Thôi được, Nigger, nếu anh muốn :

Ông ta đốt xong điếu thuốc cho David rồi nói :

- Có nên gọi anh như thế chẳng?

Người sĩ quan phi công thở một hơi khói dài rồi nói:

- Tôi đã được người ta gọi thế rồi từ khi gia nhập không quân hoàng gia Anh quốc. Cái tên Nigger Anderson đã quen thuộc với mọi người và rồi đây người ta cũng gọi tôi như thế ở Anh.

Frank Cox gật đầu:

- Tùy anh. Thế cao uỷ đã nói cho anh biết chúng tôi cần anh làm gì chưa?

Rồi ạ!

Thế anh nghĩ sao? Ngồi xuống đi! :

Ông ta ngồi xuống trên chiếc ghế bành thế kỷ thứ 17.

Viên phi công ngồi xuống cạnh bàn, tay tì lên bàn nhìn không đoàn trưởng, ông ta nói chậm rãi:

- Thật quá vinh dự cho tôi. Tôi thiết nghĩ tôi chưa phải là con người mà các ông kỳ vọng.

Tại sao không?

Thứ nhất là về da màu :

- David trả lời gọn lỏn :

- Tôi không phải da trắng. Đôi khi điều đó cũng làm phiền các người khác và ông cũng không muốn vậy.

Anh có nghĩ rằng điều đó thật sự xảy ra không? :

Vị không đoàn trưởng thích thú hỏi :

- Anh có thấy các chiêu đãi viên nam bị đối xử bất nhã trong cửa hàng ăn hay người ta từ chối ngồi vào bàn, hay bất cứ chuyện nào tương tự như thế?

David lưỡng lự trả lời:

- Chuyện cũng đã cũ rồi, đã xảy ra một lần ở Sydney.

Bao lâu rồi?

Cách đây cũng lâu lắm, lúc tôi còn mười tám tuổi. Nhưng cũng có thể xảy ra bất cứ lúc nào.

Đại tá Cox nói:

- Tôi còn nghi ngờ điều này. Trông anh không có vẻ gì da màu. Da anh hơi sạm. Thế thôi. Trong không lực anh chưa bao giờ bị rắc rối, phải không?

Chàng phi công lắc đầu:

- Người ta luôn gọi tên tôi là Nigger. Có lẽ cũng có ích vì điều đó chứng tỏ bạn không giả vờ dối trá. Hai người ngồi trong yên lặng được một lúc, cuối cùng đại tá Cox nói:

- Tôi không nghĩ rằng điều đó gây trở ngại gì cho việc nhận công tác của bạn. Thật ra, chuyện ấy cũng đã xảy ra mấy ngày khi anh dùng bữa tối với chúng tôi. Ông Macmahon đã nói bạn là da màu nhưng tôi nói là không phải. Chúng tôi đã nói chuyện với nhau và giả thử, cho là ông ấy đúng đi nữa, thì chúng tôi cũng chẳng coi quan trọng gì, cứ đinh ninh trong óc về những khả năng vượt trội của anh.

Tôi không phải hạh người có khả năng đó :

- David trả lời :

- Tôi chưa có đủ trình độ. Tôi không giống ông, cũng như ông Macmahon. Tôi không thể theo kịp một số người ông đang cần có ở vào vị trí này.

Ông ta nhìn quanh, những bức tường đóng panô và những cửa sổ đóng bản lề màu chì Tôi vào đời bằng nghề bán chạp phô ở Townsville :

Và cố gắng lắm ông ta mới nói tiếp :

Tôi muốn nói đây là việc giao tiếp cung đình nên phải nói thế nào với các công nương hay ngay cả với Nữ hoàng. Các ông cần một người nào đó biết các quy thức và không nói một điều gì nhằm lẫn khiến mọi người phải bị quê kệch.

Đại tá nói:

- Chúng tôi biết chúng tôi cần gì. Cứ mặc kệ chúng tôi. Điều quan trọng là chúng tôi cần một người Uúc thông thạo và tin cậy có thể bay với chiếc 316 tới Uúc an toàn hay một nơi nào trên thế giới cho dù trong giờ ngủ của anh ta. Chúng tôi cũng đặt mình trong công việc ấy và hết sức cẩn trọng khi đặt anh lên hàng đầu của sự lựa chọn.

Tôi thấy các ông quá đàng hoàng, bầm sinh da trắng chẳng?

Chúng tôi không đòi hỏi anh nhận ra chúng tôi cái gì khác cả :

Đại tá Cox nói tiếp :

- Chúng tôi chỉ yêu cầu anh nhận trách nhiệm về chiếc 316, huấn luyện nhân viên phi hành và bay nó khi cần. Còn màu da, xin anh gạt ra ngoài ý nghĩ. Chúng tôi không yêu cầu anh kết hôn với Hoàng gia.

David ngồi yên lặng, cuối cùng ông ta nói:

- Công tác này đòi hỏi bao lâu?

Vô thời hạn :

Ông Cox trả lời :

- Nếu anh nhận, tôi nghĩ là anh ở lại đây ba năm. Chúng ta phải làm việc liên tục nên mọi người phải coi nhau như một tập thể.

Phải chăng hậu cứ là đây, nước Anh phải không?

Đúng vậy :

Đại tá Cox trả lời :

Ở White Waltham. Chúng ta có nhà chứa máy bay ở Canberra, ở phi trường Fairbairn, như anh đã biết. Kế hoạch hiện nay là vương triều có ý định mỗi năm ở lại hai tháng ở Úc và hai tháng ở Canada. Nhưng hậu cứ chính là ở White Waltham. Nếu anh có ý định lập gia đình, có lẽ cũng nên ở lại Anh thôi, gần White Waltham. Trong tương lai gần, anh có ý định lập gia đình không?

Viên phi công lắc đầu:

- Da màu cũng làm trở ngại.

Thôi được. Dầu sao, hậu cứ chính vẫn là đây.

David ngồi trầm ngâm. Anh ta suy nghĩ chẳng có lí do gì từ chối một công việc như thế, không thể nói gì hơn được để biện minh cho mình. Anh ta cũng hiểu rằng một số lớn các sĩ quan phục vụ trong không lực Hoàng gia Anh quốc muốn nhảy vào khi gặp cơ may ấy và anh ta cũng hiểu rằng anh ta được ca tụng hết lời khi là người đầu tiên được giao cho công tác ấy, ấy là một sự tưởng thưởng lớn lao hơn bất cứ một loại huy chương nào. Anh cũng biết rằng trên thực tế khó mà từ chối công tác như thế và ý nghĩ ấy làm anh khổ tâm, e ngại, không nói được.

Có trở ngại gì không? :

Cuối cùng không đoàn trưởng hỏi. Viên phi công ngẩng đầu lên nói:

- Tôi là dân Úc, chẳng phải giống họ quý tộc gì. Ôu xứ sở tôi, tôi chỉ là người dân bình thường. Họ rất hiểu loại người như tôi. Đặc biệt ở bang Queensland, tiểu bang của riêng tôi. Tôi rất hồ hởi có dịp may trở về quê nhà, nhưng tôi không muốn xây dựng cuộc đời ở đây. Đây chỉ là một chuyến đi xa. Tôi chẳng muốn ở lại và tạo dựng một cuộc đời ở Anh.

Ông Cox nói:

- Anh chẳng để tâm gì đến xứ sở này sao?

Có chứ. Tôi thích nơi nào mà mọi người có cơ may tạo nên cơ nghiệp và tiêu tiền như người ta sống ở nhà vậy. Tôi thích một miếng thịt bitét có hai trứng chiên.

Anh không thích chủ nghĩa xã hội của chúng tôi?

Tôi không biết nhiều về chủ nghĩa này :

- David nói :

- Chỉ có một điều nó thích hợp với tôi chính là công việc này. Ông Harry Ferguson đã nói, nếu tôi nhận công tác này, tôi không phải tham dự vào chính trị. Thật ra thì tôi cũng chẳng bao giờ nghĩ về chính trị nhiều. Điều độc nhất mà tôi biết hầu hết các chính phủ của chúng tôi thuộc đảng tự do ở Canberra đã được ba mươi năm nay và hầu hết các bạn theo đảng Lao động. Còn đảng Bảo thủ, theo tôi nhận xét còn đỏ hơn cả đảng Lao động :

Ông ta dừng lại :

- Tôi biết chính quyền Lao động làm vừa lòng dân Anh nhất. Đại đa số quần chúng đều ở nông thôn nên mọi người còn khó khăn lắm, tiếp tế thì thiếu hụt nên mọi người phải đồng tâm hiệp lực. Tôi biết ấy là nơi cho chủ nghĩa xã hội bắt nguồn. Ai cũng biết như thế. Nhưng tôi không bị bắt buộc yêu chủ nghĩa ấy.

Còn điều này nữa :

Đại tá Cox nói tiếp :

- Trong xứ sở anh có nhiều người theo đảng Bảo thủ như những người di cư chẳng hạn. Đó là nơi họ thích đến. Để cân bằng các anh theo phe hữu và chúng tôi theo phe tả.

Sĩ quan phi công mỉm cười và nói:

- Tôi biết, thế nhưng tôi vẫn không bị bó buộc thích phe nào.

Thế anh không thích Liên hiệp Anh sao? :

Đại tá Cox hỏi :

- Thế anh có muốn nước Uùc được độc lập không và liên minh với Hoa Kỳ?

David hơi chột dạ. Dầu anh ta không thích chính trị cho lắm, nhưng khi nghe điều dị thường này anh ta lại càng ghét chính trị hơn. David nói:

- Dĩ nhiên là tôi không thích. Chúng tôi là một phần của nước Anh xa xưa. Riêng tôi, tôi chỉ muốn nói là tôi thích sống ở Queensland hơn trên đất Anh.

Anh nghĩ rằng nước Anh còn làm một điều gì đó cho Uùc đại lợi?

Dĩ nhiên rồi! :

Viên phi công trả lời :

- Thì cứ nhìn vào chiếc 316 hay chiếc Rolls Royce. Chúng tôi không thể tiến bộ mà không có nước

Anh.

Vị không đoàn trưởng gật đầu:

- Chúng tôi rất tiếc nếu không có anh gia nhập công việc này :

Ông ta nói tiếp :

- Có lẽ nước Anh không thể tiến bộ một cách dễ dàng nếu không có anh.

Không có tôi :

- David hỏi.

Anh và các người như anh :

Ông Cox trả lời :

- Anh nghĩ rằng chúng tôi cần một người trong phi đội Nữ hoàng biết cách xung hô với một công nương. Chúng tôi chẳng cần như thế đâu. Uùc đang công hiến máy bay này cho phi đội Nữ hoàng và Nữ hoàng yêu cầu cả phi đội phải là người Uùc. Nữ hoàng không điên đâu...Nigger. Khi Nữ hoàng nói Nữ hoàng cần người Uùc, có nghĩa là những người Uùc chính cống, chứ không phải những người Uùc được nuôi dưỡng và trưởng thành ở Luân Đôn. Nữ hoàng là vua của nước Uùc cũng là vua của nước Anh. Khi Nữ hoàng nói Nữ hoàng cần những người Uùc và Canada trong phi đội Nữ hoàng, cũng giống như người Anh vậy, Nữ hoàng có những lí do rất chính đáng. Tôi chỉ thừa hành những điều Nữ hoàng cần, với tất cả khả năng của tôi. Nếu anh từ chối công việc này, tôi sẽ kiếm một người khác giống anh, có gốc gác đạo đức như ở vùng Wagga :

- Wagga hay Kalgoorlie. Nhưng tôi còn hy vọng là anh không từ chối, vì tôi nghĩ rằng anh vẫn là típ người Nữ hoàng vẫn định ninh trong óc khi nói rằng Nữ hoàng cần người Uùc.

Viên phi công cười:

- Dầu sao, tôi cũng có giấy khai sinh mà! Có điều.... Tôi cần một hai giờ để suy nghĩ.

Dĩ nhiên.

David nhìn vào đồng hồ tay:

- Năm giờ tôi sẽ điên thoại cho ông.

Anh ta rời khỏi cung điện, đi dọc theo dãy phố Pall Mall, suy nghĩ miên man. Anh ta lờ mờ hiểu rằng mình đang trên đường trở về câu lạc bộ nhưng khi đến gần, anh thấy những giông người vào ra tấp nập nên bỏ ý định ấy và tiếp tục đi bộ từ từ xuống phố. Ôu phố yên tĩnh hơn và anh ta có thể suy nghĩ mà không sợ bị quấy rầy bất chợt của bạn bè hay mời uống nước. Anh cứ đi tiếp, thắc mắc tại sao ông Cox có dụng ý gì khi nói nước Anh sẽ không tiến bộ nếu không có những người như anh ta, Nữ hoàng có ý gì? Mà Nữ hoàng có ý gì hay không? Anh quốc có biết bao nhiêu phi công xuất sắc trong không lực hoàng gia.

Trời vào tháng năm nên buổi chiều hơi nóng. Anh ta đi đến phòng trưng bày mỹ thuật quốc gia về phía Bắc của quảng trường Trafalgar và băng qua đường, đến góc đường cạnh tòa đại sứ Canada, anh

dừng lại một lúc nhìn ra quảng trường. Gần đây có một trạm xe buýt, người dân Luân Đôn da trắng đang kiên nhẫn xếp hàng dài để về nhà. Anh ta liên tưởng đến vẻ đẹp cường tráng của người dân đứng xếp hàng đợi xe buýt ở Brisbane và Adelaide, so sánh nước da rám nắng với nước da tái xám, dáng đi thẳng đứng với dáng đi lừ lừ mệt mỏi. Không phải lỗi của họ khi con người trông có vẻ xanh xao, mệt mỏi mà sự vất vả đã làm cho họ thế, lại còn làm việc quá sức và những sai lầm của các chuyên gia dinh dưỡng đã tính toán trong việc giảm thiểu khẩu phần vào những năm bốn mươi và năm mươi, khi những người này còn là lớp trẻ. May thay những người bị đối xử tệ hại như thế, tuy vẫn còn tính chất mã thượng trong họ, đã bắt chấp mọi trở lực. Tuy nhiên, nhìn chung, chẳng có lí do nào khiến anh ta phải cần chung sống với họ.

Anh ta đã quay mặt đi chỗ khác, nhìn ra quảng trường và mãi mê ngắm nhìn sự tráng lệ của những cao ốc mới bên kia đường. Bộ nội vụ mới ở giữa con đường bờ sông và đại lộ Northumberland, sự duyên dáng của hàng cột trắng xoá của bộ Hưu liêm ở đầu đường Whitehall và đại lộ Northumberland, những đường nét thẳng đứng của bộ Năng lượng ở cuối đường Cockspur, tuy đang xây dựng nhưng vẫn thấy rõ qua dàn giáo bằng thép. Những người này là những kỹ sư, những kiến trúc sư vĩ đại nhất thế giới, ông ta nghĩ thế, và hiện tại việc xây dựng nhà cửa đang bị bế tắc, tất cả năng lực, tài lực của nền công nghiệp xây dựng đang tập trung vào những cao ốc công cộng đầy ki diêu đang mọc lên khắp nước Anh. Đô thị Luân Đôn mới với những con phố hẹp và những lâu đài trắng đang mọc lên cho đến các nhà công chức đã nhanh chóng trở thành một đô thị đáng yêu nhất thế giới với Liverpool và Manchester cách đây cũng không xa. Nếu so sánh, Sydney và Melbourne còn nghèo nàn và lạc hậu, còn Brisbane thì thua thớt, ở đây việc kiến trúc còn tụt hậu vì là dân di tản. Ông ta quay nhìn dòng người xếp hàng đợi xe buýt một lần nữa. Báo chí thường nói nước Anh có nhiều thứ đang leo thang sau bao nhiêu năm, giờ đây dân số lại giảm đi hai mươi lăm phần trăm. Có đề nghị năm tới, mỗi người dân được phép mua xe hơi và xăng để sử dụng riêng. Cũng có lẽ đúng, nhưng nhìn vào cảnh xếp hàng xe buýt, David cảm thấy không thể tưởng tượng nổi nếu những người mệt mỏi này có thể chấp nhận sự sung sướng mặc nhiên có của những người Uìc trong đời sống riêng tư của họ. Và tuy thế, từ sự đói nghèo và khó khăn đã nảy sinh ra những điều kì lạ tuyệt vời. Nhưng đèn đài cung điện rực rỡ ở Luân Đôn, những máy bay và máy móc hàng không tuyệt hảo. Đài truyền thanh và truyền hình đã được cả thế giới tán thưởng. Giờ đây Uìc mới có đủ người như các dân tộc khác và Uìc là một nước sung sướng và thịnh vượng, tuy nhiên Uìc chưa sản xuất được một phần mười những sáng kiến của nước Anh. Có lẽ, chính sự thịnh vượng đã trở thành một trở lực đối với thiên tài sáng tạo vĩ đại. Trong việc chăn nuôi súc vật David cũng hiểu rằng, nếu bò cái quá mập, khó đến với bò con.

Anh ta vẫn chưa quyết định. Anh ta không thích những người này vì họ thiếu tinh thần, vì tính nô dịch của công chức, vì hệ thống chính trị đã lỗi thời về một người một phiếu bầu cầm giữ họ trong

những xiềng xích mỉ dân. Anh ta chỉ kính phục họ về những thành quả kỹ thuật. Ôu lại ba năm hay hơn nữa ở nước Anh sẽ giống như sống trong một gia đình không chữa trị nổi, nhưng không làm thế sẽ đánh mất cơ hội sau này sẽ ân hận cả một đời. Khó thật!

Anh ta thọc tay vào túi quần và miệng nở nụ cười, có ba đồng tiền trong túi, hai đồng xu và một đồng hào. Tự nhiên anh ta lấy cả ba đồng tiền ra và ném phịch xuống trên lề đường đá vôi bên cạnh, định bỏ đi.

Ba cái đầu Nữ hoàng trên mặt ba đồng tiền nhấp nhánh chiếu sáng. Đồng hào đã cũ, sản xuất năm 1963 nên nét mặt người đàn bà còn trẻ. Hai đồng xu, một đồng sản xuất vào 1976 và một đồng mới sản xuất vào 1982, chứng tỏ người đàn bà trung niên và trưởng thành. Anh ta nhìn ba đồng tiền, mỉm cười yên lặng, điềm đã rõ. Anh ta cảm thấy vui vui vì ba mặt đồng tiền lật ngửa. Anh ta không thích sống xa quê ba năm hay nhiều hơn, nhưng không nhận công việc này thì không thể được.

Anh ta lượm ba đồng tiền bỏ vào túi và đi trở về không lực hoàng gia Anh. Anh ta đứng trong phòng điện thoại ở góc lên cầu thang và gọi cho đại tá không đoàn trưởng trong cung Nữ hoàng. Anh ta nói: - Tôi là Nigger Anderson. Tôi đã suy nghĩ kỹ, tôi xin nhận công tác nếu đại tá cần tôi. Máy tháng kế tiếp Anderson bay rất ít. Chuyến bay chở thư của chiếc 316 chưa bắt đầu cho đến khi mẫu thử nghiệm đầu tiên được thông qua, và thật ra cũng phải đến bốn tháng kể từ ngày được chỉ định vào phi đội Nữ hoàng, David mới bay chuyến đầu tiên chở thư đến Uùc. Tuy nhiên, trong lúc này, anh ta cũng có quá nhiều việc phải làm ở mặt đất. Anh ta tham khảo ý kiến của đại tá Cox và một bạn bay cho phía Canada, chỉ huy trưởng phi đội Dewar, và họ đã thiết lập văn phòng chi nhánh Canada và Uùc tại xưởng sửa chữa máy bay trong căn nhà của phi đội Nữ hoàng trên phi trường White Waltham. David phải dời nhà từ Boscombe Down đến một căn hộ nhỏ trên một cửa hàng ở Maidenhead. Trong đời sống ở Anh có cái lợi là không bao giờ gặp khó khăn trong việc thuê nhà hay gác xếp và với sở địa ốc quốc gia thì giá lại hạ nữa. Anh ta đã bắt đầu gặp nhiều và trao đổi với tham vụ hàng không của toà đại sứ Uùc để tập hợp cho được một phi hành đoàn. Sau đấy, gặp đại tá Cox và chỉ huy trưởng Dewar để trực tiếp bàn về những vấn đề kế toán.

Ôu đây anh ta mới nhận ra rằng đang khám phá vùng đất mới.

Cho tới nay tất cả những chi tiêu của phi đội Nữ hoàng phải được đại tá Cox xét duyệt trước khi chuyển thẳng tới phụ tá bí thư, thiếu tá Dennis Macmahon, xem xét cẩn thận những chi tiêu này và chất vấn những điểm rất xác đáng trước khi đưa qua phần hành chi trả. Hiện nay một hệ thống mới phải được tranh luận triệt để để tách rời những chi phí của máy bay Canada và Uùc khỏi những chi phí tổ chức căn bản và chuyển những mục này qua phủ Cao uỷ định cư. Chuyện này rất phức tạp vì sự thật những bộ phận rời, xăng nhớt được tính chung vào máy bay Uùc và Canada, cần có một bảng xét duyệt đầy đủ theo hệ thống tính toán thật đơn giản từ lâu đã tồn tại trong phi đội Nữ hoàng mãi đến ngày nay. Những vấn đề này, và một số vấn đề khác nữa phải được tranh luận triệt để trong một

cuộc họp trang trọng ở Hoàng cung. Người ta quyết định rằng theo nguyên tắc tiên chi tiêu cho mỗi máy bay sẽ còn phải thông qua văn phòng bí thư của điện Buckingham để kiểm tra việc sử dụng máy bay của hoàng gia trước khi những phiếu chi tiêu riêng biệt được gửi đi nhận tiền ở phủ cao uỷ.

Trong thời hạn tham khảo, những sĩ quan liên hệ tự mình sắp xếp một hệ thống mới thật chi tiết.

Chỉ huy trưởng phi đội Dewar la lên:

- A! Thế này thì làm tôi điên lên được!

Đúng vậy :

- Anderson trả lời Hai người đã có cuộc họp với đại tá Cox và thiếu tá Macmahon ở văn phòng của ông ta trong Hoàng cung. Đây là lần đầu tiên cả hai vị sĩ quan có mặt ở cung Vua nên họ rất xúc động, với tác phong làm cái gì cũng nhẹ nhàng và nói thì nhỏ lại. Vị phụ tá bí thư có một văn phòng rộng lớn, quét vôi trắng nhìn ra công viên hướng Bắc. Ông ta vui vẻ đón khách và ngồi xuống bàn chuyện liền. Ông ta ấn nút bấm trên bàn giấy, có tiếng chuông reo ở phòng bên, và một cô gái hiện ra tay cầm sổ tay và bút chì. Ông ta nói:

- Đây là cô Long.

Ba người đàn ông đứng dậy chào Cô ta phụ trách công tác thủ tục khi chúng ta muốn cho hệ thống chạy đều.

Gần một giờ rưỡi, họ chịu khó thiết lập một hệ thống liên hệ đến các phần kế toán có phần đơn giản đối với phụ tá bí thư và cô Long nhưng lại khó khăn và phức tạp đối với các sĩ quan. Cuối cùng họ cũng sắp đặt một cách có trật tự và ông Macmahon bảo cô gái đánh máy một sự vụ văn thư về những quyết định ấy và phổ biến văn thư này. Một chốc sau ông ta nói với cô thư kí nên viết lại một cách đơn giản hơn và trình bày theo cách nào mà sau này cần tra cứu là có thể lấy ra xem ngay. Công việc xong, ba sĩ quan đứng dậy đi liền.

Ông Macmahon còn giữ họ lại ít phút để nói chuyện về nhà ở của hai sĩ quan Uúc và Canada. Dewar đã lập gia đình nên đã mượn được một căn nhà nhỏ ở Maidenhead. Anderson nói cho vị bí thư biết về căn hộ của anh ta. Sau đấy có một lúc hai người nói chuyện chung chung về máy bay và nhà ở. Cuối cùng ông Macmahon nói với David Mua thuyền chưa?

Vị sĩ quan cười mỉm trả lời:

- Tôi đã mua sáu tuần nay rồi! Sau khi ăn tối với đại tá Cox về, vài ngày sau là tôi mua liền. Chủ nhật nào tôi cũng đi thuyền.

Anh đi ở đâu?

Trên sông Hamble, cách xa xưởng đóng tàu Luke.

Cô Long hỏi:

- Chỉ huy trưởng Anderson, loại thuyền gì vậy?

Ông Macmahon giới thiệu:

- Cô ấy cũng là tay cừ đấy!

Vị sĩ quan lúc ấy mới để ý tới cô gái và trả lời:

- Loại thuyền buồm năm tấn rười của đảo Bermuda, cũng khá xưa, đóng xong năm năm mươi ba, nhưng còn tốt lắm. Có người nói kỹ sư Laurent Giles thiết kế đấy.

Cô gái gật đầu:

- Vào thời ấy, ông ta là nhà tạo mẫu nổi tiếng :

Cô ta dừng lại suy nghĩ.

David hỏi:

- Cô tự lái sao?

Thuyền nhỏ thôi :

Cô ta trả lời :

- Loại dài bốn mươi mét rười. Tôi mua một chiếc ở Itchenor.

Ôu đâu vậy? :

- David hỏi Itchenor? Ôu trong cảng Chichester. Tôi cũng đã từng đi biển với bác tôi trên chiếc mười lăm tấn. Chủ nhật vừa rồi tôi cũng có đi với ông cụ một chuyến :

Cô ta dừng lại :

- Chiếc năm tấn ông mua không phải sơn xanh, phải không? Buồm màu xanh?

Vâng, thì sao? :

Người sĩ quan Uùc trả lời :

- Tên nó là Nicolette. Cô đã thấy nó chưa?

Cô gái mỉm cười:

- Không biết có phải thuyền của ông không, Chủ nhật vừa rồi nó bị mắc cạn ở sông Beaulieu?

Không dấu được nước da sạm của người Uùc, tuy nhiên ông ta vẫn tin tưởng:

- Dấu chỉ đường sai nên mới thế. Cô có thấy chúng tôi không?

Chúng tôi chạy ra nên qua mặt các ông :

Cô ta trả lời :

- Rất nhiều người mắc cạn ở chỗ ấy. Có lẽ ông chạy ra ngoài rào cản theo dấu chỉ đường.

Vị sĩ quan nói:

- Tôi chẳng quan tâm nên mới bị như thế. Tôi nghĩ đâu cũng nước sâu như nhau.

Cô ta cười:

- Tôi mong ông không làm thế khi ông bay.

Dĩ nhiên rồi. Chỉ một lần ấy thôi :

- David trả lời Những tuần sau đấy các phi công đi lại giữa hai căn cứ của White Waltham, nơi thí nghiệm và Boscombe Down, và xưởng lắp ráp ở Hatfield. Hai chiếc máy bay 316, giờ đây được gọi

tên là Ceres, đậu bên cạnh nhau trong phi đội Nữ hoàng và dĩ nhiên được đặc biệt trang bị. Ngăn cho phi hành đoàn vẫn giữ nguyên, phòng cho hành khách được tân trang lại thành ba phòng cá nhân nhỏ có ghế ngồi quay mặt ra phía sau, ban đêm ghế này có thể mở ra thành giường; một phòng ăn có sáu chỗ ngồi, và mười hai ghế có thể nằm được, loại ghế hàng không, dùng cho gia nhân khi tháp tùng Nữ hoàng. Một nam và một nữ cũng có phòng riêng. Phi hành đoàn gồm chỉ huy trưởng phi đội Nữ hoàng, cơ trưởng, phụ tá cơ trưởng, hai sĩ quan cơ khí và hai sĩ quan truyền tin và rada.

Chùng đó cũng đủ cho các chỉ huy trưởng và cơ trưởng Canada và Uìc điều hành chứ đừng nói thêm việc nào nữa. David nhận ra rằng hầu hết các ngày cuối tuần, anh đã tránh được để tự mình lái xe đến nơi chiếc thuyền buồm của anh đậu ở sông Hamble. Thường thường anh nghỉ cuối tuần trên chiếc Solent một mình. Anh cũng quen một số người Anh nhưng anh không tạo cơ hội để gặp gỡ, chung đụng. Anh luôn luôn cảm thấy thoải mái khi một mình ở trên thuyền và anh thấy thích như vậy. Từ nhỏ anh đã quen với biển cả và ở trên thuyền nên chiếc thuyền năm tấn này đối với anh chẳng có nghĩa lí gì. Anh ta có thể lái một tay và sự cô đơn đem lại cho anh một cảm giác tự do. Ôu xứ Anh, cảm giác mà mọi người đề nặng lên anh từ mọi phía làm cho chàng trai xứ Queensland bối rối. Một mình trên biển cả, trên chiếc thuyền buồm, áp lực đã nhẹ đi và anh ta cảm thấy có gì thênh thang của quê hương mình. Mang một phần tư của một giồng máu bộ lạc Uìc, có lẽ anh muốn làm một điều gì đó theo sở thích. Cho dù nguyên nhân nào đi nữa. David Anderson thích lái thuyền buồm một mình hơn. Một buổi sáng thứ bảy vào tháng bảy anh ta thức dậy sớm trên bãi đậu thuyền trên sông Hamble, tự nấu ăn sáng trước bảy giờ. Cũng giống như những sĩ quan Uìc khác trong việc nấu ăn theo kiểu Anh là, khó mà điều chỉnh thói quen ăn theo khẩu phần của Anh vì món quê nhà vẫn hợp khẩu vị hơn. Tuần qua một oanh tạc cơ trong phi vụ huấn luyện đã đem từ Brisbane đến cho anh ta hai cân thịt heo nạc, cả trăm quả trứng bỏ trong một cái hộp đựng mật cua, sáu quả dứa. Anh ta đã nấu một phần thịt heo trong căn hộ của anh và ngày hôm đó anh ta đã ăn sáng với thịt heo và trứng. Anh bắt đầu khởi hành lúc tám giờ và đi xuống dưới Southampton, đi qua Calshot theo gió tây nam diu diu thổi, và rồi quay về hướng Tây để cho thuyền Solent đi theo thủy triều. Suốt buổi sáng anh cho thuyền chạy nương theo hướng Tây, khi mặt trời lên, gió ngưng thổi mạnh, nhưng thủy triều lại dâng mạnh hơn. Đến giờ ăn trưa, anh ta đã qua khỏi lâu đài Hurt và hướng thuyền ra biển. Khi cách Needles, anh ta dừng lại ăn trưa với bánh mì thịt và trái cây, sau đấy gần hai tiếng, anh ta giồng buồm chạy lên chạy xuống bờ biển dốc đứng của miền Needles để câu cá ngừ. Câu được ba con nhưng anh ta bỏ cuộc vì thấy câu thêm chẳng ích lợi gì. Nhằm khi thủy triều dâng, anh ta quay mũi thuyền Solent ra đi, định đến thị trấn Yarmouth thì dừng lại qua đêm.

Vào những ngày hè nắng ráo Yarmouth là nơi thuyền buồm đậu tấp nập, đâu có đuôi có, cứ hai hay ba chiếc buộc vào một cọc ở trong vịnh. Người điều hành vịnh đứng trên một thuyền nhỏ chỉ cho David chỗ thuyền đậu, tay cầm dây kéo thuyền để cho anh ta vào chỗ cho nhanh, chỉ trong mười lăm

phút là phải đấu thuyền sát vào nhau. Anh ta phải ném cái phao cứu hộ trên đầu tàu xuống phía sau lái và ngồi trong buồng lái một lúc, vừa nghỉ xả hơi, vừa xem quang cảnh tàu thuyền, vừa hút thuốc. Nước Anh, anh ta suy nghĩ, còn hướng dẫn Liên hiệp Anh theo thiết kế của những thuyền buồm này, cũng như trong hầu hết các ngành kỹ thuật khác.

Một cô gái mặc áo sơ mi mỏng, quần sọt ngắn, bơi dọc theo hàng thuyền buồm trong chiếc thuyền nhỏ cao su, đến trước chiếc Nicolette nàng dừng chèo, nói:

- Chào chỉ huy trưởng Anderson.

Anh ta nhìn cô ta kinh ngạc và nhận ra là cô Long, trông cách ăn mặc của cô ta quá khác với lúc ở Hoàng cung. Anh ta nhồm dậy:

- Chào cô Long :

Anh ta nói to :

- Thế mà tôi không nhận ra.

Cô long trả lời:

- Tôi thấy ông cho thuyền vào bến. Tôi đi với bác tôi ở ngoài cầu tàu, chiếc thuyền buồm đen đây ông ạ! Chiếc có lá cờ đuôi nheo trên đỉnh.

Cô đến đã lâu chưa?

Cũng được nửa tiếng thì ông đến. Chúng tôi cũng chen lấn như chiếc Solent của ông thôi. Bác tôi cũng có chỗ đậu ở con sông Beaulieu , ông cụ sống ở Bucklers Hard.

David nói:

- Tôi vừa mới xuống sông Hamble. Tôi đi theo thủy triều đến Needles và cũng câu được vài con cá ngừ, rồi đến đây. Cô có muốn lên thăm thuyền tôi không?

Cô gái tươi cười:

- Còn gì bằng.

Cô chèo thêm ba mái nữa, xếp chèo lên và cặp thuyền cao su vào sát thuyền David. Tay cầm dây buộc thuyền, cô ta bước lên sau lái và buộc thuyền của cô ta vào chiếc Colette. Sau đấy nàng bước vào buồng lái và nhìn vào khoang thuyền.

Tôi thích cái trục tời của ông :

Cô nâng đầu dây có gút lên :

- Ông tự bện dây theo gút đầu Thổ hay sao?

David cười:

- Tôi xem trong sách đây và bện nó tuần trước. Cái gút đầu tiên tôi bện đã sút ra.

Tôi thì không thể làm được như thế :

Cô gái nói :

- Tôi có thể thắt các gút đơn giản nhưng loại trang trí thì tôi thua.

Anh ta đi vào khoang thuyền lấy ra bao thuốc lá và đưa cho cô gái một điếu. Cả hai người ngồi hút trong buồng lái, nhìn cảnh tàu thuyền tập nập trong cái vịnh nhỏ. Anh ta nói:

- Đây cũng đẹp. Tôi chưa từng thấy cảng nào đẹp như thế này!

Tôi cũng mến cái cảng này :

Cô ta nói :

- Chúng tôi thường đến đây. Thế ở Uúc có cảng nào dành cho thuyền buồm như thế này không?

Không giống thế này :

- David trả lời :

- Ở Tasmania thì có, nhưng bờ biển của Uúc không có vịnh nhỏ tương tự, hai cảng cách nhau rất xa. Nó chẳng giống gì đây cả. Hơn nữa, ở đây cũng chẳng có nhiều thuyền buồm xuôi ngược đâu, cô Long ạ!

Thế ông tập đi thuyền ở đâu, chỉ huy trưởng?

David mỉm cười:

- Khi tôi còn bé, tôi ở một nơi tên là Townsville, trên bờ biển Queensland. Lúc lên mười hai, tôi đã lên đây học nghề và đi giao hàng chạp phô. Tôi đã đi thuyền rất nhiều ở Townsville ra đảo Magnetic và đảo san hô Barrier và các nơi có tàu đắm. Đây là thời gian trước khi tôi gia nhập không lực Hoàng gia Anh :

Ông ta dừng lại một chốc rồi nói :

- Có những lúc, tôi cũng có nhiều thuyền. Tôi đã có chiếc Phi Long cũ khi còn ở Laverton trước khi đến nước Anh.

Ông đã tham dự cuộc đua thuyền trên biển nào chưa?

Tôi có dự cuộc đua thuyền Hobart hai năm liền, trên chiếc Stormy Petrel. Chẳng được giải thưởng gì cả nhưng vui. Thường thường cũng mất sáu ngày từ Sydney đến Hobart.

Cô gái cười:

- Khó khăn nhỉ?

Đúng thế. Ôu đây có rất nhiều gió chướng mà không được báo trước. Anh ta dừng lại. Cô uống trà nhé, cô Long, hay nước xêri?

Ông cho xin xêri. Tôi thích xêri hơn :

Sau một chút ngần ngại cô ta nói :

Tên tôi là Rosemary Tôi nhớ rồi!

Còn tên ông là David, phải không?

Anh ta đi vào khoang, lấy chai và ly đưa cho cô nàng., cộng thêm một hộp cà chua đã mở:

- Tôi có bánh ngọt và thơm. Cô thích cái nào hơn?

Cô ấy nói:

- Cho tôi thơm, anh mua thơm này ở đâu?

Brisbane :

Anh ta cười nói tiếp :

Không lực phục vụ cho các sĩ quan phải lia què nhà để đến nước Anh. Tôi còn có cả thịt heo nữa đấy!

Còn nguyên chứ anh?

Không đâu! Tôi sợ ăn hết nên đã cất kỹ trong giấy sáp sợ nó hư đi thì uổng lắm!

Đã lâu lắm em không nhìn thấy quả thơm :

Cô ta nói :

Nếu nước xêri mà cho ít thơm vào, chắc là ngon, anh David ạ!

Anh ta vừa gọt thơm trên cái bàn cong trong buồng lái vừa giải thích:

- Tên anh là David nhưng ai cũng gọi là Nigger. Nigger Anderson :

Vừa nói chàng vừa đưa thơm cho cô gái, trên đĩa còn có hũ đường, con dao và cái nĩa.

Cô ta hỏi:

- Sao người ta lại gọi anh như vậy?

Vì mẹ tôi là người lai :

- David trả lời :

Tôi là dân Uúc lai một phần tư.

Anh ta trèo vào buồng lái, đổ đầy li nước xêri cho cô ấy và đổ nước cà chua cho anh ta. Anh ta nâng ly nước đến trước mặt nàng.

Mừng cho đen và trắng.

Gọi anh như thế có ý nghĩa chẳng? :

Cô ta nói :

- Chắc cũng không nhiều người gọi như thế đâu, phải không?

Chàng cười vui trả lời:

- Mọi người. Ai cũng gọi tôi là Nigger Anderson và tôi thích như thế. Em nghĩ rằng anh chịu đựng đó thôi, chứ chắc gì anh đã thích. Cô nàng bình tĩnh nói.

Không, tôi thích mà! :

Chàng nói :

- Tôi không biết nhiều về phía da trắng trong gia đình tôi, nhưng phía da đen tôi là người Uúc lâu đời nhất trong bọn họ. Bộ lạc của bà tôi là Kanyu đã hùng cứ bán đảo Cape York trước thuyền trưởng Cook ra đời và biết đến.

Cô gái cười:

- Và chỉ huy trưởng Anderson cóc cần ai biết chuyện ấy.

Đúng thôi. Thà người ta cứ gọi tôi là Nigger Anderson, còn hơn vòng vo tam quốc, tránh né làm gì! Thì bây giờ anh lớn khôn rồi, nên mang cái tên ấy mà chẳng thấy tổn thương gì! Chứ nếu lúc còn trẻ, chắc cũng có tự ái. Thế đã lần nào anh bị như vậy chưa?

Thời trước, nếu chúng nhạo tôi là tôi uýnh liền :

Anh ấy trả lời :

- Tôi được xem như thằng bé chịu đòn nhất. Tôi lớn lên trong trại chăn nuôi, vì cha tôi là chuyên viên chăn nuôi súc vật. Lên mười tôi có thể cưỡi bò thiến mà chẳng cần yên cương. Lúc mười hai tuổi tôi đã giết giải Croydon khi ngồi trên ngựa chúng mà không rớt xuống. Tôi không nhớ là đã thi đấu bao nhiêu lần nhưng thường là tôi thắng giải.

Cô gái hỏi:

- Cỡi bò thiến là sao? Có lẽ giống như phim ảnh cao bồi phải không?

David giải thích:

- Đó là khi tập trung đàn thú lại để đánh dấu chúng. Bạn phải lái cả một bầy hai ba trăm con về chuồng trong một trại chăn nuôi hay đuổi chúng ra rừng nơi có đất rộng chứa được hết. Rồi cứ hai người cỡi ngựa lội trong đám gia súc, dùng vòng dây lát xô, ném vào đầu con nào mà mình muốn bắt. Cuối sợi dây thừng mình đã buộc chặt vào đầu yên ngựa và hai bên giằng co nhau, cuối cùng kéo được con vật kia ra khỏi bầy thú và đến chỗ đóng dấu. Ôu đấy có sẵn người bắt lấy con thú và đóng dấu. Chuyện cũng dễ thôi, vì mình đã sở trường công việc ấy. Nhưng chuyện quan trọng là con ngựa mình bắt phải là con ngựa giống tốt và trầm tĩnh.

Cô nàng nhìn anh ta hỏi:

- Ý anh muốn nói là anh làm những công việc ấy lúc anh mười hai tuổi?

Anh ta trả lời:

- Đúng vậy. Với những con bò thiến nhỏ, tức là những con vật chưa trưởng thành. Cha tôi là chuyên viên ở trại Tavistock Forest nên ông đã dạy tôi.

Nhưng vào tuổi nào thì anh tập cưỡi ngựa?

Ba bốn tuổi gì đó :

Anh ta trả lời :

Có một lần ba tôi bảo trẻ con không nên cưỡi ngựa một mình trước năm tuổi vì nếu té sẽ làm chậm việc cưỡi ngựa, nhưng tôi lại cưỡi được sớm hơn thế. Tôi không tin là mình có thể leo lên lưng ngựa một mình trước khi được bảy tuổi vì chỉ đứng ngang với bàn đạp.

Cô gái lại tò mò:

- Thế anh không đi học à?

Không đi cái nơi mà cô gọi là trường :

Anh ấy trả lời :

- Bà Beeman thường dạy chúng tôi. Bà là vợ của một ông quản lí. Bà đã đi dạy học trước khi lấy chồng. Bà đã mở một lớp học cho tất cả các trẻ em trong trại chăn nuôi. Khi tôi đến Townsville, tôi đã mười tám, hai mươi tuổi. Họ đã mở những lớp học tối ở đây và tôi đã đi học.

Cô ta ngồi yên lặng một phút, nhìn quang cảnh hải cảng quen thuộc, thuyền bè tấp nập. Những điều anh ấy nói có vẻ kì lạ và đặc biệt. Cuối cùng cô ấy hỏi:

- Vì nguyên cớ nào anh lại thích nước Anh? Có phải chẳng vì nó khác hẳn nước Uùc?

Có khác thật :

Anh ta trả lời :

- Nhưng Uùc không phải toàn là trại chăn nuôi và ngựa. Tôi rời khỏi Gulf Country lúc mười hai tuổi và từ ấy đến nay tôi chưa trở về, trừ sáu tháng trong không lực Hoàng gia Anh đóng ở Inverleigh.

Hơn mười năm qua, tôi chưa có dịp cỡi lại một con ngựa.

Thế anh có thích cỡi ngựa ở đây chẳng? :

Cô gái hỏi lại. Anh ấy cười:

- Không thích lắm. Công việc tôi đang làm là một công việc hấp dẫn mà tôi không thể bỏ cuộc.

Nhưng một ngày nào đó tôi rất vui sướng được trở lại quê nhà.

Anh sẽ ở đây bao lâu?

Năm tháng.

Anh có quen biết nhiều người ở nước Anh không?

Không nhiều đâu :

Viên sĩ quan trả lời :

Nhưng điều đó cũng chẳng ngại gì. Vì tôi cũng chẳng quen biết ai nhiều ở Uùc.

Chỉ có mình anh trên thuyền thôi sao?

Đúng vậy :

Anh ấy trả lời :

- Hai người đi lại càng tốt, nhưng cô mãi bận thuyền bên kia, làm sao? Thành ra, tôi vẫn phải đi một mình.

Mời anh đến dùng bữa tối cùng với chúng tôi, trên thuyền Evadne? :

Cô gái yêu cầu :

- Chỉ có bác tôi và tôi thôi. Ông cụ cũng là hạm trưởng hồi hưu, hải quân Hoàng gia Anh David ngại ngùng:

- Rất hân hạnh được cô mời :

Anh ta nói :

- Đồ ăn thì sao?

Đủ thôi mà. Chúng tôi đem nhiều đồ hộp lắm.

Thế tôi đem thịt hèm qua nhé! :

Anh ta đề nghị Chúng tôi không quen ăn thịt hèm :

Cô gái trả lời :

- Được thôi mà!

Trên thuyền tôi có nhiều thức ăn lắm.

Tốt hơn tôi nên mang theo thịt hèm. Nếu không ăn hết nó cũng hư, uổng lắm. Đây là món cuối cùng.

Cô ta giật nảy mình:

- Sẽ hư sao?

Một mình tôi làm sao ăn hết được, không lẽ còn một nửa mà phải ném đi :

Anh ấy giải thích.

Cái gì bình thường đối với anh ta thì hình như là một điều tai hại không thể chấp nhận được đối với cô nàng Nếu như vậy thì chúng tôi sẽ cố gắng ăn, anh hãy xem lại đi.

Trong khoang thuyền một cuộc hội thảo nhỏ xảy ra trước một gói thịt khổng lồ. Cô gái hỏi:

- Anh Nigger, thế này là bao nhiêu cân đây?

Anh ấy cười trả lời:

- Mười tám cân, Rosemary ạ!

Anh định làm gì với khối thịt lớn như thế này? Nếu anh ăn một mình chắc cũng mất vài tháng.

Chàng tỏ ra bối rối:

- Đâu mà lâu như thế. Mỗi ngày người ta có thể ăn một cân cơ mà! Nó hư vì tôi không tiếp tục ăn nữa đấy thôi!

Làm sao anh có thể ăn như vậy được?

Sao không? cô nhìn đây. Cứ thái ra, ăn tối hôm qua, sáng nay, ăn sáng.

Một mình anh thôi sao? :

Anh ta gật đầu, còn nàng nhìn ra chỗ khác suy nghĩ, có lẽ chàng nói cũng thành thật :

- Tôi nghĩ, chúng ta không nên ăn nhiều thịt ở nước Anh này :

Nàng phát biểu.

David chấp nhận:

- Cô nói đúng, tôi cũng đã nghĩ như thế Họ gói khối thịt lại và bỏ vào buồng lái. Chàng ta hỏi:

- Cô làm việc ở Hoàng cung đã lâu chưa?

Ba năm rồi :

Nàng đáp Thích không?

Nàng gật đầu:

- Người ta cứ tưởng mình là trung tâm của mọi vật. Sau khi làm ở đấy rồi, có làm việc ở đâu khác, cũng sẽ nhàm chán vô cùng!

Anh ta tò mò hỏi:

- Cô có gặp được Nữ hoàng nhiều không?

Cô gái cười:

- Không phải tôi, cô Porson sẽ đem thư Nữ hoàng viết tay đi đánh máy. Hầu hết thư Nữ hoàng đều viết tay hay một trong các bí thư viết cho Ngài :

Dừng một chút nàng nói tiếp :

- Dĩ nhiên, tôi cũng có gặp được Nữ hoàng, hoặc cũng có khi đi qua mặt Nữ hoàng trong hành lang. Tôi không nghĩ rằng Nữ hoàng biết tên tôi.

Nữ hoàng như thế nào? :

Anh ấy hỏi :

- Tôi chỉ thấy được Nữ hoàng trong ảnh.

Dĩ nhiên là anh mới thấy Nữ hoàng cách đây chưa bao lâu :

Cô ta nói

- Nữ hoàng là người nhỏ thó hơn trong ảnh nhiều :

Vừa nói vừa nhìn ra cảng

- Nữ hoàng cũng là người kì diệu, có dư thừa can đảm.

Can đảm?

Đấy là điều em muốn nói :

Nàng quay về phía anh ta, nở nụ cười :

- Chúng ta nói chuyện tầm phào hơi nhiều, đó là điều cấm kị mà chúng ta cần giữ. Không được bàn ra tán vào về các bậc bề trên. Khi em nói các bậc bề trên, em muốn ám chỉ các ngài trong Hoàng cung.

Nàng quay về thuyền không quên dặn:

- Anh nhớ sáu giờ qua thuyền em nghe! Bác Ted muốn lên bờ trước, nhưng chúng tôi sẽ có mặt vào giờ ấy. Em hứa là em sẽ nướng thịt hèm cho anh, không nhiều đâu!

Cô ta bơi thuyền cao su đi, David đứng trông theo cho đến khi cô ta trèo lên sàn thuyền của cô ta Tối hôm ấy, anh ta chèo thuyền sang và gặp ông bác của cô nàng, trạc bảy mươi tuổi, người còn khoẻ và rắn chắc, người ta gọi ông là thuyền trưởng Osborne. Ông ta niềm nở đón tiếp người sĩ quan Uìc và mời anh ta uống rượu nhưng anh ta từ chối.

Tôi không quen uống và bác cứ tự nhiên cho.

Từ trong khoang thuyền Rosemary nói:

- Em có nước cà chua sẵn đây, em sẽ làm cho anh một ly cốc teo cà chua.

Tôi thích lắm.

Hai người ngồi trong buồng lái, trong lúc cô gái nấu ăn tối, thỉnh thoảng cô cũng ra ngoài lấy nước

xêri cho mấy người đàn ông, rồi trở lại buồng lái, trong lúc ông cụ vẫn nhậu rượu gin và David thì uống nước cà chua.

Khoảng nửa giờ sau thì ba người nói chuyện với nhau. Ông bác cô gái nói:

- Có một điều tôi chưa biết ở Uúc cần anh giải thích. Làm thế nào phiếu bầu nhiều thành phần có tác dụng? Ôu Anh, như anh đã biết, nó là một vấn đề tranh cãi.

Vị chỉ huy trưởng nhướng mắt ngạc nhiên:

- Thật, tôi chưa biết như thế. Thế các ông không có quyền đó hay sao?

Không. Trên thực tế làm sao có kết quả?

David trả lời:

- Thật ra, tôi cũng không được rõ. Tôi chưa bao giờ thắc mắc về điều ấy.

Vị thuyền trưởng Osborne hỏi:

- Bản thân anh, có khi nào được hơn một phiếu bầu?

Vị chỉ huy trưởng gật đầu:

- Tôi là người được ba phiếu bầu.

Tôi nghĩ rằng anh đừng thắc mắc những câu hỏi của tôi :

Ông già lưu ý :

- Điều đó giờ đây càng trở thành quan trọng ở nước Anh.

David nói:

- Không hề gì. Điều quan trọng là tôi chỉ ngại tôi không biết được nhiều về chuyện ấy. Tôi chẳng thắc mắc làm gì!

Ông cụ lại hỏi:

- Ba quyền bầu cử của bạn là những quyền nào?

Cơ bản, giáo dục và du lịch nước ngoài.

Quyền bầu cử cơ bản ai cũng có, phải không?

Dạ phải :

Người sĩ quan trả lời :

- Đến hai mươi mốt tuổi, người nào cũng có quyền này Còn giáo dục thì sao?

Đấy là nói về nền giáo dục cao hơn :

- David nói :

- Bạn có quyền đó, nếu bạn có cấp bằng đại học. Cả một danh sách nói về trình độ như thế như muốn trở thành luật sư, bác sĩ. Sĩ quan có quyền ấy khi đã được bổ nhiệm sĩ quan chỉ huy như trường hợp của tôi chẳng hạn.

Quyền ra nước ngoài?

Được ra khỏi nước Uúc lập nghiệp trong hai năm. Trong việc này, cũng có chút ít thủ đoạn, vì trong

thời chiến, rất nhiều người hợp thức hóa bằng thời gian quân vụ. Tôi cũng được theo cách này. Thật ra tôi chẳng biết gì về Phi luật Tân cả, nhưng khi được cử đi, tôi đã ở lại đấy được ba năm cả đi lẫn về.

Ông cụ lại nói:

- Thế còn hơn ở nhà, anh đã mở rộng được tầm mắt. Theo tôi, cũng xứng đáng đấy!

Tôi cũng nghĩ vậy.

Thế là anh có được ba quyền bầu cử. Thực tế làm sao công việc ấy có có kết quả trong một cuộc bầu cử?

Người ta phát cho mình ba phiếu bầu và mình điền vào cả ba phiếu và bỏ vào thùng phiếu :

Vị sĩ quan nói Anh phải đăng kí nhận cả ba phiếu bầu?

Đúng vậy. Mình phải đăng kí một lần nữa khi muốn bầu phiếu thêm. Ví dụ như phải đưa ra một loại giấy chứng nhận nào đó.

Họ lại ngồi trầm ngâm, nhìn ra cảng tấp nập thuyền bè trong ánh sáng hoàng hôn. Rosemary đến bên thang khoang thuyền và nói với lên:

- Anh có thể có nhiều phiếu bầu hơn ba, có được không? :

Cô ta nói :

- Như bây chẳng hạn David nhìn xuống chỗ nàng đứng:

- Chưa bao giờ phiếu bầu thứ bảy được phát ra :

Anh ta trả lời :

- Chỉ có Nữ hoàng được quyền cho số phiếu bầu ấy.

Cô ta gật đầu:

- Tôi hiểu rồi. Khi làm ở văn phòng tôi cũng có nhận những phiếu ấy. Một năm, đến cả mười lần như thế.

Những phiếu bầu khác giản dị hơn. Nếu bạn nuôi dưỡng hai con đến tuổi mười bốn mà không li dị nhau, bạn có được một phiếu bầu. Đó là phiếu bầu gia đình.

Nếu li dị, anh sẽ không có nó :

- Rosemary vừa hỏi vừa cười :

- Nhất định không, bạn bị loại ra liền.

Cả hai đều có sao?

Chồng cũng như vợ đều được giấy này :

- David nói Thế phiếu bầu số năm là gì :

Ông cụ hỏi Phiếu bầu thành quả :

- David trả lời :

Bạn sẽ được một phiếu thêm nếu có sự phấn đấu thu nhập cá nhân :

Ở đây bạn gọi là lợi tức sinh sống. Trước ngày bầu cử, nếu bạn có lợi tức hơn năm ngàn Anh kim mỗi năm. Có lẽ thế, chứ tôi không biết rõ lắm. Giả sử để đáp ứng cho một người đàn ông chẳng có bằng cả, chưa bao giờ xuất ngoại, luôn luôn bất hoà với vợ nhưng lại chủ trương một doanh nghiệp lớn. Họ tính toán là ông ta phải có nhiều cơ hội hơn trong các dịch vụ làm ăn của đất nước hơn một người thư kí văn phòng của ông ta Cũng được, còn quyền thứ sáu?

Cái ấy cần cho các vị thừa sai của nhà thờ. Bất cứ nhà thờ thiên chúa giáo nào, họ đã có danh sách tất cả. Cũng chẳng cần bạn phải là tu sĩ. Tôi nghĩ rằng các vị giám hộ Ở nhà thờ cũng như các mục sư biết rõ điều này, tôi không chắc lắm. Chuyện cần tóm tắt là muốn có phiếu bầu thêm, bạn phải giữ một công việc thực sự Ở nhà thờ Cũng hấp dẫn đấy chứ!

Nhưng nó chẳng hấp dẫn tôi chút nào :

Vị sĩ quan nói :

- Cứ coi tôi là người chẳng có tham vọng gì! Nhưng xét ra, cũng là ý hay!

Ông cụ nói:

- Thế là có sáu phiếu bầu:

Cơ bản, học vấn, đi nước ngoài, gia đình, thành tích, tôn giáo. Còn cái thứ bảy?

Cái đó do Nữ hoàng ban, giống như một thứ trang sức. Bạn sẽ có phiếu bầu đó, nếu như bạn là con người làm thế nào đấy mà Nữ hoàng cần cho thêm một phiếu.

Thế chẳng có luật nào để được phiếu bầu này sao?

Vị cơ trưởng trả lời:

- Tôi không nghĩ vậy, miễn làm sao bạn là một thanh niên gương mẫu là được rồi!

Từ buồng lái Rosemary nói:

- Đúng rồi, bác Ted ạ. Hiến chương Hoàng gia đã định ở mỗi trường hợp :

Nàng nói thêm :

- Thôi con dọn bát đĩa đây.

Tất cả ba người bước xuống khoang thuyền và ngồi xuống để thưởng thức món thịt hem nướng. Có lúc họ hàn huyên về thuyền buồm, về chiếc Solent, về việc nấu nướng của cô Rosemary và thực phẩm của nước Anh, nhưng ông cụ Osborne là một người đấng trí. Giờ đây ông lại trở về với câu chuyện bầu cử của Uùc, ông cụ nói:

- Về bầu cử nhiều thành phần, họ cũng áp dụng cho Tân Tây Lan nữa chứ?

David trả lời:

- Tôi cũng nghĩ thế, thế nào họ cũng áp dụng thôi. Rosemary góp thêm:

- Cả Canada nữa. Hầu hết các nước trong Liên hiệp Anh đều bầu cử nhiều thành phần cùng một hình thức như nhau hay khác đi một chút, trừ nước Anh.

David cười:

- Cô có vẻ khá bảo thủ đấy!

Ông cụ từ từ gạt đầu:

- Vâng, chúng tôi chưa thích nghi với những điều mới mẻ như thế cho đến khi những điều này được mọi người đồng tình :

Ông dừng lại một chút rồi nói tiếp :

- Dĩ nhiên, anh có các tiểu bang của nước anh. Anh có thể thử nghiệm một điều như thế này trong các cuộc bầu cử ở các tiểu bang của nước anh và xem kết quả như thế nào Do đó phụ nữ được quyền bầu cử trong Liên hiệp Anh :

- Rosemary nói :

- Tân Tây Lan bắt đầu vào năm 1893 và miền Nam nước Uìc được quyền bầu cử vào năm 1894. khi hiến pháp của Liên bang Uìc được soạn thảo vào năm 1902, phụ nữ mới được quyền bầu cử. Còn ở Anh, mãi đến năm 1918, quyền đó mới được thực thi.

David nhìn cô nàng:

- Có thật không? Cô lấy những tin ấy ở đâu?

Cô gái bình tĩnh nói:

- Đúng đấy, anh ạ! Em học sử ở đại học Oxford và phụ nữ rất thích được quyền bầu cử. Nhưng cũng như bầu phiếu kín trong các cuộc bầu cử. Miền Nam nước Uìc bắt đầu vào năm 1856, nhưng ở nước Anh mãi đến 1872, mới được bầu phiếu kín.

Vị sĩ quan hoa tiêu nói:

- Có lẽ cũng vào thời gian ấy. Thời tôi đi học, tôi ít học sử lắm. Tuy cũng còn nhớ thời gian phiếu bầu nhiều thành phần áp dụng. Đó là năm 1963 lúc tôi ở Townsville. Họ đã đem những điều này vào Tây Uìc.

Tại sao Tây Uìc bắt đầu bầu phiếu nhiều thành phần?

- Rosemary hỏi :

- Tại sao không là New South Wales hay Queensland?

Tôi không rõ :

- David trả lời :

- Đảng lao động chống đối việc này lắm!

Ồu đây họ cũng chống đối việc này :

Thuyền trưởng Osborne nói.

Tây Uìc luôn luôn thuộc đảng tự do :

- David nói :

- Người ta đã nói nhiều về cuộc bầu cử nhiều thành phần lâu rồi. Tôi nghĩ vấn đề ấy dễ thông qua ở Tây Uìc.

Làm sao phiếu bầu này áp dụng cho các tiểu bang khác nếu đảng Lao động chống đối mạnh mẽ như thế :

- Rosemary hỏi David trả lời:

- Cô xem, Tây Uìc lúc nào cũng đi trước mọi sự việc. Chúng tôi có một loại chính trị gia khác biệt hoàn toàn khi chúng tôi sử dụng phiếu bầu nhiều thành phần. Trước đây khi còn một người một phiếu bầu, các chính trị gia toàn là những người vô dụng chỉ huyênh hoang, khoác lác, cùng các ông chủ tịch nghiệp đoàn. Những người dân có ý thức không thay thế quốc hội được và nếu họ ra tranh cử họ cũng không được bầu. Khi chúng tôi sử dụng phiếu bầu nhiều thành phần, chúng tôi tạo được một lớp chính trị gia giỏi hơn, đồng đều, những người này do những cử tri có ý thức bầu lên :

- David dừng lại một lúc rồi nói tiếp :

- Trước đó, khi một người được bầu vào quốc hội, anh ta có thể là một tài công hoa? xa, hay phu bến tàu. Cũng có thể anh ta là bộ trưởng, đứng đầu một bộ của chính phủ. Nhưng anh ta không làm gì được cả. Tất cả các công bộc của nhà nước đã che dấu ông ta tất cả nên ông ta cũng chẳng hay biết gì.

Thế sau khi bầu cử nhiều thành phần, có gì đổi khác?

Vị sĩ quan Uìc trả lời:

- Có chứ! Chúng tôi có được một số người có trách nhiệm thật sự. Dân sự vụ bị cảm cúm! Trong một năm một nửa số nhân viên đột nhiên bị sa thải. Và rồi Tây Uìc bắt đầu khai thác than đá và đưa nền công nghiệp tách rời khỏi New South Wales và Victoria. Những thanh niên rời bỏ Tây Uìc bây giờ lại gia nhập vào Canberra. Năm 1973, khi bầu cử nhiều thành phần đã phổ biến cả nước Uìc, sáu mươi phần trăm nội các Liên bang toàn là người Tây Uìc. Vì vậy người ta mới coi Tây Uìc là mạch máu chính của đất nước.

Vì đây là nơi đào tạo ra người giỏi :

Ông già góp ý.

Đúng vậy :

- David trả lời :

- Tôi nghĩ bầu cử nhiều thành phần chính là xây dựng nền móng cho một quốc gia. Trước đây, chúng tôi chẳng có gì, không hơn được nước Anh.

Cô gái cười:

- Cám ơn anh.

Chàng trai lúng túng:

- Xin lỗi tôi không định nói như thế.

Có gì đâu :

Cô gái trả lời :

- Tôi không bao giờ nghĩ rằng có người nào đó tranh luận mà không chủ quan.

Nàng bắt đầu lái sang chuyện khác và nói về thuyền bè, chứ không nói về chính trị nữa. Vào xế chiều khi chào tạm biệt để trở về thuyền mình, ông cụ còn đứng ở dưới, còn Rosemary leo lên sàn thuyền để theo dõi chàng sĩ quan trở về chiếc thuyền nhỏ của chàng. Trăng đã lên quá thị trấn nhỏ bé ấy, hải cảng đang tắm ánh sáng bạc do nước phản chiếu. Vị sĩ quan hoa tiêu đang ngồi trên sàn thuyền nhìn quanh mình, nào thuyền bè, nào cảng, nào vùng đất trắng chạy dài. Anh ta chật lưỡi:

- Ừ đây cũng đẹp thật!

Bên cạnh anh ta có cô nàng phát biểu:

- Anh không mấy thích nước Anh, phải không?

Anh trầm tĩnh trả lời:

- Anh cũng không rõ lắm, anh yêu cảnh trí như thế này. Anh luôn luôn muốn được trở lại đây để xem thử có gì mới trong ngành hàng không, trong ngành cơ khí hay ngành kỹ thuật :

Sau một chút lưỡng lự anh ấy nói tiếp :

- Anh không thích cái kiểu cai trị này. Nó lỗi thời và kệtch cỡm.

Cô nàng trả lời:

- Có lẽ một số người trong chúng ta lại cho đó là của chính mình.

Anh liếc nhìn nàng dáng thon thon và chững chạc liếc nhìn anh, dưới ánh trăng, đang gói thịt hem vào giấy không thấm mỡ. Chàng đỡ lấy miếng thịt và nói:

- Bác của em hình như cũng thích thú về cách bầu bán.

Cô nàng trả lời:

- Vâng, cũng đã đến lúc có vấn đề tranh cãi ở đây, giống như phiếu bầu của nữ giới vào đầu thế kỷ. Em cho rằng lịch sử chính nó cũng lặp lại, và thường như thế. Chúng ta sẽ chấm dứt bằng cách sao chép của Uúc.

Quay về phía chàng phi công:

- Nigger, làm gì anh cũng nên thận trọng :

Nàng lưu ý thêm :

- Một số chính trị gia chẳng quan tâm gì mấy đến các xứ uỷ trị được gia nhập vào phi đội Nữ hoàng. Xin hãy thận trọng, đừng để mình gia nhập vào một phe nhóm nào cả.

David mỉm cười:

- Anh đến đây để lái máy bay :

Chàng trả lời :

- Anh chẳng mong nhập nhằng vào các đảng phái chính trị.

Chàng cúi xuống mở dây buộc thuyền:

- Cảm ơn em nhiều, Rosemary :

Chàng nói thêm :

- Sẽ gặp em sau ở điện Buckingham.

Cô nàng nhìn chàng thanh niên cười:

- Đừng để thuyền va vào đá hay chạm vào mũi Beaulieu :

Cô nàng nói tiếp :

- Và đừng để ai quyến rũ anh vào công việc gì nhé!

Không đâu :

Chàng trả lời :

- Chúc em ngủ ngon, Rosemary.

Nàng đáp lại:

- Chúc anh ngủ ngon, Nigger.

Nevil Shute

Mùa Mưa

(In The Wet)

Chương 4

Vào tháng chín, David bắt đầu lái chiếc Ceres, máy bay đưa thư của Uìc trong phi đội Nữ hoàng, sau Dewar nửa? tháng, cũng lái một chiếc tương tự đi Canada. Trước khi cả hai chuyến bay được thực hiện, cả hai phi hành đoàn phải làm cật lực trong một tháng do huấn luyện viên phi hành hướng dẫn toàn diện trên sân máy bay của một chiếc Ceres do các nhà chế tạo dựng lên trong một nhà chứa máy bay trống. Khi bắt đầu sắp sửa bàn giao máy bay và chuyến bay bắt đầu xuất phát ở Halfield, phi hành đoàn đã thạo việc.

Ngoài việc huấn luyện làm quen với phi cơ, phi hành đoàn còn được huấn luyện sinh hoạt như một tập thể trong việc đáp xuống điều khiển bằng radar thực hiện trong sương mù hoặc thời tiết xấu. Tất cả bọn họ đều có kinh nghiệm cá nhân. Thật vậy, kinh nghiệm bay trong thời tiết xấu là một trong những yếu tố chính trong việc tuyển chọn vào phi đội Nữ hoàng, nhưng giờ đây họ phải thực tập trên chiếc Ceres cho đến khi nào họ đặt được chiếc máy bay trên đường băng một cách đúng đắn và an toàn trong sương mù dày đặc nhất về ban đêm. Trước đây khi còn ở trong công ty hàng không Anh quốc, họ đã được thực tập đáp trên phi cảng Hurn thuộc thành phố Hampshire. Mỗi tuần hai lần họ phải hạ cánh trên phi cảng ấy để thực tập những cuộc đáp xuống trong đêm tối suốt cả đêm. Đã là thành viên của không lực Hoàng gia Uìc, thì không được cấp chứng chỉ hàng không dân sự, nhưng

không đoàn trưởng muốn huấn luyện cho họ, cho đến khi ông biết chắc rằng tất cả bọn họ có khả năng tương đương với những nhân viên giỏi nhất của công ty hàng không Anh quốc. Trong suốt thời gian gia nhập phi đội Nữ hoàng. Họ phải đến Hurn để tham dự một lớp bồi dưỡng, một tháng một lần, bất cứ khi nào họ còn ở trên đất Anh.

Theo nguyện vọng của Nữ hoàng muốn nghỉ mát vào cuối thu ở Canada, và thể theo lời đề nghị, Nữ hoàng rời nước Anh trong chiếc Ceres đi Canada vào chiều tối mười hai tháng Mười một và bay thẳng đến Edmonton để khánh thành chương trình thủy điện Clearwater, chuyến bay mất khoảng tám tiếng đồng hồ, đến Vancouver nghỉ ít ngày rồi trở về Ottawa. Muốn thuận lợi dù sao cũng bay thử trên một chuyến trên con đường này trước khi đưa Nữ hoàng đi và nhóm phi hành Canada âm thầm chuẩn bị chuyến bay, có mời theo phi hành đoàn Úc làm hành khách để rút kinh nghiệm Trước khi chuyến bay thử thực hiện, nhân viên phi hành của phi đội Nữ hoàng còn bị các quan khách quấy rầy, đó là những người quyền cao chức trọng, bỏ làm việc một buổi chiều lái xe xuống phi trường White Waltham trong tiết thu đẹp trời để tận mắt xem những chiếc máy bay mới. Phủ Cao uỷ cũng biết điều vì dù sao những người này cũng là đại diện cho quốc gia xứ sở và đã chi trả cho những chiếc máy bay này. Tướng tư lệnh không quân ngài William Bradbury cởi mở nói, ngài nhân chuyển đi về miền quê ghé lại. Còn tám viên chức từ những bộ khác nhau, cũng có những cuộc thăm viếng riêng rẽ, nhưng họ đều dẫu không nói gì. Tất cả bọn họ đều muốn đến đây để giải trí thôi. Cuối cùng, không đoàn trưởng Cox nhận được một cú điện thoại từ quốc vụ Khanh, đặc trách Hàng không, huân tước Coles of Northfield, thông báo là ông ấy sẽ đến thăm chiều hôm ấy. Không đoàn trưởng tin lại cho hai vị chỉ huy trưởng Huân tước Coles sẽ thân hành đến thăm chiều hôm nay.

Lạy Chúa! :

Chỉ huy trưởng Dewar nói :

- Phải nên làm sao đây? Nhưng chúng ta không ở trong khu vực của ông ta cơ mà!

Tôi ở và cả cái phi trường này nữa :

Đại tá Cox trả lời À!, vâng :

- Dewar nói :

- Thế thì cứ để cho ông ta thanh tra Đại tá và phi trường, còn để cho chúng tôi yên. Đã lên lịch máy radar ba giờ chiều nay, phải làm thôi. Không thể có người đi ra đi vào máy bay.

Đại tá Cox góp ý:

- Thì cứ để cho ông ta xem máy bay của Nigger. Tôi sẽ trình bày với ông ấy là hai máy bay giống nhau.

David hỏi:

- Huân tước Coles là ai? Ngoài chức vụ quốc vụ Khanh đặc trách hàng không?

Trưởng xưởng đúc sắt :

- Dewar trả lời :

- Ông ấy đã từng là người giỏi trong lực lượng nghiệp đoàn và đã là người lãnh đạo trong không lực Hoàng gia.

Môi David mím chặt lại, nhưng vì đại tá Cox đang ở đây nên cả phía Uúc lẫn Canada giữ ý không nói điều gì, họ đang suy nghĩ về hệ thống cai trị của nước Anh. David quay về phía không đoàn trưởng nói:

- Để họ xem máy bay Tare cũng được. Thợ bọc ghế nệm đang làm việc trong buồng lái và đèn báo hiệu cánh phụ cũng đang được kiểm tra, nhưng chẳng hề gì.

Hai người nói chuyện với nhau về hai chiếc máy bay của Úc và Canada, chiếc Sugar và chiếc Tare. Không đoàn trưởng nói:

- Khi ông ấy đến, tôi sẽ giữ ông ấy vài phút trong văn phòng của tôi và sẽ đánh điện đi, anh sẽ ở trên máy bay chứ? Nhớ xuống văn phòng tôi và chúng ta cùng trình bày cho ông ấy biết về chiếc máy bay. Nhớ thông báo cho Trung úy Ryder. Trung úy Ryder là cơ phó người Úc của chiếc Tare.

David đang làm việc với nhóm nhân viên phi hành trên máy bay thì anh thấy cô gái trực điện thoại đi qua nền nhà chứa phi cơ tiến về phía anh ta vào giữa buổi chiều. Anh ta đi về phía cô và hỏi:

- Cần tôi chẳng?

Cô gái trả lời :

- Đại tá bảo tôi thưa lại với ông là Thủ tướng đang ở trong văn phòng của ông ta, có cả Huân tước Coles.

David hỏi lại:

- Iorwerth Jones?

Thưa phải, ngài Thủ tướng ạ!

Thưa lại với ông, một phút nữa tôi sẽ đến. Tôi còn rửa tay đã.

Trong lúc rửa tay anh ta cũng suy đoán là buổi chiều hôm ấy chẳng có gì thuận lợi cả. Thủ tướng nước Anh chưa bao giờ ra khỏi nước Anh trừ một dịp đi nghỉ mát ngắn ngày ở Dinard và ông ta lo nghĩ rất ít cho Liên hiệp Anh, để đổi lại Liên hiệp Anh cũng lo nghĩ ít về ông ta. Sinh ra trong một thung lũng ở xứ Oen, ông đã làm công nhân hầm mỏ trong vài năm và khi còn là thanh niên ông đã là đảng viên. Về chính trị, đảng cộng sản không còn thiết thực đối với nước Anh, từ khi cuộc chiến tranh vĩ đại của Liên Xô, và ông đã từ bỏ đảng lâu lắm rồi, nhưng sự căm thù giai cấp của tuổi trẻ vẫn canh cánh bên lòng và ảnh hưởng rất nhiều đến công việc ông ta làm. Về năng lực và về khả năng trí tuệ, ông ta là nhân vật khổng lồ, cái đầu và đôi vai hơn tất cả những người trong nội các của ông ta. Ông cũng đại diện cho nam Cardiff hai mươi năm qua ở quốc hội và còn ở vị trí ấy cho đến ngày tạ thế David bước vào văn phòng của không đoàn trưởng và được giới thiệu liền. Anh ta trước đây chưa bao giờ diện kiến người nào trong hai vị ấy, mặc dầu vậy, anh ta xem hình trên màn ảnh vị

Thủ tướng nước Anh rất nhiều lần, và đã quen thuộc với khuôn mặt trắng chữ điền, mái tóc hoa râm thô cứng và đôi mắt rực sáng. Anh ta không biết gì về Huân tước Coles cả, chỉ thấy một người đàn ông nhỏ thó, mập mạp, da mặt hồng hào, thích uống bia, thích mang dép mềm, chẳng biết chút gì về máy bay hay không lực Hoàng gia.

Sau khi được giới thiệu, David nói:

- Máy bay Tare đã sẵn sàng thưa ngài, trong đó có vài người đang làm việc. Nếu cần tôi sẽ mời họ ra khỏi máy bay.

Huân tước Coles hỏi ngay:

- Làm thi đua hay khoán sản phẩm?

David liếc nhìn ông ta không hiểu. Đại tá Cox trả lời:

- Thưa ngài không. Họ làm theo giờ và phụ trách phần bảo trì.

Quốc vụ Khanh phụ trách hàng không có vẻ bằng lòng À, thế thì cho họ nghỉ tay đi.

Mấy người trong máy bay đi xuống và đứng trong nhà chứa máy bay. Cửa nhà chứa máy bay mở, và chiếc Tare nằm ở trong, một khối nhôm sáng bóng mượt, phía mặt trong sơn trắng. Bên ngoài, cách phi đạo trên một khu đất tròn đúc bê tông chiếc Sugar xếp hàng cùng phía với đài radar cách hông cuối phi trường một dặm. Hình dạng và chiếc máy bay cũng dễ thấy, đầu nhìn ở xa, cánh hình tam giác, mũi nhô dài ra, động cơ nằm sâu có ống thông gió vào. Hai sĩ quan thay nhau thuyết trình trong năm phút về hình thức máy bay và những đặc tính tổng quát của nó cho các vị khách quý, cũng như họ đã thường làm trước đây và hiểu rằng các chính trị gia chẳng hiểu gì mấy. Có lúc khi nói về tầm hoạt động của máy bay là tám ngàn dặm hải lí, quốc vụ Khanh phụ trách Hàng không hỏi là nếu bay thẳng đến Aden mà không hạ cánh thì có đủ sức hay không? Hai sĩ quan trả lời, máy bay này đủ sức bay đến Colombo mà không cần hạ cánh, và vẫn còn bốn mươi phần trăm xăng dự trữ. Ông ấy còn hỏi Colombo có xa hơn Aden không?

Đây cũng là điều bình thường đối với các sĩ quan và họ trở về với công việc trên chiếc máy bay ở trong nhà chứa máy bay. Trước khi lên cầu thang dẫn vào máy bay, hai nhà chính trị đi chậm sau các sĩ quan một chút, để nhìn toàn thể chiếc máy bay và nói nhỏ với nhau. Sau đấy Thủ tướng gọi không đoàn trưởng đến bảo:

- Thế cái đồ chết tiệt này giá bao nhiêu?

Đại tá không đoàn trưởng trả lời:

- Chiếc máy bay, thưa ngài? Tôi e khó trả lời chính xác được. Phủ cao uỷ nắm giá đấy ạ! Tôi nghĩ mỗi chiếc phỏng chừng bốn mươi ngàn Anh kim, tuy đây chỉ là lời đồn Thủ tướng quay về phía David:

- Anh có biết giá cả của nó không?

Thưa Thủ tướng, không ạ! :

- David trả lời :

- Tôi không được phép biết những gì không thuộc lĩnh vực của mình, vì không phải công việc của tôi.

Ông Jones nhìn trừng trừng David:

- Thế vị trí của anh là gì trong công tác này? Ai trả lương cho anh?

Thưa ngài, tôi là sĩ quan của không lực Hoàng gia Úc :

Vị sĩ quan điền tĩnh trả lời :

- Tôi được chính phủ Liên bang trả lương.

Có bao nhiêu người như anh ở đây được chính phủ Uuc trả lương?

Dạ tám người, kể cả tôi. Đây là phi hành đoàn.

Có bao nhiêu người ở đây được chính phủ Anh trả lương?

Đại tá Cox trả lời:

- Tôi và cô gái phụ trách điện thoại, thưa ngài. Phủ cao uỷ Canada và Úc đã thống nhất về kinh phí cho phi đội, trừ những kinh phí có liên quan đến nội bộ Hoàng cung.

Theo tôi như thế là quá phung phí tiền bạc :

- Thủ tướng tiếp tục nói :

- Nếu Nữ hoàng muốn đi Úc, ngài cứ đăng kí vé máy bay như mọi người, nếu không ngài đi bằng tàu thuỷ Một sự yên lặng ngọt ngào đang lan ra. Huân tước Coles lên tiếng trước Thôi mà, hãy đi xem đã. Chúng ta đã đến đây rồi! Tôi nghĩ là không lâu đâu!

David tuy không niềm nở nhưng lịch sự nói:

- Thưa ngài, cầu thang đây ạ!

Trong lòng đang sục sôi căm thù nhưng không hiểu sao anh ta cũng biết kiềm chế không bộc lộ cơn giận và bắt đầu thuyết trình về chiếc máy bay. Anh ta đã hướng dẫn họ xem mọi thứ trong thân máy bay từ ngăn hành lí ở sau đuôi cho đến phòng radar ở trước mũi. Thủ tướng chẳng thấy gì hứng thú cả. Có lần ông nói:

- Chỉ phí tiền dân lao động.

Ông ta dừng lại ở cửa buồng lái Hoàng gia, nơi có những mẫu vải hình bò câu màu xám và những tấm trang trí cây sồi bằng lụa Tôi biết ai đã dán những hình này lên :

- Thủ tướng nói :

- Thằng cha già điên chết tiệt Bob Menzies chứ ai. Hấn là thằng da đen trong rừng. Hấn phải học cách đừng chỏ mũi vào những gì không liên quan đến hấn.

David bình tĩnh trả lời:

- Tôi chẳng biết gì về điều ấy cả nhưng tôi đoán chắc là ngài đã làm. Ngài Robert Menzies rút lui khỏi chính trường khi tôi còn nhỏ. Bây giờ ông ấy đã quá già, cũng đã tám mươi lăm tuổi rồi! Ông ta

chẳng thể làm được gì đối với quyết định cung cấp loại máy bay này!

Anh không dạy tôi đây chứ? :

Lời ông Thủ tướng :

- Tôi biết mùi xú ối của già rồi!

Những sự kì diệu trong việc thiết kế máy bay chẳng có nghĩa gì đối với những người này. Trong buồng lái của sĩ quan hoa tiêu, quốc vụ khanh đặc trách Hàng không phát biểu Thế anh để súng hoa? hiệu chỗ nào?

Những kí ức mờ nhạt về chiếc máy bay hành quân song hành với bộ binh thời xa xưa hiện về trong trí nhớ của viên sĩ quan phi hành Súng hoa? hiệu nào? Chúng tôi đâu có mang theo.

Thế làm sao anh thông báo cho dưới đất khi anh muốn hạ cánh?

Thưa ngài, đâu cần làm như thế. Chúng tôi trang bị bao nhiêu là máy vô tuyến.

Thật khó mà bắt đầu lại từ đầu, để giải thích chuyến bay trên năm mươi ngàn bộ, thì có bắn pháo sáng cũng không thể thấy được và một chiếc máy bay theo cỡ này thì không phải bạ đâu cũng hạ cánh được.

Anh phải có súng hoa? hiệu :

Quốc vụ Khanh nói :

- Anh Cox, nhớ nhắc anh ta phải mang theo súng hỏa hiệu.

Thưa ngài, tôi nhớ.

Huân tước quay về phía thủ tướng Chính ông cũng nên trông coi những việc này. Nếu chiều nay tôi không đến, họ có thể đi mà không mang theo súng hỏa hiệu.

Cuối cùng hai người khách lên xe trở về Luân Đôn, còn lại David ở lại trong văn phòng với đại tá không đoàn trưởng. Trong một lúc cả hai người khó có thể đưa ra nhận xét đầu tiên. Một chốc sau, đại tá Cox buồn bã nói:

- Để xem thử, tôi có thể kiếm đâu ra một cây súng hỏa hiệu, Nigger. Có thể ở bộ binh có đấy!

David mỉm cười:

- Mừng anh. Chúng tôi cũng có những người như thế ở Uùc.

Cũng có thể :

Đại tá không đoàn trưởng nói :

- Nhưng không ai như cái ông quốc vụ Khanh đặc trách hàng không của chúng tôi.

Hình như chẳng có gì có lợi khi phải nói ra sự dị biệt giữa người Úc và người Anh và David cũng nhận ra rằng cũng khó khăn không kém khi phải thảo luận những sự việc đã xảy ra chiều hôm nay với Dewar, sau khi anh ấy đã kiểm tra bộ phận radar trên chiếc Sugar trở về. David trở về văn phòng và ngồi suy tư mãi hơn nửa tiếng đồng hồ. Sau đấy anh ta nhắc điện thoại lên và yêu cầu được gặp cô Long ở văn phòng phụ trách bí thư trong Hoàng cung.

Gặp ngay cô ta ở đầu dây, anh ta hỏi liền:

- Cô Long, tôi là Nigger Anderson Chào anh, Nigger. Anh ở đâu gọi đến vậy?

White Waltham. Bọn anh vừa tiếp quốc vụ Khanh và Thủ tướng đến thăm máy bay Ô... Em không nghĩ là thiếu tá Macmahon biết tin ấy.

Mời em dùng cơm tối với anh nhé, Rosemary? Anh có chuyện muốn nói với em Về những người bạn khiêm tốn ấy chứ gì, phải không anh Nigger?

Đúng.

Em không biết là anh có nên nói không nữa?

Anh đâu phải là người nhiều chuyện. Chỉ hỏi em một hai câu thôi, mà anh cần biết câu trả lời. Chúng ta có thể ăn tối ở câu lạc bộ không quân và sau đấy đi xinê em nhé!

Em muốn nhận lời mời của anh lắm nhưng không biết sẽ trả lời những câu hỏi nào. Em không muốn chúng ta nói chuyện tầm phào ở phòng tiếp tân, anh hiểu chứ? Thế anh muốn gặp em lúc nào?

Tối mai Tối mai em rảnh Định giờ xong là họ cúp máy. Họ gặp nhau trong phòng đặc biệt dành cho nữ giới trong câu lạc bộ. Anh ấy đến trước đón nàng Em đến được thật là quý hoá quá :

Anh ấy nói :

- Anh biết như thế này là làm phiền em lắm phải không?

Chàng giúp nàng cởi áo khoác và gọi một ly xêri và một ly cốc teo cà chua. Chàng nói:

- Anh đã xem qua đề phim. Em đã xem Red Coral do Judy March đóng chưa?

Nàng lắc đầu:

- Em nghe nói phim hay lắm Chàng đi vào sắp xếp chỗ ngồi ăn và khi trở về họ nói với nhau những chuyện chẳng quan trọng gì để chờ giờ dùng bữa tối. Phòng ăn khá đông, các bàn kê sát nhau, khi ngồi xuống cô gái nhìn quanh đáng lo âu. Xong món sò, cô nàng hỏi:

- Thưa chỉ huy trưởng, xin cho biết câu hỏi đầu tiên. Chàng mỉm cười:

- Có thể cho anh bắt đầu bằng cách kể lại những chuyện đã xảy ra?

Nếu anh muốn :

Nàng nói :

- Em cũng đã biết hầu hết câu chuyện. Ông Cox đã nói chuyện với thiếu tá Macmahon sáng nay và sau đấy có một vài sự vụ văn thư. Dầu sao, anh cứ kể đi Anh ta rút ngắn câu chuyện đã xảy ra ngày hôm đó và làm cho lời kể có vẻ khách quan hơn. Trong lúc chàng nói, nàng nhìn quanh đến hai ba lượt. Cuối cùng chàng nói:

- Thế là hết chuyện và anh cũng chẳng thích chút nào!

Cô nàng nói:

- Vâng, em biết là anh không thích rồi!

David ngồi trầm ngâm một chút rồi nói:

- Anh cũng nhận biết có những khó khăn cho hai nước Úc và Canada khi xung phong làm những việc cho Vương triều, mà nước Anh không thể làm nổi hay không muốn làm :

Cuối cùng anh ta nói thêm :

- Việc thì nhỏ nhặt nhưng ông ta lại để tâm thù oán Chàng liếc nhìn nàng:

- Anh biết anh chỉ đến đây để lái máy bay, nhưng những chuyện như này nếu xảy ra, anh phải nắm tình hình chung lúc này hay lúc nào khác. Thà là anh theo lời khuyên của em :

Anh nhìn vào mắt cô ta :

- Thế giữa chính quyền và Vương triều có gì xấu đi chăng?

Nàng liếc nhìn căn phòng đông người một lần nữa Em không thể bàn cãi vấn đề này với anh đâu anh Nigger ạ! Dầu sao thì không phải ở đây Anh không bắt buộc em phải trả lời :

Chàng nói :

- Nhưng anh có thể nói điều đó với em và anh sẽ tìm ra giải pháp đối phó Chàng dừng lại một chút rồi nói tiếp:

- Nữ hoàng của anh mà cũng là của em. Nữ hoàng của nước Uúc và cũng là của nước Anh. Chính phủ nước anh gửi anh đến đây là để phụng sự Nữ hoàng của chính chúng ta. Anh phải biết một số khó khăn mà Nữ hoàng đang gặp phải Nàng trả lời:

- Thế không ai nói cho anh biết nhiệm vụ trước khi nhận công tác này sao?

Chàng lắc đầu. Nàng tiếp tục:

- Họ có bốn phận phải nói cho anh biết. Sớm hay muộn gì điều đó cũng xảy ra thôi Anh có thể tìm ra được :

Chàng nói :

- Anh có thể đánh hơi nơi này, nơi khác, hoặc lắng nghe các chuyện tầm phào là rõ như hai cộng hai là bốn vậy. Nhưng anh muốn biết chuyện gì sắp xảy ra mà không mất thì giờ. Thà em cứ thật thà khai báo cho anh vì em đã biết rõ cả.

Em sẽ không nói được câu nào nữa :

Nàng phát biểu :

- Vì kế bàn chúng ta là John Llewellyn Davies, và bên kia là Henry Forbes. Chúng ta hãy nói chuyện gì khác đi anh!

Các tên ấy chẳng có nghĩa gì đối với chàng, nhưng chàng vẫn mỉm cười nói:

- Được thôi.

Xong buổi uống cà phê trong phòng khách, cô ta nói:

- Anh có phải là dân ghiền xem phim không nhỉ?

Không hẳn thế! :

Chàng trả lời :

- Thế em muốn làm một cái gì khác chẳng?

Em có căn gác xép ở tầng chót căn nhà ở đường Dover. Chúng ta đến đây nói chuyện :

Nàng đề nghị Hai người rời khỏi câu lạc bộ và đi dọc con đường Pall Mall và đi ngược lên con đường James. Khi đang đi, nàng hỏi chàng:

- Anh có từng nghiên cứu sử học nhiều không anh?

Chàng lắc đầu :

- Không em ạ. Tất cả việc học của anh chỉ là có kiến thức để thi vào không lực. Anh không dành nhiều thì giờ để học sử đâu Nàng bước đi trong im lặng, một chốc mới nói:

- Thật đáng tiếc khi một điều gì đó luôn luôn phải bị bỏ qua Đúng vậy :

Chàng trả lời :

- Nếu luôn luôn điều đó cuối cùng đã trở thành quan trọng Họ đi đến con phố Dover và nàng mở cửa bước vào một con đường nhỏ giữa tiệm uốn tóc và tiệm thuốc tây. Lối vào có trải thảm đẹp và trang trí hoa văn vì nó dẫn vào phòng chụp ảnh của tiệm ảnh ở lầu một và hai, lên trên nữa sự trang trí có vẻ xấu hơn. Đến tầng chót, nàng mở thêm một cánh cửa khác và hai người đi vào phòng khách, từ phòng khách có một cánh cửa thông sang phòng ngủ, bếp nhỏ và phòng tắm.

Nàng bước qua lò sưởi đến vặn sáng hai ngọn đèn đọc sách bên cạnh hai cái ghế bành bọc vải hoa sắc sỡ. Nàng nói:

- Mời anh ngồi và xin cứ tự nhiên. Em chỉ vắng mặt một phút thôi Nàng đi vào phòng ngủ và khi trở ra , chẳng mặc áo khoác Mời anh uống voi em ly cà phê nhé!

Nếu chưa pha thì thôi em ạ!

Cô nàng cười :

- Mỗi sáng em đều có pha sẵn cà phê trong bình lọc. Chỉ cần hâm lên thôi Chàng đi theo nàng vào bếp và đứng nhìn nàng nấu ăn Em chọn chỗ này cũng xinh đấy chứ :

Chàng nói. Nàng biểu đồng tình:

- Cũng không tệ lắm. Hơn nữa là nơi trung tâm, gần Hoàng cung, em chỉ đi bộ một chút băng qua công viên là tới ngay. Em đã ở đây được ba năm Chàng đứng nhìn nàng pha cà phê, nét duyên dáng mảnh mai làm chàng thắc mắc không hiểu nàng bao nhiêu tuổi. Hai mươi sáu hay hai mươi bảy không chừng. Nàng chẳng đeo nhẫn. Nàng nhìn lên và đưa cho chàng ly cà phê bốc khói, tự mình cầm một ly và cả hai người đi trở về phòng khách. Nàng bực nức lò sưởi điện và cả hai người cùng ngồi vào ghế bành Giờ đây nàng mới bắt đầu thổ lộ Anh phải nên hiểu tình hình chung, anh David ạ! Nếu anh thông suốt rồi thì chúng ta chẳng cần bàn về những chi tiết, bởi vì trước sau gì anh cũng hiểu những điều đó thôi, cũng như anh sẽ cần chúng. Thế dân số Úc bao nhiêu?

Có lẽ độ hai mươi bảy triệu :

- David trả lời :

- Con số ấy vẫn tăng lên hàng năm. Cô nàng gật đầu:

- Em nghĩ có lẽ đúng. Canada vào khoản ba mươi hai triệu dân và còn tăng lên rất nhanh. Nước Anh ba mươi tám triệu dân và còn giảm xuống nữa, vận tốc giảm thiểu là một năm gần một triệu. Đúng thôi :

Nàng nói :

- Theo em nghĩ, việc đầu tiên là số người di tản. Số người rất lớn trong bọn họ về chính trị theo cánh hữu. Một người lia bỏ xứ xở để qua Úc là một người dám đánh cá cuộc đời mình. Anh ta từ bỏ mọi thứ mà anh ta biết, từ bỏ sự an toàn anh ta đang có trên quê hương tại nước Anh để đến Canada hay Úc làm lại cuộc đời. Anh ta chẳng biết gì nhiều như phúc lợi xã hội ở các nước ấy. Anh ta hiểu rằng nếu anh ta thất bại, anh ta sẽ khốn đốn ở Canada hay ở Uuc hơn là trên quê hương. Anh ta ra đi vì anh ta thích một loại đất nước như thế, mà ở đây anh ta có cơ may tạo dựng cơ nghiệp cho chính mình. Anh nghĩ cũng đúng thôi :

- David nói :

- Chẳng có bao nhiêu người thuộc đảng xã hội nhiệt tình trong số dân di tản từ nước Anh đâu. Nàng gật đầu:

- Do đó các anh hồi hã có một chính quyền thuộc đảng Tự do ở Úc. Xem nào, anh đã có một chính quyền thuộc đảng Lao động từ năm 1970 đến năm 1973 và trước đây là chính quyền của nhóm Calwell và nhóm Evatt. Em không tin, các anh đã có chính quyền hơn mười năm thuộc đảng Lao động trong vòng ba mươi năm qua. Thì đúng vậy, chứ sao? :

- David có vẻ suy tư nói tiếp :

- Chắc em nghĩ rằng những người di tản toàn là đảng Tự do?

Các lọn tóc sau tai nàng sao mà quăn rũ đến thế! :

- David trầm nghĩ.

Nàng trả lời:

- Em chắc như thế. Và đây cũng là điều đã giúp cho xứ xở anh thịnh vượng. Cũng một phần nào, nhờ đây mà kinh tế phát triển. Nhưng ở đây, nước Anh, kết quả lại ngược lại. Chúng tôi chỉ có chừng mười năm cho những chính quyền bảo thủ trong vòng ba mươi năm qua, vì tất cả những người đi định cư ở Canada và Úc đều thuộc đảng bảo thủ tận đáy lòng họ. Đây là sự khác biệt lớn lao đầu tiên giữa xứ sở này và Úc và trong mọi lĩnh vực nó đều mang màu sắc ấy. Anh là xứ sở của cánh phải và em là của cánh trái. Chàng gật đầu nhìn khuôn mặt nàng một bên khi nàng đang đăm đăm nhìn vào lò sưởi điện. Nét mặt nàng rất thanh khiết với làn da có pha chút màu nâu ấm áp, có lẽ là những ngày đi thuyền buồm. Em nghĩ rằng các nhà làm sử sẽ nói rằng chủ nghĩa xã hội đã là một điều thuận lợi cho nước Anh :

Nàng suy nghĩ rồi nói tiếp :

Tất cả quốc gia đều trải qua những thời kì may mắn cũng như rủi ro và Anh quốc đã trải qua một thời kì xui xẻo trong bốn mươi năm qua. Giờ này thì cũng đến thời kì dứt điểm. Khi chúng ta nuôi được dân số của chúng ta, mọi việc thành linh rồi cũng sáng tỏ và những nhà kinh tế học nói rằng chỉ còn năm năm nữa thôi ở phía trước. Rồi có lẽ chúng ta có thể thử nghiệm xí nghiệp tự do một lần nữa. Nhưng trong lúc chúng ta phải cùng nhau làm việc để vượt qua thời kì lộn xộn, thì chủ nghĩa xã hội có lẽ tốt nhất để ổn định Có thể như thế lắm chứ! :

Chàng nói :

- Nhưng các anh, những người Úc không phải đồng hội đồng thuyền Anh nên cố gắng và thông cảm :

Nàng nói :

- Anh cũng nên hiểu tại sao nước Anh phát triển khác với nước Úc.

Nàng quay đầu lại để đối diện với chàng. Chàng bắt gặp đôi mắt nâu trong sáng và thành linh cảm thấy thích thú được ngồi cạnh nàng, trao đổi với nàng câu chuyện khá chân tình và đứng đắn. Chàng nghĩ có lẽ, nếu đi xinê chắc gì đã được hạnh phúc như vậy!

Và giờ đây anh đã hiểu và thông cảm vì sao người Anh lại bất hợp lí như thế. Một đất nước rất mạnh về chủ nghĩa xã hội như nước Anh lại phải chấp nhận một nền cộng hoà. Vương triều cai trị bằng quyền lực thiêng liêng và đối với đất nước này, vị trí của Vương triều vẫn còn là thiết yếu. Quyền lực ấy đối đầu hoàn toàn với tất cả nguyên tắc của một nền dân chủ, đặc biệt là nền dân chủ xã hội. Bất cứ dân tộc nào khác, trừ dân Anh, đã huỷ bỏ nền dân chủ lâu rồi, nhưng dân Anh không giống vậy. Họ yêu vua và Nữ hoàng của họ. Dân tộc Anh sẽ không đụng đến Vương triều, ngay cả những Hoàng cung họ cũng không đụng đến. Khi chính quyền Bevan cố đặt thu nhập quốc gia vào luật Hampton năm 1960, chính quyền đã bị hạ bệ và đảng bảo thủ lên thay. Chính Nữ hoàng đã từ bỏ hai miền đất của Vương triều:

- Balmoral ở Scotland và Sandringham ở đông nam nước Anh vì vấn đề kinh tế tuy dân Anh vẫn không bằng lòng như thế. Dân Anh là hoàn toàn bảo hoàng tự trong đáy lòng, dầu họ là chủ nghĩa xã hội. Thật không hợp lí chút nào, nhưng đó là cách sống của họ Chàng cười nói:

- Nếu sự thật như thế thì cũng tốt cho chúng ta. Nếu không phải vì Nữ hoàng, chúng ta có lẽ sẽ không có nhiều vấn đề chung với nước Anh.

Nàng gật đầu:

- Ngài Vua cha và Nữ hoàng ngày nay thật khôn khéo. Họ đã hiệp nhất Liên hiệp Anh, khi mọi sự sắp sửa tan rã. Họ đã làm một công tác tuyệt diệu, riêng ở Anh, dầu sao, cũng đã có một thời kì thối nát :

Cô ta ngần ngại nói :

- Các Vua và Nữ hoàng đã có những giai đoạn dễ dàng ở những nước theo cánh phải. Do đó Nữ

hoàng mới được sự giao hiếu tốt đẹp với ông Hogan của Úc và ông Delamain của Canada Chàng cười nói:

- Và vì sao mọi sự chẳng mặn nồng gì với ông Iorwerth Jones?

Em có nói vậy đâu! :

Nàng sửa lại. Chàng trả lời:

- Vâng, nhưng anh có thể thấy được điều ấy, vẫn đúng như thế cả :

Chàng dừng lại một lúc rồi nói tiếp :

- Những nhà khoa học người Anh, những kỹ sư người Anh và ngay cả Nữ hoàng. Kể cả những điều chúng ta mến và ngưỡng mộ Ở nước Anh này. Anh chẳng mảy may nghĩ về chính quyền của nước em.

Nàng quay đi và nhìn vào lò sưởi một lần nữa:

- Bây giờ vấn đề bầu bán lại rộn lên. Anh đã kinh qua chuyện ấy qua các tiểu bang của nước Úc và đã nhận thức một hệ thống dân chủ hiện hữu Chàng ngạc nhiên hỏi:

- Điều đó đang gây khó khăn ở đây sao?

Nàng trả lời:

- Em nghĩ là có đấy :

Ngừng một lát nàng nói tiếp :

- Người Tân Tây Lan và Uìc trước đây đã một lần như thế, khi phiếu bầu dành cho phụ nữ. Các bạn đã thử ở một tiểu bang thành công, sau đó mới đem áp dụng cho toàn quốc. Các bạn đã đặt chúng tôi vào một tình huống khó xử. Và giờ đây lại xảy ra nữa... Chàng hỏi lại:

- Thế nước Anh lấy làm tiếc vì bị bắt buộc cho phụ nữ quyền bầu cử?

Nàng mỉm cười:

- Dĩ nhiên là không. Dân Anh rất vui mừng với phiếu bầu nhiều thành phần, đã một lần họ làm quen với phiếu bầu này. Nhưng điều đó có nghĩa là những thay đổi vĩ đại Anh đánh cá về điều đó :

Chàng bi quan nói :

- Em đừng khật khùng như huân tước Coles lãnh trách nhiệm không lực Hoàng gia và cũng đừng nên như ông Iorwrth Jones Nàng trả lời ngay:

- Dĩ nhiên rồi. Đó là cái khó khăn người Uìc và người Canada đã gây nên cho chúng tôi, cũng như các anh thực hiện phiếu bầu cho nữ giới. Anh đừng trông mong ông Iorwrth Jones mến các anh nhiều đâu!

Chàng ngẩng cao đầu nói:

- Phương cách chúng tôi làm là đúng. Người dân thích điều ấy có thể không được bầu vào Hạ viện. Họ không bao giờ được trở thành bộ trưởng Cô nàng nhìn chàng tươi cười và như thể là chàng đã thỏa lòng vì chàng chỉ sợ làm nàng phật ý.

Anh không thể trông đợi Iorwrth Jones để ý đến điều ấy đâu. Dân chúng đã đặt ông ta vào nguyên tắc một người một phiếu bầu. Ông ta tin tưởng vào nguyên tắc ấy; vì ông ta tin tưởng như thế nên ông ta là người ngon lành nhất, của đất nước và trở thành Thủ tướng. Có lẽ ông ta tin vào phiếu bầu nhiều thành phần cho nên mới rơi vào bẫy của Tory và mất chức. Có lẽ ông ta tin vào các chính trị gia Úc và Canada đang trở lại giải pháp của tập đoàn Tory để bắt buộc việc bầu cử trên nước Anh do áp lực của Liên hiệp Anh :

Nàng cười tươi nói tiếp :

- Trên tất cả mọi chuyện , chính quyền của nước Úc đã chọn lúc này để hành động và trao tặng máy bay và phi hành đoàn cho Nữ hoàng để việc đi lại của Nữ hoàng được dễ dàng và thăm viếng nhiều hơn ở các xứ uỷ trị.

Chàng nói:

- Nữ hoàng của chúng ta hay nói cách khác, Nữ hoàng của em muốn tuần du qua mỗi nước trong Liên hiệp Anh, để đáp ứng với số dân da trắng trong nước đó, mỗi năm Nữ hoàng chỉ cần ở lại trong nước ba tháng là đủ. Nếu có đi thăm thêm các dân tộc da màu, thì thời gian trên chỉ còn lại nửa tháng :

Chàng nghĩ một lúc rồi nói tiếp :

- Như vậy là đã hai năm Nữ hoàng chưa đến Tharwa. Người dân Uùc cảm thấy chưa có sự mua bán sòng phẳng Nữ hoàng cũng biết thế, anh Nigger ạ! Rosemary trầm tĩnh nói

- Nữ hoàng hiểu rất rõ người dân Uùc đang nghĩ gì, nhưng Nữ hoàng đang gặp khó khăn Chắc chắn như vậy rồi! Anh cá với em đấy! :

Chàng nói với vẻ đăm chiêu :

- Anh cũng chả thích công việc của Nữ hoàng Vâng, đôi khi em nghĩ Nữ hoàng nhận lấy trách nhiệm còn khổ hơn bất cứ một người phụ nữ Anh nào khác Nàng đứng dậy rời khỏi ghế ngồi và hỏi:

- Anh uống thêm cà phê nữa nhé.ù Chàng cũng đứng dậy lên theo:

- Anh phải đi ngay bây giờ Chàng nói và nghĩ ngay đến công việc của nàng là phải thận trọng trong lời nói để giữ uy tín cho Nữ hoàng, đứng ra thì chàng phải giúp đỡ nàng mới phải:

- Hầu như anh đã hỏi hết các câu hỏi rồi!

Nàng nuối tiếc:

- Đang còn sớm mà anh. Hãy ngồi lại uống với em ly cà phê hay một lon bia , nếu anh thích Chàng lắc đầu:

- Anh có bao giờ uống bia đâu!

Thế anh không uống gì cả sao?

Chàng lại lắc đầu:

- Hồi còn nhỏ, anh chẳng uống gì cả. Anh muốn để dành tiền mua sách hay đóng tiền vào câu lạc bộ

hàng không. Rồi khi anh đã trở thành một sĩ quan hoa tiêu, anh thấy vui trong lòng là chưa bao giờ uống rượu. Anh nghĩ rằng em cũng sẽ khoẻ hơn nếu em không uống Uống với em một ly cà phê nữa đi anh, còn sớm mà!

Nàng đi vào bếp, bật máy hâm bình lọc cà phê, rửa lại mấy cái ly và chế cà phê đen, rồi mang ra phòng khách, tránh không để sánh ra ngoài. Chàng đỡ ly cà phê từ tay nàng và nói cảm ơn. Đứng bên cạnh lò sưởi, chàng hỏi:

- Thế Nữ hoàng đứng về phe nào trong phiếu bầu nhiều thành phần? Nữ hoàng suy nghĩ như thế nào về chuyện ấy?

Cô gái cười:

- Em không biết, anh Nigger ạ! Nữ hoàng có bao giờ tâm sự với em đâu. Và dẫu có đi nữa, em cũng không thể bật mí cho anh hay một ai khác.

Chàng cũng cười theo:

- Thế em chẳng có quan niệm của riêng em sao?

Nàng trả lời chắc nịch:

- Không có! Tất cả những quan điểm em có đều dựa trên những tài liệu có in dấu đỏ trên đầu với các chữ KÍN, TỐI MẬT, CHỈ ĐỂ NỮ HOÀNG ĐỌC MÀ THÔI Chàng nói:

- Được rồi! Anh không nói nữa. Anh nghĩ là em nói cho anh biết đủ rồi!

Em đã nói gì cho anh biết đâu :

Nàng nói :

- Chúng ta vừa mới hàn huyên về nước Anh và tại sao nước Anh lại khác với nước Uìc.

Chàng cười:

- Em có lí riêng của em mà!

Hai người ngồi xuống bên cạnh ly cà phê. Chàng lại nói:

- Em đã biết số phận khắc nghiệt về phiếu bầu của nữ giới. Ôu đâu em có được những tin tức này, có phải từ Úc và Tân Tây Lan chẳng?

Chỉ cần chọn một trong số các tin tức ấy là nhớ rồi! :

Nàng trả lời :

- Em là đàn bà, nên em thích những gì liên quan đến phụ nữ hơn anh. Hơn nữa em học sử ở đại học Oxford.

Em đã đến Oxford, phải không?

Nàng gật đầu:

- Em ở tại thị trấn Somerville Thế em tìm ra công việc này cũng ở đây sao? :

Chàng lại hỏi cốt để tìm ra số tuổi của nàng Không hẳn thế :

Nàng trả lời :

- Em đã theo học một lớp đánh máy tốc kí và rồi kiếm được việc ở một văn phòng nước ngoài. Em đã ở đấy hai năm và sau đấy nghe ở văn phòng bí thư cần người, em đã đến gặp cô Porson và được nhận vào Sự phỏng đoán của chàng không xa thời điểm là mấy, nàng có lẽ là hai mươi bảy tuổi.

Chàng tiếp tục hỏi:

- Gia đình của em cũng ở Luân Đôn chứ?

Nàng lắc đầu:

- Ba mẹ em sống ở ngoại ô Oxford, nơi ấy có tên là Boar s Hill. Ông cụ là giảng viên của trường New College Chàng hỏi:

- Cuối mỗi tuần vào mùa hè, em đều đi thuyền phải không?

Nàng trả lời:

- Bất cứ lúc nào đi được. Cứ bốn thứ bảy, em lại trực một ngày tại Hoàng cung. Thay vào đấy em được nghỉ bù vào ngày thứ hai. Em thường về gia đình thứ bảy, Chủ nhật và trở lại sáng thứ ba. Em thường ở Itchenor với những người thân vào mùa hè hay đi ra ngoài với bác Ted của em Đấy là em đi thuyền nhỏ bằng cao du ở Itchenor, phải không? Nàng gật đầu:

- Em có một chiếc mười bốn tấn ngon lành lắm, em thường đua với một cô gái khác, Sue Collins :

Sau một phút lưỡng lự, nàng kể tiếp :

- Chúng em thật may mắn trong một vụ phá sản. Cũng may, tuy bị sụi hết nhưng không mất đồng nào!

Phải vụ phá sản năm 1970 không?

Nàng gật đầu:

- Hầu hết những người quen em đầu mất trắng Thiệt hại đến thế cơ à? Dĩ nhiên, hồi ấy anh còn nhỏ tuổi, chỉ nghe kể lại, nhưng không rõ ràng lắm Nàng nói tiếp:

- Thảm bại lắm! Hầu hết ai cũng có chút ít tiền để dành cho tới khi ấy, trông chờ vào bảo hiểm hay cái gì khác nhưng rồi không ai được gì cả. Cá nhân em không nhớ gì cả vì hồi ấy em quá nhỏ, nhưng tai nạn ghê gớm lắm Chàng hỏi lại:

- Thế nguyên nhân làm sao?

Em nghĩ là do di tản :

Nàng trả lời :

- Khi người ta bắt đầu di tản, mọi việc cũng tốt đẹp cả, nhưng khi số bốn năm triệu người rời khỏi nước Anh, mọi con phố đều có căn nhà trống. Khi chuyện ấy xảy ra, nhà cửa chẳng còn giá trị gì nữa. Trước lúc ấy, người dân thường mua nhà, đó là cách tiết kiệm tiền. Nhưng rồi cơ ngơi sản nghiệp chẳng còn gì giá trị gì nữa, tiền cũng tiêu tan :

Nàng nói tiếp :

- Người dân thường mua nhà qua trung gian, hợp tác xã xây dựng , họ ứng tiền cho căn nhà và giữ

văn tự bán nhà. Dĩ nhiên hợp tác xã này phá sản và kéo theo luôn các công ty bảo hiểm. Các công ốc cũng thế, chẳng còn giá trị gì, chỉ còn lại những cơ quan trống rỗng ở khắp nơi. Cuối cùng là một sự phá sản tài chính rộng lớn làm mọi người mất tất cả tiền tiết kiệm Chàng chậm chậm gật đầu:

- Anh không nghĩ là ở nước Úc lại có vụ như thế!

Thì em có nghĩ là nước của anh có đâu. Anh luôn luôn may mắn mà! :

Nàng cười tinh nghịch :

- Chuyện khôi hài là rút cuộc chẳng ai làm sao cả vì tất cả đều cùng hội cùng thuyền, nhà cửa vẫn còn đó. Điều đó có nghĩa là chính quyền tiếp nhận những cao ốc ở thôn quê, nếu không những cao ốc này sẽ sụp đổ vì thiếu bảo quản. Do đó thực tế mọi căn nhà và cao ốc ở thôn quê đều thuộc nhà nước quản lí trong hiện tại Đó có phải là nguyên nhân không? :

Chàng hỏi lại :

- Anh rất thắc mắc về chuyện ấy. Anh nghĩ có lẽ do chủ nghĩa xã hội Nàng lắc đầu:

- Thực sự em nghĩ do chính quyền của ông Eden tạo nên.

Chàng lại hỏi:

- Giờ đây có nhà nào còn được xây ở Anh không?

Nàng lại lắc đầu:

- Em không nghĩ có căn nhà nào được xây ở Anh trong vòng mười năm trở lại đây Như thế chúng ta chẳng làm được cái gì khác :

Chàng nói :

- Khắp nơi trên thế giới nhà mọc lên như nấm.

Nàng hỏi:

- Mình có thể xây nhà được không anh?

Sao không, nếu em có tiền.

Một căn nhà tốn chừng bao nhiêu?

Một căn nhà nhỏ bình thường với ba phòng ngủ tốn vào khoảng bốn đến năm ngàn bảng. Tường lợp ván, thế thôi!

Cô nàng lại hỏi:

- Cái gì bạn cần phải có để xây nhà? Làm cách nào để có đất?

Chàng liếc nhìn nàng:

- Em chỉ việc mua, thế thôi Tìm đến chủ đất và mua ngay đất của chính ông ta, phải không anh?

Đúng vậy Rồi trả tiền xây dựng để người ta xây nhà cho mình?

Chàng gật đầu:

- Nếu em không đủ tiền, em đến gặp hợp tác xã xây dựng mượn một ít. Nhưng điều quan trọng là em phải có sẵn một ít tiền Thế người bình thường có thể góp tiền tiết kiệm đủ mà làm nhà không, ngoài

số tiền người ấy làm ra? :

Nàng lại hỏi Anh nghĩ là được :

Chàng trả lời :

- Anh đã góp tiền tiết kiệm được hai ngàn Anh kim từ khi anh vào không quân Nàng trở mắt nhìn chàng ngạc nhiên:

- Hai ngàn Anh kim, nhưng anh lãnh lương được bao nhiêu?

Là một chỉ huy trưởng, với tất cả phụ cấp, một năm anh lãnh được tám trăm. Như vậy nếu tính ra tiền Anh là hai ngàn bảy trăm bảng Như vậy là đại tá Cox chỉ lãnh bằng nửa lương anh thôi :

Nàng reo lên. Chàng cười:

- Anh đâu biết, anh chỉ đoán thôi. Cũng đáng tiếc đấy, nhưng vậy rồi biết làm sao! Nguyên do cũng vì đồng tiền mất giá!

Nàng lại nói:

- Anh lãnh lương gần gấp đôi một dân biểu quốc hội Anh. Em không hiểu tại sao công chức Úc lại được lãnh lương như thế!

Đại biểu quốc hội nước anh mỗi tháng lãnh bốn ngàn :

Chàng kể :

- Như em thấy công việc của các anh là làm trọn ngày không nghỉ. Nếu em muốn trở thành những người đàn ông thượng hạng lo việc cho đất nước, thì em phải trả cho họ lương thượng hạng Thì ở đây bọn em cũng làm suốt ngày chứ sao! :

Nàng buồn bã nói :

Nhưng đại biểu quốc hội đâu được trả lương cao như thế Chàng không trả lời nàng, kìm chế lời phê phán vừa hiện ra trong trí. Hai người ngồi nhâm nhi ly cà phê trong yên lặng và hút thuốc. Cuối cùng nàng cũng nói một câu:

- Thật vui biết mấy nếu mình có được một căn nhà mới mà trước đây chưa có ai đến ở. Giá như mình muốn xây như thế nào tùy ý mình Dĩ nhiên rồi! Phần lớn người ta xây nhà khi đã lập gia đình. Họ rất vui khi phát họa ra căn nhà tương lai khi mới kết hôn Người ta làm thế, thật không anh? Xây một căn nhà mới rồi lấy nhau trong căn nhà ấy và bắt đầu mọi sự với đôi bàn tay trắng và mới mẻ?

Chàng gật đầu:

- Vô số người làm như thế. Thường thường hai cha mẹ giúp trang trải chi phí căn nhà Có lẽ vì họ để dành tiền chưa đủ?

Chàng cười tinh nghịch:

- Thì cứ cho chàng ta cơ hội đi. Chúng tôi kết hôn còn trẻ hơn các bạn ở đây nhiều!

Thế ở Úc, đến tuổi kết hôn là bao nhiêu?

À! Anh cũng không rõ nữa. Anh nghĩ là họ kết hôn sớm hơn tuổi ấn định, vì lúc ấy anh đang còn

nhỏ. Một thanh niên trung bình có thể trang trải những chi phí của một gia đình phải ở tuổi hai mươi bốn. Anh chỉ nói cái tuổi chung chung thôi.

Còn cô gái thì hai mươi há anh?

Anh nghĩ thế, chứ không chắc.

Nàng nhìn chàng cười:

- Trừ anh ra há anh?

Đối với anh thì có hơi khác :

Chàng trả lời :

- Vì da màu.

Chàng cười nói tiếp:

- Thay vào đây anh có đủ tiền Em không tin lại có thể có chuyện như thế :

Nàng nói :

- Anh chỉ lấy đó như một lời bào chữa :

Nàng dừng lại một chút rồi nói tiếp :

- Chỉ có điều nên giải thích cho việc dân số của nước Úc gia tăng nhanh là do kết hôn quá sớm cũng nên!

Em nói có lẽ đúng. Hầu hết các gia đình anh quen đều có bốn năm con Hai người lại ngồi yên lặng.

Một lát sau Nàng nói:

- Em chưa từng thấy một căn nhà mới, em chỉ tưởng tượng ra thôi. Nếu anh xây nhà cho anh, chắc anh cũng trang trí hiện đại giống như trong các tạp chí Mỹ, phải không?

Anh ta liếc nhìn cô nàng nói:

- Thế nào em cũng phải xem một căn nhà mới Có khi em đã xem rồi cũng nên. Nhưng em giống như một đứa bé, coi đâu quên đó!

Em đã xem những căn nhà ấy ở nước ngoài chưa?

Em chỉ mới đến nước Pháp. Dĩ nhiên lúc ấy còn khó khăn. Em cũng thấy được những căn nhà mới ở đây :

Nàng nhìn chàng mỉm cười :

- Lời em nói có vẻ thiên cận quá không anh?

Không đâu. Suốt đời anh hình như lúc nào cũng di chuyển. Chẳng hạn như anh ở không đoàn oanh tạc, anh đâu đã có mặt ở Nam Mỹ hay Liên Xô, nhưng lại có mặt hầu hết ở các quốc gia khác.

Nhưng một chuyến bay này cũng giống như chuyến bay khác, căn cứ không quân này cũng giống căn cứ không quân khác, thế thôi. Anh không nghĩ là biết hơn nửa thế giới như em đã biết, khi ngồi ở vị trí Luân Đôn này. Anh muốn nói đến nguyên nhân thúc đẩy Em mong anh sẽ làm được :

Nàng dừng lại rồi nói tiếp :

- Em tin là em sẽ được đi theo Nữ hoàng đến Canada Chuyến bay sắp đến? Tháng tới? :

Nàng gật đầu :

- Em sẽ thích thú lắm đấy! Em sẽ đi trên chuyến bay của anh Jim Dewar trên chiếc Sugar. Nàng gật đầu. Em cũng không rõ nữa. Nhưng Huân tước Marlow càng ngày càng già và không thể qua khỏi cuộc phẫu thuật. Nữ hoàng khuyên ông ta nên ở lại giữ đèn đài cung điện với Hoàng tử xứ Oen, còn Nữ hoàng sẽ đem ông Macmahon làm bí thư. Cô Porson đã làm việc với Huân tước Marlow hơn bốn mươi năm, như thế cũng quá đủ, anh không ngờ tuổi cô ấy là năm mươi chín rồi đấy! Cô Turnbull sẽ kế chân và sẽ đi với thiếu tá Macmahon. Cô Porson ở lại với Huân tước Marlow và Hoàng tử Charles. Các ngài muốn có một cô gái khác làm tạp vụ và cô Porson hỏi em có muốn đi với cô Turnbull không?

Thế thì tốt quá! :

Chàng phi công nói :

- Em sẽ vui vô cùng!

Em có quá nhiều việc phải đánh máy ở văn phòng nhưng chưa biết việc gì sẽ đến nữa đây :

Cô gái thành thật nói :

- Dĩ nhiên nếu giải quyết xong thì cũng nhẹ nhõm đi phần nào, vì cũng mong sao được nghỉ xả hơi cho đỡ nhọc. Nhưng vấn đề này không phải nằm trong hồ sơ mà phải trình cho Nữ hoàng duyệt y.

Chàng nói:

- Anh không nghĩ có gì nhiều mà em phải lo nghĩ như thế Chàng liếc nhìn nàng và khi thấy nàng mãi nhìn lò sưởi, chàng mới thật sự ngắm nhìn nàng thật lâu. Nàng đẹp và đài các, có vẻ suy tư, có năng lực và khiêm tốn, chàng không thể tưởng tượng nổi có một thành viên nào hoàn hảo hơn trong phái đoàn Hoàng gia. Chàng nghĩ, chuyến đi này thật đáng tiếc, chuyến bay này lại thuộc chuyến bay của Dewar Nếu cứ nghĩ bằng quơ như thế, thời gian qua nhanh thật! Chàng để ly cà phê xuống và đứng lên. Chàng nói:

- Đã đến lúc anh phải đi rồi! Anh phải ghé lại Madenhead không thì muộn mất!

Nàng cũng đứng dậy và đưa tiễn mấy câu Tại sao cuối tuần anh không đến Itchnor bằng thuyền của anh, rồi lên thuyền em mà đi? Đi như vậy vui lắm anh ạ!

Chàng hỏi:

- Anh neo thuyền ở đây được chứ?

Neo thuyền? :

Nàng hỏi lại :

- Neo phía nào mà chẳng được. Hay là anh cho thuyền cặp vào một con thuyền khác nữa đi, dễ hơn Như thế cũng được :

Chàng trả lời, rồi tự nhiên cảm thấy vui một cách vô cớ :

- Thế lúc nào thì em đến đây?

Chưa phải tuần này đâu :

Nàng trả lời :

- Tuần này em sẽ trực vào tối thứ sáu tuần tới em sẽ về dưới ấy :

- Thứ sáu tuần sau nghe anh!

Có lẽ đi Canada anh chưa về tới đâu :

Chàng nói :

- Các anh đem chiếc Sugar bay thử nghiệm. Dewar đã định cất cánh vào lúc mười giờ sáng thứ năm.

Thế các anh đi mất bao lâu :

Nàng hỏi Đến Edmonton? Độ bảy tiếng rưỡi. Giờ cách nhau là tám tiếng nên các anh đến đó là khoảng giờ cất cánh, ăn trưa ở đó và tiếp tục bay đến Vancouver vào buổi chiều. Đêm sau ở lại đây và đêm thứ sáu ở tại Ottawa và trở về đây vào sáng Chủ nhật Anh đã biết những nơi ấy chưa? :

Nàng tò mò hỏi Anh chưa bao giờ đến Edmonton. Đã biết Vancouver và Ottawa rồi :

Chàng nói tiếp :

- Thật tiếc cho ngày cuối tuần tới! Thế em có xuống Itchenor nữa không? Anh vẫn ao ước được đi trên thuyền của em.

Nàng hướng về bức lịch treo trên giá đèn Thứ bảy tuần tới em sẽ xuống đây. Sau đây em sẽ cho thuyền nghỉ một ngày vì bận đi Canada Chàng hỏi:

- Thế chúng ta hẹn nhau ở đây được chăng?

Được chứ :

Nàng trả lời :

- Đang còn bốc hơi theo vận tốc chuyển bay từ Canada về Thi chúng ta có một tuần để làm nguội đi chứ :

Chàng trả lời Anh tin rằng sau chuyến đi về thế nào Nữ hoàng cũng đích thân tới thanh sát chiếc máy bay vào tối thứ tư Nàng gật đầu:

- Đúng vậy. Nữ hoàng mong sao cho chuyến đi thành công nên Ngài bàn luận rất nhiều về loại máy bay ấy.

Em có được đi với Nữ hoàng đến đây không? :

Chàng hỏi. Nàng lắc đầu:

- Em bận đánh máy ở văn phòng. Anh sẽ kể lại cho em nghe chuyện ấy ở Itchenor, nghe anh!

Chàng đi về phía cửa lớn:

- Anh sẽ kể. Cảm ơn em đã kể cho anh nghe tất cả các câu chuyện vừa rồi, Rosemary Như vậy anh đã vừa ý chưa :

Nàng hỏi Chàng gật đầu:

- Đủ rồi em ạ!

Tốt thôi :

Nàng nói :

- Thật ra em đã nói với anh điều gì đâu.

Chúc anh ngủ ngon, anh Nigger Chúc em ngủ ngon, Rosemary

Nevil Shute

Mùa Mưa

(In The Wet)

Chương 5

Một tuần sau chuyến bay của Nữ hoàng cất cánh từ White Waltham đi Edmonton trên một phi vụ huấn luyện đã được sắp đặt. Tất cả đều đi trên chiếc Ceres do phi công Dewar và phi hành đoàn Canada kiểm soát, có không đoàn trưởng Cox chịu trách nhiệm. David cùng phi hành đoàn Úc được xem như là hành khách đặc biệt. Họ cất cánh đúng mười giờ quốc tế, ngay giờ đầu tiên đã bay cách mặt đất năm mươi ngàn bộ, bỏ lại dưới xa mưa và những đám mây. Bây giờ họ đã lấy thăng bằng ở độ cao đều đều khi qua khỏi Bắc Ailen. Một giờ rưỡi sau Reykjavik thuộc Băng đảo đã ló dạng và cách chừng hai trăm dặm về hướng Bắc. Họ bay qua Greenland từ bờ biển phía đông gần với Angmagsalik và tiếp tục bay qua mỏm Davis đến đảo Baffin. Khi qua cực Bắc của vịnh Hudson, họ dùng bữa; giờ này không có mây nên nhìn khung cảnh trôi qua trên hoang mạc rất thích. Tuy điều khiển tay lái và tìm phương hướng bằng vô tuyến, nhưng họ cũng cần vài mốc địa hình và khi đã xác định được vùng cực đông của hồ Athabasca, họ bắt đầu giảm độ cao. Một giờ sau họ bay vòng quanh phi trường, đã quá quen thuộc với Dewar, và đặt bánh trên phi đạo lúc mười giờ kém mười lăm, giờ địa phương, sớm hơn giờ cất cánh ở phi trường White Waltham mười lăm phút.

Đây là chiếc Ceres đầu tiên đến thăm Edmonton và một nhóm nhỏ sĩ quan hoa tiêu và sĩ quan trong không lực Hoàng gia Canada tụ tập trên đường băng. David quay về với những nhân viên phi hành Uic cùng quan sát và làm việc với phi hành đoàn Canada về chiếc máy bay, bỏ lại các sĩ quan Canada đang trình bày với bạn bè của họ về chiếc máy bay. Chuyến bay không được thông báo với báo chí nên khi tiếp nhiên liệu họ không bị phóng viên và nhiếp ảnh viên quấy rầy, kể cả lúc ăn trưa trong câu lạc bộ sĩ quan không quân. Báo chí chỉ đến kịp mười phút trước khi máy bay cất cánh đi Vancouver và đại tá Cox chỉ nói đôi lời và đứng chụp ảnh với phi hành đoàn Canada trước máy bay.

Rồi máy bay lại bay lên độ cao bốn mươi ngàn bộ để tránh dãy Thạch Sơn. Một giờ rưỡi sau họ hạ xuống sân bay của không lực Hoàng gia Canada ở Vancouver và ở lại đêm tại căn cứ không quân ấy. Khi ở độ cao, nhiệt độ trong dầu máy phản lực hơi bị nóng nên cần ít thời gian sáng hôm sau để điều chỉnh bơm dầu và làm cho máy chạy đều. Họ cất cánh bay đi Ottaawa sau khi đã ăn trưa sớm hơn một chút và bốn giờ sau, họ cất cánh trong đêm tối. Ngày tiếp theo là ngày thứ Bảy, họ trình diện máy bay cho một số đông Thượng nghị sĩ và Dân biểu Hạ viện của Canada được tận mắt thấy chiếc máy bay họ đã dâng tặng Nữ hoàng lần đầu tiên. Điều làm David thất vọng là vị Toàn quyền không đến thăm chiếc máy bay. Ngài Thomas Forrest là một hình ảnh huyền thoại vào thời ấy đối với cuộc chiến tranh thần thánh của Liên Xô, vị Đại nguyên soái đi từ binh nhì cho đến Thiếu tướng trong thế chiến thứ nhất và từ Trung tướng cho đến Đại nguyên soái trong thế chiến thứ hai. Vào lúc ấy ông đã làm Toàn quyền Canada được hai năm. David chưa bao giờ được gặp ông ta và mong muốn được diện kiến nhưng Tom Forrest lại bận đi Winnipeg.

Ông Delamain, vị thủ tướng lại đãi các sĩ quan cơm trưa tại nhà riêng. Ông là người Canada lai Pháp ở Quebec, người thấp bé nhưng hoạt bát, đã nhờ lao động mà tiên thân, từ cấp dưới tiến lên chỉ huy trong công nghiệp gỗ lúc mới bốn lăm tuổi rồi đổi sang hoạt động chính trị. Auguste Delamain có bà vợ mập ú tên là Marie và mười một người con, chỉ có hai người xuất hiện ở bàn ăn trưa và ông ta có vô số giai thoại khôi hài cho các sĩ quan Ông Iorwerth Jones có khoẻ không? :

Ông ta hỏi :

- Vừa rồi tôi ghé lại Anh quốc, trông anh ta có vẻ thiếu não lăm, tôi nghĩ là ông ấy bệnh. Nhưng sau đấy tôi nghe ông ta có quốc hữu hoá các cửa hàng may mặc bán lẻ và tổng liên đoàn lao động của Quốc hội chưa chấp thuận và ông ta chưa được phép làm. Tôi nghĩ ông ta không phải bị bệnh mà vì giận Tổng Liên đoàn lao động ở quốc hội đứng ngoài chuyện ấy :

Đại tá Cox trả lời :

- Tôi hy vọng họ rất sợ những gì mà các nội tướng của họ nói ra.

Tôi cũng hỏi ông ta thế :

Ông Delamain nói :

- Tôi có hỏi là làm thế nào mà đàn bà Anh tất cả đều thích mặc áo quần tiêu chuẩn, từ một đến sáu hay tám kiêu mà thôi, và ông ta nói với tôi đó là điều cần thiết đối với tình hình kinh tế, phải thực hiện như thế.

Bà Marie đứng bên cạnh tôi, và muốn nổi xùng với ông Thủ tướng nhưng vì bà nói tiếng Pháp nên ông ta cũng chẳng hiểu gì và cũng may không có ai ở đó tự nguyện thông dịch những điều bà ta nói, nên chúng tôi vẫn còn là bạn tốt với nhau. Trong ý nghĩa của hành động, David nghĩ vậy.

Một chốc sau ông Thủ tướng nói:

- Ông Mckinnon đã báo cho tôi biết là Nữ hoàng đang bị cảm cúm nặng nên trông có vẻ mệt mỏi

tuần vừa rồi. Tôi hy vọng khi Nữ hoàng đến, Nữ hoàng sẽ được nghỉ ngơi lâu dài. Tôi đã thảo luận với ngài Toàn quyền và tôi ngăn cản tất cả những đề nghị diện kiến Nữ hoàng. Ngài phải khánh thành chương trình thủy điện trên sông Clearwater và Bệnh viện mới xây ở Vancouver, chỉ hai cái ấy thôi, còn tất cả đều huỷ bỏ và tôi hy vọng ngài sẽ được nghỉ ngơi lâu dài ở Gatineau. Cuối thu ở Gatineau đẹp lắm và màu lá cây thích tuyệt vời trong năm, vì đây là lúc trời có ít băng giá :

Ông ta dừng lại rồi nói tiếp :

- Nhưng ngài là người tràn đầy sinh lực. Tự thân ngài cũng thích những cuộc diện kiến. Nhưng lần này thì ngài phải nghỉ ngơi thôi Tôi mong là ngài cũng muốn nghỉ ngơi, thưa Thủ tướng :

Ông Cox nói

- Gần đây ngài gặp khó khăn rất nhiều.

Người Canada gốc Pháp liếc xéo Đại tá Cox nói:

- Có lẽ một ngày nào đây, sẽ xin nghênh đón ngài đến đây ở lại thật lâu với chúng tôi.

Vào giữa buổi chiều, phi hành đoàn Ceres đã thoát ra khỏi sự hiếu khách để trở về phi trường sửa soạn cho chuyến bay hồi hương của chiếc Sugar. Tiếp liệu xăng và kiểm tra một tiếng rưỡi, họ khóa máy bay và đến căn cứ của không lực Hoàng gia Canada để ăn sớm hơn và đi ngủ. Sáng hôm sau trở dậy và cất cánh vào lúc bốn giờ sáng trong lúc trời còn tối đen và bay lên cao độ ấn định. Một giờ rưỡi sau mặt trời mới lộ dạng khi bay qua các mũi của đảo Belle ở giữa Newfoundland và Labrador và bắt đầu vượt Đại tây dương. Bay ngược với hướng mặt trời, họ phải mất năm giờ cho chuyến bay từ Ottawa đến White Waltham và hạ cánh ở phi trường quê nhà vào lúc hai giờ chiều.

David đem theo về từ Ottawa hai mươi cân thịt bi tét và hơn chục chai rượu vang đỏ, thật ra vào thời ấy, khó mà kiếm được ở Anh. Chàng lái xe về căn hộ nhỏ ở Maidenhead và ngần ngại một lúc không biết có nên gọi điện thoại cho Rosemary đề nghị nàng đi bằng tàu điện đến Maidenhead để chia phần hay không. Lưỡng lự vì sự cảm dỗi, cuối cùng anh ta nấu thịt với rượu vang một mình, và bỏ lại cả buổi chiều để ngồi ôn lại những điều sẽ kể cho nàng nghe khi hai người gặp nhau lần tới ở Itchenor Một vài ngày sau đó, cuộc giám định đối với chiếc máy bay ấy xảy ra ở White Waltham. Đại tá Cox ra lệnh cho hai máy bay đậu song hành ngoài nhà chứa máy bay và phi hành đoàn phải sắp hàng nghiêm chỉnh trước mỗi chiếc. Đó là một buổi chiều nắng ráo. Phái đoàn Hoàng gia đến trong chiếc xe hơi Daimler lớn, có Nữ hoàng và Quận công cùng Hoàng tử xứ Oen. Đại tá Cox đi bên cạnh Nữ hoàng khi ngài chào toán dàn chào. Sau khi duyệt binh xong ngài nói:

- Đại tá cho họ tan hàng và đưa các sĩ quan đến trình diện tôi. Rồi cho phi hành đoàn của mỗi nước về máy của họ và bắt đầu thao tác trước mắt tôi.

David được trình diện sau Dewar và được Nữ hoàng bắt tay. Nữ hoàng người tầm thước, khá mập, nhưng còn đẹp, rất lưu tâm đến các chiếc máy bay mới, nếu không nói là thích thú. Nữ hoàng hỏi David có thích đời sống ở Anh không và anh trả lời là rất thích và Nữ hoàng cười bảo là trông đợi

vào anh ấy rất nhiều. Sau đấy Nữ hoàng đi qua và nói chuyện với một sĩ quan khác còn David lại gặp Quận công, một người tóc hoa râm, đẹp trai, có tính hài hước, ông đã hỏi David nhận được huy chương không lực vì cái gì. David đã trả lời:

- Về bay thử nghiệm ở Laverton, thưa ngài.

Huy chương chung chung hay có gì đặc biệt?

David lưỡng lự:

- Tôi đã hạ cánh được, sau khi máy bay đã bị hư một bộ phận nhỏ :

Anh ta nói Hoàng tử xứ Oen đi bên cạnh Quận công nói lớn. Ông ta vào trạc ba mươi lăm, tóc vàng, đồng phục Thiếu tướng không quân Cái kia có phải là bum mê răng không?

David trả lời:

- Dạ phải.

Con nhớ ra rồi, thưa cha :

Hoàng tử nói :

- Trong lúc nhào lộn, đuôi lái đã rớt ra. Anh ấy đáp được chẳng cần đuôi lái Vị Quận công nói:

- Lúc ấy ắt hẳn cũng muốn nhảy dù ra lắm!

Không thể làm như thế được :

- David trả lời :

- Một chiếc tính đến cả triệu bảng Anh Vị Quận công cười:

- Họ có cho anh xu nào đâu!

Không, thưa ngài. Ngay cả người nộp thuế cũng không một lời cảm ơn cho phải phép À, nhưng anh có được huy chương về vụ đó Vị Quận công lại tiếp tục thăm hỏi các sĩ quan khác. Hoàng tử đứng lại nói chuyện gẫu với David. Hoàng tử nói:

- Trông anh có vẻ quen lắm, hình như chúng ta đã gặp nhau đâu đó trong thế chiến Ôu Lingeyen, thưa ngài. Tôi ở lữ đoàn 147 thuộc không lực Hoàng gia Úc ở đây Thôi tôi nhớ ra rồi! :

Hai người nói chuyện với nhau về cuộc chiến. Sau đó Hoàng tử nói :

- Mọi việc ở đây đều thực hiện tốt chứ?

Rất tốt, thưa ngài Mua sắm và vật liệu cung cấp thế nào?

Cũng được ạ! Lúc đầu cũng có vài khó khăn nhỏ nhưng Thiếu tá Macmahon đã giải quyết xong. Mọi việc bây giờ đã chạy đều.

Hoàng tử nói:

- Khi Nữ hoàng đi Canada tháng tới với cha tôi, Đại tá Cox cũng tháp tùng. Có lẽ anh cũng nhận trách nhiệm ở đây.

Thưa vâng :

- David trả lời Nếu có điều gì xảy ra bất ngờ mà anh cảm thấy không thể đảm trách, trong lúc Đại tá

không đoàn trưởng đi xa :

- Hoàng tử nói tiếp :

- Tốt hơn anh nên điện thoại cho tôi hay đến gặp tôi cũng được.

Viên phi công chớp mắt ngạc nhiên:

- Thưa ngài, vâng :

Anh ta nói :

- Xin cảm ơn.

Phái đoàn Hoàng gia đi qua thăm chiếc máy bay của Canada, David ra lệnh cho phi hành đoàn của mình trở về chỗ cũ trong chiếc Tare. Anh ta đứng ở cửa thân máy bay chờ đợi, cũng phải hơn nửa giờ mới thấy Nữ hoàng ra khỏi chiếc Sugar. Anh ta đứng nghiêm và chào khi Nữ hoàng đi qua chiếc máy bay của Úc. Anh ta nói:

- Thưa Nữ hoàng, tôi nghĩ chiếc này cũng giống hệt chiếc kia thôi.

Nữ hoàng cười:

- Không sao. Tôi muốn thăm phi hành đoàn của anh. Như vậy càng làm cho chuyến đi của tôi đến Tharwa dễ dàng hơn nhiều. Giờ thì máy bay đẹp thế này không vào cũng ổng! Phải mất bao lâu mới đến, chỉ huy trưởng phi đoàn?

Thưa ngài, độ mười chín giờ bay :

Anh ta nói :

- Colombo là đúng nửa đường. Chúng ta phải đáp xuống đây để tiếp thêm xăng. Cũng phải mất một tiếng đồng hồ.

Nữ hoàng lại hỏi:

- Chúng ta có thể bay đêm không?

Đi về hướng Đông, thời giờ thay đổi, làm cho đêm ngắn lại :

Anh ta nói :

- Nếu giờ giấc tùy ngài chọn, sau khi dùng tối, khởi hành ngay là tốt nhất, có lẽ lúc ấy là chín giờ đêm. Ngài có thể yên giấc trong tám tiếng trước khi đến Colombo, vào khoản trưa, giờ địa phương. Ngài có thể dùng trưa ở dưới đất và nếu như ngài muốn, chúng ta sẽ bay thẳng đến Canberra sau chín giờ bay nhưng như thế sẽ là rạng sáng ngay hôm sau Nữ hoàng nói:

- Mới nghe, hầu như gần suốt cả chuyến đi ta phải nằm giường trong phòng nhỏ của ta Thưa ngài, tôi đã nói đó là cách tốt nhất để ngài có thể đi được :

Anh ta nói :

- Trong máy bay này, phòng lái là nơi yên tĩnh nhất và ngài cảm thấy thoải mái nữa Ta chắc thế

- Nữ hoàng trả lời và quay về phía phu quân :

- Cứ nằm yên hai mươi bốn giờ trên giường, cuối cùng cũng đến Tharwa. Chuyện khó tin nhưng có

thật!

Hai người đi vào trong máy bay, vừa đi vừa cười với nhau. David đi theo Hoàng tử Charles. Thật ra, chiếc máy bay này là bản sao chụp của chiếc máy bay kia, nhưng phái đoàn cũng mất hai mươi phút trong đó để nói chuyện với phi hành đoàn. Nữ hoàng ở lại trong cabin khá lâu, để nói chuyện với nữ tiếp viên, một cô gái có tên là Gillian Foster ở vùng Sheppaton. David nghe tiếng Nữ hoàng nói với cô gái:

- Qua được một đêm ở đây, chắc cũng khó khăn lắm bé nhỉ ?

Ngài cứ an tâm, chúng con sẽ làm cho Ngài thoải mái thôi! :

Cô gái trả lời Cuộc kiểm tra xong, đoàn tùy tùng rời máy bay, nhưng hình như họ chẳng vội vã gì trở lại Hoàng cung. Nữ hoàng đứng với Quận công một lúc trên sân bay, đang nói chuyện với các sĩ quan. Ngài nói với David:

- Kể ra chỉ tốn hai mươi giờ mà đến được căn nhà yêu quý của chúng ta ở Tharwa, thì thật tuyệt vời và chẳng còn xa nữa!

Anh ta cũng tò mò hỏi lại Nữ hoàng:

- Ngài yêu Tharwa đến thế cơ à! Chúng tôi chẳng có màu sắc mùa thu như ở Canada, chẳng có núi non gì cả!

Ta biết

- Nữ hoàng nói :

- Nơi ấy của Úc có vẻ đẹp riêng. Ta chỉ tiếc là khi phải chia tay với Tharwa.

Cuối cùng tất cả lên chiếc Daimler và lái đi mất, đến lúc ấy hình như các sĩ quan mới miễn cưỡng tan hàng. Dewar quay về Đại tá Cox nói:

- Thế là êm xuôi :

Ông ta nói tiếp :

- Phái đoàn trông ra cũng thích chiếc máy bay này Không đoàn trưởng gật đầu:

- Tôi nghĩ là có lúc họ sẽ yêu cầu được đi một trong hai chiếc này. Tôi nghĩ là họ chỉ có mặt ở đây chừng mười phút thôi!

Nếu họ muốn , họ đi lúc nào mà chả được! :

- David nói :

- Tare phục vụ Nữ hoàng hàng ngày. Chúng ta có thể bay Tare :

Chàng dừng một chút rồi nói tiếp :

- Tôi không nghĩ là họ nhiệt tình đến như vậy. Còn chán chi loại máy bay khác dành cho họ.

Đại tá Cox nói:

- Họ cũng chỉ là người. Có những việc ở Úc hay ở Canada lại không phức tạp đối với họ. Giờ đây họ muốn đến đây lúc nào mà chẳng được, mà chẳng làm phiền đến Huân tước Coles David lái xe về căn

hộ của chàng chiều hôm ấy, thấy vui với công việc hơn là lúc mới bắt đầu. Có điều chàng thấy hơi lạ là sao Nữ hoàng lại nói là ngài thích Tharwa. Chàng cũng biết khu vực Hoàng cung toạ lạc tại Biên thùy Liên bang khi lái xe hơi qua đặng hoặc nhìn thấy được tự trên đồi bên sườn phía Tây của dãy Murrumbidgee cách đặng hai dặm. Vì tò mò chàng cũng đã quan sát hoàng cung với ống nhòm hành quân. Đó là một ngôi biệt thự trắng dài, nằm giữa miền đồng quê, trong lòng chảo của những ngọn đồi có rừng cây mọc, có những thảm cỏ chạy mãi tận con sông Murrumbidgee. Với mặc cảm tự ti của một người Uìc, anh ta không hiểu tại sao lại có người muốn đến Tharwa. Anh ta thật sự cảm thấy cảm động bởi lời phát biểu của Nữ hoàng rằng Tharwa có vẻ đẹp riêng của nó và cũng vì đây là xứ sở của anh ta, và chính bản thân anh ta cũng thích sống ở đây hơn bất cứ một người nào khác mặc dầu anh ta không biết trả lời làm sao.

Chiều hôm ấy David đã gọi đến căn hộ của Rosemary. Nàng nói:

- Chào chỉ huy trưởng. Hôm nay nhóm của anh thi hành công tác như thế nào?

Thực hiện tốt :

Chàng nói :

- Anh nghĩ là phái đoàn rất vừa ý Phái thể thoi Họ thật chu đáo :

Chàng nói tiếp :

- Anh thật sự xúc động Thế trước đây anh chưa bao giờ gặp họ à?

Chưa :

Chàng trả lời :

- Anh chỉ đọc trong báo thoi. Nhưng em không thể tin vào những thứ ấy Nhưng bây giờ thì anh tin rồi chứ! :

Nàng nói Đúng vậy. Tuần này em có xuống Itchenor không?

Nàng trả lời:

- Có chứ. Đêm thứ Sáu em sẽ xuống và ở lại trong câu lạc bộ. Anh cũng xuống nữa chứ?

Anh sẽ xuống và có lẽ vào Wootton và nằm ở đây cho qua đêm thứ Sáu, và tiếp tục đến cảng Chichester vào sáng sớm thứ Bảy. Đúng ngo, thuỷ triều lên phải không em?

Có lẽ vậy. Em sẽ đưa thuyền vào buổi chiều :

Nàng nói :

- Anh vào đội thuyền của em đi!

Được thoi :

Chàng trả lời Em sẽ đến tìm anh vào buổi sáng đây! :

Nàng nói :

- Anh có thể đến đậu thuyền ở đây được.

Thì anh sẽ đậu đâu đó thoi. Từ Ottawa về anh có đem theo một ít thịt bi tét và rượu vang đỏ. Đêm

thứ Bảy em ăn tối với anh nhé?

Em cũng biết là anh sẽ làm một cái gì đó khi đến Canada. Dĩ nhiên là em rất hân hạnh được ăn tối với anh. Chuyến bay thế nào?

Tốt. Các anh chỉ bay một chiếc thôi. Anh có nhiều chuyện muốn nói với em.

Thì chúng mình sẽ nói với nhau vào chiều thứ Bảy :

Nàng trả lời Anh ta đến cảng Chichester vào lúc mười giờ sáng thứ Bảy, sau khi đã đi qua đảo Wight từ rạng sáng. Ngay lối vào đầm nước rộng lớn ấy, chàng đã hạ buồm xuống và lái thuyền đi theo con kênh dài đến Itchenor, cách lối vào ba dặm. Chàng thấy Rosemary đang đẩy thuyền nhỏ ra khỏi bờ khi chàng tiến đến gần ngôi làng thì nàng đã chèo ra giữa dòng. Chàng đưa thuyền đến gần và đưa tay cho nàng nắm và kéo nàng lên thuyền chàng, kéo theo thuyền nàng sau lái Cách đây vài trăm mét có chỗ đậu, anh có thể đến đây :

Nàng nói Nàng mặc áo quần đi thuyền, áo sơ mi mỏng, quần sọt, giày bố màu xanh. Nàng lau tay cho chàng khi hai người cùng kéo dây xích neo thuyền lại với nhau và chàng cũng nhận ra rằng sự cận kề bên nàng cũng làm chàng rung động. Nàng giúp chàng thu xếp buồm chính vào sào căng buồm và đưa thuyền vào cảng theo hướng gió. Rồi nàng lại chèo thuyền nhỏ của nàng đưa chàng lên bờ để bắt đầu một ngày đầy hạnh phúc.

Nàng chỉ cho chàng thuyền của nàng ngoài bãi biển và cả hai phăng theo dây, lội lên thuyền và một giờ sau họ đã giong thuyền theo những con kênh ở Itchenor và Bosham. Nàng để cho chàng tự lái thuyền lấy và tạo cơ hội cho chàng cầm lái trong cuộc đua thuyền chiều hôm nay, nhưng chàng từ chối lấy cố là chưa quen thuyền và để nàng cầm lái tốt hơn và chàng thì chỉ phụ vào thôi. Chàng rót cho nàng ly xêri và cho chàng một ly cốc teo cà chua.

Nàng gật đầu:

- Các ngài chắc là thích lắm. Em nghe Nữ hoàng quanh đi quần lại cũng nói về chuyện ấy Nữ hoàng nói gì nào?

Cô gái cười:

- Dĩ nhiên là em không có ở đó. Em chỉ nghe lại qua ba bốn người truyền miệng. Bàn ra tán vào thế thôi anh David ạ! :

Nàng đưa cao chiếc ly lên và nói :

- Chúc cho chiếc Tare may mắn!

Anh không mấy tin vào may mắn :

Chàng cụng ly với nàng :

- Thứ tư tuần sau, anh sẽ bay thử nghiệm Tare, các anh sẽ không bao giờ bay quá một giờ rưỡi đâu, và cũng không bao giờ bay một trong hai chiếc trong điều kiện nhiệt đới. Dĩ nhiên, những nhà chế tạo cũng đã thử nghiệm trong điều kiện nhiệt đới ở mẫu gốc rồi. Nhưng theo anh nghĩ các anh phải

xem lại một trong hai chiếc về chức năng của nó ở vùng nhiệt đới trước khi đem hành khách đi đây đó trên thế giới Nàng lại hỏi:

- Anh đi có xa không?

Các anh chỉ đi khỏi một đêm thôi :

Chàng nói :

- Anh sẽ đi xuống Gambia, đến Bathurst trên bờ bể phía tây của Phi Châu và ở lại đây một đêm.

Ngày hôm sau các anh theo hướng Đông bắc vượt qua Phi châu đến đảo Síp, bay vòng qua đây mà không đáp, rồi trở về White Waltham. Chuyến bay ấy cũng mất chín giờ, đó là mức vận hành an toàn tối đa Nàng tò mò hỏi:

- Anh có nghĩ rằng đó là một chuyến du lịch thật sự vĩ đại không nhỉ?

Chàng lắc đầu:

- Bạn chỉ việc bay thôi. Thường thường bạn không thể thấy dưới đất vì bị mây che, mà dầu cho thấy đi nữa, thì với độ cao như thế, còn thấy rõ cái gì đâu! Bầu trời thì đen kịt mà mặt trời thì sáng chói, không thể thấy rõ được Thế có lúc buồn chán không?

Chàng lại lắc đầu:

- Đó là điều mình thích làm. Chán làm sao được!

Hai người bước xuống buồng lái nhỏ và bắt đầu chiên thịt với cái lò dầu và một ít khoai tây. Chàng nói:

- Ngày nào đó em đến được Úc, anh sẽ chỉ cho em cách nướng thịt bì tét.

Nàng cười:

- Cách nào?

Nướng trên lửa, đốt bằng cây bạch đàn. Rất nhanh em ạ! :

Chàng nói tiếp :

- Đó là cách nướng thịt nhanh nhất trên đời này và điều này chỉ có thể làm được ở Úc mà thôi. Cũng giống như kho thịt ở Canada.

Là gì vậy anh?

Em dùng giày trượt tuyết, lướt đi trong tuyết vào trong rừng, tìm đến một lều tranh, em sẽ gặp một ông già đang ngồi nấu nước đường bằng nhựa của cây thích Chàng kể cho nàng nghe tất cả mọi chuyện khi hai người ngồi nấu ăn tối, tuyết sáng, mặt trời sáng, ngọn lửa đốt bằng củi dưới chiếc soon bốc hơi và mùi thơm đặc biệt toa? ra. Chàng nói với nàng :

- Tất cả các nước đều có một lối thưởng thức riêng biệt, một hương vị riêng biệt mà không nước nào giống nước nào. Thịt nướng vỉ là của Úc, thịt kho ngọt bằng nhựa cây thích là của Canada Giờ này hai người cầm hai cái đĩa, ngồi xuống cạnh chiếc bàn nhỏ, cùng ăn với nhau. Aên bánh mì quết mật và uống mỗi người một ly cà phê. Rồi trong căn phòng nhỏ ấm cúng và thân mật dưới ngọn đèn vừa

đủ sáng, hai người cùng ngồi hút thuốc Hoàng tử có nói một điều mà anh chưa hiểu :

Chàng nói với nàng :

- Khi vào thăm chiếc máy bay, Hoàng tử nói nếu ông Cox đi xa, nếu có điều gì xảy ra ở White Waltham mà không thể giải quyết nổi, anh phải đến gặp Hoàng tử ngay. Em nghĩ sao về câu nói đó?

Nàng nhìn David cười:

- Thì đúng như lời Hoàng tử nói, anh Nigger ạ!

Nhưng việc gì mới được chứ?

Nàng trở mắt nhìn chàng:

- Hoàng tử có nói cho em biết đâu!

Chàng cười:

- Thôi được. Anh thua. Coi như hai cộng hai là bốn vậy! Anh tự lo được rồi!

Nàng nói:

- Em tin như thế. Anh không thể thực hiện đường bay xa từ Gambia qua đảo Síp rồi về lại White Waltham trừ phi anh hiểu rất rõ Nàng ở lại đến chín giờ rưỡi và rồi xuống thuyền nhỏ bơi vào bờ. David đứng nhìn nàng bơi trong ánh trăng sáng, suy nghĩ đến việc đưa thuyền của nàng và điều hành công việc thành thạo ở văn phòng. Chàng cũng lên bờ ăn sáng với nàng và giúp nàng xếp cất chiếc thuyền nhỏ qua mùa đông. Rồi hai người cùng đi trên chiếc Nicolette xuống sông Hamble, đi qua những con kênh dài xuống cảng bằng buồm, lần này do Rosemary điều khiển, qua được cửa sông và đi thẳng ra biển, xuôi theo chiều gió nhẹ về nam. Suốt ngày hai người thay nhau lái chiếc thuyền buồm, kề cận bên nhau và cảm thấy hạnh phúc. Khi vào dòng sông Hamble trở lại thì đã năm giờ. Họ hạ buồm xuống và lấy bạt đập lại và cho thuyền chạy từ từ vào chỗ đậu. Sáu giờ kém mười lăm, họ lên bờ và đưa hành lí lên xe hơi nhỏ. Sau khi ăn qua loa ở quán Bugle trước bãi biển, David nói:

- Chúng ta chưa xem phim Judy Marsh đóng trong “ San hô đỏ”. Trước khi đi Canada chúng ta có nên đi xem không em?

Nàng lưỡng lự:

- Chúng ta đi lúc nào nhỉ? Đêm mai hay đêm thứ Sáu, em chịu thôi. Cuối tuần này em về nhà. Anh lại phải bay thử nghiệm, công tác Gambia :

Suy nghĩ một lúc chàng nói tiếp :

- Có lẽ anh phải đi ngủ sớm các ngày thứ Ba, thứ Tư và có lẽ hơi mệt vào ngày thứ Năm.

Em nghĩ có lẽ tuần tới mới đi được chăng, nhưng cũng phải đến thứ Tư :

Nàng nói Thế ngày thứ Hai thì sao?

Thứ Hai có lẽ được. Anh nhớ gọi điện cho em vào Hoàng cung vào giờ ăn trưa nhé! Nếu công việc quá nhiều, em phải thanh toán cho xong, anh David ạ! Anh thông cảm cho em nhé!

Chàng nói:

- Dĩ nhiên rồi! Anh lấy vé xong là điện cho em vào tối thứ Hai.

Chàng lái xe đưa nàng về Luân Đôn và đỗ xe ở phố Dover cho nàng xuống, nàng còn mặc quần Jean xanh chàm trắng và áo sơ mi xanh. Nàng mời chàng vào nhưng chàng từ chối, vì ngại hôm sau nàng phải đi làm nên cần ngủ. Chàng lái xe về Maidenhead, suốt đêm không ngủ được vì mãi nghĩ về Rosemary.

Tuần ấy Đại tá Cox chỉ huy và mang theo cả phi hành đoàn Úc làm khách đặc biệt. David bay trên chiếc Tare từ Luân Đôn đến Bathurst trong năm giờ. Tất cả bọn họ như thường lệ, ở lại trong căn cứ của không lực Hoàng gia qua đêm để tiếp thêm xăng nhớt và chờ khóm về dùng cho gia đình. Họ cất cánh lúc rạng đông ngày hôm sau và bay đến đảo Síp độ năm tiếng rưỡi, bay vòng qua Nicosia và hạ cánh tại phi trường nhà ở Anh vào giờ uống trà và chẳng có vấn đề gì đặc biệt đối với chiếc máy bay ấy cả.

Cuối tuần ấy chàng đi một mình trên chiếc Solent và cảm thấy cô đơn và lạnh lẽo. Rồi tối thứ Hai chàng cũng đón được Rosemary và tặng nàng hai trái khóm, dầu nàng từ chối lấy có là không có thì giờ để ăn hết trước khi đi Canada. Chàng phải nói giọng hờn dỗi:

- Em ráng mà ăn. Khóm ấy là anh mua cốt cho em thôi từ Bathurst anh mang về, không lí nào anh phải mang qua trả lại?

Hai người ăn tối trong câu lạc bộ không quân và lần này chẳng có công tác nào kín để hai người phải bàn cãi, nên bữa ăn tối rất thành công. Aên xong hai người đi xem phim “San hô đỏ” do Judy Marsh thủ vai chính, lần này hai người ngồi sát bên nhau suốt hai tiếng đồng hồ. Ra khỏi rạp, David hỏi:

- Em không phải trở về nhà chứ? Thế thì chúng ta đi Dorchester nhảy đi em!

Thế là hai người lần đầu nhảy với nhau ở Dorchester, thích thú và cười mãi cho tới khi ban nhạc cử quốc thiều, họ mới sực tỉnh là đã hai giờ sáng. Chàng đưa nàng về trong chiếc xe hơi nhỏ, đến con hẻm nhỏ dẫn vào căn hộ trên phố Dover, chàng cho xe dừng lại. Ngồi với nhau trong xe một lúc, nàng miễn cưỡng nói:

- Tối nay em rất vui, anh David ạ! Chưa bao giờ em thấy vui như thế! Anh đã đem đến cho em sự an ủi này.

Chi tiếc là chúng ta đến với nhau chỉ được đến thế! :

Chàng nói :

- Thế Nữ hoàng sẽ ở lại Canada bao lâu?

Độ một tháng, anh ạ! :

Nàng trả lời :

- Em không biết chắc ngày nào thì em trở về, nhưng có lẽ trước hai mươi tháng Chạp vì Nữ hoàng sẽ có cuộc bệ kiến vào thời gian ấy. Không lâu đâu anh ạ!

Có lẽ anh sẽ đến Singapore hay Nairobi :

Giọng chàng buồn buồn :

- Hoàng tử muốn đi săn voi hay thú gì khác.

Nàng cười:

- Ông ta phải ở nhà và giữ gìn cung điện. Ông ta không được phép đi xa.

Chàng hỏi:

- Khi trở về, anh muốn mời em dùng bữa tối với anh. Đêm rảnh rồi đầu tiên khi trở về, chắc em sẽ kể nhiều chuyện cho anh nghe.

Nàng trả lời:

- Em sẽ đi ăn với anh, anh Nigger ạ! Nhưng em không dám hứa là em sẽ kể hết cho anh nghe, hồi người biết quá nhiều!

Chàng nói:

- Anh đâu bắt em phải kể những chuyện Nữ hoàng đã làm. Anh không thích tò mò như thế. Anh chỉ muốn biết em đã làm gì?

Nàng nói:

- Em có thể cho anh nghe bây giờ cũng được. Em ngồi ở văn phòng, đem thư xuống cho Thiếu tá Macmahon, đánh thư xong, để lên bàn trình kí. Mỗi ngày tám tiếng, nếu không nói là mười tiếng. Thế ông ấy đã từng cho em nghỉ chưa?

Mỗi năm, em nghỉ được ba tuần :

Nàng trả lời :

- Thịnh thoảng Thiếu tá Macmahon bị đau mật và như thế thường không có gì để làm. Đây là ngoại lệ. Họ không tính vào ba tuần nghỉ của em.

Có lẽ ông ta sẽ bị tái phát khi đến Canada. Thức ăn của Canada đầy dầu mỡ và calori Em nghĩ là không đâu.

Ngồi gần nhau quá trong xe hơi nhỏ, chàng cảnh giác hỏi:

- Em dùng nước hoa loại gì vậy?

Bonne Nuit :

Nàng nói :

- Đó là tiếng Pháp có nghĩa là chúc ngủ ngon Hấp dẫn nhỉ :

Chàng nói. Nàng nhích ra gần cửa xe:

- Em không định ngồi đây để tán gẫu về mùi hương cho đến ba giờ sáng, mà sáng mai em phải đi xa rồi! :

Nàng nói :

- Nếu anh muốn, hãy chờ em về, chúng ta lại bàn chuyện ấy nữa Chàng bước ra, đi bao trên đầu xe, mở cửa đưa nàng ra, đứng trên lề đường. Hai người đứng với nhau trên con phố vắng dưới ánh trăng

nhọt nhạt. Chàng nói:

- Anh hứa không bao giờ quên những gì xảy ra hôm nay.

Nàng nói:

- Em mong là anh sẽ kể cho em nghe nhiều hơn là em kể khi em trở về sau chuyến đi. Chàng nói:

- Sao em nở trả giá với anh như thế!

Nàng cười, nụ cười hơi ngượng ngập, bàn tay lóng ngóng tìm chìa khoá trong xách tay. Khi đã mở được cửa rồi, nàng còn đứng tần ngần ở lối vào. Nàng nói:

- Bảo trọng nghe anh Nigger. Và em cảm ơn anh rất nhiều về buổi tối anh đã mang lại cho em.

Chàng cũng bình tĩnh nói:

- Anh còn phải cảm ơn em nhiều nữa.

Nàng dừng lại một chút ở ngưỡng cửa rồi mới từ tốn đi vào nhà khép cửa lại Ngày thứ Tư Nữ hoàng đi Canada. Báo chí và phóng viên thời sự đã có mặt ở White Waltham từ sớm, chụp ảnh máy bay và phi hành đoàn Canada. Trong đám gia nhân nhỏ bé của Hoàng cung đến bằng nhiều xe hơi, có Rosemary khi đi qua máy bay nàng giơ tay vẫy David. Cuối cùng, lúc mười giờ chiếc xe hơi chở Nữ hoàng và Quận công đến, có hai xe hơi theo sau, một chở Hoàng tử và công nương xứ Oen và người con trai, chiếc khác chở công chúa đương triều với phu quân của nàng là Quận công Havant, với cháu nhỏ Anlexandra. Để vài phút cho hoàng gia chia tay, sau đấy Nữ hoàng bước lên ba bậc vào thân máy ba, theo sau có quận công được đại tá Cox hộ tống.

Dewar chờ ở cửa máy bay để chào đón phái đoàn. Trong buồng lái Johnie Clare, phi công phụ bậc nút cho xuất hiện lá cờ vương triều trên cần ăngten đúng lúc Nữ hoàng bước vào máy bay trong lúc máy quay phim và máy ảnh hoạt động bên ngoài. Cửa máy bay vừa đóng, máy bay đã di chuyển về phía trước theo đường băng chạy về cuối phi đạo. Chiếc Ceres đứng trên phi đạo, ăngten và cờ hạ xuống trong khoan máy bay, động cơ bắt đầu hoạt động và êm ái chạy nhanh, phun ra đằng sau những làn khói trắng dày đặc. Máy bay cất cánh thật nhanh, mũi của nó càng ngày càng lên cao và biến mất sau những đám mây về hướng bắc.

David ở lại chịu trách nhiệm trên phi trường. Anh ta hộ tống Hoàng tử và Công nương trở về xe hơi của họ và trả lời vài câu hỏi cho những quý tử. Sau đó họ lái xe về, bỏ lại chàng đối phó với các phóng viên, vì một số đã bị làm khó dễ vì nội qui đã nghiêm cấm. Mãi một giờ sau, chàng mới bỏ rơi được họ để trở về với tập quán ổn định của Phi đội Nữ hoàng, chờ đợi để nhận một công tác nào đó. Tổng liên đoàn lao động ở quốc hội họp khoáng đại hội nghị thường niên tại Black pool vào cuối tuần tới đã làm anh suy nghĩ nhiều. Trong những năm qua, chuyện cũng bình thường, đối với những phần tử quá khích, trong tổng Liên đoàn Lao động ở Quốc hội, phản kháng quyết liệt đối với hiệu năng của Đạo luật Dân sự và Tổng chi tiêu của vương triều so với đất nước, một phương thức “xì hơi”, chẳng làm tổn thương cảm tình của ai trừ những nhân vật trong hoàng cung, vì họ chẳng có

phiếu bầu để bị dồn vào thế thụ động nguy hiểm, nhưng rồi cũng chẳng tới đâu. Không nghi ngờ gì nữa về trường hợp ấy trong quá khứ. Sự gia tăng các cung điện vương triều ở Anh là một điển hình vì đó là một sự phung phí không đáng kể so với một đất nước không mấy giàu có. Nhưng do Bộ luật dân sự, từng cung điện một, từ cái ít quan trọng, đã bị loại ra, không được yểm trợ như trước nữa mà phải tự túc, như trường hợp lâu đài Sandringham, đầu não thường trực của Hội đồng điều phối liên hiệp Anh. Còn những cơ sở khác còn được lưu giữ vì được sử dụng làm văn phòng cho ngoại giao đoàn, không thể giảm thiểu được, và sự thật, những nơi này được đài thọ, không qua Bộ luật dân sự, là một vấn đề lịch sử, chứ không còn là chứng tích của sự phung phí của vương triều nữa.

Tuy nhiên, gây nào mà chẳng để đánh chó, trong bao nhiêu năm qua có một tiểu ban của Tổng Liên đoàn Lao động ở Quốc hội đã nhai đi nhai lại vấn đề này. Năm nay một nốt nhạc mới lại được thêm vào giai điệu ấy. David Anderson mở tờ báo sáng hôm nay để đọc mục khôi hài và khám phá ra rằng một ông Andrew Duncan nào đấy thuộc lực lượng thợ thuyền đã viết một bài châm biếm về phi trường White Waltham. Phi trường này, theo lời tuyên bố của ông Duncan, gồm một ngàn hai trăm mẫu đất Anh, đó là tài sản của nhân dân Anh. Hiện tại đất này dành cho vương triều sử dụng, một năm không quá một hay hai lần, những phi trường khổng lồ như thế được duy trì ở đây một cách phí phạm với một mức chi tiêu quá lớn. Ông ta không biết đó là chi tiêu của ai. Vương triều đang sở hữu đất này với tham vọng ích kỷ, nhưng nếu đất này được giải thoát khỏi bàn tay độc tài và trả về cho nhân dân, dân chúng sẽ trồng trọt, sản xuất thực phẩm nuôi sống bốn trăm gia đình lao động. Bốn trăm gia đình, theo lời ông Duncan, sẽ chết đói. Tám trăm trẻ thiếu ăn, xanh xao, đang khóc than tội nghiệp, xin ruột bánh mì mà cũng không có, chỉ để cho những nhà quý tộc hư đốn này, cho những tàn dư của chế độ phong kiến lỗi thời, bạc nhược, còn in dấu trên những khuôn mặt của họ. Điều đó làm cho ông ta sôi máu, ông Duncan nói.

Và điều ấy cũng làm cho David giận sôi gan khi nghĩ đến hai ngàn con cừu bơi bần phi đạo và người ta phải kiên nhẫn lừa chúng về một phía trước khi máy bay của hoàng gia cất cánh hay đáp xuống phi đạo. White Waltham trong thế chiến thứ hai là một phi trường huấn luyện và đã được mở rộng cho mục đích hành quân và được Bộ không lực điều hành như là một phi trường dã chiến cho Bộ chỉ huy oanh tạc. David hiểu rằng Đại tá Cox đã nhận những chỉ thị đặc biệt từ Quận công về việc cho thú vật ăn cỏ trong phi trường; đàn cừu đã có quyền ưu tiên trên phi trường ấy và máy bay đến phải chạy cách xa chúng ở đằng sau.

Thật ra, máu đã sôi sục trên phi trường White Waltham, trước ngày phi trường trở thành đề tài tranh cãi chính trị trầm trọng. Không dưới bốn người đã đưa đề tài này ra tranh luận, càng quyết liệt càng có hiệu quả, gây đau buồn như thế họ nghĩ rằng vương triều sẽ mất mặt với nhân dân. Thủ tướng và Quốc vụ Khanh đặc trách hàng không, cả hai đều có mặt nhưng im hơi lặng tiếng không nói rõ vị trí thật sự của phi trường cho Quốc hội biết, có lẽ Quốc hội cũng chẳng biết gì về phi trường đó. Cuối

cùng Huân tước Coles đứng dậy bảo đảm với Quốc hội rằng vấn đề ấy sẽ được xem xét và sau đây sẽ có hành động thích hợp. Ông Thủ tướng thì chẳng nói gì!

David ra khỏi nhà trọ, đi đến phi trường White Waltham, trên đường đi chàng mua tất cả những tờ báo chàng nhìn thấy. Tờ “Bưu điện” hằng ngày ở mục xã luận đầu tiên nói vòng vo rằng toàn bộ sự việc là do âm mưu của đảng Xã hội làm mất uy tín Hoàng gia, và tiết lộ sự thật rằng 744 con cừu mập ú đã được bán đi khỏi phi trường White Waltham năm vừa rồi, mỗi con cho mỗi trẻ em đói khổ của ông Duncan. Tờ “Thời báo” lấy làm tiếc về sự sử dụng của Vương triều cho những mục đích chính trị, và chẳng làm điều gì khác nữa. Tờ “Người đưa tin” hằng ngày nói rằng, bất cứ công trạng hay lỗi lầm nào của sân bay White Waltham, vẫn chưa hết thối nát là người dân lao động không thể trang trải những chi phí hằng năm của vương triều. Người viết nói tiếp, chỉ riêng cung St.James, là một di tích lịch sử, cũng cũng quá đủ cho việc tá túc của hoàng gia. Tất cả đèn đài, miếu vũ, cung điện trong nước phải được đặt trong sự sử dụng có thù lao hay được bàn giao cho bộ công chánh để làm nhà ở vì cư xá của chính phủ đã quá tải.

Trong văn phòng David nghiên ngẫm những bài báo ấy với Dick Ryder, phi công phụ của chàng.

Cuối cùng chàng nói:

- Họ chẳng ưa gì chúng ta đâu!

Người thanh niên trẻ lắc đầu:

- Có vẻ họ muốn lôi chúng ta ra khỏi nơi này.

Anh ta nói tiếp:

- Thế anh nghĩ chúng ta sẽ đi đâu?.

Có trời mà biết. Đến một trong những sân bay của không lực Hoàng gia cũng nên.

Thế từ nay mọi chuyến bay phải xin phép không lực Hoàng gia, phải không anh?.

David nhìn anh ta Trên nguyên tắc, chúng ta phải thôi. Tuy họ cũng không thể chen lấn vào nội bộ của ta.

Ryder nói:

- Họ ghét chúng ta như hủi. Tôi tin là họ làm.

Nhưng không lực Hoàng gia không ganh tị chúng ta Huân tước Coles và Thủ tướng thì có. Không lực phải thi hành khi họ bị ra lệnh, nếu chúng ta đang ở trên phi trường của họ.

David ngồi trầm ngâm một lúc rồi nói:

- Tôi chẳng nghĩ về điều ấy. Thế sau cái ấy là gì nhỉ?.

Có thể có lắm chứ! Cho dẫu là cái gì đi nữa thì họ vẫn không thích chúng ta ở đây hoặc họ cố làm cho công việc phức tạp hơn.

David quay trở lại với những tờ báo và nói:

- Lạy chúa! Ở quê nhà, nếu ai đụng đến vương triều, đó là một việc làm thối tha!

Dĩ nhiên là như vậy rồi!

Vị sĩ quan phụ tá nói:

- Nhưng họ không nghĩ như thế. Họ coi đó là vấn đề của Anh Quốc, chẳng phải là công việc của Uùc. Tôi không nghĩ rằng họ nghĩ đến chúng ta đâu khi họ quyết định những điều này.

David gật đầu:

- Chẳng hiểu sao họ lại làm như thế. Một nửa trong số họ chẳng biết nước Uùc ở đâu.

Anh ta mất cả buổi sáng để làm những công việc lặt vặt, vào khoảng trưa anh ta đi Luân Đôn, ghé lại văn phòng Đại tá Cox trong cung St.James để coi sóc công việc như của chính anh ta. Anh ta ăn trưa trong câu lạc bộ không quân, rồi đi bộ qua Pall Mall sau khi ăn trưa để đến hoàng cung và vào hai căn phòng nhỏ mở ra trên sân pháp đình Engine, anh ta bắt tay vào công việc văn thư với cô thư ký. Vào lúc ba giờ rưỡi, điện thoại reo, cô gái trả lời và trao máy cho David, đó là cô Porson từ trong cung.

Cô ta nói:

- Chào chỉ huy trưởng, tôi rất mừng là ông có mặt ở Luân Đôn, Hoàng tử xứ Oen muốn gặp ông chiều hôm nay.

Thưa cô mấy giờ ạ!.

Ông làm ơn đến văn phòng của tôi vào lúc bốn giờ năm. Tôi sẽ đưa ông vào gặp.

David đặt điện thoại xuống, ngạc nhiên sao chỉ có thế và tiếp tục công việc văn thư. Vào lúc bốn giờ năm phút, David đã có mặt ở hoàng cung, sạch sẽ tươm tất, đi theo cô Porson xuống hành lang. Cô ta đưa David vào nội sảnh và giới thiệu David với một cô gái đã ngồi đợi sẵn ở đấy.

Chắc ngài không giữ ông lâu đâu!.

David ngồi xuống trên một ghế dựa mạ vàng trong một căn phòng yên lặng, chờ đợi mười phút. Hai cánh cửa đôi trắng mở vào phòng làm việc của hoàng tử, từ đó David nghe có tiếng thì thào vẳng ra. Cuối cùng tay nắm hai cánh cửa động đậy, cửa mở hé rồi đóng lại liền. Rõ ràng cuộc nói chuyện đang còn tiếp tục, khi người khách sắp sửa trình diện.

Cuối cùng cửa mở hẳn, David nghe tiếng nói của Hoàng tử:

- Thôi xong rồi! Tôi đã nói rõ cho ông rồi, ông Jones. Nếu ông còn tiếp tục câu chuyện này, tôi sẽ thưa lại với mẹ tôi xây một đường băng mới trên đất tư của chúng tôi, đại công viên Windsor. Còn gì nữa không, tôi sẽ mời một nhà thầu Canada đến đây để xây dựng.

David ngồi bất động, đăm đăm nhìn tầm thẳm ở dưới chân khi Thủ tướng đi qua cách anh ta một mét. Cửa lại đóng, sau một phút, cô gái đứng lên và đi qua lớp cửa đôi vào phòng. Cô ta bước ra Ngài đang đợi. Ngài nhắc tôi đến hai lần, mời ông vào.

Cửa mở ngay và Hoàng tử xứ Oen xuất hiện. Ông ta nói:

- Anderson mời anh vào. Xin lỗi làm anh đợi.

David bước vào phòng, Hoàng tử đóng cửa. Ông ta mặc com lê xám, David nghĩ ông ta có vẻ mệt

mọi.

Hoàng tử quay về phía viên phi công:

- Tôi đã đến Ottawa, chỉ huy trưởng. Máy bay của anh cũng đi công tác được chứ?.

David hơi tự ái:

- Dĩ nhiên, thưa ngài. Ngài muốn đi lúc nào?.

Đêm nay được chăng?.

Ngài có thể đi trong khoảng một tiếng thì được. Vì chúng tôi không có thức ăn, nước uống trên phi cơ, nhưng lúc khác thì chúng tôi sẵn sàng.

Xăng đầy đủ chứ?

Thưa vâng.

Kiểm tra hằng ngày sao?.

Thưa vâng.

Tốt.

- Ông ta nhìn đồng hồ tay

- Nếu cất cánh sau khi ăn tối, tôi sẽ có mặt ở White Waltham chừng tám giờ rưỡi?.

Thưa ngài được

- Ông ta lưỡng lự và rồi nói

- Theo anh nghĩ phi hành đoàn có thể đi xa được bao lâu? Chỉ ngại về quân trang của họ mang theo.

Lâu lâu họ cũng có đi xa, thưa ngài.

Năm thì mười họa họ mới cần quân trang nhiệt đới.

Hoàng tử suy nghĩ một chốc rồi nói :

- Tôi cũng không biết nữa. Cứ cho họ đem theo đủ.

David đi ra ngoài và điện thoại cho phi công phụ của Ryder từ văn phòng của cô Porson và mọi cái đã được chuẩn bị. Cô Porson chịu trách nhiệm đồ ăn thức uống gửi xuống từ nhà bếp hoàng gia.

David đi trở về văn phòng ở cung St. James và ở đấy gần một giờ đồng hồ, sau đấy lái xe về căn hộ Maidenhead, đỗ lại chớp nhoáng trong mười phút và có mặt ở phi trường White Waltham trước bảy giờ.

Anh ta có nhiều việc để làm, tuy đang là một người rất hạnh phúc. Từ Luân Đôn về phi trường, trên tay lái, anh như người đang mơ, lạ lùng vì cơ may hi hữu! Không phải vì công việc lần đầu tiên sắp thực hiện từ ngày gia nhập phi đội Nữ hoàng mà vì anh ta đang được đến gần Rosemary. Anh ta cảm thấy, anh ta là người may mắn và hiểu rằng đang giữ một phần nhỏ nhoi, không nghĩa lý trong vô vàn biến cố đang xoay vần trên thế gian. Một ngày nào đó, chuyến đi này của Hoàng tử xứ Oen thực hiện vội vã để tham khảo ý kiến của cha mẹ Ông ta sẽ chiếm một câu trong sử ký nước Anh và sau câu ấy, một nhân vật vô danh, chẳng ai thèm nhớ tới, đó là David Anderson. Thế cũng đủ cho anh ta

rồi, nó làm cho công việc đáng làm hơn và kiểm chứng cho những tuần, những tháng chờ đợi trên sân bay, làm gián đoạn sự nghiệp của anh ta. Anh ta không chỉ đóng một vai trò khiêm nhường trong những vụ việc của thế giới mà còn tiến gần đến Rosemary, cô nàng mới ra đi chỉ được một tuần lễ. Rosemary mà chàng ít có hy vọng gặp lại sau ít nhất là một tháng.

Chàng vui sướng vì vận may của chàng.

Ôu sân bay chàng gặp Ryder. Chiếc Ceres đã sẵn sàng trên sân, đang nổ máy đều. Chàng cùng phi công phụ bước vào máy bay ngay và đứng ở buồng lái vài phút nhìn các kỹ sư cơ khí chéch lại lần chót, nhìn các hình vẽ bằng bút chì trên tấm giấy Can. Họ đang kiểm tra xăng trong bình, hệ thống thủy lực, họ đang kiểm tra radiô và radar, chuyên viên xem thử máy móc còn khả thi hay không? Rồi hai phi công rời máy bay trở về văn phòng, để xem xét về phi hành và chuẩn bị cho dự án bay.

Dick Ryder hỏi :

- Quân trang nhiệt đới là gì thế anh? Sau Ottawa chúng ta sẽ đi đâu?.

David trả lời :

- Tôi cũng không rõ. Tôi không nghĩ rằng họ lại biết rõ.

Chúng ta phải đem theo bản đồ nào?.

Đem nhiều hơn một chút đi!.

Chắc chúng ta không cần Nam Mỹ?

- Phi công phụ dừng lại một chút

- Nếu chúng ta mang đi hết, có lẽ cũng lên đến hai trăm ký đấy!.

David lưỡng lự:

- Đem toàn bộ.

Anh ta nói

- Đem tất cả, kể cả radiô và radar nữa. Để lại đây cũng vô ích thôi. Không lẽ Dewar cần mà chúng ta không cần.

Thế chiếc Sugar giờ này đang ở Ottawa?.

David trả lời:

- Có lẽ thế. Trừ phi anh ta được cử đi chỗ khác cho một công tác mới.

Hai người bắt tay vào việc để chuẩn bị cho chuyến bay. Sau đó David lên máy điện thoại để kiểm tra khu vực và thông tin cho họ những chi tiết về chuyến bay. Anh ta cũng thông báo về cá nhân mình:

- Tôi là chỉ huy trưởng phi đội Anderson, thay thế cho không đoàn trưởng của Phi đội Nữ hoàng. Tôi không được biết việc đi của các bạn có công khai hay không nhưng theo tôi chúng ta nên tránh sự chú ý đối với chuyến bay này cho đến khi chúng ta đã ra đi. Chúng ta không muốn có các phóng viên tụ tập đông đảo ở sân bay đêm nay.

Sĩ quan kiểm soát nói:

- Chẳng có gì phổ biến đêm nay, thưa chỉ huy trưởng nên chuyên viên truyền tin đã về nhà lúc năm giờ. Nếu có ai cần điện đàm, tôi sẽ trì hoãn cho đến khi máy bay cất cánh.

Tốt

- David nói

- Khi lên phi đạo, tôi sẽ nói. Chuẩn bị cất cánh.

Đồ tiếp tế đến vào lúc tám giờ cùng với nam và nữ tiếp viên, họ đã bắt tay vào việc bằng cách chuyển các thùng đồ ăn và các bình giữ lạnh và rồi sửa soạn giường ngủ. Cuối cùng, đúng tám rưỡi, xe hơi chở Hoàng tử đến, một người hầu ngồi bên cạnh tài xế. David đi đến đón ông ta và đưa tay lên chào khi ông ta bước ra khỏi xe.

Thưa ngài, đã sẵn sàng, David nói Hoàng tử hỏi:

- Thời tiết thế nào?.

Tốt và hơi lạnh phía bên kia, thưa ngài. Lên cao độ hai mươi lăm ngàn bộ, sẽ không còn thấy lạnh nữa. Có lẽ có gió mạnh, năm mươi hoặc sáu mươi gút ở cao độ phi hành.

Cô gái phụ trách điện thoại đến gần, đứng cách mấy bước.

Hoàng tử hỏi:

- Giờ đến Ottawa theo dự kiến là nhiều?.

Ba giờ mười lăm

Cơ trưởng trả lời

- Chừng mười giờ mười lăm giờ địa phương. Chúng ta sẽ mất vào khoản sáu giờ rưỡi.

Hoàng tử gật đầu:

- Khi nào anh liên lạc vô tuyến với Ottawa, nhớ cho tôi biết. Tôi muốn gửi đi một ít tin.

- Ông ta quay về phía cô gái

- Nữ hoàng cần gì?.

Cô gái phụ trách điện thoại tiến về phía David và nói:

- Tờ tin nhanh Bru điện đang cần nói chuyện với ông trên máy, thưa chỉ huy trưởng.

Thế anh đã nói với họ những gì?

- Hoàng tử hỏi Chưa nói gì cả, thưa ngài. Tôi bảo với họ là chỉ huy trưởng Anderson đang bận một chút, yêu cầu ông ấy chốc nữa gọi lại.

Hoàng tử hơi nhăn mặt:

- Trước khi chúng ta lên máy bay bao lâu?.

Chúng ta đã sẵn sàng xuất phát, thưa ngài

- David lưỡng lự.

- Nếu ngài lên máy bay, tôi sẽ nói với họ vài điều :

Hoãn binh chi kế.

Được. Tốt hơn đừng nói là anh đưa tôi sang Ottawa nếu tránh được.

Ông ta quay lại và đi lên máy bay và David đi đến máy điện thoại. Có giọng nói đàn ông vang lên trong máy :

- Chào chỉ huy trưởng. Tôi biết ông sẽ thực hiện một chuyến bay đêm nay. Đi đâu vậy ông?.

David trả lời:

- À, tôi là sĩ quan thuộc hạ, ông cần gặp sĩ quan ngoại giao phải không? .

Tôi hy vọng là ông có thể bật mí cho tôi biết.

Không được đâu. Tuần rồi tôi đã bị cấp trên quở trách nặng nề vì cái tội nói ngoài nhiệm vụ. Ông nên liên lạc với vị sĩ quan truyền tin đặc trách.

Ông ấy ở đâu ạ?.

Tòa đại sứ Uùc, số máy phụ 643

- David còn bịa thêm

- Xin nói chuyện với ông Mollison. Có ông ta ở đấy, vì tôi mới nói chuyện với ông ấy xong. Ông ta sẽ nói cho ông rõ mọi việc.

Anh ta đặt ống nghe xuống. Cô gái trực điện thoại lại nói:

- Em phải nói gì khi anh ta lại hỏi nữa?.

Trả lời là tôi đang ở trên không, cô không thể trả lời câu hỏi nào hết. Cô tắt máy, đi về nhà, ngay khi chúng tôi đi rồi!.

Anh ta rời khỏi văn phòng, nói chuyện vài phút với đốc công của bộ phận mặt đất và rồi lên máy bay. Tiếp viên nam đóng cửa máy bay, khi David tiến vào buồng lái. Hoàng tử đang đứng ở cửa phòng của ông ta hỏi:

- Mọi chuyện êm xuôi rồi chứ?.

Tôi đã loại được hắn rồi, thưa ngài. Xin phép cất cánh nhé!.

Cơ trưởng cứ tự nhiên.

Cám ơn, ngài.

David bước tới, trượt vào ghế ngồi, điều chỉnh cho thích hợp và thắt dây an toàn. Anh ta gạt đầu ra hiệu cho Ryder, và sĩ quan cơ khí bắt đầu cho nổ máy, họ từ từ tiến lên phi đạo, Ryder đang nói vô tuyến với đài kiểm soát khu vực.

Nửa giờ sau, họ bay xuyên qua mây vào trong ánh sáng trắng trong treo ở hai mươi ba ngàn bộ.

Trước mắt họ đêm màu xanh thẫm và tĩnh lặng. David ngồi bất động khi máy bay đang theo đường bay lên, anh ta chợt tỉnh vì có ai sờ ở vai mình, đó là bàn tay của Hoàng tử.

Tôi ngồi xuống đây một chút có được không cơ trưởng?.

Ngài cứ tự nhiên Ryder ra khỏi ghế ngồi. David hỏi:

- Ngài có thích đến đây không?.

Thôi. Thế này được rồi!. Ông ta trượt vào chỗ ngồi của Ryder. Phi công phụ rút lui ngồi vào bàn của sĩ quan bản đồ và chuyên viên vô tuyến bắt đầu tìm kiếm một số phương hướng và vị trí trước mặt. David mời thuốc Hoàng tử nhưng ông ta từ chối. Trong phòng lái của chiếc Ceres, im lặng hoàn toàn. Những đường nét mảnh mai và cấu trúc nặng nề của tấm kính chắn gió để chống cự lại với áp lực không khí luôn tìm khe hở để lọt vào, và bộ máy nằm xa ở phía sau. Họ ngồi trong ánh sáng mờ của dụng cụ, nhìn màn đêm xanh đầy sao trước mặt họ, không nói gì, và cây kim chỉ độ cao chạy vòng vòng trên mặt đồng hồ. Hoàng tử ngồi nhìn đăm đăm vào bóng đêm trước mặt, mãi mê suy nghĩ. David để tay lái tự động cho máy bay tự điều khiển, ngồi thư giãn, nhìn những cây kim di động trên mặt đồng hồ bay ở trước mặt.

Ngay lúc ấy, David quay người ra sau nói với Ryder ở bàn sĩ quan bản đồ, vị sĩ quan cơ phó đến đứng ở giữa sĩ quan cơ khí và anh ta. Hai người không cho máy bay lên cao nữa, đứng ở đấy vài phút để chỉnh nùm tốc độ tăng dần, cho đến khi tiếng máy đều đều phát ra mới thôi. Hoàng tử nhìn công việc xảy ra và hỏi một vài câu, sau đó Ryder và sĩ quan cơ khí rút lui và trong buồng lái lại im lặng trở lại.

Lúc ấy Hoàng tử mới hỏi David:

- Đây là chuyến công tác đầu tiên ở Anh phải không, Anderson?.

Thưa phải

- Anh ta trả lời

- Tôi chưa bao giờ đóng quân ở Anh trước đây.

Anh đã phục vụ trong không lực hoàng gia Uùc cho đến bây giờ, phải không?.

Thưa vâng. Tôi vào tập sự khi còn mới mười lăm tuổi. Phục vụ được sáu năm, tôi mới nhận được quân hàm.

Và cũng từ đấy anh chỉ việc bay mà thôi?.

Đúng vậy, thưa ngài.

Cũng giỏi đấy!.

Rồi Hoàng tử nói tiếp:

- Nếu tôi được may mắn, tôi đã làm như anh rồi! Vào không lực hoàng gia và cố gắng thành công trong binh nghiệp anh có được nhần vì anh đã làm lụng khó nhọc, chứ không phải vì anh là kẻ thừa kế của ngai vàng

- Quay về phía David ông ta nói

- Cũng có người sinh ra may mắn.

Chàng phi công cười:

- Tôi sinh ra đâu có may mắn. Tôi sinh ra ở dưới rãnh, vì mẹ tôi là cô gái lai. Họ đã kể cho ngài nghe rồi!.

Họ có kể cho tôi nghe. Nhưng tôi vẫn nói là anh may mắn. Anh có thể chọn lựa cho cuộc đời anh. Anh muốn nó như thế nào là tùy ở anh.

Thưa ngài, vâng.

Họ tiếp tục bay trong yên lặng độ mười lăm phút, mắt đăm đăm nhìn vào bầu trời xanh đầy sao. Giờ này thì Hoàng tử đã rời khỏi ghế ngồi của phi công phụ, cảm ơn David và đi trở về phòng riêng của mình.

Ba giờ sau khi cất cánh, họ đã ở về phía nam của mỏm Farewell và một giờ sau đã cách đảo Belle và cực bắc của đảo Newfoundland. Vô tuyến từ Ottawa bắt đầu hiện rõ và trong trẻo. David nhờ Ryder trình với Hoàng tử là đã nhận được tín hiệu để Hoàng tử sẵn sàng truyền đi. Nữ tiếp viên đem đến cho David một khay đồ ăn tối trong buồng lái và chàng dùng bữa ngay trên tay lái trong lúc chiếc Ceres tiếp tục bay qua đêm tối đến Canada. Khi qua khỏi đảo Belle, cô tiếp viên đến nhận lại khay đồ ăn và chàng trao tay lái cho Ryder và đi lại một chút trong phi cơ. Bốn mươi phút sau, chàng bắt đầu cho máy bay chậm lại khi qua miền Anticosti. Họ bay qua Quebec ở độ cao hai mươi lăm ngàn bộ dưới bầu trời trong và nhìn thấy thành phố như một đám mây đèn nhỏ xíu trên mặt đất đen bằng nhung. Và đến lượt Ottawa, đang nói quan vô tuyến để kiểm soát, họ bay một nửa vòng trên phi trường và bắt đầu hạ cánh trên phi đạo có hai dãy đèn, sáu giờ bốn mươi phút sau khi rời khỏi phi trường White Waltham.

Họ cho Tare chạy trên đường băng vào sân và cúp máy. David rời ghế, đi liền sau Hoàng tử, ông ta quay lại cảm ơn chàng về chuyến bay trước khi rời máy bay. David nói :

- Xin lỗi ngài, chúng ta đến hơi trễ. Chúng ta hơi mất thời gian sau khi bay qua đảo Belle. Không khí lạnh ở miền Bắc tràn về nhưng chúng tôi không được thông báo trước.

Tốt rồi, chỉ huy trưởng. Một chuyến bay tuyệt vời!

David theo chân ông ta đến phi trường. Frank Cox và Dewar đều có mặt ở đó, xe hơi đang đợi Hoàng tử và người hầu cận. Khi họ đi khỏi, Frank Cox nói:

- Chuyến đi bình an chứ?.

Rất bình an. Sắp đến, sao đây?.

Hãy đợi ở đây một hai ngày sẽ có lệnh. Tôi đã lo chỗ ở cho anh với không lực Hoàng gia Canada nữa.

Họ chuẩn bị đưa chiếc máy bay đến chỗ đậu và qua đêm dưới sự bảo vệ của Trung đoàn không lực hoàng gia Canada. Một giờ sau, David đi ngủ, có Dewar tán gẫu với chàng ở cửa buồng, trong khi chàng cởi giày.

Chàng Uúc nói:

- Vào đi và đóng cửa lại một chút.

Chàng Canada làm theo :

- Tất cả những điều này để yểm trợ cho cái gì, anh biết không?.

Tôi không biết gì cả. Nghe đâu Đại hội Công đoàn và White Waltham :

Được phôi bày trắng trợn trên tất cả các báo ở đây

- Anh ta dừng một chút rồi nói tiếp

- Người dân ở đây đã đụng đến mái nhà. Chuyện xảy ra chỉ một ngày sau khi chúng tôi đến đây, và họ đã có những trang báo đầy hình ảnh của Nữ hoàng, chiếc máy bay, tôi và Johnny. Máy bay riêng của Canada dành cho Phi đội Nữ hoàng và Nữ hoàng đã đến trong phi cơ ấy. Anh biết tại sao không?

Vị sĩ quan Uúc gật đầu:

- Và rồi, một ngày rất gần đây, sự mắng nhiếc độc địa về cái phi trường của chúng ta chỉ làm cho nước Anh thối tha thêm. Tôi đang giữ một vài tờ báo ấy và sẽ đưa cho anh xem. Tôi để trong phòng của tôi.

David nói:

- Tôi cho đó là điều dĩ nhiên :

- Tôi hiểu vì sao báo của chúng ta lại cứ tiếp tục phát hành. Một điều tôi muốn nói về chính quyền Pommies. Họ kiểm soát được báo chí, dù nhiều dù ít.

- Thế vị trí thật sự của chúng ta là gì?

- Người sĩ quan Canada hỏi

- Họ muốn đá chúng ta đi sao?.

David trả lời:

- Tôi chẳng biết nói sao. Tôi chưa nghe một điều gì cả, trừ những điều trên báo!.

Thật ra để thử Dewar hay gắng hỏi một ít tin tức thì cũng đúng thôi, nhưng anh ta không dự định trước, để phải thiếu cân nhắc trong lời nói.

Chỉ huy trưởng Dewar gật đầu:

- Anh phải để ý từng bước đi một với bọn phóng viên

- Ông ta nói

- Sáng hôm nay họ ủa tới tôi xem thử tôi có biết điều gì mới mẻ chẳng. Nghĩ lại tôi thấy còn ghê cả người!

David gật đầu:

- Tôi sẽ thông báo cho phi hành đoàn

- Anh ta dừng lại một chút

- Giá mà có một loại chính trị gia khá hơn ở quê nhà, thì điều này sẽ không bao giờ xảy đến.

Dewar nói:

- Đúng ra họ phải có những quan niệm hiện tại đối với nền dân chủ pháp trị. Họ đang còn sống trong thế kỷ thứ mười tám!.

David để đôi giày ở ngoài cửa cho người làm tạp dịch Canada gốc Pháp và vắt cái áo choàng trên ghế:

- Tôi sẽ phản đối cho đến chết tất cả các chuyện chính trị. Ông Macmahon làm việc ở đâu? Ôu Gatineau chẳng?.

Chàng Canada lắc đầu:

- Ông ta đang sống ở lâu đài Laurier, có hai đứa con gái ở đó nữa. Tuy vậy, phần lớn thời gian ông đều ở Gatineau. Ông ta có văn phòng làm việc ở chi nhánh Rideau Hall. Anh có thể điện thoại đến đấy, tư gia của Toàn quyền đấy!.

Tôi nghĩ là anh ta vẫn ở đấy trong lúc sự việc chẳng ra gì đang xảy ra.

Vị sĩ quan Canada bỏ đi, David vào giường ngủ, sau khi đã nắm chắc một số tin tức mà chàng cần thiết. Tuy mệt mỏi vì trách nhiệm lo cho chuyến bay, chàng ngủ liền, tuy không quên để đồng hồ báo thức vào bảy giờ rưỡi để nói chuyện qua điện thoại với Rosemary trong khách sạn.

- Xin lỗi vì gọi hơi sớm

Chàng nói

- Anh nghĩ nên thông thả gặp em thôi. Sao Canada có đáng yêu không?.

Nàng trả lời:

- Tuyệt vời. Em chưa thăm Edmonton được nhiều nhưng Vancouver thì đáng yêu lắm. Anh Dewar có tổ chức dạ vũ, có đi xuyên qua đảo một ngày, lái xe lên núi và cắm trại cạnh hồ.

Anh chưa đến đảo

- David nói

- Anh chỉ bay qua hai ba lần gì đó. Trông cũng đẹp.

Anh ta nói tiếp:

- Bọn anh mới đến đây đêm qua. Em dùng tối với anh tối nay được chẳng?.

Nàng nói:

- Còn gì bằng, anh Nigger. Em không biết chúng mình có thực hiện được không. Ngày hôm qua em bận suốt ngày, mãi đến chín giờ tối em mới về được. Sợ một ngày hôm nay nửa bận thì khổ! Còn anh, đêm nay có đến được đây chẳng?.

- Anh chưa dám chắc!

- Chàng trả lời

- Các anh đang đợi lệnh. Việc trước tiên sáng hôm nay là tiếp liệu xăng nhớt và kiểm tra máy bay, sau đó chờ lệnh.

Nàng nói :

- Em ngại anh sẽ không ở lại được mà phải trở về Luân đôn. Em cũng chưa biết chắc điều gì cả.

Cũng phải đợi đến sáu, bảy giờ sáng hôm nay.

- Nếu anh bị bắt buộc phải trở về Anh, chúng ta đành hủy cuộc hẹn

- Chàng nói

- Còn nếu không, chúng ta sẽ ăn tối ở đâu, lúc mấy giờ?.

Nàng hỏi:

- Nếu ăn ở đây khá muộn có trở ngại gì không? Chừng tám giờ có được không anh? Nếu một ngày giống như hôm qua, em không nghĩ là em có thể đi đâu được cả để tìm một nơi mà thay áo quần.

Anh có buồn lòng không?.

Dĩ nhiên là không! Rosemary, nếu em bị một ngày như thế, nhớ điện thoại cho anh vào lúc sáu giờ, chúng ta hủy đi thôi, để cho em có thì giờ về mà ngủ nhé!.

Không được đâu anh ạ! Thì em chỉ việc bắt chước ông già Jorrocks, vừa ăn vừa ngủ. Em thích gặp anh và nghe những lời anh nói.

David trả lời:

- Không nhiều đâu! Anh sẽ có mặt ở khách sạn lúc tám giờ. Bảo trọng em nhé!

Chào anh. Hẹn gặp anh đêm nay trừ phi anh có lệnh trở về!.

Chàng cúp máy và vào phòng ăn sĩ quan để ăn sáng. Vào lúc mười giờ rưỡi, việc tiếp tế xăng và kiểm tra máy bay đã xong, David cho đoàn phi hành giải tán và thông báo với họ rằng không được rời trại cho đến khi có lệnh mới. Frank Cox, trước khi dùng trưa, có đến gặp và David đã báo cáo với ông ta:

- Chúng tôi đã sẵn sàng. Có lệnh gì thêm không, Đại tá?.

Cứ chuẩn bị.

- Chỉ huy trưởng không đoàn nói

- Sau ăn trưa, tôi sẽ đi Gatineau một lần nữa. Họ đang họp cấp cao ở đấy. Không người này thì người khác sẽ trở về đêm nay thôi.

Sĩ quan phi công nói :

- Nếu ở lại đây chờ lệnh đêm nay, tôi có hẹn ăn tối với một người ở Chateau Laurier. Có được không, nếu tôi thường xuyên liên lạc bằng điện thoại ở đấy?.

Tạm thời là vậy. Ryder nên ở lại đây trong phòng ăn sĩ quan, nếu anh đi vắng.

Họ ăn trưa với nhau trong phòng ăn sĩ quan, sau đó Frank Cox lên xe hơi đi và David chẳng biết làm gì buổi chiều, nằm lăn ra giường. Anh ta mường tượng một chuyến bay trở về Anh quốc tối nay, mặc dầu anh chưa nhận được lệnh nào hết. Hình như Hoàng tử xứ Oen không được vắng mặt Anh quốc quá một ngày trong lúc Nữ hoàng đi vắng. David cảm thấy rằng, nếu hành động có lương tâm, là phải nhận chỉ thị rất nhanh để đưa Hoàng tử trở về ngay đêm ấy, và vì tiên liệu như vậy nên chàng phải ngủ bù. Cởi áo choàng và giày ra, chàng để đồng hồ báo thức vào lúc sáu giờ, trùm chăn kín và mười phút sau là chàng ngủ.

Chàng thức dậy lúc năm giờ vì Dewar vào phòng rất gấp và nói với chàng điều gì đó nên chàng ngồi dậy nói:

- Được thôi. Anh đã nói cho Ryder biết chưa? Chúng tôi cất cánh lúc mấy giờ?.
- Chúng tôi đâu phải các anh
- Dewar phản đối
- Tôi sẽ chờ ông ta trên chiếc Sugar.

Ai vậy?.

Tĩnh chưa, ông bạn tếu! Tôi chờ Hoàng tử trở về Anh quốc trên chiếc Sugar. Chúng tôi sẽ cất cánh lúc sáu giờ rưỡi.

Thế à, còn tôi thì sao?.

Tôi đâu biết. Cứ theo ý bề trên mà làm. Ngày mai ba má của Mollie từ Toronto lên đây mới khổ chứ!.

David nói:

- Tôi có thể đi thế cho anh chuyến này. Tôi có thể bay đêm nay.

Không có gì đâu, anh bạn. Tôi đã nói với Đại tá Cox rồi, nhưng có nhiều chuyện khác nữa, không phải như thế đâu. Họ đã sắp đặt mọi chuyện cho anh rồi. Tôi đã gửi một cái điện cho gia đình Mollie báo là đừng lên nữa.

Tôi chẳng biết họ đã sắp xếp cho tôi như thế nào!.

Không rõ nữa.

Anh ta đi ra khỏi phòng, hấp tấp và bận rộn sửa soạn cho chuyến bay của anh ta. Còn David thức dậy, ăn mặc cẩn thận, anh ta chờ đợi một cơ may là sẽ được cho phép giữ cuộc hẹn ăn tối với Rosemary, mặc dầu viễn ảnh có vẻ mờ nhạt. Chiều thu trời hơi lạnh, anh ta choàng chiếc áo ấm vào và bước ra đường băng ở đó chiếc Sugar đang nổ máy trong bóng tối.

Hầu hết đoàn phi hành của Tare đã có mặt ở đây để giúp cho chiếc Sugar sẵn sàng bay. Trong nhiều tháng qua phi hành đoàn hai nước đã làm việc bên nhau trong nhà chứa máy bay ở White Waltham và mặc dầu mỗi nước đều lo cho chiếc máy bay của nước mình nhưng lòng trung thành với phi đội Nữ hoàng không bao giờ thay đổi. Frank Cox đến sau David một chút và David đưa ra vấn đề bản đồ với ông ta và Dewar.

Tôi đã đem sẵn một đồng bản đồ trên máy bay Tare. Chúng tôi mang tất cả phòng khi dùng ở khắp nơi :

Bản đồ, vô tuyến, radar. Anh cần chúng tôi chia cho?.

Chỉ huy trưởng không đoàn quay về phía sĩ quan Canada Anh đã sắp đặt thế nào cho chuyến hồi hương?.

- Tôi đã có mọi thứ tôi cần cho chuyến bay Vancouver và White Waltham

- Vị sĩ quan Canada nói
- Tôi chẳng cần gì khác.

Frank Cox suy nghĩ một lúc rồi nói :

- Anh hãy để lô bản đồ ấy lại cho Tare. Nếu có nhận công tác nào ngoài Canada, anh sẽ thu gom ở không lực hoàng gia ở Luân đôn.
- Thưa vâng
- Dewar nói
- Đại tá không về với chúng tôi sao?.
- Không. Tôi sẽ ở lại đây, hay có thể đi với Tare.

Dewar bỏ đi ra máy bay, còn lại David hỏi Đã biết ai sẽ đi với chúng mình chưa.

- Chưa
- Không đoàn trưởng trả lời
- Họ đang còn bàn cãi ở Gatineau. Có lẽ sẽ có quyết định trong đêm nay.

Sĩ quan Uúc nói :

- Tôi ở lại đây cho đến khi nào Dewar bay. Sau đây cuộc hẹn ăn tối của tôi ở Chateau Laurier có sưng sẽ không? Tôi luôn luôn chờ điện thoại ở đây.

Được thôi mà

Ông Cox trả lời

- Rồi tôi cũng có mặt ở đây với anh Macmahon.

Trong đêm tối, chiếc Sugar được chiếc máy kéo kéo ra đường băng để khởi hành. Các sĩ quan đứng tùm thành nhóm nhỏ chờ quan khách lên máy bay. Đúng sáu giờ rưỡi, Hoàng tử và người hầu đến, sĩ quan nghiêm chào, ông có nói và lời, rồi bước lên máy bay, theo sau là Dewar. Cửa đóng, máy chuyển động và máy bay chạy thẳng ra phi đạo. Cox và David đứng nhìn máy bay cất cánh, lượn vòng và trực chỉ phương đông.

Tám giờ kém năm David thuê xe đến khách sạn. Chàng xuống xe tắcxi và đến bàn tiếp tân hỏi thăm Cô Long. Người tiếp tân nói:

- Cô ấy bảo mời ông lên phòng 23 lầu hai.

David lên thang máy và tìm thấy cửa phòng. Rosemary mở cửa cho chàng và đưa chàng vào phòng khách. Má nàng hơi ửng hồng, rõ ràng là nàng có vẻ mệt mỏi nhưng vẫn đẹp, David thầm nghĩ.

Chàng nói:

- Trời, em có phòng riêng ngon lành quá!.

Nàng cười:

- Đâu phải của em, của Thiếu tá Macmahon đấy, nhưng đêm nay Thiếu tá đi dùng tối với Nữ hoàng ở Gatineau.

Nàng lưỡng lự một chút rồi nói tiếp:

- Có rất nhiều phóng viên ở đây và họ sẽ làm khổ chúng ta đấy, nếu chúng ta ăn tối ở nơi công cộng như thế này, nên em đã xin phép ông ta được ăn tối trong phòng này. Anh nghĩ sao?.

- Còn nghĩ sao nữa

- Chàng trả lời, vừa cởi áo choàng ra

- Anh không ở lại đây lâu đâu. Anh biết em còn mệt nhiều!.

Nàng cười:

- Em có sao đâu. Bị nhốt trong văn phòng mãi em cũng xuống tinh thần lắm. Chiều qua em phải ra ngoài đi bộ cả nửa tiếng đồng hồ, nhưng có một nữ phóng viên cứ lèo đèo theo em hoài, có lẽ làm cho tờ Daily Sun. Em phải bỏ rơi chị ta và trở về. Chắc họ cũng đoán chừng có cái gì đó, nhưng không biết là gì?.

Chàng lại hỏi:

- Hôm nay em không đi ra ngoài, phải không?

Nàng lắc đầu:

- Em chưa đi.

- Chẳng cần nữa. Em gọi cái gì uống rồi nói chuyện thuyền bè với nhau

Chàng nói.

Nàng nhìn chàng cười và nhấn chuông, tức thì nước xêri và còcteo cà chua mang đến và sau đó là bữa ăn tối. Hai người cố tình nói chuyện về thuyền bè nhưng áp lực của những sự kiện lớn đang xảy ra, thôi thúc họ.

Nàng bắt đầu nói:

- Anh đã nghe điều gì về sự chỉ trích ở Anh chưa, anh David?.

Chàng cười:

- Chẳng có gì ngoài những lời trong báo. Chúng ta không được ngồi lê đôi mách trong một căn phòng của kẻ thuộc cấp như thế này.

Nàng cười:

- Anh này quý thật! Anh muốn nhạo em đó sao!

- Sao không?

Chàng cười nói

- Anh được thầy dạy kỹ mục này rồi! Nhưng anh đâu thấy báo chí ở đây nói gì! Em có thể kể cho anh nghe điều gì đã xảy ra tuần này mà không cần cà kê dê ngỗng!.

- Chiều hôm nay em đã đánh máy, một thông cáo :

Ba bản dự thảo và cuối cùng là bản chính cô nàng nói cái này được phân phối cho báo chí ngay từ giờ. Em sẽ nói cho anh biết những gì trong đó.

Những gì?.

Nàng nói:

- Nữ hoàng muốn nhân cơ hội đang cư trú tại Canada để bàn định công chuyện về Liên hiệp Anh với ngài Toàn quyền, Thủ tướng, Lãnh đạo phe đối lập, và các nhà ngoại giao lão thành khác của Liên bang và của chính quyền tỉnh. Cuộc thảo luận này sẽ được tiếp tục như là một dịp may trình diện với các nước khác trong Liên hiệp Anh.

Như vậy có ý nghĩa gì?

- David hỏi Em không hiểu, anh Nigger ạ!

- Nàng trả lời

- Giá mà em hiểu được!

Anh có thể nói cho em biết qua sự đoán mò vậy thôi Thế anh đoán gì nào?

Họ thảo luận họ sẽ làm cái quái gì với nước Anh đây Nàng ngồi trầm ngâm một phút, nhìn chăm chăm vào chiếc khăn trải bàn, sau đó ngẩng đầu lên nói:

- Có lẽ anh nói đúng, Nigger. Nhưng em là một phụ nữ Anh, và Nữ hoàng cũng vậy. Em không muốn nghe những sự việc như thế biến thành lời. Và em nghĩ Nữ hoàng cũng không muốn vậy.

- Anh xin lỗi em, Rosemary. Anh chỉ là một tên thuộc địa dở hơi. Hãy quên điều đó đi.

- Em không thể quên được

Giọng nàng không mấy vui

- Em không thể quên được vì đó là sự thật. Chỉ có điều, em không muốn nghe điều đó được nói ra.

Hai người ăn xong và ra khỏi bàn. Nàng bấm chuông, người bồi bàn Canada gốc Pháp đến dọn sạch.

Khi sắp sửa đi, David nói :

- Anh cứ ngỡ là đang còn sớm, Rosemary. Anh về rồi, em có đi ngủ liền chăng?.

Nàng nói:

- Ở lại với em đến mười giờ đi anh! Em chưa đi ngủ trước khi thiếu tá Macmahon trở về vì em đã hứa ở lại canh chừng điện thoại. Ông ta nói sẽ trở về vào lúc mười giờ.

Hai người ngồi xuống trong ghế bành trong hơi ấm của lò sưởi điện trước lò sưởi chỉ để trang trí. :

- Chơi một trò chơi gì đi anh. Tránh đừng suy nghĩ đến điều đáng ghét ấy. Anh biết chơi gì nào?.

Em không có bài, không có cờ vua, cơ đăm gì cả sao?

Nàng lắc đầu. Chàng cười, sau một lúc suy nghĩ, chàng nói:

- Giả sử em nhuốm bệnh, không nặng lắm, nhưng đủ để người ta cho em thôi việc ở Hoàng cung. Mà em cũng không thể kiếm một công việc thực sự khác nữa, vì sức khỏe kém. Và khi ấy, giả sử có người để lại cho em năm ngàn bảng một năm. Lúc ấy em sẽ làm gì? Em hãy nói trước rồi anh sẽ nói cho em nghe anh sẽ làm gì?.

Nàng cười:

- Ý anh muốn nói, em chỉ khỏe vừa đủ để làm một cái gì em muốn nhưng bệnh quá nên không làm được gì cả.

Đúng rồi!

Những cơn bệnh dễ thương nào mà mình thường nghĩ đến.

Phải

Chàng trả lời

- Em sẽ làm gì nào?

Nàng suy nghĩ một lúc rồi nói:

- Em tin là em sẽ mua một chiếc thuyền như chiếc của anh. Chiếc năm tấn, đủ lớn để cho một người sống thoải mái hay lúc cần thiết cho hai người cũng được. Em có một mái nhà tranh, có hai phòng ngủ, một phòng khách và một nhà bếp nhìn ra biển cả. Đâu đó gần Yarmouth trên đảo Wight.

Và chỉ sống ở đây và đi thuyền thôi sao?.

Có lẽ vậy. Thế em không chán phải làm đi làm lại một công việc sao?

Em cũng không rõ nữa. Thế em không thể làm một công việc gì sao?

Dĩ nhiên là không. Em bệnh mà, em biết không?

Nàng cười:

- Em nghĩ là người ta có thể chán nản khi không có việc gì để làm. Em nghĩ là em thích làm một công việc nào đó bán thời gian cho dù công việc ấy có làm em chết!.

Thế là đại rồi!

Chàng nói

- Nếu làm cố vấn y khoa cho em, anh không thể giới thiệu một việc như thế!

Cũng may, anh không phải là cố vấn y khoa của em.

Nàng trả lời:

- Giờ thì anh nói cho em biết anh sẽ làm gì :

- Nhớ là không phải là phi công nhé! Anh bệnh quá không thể làm gì được.

Anh nghĩ là anh sẽ mua một chiếc thuyền cá mập và trang bị đầy đủ như một thuyền buồm. Chàng nói:

- Thuyền cá mập giống như thế nào?

Đó là một loại thuyền lớn, dài hơn hai mươi mét. Thường có máy dầu cặn. Anh thích mua hai chiếc nhỏ hơn thế. Thuyền này mũi cao, đuôi thấp, khá giống thuyền đánh cá của Anh, có buồng lái nhỏ ở sau. Thuyền này đi biển cũng đẹp lắm, bạn có thể đi vòng quanh địa cầu với thuyền cá mập.

Nàng cười:

- Anh muốn đi vòng quanh quả đất, hả anh David? Aét hẳn anh đã đi vòng quanh trái đất hai mươi lần rồi!.

Chàng cười với nàng:

- A, nhưng đó là bay máy bay. Bạn không bao giờ thấy được gì khi bạn lái máy bay

- Chàng suy nghĩ một chút rồi nói

- Anh không nghĩ rằng anh thích đi quanh trái bằng thuyền cá mập, mà chỉ thích đi ở Úc thôi, Tasmania đầy đầy những con lạch và cảng đáng yêu. Đi lên phía bắc, nếu cho thuyền đi qua các đảo Celebes, Sunda, Moluccas hoặc thẳng đường tới Borneo, thì không còn gì thú bằng! Đây cũng là vùng rộng lớn mà chưa ai đặt chân tới.

Dừng một chút, David nói tiếp:

- Cách đây cũng khá lâu, lúc còn chiến tranh, anh bay từ phi trường Hatfield mới đến đảo Lữ Tống ở Phi luật tân. Anh đã đáp xuống Darwin để lấy xăng, và sau đó các anh đã có đủ xăng để bay la đà nên anh luôn luôn bay ở cao độ một ngàn bộ để cho vui. Anh chưa bao giờ thấy được cảnh vật nào đẹp đến thế! Sau Timor, có hàng trăm, hàng ngàn hòn đảo nào là quần đảo Celebes, quần đảo Moluccas và ngay cả đảo Phi Luật Tân và tất cả quần đảo san hô, hình như chẳng có ai sống trên đây cả. Anh tự nhủ lòng một ngày nào đó, anh sẽ đến đó bằng thuyền.

- Em không chắc là anh không nói dối. Chẳng có gì khác biệt giữa du thuyền và đi máy bay cả. Nếu anh bệnh quá không thể lái máy bay được sao lại đủ sức đi thuyền cá mập?.

Dĩ nhiên. Chỉ có công việc nó làm cho anh kỳ lạ mà thôi!.

Thế anh chẳng có chỗ trú chân nào trên bờ cả sao?.

Không phải thế. Bạn có thể sống trên thuyền cá mập Và bạn chẳng muốn làm một công việc nào khác nữa.

Chàng cười:

- Đưa được một chiếc thuyền buồm nhỏ từ A cho đến B qua bao nhiêu rặng đá ngầm san hô chưa ai thám hiểm đối với anh cũng là việc khó rồi!.

Em cảm thấy không vui về gì khi không có công việc gì để làm

Nàng nói với vẻ tư lự.

- Tuy nhiên, cuối cùng rồi cái gì cũng hấp dẫn thôi!.

Chàng nhìn nàng trước khi nói :

- Thế tốt hơn em nên đến nấu cho anh ăn trên thuyền cá mập.

Anh đâu muốn một người nấu ăn bệnh tật, có thể chết ở nơi anh bất cứ lúc nào, nàng cười.

Anh đâu biết

Chàng nói

- Cứ ví chúng mình là ông bà già Crock sống cả ngàn năm.

Nàng trả lời ngay Anh có đủ chuyện vui để kể cả ngàn năm không?

Chàng trả lời, Chúng ta có thể kể cho nhau nghe nhiều chuyện vui còn hay hơn thế nhiều.

Nàng hơi đỏ mặt và không nói gì cả, chăm chăm nhìn ngọn lửa. Chàng lại chú ý đến lọn tóc sau tai nàng, những đường nét mềm mại của cái cổ, ngạc nhiên sao nàng ít nói thế. Cuối cùng, nàng đứng dậy nhìn vào đồng hồ tay và buồn bã nói:

- Mười giờ mười lăm. Em phải đi pha một ly cà phê trước khi đi ngủ. Anh cũng uống một ly nhé, anh David?.

David cũng đứng dậy và nói:

- Thôi anh về đã nhé. Rán đi ngủ đi em! Ngày mai, có thể lại phải làm việc, và chắc em cũng vậy Cửa phòng khách mở, cả hai người hướng mắt về phía ấy. Ông Macmahon đi vào cùng Không đoàn trưởng Cox.

Đại tá quay về phía David:

- Nữ hoàng thay đổi chương trình

- Ông ta nói

- Nữ hoàng muốn bay từ đây đến Canberra với chiếc Tare.

Nevil Shute

Mùa Mưa

(In The Wet)

Chương 6

Viên phi công đứng trầm ngâm một lúc bên lò sưởi. Rồi anh ta nói:

- Đi đường nào nhi?

Cái đó thì anh biết rõ hơn chúng tôi chứ, Nigger

Vị không đoàn trưởng nói

- Đường nào anh chọn đây ?

Macmahon hỏi:

- Đây là điểm xuất phát ?

David quay về phía ông ta:

- Trên thực tế, tôi nghĩ là đi về đông hay về tây cũng bằng nhau, từ đây đến Canberra. Không, đợi cho một chút, bảy mươi lăm tây và một trăm năm mươi hai đông. Trầm ngâm một lúc , anh ta nói:

- Không, đường băng qua Thái Bình Dương ngắn hơn nhiều. Quan trọng là có đủ xăng để tiếp tế trên đảo Christmas.

Anh ta nhìn không đoàn trưởng:

- Chắc đại tá không muốn đáp xuống những vùng không thuộc Liên Hiệp Anh ? Đến Honolulu là có xăng ngay Đảo Christmas thì tốt hơn. Anh có thể bay thẳng một lèo từ đây đến Christmas không ?

Không chắc

Sĩ quan hoa tiêu nói

- Tôi phải xuống từ từ trên đảo theo bản đồ. Nếu không thể hạ cánh , chúng ta có thể tiếp tế xăng ở Vancouver. Đi từ đảo Christmas đến Canberra tốt thôi , miễn là có xăng ở đây để tiếp tế.

Bốn ngàn galông xăng , một trăm năm mươi galông nhớt ?

Vị sĩ quan hoa tiêu gật đầu

- Tôi sẽ báo hiệu ngay.

Sĩ quan hoa tiêu lại nói:

- Nếu không có nhiên liệu ở đây , tốt hơn ta nên tìm cách khác. Trong trường hợp ấy , ta nên bay trở về WhiteWaltham và rồi tiếp tục bay đến Colombo thì nghỉ.

Không phải nước Anh ông Macmahon hỏi.

David nhìn lên:

- Ô, Malta. Tất cả nhiên liệu chúng ta cần đều ở Malta. Vị bí thư nói:

- Tôi nghĩ con đường Thái Bình Dương tốt hơn. Có thể trở lui được không nếu không có nhiên liệu ở đảo Christmas?

Sĩ quan phi công căn môi:

- Đảo Fiji, nếu bay từ Vancouver

Anh ta nói

- Chỉ có nơi đó là ở trong Liên Hiệp Anh thôi. Tôi không chắc là có quá xa đối với chúng ta hay không ? Ông phải để cho tôi đi chéch lại đã.

Quay về phía ông Cox, David hỏi:

- Nữ hoàng muốn khởi hành lúc mấy giờ?

Càng sớm càng tốt.

David nói:

- Hướng tây. Nếu là đảo Christmas, chúng ta sẽ cố gắng đến đây vào ban ngày. Cát cánh lúc chín giờ ba mươi, sau khi ăn sáng.

Tôi nghĩ là được thôi. Thế anh đã đến Christmas chưa ?

David gật đầu:

- Tôi đã đến đây ba lần. Đó chỉ là một trạm tiếp liên, trên đảo có đồn điền dừa. Tôi không được rõ, từ khi chiến tranh nơi ấy đã được sử dụng nhiều. Không lực Hoàng gia Úc có một đơn vị biệt phái ở đây

Sau khi suy nghĩ , anh ta lại nói tiếp

- Thực phẩm. Chúng ta tốt hơn nên dự trữ ở đây cho toàn chuyến đi Canberra. Đến Christmas, chúng ta không mua được nhiều đâu. Chúng ta chỉ có mặt ở đây khoảng một giờ để tiếp tế xăng nhớt. Có bao nhiêu người cùng đi ?

Cả đoàn tùy tùng

- Ông Macmahon nói

- Gồm tám người và đại tá không đoàn trưởng.

Từ phía sau , Rosemary trầm tĩnh nói:

- Thừa thiếu tá , em có được đi không ?

Sao không. Không có cô làm gì được !

Viên phi công nói:

- Tốt hơn tôi nên đi ngay để nắm tình hình.

Quay về phía ông Cox, anh ta nói:

- Nhờ Đại tá gọi điện báo cho Ryder là tôi đang trên đường ra sân bay. Rồi nhờ Đại tá kiểm tra vấn đề xăng thử có ở Christmas không, tôi sẽ gọi lại cho ông vào lúc nửa đêm và lúc ấy chúng ta sẽ có quyết định dứt khoát. Ông còn ở đây chứ?

Vâng , tôi vẫn ở đây.

David quay về phía Rosemary:

- Cám ơn Cô Long về bữa tối này. Sáng mai gặp cô nhé!

Anh ta mặc áo choàng vào và đi ra ngoài. Một phóng viên chặn anh ta lại trong lúc anh ta đợi taxi và bị anh ta cự tuyệt thẳng thừng. Xe chạy đến phi trường và anh ta đã làm việc với Ryder hơn nửa giờ ở bàn của chuyên viên bản đồ trong chiếc Ceres, vì bản đồ đang để ở đây. Họ đi băng qua đường băng lạnh giá dưới vầng trăng sáng để trở về phòng ăn sĩ quan , sau đó nói chuyện qua điện thoại với Đại tá Cox ở khách sạn. Đảo Christmas có nhiên liệu, họ xác định giờ cất cánh là chín giờ ba mươi và cúp điện thoại. Ông Cox phải gọi điện cho Quận công ở Gatineau và David bắt đầu thương thuyết để xin đường bay qua vùng trời Hoa Kỳ. Đường bay đi qua bờ biển Thái Bình Dương trong lãnh vực của miền Los Angeles.

Sau đó David ngủ được vài tiếng và bước ra sân bay lúc bảy giờ cùng phi hành đoàn đã sẵn sàng , bên cạnh chiếc máy bay chuẩn bị cất cánh, anh ta cùng Ryder kiểm tra hướng đi và sơ đồ bay , Đến tám giờ rưỡi David ra lệnh cho phi hành đoàn đi ăn sáng và chín giờ mười lăm xe máy kéo máy bay ra đường băng.

Tin Nữ hoàng khởi hành lan nhanh và hằng ngàn người tụ tập trên sân bay để đưa tiễn. Toán cảnh sát kỵ binh biệt phái có mặt ở đây để không cho ai vào đường băng và kiểm soát các phóng viên chụp ảnh báo chí và truyền hình.

Đó là một buổi sáng nắng ráo với cơn gió lạnh buốt. Chiếc xe hơi đầu tiên đến đó là của vị toàn quyền mà binh sĩ và lính không quân khắp Liên Hiệp Anh đều biết đó là ngài Tom Forrest. Ông bước ra khỏi xe và ân cần chào hỏi Frank Cox và đi bộ đến gần máy bay, đó là một người đàn ông dễ mến, nét mặt tươi tỉnh, đầy sinh lực. Ông ta được người ta đem David đến giới thiệu và hai người bắt tay nhau. Sau đấy ông ta làm một cuộc kiểm tra chớp nhoáng chiếc máy bay trước khi nữ hoàng đến. Rồi hai người cùng ra tháp tùng với ông Delamain và các thành viên trong nội các sắp hàng trên đường băng.

Chiếc xe hơi Hoàng gia đến, các máy quay phim hoạt động, đèn máy ảnh chớp lia lịa khi Nữ hoàng bước ra, theo sau có Quận công. Trước đây David chỉ thấy Nữ hoàng có một lần khi ngài kiểm tra chiếc máy bay mới ở phi trường White Waltham. Nếu so sánh diện mạo của ngài chiều hôm vui vẻ đó, giờ đây ngài có vẻ mệt mỏi và hao gầy. Có một thời gian ngắn để bắt tay và chia tay trên đường băng và rồi ngài vội vã vào máy bay với nụ cười ngẩn ngui hướng về phía dân chúng.

Người sau cùng của đoàn tùy tùng cũng đã lên máy bay. Frank Cox và David đi theo sau Nữ hoàng và Quận công, khi đã vào trong, cửa đóng lại sau lưng họ. David chờ cho lối đi không có người và Nữ hoàng đã vào phòng dành riêng, anh ta mới bước tới và vào ghế bay có Ryder bên cạnh. Chiếc cửa nhỏ trên đầu họ được mở ra và ngọn cờ hoàng gia đang uể oải phơ phất trong gió sớm.

Frank Cox bước vào buồng lái, đứng sau lưng họ. David nhìn ông ta qua vai. Không đoàn trưởng nói:

- Lên đường thôi. Cát cánh theo giờ riêng của anh, chỉ huy trưởng
- David gạt đầu quay về với công việc.

Một giờ sau, họ đang bay ở độ cao phi hành trong nắng mai, ở dưới xa là tầng mây trắng kết thành cụm như bông. David nhường tay lái cho Ryder và đi dài xuống phía dưới. Chàng dừng lại nói chuyện, với Thiếu tá Macmohon và cô Turnbull tuổi trung niên, và cuối cùng mới đến Rosemary.

Chàng hỏi:

- Em có khoẻ không ?

Dạ khoẻ?

Nàng trả lời

- Chúng ta đến đâu rồi anh nhỉ ?

Có lẽ gần qua khỏi hồ Michigan. Chúng ta đang đi quá lên phía bắc của thành phố Chicago một chút.

Anh bảo là không thấy gì cơ mà !

Chàng lắc đầu:

- Em có thể thấy dãy Thạch sơn trong suốt hai tiếng đồng hồ.

Chàng nói tiếp

- Tuy ở Denver, thành phần là hai phần mười mây, nhưng trông cũng chả đẹp chút nào !

Thế đảo Christmas ở đâu , anh Nigger?

Hai mươi độ nam Hạ uy di

- David trả lời

- Từ Ottawa đến đó cũng phải mất mười tiếng, bảy giờ rưỡi theo đồng hồ của em, có thể hơn hay kém một chút. Nhưng chín giờ cách biệt và chúng ta đi theo hướng mặt trời, nên khi đến đây, cũng đang còn giữa buổi sáng.

Trời! Thế chúng ta ở lại đảo Christmas bao lâu ?

Một tiếng thôi em ạ, đủ để cho mình tiếp tế nhiên liệu. Rồi chúng ta tiếp tục bay bảy tiếng rưỡi nữa mới đến Canberra. Chúng ta sẽ có mặt ở đây vào lúc bốn giờ sáng, theo đồng hồ của em.

Nàng nhìn chàng cười:

- Thật là một ngày dài ghê, anh nhỉ ?

Chàng nói

- Anh biết. Hai tiếng nữa chúng ta sẽ ăn trưa. Nếu anh là em, anh sẽ cố ngủ một chút Chàng thử lại ghê để cho nàng biết cách điều chỉnh khi muốn nằm duỗi ra. Chàng nói:

- Aên trưa xong, anh sẽ đến, nếu mọi việc êm thấm, em có thể lên phía trước ngồi một chút. Thay đổi không khí mà em, luôn dịp anh chỉ trên bản đồ là chúng ta tới đâu. Ngồi trong buồng lái nhìn thấy cảnh tuyệt vời lắm anh nhỉ ?

Nàng hỏi.

Đúng vậy

Chàng trả lời

- Hàng ngàn dặm chẳng có gì đổi khác. Nàng cười:

- Thế anh không thấy mặt đất sao ?

Không thấy được lúc đúng ngo.

Chàng nói

- Không rõ lắm đâu. Lúc hoàng hôn hay lúc rạng đông thì thấy được nhiều hơn, nhưng ở độ cao như thế này, mặt trời thì quá sáng, bầu trời thì tối quá, thì còn để ý đến mặt đất làm gì nữa!

Nàng lại hỏi:

- Chúng ta ở độ cao bao nhiêu ?

Khoảng bốn mươi tám ngàn

Chàng trả lời

- Chúng ta thay đổi độ cao từ từ trong lúc bay thì máy bay sẽ nhẹ hơn.

Chàng đi ra sau và nói chuyện một lúc với nam nữ tiếp viên về bữa ăn. Rồi chàng hỏi:

- Nữ hoàng đang làm gì ?

Nữ hoàng đang nghỉ , thưa ông.Tôi đã làm xong nệm giường cho ngài.

Nữ hoàng khỏe chứ? Có bệnh hoạn gì chẳng ?

Nữ tiếp viên lắc đầu:

- Tôi nghĩ, ngài đang còn mệt lắm, thưa ông. Ngài nói ngài ngủ không yên giấc.

Bác sĩ là nhân vật thứ tám của đoàn tùy tùng hoàng gia, một y sĩ của phố Harley, bác sĩ Mitchison.

David dừng lại bên ghế ông ta , trên đường trở về buồng lái và nói với ông ta về sức khỏe của Nữ hoàng và được ông ta bảo đảm. Chàng tiếp tục đi, khi qua buồng của Quận công cửa còn mở, Quận công đang đứng ở trong nói vọng ra:

- Tôi xin phép lên buồng lái được không cơ trưởng ?

Xin mời ngài

- David nói.

Trong mười lăm phút ông ta đã thảo luận về việc hải hành với sĩ quan hải quân, có lúc hai người đã sử dụng kính lục phân dùng cho tàu biển để định vị trí. Chiếc máy bay lơ lửng trên bầu trời, tưởng chừng như bất động, cần khảo sát tầng mây phía dưới để theo dõi bất cứ một động tác nào về phía trước. Giờ này máy bay đang từ từ bay qua Iowa và Nebraska. Quận công ở lại với David được một giờ, ngồi trong ghế của phi công, học về chức năng của nhiều loại thiết bị và kiểm tra tay lái.

Tôi muốn đưa Nữ hoàng đến đây khi Nữ hoàng thức dậy

Ông ta nói

- Nhưng giờ này thì bà ấy còn hơi mệt.

Thưa ngài được.

Quận công đi trở về buồng của ông ta và David ngồi vào tay lái trong lúc Ryder nằm trong một giường ngủ ở đằng sau buồng lái. Người nữ tiếp viên mang đến cho David một khay ăn trưa, anh ta vừa lái vừa ăn, vừa lúc máy bay qua bang Arizonavới những dãy núi xám đỏ hiện ra ở phía dưới xa. Frank Cox tiến đến cầm tay lái thế cho David, chàng đi về phía Rosemary và nói:

- Chúng ta sắp sửa vượt bờ biển. Em có muốn đến chỗ anh một chút không? Qua chỗ này rồi em sẽ không còn thấy gì nữa trong một khoảng thời gian dài.

Nàng trả lời:

- Em thích lắm.

Chàng đem nàng lên buồng lái, ngồi vào chỗ của phi công phụ. Frank Cox bảo là muốn đi ngủ, rút lui ra đằng sau. David ngồi với Rosemary cả tiếng đồng hồ ở tay lái. Chàng chỉ cho nàng đủ thứ nhưng đó chỉ là lối hướng dẫn trừu tượng, bởi vì máy bay đang bay theo một đường bay đều và thẳng hướng do sự kiểm soát của tay lái tự động. David nói:

- Anh muốn để cho em lái một chút nhưng sợ động đến giấc ngủ của Nữ hoàng, theo lời của cô tiếp viên. Chúng ta không nên đánh thức Ngài dậy vì chao đảo máy bay.

Cô gái nói:

- Đừng làm thế anh ạ! Nữ hoàng đã quá mệt trong hai ngày qua. Em không tin Ngài có thể ngủ yên.

Nữ hoàng đang ngủ, cô Gillian đã bảo mà !

Em hiểu rồi đừng làm gì để ngài bị đánh thức.

Thế chuyện gì vậy em ?

Chuyện Hoàng tử đấy, anh ạ!

Thế ông ta đến đây làm gì ?

Nàng yên lặng, rồi như có linh tính chàng hỏi ngay

- Chắc là ông ta không ưa công việc ấy ?

Có lẽ như thế. Em không rõ

Nàng trả lời

- Có điều gì đó rất hệ trọng, chưa biết là điều gì. Chúng ta đừng nên đề cập tới nữa , anh David nhé!

Chàng cười nói với nàng:

- Con cái tai hại thật! Anh không hiểu tại sao có người giờ này chưa có con!

Cô gái ngồi trầm ngâm một lúc rồi mới thổ lộ:

- Thật tệ hại, anh David ạ, bởi vì bản thân Nữ hoàng là một người hết sức dễ chịu, hiền hòa. Nếu như Ngài kiêu căng, ngạo mạn, thì cũng dễ thôi bởi vì lúc ấy chẳng có ai cảm thấy thương xót cho ngài cả. Nhưng đối với một người đàn bà nhỏ bé, giản đơn và đoan trang như thế lại phải chịu những trách nhiệm và khó khăn quá lớn và tất cả những hệ lụy của gia đình làm xáo trộn tất cả... thật độc ác.

Ngài được sinh ra và lớn lên là để đảm trách công việc

Chàng phát biểu

- Sự không may của Ngài không như sự không may của anh hay của em.

Em không tin là có sự khác biệt nào ca?

Nàng nói :

- Anh không thể giáo huấn con người mà không bị thương tổn bởi những điều ấy.

Giờ này Ryder xuất hiện và nắm tay lái nên Rosemary trở về ghế ngồi của nàng. David nằm xuống giường và ngủ được một tiếng đồng hồ. Khi chàng thức dậy, đã bốn giờ chiều, giờ uống trà. Chàng rửa mặt, uống trà xong, chàng đi đến bàn bản đồ để tính vị trí. Tính xong toa. độ chàng khoanh một vòng tròn trên bản đồ. Xong xuôi chàng quay về phía nhân viên điện đài và nói:

- Anh sắp sửa liên lạc với Christmas rồi đấy.

Bắt được đài rồi nhưng hướng chưa chính xác nên chưa rõ lắm. Có lẽ cũng mười lăm phút nữa, chỉ huy trưởng ạ!

Khi tiếp sóng được, nhớ cho biết là gì nhé!

Lúc sáu giờ mười lăm, giờ Ottawa, trên máy bay trở nên sinh động. David và Ryder ngồi vào ghế

bay, sĩ quan cơ khí ngồi vào bàn kiểm tra ngay. Máy bay bắt đầu giảm tốc độ khi còn cách đảo Christmas sáu trăm dặm. Trời trong và nắng chói trên đầu, vì gần mười hai giờ trưa ở xích đạo. Dưới họ là biển xanh mù mịt hòa với sương mù xám ngoét chạy dài tới chân trời. Có tiếng động sau ghế, David nhìn quanh và Nữ hoàng đang đứng bên cạnh anh, sau lưng ngài là Quận công. David toan đứng dậy nhưng Nữ hoàng nói:

- Cả hai anh cứ ngồi yên. Đứng đây tôi có thể thấy khá rõ.

David vâng lời ngồi dựa ra ghế bay, khi bay lên hay hạ xuống chiếc Ceres tỏ ra ít vững vàng hơn là thích hợp với đường bay dài, nên David thích cầm tay lái mà có Ryder bên cạnh.

Nữ hoàng nói:

- Từ đây nhìn cảnh vật cũng đẹp lắm cơ trưởng nhỉ? Trong máy bay nơi này là tốt nhất.

David nói:

- Thưa ngài, giờ này chẳng có gì hay để nhìn cả.

Tôi biết

- Nữ hoàng nói

- Trong lúc bay làm sao mà thấy được! Thế đảo Christmas có gì hay chẳng? Trước đây anh đã đến đó hay chưa, cơ trưởng?.

David trả lời:

- Thưa ngài, đó là một đảo san hô, nhưng khá lớn. Tôi đã đến đó nhiều lần. Quanh các đầm phá người ta có trồng dừa. Đảo lớn dài mười lăm dặm, rộng mười dặm. Sân bay nằm ở bờ biển phía bắc.

Nữ hoàng lại hỏi:

- Ở đây dân chúng có đông không?

Dạ không nhiều, thưa Ngài. Lần cuối khi tôi đến đó, có chừng năm mươi thổ dân trồng dừa và một vị quản lý người Úc. Có một ông quận trưởng nhưng ông ta ở đảo Fanning cách đây một trăm tám mươi dặm thỉnh thoảng ông ta có đến. Thường trực thì có hai sĩ quan và mười lăm binh sĩ thuộc không quân Hoàng gia Úc giữ phi đạo.

Tôi cũng muốn thăm cho biết.

Nữ hoàng hỏi thêm vài câu hỏi nữa về thiết bị, nhưng tuy nghe David trình bày nhưng bà chẳng hiểu gì mấy. Sau đó Nữ hoàng cảm ơn cơ trưởng và trở về buồng riêng của bà. Trước khi quay về,

David còn hỏi:

- Thưa Nữ hoàng, Ngài có muốn tôi lượn một vòng quanh đảo trước khi hạ cánh không ạ? Khi gần đến, tôi sẽ thông báo và Ngài có thể đến đây xem tận mắt cũng được. Hay nếu Ngài muốn, tôi có thể bay, Ngài chỉ việc nhìn qua cửa sổ buồng là thấy đảo.

Nữ hoàng trả lời:

- Cảm ơn cơ trưởng. Tôi sẽ trở lui đây.

Bốn mươi lăm phút sau, ở bốn ngàn bộ, David nói với Frank Cox trình lại với Nữ hoàng là đảo Christmas đã hiện ra. Nữ hoàng trở lui buông lái và đứng giữa hai phi công, nhìn hòn đảo sáng lên trong ánh mặt trời, màu xanh bích ngọc và da trời phản chiếu trong đầm, cát san hô trắng xoá. David cho Ceres bay một vòng rộng và bay qua phi đạo cách một ngàn bộ. Nữ hoàng nói:

- Tuy nhỏ nhưng rất dễ thương! Ai sống trong căn nhà trắng bên cạnh đầm, căn nhà có sân quần vợt?

David trả lời:

- Tư thất của ông Quận trưởng đây ngài ạ! Không hiểu có ông ta ở trong nhà không. Chắc là không, vì nếu có cơ chi đã có chiếc thuyền lớn của ông trong đầm, nhưng tôi chẳng thấy gì cả.

Nữ hoàng đứng nhìn say mê hòn đảo và trong lúc bà đang chăm chú nhìn David đã tiếp tục lái đến vòng thứ hai, sau đó Nữ hoàng không nhìn nữa và nói:

- Nếu được ở đây vài ngày chắc cũng thú vị lắm nhỉ? Quay về phía David, nữ hoàng nói

- Cám ơn cơ trưởng. Anh xem xét rồi cho hạ cánh.

Nữ hoàng đi về buồng riêng và David bay về phía đông của hòn đảo, có Ryder đang nói vô tuyến với đài kiểm soát. David cho máy bay quay ra biển và bay trở lại với tốc độ sắp đáp là hai trăm gút và cho chiếc Ceres bay là đà trên các ngọn dừa và đáp xuống phi đạo, tính ra mười tiếng từ khi rời Ottawa. Có một căn nhà tranh và một ít tiện nghi ở ngoài. David cho máy bay đỗ gần đấy trong lúc Ryder giương cao ngọn cờ vương triều qua chiếc cửa sổ. Mười một người lính không quân và một sĩ quan đứng nghiêm trước căn nhà như một đội quân danh dự. Động cơ ngừng hẳn, cửa máy bay mở ra, hai thổ dân Fijian đẩy một bậc cấp không cao lắm vào cửa máy bay do vị sĩ quan hướng dẫn. Nữ hoàng bước xuống nhận lời chào và duyệt hành quân. Đoàn tùy tùng theo sau Ngài bước xuống bậc cấp xuống đất. David đi lo tiếp tế nhiên liệu với đoàn phi hành. Anh thấy Nữ hoàng và Quận công nói chuyện với hai ông Macmahon và Frank Cox và vị sĩ quan địa phương. Sau đó tất cả bước vào nhà có một số tiện nghi tối thiểu với Nữ hoàng. Quận công và vị sĩ quan hướng dẫn, còn Frank Cox và Macmahon ở trong một phòng giống như phần sau của chiếc xe tải ở đằng sau nhà. Tiếp tế nhiên liệu là một sự phức tạp trên đảo Christmas. Tất cả thùng phuy bốn mươi galông đều chứa đầy nhiên liệu và gần một trăm thùng loại này phải được bơm vào máy bay bằng một máy bơm xách tay loại nhỏ. Công việc như thế cũng tốn rất nhiều thời giờ. David định gọi cho FrankCox một lời nhắn là phải ở lại hơi lâu thì không đoàn trưởng trở lui và đến gặp David, chàng đang cùng đoàn phi hành đang làm việc. Cox nói:

- Chúng ta sẽ ở lại một hai ngày , Nigger ạ!

Có trời giúp

- David buột miệng nói

- Tôi định nói với anh là chúng tôi không thể cất cánh trước tối nay, với chiếc bơm chết tiệt và những thùng phuy quý quái này!

Thôi thì cứ từ từ mà làm. Hôm nay thì không thể đi được nữa rồi! Nữ hoàng, Quận công và thiếu tá Macmahon đã dời nhà vào tư thất của ông Quận trưởng rồi. Tôi vừa mới sắp đặt chỗ ở cho bốn người đàn bà trong một chòi trống. Anh, tôi Ryder và bác sĩ Mitchison vào nhà ăn thôi. Mấy người còn lại đến ở với các bạn trong Không lực Hoàng gia Úc.

Chàng phi công đứng yên lặng một lúc vì đang điều khiển biết bao công việc và việc nào cũng cần sự chính xác. Chiếc máy bay ở tình trạng tốt và mọi thứ đã được điều chỉnh xong. David nói:

- Chúng tôi phải chỉnh bao nhiêu là đồng hồ báo hiệu. Phải làm cho nhanh. Còn tám tiếng đồng hồ nữa là chúng tôi phải có mặt ở Canberra. Trời ơi, nếu để Nữ hoàng tới trễ, thế nào cũng có một châu la mắng!

Tôi biết. Tôi đang lo về chuyện đó mà!

Khẩu phần ăn thì sao?

Cơ trưởng hỏi

- Có mười sáu, không phải, mười bảy anh em. Phải gấp đôi người da trắng lên. Như vậy có đủ đồ ăn không? Vị sĩ quan phụ trách ở đây, trung úy phi hành Vary bảo rằng đủ. Họ có để dành đồ hộp nhiều. David gật đầu. Đảo Christmas cũng giống như một địa điểm tiếp liên xa vời ở đây nhiều phi hành đoàn bị kẹt nhiều tuần với chiếc máy bay có vấn đề, hoặc đây là nơi những hoạt động chiến lược thành công mang đến những kíp bay. David nói:

- Theo tôi, chúng ta nên đem theo tất cả thực phẩm trên máy bay gửi đến nhà ông Quận trưởng. Những thứ ấy tốt hơn những đồ ăn khẩu phần của Không lực Hoàng gia Úc.

David nhìn ông không đoàn trưởng hỏi:

- Có chuyện gì vậy? Tại sao chúng ta lại dừng ở đây?

Tôi cũng không rõ

- Frank Cox lưỡng lự một chút rồi mới nói Trong lúc này Nữ hoàng đang chịu đựng một số phận oái ăm khó vượt qua. Tôi nghĩ, Ngài cần thời gian nghỉ ngơi và suy nghĩ ở đâu Ngài không cần gặp người ta và ở đâu Ngài phải luôn luôn có thái độ. Ngay khi Ngài đến đây là ngài muốn ở lại liền. Trong vòng một khắc, tất cả mọi người trong đám tùy tùng đều biết chương trình thay đổi. Hầu hết bọn họ rất mừng được thư giãn trong hai ngày tắm biển và phơi nắng trên một hòn đảo của biển Thái bình. Những người vui nhất có lẽ là toán không lực biệt phái ở trên đảo Christmas, những người mà suốt chín tháng trời phải ở trên đảo Christmas thường xuyên, đã năm tháng rồi chưa có một bóng máy bay đến trừ chiếc oanh tạc cơ huấn luyện đã ở lại một đêm trên đường băng. Họ đã chán cả tắm biển, chán cả đá bóng, chán cả chơi lô-tô. Giờ đây họ bu quanh chiếc Ceres, xem xét, sờ mó, ngửi. Họ không biết cách nào làm cho vừa lòng khách, những khuôn mặt mới, những giọng nói mới.

David cũng mới quen trung úy phi công Vary, một bộ mặt trẻ, tươi tắn, quanh quẩn đời mình trên đảo, chỉ mong sao có ngày trở lại bay. Anh ta sắp xếp cho phi hành đoàn của mình có chỗ ở, ra lệnh

cho bốn người đàn bà phụ trách com nước cho sĩ quan trong một nhà ăn nhỏ, làm cho sĩ quan thì sướng mà binh sĩ lại rất bất mãn rõ rệt. Hai bên gặp nhau lần đầu trong giờ ăn trưa, hai giờ sau khi đáp xuống, những người khách chỉ muốn đi ngủ thôi và sau khi ăn là rút lui vào giường êm thắm để ngủ một giấc và tránh được cái nóng ban ngày.

Một giờ sau, trước khi mặt trời lặn, cơ trưởng mới thức dậy và trở lại đời sống bình thường, mặc vào một bộ đồ mỏng sạch sẽ, và bước vào phòng ăn nhỏ. Anh ta gặp ngay trung úy Vary đang hỏi ý kiến anh chàng nấu bếp Filipino, để chế biến làm sao cho bữa ăn tối thật ngon cho đoàn tùy tùng hoàng gia. Đó là một bài tập có thể làm nản lòng một tay nấu ăn giỏi hơn Vary, nhưng anh ta vẫn cố gắng miệt mài với cả nhiệt tình:

- Tôi nghĩ là chúng ta bắt đầu món tôm luộc với xốt chua ngọt.

Vary nói:

- Chúng ta có món tôm đóng hộp, cà chua hộp và ít rau diếp tươi. Chúng ta làm thịt hai con gà làm món ăn chính, có đậu hộp và khoai lang. Sau đó Aguinaldo rất sở trường về món kem tráng miệng với dừa non và dầu bạc hà.

Cơ trưởng nói:

- Đừng quá lo lắng và tốn kém vì chúng tôi. Các bạn thường ngày ăn gì thì chúng tôi ăn nấy.

Anh chàng có hơi thất vọng:

- Có nhiều khê gì đâu! Tôi cũng cố thử sức một lần xem sao! Không phải lúc nàp cũng thấy được một cô gái như Gillian Foster trong phòng ăn đâu nhé! Các bạn có biết cô ta đến từ Shepparton nơi có nhà ga, còn tôi thì từ đồi Thiên nga, chỉ cách đó một trăm hai mươi dặm, chính nơi nàng cư ngụ. Thế có phải là một sự trùng hợp, chứ còn gì nữa!

Rõ ràng là anh ta vui quá nên cố làm một buổi ăn tối thật ngon, nên David chẳng nói gì sợ làm cản trở dự định của anh ta, mà chỉ khen mà thôi.

Họ có rất nhiều đèn lồng Trung quốc để trong kho và chỉ mang ra vào dịp Giáng sinh. Vary nói:

- Giáng sinh năm ngoái tôi không có mặt ở đây, nhưng tôi đã được xem rồi! Các bạn có thích xem không?

Rosemary đi vào nhà ăn cùng với Gillian Foster và hai người đang nói chuyện về những chiếc đèn lồng ấy và quyết định lấy một cái để che cái bóng đèn ở cuối đoạn dây điện đang lắc lư trên chiếc bàn. Người nữ tiếp viên bỏ đến nhà ông Quận trưởng xem thử có việc gì để làm. Lúc ấy mặt trời đã chìm xuống chân trời, David và Rosemary mới thả bộ dọc theo bờ biển đến đầu bãi tắm. Hai người cười với nhau về ông Vary.

Nàng nói:

- Anh ấy xem bữa ăn tối này quan trọng quá nhỉ! Chúng ta phải tỏ ra là rất vừa ý về bữa ăn đó. Sao anh ấy cứ bần khoản mãi thế nhỉ?

David trả lời:

- Anh ta đang cảm thấy hạnh phúc lắm! Anh biết tâm trạng ấy rồi! Có một lần anh đã ở sáu tháng trên đảo dừa Keeling, nhưng ở đây tệ hơn. Anh không bao giờ muốn có một công việc như thế này nữa đâu.

Hai người thả bộ chậm chậm qua các rặng cây đuôi ngựa, cảnh cây đang quét trên mặt cát của bờ đầm. Đầm có hình vuông, san hô từ đất liền chạy ra về hướng Bắc và hướng Nam, bị vùi trong cát và những rặng dừa, làm thành lối vào đầm quay về hướng Tây ở khoảng trống chỗ vào có một hòn đảo san hô nhỏ.

David nói:

- Đó là đảo Cook. Thuyền trưởng Cook khám phá ra nơi này vào buổi tối Giáng sinh, do đó người ta mới gọi là đảo Christmas. Em cứ nhìn vào vùng đất ở mỗi bên của lối vào. Phần phía Bắc gọi là Luân Đôn và phần phía Nam gọi là Paris.

Ai đã gọi như thế, anh Nigger?

Anh cũng không rõ, họ luôn gọi Luân đôn và Paris. Có người nào đó đã ở đây lâu đời rồi!

Nàng nói:

- Aét hẳn ông ấy rất cô đơn Dĩ nhiên rồi! Dầu sao bây giờ cũng đã có đường băng. Trước đây, ở đây làm gì có người!

Hai người tiếp tục đi và giờ này đã thấy căn nhà của Quận trưởng. Đi ngược với họ có hai người khác, dắt tay nhau. Người đàn ông cao, dáng thon thả, tóc hoa râm. Người đàn bà hơi thấp, người hơi đầy, tuổi trung niên; cả hai người mặc đồ trắng mỏng.

David nói:

- Em nhìn kia, chúng ta có nên rút lui chẵng?

Rosemary nói:

- Không nên. Cứ đi qua tự nhiên, anh Nigger ạ!

Nữ hoàng dừng lại khi hai người tiến đến và nói:

- Chào cơ trưởng. Chào em Long. Đây cũng đẹp chứ nhỉ?

Thưa Ngài, dễ thương thôi! :

Cô gái trả lời Chàng phi công cười:

- Tôi vừa mới giải thích cho Rosemary về Luân Đôn và Paris, thưa Ngài! :

Chàng nói Luân Đôn và Paris?

Anh ta giải thích hai từ ấy và Nữ hoàng cười:

- Thật vô lý!

Sau đó Nữ hoàng hỏi về nơi ăn chốn ở Tôi mong mọi người được thoải mái

- Nữ hoàng nói tiếp :

- Tôi nghĩ là chẳng mấy thuận tiện về chỗ ở. Dĩ nhiên, chúng tôi thì không. Chúng ta có được một căn nhà nhỏ rất dễ thương Rosemary nói:

- Thưa Ngài, con nghĩ mọi người đều rất vui. Bất cứ người nào con nói chuyện đều rất thích thú.

David nói:

- Không lực Hoàng gia Úc cũng hết sức mãn nguyện.

Tôi cũng rất vui. Giá mà chúng tôi được xem thêm nhiều thứ trên đảo nhỏ này. Tôi không nghĩ rằng có ai trong gia đình tôi đã đến đây bao giờ, ngay cả khi nó thuộc về Anh quốc.

Rosemary hỏi:

- Thế nó thuộc nước Úc lúc nào vậy? Con vẫn cứ đinh ninh ngày hôm qua nó vẫn thuộc nước Anh.

Nữ hoàng nói:

- Năm 1961, chín năm sau khi ta lên ngôi. Chúng ta đã chuyển giao quần đảo Line cho Úc năm 1961. Đây là một sự sắp xếp hết sức tế nhị :

- Dừng một chút, Nữ hoàng hỏi :

- Hai bạn có ai chơi được quần vợt?

Rosemary ngần ngại trả lời:

- Con chơi được nhưng dở lắm!

Chàng phi công lại nói:

- Dạ, tôi chỉ chơi cho vui thôi!

Nữ hoàng trả lời:

- Ta hy vọng hai bạn chơi hay hơn hai chúng ta. Ta tìm được bốn cái vợt này trong căn nhà ấy. Có hai cái bị đứt dây chúng không được căng lắm. Có lẽ vì khí hậu. Chiều nay hai bạn nhớ đến thử một hai ván chơi nhé!

Thưa Ngài, vâng :

- Rosemary trả lời Oà thế thì còn gì bằng. Nhớ bốn giờ rưỡi nhé! Như thế chúng ta sẽ chơi được một tiếng rưỡi trước khi mặt trời lặn. Ta cũng nhớ mỗi người phải lo tập thể dục hàng ngày, khi ở vùng nhiệt đới. Nhưng khó mà làm được điều đó.

Họ chia tay nhau, Nữ hoàng và Quận công đi về hướng khác. David và Rosemary lại sóng bước trong im lặng. Cuối cùng Rosemary nói:

- Nữ hoàng là một phụ nữ tuy nhỏ người, nhưng đầy lòng nhân đạo. Thật không may khi ngài lại nhận một trách vụ như thế!

Trời vừa tối, hai người đã trở về nhà ăn. Bữa ăn tối đã chuẩn bị lúc bảy giờ để cô Gillian Foster có thể qua giúp dọn ăn ở nhà Quận trưởng vào lúc tám giờ. Bữa ăn trong nhà ăn thật vui vẻ, nào là rượu xê

Ri Uùc, rượu chát của Uùc. Dưới ánh trăng sáng của đèn lồng Trung Quốc, những đĩa dày và dao

muỗng nĩa trông rất thanh nhã, và món tôm thú ăn với sốt chua ngọt do đầu bếp Filipino làm rất ngon, có lẽ bỏ nhiều gia vị quá để át mùi đồ hộp. Rosemary không mấy thích tôm sủ, nên chẳng ăn con nào. Họ đã nâng ly để chúc sức khoẻ Nữ hoàng, có lẽ vì lòng thương mến hơn là xã giao như trong các nhà ăn. Sau đó Frank Cox cũng chúc sức khoẻ ông bếp trưởng vì đã cho một bữa ăn tối ngon miệng. Sau khi ăn xong, chẳng có việc gì phải làm trừ ra ngồi ngoài hiên nói chuyện, nhìn mông ra ngoài đầm dưới ánh trăng sáng. Ai cũng đã mệt nhoài sau một ngày dài bay từ Ottawa, lần lượt từng người một xin lỗi và chuồn êm. Đến chín giờ rưỡi David mới đi ngủ.

Vào khoảng nửa đêm, cơ trưởng đã trải qua một giấc mơ hãi hùng. Anh ta thấy mình sắp chết, hình như anh ta đang nằm trên một chiếc giường trong một căn phòng tối, anh ta rất lạnh và đồng thời toát mồ hôi. Anh ta đau như cắt ở phần bụng, đôi chân hình như bị tê liệt và mọi thứ quanh anh đều hôi thối, cơ thể hôi thối vì mồ hôi hôi thối, giường nằm hôi thối vì vải trải giường bẩn thỉu, và trong miệng và mũi có mùi gì kì quặc và ghê tởm. Anh ta biết rằng đầu sao cái mùi kinh tởm ấy cũng làm nhẹ cơn đau và anh ta vùng vẫy một cách yếu ớt để cử động đôi tay để cho mùi ấy tái tục nhưng các cơ bắp không nhúc nhích được nữa. Anh ta hiểu rằng chất cay của rượu huyết ki đốt cháy cổ họng cũng làm giảm cơn đau và dịu đi mùi hôi thối quá mức đang bủa vây chỗ anh ta nằm và anh ta cố vùng vẫy để xin cho được huyết ki nhưng tứ bề yên lặng vì thực tế anh ta đã chết.

Có một người đàn ông ngồi cạnh giường, đang nắm bàn tay anh ta và người đàn ông này mất trí nhớ. Bàn tay ông ấy nóng ran như cái lạnh lẽo của David, và cả hai người đang đổ mồ hôi như tắm khiến người ta liên tưởng hai người đang dầm tay dưới nước. Người đàn ông này cũng bệnh hoạn, trí óc đang phiêu du đâu đó, ông ta là một mục sư, một người bạn thân thiết đã kiếm được giường cho người bạn đau tai nằm, nhưng ông ta không còn nhớ gì nữa và đang lang thang trong thế giới đầy thiên thần của thiên đàng.

Ồu đậy cũng có một người đàn bà, một Xơ của bệnh viện nhưng không thể làm gì để làm giảm cơn đau của ông ta vì cá sấu đã nuốt chửng cái xích cứu thương của cô y tá và do đó cô ta phải đi ngủ. Cô ta ngồi ở bàn, đầu tựa trên cánh tay mà ngủ và người bệnh được bỏ lại cho một mục sư bệnh hoạn trong đêm tối. Nơi mà ông ta ở là một căn nhà xiêu vẹo, hay một chòi tranh thì đúng hơn, nằm trên nông đất bao quanh là nước lũ và các loài thú vật đã tập trung về đây, con thì nhảy, con thì bò, con thì chạy về mảnh đất nhỏ bé ấy trong đêm tối giữa cảnh lụt lội này. Chúng đã đến vì sự chết chóc là một điều hết sức bí mật và những con vật cũng tò mò về cái chết của ông ta. Chúng đã tập họp ở đây, thành một vòng tròn quanh nhà trong ánh trăng có khi bị gián đoạn vì bị mây che, và càng lúc chúng càng tiến sát vào vì chẳng có ai ngoài vị mục sư nửa tỉnh nửa mê trong căn nhà ấy và chúng cũng chẳng sợ gì ông ta. Hiện tại, nếu ông ta đã chết, chúng sẽ vào phòng xem ông ta chết, ông ta phải biết cái giây phút chúng vào phòng và phải biết mỗi lúc bầy súc vật càng tiến gần hơn. Con đau đang vò xé ông ta.

Thú vật cũng đúng thôi. Bạn bè thân thiết đôi khi cũng đúng thôi. Họ không bao giờ làm bạn tổn thương, trừ phi bạn tấn công họ. Hai trăm ba mươi con ngựa ở trại Wonamboola mà bạn làm chủ, những con vật câm ấy không bao giờ gọi bạn là thằng say xỉn, trừ khi chúng quá sợ, trở nên điên khùng đối với bạn, làm bạn chấn thương mà chẳng cần biết tại sao. Anh ta cũng chẳng ngại thú vật, vẫn để cho chúng vào phòng để nhìn anh ta chết nếu chúng muốn. Càng sớm càng tốt. Một lần nữa cơ thể của anh lại oằn đi vì cơn đau thắt ruột.

Trong đêm tối, chỉ còn một đốm sáng, như một gã nào đó đang cầm cái đĩa có đoạn nhỏ đèn cây còn lại trên đó, miệng đĩa cao che khuất đèn cây và ngọn lửa, chỉ còn thấy ánh sáng hồng le lói tỏa ra. Và trong ánh sáng hồng ấy có một bộ mặt, vàng bệch, nhăn nheo, bộ mặt của một ông già tàu trôi nổi trong không khí trước mắt ông ta. Bộ mặt ấy đã từng trôi nổi trước mắt ông ta trong đêm đen, đôi môi lay động và lời nói phát ra:

- Anh hút một điếu nhé, anh Stevie?.

Lời nói đầu sao vẫn làm ông nhẹ nhõm. Ông ta cố đáp to nhưng không có âm thanh. Ông lại nhìn đôi mắt khản khoản và khuôn mặt ấy nói:

- Được thôi, mình sẽ cho bạn hút.

Sau đây là một khoảng lặng, rồi những động tác quen thuộc xảy ra rất gần với ông ta hứa hẹn cơn đau sẽ nhẹ đi, một lần nữa, cả trong miệng ông và trên sống mũi. Giờ này thì ông có thể thư giãn, không còn thấy đau đớn, có thể trở về với cơn mơ, với nước Anh, với Ratmalana, với phi trường Fairbairn ở Canberra, đi qua tất cả thế giới, tới lui như con thoi, có chỗ theo cả Nữ hoàng. Đảo Christmas ở giữa biển Thái bình và đang yêu.

Đảo Christmas. Cơn đau nhói mạnh như một cú đấm làm anh ta mở bừng mắt, rên rỉ, kêu la trong cơn đau. Anh ta đang ở trong một căn phòng lạ mà anh ta chưa nhận ra, nhưng khác với chòi tranh ở nơi lặt lội, lại có ánh sáng trắng trong phòng và ánh sáng của ngọn đèn điện dưới cửa. Qua bức vách mỏng, anh ta nghe giọng ai nói Có một người nữa đang bị đau đây này. Ai ngủ ở đây nhỉ?

Có tiếng của Rosemary trả lời

Chỉ huy trưởng Anderson đấy!

Cửa mở và người ta bật đèn lên. Chàng ta ngồi dậy trên giường, bụng vẫn còn quặn đau. Bác sĩ Mitchison trong bộ đồ ngủ đứng ở cửa, có Rosemary mặc áo khoát ngoài đứng ở đằng sau. Bác sĩ nói:

- Anh thấy đã khỏe chưa?

Cơ trưởng trả lời:

- Còn đau nhiều lắm Rán ở đó vài phút, tôi sẽ kiếm cho anh một ít thuốc.

Bác sĩ biến mất sau hành lang, còn lại Rosemary đứng trên lối đi nhìn chàng, nàng đang cười. Ngay cả khi đau đớn, chàng vẫn nghĩ là nàng thật quyến rũ trong bộ áo khoác. Chàng hỏi:

- Có chuyện gì thế?

Nàng nói:

- Do món tôm đấy, anh Nigger ạ! Ai cũng bị đau trừ em, vì em không ăn con nào. Aét hẳn là do hộp thiếc mà ra!

Chàng liếm môi để làm sạch mùi hôi còn trên miệng. Chàng thì thầm:

- Anh đã mơ một giấc mơ kinh khủng Về cái gì?

Anh cũng không rõ, anh nằm hấp hối trong một lều tranh với một mục sư bệnh hoạn và cá sấu đã ăn hết các loại thuốc chữa bệnh.

Vị bác sĩ đã trở lui mang theo nửa bình nước với chất bột trắng trắng trong ấy. Ông ta khuấy lên với cái tay cầm của bàn chải đánh răng. Bác sĩ nói:

- Uống đi. Nếu còn đau, đến tôi ngay tôi sẽ cho uống thêm một ít nữa.

Viên phi công cầm lấy hỏi:

- Thứ gì thế này?

Diazentothene. Nếu anh uống nhiều vào, anh sẽ khỏe thôi.

Chàng uống xong đưa lại cho bác sĩ. Ông ta vội vã đi thăm người bệnh khác. David nói với

Rosemary:

- Em nói ai cũng bị như anh phải không?

Người nào có ăn tôm. Đó là chất độc do vi khuẩn tạo ra trong thịt thối. Ông Vary và cô Turnbull bị nặng nhất, anh Nigger ạ!

Cơn ói chột đến và Nigger chạy ra khỏi giường. Anh ta nói:

- Anh cũng bị nữa đây. Xin lỗi, anh phải chạy cho kịp.

Đêm ấy không có ai trong cư xá sĩ quan được yên giấc, trừ Rosemary, khi mọi việc đã kiểm tra xong, một hai giờ sau là cô đi ngủ. Một số người da trắng, bị cơn bệnh vật vã, từng người bò ra ngoài hàng hiên sớm hôm sau khi những phòng ngủ quá nóng không thể ngủ được nữa. Họ ngồi trong ghế bố xếp trong bóng tối để hóng gió với bộ áo quần mỏng manh nhất và bắt đầu cảm thấy khoẻ trở lại.

Rosemary cũng báo những chuyện không may ấy cho Thiếu tá Macmahon ở tư thất ông Quận trưởng, Thiếu tá cũng đã thân hành xuống xem sự thể. Chuyện đã xảy ra rồi, còn làm được gì ngoài việc uống thuốc, để xem công hiệu đến mức nào. Hầu hết đoàn tùy tùng uống thuốc nước

Diazentothene và rượu mạnh trong lúc ăn trưa, có người khoẻ hơn lại còn ăn bánh ngọt pha sữa.

Rosemary chấm dứt bữa ăn trưa bằng món gà ướp lạnh. Sau khi ăn trưa, David đã thấy đỡ nhiều.

Anh ta mặc một bộ đồng phục mỏng mới giặt ủi và đi bằng chiếc xe thùng ra đường băng để kiểm tra chiếc máy bay xem thử mọi việc đã xong chưa? Anh ta trở về phòng ăn lúc bốn giờ và thấy

Rosemary đang ngồi một mình ở hành lang. Cô ta nói:

- Em đã đi lên tư thất của ông Quận trưởng và đã gặp Quận công Philip. Em định xin lỗi vì buổi đầu

quần vợt nhưng ngài nói ngày mai chúng ta sẽ đánh cặp. Em cũng đang lo là anh đã thật sự khoẻ chưa để chúng mình có thể đi tắm biển.

Chàng trả lời:

- Giờ thì anh đã khoẻ nhiều. Anh muốn đi tắm với em.

Hai người thay xong áo quần tắm là xuống biển liền và cùng ngâm mình trong nước ấm trên cát trắng. Có tin đồn là thỉnh thoảng cũng có cá mập, nên hai người không dám lội xa bờ. Ở đầu bãi tắm về hướng Bắc cách hai người một phần tư dặm có ba bốn người trong không lực hoàng gia Uùc biệt phái đang tắm ở chỗ cạn. Cũng khoảng cách chừng đó nhưng về hướng Nam, trước tư thất của ông Quận trưởng, có một ít bóng râm trên bãi nhờ người ta buộc một cái lều ở giữa những hàng cây đuôi ngựa. Trong bóng mát ấy có một người đàn bà trung niên đang cùng chồng ngồi trên ghế bố xếp, cả hai đang mặc đồ tắm. Rõ ràng là họ mới vừa tắm xong, vì khăn tắm đang phơi ở dây buộc lều. Giờ thì họ ngồi với nhau nhìn ra đầm David lộn một vòng dưới nước, nhìn về phía hai người, chàng nói:

- Anh không hiểu hai ông bà đang nói gì?

Nước Anh :

- Rosemary trả lời :

- Em tự hỏi đây có phải là nơi thuận lợi để họ trở về nước Anh không?

Thì đã có gì sai trái đâu!

Nàng quay về phía chàng nói:

- Ý em muốn nói, chỉ nhìn thôi, cũng tình tứ lắm nhỉ?

Nàng nhìn quanh, toàn một màu biển xanh nhấp nháy, cát trắng và từng hàng dừa màu lục đậm vây bọc. Nàng nói tiếp:

- Nơi đây cũng giống như một sân khấu trình diễn. Nước Anh với những đô thị công nghiệp, nào Leeds, Bradford, Newcastle và Birmingham và mỗi nơi đều có sắc thái riêng của nó. Anh có nghĩ rằng, trên hòn đảo Christmas như thế này, họ có thể có những quyết định sáng suốt cho số phận tốt đẹp nhất của mỗi thành phố như Manchester chẳng hạn?

Chàng liếc nhìn nàng, và cái liếc nhìn bị lạc vào màu da trắng nõn và đường cong mềm mại của cơ thể nàng. Chàng tự nhủ phải trở lại đề tài đang thảo luận:

- Không phải Nữ hoàng quyết định cái gì tốt đẹp nhất cho Manchester, mà Ngài đang quyết định cho Liên hiệp Anh. Vấn đề lớn là Liên hiệp Anh, nước Anh chỉ là phần nhỏ :

Chàng dừng một chút rồi nói tiếp :

- Dầu sao Ngài cũng không thể ngồi yên lặng suy tư bất cứ nơi nào khác mà không bị quấy rầy suốt ngày.

Nàng nói:

- Em biết. Sáng nay em đã đến đây và hỏi Thiếu tá có việc gì cần làm, như giặt giũ, là quần áo, hay

một việc nào khác, trong lúc cô Gillian Foster và người phụ việc bị bệnh. Ông ta trả lời là thấy Nữ hoàng chưa cần hoặc không muốn làm phiền ai. Ngài đã ngồi như thế ngoài bãi biển với phu quân suốt cả buổi sáng và có lẽ Ngài cũng ngồi như vậy trong suốt cả buổi chiều nữa.

Chàng nói:

- Một ngày nào đó chúng ta sẽ biết chuyện gì sẽ xảy ra. Giờ này thì hãy quên đi.

Chàng lại nhìn làn da quấy rầy của nàng, giờ này có hồng lên đôi chút:

- Coi chừng bị sạm nắng, nếu em cứ ở mãi ngoài trời như vậy. Ta tìm bóng mát mà tránh nhé!

Nàng nhìn xuống chân tay và nói:

- Chắc em phải bị sạm nắng thôi! Em không quen anh ạ :

Rồi nàng nhìn chàng nói :

- Anh còn đen hơn em nhiều Chàng bình thân trả lời:

- Đúng đấy!

Không phải em muốn nói thế đâu, anh Nigger. Anh cũng bị rám nắng phải không anh?

Chàng nhìn thân thể mình nói:

- Không phải vậy đâu. Có lẽ chỉ hơi tái đi một chút. Xa Uúc đã gần một năm rồi, còn gì! Vào mùa hè bên ấy nếu tắm nhiều, sởi nắng nhiều, da anh đen sạm cơ!

Nàng cười:

- Muốn hay không, anh cũng đã đổi khác rồi đấy! Anh giống như một người Anh mới đi tắm biển hè miền Nam nước Pháp về Chàng trả lời:

- Anh bảo đảm, đây là kiểu rám nắng thường xuyên. Không tróc đi được :

Chàng liếc nhìn nàng nói tiếp :

Giống như mở nắp hộp sô cô la vậy!

Nàng cười:

- Dầu sao, người ta cũng không nghĩ ra cái cảnh anh đau đớn quần quai cách đây mười hai tiếng

Chàng nói:

- Thôi mà! Anh chỉ bị thôi! Anh mà mơ cái gì!

Hai người ngồi xuống trong bóng mát của những thân cây. Nàng nói:

- Anh hãy kể cho em nghe về giấc mơ hôm qua. Chuyện anh sắp chết với một mục sư bệnh hoạn bên cạnh.

Chao ôi! Đó là một giấc mơ kinh khủng :

Chàng nói Có phải anh nằm mơ bình thường của một người đang ngủ không?

Chàng lắc đầu. Nàng lại nói tiếp:

- Hãy kể cho em nghe về vị mục sư bệnh hoạn ấy.

Chàng ngồi yên lặng một lúc, đưa mắt nhìn ra đầm. Cuối cùng chàng nói:

- Nếu nói ra thì có vẻ quê quá nhưng vì anh quá sợ. Anh không biết có nên nói ra nỗi sợ hãi ấy không? Đó là một loại trạng thái khủng khiếp mà anh đã trải qua.

Nàng tò mò nhìn chàng , xúc động bởi lỗi nói quá trịnh trọng của chàng:

- Có thật dễ sợ như vậy chẳng, anh David? :

Chàng gật đầu :

- Thế thì kể cho em nghe đi!

Và chàng kể cho nàng nghe. Cuối cùng nàng nói:

- Giác mơ đến từ kí ức, phải không anh? Những sự việc xảy đến cho anh và thực tế anh đã quên đi.

Và rồi chúng ập đến trong giấc mơ, tất cả đều lộn xộn vô trật tự Chàng nói:

- Anh hiểu đấy chỉ là lời giải thích, nhưng những điều như thế đã bao giờ xảy đến cho anh đâu!

Anh không thể nhớ hết mọi điều có thể là nguồn gốc của giấc mơ của anh. Một phần thôi cũng không nhớ.

Chàng lắc đầu:

- Nhớ gì đâu!

Nàng cười:

- Thế thì em cũng quên luôn giấc mơ ấy luôn Phía bên kia cửa vào hầm, người ta thường gọi là Luân đôn, có một chiếc tàu chạy bằng điêden, dài chừng ba mươi mét xuất hiện. Tàu chạy vào giữa khoảng đất liền và đảo Cook và chạy thẳng vào hầm, chúng tỏ tàu đi biển nhiều, tuy sơn trắng nhưng nước sơn đã cũ, cần sơn lại. Sau đuôi tàu có treo cờ Uùc màu xanh.

Rosemary nói:

- Anh nhìn kia, cái gì đang tiến vào?

David cười:

- Anh cho em đoán ba lần tàu của ai?

Nàng đáp:

- Ông Quận trưởng từ đảo Fanning Chàng gật đầu:

- Có lẽ đúng. Chuyện này chưa bao giờ xảy ra trong khu vực của ông ta kiểm soát và cũng chẳng muốn có lần thứ hai Aét hẳn ông ta cũng giật mình khi nghe Nữ hoàng và Quận công đến ở nhà ông ta trên đảo Christmas, cách xa cả một trăm tám mươi dặm mà ông ta không có mặt ở đó để nghênh đón và bệ kiến.

Có lẽ là ông ta nghĩ rằng đó chẳng qua là một âm mưu thâm hiểm làm cho ông ta bị hổ đối với một vị tước hầu.

Chiếc tàu khi vào hầm, chạy chậm lại, các thủy thủ mặc đồ nâu xuất hiện trên bong, bắt đầu thả neo.

Rosemary nhìn rồi nói:

- Anh David nhìn kia!

Nàng cầm tay chàng, cái cầm tay làm chàng xúc động. Chàng nhìn xuống cánh tay nàng và nhìn ngược trở lên xem thử điều gì đã làm cho nàng vui như thế. Ba người đàn ông da trắng mặc vét mỏng loại thích hợp cho khí hậu nhiệt đới xuất hiện trên bong và hai người đàn bà da trắng cũng mặc trịnh trọng như vậy, đội nón Ascot rộng vành, mang găng tay, sẵn sàng lên bờ xin bệ kiến Nữ hoàng.

Nàng nói:

- Ông ta đem theo vợ và các người phụ tá :

Trong lời nói có vẻ bực mình :

- Anh David này :

Cả một nơi như thế này, Ngài cũng không được sống giản dị, ngay chỉ trong một ngày.

Chàng trả lời:

- Họ sẽ không thể quấy rầy Ngài nhiều được đâu! Họ phải ở lại trên thuyền, phải không?

Anh xem kia, họ đang thả xuống xuống :

Nàng buồn bã nói :

- Tất cả bọn họ sẽ lên bờ. Ngài không thể ngồi trong ghé bố xếp, mặc áo quần tắm mà để cho họ vấn an sức khoẻ được. Cả hai nhìn lên bãi nhưng ghé chẳng thấy ai ngồi, chắc là đã đi vào nhà. Nàng giận dữ nói:

- Sao lại có loại người điên đến thế! Không cho Ngài được rảnh rang.

Hai người ngồi yên lặng dưới bóng râm của hàng cây đuôi ngựa và nhìn thấy chiếc thuyền chèo cập sát bờ đến chiếc cầu tàu nhỏ phía trước nhà của Quận trưởng, trên thuyền có đàn ông lẫn đàn bà, các bà trang phục đầm rất đẹp. Thiếu tá Macmahon từ nhà đi xuống cầu tàu đón phái đoàn và đứng nói chuyện với họ, trong lúc Rosemary như sự tĩnh, nhớ ra nhiệm vụ của nàng nói:

- Ôi trời! Em phải có mặt ở đây để ngăn những người đàn bà kia khỏi gặp mặt Nữ hoàng.

Nàng cầm khăn tắm chạy biến vào phòng ăn của không lực Hoàng gia Uúc. David ngồi ở bãi biển được vài phút, nhìn đoàn người rời cầu tàu đến nhà ông Quận trưởng. Sau đấy, chàng cũng từ từ đi về phía trại. Chàng đi qua mặt Rosemary, thấy nàng ăn mặc lịch sự và đang vội vã đi làm phận sự.

Chiều hôm ấy, trước giờ ăn tối, lúc David đang còn ngồi ở hàng hiên nhắm nháp ly cà chua trong lúc người khác uống rượu Gin, thì Frank Cox đi vào phòng ăn và gọi tên anh ta:

- Chúng ta sẽ tiếp tục bay vào ngày mai, Nigger. Nhớ cất cánh vào lúc chín giờ nhé!

Đi Canberra?

Đúng. Mọi người sẵn sàng bay vào ngày mai chứ?

Vâng ạ! Tôi đoán Nữ hoàng muốn bay thẳng đến Tharwa?

Đúng vậy. Ôu đây cũng hơi khó khăn, giờ này họ mới cảm thấy như vậy. Thật ra chẳng đủ chỗ ở cho tất cả chúng ta.

Thế họ không ngủ được trên con thuyền chết tiệt của họ hay sao?

Ườ, thì cũng được đấy, nhưng tôi thấy có vẻ thô sơ quá. Dầu sao, Nữ hoàng muốn đi tiếp. Ngài muốn giam mình ở Tharwa và chẳng tiếp một ai. Ôu đây chẳng có một sự sắp xếp hay bố trí nào bảo đảm cho sự biệt lập của Ngài Viên phi công gặt đầu:

- Thế Rosemary đang làm gì?

Cô ta đang hướng dẫn những người đàn bà quanh quanh đầu đấy, chốc nữa sẽ đi theo họ và ông Macmahon xuống thuyền. Họ sẽ ăn tối trên thuyền Họ lên bờ mà không ai ý kiến gì sao?

Thì họ được phép đến chín giờ.

David gặt đầu:

- Tôi sẽ đi tìm cô ấy. Giờ đó mà trở về thì hơi tối nhất là đi qua rừng cây một mình Sau khi ăn tối, chàng thả bộ xuống cầu tàu và ngồi trên cọc buộc thuyền trong bóng tối. Vàng trắng mới mọc làm cho bầu trời sáng lên. Đèn trên thuyền chiếu sáng mặt đầm và trên mặt nước yên lặng, chàng còn nghe được tiếng nói cười vọng lại. Đằng sau lưng chàng, trong tư thất của ông Quận trưởng giờ này chẳng còn đèn đóm gì cả, trừ một ngọn trong nhà bếp nằm ở sau. Chàng không thấy được những ghế bố xếp trong bóng tối nhưng chàng cũng đoán là đã có người ngồi.

Ngay lúc ấy, trong lúc chàng chờ đợi, có tiếng bước chân trên cầu tàu sau lưng chàng và chàng đứng ngay dậy. Trăng chưa lên hẳn, nhưng trong ánh sáng mờ nhạt, chàng thấy Quận công và Nữ hoàng.

Nữ hoàng hỏi:

- Chỉ huy trưởng Anderson đấy à?

Thưa Ngài, vâng. Tôi đang đợi cô Long để đưa cô ấy về nhà.

Anh chu đáo quá! Rất tiếc về chuyện bữa tối. Anh nay đã khoẻ hẳn chưa?

Chàng cười:

- Dạ khoẻ. Cũng nhờ bác sĩ Mitchison. Ngay cả ông ấy cũng bị.

Nữ hoàng nói:

- Nghe như thế ta cũng lo lắm, vì đồ hộp là do em chở tới bằng máy bay. Biết đâu trong đồ ăn của ta cũng có món tôm.

Anh ta lúng túng trả lời:

- Không can gì đâu, thưa Ngài.

Cả ba người đứng nhìn ra phía đầm khi trăng đã lên cao. Nữ hoàng nói:

- Đây cũng là nơi đáng yêu. Được đến đây như thế này ta cũng thấy vui lòng. Mong sao có một ngày nào đó lại đến nữa Viên phi công nói:

- Đây là nơi tiếp tế nhiên liệu tốt nhất giữa Canada và Uúc Nữ hoàng quay về phía phu quân:

- Có lẽ chúng ta cũng nên xây một căn nhà nhỏ của riêng mình, nếu chúng ta đến đây thường xuyên một căn phòng nhỏ với hai phòng ngủ nơi chẳng ồn ào náo nhiệt Quận công nói:

- Anh nghĩ chắc cũng không khó, em nhỉ?

Trên thuyền có tiếng nói lao xao và rồi ánh đèn dọi xuống thang phía dưới có chiếc thuyền nhỏ đậu sẵn. Thiếu tá Macmahon và Rosemary bước xuống thuyền nhỏ và chốc sau có tiếng mái chèo rập ràng khua nước.

Họ đến rồi kia!

- Nữ hoàng nói, quay về phía David :

- Ta rất tiếc đã không thể thực hiện được cuộc chơi quần vợt với hai bạn. Ta vẫn mong có một chiều nào đó ở Tharwa, em đem cô Long đến dùng tối với ta và ngài Quận công, có được chăng?

Xin cảm ơn Ngài :

- David nói :

- Chắc cô ấy cũng không phụ lời mời của Ngài đâu!

Nữ hoàng lại nói:

- Hôm nay cô ấy đã giúp ta nhiều lắm đấy! Đến Tharwa rồi ta sẽ cho biết chiều nào nhé. Chúc ngủ ngon, cơ trưởng.

Chúc Ngài ngủ ngon.

Hai người đi khuất vào bóng tối của hàng cây đuôi ngựa, David đứng lại chờ thuyền. Giờ này chàng đang đi bộ dọc theo bãi biển cùng Rosemary, chàng hỏi:

- Bữa tiệc trên tàu thế nào em?

Cũng được anh ạ! :

Nàng trả lời :

- Họ cũng dễ thương nhưng dĩ nhiên là họ không thể hiểu được rằng đôi lúc Nữ hoàng cũng cần phải thư giãn và làm những việc không cần thiết như người thường vậy, cũng như Ngài thích gì làm nấy. Dĩ nhiên, Ngài hết sức nhân từ đối với họ, mà tính Ngài luôn luôn vậy. Và họ cũng rất xúc động khi gặp được Ngài :

Nghỉ một lúc nàng lại nói tiếp :

- Con người ta ở đời không thể giữ mãi thói hư tật xấu. Đó chẳng qua chỉ vì hoàn cảnh mà thôi.

Chàng nhìn nàng khi hai người sánh bước bên nhau dưới ánh trăng Anh không tin lúc nào em cũng xấu nét tất :

Chàng ta nói Nàng trả lời:

- Anh sai rồi đấy. Khi còn bé, tính nết em đáng ghét lắm, cho mãi đến bây giờ vẫn còn.

Hai người yên lặng đi bên nhau men theo bãi biển. Một lúc sau chàng nói:

- Nữ hoàng muốn mời chúng ta chơi quần vợt vào chiều nào đó khi đến Tharwa.

Nữ hoàng mời? Anh gặp Ngài lúc nào?

Mới đây thôi, trong lúc anh đang chờ em lên bờ. Ngài đi với Quận công ra cầu tàu.

Ngài muốn nói cả hai chúng ta cùng đi sao?

Đúng vậy. Quần vọt và ăn tối.

Cô gái ngạc nhiên nói:

- Nhưng Ngài chưa biết tên em. Ở đây, thì được thôi, nhưng ở Tharwa, lại khác, giống như ở hoàng cung.

Chàng lại nói:

- Ngài bảo là em đã giúp Ngài nhiều hôm nay, nên cứ để cho Ngài mời để có dịp trả ơn.

Em hiểu. Đây chỉ là công việc em làm quen thường ngày. Không bao giờ em cho đó là công việc xứng đáng ở Luân đôn.

Chàng cười:

- Thì anh cũng nghĩ thế. Anh không biết là dì Phoebe ở Chillagoe sẽ nói gì khi dì biết rằng anh đã ăn tối với Nữ hoàng. Có lẽ dì cũng hy vọng được đề bạt lên làm ở quầy rượu hoàng gia.

Nàng dừng lại để tay lên tay chàng nói:

- Em không thích nghe anh nói như thế, anh David ạ! Dì ấy là em mẹ anh, tuy dì ấy cũng đã già rồi, đen trắng hay lai không đáng kể. Nhưng dầu sao dì ấy cũng không phải là thước đo thành quả của anh. So với số đông, anh vào đời cũng chưa may mắn lắm, và anh cũng cố gắng vươn lên đến đỉnh cao, khi quê hương anh tạo cho anh cơ hội tốt nhất để được phục vụ Nữ hoàng. Nếu Nữ hoàng muốn mời anh ăn tối, là Ngài muốn tìm hiểu anh thêm, ngoài thành quả anh đã đạt được. Theo em, anh cũng đừng nên xem thường bữa ăn ấy Chàng quay lại đối diện với nàng, để nguyên đôi bàn tay nàng trong tay chàng và nói:

- Em này, đã đến lúc chúng ta nói với nhau khá nhiều điều.

Nàng ngược đôi mắt lên phía chàng hỏi:

- Những điều gì, anh David?

Anh muốn giải toa? những câu chuyện ẩn ức về câu chuyện màu da :

Chàng trả lời :

- Anh muốn biết em có bao giờ băn khoăn tự hỏi là một ngày nào đó sẽ kết hôn với anh không?

Nevil Shute

Mùa Mưa

(In The Wet)

Chương 7

Nàng đứng trong ánh sáng trắng chên chéch, nhìn lên mặt chàng và nói:

- Nếu em muốn kết hôn với anh, chỉ vì anh là ai và đang làm gì, thế thôi, anh David ạ. Em chẳng quan tâm đến màu da. Nhưng em chưa được phép kết hôn với ai cả.

Chàng nở nụ cười tinh nghịch:

- Chưa là bao lâu, hả em ?

Nàng nhìn xuống đôi tay đang ở trong tay chàng, buồn bã trả lời:

- Còn lâu, lâu lắm

- Nàng ngừng nói và bỗng nhiên nhìn vào đôi mắt chàng

- Em không muốn gây khó khăn cho anh, David ạ! Em biết anh mến em. Người con gái biết như vậy và lấy làm hãnh diện là có người yêu mến mình. Nhưng đến giờ phút này, em phải nói thật cho anh biết là em không được phép kết hôn , ít ra cũng một thời gian dài nữa. Có lẽ, tốt hơn chúng ta đừng đến với nhau quá nhiều như thế !

Chàng trả lời :

- Anh nghĩ, như thế có tốt gì hơn đâu !

- Cái gì thì em không chắc

Nàng đáp

- Anh phải ráng mà thông cảm cho em , vì em có được phép kết hôn với ai đâu, bất cứ là ai, anh David ạ! Nếu được phép, cơ may đầu tiên mà em chọn ý trung nhân là anh. Nhưng chuyện đó xa vời quá. Cho đến nay, em vẫn đứng nhìn trong dạ, chuyện kết hôn là không tưởng. Chàng vẫn đứng yên nhìn nàng, tay nàng vẫn để trong tay chàng , nhưng chàng cảm thấy lúng túng vì thái độ của nàng.

Cuối cùng chàng cũng hỏi được:

- Anh muốn em nói một cách thành thật cho anh biết đó không phải vì màu da. Và nếu điều đó là sự thật phát ra từ đáy lòng em, thì anh cũng muốn em xác nhận một lần nữa ngay bây giờ, vì điều đó là khẳng định và dứt khoát, để lòng anh được thanh thoi và nhẹ nhõm.

Nàng lắc đầu:

- Không phải màu da Chàng cảm thấy cần nhấn mạnh vào điểm ấy để thăm dò ý nghĩ của nàng trước khi hai người bàn những điểm xa hơn.

- Lấy ví dụ một ngày nào đó em sẽ là vợ anh và chúng ta có một đứa con. Có thể em sẽ sinh ra một bé da đen.

Nàng gật đầu:

- Em đã nghĩ cả rồi! Điều đó không làm em buồn đâu, anh David ạ! Thành thật , em không nghĩ rằng màu da lại xảy đến trong trường hợp này. Như anh thấy, nếu được kết hôn với anh, em nói là nếu được, bởi vì em hãnh diện về anh, bởi vì em yêu anh. Em sẽ được kết hôn với một người đến từ

Không lực Hoàng gia Úc. Em không tin là em quá chú tâm đến màu da hơn anh. Có lẽ em sẽ ưu tư khi phải rời đất nước Anh để đến sống với anh trên đất Úc hơn là nghĩ về một đứa con da đen.

- Nâu thôi

Chàng sửa lại

- Anh đâu có đen gì mấy !

Nàng nghiêm trang nói:

- Nhưng anh có thể bị lai giống.

Nàng nhìn chàng và ý thức được rằng sự sùng sốt của nàng làm chàng phì cười, nên liền nói :

- Điều đó tùy thuộc ở anh

- Ở anh ?

Em cần đọc sách di truyền học, nếu em có ý nghĩ kết hôn với một người lai bốn đời.

Chàng ta nói :

- Chắc là không. Nhưng nếu có, thì phải đọc sách nào hả anh ?

- Một người đàn ông tên là Edward M. East nói, thật ra bạn chỉ có thể có một đứa con da sậm nếu cả hai người cùng chạm phải cây cọ hắc ín

Chàng nói xong nhìn nàng cười trêu ghẹo

- Anh không nghĩ là em đã chạm phải

- Dĩ nhiên là không rồi, kể cả chuyện ấy em cũng chưa biết !

- Đừng lo nếu em kết hôn với anh và chúng ta có con , có lẽ đứa bé sẽ không có màu da sậm hơn anh được. Dĩ nhiên nó phải nhạt hơn Nàng phụ họa:

- Nhưng da anh đâu có sậm gì !

- Có lẽ em đã chạm phải cây cọ hắc ín mà em không biết đấy thôi

Chàng tiếp tục đùa

- Như thế một đứa sẽ đen và sẽ không có đứa con nào đen nữa. Cho dù nuôi một đứa con nuôi cũng vậy.

- Em không ngờ câu chuyện lại đến độ ly kỳ như thế !

Cô nàng nói thêm

- Nhưng anh hãy nói cho em biết, anh David, nếu một sự lai giống không xảy ra vì sao người ta tin vào điều ấy.

- Đối với số đông đàn bà lai một lần trong xứ sở da màu, điều đó đã là một sự mê tín có lợi

Chàng nói

- Nó giải thích vô số trường hợp cần giải thích.

Nghe xong nàng không nhin được cười và nói :

- Trời, anh David. Những điều anh muốn nói là chỉ có thể thôi sao?

- Đúng vậy

Và với điệu bộ trịnh trọng hơn, chàng nói

- Thật đấy, Rosemary ạ! Nếu chúng ta có nhiều con, có lẽ hầu hết bọn chúng sẽ có màu da nhạt, nhưng một hay hai đứa sẽ có màu đậm như anh Rosemary lại cười:

- Anh đi hơi nhanh đấy, Nigger ạ! Chỉ một thôi chứ ! Nhưng em đang nói với anh là sẽ không có đứa nào cả cơ mà !

Chàng kéo nàng lại gần hơn:

- Sao vậy ?

Nàng đứng yên trong vòng tay của chàng, nhìn dải trắng vàng trên mặt nước đầm yên lặng. Nàng nói:

- Nếu em muốn kết hôn với ai, em muốn phải tự mình làm việc, tạo một mái ấm gia đình và sinh con như một phụ nữ bình thường. Em muốn từ bỏ công việc của em ở Hoàng cung để làm công việc nội trợ chứ không thể làm cả hai và đây chưa phải lúc thuận lợi để từ giã công việc đang làm.

- Nếu em muốn kết hôn thì một ngày nào đó em cũng phải từ bỏ thôi

Chàng nói

- Dĩ nhiên là em phải ra một thông báo dài và đứng đắn để cho tìm được một người ưng ý nhất trong số bọn họ Nàng lắc đầu:

- Em đâu có làm vậy!

Hai người đứng yên lặng một lúc. Sau đó nàng quay lại và để tay lên vai chàng.

- Em muốn anh thông cảm cho em nhiều việc, anh nhé !

- Nàng dịu dàng nói

- Em biết anh mến em và có lẽ, em cũng mến anh. Nếu chúng ta không còn nghĩ đến ai khác ngoài chúng ta :

nếu chúng ta hoàn toàn trở nên ích kỷ và xử sự như trên màn ảnh :

chúng ta có lẽ sẽ tiến tới một cảm giác là đang yêu nhau say đắm , và rồi chúng ta sẽ phải cưới nhau hay làm điều gì khác nữa. Em chưa đến lúc phải nghĩ ngợi như thế. Em cũng không thể rời bỏ văn phòng của thiếu tá Macmahon trong giai đoạn như thế này, hay bất cứ lúc nào khi sự việc này chưa chấm dứt, mà theo nhận định của em, có thể kéo dài nhiều năm nữa.

Chàng nói:

- Họ có kiếm người thay thế em. Cũng như anh cũng có thể được thay thế. Không có người nào là không thể thay thế được.

- Em hiểu

Nàng nói

- Điều ấy cũng không thể ngăn em ghét bản thân em nếu như giờ đây em từ bỏ công việc

- Nàng ngẩng đầu lên nói với David

- Em không thể hiểu anh có nhận thức toàn bộ vấn đề đang xảy ra không, anh Nigger? Nữ hoàng đang ở trung tâm điểm của cuộc khủng hoảng hiến pháp loại một. Việc cai trị nước Anh không còn hấp dẫn đến nỗi những người con của Ngài không ai lo chuyện ấy nữa cả, đầu là một người. Đó là chuyện dài và chuyện ngắn của nước Anh.

- Có thật như vậy chăng?

Chàng hỏi Nàng gật đầu :

- Nếu đêm nay Ngài băng hà, sẽ có những sự thoái vị, cái này sau cái kia, và Vương triều nước Anh sẽ đi đến chỗ cáo chung. Mình không thể xử sự với mọi người như cách người ta xử sự với Nữ hoàng. Nếu anh được thấy những điều mà em đã đọc trong công báo ở văn phòng :

Cái cách mà các chính trị gia tép riu, hôi hám đã viết cho Ngài, chẳng coi Ngài là cái gì cả ... Dừng một chút, nàng lại nói tiếp :

- Aét hẳn Ngài đã yêu thương nước Anh vô cùng, nếu không, Ngài đã không bỏ qua một việc như thế. Dường như Ngài không phải là hạng hèn nhất.

Chàng nói:

- Anh không ngờ câu chuyện lại tệ hại đến như vậy.

- Dĩ nhiên là anh không thể ngờ được. Em sẽ không nói chuyện ấy ngay bây giờ, anh Nigger ạ! Chỉ khi nào riêng hai chúng mình thôi! Em muốn anh hiểu cho là tại sao em vẫn chưa nghĩ đến vấn đề kết hôn. Em chỉ là một bánh xe răng trong guồng máy, nhưng em đã hiện diện ở đây ba năm rồi và em đang chạy đều, êm ả. Nếu em bỏ việc, là tạo thêm một sự lo lắng nữa cho hoàng cung. Một điều mà em biết rất rõ là khi em bỏ việc rồi, họ rất lo là em có thể ngồi lê đôi mách và người mới thay thế em có giữ được sự kín đáo không?

- Nàng quay lại nhìn ra mặt đầm phẳng lặng

- Em không thể để chuyện ấy xảy ra. Nếu em bỏ lỡ cơ hội kết hôn với anh, em sẽ ân hận suốt đời và đó mới chính là điều em phải canh cánh bên lòng. Nhưng em không thể không là nhân viên của hoàng gia trong lúc như thế này.

Chàng vuốt mái tóc ngắn, mềm mại phía sau đầu nàng, nói :

- Thế em nghĩ câu chuyện sẽ kéo dài bao lâu ?

Yên lặng một lúc, rồi có tiếng nàng nói :

- Nữ hoàng nhận ra điều gì đó và Ngài đã hành động. Có lẽ thay đổi hiến pháp. Em không biết chắc là điều gì, và Ngài sẽ mất bao lâu để thiết lập Vương triều thành một nhà nước khi hoàng tử Charles bằng lòng kế vị sau khi ngài qua đời. Em không biết chuyện gì sắp xảy ra, cũng như ngài phải mất bao lâu để thành tựu công việc

- Nghỉ một chút, nàng nói tiếp

- Ngài đã có nhiều cuộc thảo luận ở Ottawa với ông Delamain và lãnh đạo của nhóm đối lập, ông Macdonald và với ngài Toàn quyền Canada. Giờ đây em nghĩ là Ngài sẽ đến Canberra cũng để thực hiện những việc như thế. Ngài đã có dự định trong óc và Ngài sẽ thảo luận với các nhà chính trị lão thành khắp cả Liên hiệp Anh. Có sự thay đổi hiến pháp sẽ làm cho đời sống Vương triều dễ thở hơn ở Anh. Em không biết đó là gì, anh David ạ! Nếu em biết, không biết em có được phép nói không, ngay cả với anh.

- Đừng

- David tỏ vẻ suy tư nói

- Nói ít hơn nhiều em ạ !

Nàng cười nhìn chàng:

- Em cần phải nói cho anh biết một điều. Em biết anh nghĩ rằng em không muốn kết hôn với anh vì sợ có con da đen.

- Nâu

Chàng sửa lại

- Không đậm hơn màu da của anh.

Nàng nói :

- Chẳng phải màu nâu mà cũng chẳng phải màu gì cả. Có phải giờ này anh tin tưởng như thế, phải không ?

- Dĩ nhiên

- Vậy thì trong lúc nói chuyện, em phải cố tránh nhắc lại những chuyện ấy. Hãy cố quên chúng đi anh ạ! Nói như thế là giải thích cho anh biết tại sao giờ này mà em chưa kết hôn hay chưa biết đến bao giờ thì kết hôn. Nếu không, em biết anh sẽ có ý nghĩ là đang còn điều gì thắc mắc về anh.

Chàng nói :

- Không đâu

Rồi nhìn vào mặt nàng, chàng vừa cười vừa nói

- Em có biết đây là lần đầu tiên trong đời anh ngỡ lời kết hôn với một cô gái ?

- Thật sao, anh David ?

Chàng gật đầu:

- Trước đây anh chưa bao giờ gặp một người nào mà anh nghĩ là họ không để ý đến màu da của anh. Anh chưa bao giờ có thái độ rõ ràng như đã có được ở em

- Chàng lại vuốt tóc nàng một lần nữa

- Em không cần phải sợ là anh bỏ trốn. Công tác này không thể kéo dài quá một năm. Anh sẽ có mặt ở đây đủ thời gian cho em cảm thấy không còn bị ràng buộc trước khi có quyết định kết hôn.

- Em không bao giờ cảm thấy như thế đâu, anh David ạ !

Giọng chàng trầm xuống:

- Tiếc thật! Nhưng ai cũng nói đó là cơ hội mà mình cần nắm lấy, từ khi chúng mình phục vụ cho một Nữ hoàng.

Chàng cảm thấy đôi tay mình rung nhẹ khi nàng nói:

- Chúng ta nên về đi ngủ, đi anh. Ngày mai anh còn phải bay nhiều!

Chàng nói lòng vòng vòng tay và hai người đứng nhìn cảnh trăng sáng. Chàng nói:

- Em nhìn kia! Chúng ta có mọi thứ trước mắt, nào đảo san hô, nào vàng trắng, nào đầm yên tĩnh : Mọi thứ em cần cho một cảnh yêu đương trên sân khấu. Chúng ta là hai kẻ ngu si đần độn, phải không em ?

Nàng cười lớn và thoát ra khỏi vòng tay chàng. Nàng nói:

- Em chẳng muốn một cảnh yêu đương trên sân khấu. Nếu có được như em đã từng ước ao, thì em chỉ mong là sự thật.

Giờ này hai người dắt tay nhau đi bộ từ từ về trại qua bóng tối của hàng cây đuôi ngựa.

Sáng hôm sau David dậy sớm, chuẩn bị cho chuyến bay đến Canberra. Bảy giờ họ cho chiếc Ceres nổ máy, thử xong họ tắt máy, đổ đầy nhiên liệu rồi ăn sáng. Tám giờ ba mươi , tất cả hành khách bắt đầu tập hợp trên phi đạo. Công việc hơi lâu vì trên đảo chỉ có một chiếc xe hơi. Vào lúc chín giờ Nữ hoàng và Quận công đi xe hơi tới với ông Macmahon. Các ngài nói lời chia tay với vị Quận trưởng, Trung úy Vary và một nhóm nhỏ dân địa phương rồi bước vào phi cơ. Cửa đóng, máy chạy, David lái chiếc Ceres đến cuối đường băng và cất cánh. Mười phút sau đã mờ dần sau màn sương xám ở chân trời sau lưng họ.

Chuyến bay đến Canberra bình yên. Trong suốt chuyến bay David không thấy Nữ hoàng lẫn Quận công. Rosemary có đến buồng lái vài phút nhưng chẳng có gì để xem, ngoài một màu xanh đậm ngút ngàn và biển xám, và hầu hết chuyến bay nàng đã ngủ gà ngủ gật trong ghế. Vào giờ ăn trưa họ đã bay quá hướng Bắc của đảo Fiji và liên lạc vô tuyến với đài kiểm soát không lưu và tiếp tục bay qua một vùng trời chẳng có điện đài gì. Vào lúc ba giờ rưỡi, giờ đảo Christmas, trong phạm vi của đảo Lord Howe, David bắt đầu xuống thấp khi vào bờ biển nước Úc thuộc vùng Newcastle. David được thông báo bằng vô tuyến có một đoàn chiến đấu cơ danh dự nghênh đón, và trước khi đến bờ biển , David liên lạc với phi đội trưởng bằng vô tuyến thì mười hai chiếc phi cơ đã hiện ra, bay mỗi bên chiếc Ceres, sáu chiếc bên phải và sáu chiếc bên trái. Khi bay qua nước Úc họ làm thành chữ V và chiếc Ceres là đỉnh. Khi sắp sửa đến các ngọn đồi của Canberra, chàng từ giã đội bay hộ tống. Mười hai chiếc máy bay tách ra và phóng lên trong bầu trời xanh trong và tạo thành một vòng tròn trên phi trường Fairbairn, cách máy bay của David sáu ngàn bộ, khi chàng làm một vòng quanh phi trường trước khi đáp. Từ buồng lái khi bay lượn vòng, chàng thấy rất đông dân chúng tụ tập ở cổng vào phi trường, đang chờ đợi để chào đón Nữ hoàng. Chàng nhắm thẳng phi đạo, cho chiếc Ceres xuống từ

từ ở đằng xa cho đến khi bánh chạm nhẹ trên lớp hắc ín, tính ra bảy tiếng rưỡi từ khi rời đảo Christmas. Ryder trương cờ hoàng gia lên ô cửa nhỏ trên đầu máy bay, họ cho máy bay đỗ lại trong lễ nghinh đón trang trọng.

David và Ryder ngồi lại ở ghế trong buồng lái trong lúc Frank Cox hướng dẫn Nữ hoàng cùng Quận công từ máy bay xuống gặp các nhiếp ảnh viên truyền hình, quay phim, gặp toàn quyền, thủ tướng, nội các, lãnh tụ đảng đối lập và duyệt hàng binh danh dự. Cuối cùng xe hơi lễ tân mui trần lái đưa hai ngài về biệt điện hoàng gia ở Tharwa. Dấu đi sự mệt mỏi, hai vị cúi đầu, cười chào dân chúng xếp hàng bên đường. Sau đó những người còn lại của đoàn tùy tùng mới rời máy bay và được xe hơi đưa đi ngay, nhưng phi hành đoàn chiếc Tare thì chưa được nghỉ ngơi. Họ gặp phải những gì mà phi hành đoàn Canada đã gặp phải ở Ottawa, bởi vì đây là máy bay riêng của Úc đã tặng Nữ hoàng, điều khiển bởi phi hành đoàn của Úc và đã đưa Nữ hoàng tới Úc lần đầu tiên. Báo chí Úc không được gặp toàn bộ phái đoàn và David việc đầu tiên phải là máy quay phim, máy ghi âm, nên có nói vài lời khen ngợi về loại máy bay, cũng như giải thích về sự chậm trễ ở đảo Christmas, thuộc lãnh thổ của Úc, chẳng phải là chuyện rủi ro hay khiếm khuyết nào, mà bởi vì Nữ hoàng muốn thăm một trong quần đảo Line như là một phần trong chính sách tìm hiểu của Ngài về những miền đất nhỏ bé nhất của Liên hiệp Anh.

Sự đón tiếp kéo dài hàng giờ. Mỗi thành viên trong phi hành đoàn đến lượt phải ra trước máy quay phim và ghi âm. Hầu hết bọn họ đều mong được chiếu cố vì biết rằng vợ con, bạn gái, cha mẹ sẽ rất hãnh diện được thấy họ trên màn ảnh nhỏ ở thành phố quê hương. Tất cả những thành viên trong phi hành đoàn đều có bạn hữu trong không lực Hoàng gia Úc đóng ở trên sân bay và trong số này có bà con quan hệ trong dân chúng, nên người ta vào ra để tận mắt xem chiếc máy bay suốt cả buổi chiều. Buồng trên máy bay dành cho Nữ hoàng và Quận công được khóa lại, theo lệnh của David, theo anh ấy nghĩ những nơi cho phép vào xem cũng phải được giới hạn. Cuối cùng vào khoảng năm giờ, họ cũng chấm dứt cuộc thăm viếng và mời người xem ra ngoài. Chiếc Ceres đậu ở cuối phi trường trong nhà chứa máy bay của phi đội Nữ hoàng, có lính canh, được tiếp tế nhiên liệu và được kiểm tra mỗi buổi sáng. David và Ryder được đưa về khách sạn Canberra bằng xe hơi của không lực hoàng gia Úc, nơi đây đã có phòng dành sẵn cho hai người Đoàn tùy tùng được chia hai, một ở Tharwa, một ở khách sạn Canberra, trong lúc phi hành đoàn lại được xếp đặt chỗ ngay trên phi trường. Thiếu tá Macmahon và bác sĩ Mitchison ở Tharwa, Frank Cox, David, cô Turnbull và Rosemary ở lại khách sạn, đây là một dãy phố lâu chỉ có một tầng, xây cất thiếu qui hoạch nhưng thoáng mát, sân vườn rực lên giữa ngàn hoa sáng rỡ. David tắm rửa xong, thay quần áo, cũng có hơi mệt một chút vì sự đón tiếp hơn là vì chuyến bay từ đảo Christmas. Chàng đi ra ngoài có ý tìm kiếm những người trong đoàn tùy tùng được phân ở lại khách sạn, những người này đang ngồi ở ghế dài trong hành lang bao quanh sân vườn, ở đây có máy sưởi. Chàng tìm gặp Rosemary và hỏi:

- Chào em, em cũng ở đây à?

Nàng gật đầu:

- Em ở hành lang kế, nhưng thấy anh em đợi ở đây. Ôu đây cũng đẹp, anh Nigger nhỉ?

Chàng rất vui vì được nàng ngồi chờ và đến ngồi xuống bên nàng hỏi:

- Em có thích không?

Nàng trả lời:

- Thật tuyệt! Từ trước có ai nói với em Úc châu đẹp như thế đâu!

Chàng cười nói:

- Anh không biết họ quảng cáo có giỏi không? Chứ anh yêu nước Úc. Anh không muốn phải sống một nơi nào khác. Vì ngày nào anh sinh ra ở đây và đây là quê hương anh.

Nàng lại hỏi:

- Tất cả nước Úc có giống thế này không anh? Tất cả những nơi mà người ta sinh sống?

Anh nghĩ Caberra khá hơn hầu hết các nơi khác :

Chàng nói :

- Nó thực sự hơn các nơi khác một điều, đó là mưa nhiều. Miền duyên hải ở phía Đông hoa mọc nhiều, đó là điều tự nhiên hay nhờ người trồng cũng có :

Chàng dừng lại một chút rồi nói tiếp :

- Ở trung tâm nước Úc thì rất khô, nhưng nhiều nơi ở Tây Úc thì rất đẹp.

Những miền này có lớn không anh?

Cũng bằng nước Anh Nàng cười nói:

- Thật khó mà định được khoảng cách trong một xứ sở như thế này. Chàng gật đầu:

- Anh hy vọng lần này Nữ hoàng đi thăm vài ngày ở miền Tây Úc. Ba bốn năm nay, ngài chưa đến đây :

Chàng quay lại hỏi nàng :

- Thế em đã thăm Tharwa chưa?

Nàng gật đầu:

- Chiều nay em có đi xe ra ngoài với thiếu tá Macmahon để chọn địa điểm văn phòng. Cứ mỗi sáng vào lúc chín giờ có một xe hơi chờ sẵn đón em và thiếu tá ra nơi ấy.

Em thấy Tharwa thế nào?

Nàng trả lời:

- Em chỉ thấy một góc nhỏ của căn nhà, nhìn qua các ngôi nhà và các thảm cỏ. Cũng dễ thương đấy, anh David ạ! Anh có biết ai đã thiết kế thành phố này?

Họ đã mở một cuộc thi có giải thưởng vào năm 1959 hay 1960 gì đó :

Chàng trả lời :

- Một người đàn ông tên là Somerset sống ở Wangaratta thắng giải. Chỉ là một kiến trúc sư vô danh trong một thị trấn nhỏ. Ông ta có ý tưởng rất hay phải không?

Em công nhận như vậy. Thật tuyệt! Vừa giản đơn, vừa có giá trị. Nó rất thích hợp với khung cảnh.

Ông ta có xây nhiều cao ốc ở Úc chẳng?

Chàng trả lời:

- Cho đến lúc ấy ông ta chỉ là một người thiết kế nhà. Sau thiết kế Tharwa, ông ta thực hiện một việc nữa là toà thị chính cho cảng Albert. Đây là nơi người ta đến chở than đá nâu đi, thuộc bang Victoria.

Toà thị chính của cảng Albert cũng giống như Tharwa. Ông ta chết trước khi công trình hoàn tất

Nàng lại hỏi:

- Có gì trên những ngọn núi sau lưng Tharwa?

Chẳng có gì nhiều :

Chàng trả lời :

- Trong thung lũng có vài trại nuôi cừu. Vài xưởng cưa trong núi. Dưới sông có cá hồi và mùa đông người ta trượt tuyết Miền quê như thế chạy dài bao xa?

Sau lưng Tharwa? Độ ba trăm dặm. Sau đó là bến Melbourne Miền đất dân cũng không đông đâu anh nhỉ?

Không đâu :

Chàng đổi sang đề tài khác :

- Em có đoán ra chúng ta sẽ ở đây bao lâu không?

Nàng lắc đầu:

- Ngày mai Nữ hoàng sẽ tiếp ngài Toàn quyền và dùng bữa trưa ở Tharwa. Ngoài vụ này ra, hình như Nữ hoàng chưa có cuộc diện kiến nào nữa. Em nghĩ là Ngài chỉ muốn nghỉ ngơi hay quyết định một việc nào khác nữa Em muốn nói có lẽ chúng ta sẽ được nghỉ ngơi một tuần?

Có lẽ thế, anh David ạ, nhưng em không chắc. Em không muốn nói là chính Ngài cũng không biết trước và cũng không muốn sống xa nước Anh quá lâu.

Thế Phi Châu thì sao?

Em không biết. Mình có thể liên lạc trực tiếp không anh?

Chúng ta có thể liên lạc với Cape Town từ Perth :

Chàng nói :

- Đó là giới hạn tận cùng tầng số của chúng ta.

Em nghĩ Nữ hoàng muốn từ đây bay thẳng về quê nhà :

Cô gái nói Tiếc thật :

Chàng nói :

- Anh hy vọng là có đủ thì giờ để đưa em đi thăm một vòng. Sydney thành phố cũng đẹp và

Melbourne cũng vậy. Và anh còn muốn đưa em đi thăm Queensland một chút nữa Nàng quay lại hỏi chàng :

- Anh có bà con ở đây không anh David?

Chàng cười:

- Em muốn nhắc anh di Phoebe?

Ngoài di Phoebe?

Chàng lắc đầu:

- Tất cả đều ở Queensland. Anh không nghĩ là có người nào ở trong gia đình lại sống ở miền Nam xa xôi này. Cha mẹ anh đều mất, em ạ!

Nàng trả lời:

- Em xin lỗi anh, em không biết.

Chàng kể tiếp:

- Anh có người anh làm thợ giày ở xưởng giày Brisbane và một người chị có chồng làm gara ô tô ở Rockhampton. Anh có người chú, kẻ ba anh, làm chủ xưởng dệt nhỏ ở Townsville. Gia đình chỉ có thể thôi, tuy cũng còn đông họ hàng nhưng những người này là quan trọng nhất Em nghĩ nếu họ được đến đây thăm anh và xem chiếc máy bay, chắc là họ xúc động lắm nhỉ?

Chàng trả lời:

- Anh biết. Do đó anh mới hỏi em mình ở lại đây được bao lâu. Chú Donald thế nào cũng đến.

Thế nào ngày mai chúng ta cũng biết tin thôi :

Nàng đáp :

- Em có linh tính là Ngài không ở đây lâu đâu, và muốn trở về thẳng Luân đôn ngay từ đây Hai người dùng bữa tối với mọi người rồi đi ngủ. Tiếp sau đó là ba ngày chờ đợi của phi hành đoàn chiếc Tare. Họ tiếp tế nhiên liệu, kiểm tra máy bay và chỉnh trang lại chút ít và sau đó, chẳng còn việc gì để làm, họ ngồi đợi lệnh và tán gẫu trong nhà ăn của không lực Hoàng gia Úc. Rosemary có mặt trong biệt điện Tharwa suốt ngày và buổi chiều mới cho dịp nói cho David biết một vài chuyện. Ngày đầu Nữ hoàng không gặp ai trừ vị Toàn quyền và dùng trưa với ông ấy, nhưng ngày thứ Hai, thứ Ba thì bận rộn hơn. Ông Hogan, vị Thủ tướng và ông Cochrane, thủ lĩnh đảng đối lập cũng đã dùng trưa với Ngài, trong bữa ăn hy hữu, kì lạ, kéo dài nhiều giờ, mãi đến năm giờ chiều mới xong. Những người đến ăn trưa còn có phó viện trưởng đại học và những người khác như ngài Hubert Spence, chánh án toà án tối cao, Murray Gordon, giáo sư nghiên cứu của trường đại học kinh tế chính trị, giáo sư sử học và nhiều ông lớn cỡ bự như thế Vào giờ ăn trưa ngày thứ Ba, Frank Cox xuất hiện ở nhà ăn không lực hoàng gia Úc, ông ta nói với David:

- Ngày mai có công việc cho anh rồi!

Viên phi công gật đầu:

- Luân Đôn?

Chưa đâu. Melbourne?

Viên phi công nhướn đôi mắt:

- Có xa đâu. Máy giờ thì cất cánh?

Mười giờ. Họ muốn trở về buổi tối. Có lẽ vào lúc sáu giờ, ngừng một chút ông ta nói tiếp:

- Thế anh sử dụng phi trường nào?

Berwick :

Viên phi công trả lời :

- Essendon và Moorabin chỉ dùng cho máy bay thường. Đi xe hơi đến Berwick cũng phải mười giờ bốn mươi lăm. Nửa giờ sau, từ Tharwa, Rosemary gọi máy đến, vừa nói vừa thở:

- Anh David, anh biết chúng ta sẽ phải tiếp hai ngày vài ván đấu quần vợt chứ? Đêm nay đây!

Trời ơi! Chàng kêu lên :

- Ở giữa các Đại sứ và Thủ tướng sao?

Không phải vậy đâu. Nữ hoàng đến văn phòng em trước giờ ăn trưa và Ngài mời hai chúng ta cùng đấu chơi, sau đó sẽ ăn tối. Em chỉ biết vâng dạ Chàng nói:

- Anh cứ ngỡ là Ngài quên rồi, Ngài làm gì mà chả được!

Cô gái nói:

- Anh đừng làm. Em không nghĩ là Ngài quên đâu! Ngài muốn bắt đầu vào lúc năm giờ. Bốn giờ mười lăm em cho xe đến khách sạn đón anh nhé!

Cám ơn em, Rosemary. Anh còn phải xem mượn ở đâu bộ áo quần và cái vợt.

Trận quần vợt chiều hôm ấy cũng không chơi hay lắm. Nữ hoàng với tuổi năm mươi lăm thích chơi trên sân cỏ với một lí do rõ ràng. Vì ở tuổi ấy, người hơi đẫy, mong chơi cho được là tốt rồi!

Rosemary cũng không khá hơn gì, đi thuyền trong giờ nhàn rỗi là thú tiêu khiển của nàng. Cho nên các bà theo đến cuối hiệp là đã khá rồi! Quận công, người gầy, đáng thể thao, chơi thật tốt, đã bắt David chạy nhiều, vì vậy phe Hoàng cung bình thường cũng thắng hai ván sáu ba và sáu bốn Hai ván là đủ, sau đó họ thả bộ qua vườn hồng trong ánh chiều tà đến thăm cỏ lớn trước biệt thự và đi về phía bờ sông. Trong lúc đi, Nữ hoàng nói:

- Mọi chuyện xong xuôi cả trước khi chúng ta đến Melbourne ngày mai chứ, chỉ huy trưởng?

Đã xong xuôi, thưa Ngài :

- David đáp :

- Chúng ta không thể đạt tới độ cao vận chuyển, nên không thể bay nhanh được. Cũng phải mất năm mươi phút, thưa Ngài!

Máy bay đẹp thế này mà chỉ dùng để đi một đoạn đường ngắn, kể cũng phí nhỉ?

- Nữ hoàng nhận xét :

- Nhưng thật bất nhẫn khi mời ngài Robert đi suốt cả quãng đường dài đến đây.

Ngài Robert? :

- David lễ phép hỏi Ngài Robert Menzies

- Nữ hoàng trả lời :

Ông già này cũng thật lạ. Ta không được rõ trước khi về hưu, ông ấy đã làm Thủ tướng trong bao nhiêu năm. Khi ta lên ngôi báu, ông ấy đã làm Thủ tướng trước đấy lâu rồi! Khi nào đến Úc ta cũng cố tìm thăm ông ta. Nhưng năm nay, ông ấy đã tám mươi tám rồi, thế nhưng cũng còn khá mạnh. Thật là không lịch sự, ở tuổi ông ta mà phải bắt đi xa. Nên ta thân hành đến nhà ông ấy ở Toorak dùng bữa trưa với ông ta ngày mai. Và cũng có ông Calwell dùng bữa trưa với ta nữa. Ông ta cũng ở Melbourne.

David ngạc nhiên hỏi:

- Thưa Ngài, ông Calwell mà còn sống à?

Aø, phải. Ông ta chỉ tám mươi sáu thôi. Tức cười thật. Ôu viện dân biểu, hai kẻ đối lập đang còn sống. Giờ thì tranh đấu làm sao được nữa, nên họ gặp nhau mỗi tuần để đánh cờ và cãi nhau ở bàn cờ

- Nữ hoàng dừng lại và đứng nhìn những ngọn đồi rậm rạp của ngọn núi Tennant trong ánh chiều tà :

- Những ông già này thấy cũng đã nhiều và học cũng rất rộng :

Ta luôn luôn học hỏi nhiều nhờ đàm đạo với những nhà ngoại giao lão thành này. Họ vẫn còn khách quan khi đã về hưu một hai năm và họ mới thật sự hữu ích.

Ngài quay về phía Rosemary hỏi:

- Đây là chuyến đầu tiên con về thăm nước Úc, phải không?

Nàng trả lời:

- Thưa Ngài phải. Trước đây con chưa từng ra khỏi nước Anh. Hai người đi ngược lên thăm cỏ về phía căn nhà trắng dài trong ánh chiều.

Nữ hoàng hỏi:

- Con có thích ở nơi đây chăng?

Con chỉ mới thăm Canberra và Tharwa :

Cô gái trả lời :

Những nơi con đến thật dễ mến, thưa Ngài.

Nữ hoàng nói:

- Con nên thăm nhiều hơn thế. Sao con không đi với ta đến Melbourne ngày mai? Ta mong chỉ huy trưởng Anderson sẽ mời con dùng bữa ở Melbourne nếu con tha thiết yêu cầu. Chúng ta chắc khó khởi hành trở về trước buổi tối Cô gái nói:

- Ngài quá thương con nên mới nói như thế. Riêng con phải gặp thiếu tá Macmahon để xem thử có nhiều việc phải làm không?

Nữ hoàng nói:

- Ta sẽ nói với ông ấy tối hôm nay. Ta không tin là có quá nhiều việc khi ta đi vắng.

David mỉm cười nói:

- Thưa Ngài, đối với một cơ trường. Thật vô nguyên tắc nếu phải bỏ máy bay trên một phi trường lạ để đem cô Long đi ăn trưa ở Melbourne Ô lẩn thần rồi đấy, chỉ huy trưởng

- Nữ hoàng nói :

- Ông Ryder sẽ thay thế anh ở lại. Nếu anh còn nói lời thôi, ta e rằng anh chẳng mong có dịp đưa cô nàng đi.

Viên phi công cười đáp:

- Thưa Ngài, tôi không muốn như thế đâu ạ!

Ta cũng hy vọng thế!

Rosemary hơi ngượng, nàng mong cho câu chuyện chấm dứt, nên đang đi, nàng dừng lại và nhìn quanh. Tất cả đều yên tĩnh trong ánh sáng chiều hè, hàng cây bạch đàn la đà trên mặt sông, chung quanh là những ngọn đồi rậm rạp xanh thẫm. Nàng nhỏ nhẹ nói:

- Thật tuyệt vời. Con chưa bao giờ thấy cảnh đẹp như thế này ở Anh.

Nữ hoàng nói:

- Không con ạ! Chưa có cảnh nào giống như thế này ở Anh. Nhưng ta yêu nước Anh, cảnh trí nước Anh rất thân thương, gần gũi, nhưng ta cũng thích đến đây nữa, nơi Tharwa này Họ yên lặng đi bộ một đoạn đường ngắn về phía biệt thự. Sau một lúc suy nghĩ, Nữ hoàng nói:

- Có lẽ ta mến nước Úc vì nó mới mẻ. Cũng như mở một trang nhật kí còn trong sáng. Ta luôn luôn cảm thấy khi ta đến đây là để bắt đầu lại và cố làm một điều gì tốt hơn ở nơi trong sáng, mới mẻ này. Họ đi vào nhà và Nữ hoàng đưa Rosemary về phía có phòng ngủ. David đã đem sẵn đồng phục trong vali nhưng Quận công nói:

- Đêm nay chúng ta chẳng nên thay áo quần. Ngày mai bận rộn lắm, nên chỉ tập thể dục sơ sơ rồi đi ngủ cho sớm là việc chính Vì vậy chẳng mấy chốc tất cả tụ tập ở phòng đọc sách của Quận công để uống rượu cốc teo và rượu xêri, một người giúp việc nam mặc đồng phục phục vụ phân phối nước cà chua cho David.

Quận công hỏi:

- Chỉ huy trưởng, anh không bao giờ uống những thứ này chứ?

Thưa Ngài, không.

Khôn thật :

- Quận công vừa nhấp rượu xêri vừa nói :

- Đó là cách ứng xử hay là không thích?

Vì không thích, thưa Ngài :

Viên phi công trả lời, rồi do dự nói :

- Tôi luôn sợ uống rượu. Tôi nghĩ là có thể bị ghiền nên cũng không thử làm gì ! tôi nghĩ là theo cách này, tôi cũng hơi khác người Rosemary nói:

- Thật đấy, thưa Ngài. Anh ấy không uống một giọt. Con tin anh ấy là người độc nhất con quen, không biết uống rượu.

Nữ hoàng nói:

- Ta rất mừng khi nghe con nói như thế. Ta cảm thấy được an toàn hơn khi được cơ trưởng lái. David cười:

- Đó cũng là lí do tại sao họ chọn tôi vào công tác này, thưa Ngài. Chắc chẳng có lí do nào khác nữa.

Vô lí

- Nữ hoàng nói :

- Ta biết lí do tại sao họ chọn anh Trước khi ăn tối Macmahon có đến thăm và đồng ý cho Rosemary nghỉ một ngày. Tất cả bốn người ăn tối quanh một bàn ăn nhỏ dưới cửa sổ vòng cung trong phòng ăn rất lớn, câu chuyện xoay quanh về những vườn hoa của Úc, về nạn hạn hán ở Queensland. Họ uống cà phê trong phòng khách của Nữ hoàng. Sau đấy David và Rosemary xin rút lui và có xe đưa về lại khách sạn ở Canberra Sáng hôm sau đúng mười giờ, họ cất cánh khỏi phi trường Fairbairn và bay qua các ngọn núi ở độ cao mười ngàn bộ với một đoàn hộ tống gồm bốn chiếc đầu cơ của không lực hoàng gia Úc đến Berwick, hai mươi dặm về phía đông nam của Melbourne. Qua phi trường những chiếc đầu cơ này bay vút lên không và David cho chiếc Ceres đáp xuống và chạy vào phi trường. Có rất ít người trên phi trường vì cuộc thăm viếng được đầu kín và không tiết lộ cho báo chí biết và phi trường chỉ sử dụng cho việc thuê bao của tư nhân. Bốn chiếc xe hơi đã đợi sẵn trên đường băng.

David đậu máy bay gần những xe này, xong tắt máy và trao máy bay cho Ryder, rồi theo Frank Cox và Rosemary, anh ta bước ra ngoài. Chẳng có phóng viên báo chí, chẳng có người quay phim làm cho chàng cảm thấy nhẹ nhõm Nữ hoàng đang nói chuyện với hai cụ già bên chiếc xe hơi, có một người khá mập. David đứng với Frank Cox và Rosemary có thể nghe được câu nói của Nữ hoàng:

- Đáng ra hai ông không nên đến đây, tôi sẽ đến nhà mà!

David nhận ra người mập là cụ Menzies, cụ ấy nói:

- Thần hy vọng là không đến nỗi già lắm để không thể đi xe ra phi trường đón ngài.

Ông cụ kia nói:

- Thưa Ngài, đúng thế ạ!

Nữ hoàng phán:

- Ai lại để cho hai ông đứng trong giá lạnh thế này! Hai ông có muốn xem qua máy bay không? Thật là loại máy bay tuyệt vời! Có ngồi ở trong mới thấy êm, mà lại còn bay nhanh nữa. Từ Ottawa đến Canberra chỉ mất không đầy mười tám giờ bay Ông cụ Calwell kêu lên:

- Trời, nhanh thế!

Nữ hoàng quay lui tìm David:

- Đến đây, chỉ huy trưởng :

Quay về phía hai cụ già, Ngài nói :

- Đây là một trong những người đồng hương với hai ông, cơ trưởng của chiếc máy bay. Phi đội trưởng Anderson. Ngài Robert Menzies và cụ Ông Calwell.

David lịch sự mời:

- Thưa mời hai cụ lên xem qua một chút ạ!

Hai ông cụ nhìn nhau, rồi ông Calwell nói:

- Với tôi thì máy bay nào cũng giống nhau cả. Tôi đã xem nhiều loại máy bay cho đến cuối đời.

Ngài Robert nói:

- Tôi cũng có thể tưởng tượng ra nó :

Ông ngừng lại và đưa mắt nhìn chiếc máy bay khổng lồ màu bạc, rồi nói :

- Dick Casey chết tức thật! Chắc hẳn ông ta sẽ sung sướng có mặt ở đây để diện kiến Nữ hoàng đã đến nước Úc trên chuyến bay Úc trong phi đội Nữ hoàng và với một phi hành đoàn Úc :

Ông ta nhìn về phía Nữ hoàng :

- Thưa Nữ hoàng đây là phi trường riêng của ông ấy trong những ngày đầu tiên, ông ấy là chủ nhân của vô số đất đai quanh đây. Ông ta có phi trường riêng và tự lái máy bay như một người phi công cho mãi tới những năm trên bảy mươi, bà vợ Ông ta cũng là một phi công. Những năm bốn mươi tôi thường đến đây nhưng không hợp tính nhau. Ông ta có một nhà chứa máy bay làm bằng cây kia kia ngay trên chỗ đất trung bày của chi nhánh hãng Shell.

Nữ hoàng cắt dòng tư tưởng của ông ta bằng cách hướng dẫn ông ta trở về nơi đậu xe hơi và mời ông ta lên xe trước, rồi ngài mới lên sau. Quận công và ông Calwell lên một chiếc xe khác và cả hai chiếc chạy ra đường phố Melbourne. Chiếc xe hơi thứ ba đang đậu trên đường băng và David nói với

Rosemary:

- Chiếc này dành cho chúng mình Người tài xế mở cửa cho nàng lên và David ngồi vào bên nàng. Họ cũng chạy theo những chiếc trước đến xa lộ các Hoàng tử và theo đường về Melbourne.

Rosemary nói:

.

Có lẽ ta bị lầm cũng nên anh ạ! Anh có nghĩ là xe này lái chúng ta suốt ngày không?

Chàng trả lời:

- Có lẽ vậy em ạ! Nó phải đưa chúng ta về Berwick trước năm giờ, nếu không Nữ hoàng không thể về Tharwa được. Giờ thì em muốn làm gì?

Nàng suy nghĩ một lúc rồi trả lời:

- Em muốn lái xe qua thành phố Melbourne để xem thử phố phường ra sao :

Quay về phía David nàng nói tiếp :

- Em quê lắm, thành phố gần biển, phải không anh?

David trả lời:

- Phải. Chẳng phải biển rộng đâu. Chỉ nằm trên bờ vịnh vòng cung lớn. Vịnh Port Phillip ở cực Bắc.

Khoảng bốn mươi dặm là cùng Người ta có đi thuyền như ở bên Anh vậy không?

Trời! thứ gì mà chẳng có, bên em có những loại thuyền đua như thế nào thì ở đây cũng vậy thôi. Anh có một chiếc con Rồng đậu ở đây, trong câu lạc bộ Brighton.

Nàng nhìn chàng ngạc nhiên:

- Thế có lần anh bảo em anh đi chiếc con Rồng, thế nó ở đây sao?

Chàng gật đầu:

- Đây là thành phố quê hương của anh. Anh chỉ sinh ra ở Queensland nhưng suốt cuộc đời binh nghiệp của anh chỉ quanh quẩn trong thành phố Melbourne này. Anh đã cư trú tại Laverton trước khi đến nước Anh Nàng hỏi:

- Thế chúng ta đi xem chiếc con Rồng có được không? Em muốn tận mắt thấy một câu lạc bộ thuyền buồm của Úc.

Chàng trả lời:

- Dĩ nhiên rồi! Anh cũng muốn đi thăm lại nó, đã một năm rồi, anh chưa đến đây. Chúng ta cho xe chạy băng qua thành phố rồi kiếm chỗ nào ăn trưa, sau đó sẽ xuống Brighton.

Có xa không anh?

Chàng lắc đầu:

- Ngoài thành phố độ vài dặm. Ngoại ô mà! Đẹp lắm nhe!

Nàng nhìn quanh thích thú khi hai người lái xuyên qua vùng ngoại ô xa hơn. Nàng nói:

- Nhiều nhà mới ghê anh nhỉ? David, anh cho em dừng lại để xem đi!

Chàng đáp:

- Dĩ nhiên rồi! :

Chàng nhào người tới trước và nói với người tài xế :

- Cái nhà kia vừa mới làm xong đấy! Dừng lại anh nhé!

Hai người bước xuống xe nàng nhìn quanh khu vườn bị xả rác. Nàng nói:

- Em thấy chỗ nào xây dựng cũng không tránh khỏi như thế này. Cũng phải mất nhiều thời giờ để sắp xếp ngôi vườn cho tươm tất, anh nhỉ?

Nàng đứng nhìn quanh và nói:

- Bất cứ ai có tiền cũng mua được một miếng đất và xây một ngôi nhà như thế này, anh nhỉ?

Chàng trả lời:

- Đúng vậy. Và rồi đó là sản nghiệp của em, em muốn làm gì thì làm, bán đi, đổi chác, sống ở trong đó hay cho thuê giá bao nhiêu tùy ý. Mà chẳng cần phải hỏi Bộ.

Anh nghĩ điều đó cũng phải thôi. Anh chưa bao giờ nghe nói là phải hỏi ý kiến của ai cả.

Nàng nói:

- Thật là vui khi có một căn nhà của riêng mình, cũng như có một chiếc thuyền vậy.

Cửa lớn mở, thợ sơn, thợ điện đến để làm những việc sau cùng. Cô gái hỏi:

- Anh muốn làm bao nhiêu cũng được, phải không? Ý em nói, nếu muốn làm cho căn phòng đẹp thật sự, sàn nhà và gương soi xung quanh đều bằng Inóc, một hồ cá làm bằng thạch cao nằm chìm dưới nền có ánh điện màu hồng phản chiếu, có làm được chăng?

Chàng cười:

- Anh không nghĩ có điều gì trở ngại cả, nếu em có đủ tiền và em muốn làm như thế Hai người đi từ phòng này sang phòng khác. Những đồ đạc nội thất gọi lên óc tò mò của nàng, thiết trí các vòi nước và bồn rửa trong nhà bếp.

Nàng nói:

- Dĩ nhiên, những đồ mới này không có ở nước Anh vì chẳng có ngôi nhà nào mới xây cả. Những vòi nước và bồn rửa trong các căn nhà cũng cách đây sáu mươi cho đến bảy mươi năm. Những thứ như thế này khó mà cũ lắm!

Nàng quay về phía David hỏi:

- Anh David này, một căn nhà này giá bao nhiêu? Ý em nói là mới hoàn toàn.

Chàng đáp:

- Nếu là ba phòng ngủ và chẳng có gì đặc biệt cả, anh nghĩ cũng vào khoảng bốn năm ngàn Anh kim.

Nàng nhìn chàng cười:

- Nếu anh định kết hôn với ai, anh có đủ tiền mua nhà này không?

Chàng cười vui bảo:

- Dĩ nhiên rồi. Hai người thì mua phải được.

Nàng quay đi:

- Em có nói thế đâu. Em muốn nói là riêng anh cơ!

Hai người đi trở về xe hơi và lái về Melbourne. Chàng nói:

- Thành phố này chẳng có chi nhiều. Không lớn lắm, chỉ vào khoảng hai triệu dân thôi, nhưng theo em nghĩ nó có mọi thứ em cần:

Câu lạc bộ, nhà hát, phòng tranh và tụ điểm ca nhạc. Và, có lẽ là nơi đáng yêu vì rất nhiều công viên và các con phố rộng. Anh đã đi nhiều nơi trên thế giới, nhưng anh thích Melbourne, vì nó chẳng thua kém gì các nơi khác.

Cuối ngày nàng đồng ý với chàng cùng ăn trưa ở một quán ăn Hy Lạp nhỏ mà chàng quen với ông

chủ. Ông đã đối xử lịch thiệp vì tên chàng đã được các báo đăng tin liên quan đến cuộc viếng thăm bất ngờ tại Úc của Nữ hoàng. Từ đây xe đưa hai người về công viên Treasury, ở đây chàng đã chỉ cho nàng xem lều tranh của thuyền trưởng Cook, được một ân nhân có lòng hào hiệp bảo quản sau khi bị phá huỷ ở Whitby và người ấy đã chuyên chở từng viên đá một, một cách sùng kính qua mười hai ngàn dặm để được tái thiết ở miền Antipodes, nơi thuyền trưởng Cook thám hiểm. Sau đây hai người lái xe về câu lạc bộ thuyền buồm Hoàng gia ở Brighton. Ở đây mùi biển mặn, mùi rong rêu, dầu bóng và gỗ ván thuyền mới đã gọi cho Rosemary kí ức quê hương ở Itchernor Oà anh David, đây là loại thuyền quốc tế mười bốn tấn và kia cũng là một chiếc nữa!

Đúng rồi :

- David nói :

- Họ có cả một đoàn thuyền như thế ở đây Nàng ngạc nhiên nói:

- Em đâu biết như vậy, em cứ nghĩ thuyền bên này cũng giống như thuyền ở Anh thôi!

Chàng cười nói:

- Do đó người ta mới gọi là thuyền quốc tế.

Hai người len lỏi qua các dây thuyền để chồng chất lên nhau trên bến để đến thăm câu lạc bộ thuyền rồng của chàng đã bị phủ bụi thời gian Chàng nói:

- Đây là chiếc Ariadne, có đủ cột buồm và sào căng buồm.

Rosemary nói:

- Nó cũng giống như một chiếc thuyền buồm loại Dragon của Anh, tuy đường nét của nó sắc sảo hơn.

David nói:

- Thuyền buồm mà! Cũng được bốn mươi năm rồi đấy, nhưng vẫn còn tốt chán!

Chàng đưa bàn tay sờ phía bên ngoài vỏ thuyền, cười nói với cô gái:

- Gặp lại được anh cũng mừng, giờ thì nó đang chờ anh trở lại với nước Úc.

Nàng đứng quan sát chiếc thuyền một hồi lâu rồi nói:

- Anh cũng mong trở lại đây lắm, phải không anh?

Chàng trả lời:

- Nơi đây là quê hương anh. Anh không thể bỏ qua dịp may tiến thân vào phi đội Nữ hoàng. Anh rất sung sướng đã không từ chối công việc đã may mắn đến với anh. Anh cũng đã bắt đầu hiểu thêm một phần nào về nước Anh. Nhưng anh mong một ngày trở lại cố hương, không còn bận bịu với công việc và tự do đi thuyền.

Chàng vỗ nhẹ vào con thuyền và mời nàng:

- Em có lên thăm buồng lái một chút không. Nó bản lắm đấy!

Em cũng muốn xem trên sàn thuyền như thế nào, anh David ạ!

Nàng bước lên thang và trèo vào buồng lái, lấy tay phủi bụi để xem nước sơn bóng ở dưới. Nàng hỏi:

- Chắc nó chạy nhanh lắm, anh nhỉ? Một ngày nào đó, em thích chính tay mình lái con thuyền này.

Chàng nói:

- Rồi em sẽ có dịp thôi.

Giả vờ như không nghe câu trả lời của chàng, nàng hỏi tiếp:

- Anh vừa mới nói là hiểu thêm được nhiều điều từ nước Anh là ý làm sao? Hay anh cũng bắt đầu cảm thấy mến nước Anh hơn trước, phải không anh?.

Suy nghĩ một lúc chàng trả lời:

- Anh không bao giờ thích sống ở Anh. Anh nghĩ là còn có nhiều nơi tốt hơn để sinh sống và đây là một trong những nơi ấy. Cái mà anh muốn nói là có quá nhiều thứ để chiêm ngưỡng và thích thú ở Anh. Những thành quả về kỹ thuật của họ, sự can đảm trong những điều kiện xấu bắt buộc họ phải chịu đựng, ngay cả chính Nữ hoàng. Cũng có nhiều thứ đáng ghét như hệ thống chính trị, sự nô dịch của công nhân viên chức. Không biết ở Anh có được phép phê phán chính quyền như ở Úc không, vì ở đây chẳng có điều tệ hại như thế. Nghĩ cho cùng đây cũng là sự may mắn thôi, vì nếu dân Úc làm không đủ nuôi miệng thì đời sống của họ cũng như dân Anh hiện tại mà thôi.

Nàng suy nghĩ mãi mới nói ra được:

- Nhờ trời thương, nước Úc mới như ngày hôm nay.

Em nói sao? À, phải. Anh cũng nghĩ rằng nếu nước Úc cùng gặp vận rủi như nước Anh, hai nước chúng ta sẽ cùng hội cùng thuyền mà thôi. Căn bản, chúng ta là hai dân tộc giống nhau, nên phản ứng cũng giống nhau.

Nàng cười:

- Anh không nghĩ rằng dân Úc là một dân tộc cao cấp hơn sao?

Chàng thật thà trả lời:

- Anh cũng thường nghĩ như thế. Anh cũng nghĩ là dân Úc có được một chính quyền biết điều mà dân Anh đã đánh mất và điều đó đã làm cho xứ sở này sung sướng và thịnh vượng hơn. Nhưng giờ này thì anh không còn chắc chắn nữa. So sánh với nước Anh, nước Úc còn chậm tiến về khoa học, kỹ thuật. Anh cũng không chắc là điều ấy có dễ dàng hơn ở đây chẳng, vì đất rộng người thưa, nên những ai có lòng gan dạ và quả quyết cũng có thể khởi đầu một sự nghiệp và mỗi ngày càng thấy phát đạt. Aên nhiều, làm nhiều, làm nhiều, phát triển mạnh. Anh không hiểu đây có phải là nguyên tắc làm việc không, nhưng cứ tự đánh lừa mình như thế.

Nàng lập lại lời chàng:

- Đây cũng chỉ là sự may mắn của một trò chơi.

Đúng rồi! Thế em có cảm nghĩ như thế nào với công việc của đất nước này?

Em chỉ thấy được mặt nổi của nó thôi, anh David ạ! Nàng trả lời:

- Em chỉ mới đến đây được bốn ngày:

Trong khách sạn Canberra, biệt điện, cửa hàng ăn chúng ta đã ăn trưa với nhau và câu lạc bộ thuyền buồm này.

Nàng cười nói tiếp:

- Em sẽ không dám nghĩ là có thích hay không nữa, nhưng em phải công nhận một điều là trước đây em chưa bao giờ biết Úc đẹp đến như thế, có nhiều loại hoa đến như thế và cây đang mùa ra hoa nhiều đến như thế! Nhưng không phải chỉ mới xem qua như thế mà đã vội kết luận là em yêu nước Úc.

Chàng công nhận:

- Em nói đúng. Cũng phải cần sống một năm trong một trại chăn nuôi súc vật, chẳng có ai mà hàn huyên tâm sự ngoài trâu bò dê cừ, quanh năm thì hạn hán hoặc cháy rừng.

Nàng cười:

- Nếu như thế, thà em trở về căn hộ độc thân của em đường Dover còn vui hơn!

Nàng đứng dậy và chàng giữ thang cho nàng bước xuống. Hai người đi quanh và tìm thấy người quản đốc, nói chuyện với ông ta một chút về chiếc Ariadne, sau đấy hai người đi vào câu lạc bộ và uống trà bên cạnh cửa sổ nhìn ra cảng. Và rồi cũng đến giờ lên xe để trở về Berwick.

Vào giờ này đã có một đám người khá đông tụ tập trên phi trường và một số phóng viên báo chí được tin Nữ hoàng đến thăm viếng nước Úc. Rosemary đi qua đám dân chúng không mấy khó khăn và bước vào phi cơ, riêng David phải để cho phó nhòm chụp ảnh và phỏng vấn. Chàng tìm cách thoái thác để lên máy bay bắt đầu công việc. Trong lúc ấy Nữ hoàng và Quận công được xe hơi đưa đến, dừng lại một chút để phóng viên chụp ảnh, rồi mới bước lên phi cơ. Frank Cox tiến về phía trước, nói vài lời với cơ trưởng cơ phó, sau đó David lái chiếc Ceres về cuối phi đạo và bắt đầu cất cánh. Bảy giờ kém mười, trong ánh sáng hoàng hôn, David đáp xuống Canberra.

Ngày hôm sau Frank Cox đến tìm David vào giờ ăn trưa trong nhà ăn sĩ quan ở phi trường Fairbairn.

Ông ta nói:

- Phải trở về Luân Đôn ngày mai hay ngày mốt. Hai ngài muốn đề nghị một giờ cất cánh thích hợp.

Viên phi công gật đầu:

- Chắc hai ngài muốn trở về buổi tối, hạ cánh ở phi trường White Waltham vào lúc bảy giờ.

Tôi cũng nghĩ như vậy. Thế là hai ngài nghỉ được một đêm trước khi bắt đầu công việc trở lại.

David nói:

- Cách nhau mười tiếng đồng hồ. Tiếp tế nhiên liệu ở Ratmalana, như vậy phải mất mười giờ nữa vì đi về hướng tây ngược gió. Hai ngài có muốn dừng lại ở Tích Lan không?

Đại tá lắc đầu:

- Hai ngài muốn đi thẳng về Luân Đôn, càng sớm càng tốt.

Aø, vậy là tính thêm một giờ ở Ratmalana, vị chi hai mươi mốt giờ. Cũng nên để một giờ cho các phái đoàn. Vậy ta cất cánh ở đây lúc bảy giờ sáng sẽ đến White Waltham vào lúc bảy giờ tối.

Suốt chuyến bay ban ngày?

Đúng vậy, viên phi công trả lời:

- Thường thường bạn có thể thực hiện một chuyến bay ban ngày về hướng tây với vận tốc phi hành. Tôi sẽ trình lại cho hai ngài rõ. Chắc phải để các ngài dùng trà sáng ở Tharwa và dùng sáng trên máy bay.

Đúng vậy, David nói:

- Aên sáng lúc tám giờ lúc chúng tôi đã chinh đường bay thẳng. Nếu đang cất cánh mà ăn sáng thì hơi bất tiện vì bàn ghế có thể xô dịch.

Suy nghĩ một lúc David lại nói tiếp:

- Hai mươi giờ. Một bữa ăn sáng và bốn bữa khác nữa. Làm sao nhỉ?.

Tôi cũng đang nghĩ như anh. Làm sao thuận tiện cho các ngài?

David gật đầu:

- Hai nóng, hai lạnh. Tôi phải gặp tiếp viên thì công việc sẽ xong ngay. Khi nào thì anh có thể thông báo cho tôi biết chắc giờ bay?

Máy bay có trở ngại gì không?

Không. Chúng ta có thể đi ngay, chỉ chờ lương thực.

Tôi sẽ điện thoại cho anh vào lúc bốn giờ chiều nay.

Sau đó Đại tá đã điện thoại, và chuyến bay trở về Luân Đôn sẽ được thực hiện một ngày sau đó.

David dẫn dò phi hành đoàn, chiếc Ceres được kéo ra khỏi nhà chứa phi cơ trong ánh sáng hoàng hôn và cho nổ máy thử, cuối cùng được đổ đầy nhiên liệu cho chuyến bay đến Colombo. Khi trở về khách sạn thì đã bảy giờ, chàng gặp Rosemary đang đứng chờ trong phòng khách khi chàng đi ngang qua. Bị chặn lại chàng liền nói:

- Đợi anh một phút thôi, anh chỉ rửa ráy là xong ngay.

Nàng trả lời:

- Cũng được thôi. Em đã gặp trưởng nhóm bồi bàn và họ đã lo bữa ăn tối cho chúng ta. Người Uìc ăn tối sớm quá anh nhỉ?

Năm phút sau chàng có mặt bên nàng và họ đi ăn. Phòng ăn còn trống, nhìn quanh cũng chẳng có ai ngồi kê. Chàng hỏi:

- Về lại Luân Đôn, tin ấy đã được thông báo chưa em?

Nàng lắc đầu:

- Chắc sẽ được phát trong bản tin chín giờ vì sẽ gây sự thất vọng cho bao người ở đây, các ngài bảo thế.

Chàng gật đầu:

- Có lẽ thế. Ngài đã vắng mặt ở đây hai năm rồi! Nếu so với miền tây nước Uúc thì còn lâu hơn thế nữa. Bây giờ ngài đến chỉ một tuần đã trở về Anh quốc. Dân chúng không buồn sao được!

Cô gái nói:

- Không chỉ dân Uúc buồn đâu nhé!

Thế còn ai nữa Thì chính ngài. Đâu phải Ngài muốn trở về Anh quốc để nghỉ ngơi đâu!

Thì anh cũng biết thế.

Hai người yên lặng một lúc. Đến lượt Rosemary nói:

- Tharwa sẽ không bị bỏ phé !

Em nói sao?

Xe hơi còn đang đậu trong nhà chứa xe và nhân viên đang còn bận rộn trong căn nhà ấy. Trước khi chúng ta đến đây tất cả mọi thứ cũng đã được chăm sóc, bảo trì. Lần này họ chuẩn bị rất chu đáo để đón ngài, mọi người làm việc suốt đêm. Giá như chúng ta không dừng lại ở đảo Christmas, chưa chắc mọi thứ đã làm xong. Ngay trong nội bộ, sự quyết định gấp rút của Ngài đi từ Ottawa đến Tharwa sau hai năm xa cách, mà một ngày sau là phải đến rồi, như thế cũng đã làm cho công việc khó khăn đến bao nhiêu!

Chàng trả lời:

- Anh chưa bao giờ nghĩ đến điều ấy. Thế căn nhà đã không được chăm sóc, bảo trì hay sao?

Nàng lắc đầu:

- Ý em muốn nói ngài đến đây có hơi sớm hay chăng?

Nàng nói:

- Cũng có thể như thế, nhưng cũng do hoàng tử Charles và công chúa Anne một phần. Dầu sao, vương cung Tharwa cũng đang mở cửa đón khách cơ mà!

Chàng cười:

- Thế nào rồi bác Donald của em cũng sẽ đến thăm các chiếc Ceres này.

Nàng chỉnh lại:

- Có lẽ em phải thăm bác ấy thì đúng hơn.

Chàng nhìn nàng hỏi:

- Nếu Nữ hoàng trở lại đây sau khi đã hoàn tất công việc ở Luân đôn, em có đi với ngài không?

Có thể lắm anh ạ! Lần này mọi việc đều êm xuôi, Thiếu tá Macmahon hình như có thể đảm trách hoàn toàn công việc mà ngài phó thác, nếu ông ấy đi, có lẽ em được đi. Em thấy Huân tước Marlow không thể đi nhiều được vì tuổi già sức yếu. Hơn nữa, em nghĩ cụ ấy không thể đến đây thường xuyên như Thiếu tá Macmahon được. Ông ấy là thành viên già nhất trong lớp quý tộc.

David gật đầu:

- Ông cụ không thể đến đây được. Thiếu tá Macmahon nói rất phải.

Hai người ăn xong, đi ra ngoài hàng hiên bao quanh sân vườn và ngồi xuống trên ghế dài cùng uống cà phê. Chàng phi công nói:

- Uống xong cà phê này là anh đi ngủ liền. Năm giờ anh đã phải thức dậy. Xe đến đón anh lúc năm giờ hai mươi.

Trong đêm tối ấm áp, những luồng hoa bầy mùi hương. Nàng nói:

- Đêm mai thì chúng ta không thể ngồi như thế này được nữa. Trời đã vào giữa mùa đông, còn ba tuần lễ nữa là đến Giáng sinh.

David nhắc nhở:

- Anh đoán thế nào rồi White Waltham cũng phải gặp nhiều sự khó khăn trước mặt. Mùa sương mù đã đến cũng ngăn bớt tầm nhìn. Nếu như thế, có lẽ chúng ta phải đổi hướng và đưa các ngài hạ cánh xuống phi trường Luân đôn, ở đây có đài radar kiểm tra mặt đất khi đáp.

Dầu còn quá sớm, nhưng đã có một số đông người tụ tập ở phi trường Fairbairn sáng hôm ấy để đưa tiễn Nữ hoàng. Khi chiếc xe hơi hoàng gia dừng lại trước máy bay, Nữ hoàng và Quận công bước ra tiếp chuyện ngài Toàn quyền và Thủ tướng một lúc, trong lúc ấy máy quay phim hoạt động và đèn chớp ảnh sáng liên hồi. Sau đây hai ngài bước lên chiếc Ceres và cánh cửa máy bay đóng lại. Frank Cox tiến về phía David nói mấy câu và sĩ quan phi hành bắt đầu cho nổ máy và lái về phía phi đạo. Năm phút sau, tất cả đều ở trên không có chiến đấu cơ hộ tống ở mỗi bên, máy bay từ từ lên đến cao độ phi hành khi bay qua tiểu bang New South Wales.

Ôu trung tâm nước Úc, thời tiết trong sáng và không một vẩn mây. Qua khỏi vùng đất lồi lõm của khu Broken Hill, máy bay đã trở lại độ cao thẳng bằng. Nữ hoàng gửi lời cảm ơn các phi cơ hộ tống qua vô tuyến, sau đó những máy này tách ra và hạ cánh xuống mặt đất và cả đoàn tùy tùng hoàng gia bắt đầu ăn sáng. Gần chín giờ, máy bay bay qua trên tuyến đường sắt Odnadatta, từ Alice chạy về nam. Đến giờ này, trước mặt họ chẳng có gì ngoài những vùng đất hoang hóa màu vàng và màu hồng của sa mạc Úc. Từ đây đến Aán độ dương vào lúc mười một giờ, máy bay giữ một độ cao đều và không thay đổi, tới một nơi gọi là Marble Bar, biển đã hiện ra trước mặt. David nhường tay lái cho Ryder, ăn trưa và đi nằm một lát. Họ bay qua một phần của đảo Christmas và bay gần song song với bờ biển của đảo Java và Sumatra, vào khoảng một trăm năm mươi dặm về hướng nam, cứ bay như thế suốt cả buổi chiều trong bầu trời quang đãng. Vào lúc bốn giờ, giờ Canberra, họ bắt đầu hạ độ cao và đáp xuống Colombo và uống trà chiều. Một giờ sau David cho chiếc Ceres hạ cánh trên đường băng Ratmalana, từ khi rời Canberra đã mười giờ bay. Theo giờ địa phương thì trời đã về chiều.

Theo yêu cầu của Nữ hoàng, không được tuyên bố gì đối với cuộc thăm viếng trên đường bay, nên chẳng có báo chí hoặc dân chúng ở phi cảng và chỉ có độc nhất một nhiếp ảnh viên có được bản tin

riêng, nhưng cũng có vài người tập hợp quanh vị Toàn quyền và ngài Thủ tướng đang đợi chờ đón Nữ hoàng trên sân bay. Nữ hoàng và Quận công bước ra khỏi phi cơ và đứng hàn huyên với họ trong bóng râm của các tòa nhà ở phi trường trong lúc chiếc Ceres đang được tiếp tế nhiên liệu và kiểm tra. Chỉ trong năm mươi lăm phút David báo cáo với Đại tá Cox công chuyện đã xong xuôi và sẵn sàng bay. Mười phút sau, họ đã ở trên không, máy bay đang ở độ cao phi hành đang bay qua mồm Comarin trên đường đến vịnh Ba tư và đảo Síp. Nếu bay thẳng sẽ đi qua xứ Kurdistan và Hắc hải, vẫn còn là biên thù của những kẻ thù địch và ư gây chiến, tốt hơn nên tránh cho đường bay của Nữ hoàng nước Anh.

Vào khoảng tám giờ sáng, giờ Greenwich, từ khi rời Colombo, máy bay bay qua biển Ả rập, mọi người đều buồn ngủ và đang ngủ gà ngủ gật trong ghế ngồi, Nữ hoàng và Quận công đã trở về buồng riêng. Trong tay lái, cả ba người Frank Cox, David và Ryder cùng kiểm tra đường bay trong suốt ba tiếng đồng hồ nhưng chẳng có việc gì nhiều vì máy bay đi theo đường bay nhất định của tay lái tự động. Vào lúc mười một giờ rưỡi, họ đến vịnh Oman trước khi đến vịnh Ba tư và bay qua thành phố Muscat, lúc một giờ họ bay qua Kuwait. Một giờ bốn mươi phút sau, đảo Síp ở phía dưới họ, họ đổi đường bay hướng về Luân Đôn. Vào lúc bốn giờ họ đến phía Nam thành phố Belgrade vào lúc chập choạng tối và một giờ sau đã đến vùng phụ cận của thành phố Munich, David bắt đầu hạ thấp cao độ từ xa để chuẩn bị hạ cánh. Và cũng từ đây họ bắt đầu gặp trở ngại.

Họ đã thông báo cho đài kiểm soát không lưu Luân đôn về giờ đến phỏng định và xin lời chỉ dẫn về thời tiết thật sự. Trong vài phút sau trực vô tuyến trao cho David một mảnh giấy. Có Frank Cox ở bên, David đang gò lưng trên bàn đồ thị nghiên cứu.

Hai người cùng nghiên cứu mẫu tin trong yên lặng:

- Một buổi tối tháng chạp điển hình. Đại tá Cox phát biểu.

Có mây thấp trên toàn miền Nam nước Anh với những cụm sương mù. Ôu phi trường Luân đôn mây xuống thấp tám trăm bộ, tầm nhìn xa trên mặt đất là sáu trăm mét. Có điều kiện đóng băng ở hai ngàn bộ.

David gật đầu:

- Tôi nghĩ là chúng ta nên xin đổi hướng về Luân đôn. Trong điều kiện như thế này, đáp xuống White Waltham chẳng có thiết bị hạ cánh đâu. Phi trường Luân đôn thuận lợi cho chúng ta hơn trong một đêm như thế này.

Đại tá không đoàn trưởng nói:

- Tôi đồng ý.

David phát tín hiệu và đợi chờ sự trả lời chấp thuận và thông tin cho một chiếc máy bay đang ở trên không trung. Mười phút vẫn chưa có trả lời trong lúc ấy máy bay của họ đang tiến dần đến nước Anh với vận tốc sáu trăm dặm giờ và giảm độ cao một ngàn bộ một phút. Cơ trưởng nhăn mày và lặp lại

lời thỉnh cầu được đổi hướng đến phi trường Luân đôn, nhấn mạnh cao độ và vị trí và giờ đến phỏng định.

Cuối cùng cũng có trả lời:

- Giữ cao độ ba mươi ngàn bộ. Chấp thuận đổi hướng về phi trường Driffield, thuộc Yorks. Máy ở Driffield ba ngàn bộ, tầm nhìn năm dặm.

Hai sĩ quan nhìn bản tin sửng sốt. Frank Cox buột miệng nói:

- Trời đất, chúng ta không thể theo lệnh họ đáp xuống Yorkshire.

Viên phi công cắn môi:

- Nhưng họ đã nói như vậy.

Thế máy bay có lên xuống phi trường Luân đôn không?

David quay về chuyên viên vô tuyến, người này nói:

- Thưa cơ trưởng máy bay vẫn hoạt động bình thường ở Luân đôn. Tôi nghe họ trao đổi với nhau trên tầng số cao. Họ vẫn đáp bình thường.

Đại tá Cox nói:

- Anh hãy điện cho họ như thế này:

- Xin phép được đáp ở phi trường Luân đôn, toàn thể hành khách là hoàng cung

Ký tên, chỉ huy trưởng Phi đội Nữ hoàng.

David hỏi:

- Chúng ta xuống ba mươi ngàn bộ, được không Đại tá? Chúng ta đến gần rồi mà!

Frank Cox lưỡng lự. Trong ngành hàng không, việc đến gần một vùng có nhiều máy bay ban đêm phải được tuân thủ và những chỉ thị của đài kiểm soát không lưu phải được tôn trọng tuyệt đối, ai cũng phải biết điều đó. Tuy gạt đầu nhưng vẫn không vừa ý:

- Cứ hạ xuống ba mươi ngàn bộ nhưng nhớ giữ đường bay, ông ta nói.

David đến nói với Ryder đang cầm tay lái rồi trở lại bàn đồ thị ngay. Hai phút sau lại có tín hiệu trả lời:

- Cho phép không, lập lại không, cấm hạ cánh xuống phi trường Luân đôn vì chưa rõ kinh nghiệm của phi hành đoàn Uúc. Bay tiếp đến phi trường Driffield và cho biết giờ đáp phỏng định.

David đỏ mặt giận dữ:

- Tôi nghĩ từ này Đại tá nên đảm trách việc này. Anh ta nói.

Đây chỉ là một công việc được thôi phòng. Đại tá Cox bình tĩnh trả lời.

Có người nào đó ở ngoài muốn làm cho vụ này rắc rối thêm. Nghi một chốc ông ta nói tiếp:

- Hãy gửi văn bản này:

- Phi hành đoàn đã được huấn luyện đầy đủ về những thiết bị hạ cánh do công ty Hàng không Anh quốc đào tạo, đã đạt những tiêu chuẩn của công ty này. Yêu cầu được đáp xuống phi trường Luân

đôn.

Hai sĩ quan ngồi ở bàn tọa độ, yên lặng chờ đợi trả lời. Chốc sau lại có văn bản:

- Tên của phi hành đoàn không thấy xuất hiện trên danh sách bay hằng ngày. Cho phép không, lập lại không, ưu tiên đáp xuống Luân đôn bị hủy bỏ vì điều kiện thời tiết bắt buộc. Tiếp tục bay đến phi trường Driffield, cho biết giờ định hạ cánh.

Frank Cox nói:

- Thay đổi đường bay đến Driffield, Nigger, cho họ biết giờ định hạ cánh.

Sĩ quan hoa tiêu yên lặng đi tới bàn tọa độ và bắt đầu đổi hướng bay, anh ta ra hiệu và hướng dẫn cho Ryder đang điều khiển tay lái. Sau đấy anh ta thay phiên cho Ryder và ngồi vào ghế cơ trưởng. Anh ta không còn nổi giận nữa, vì anh ta biết rằng đối với bản thân và ngay cả phi hành đoàn chẳng cần phải khiêu nại. Anh ta cũng biết rằng Bộ chỉ huy huấn luyện của Công ty Hàng không Anh quốc ở Hurn, trong việc kiểm tra, đã bảo đảm năng lực của toàn thể phi hành đoàn. Đây có lẽ là một việc trọng đại hơn thế. Đây cũng có thể là một hành động nhỏ nhen, vụn vặt, của một giới chức có tầm cỡ muốn nói với Nữ hoàng rằng:

- À, nếu bà yêu cầu được bay với bọn thuộc địa, bà cũng nên chịu đựng vài sự khó chịu, phải không? Tại sao bà lại không để yên cho Liên hiệp Anh và tại sao lại không ở mãi trong nước Anh, có hơn không? David cũng thắc mắc tại sao Huân tước Coles lại có một đầu óc vụn vặt, nhỏ nhen như vậy? Sau lưng David, Frank Cox đã lấy bức điện tín và cầm theo. David ở trong ghế nhìn với theo, qua cánh cửa mở vào buồng của Quận công anh ấy thấy Cox gõ cửa buồng Quận công. Anh ta mím chặt môi khi nghĩ đến cuộc đón tiếp Nữ hoàng trở về nước Anh như thế này đây và trở lại công việc với trái tim nặng trĩu. Chẳng có một chiến đấu cơ nào dàn chào Nữ hoàng, cũng chẳng có Thủ tướng đứng đợi trên đường băng để đón chào Nữ hoàng. Có một điều gì đó rất khác lạ.

Chàng bay thêm mười dặm cho gần tới Driffield, và cao độ hai ngàn năm trăm bộ, thì phi trường đã hiện ra trước mặt, phi đạo và phụ đạo đèn sáng lên. Driffield là căn cứ của không lực Hoàng gia, và David cứ thắc mắc là tại sao họ chọn nơi đây làm nơi hạ cánh, trừ phi đây chỉ cách ga xe lửa chính của York bốn mươi dặm và như thế giảm được tối đa sự nhọc mệt và bất lợi cho Nữ hoàng sau chuyến công du dài ngày. Anh ta cho Ceres bay một vòng nhỏ, cách hàng rào phi trường ba dặm là hạ cánh xuống phi đạo ngay, từ Canberra đến mất hai mươi một tiếng rưỡi.

Anh ta cho máy bay đỗ lại trên đường băng nơi có một nhóm nhỏ sĩ quan đang đợi chờ bên hai chiếc xe hơi và anh cho máy bay tắt máy. David ra khỏi ghế bay, đội nón lên, sửa lại quân phục và đi thẳng đến phòng khách. Nữ hoàng vừa bước ra khỏi buồng riêng, quay lại nói với David:

- Thành thật cảm ơn cơ trưởng Anderson. Thật là một chuyến bay dễ chịu.

David trả lời:

- Tôi rất tiếc phải đổi nơi hạ cánh, thưa ngài. Tôi nghĩ cũng làm ngài bận tâm. Chúng tôi hứa chắc

chuyện này sẽ không xảy ra nữa lần tới!

Nữ hoàng ôn tồn nói:

- Đừng buồn lòng. Ta biết cơ trưởng cũng không thể làm gì hơn! Cảm ơn cơ trưởng đã giúp ta một chuyến đi an toàn và thú vị. Nữ hoàng quay đi và rời máy bay.

David dừng lại bên ghế của Rosemary và giúp nàng mang chiếc túi xách, rồi đi theo nàng xuống đến đường băng. Trong đêm tối, cơn gió lạnh buốt từ Bắc hải thổi tốc vào hai người. Chàng nói:

- Em sẽ về Luân Đôn với Nữ hoàng chứ?

Có lẽ vậy, anh Nigger ạ! Nàng trả lời:

- Em nghĩ là họ sẽ cho xe đưa tới York cho kịp chuyến tàu lửa mười giờ hai mươi. Anh sẽ làm gì?

Anh sẽ ở lại giữ máy bay. Chàng trả lời:

- Ngày mai anh sẽ bay về White Waltham nếu còn được phép bay ở nước Anh.

Nàng buồn buồn nói:

- Giá em đến được với anh. Đến được ga King s Cross chắc cũng phải ba giờ sáng.

Chàng phải rời nàng ngay để còn sắp xếp cho phi hành đoàn đưa máy bay vào nhà chứa máy bay.

Chàng ở lại với anh em cho đến khi máy kéo đưa chiếc Ceres vào chỗ trú và đóng cửa lại. Rồi chàng đi vào nhà ăn sĩ quan của không lực Hoàng gia. Chàng thấy Nữ hoàng và Quận công đang dùng bữa tối trong tư thất của Tư lệnh không quân Hoàng gia. Đám tùy tùng còn lại dùng bữa trong nhà ăn sĩ quan. Đoàn xe chuyên chở cả phái đoàn đến ga York đã được ấn định lúc tám giờ bốn mươi lăm.

David cũng nói được vài lời với Frank Cox trước khi ông ta đi Luân đôn với đoàn tùy tùng. Đại tá nói:

- Tôi sẽ điện thoại cho anh vào sáng mai. Có lẽ cũng phải đến mười một giờ, ngay khi đã sắp xếp ổn thỏa cho chuyến bay của anh về White Waltham.

David hỏi ngay:

- White Waltham còn mở cửa cho chúng ta chứ, Đại tá.

Tôi đâu có nghe là không mở cửa. Thế anh có biết chuyện gì à?

Không. Tôi chỉ lo thôi.

Tôi nghĩ mọi việc sẽ êm đẹp. Anh cũng đừng nên quá lo làm gì, Nigger ạ. Đây chỉ là điều bực mình nhỏ nhặt. Chẳng làm gì được anh và phi hành đoàn của anh đâu. Nếu họ thật sự không biết, họ sẽ tìm ra tất cả khi hỏi công ty hàng không Anh quốc. Ông ta dừng lại một chút rồi nói tiếp:

- Không, có điều gì hơi khác lạ, nhưng lại là việc của Nữ hoàng. Nếu tôi là anh, tôi sẽ quên đi tất cả.

Cũng phải lâu lắm tôi mới quên được. Viên phi công buồn buồn nói:

- Ngài là Nữ hoàng của tôi mà cũng là của anh. Tôi chẳng phải là thằng mất gốc chết tiệt đâu!

Đại tá nhìn David hơi sững sờ:

- Đây cũng là một quan điểm mà tôi chưa nghĩ tới.

David nói:

- Cũng đã đến lúc có người nghĩ tới rồi! Nữ hoàng giờ đây đã mệt đừ, thế mà có thằng lai căn mắt gốc nào lại bắt Ngài phải đi thêm sáu giờ đồng hồ nữa, vừa xe vừa tàu, giữa đêm khuya, chẳng nghĩa lý gì cả. Tôi chẳng thích như thế. Cao ủy của chúng tôi cũng chẳng thích như thế. Và Canberra cũng chẳng ưa gì khi nghe câu chuyện đã xảy ra.

Im lặng một lúc, rồi Đại tá không đoàn trưởng nhìn lên, mỉm cười nói:

- Thật khó nhí?

Anh chàng người Uìc nói:

- Anh nói đúng, khó thật. Không phải tất cả những thằng mất gốc đều là quân chết tiệt. Tôi nói như thế chỉ là một hình ảnh của ngôn từ.

Phần lớn dân Uìc cũng là dân lai căn mà! Đại tá Cox nói:

- Vậy chỉ nên nói bọn chết tiệt đáng phỉ nhổ mà thôi.

Hai người cùng cười bên ly cà phê.

Ngày tiếp theo, David lái chiếc Tare đáp xuống phi trường White Waltham. Anh ta cũng thấy Dewar với chiếc Sugar ở đây, có hơi ghen tức với phi hành đoàn vì được bay vòng quanh thế giới nhưng cũng lo lắng khi nghe câu chuyện xảy ra như thế. David đã nói chuyện qua điện thoại với Frank Cox và được lệnh là chiếc Tare phải chờ đợi một cuộc kiểm tra chuyên môn do các nhà sáng chế trong vòng ba ngày, công việc này cũng do hãng chế tạo điều hành. Hôm sau, David bay máy bay về Hatfield vào buổi sáng và giao máy bay cho xưởng de Havilland và trở về White Waltham bằng đường bộ.

Chiều hôm đó, chàng nhận được điện thoại từ phủ Cao ủy hẹn cuộc gặp giữa chàng và ông Harry Ferguson chiều hôm sau. Chàng đã có những cuộc hẹn như thế nhiều lần với Cao ủy trong suốt thời gian làm việc cho Phi đội Nữ hoàng để báo cáo công việc và những khó khăn gặp phải trong khâu tổ chức hay trình bày với Cao ủy về chiếc Tare ở phi trường White Waltham Cao ủy muốn chàng tường trình chuyến bay đến và đi từ Uìc cũng là chuyện thường tình. David đã điện thoại cho Rosemary và mời nàng dùng bữa tối cùng chàng tối hôm đó và hẹn sẽ đón nàng ở căn hộ quen thuộc vào lúc bảy giờ.

Ông Ferguson, người hơi đầy đà, mặc bộ vét xám, chào và mời David ngồi vào chiếc ghế bành kê bên cạnh bàn giấy. Khi David trình bày xong, ông ta muốn biết tất cả về chuyến bay, đặc biệt ông ta lưu ý đến đảo Christmas. Ông ta hỏi:

- Đảo ấy như thế nào? Tôi chưa bao giờ đến đó. Tôi nghĩ rằng cũng ít người biết đến.

Viên phi công nói:

- Đây là một nơi khá đẹp. Chỉ là một hòn đảo san hô vòng. Chuyến đi cũng bình an, nhưng việc tiếp tế nhiên liệu quá cở hủ. Nếu chúng ta thường xuyên đến đây, nên có những bồn chứa nhiên liệu thích

hợp và máy bơm cùng ống dẫn xăng. Dầu sao chúng cũng cần thiết cho mục đích chiến lược.

Nhớ viết cho tôi một bản tường trình, anh David nhé!

David ghi vào sổ tay.

Ông Fergeson lại nói tiếp:

- Tôi chưa bao giờ có mặt trên một đảo san hô nào. Một ngày nào đó, tôi phải đi cho biết. Thế Nữ hoàng trú chân ở đâu?

Trong tư thất của ông Quận trưởng. David kể cho ông ta nghe mọi chuyện và nói cho ông ta biết là Nữ hoàng hình như rất thích thú về ngày nghỉ lại trên đảo Christmas.

Sau đó chàng nói tiếp:

- Nếu Nữ hoàng có ý định đến thăm Uúc nhiều lần từ Canada, Nữ hoàng sẽ ghé lại đảo thường xuyên hơn, vì đây là nơi thuận lợi cho việc tiếp tế nhiên liệu, nên Ngài rất muốn một cơ ngơi nhỏ ở đây của riêng ngài?

Ông Fergeson nhướn mày:

- Thật à?

David kể cho ông ta nghe câu chuyện nghe lóm được giữa Nữ hoàng và Quận công. David nói tiếp:

- Đường bay từ Ottawa đến Canberra quá xa. Ngay cả chiếc Ceres, cũng phải mất mười tám giờ bay và với tuổi Ngài đường bay như thế quá xa nếu không có chỗ nghỉ chân. Chín mươi tiếng đồng hồ căng thẳng cũng quá đủ. Nếu Nữ hoàng có được một biệt thất nhỏ ở đây, chỉ nhỏ thôi với hai phòng ngủ, có lẽ ngài sẽ sử dụng nó làm chỗ nghỉ ngơi trong một ngày trong lúc chuyến bay gián đoạn.

Không hiểu Ngài có muốn đi con đường ấy thường xuyên không?

Có thể lắm. Theo sự sắp xếp mới, cứ ba hay bốn tháng, ngài đi theo con đường ấy là thuận lợi hơn cả.

David không muốn hỏi những sự sắp xếp mới là gì nên nói tiếp. Tôi nghĩ rằng chính phủ liên bang sẽ bỏ tiền ra để dựng một căn nhà nhỏ bằng ván cây.

Cũng có thể lắm. Cao ủy nói:

- Ai lo phục vụ ngài?

Viên phi công trả lời:

- Ngài cần một nam và một nữ tiếp viên không nằm trong cơ số của máy bay. Và như thế là đủ rồi vì Ngài đa ố có nô tì đi theo hầu.

Hai người thảo luận với nhau một lúc, sau đó vị cao ủy nói:

- Anh làm ơn viết những điều này vào bản tường trình nhé ! Tuy là tiểu tiết nhưng tôi cần biết. David ghi vào sổ tay. Thế chuyện lộn xộn xảy ra là gì mà anh phải đáp xuống vùng này? Chuyện anh phải đổi hướng bay đến Yorkshire?

David kể lại cho ông ta nghe. Cuối cùng, ông ấy nói:

- Tôi hiểu. Phi trường Luân đôn là phi trường dân sự và họ đòi hỏi phi công phải có chứng chỉ ưu hạng trong việc đáp xuống vào thời tiết xấu. Những chứng chỉ này chỉ cấp cho những phi công dân sự. Họ đòi hỏi anh cũng thế.

Viên phi công trả lời:

- Đúng vậy. Phi công quân đội không sử dụng phi trường Luân đôn như lệ thường vì họ không có bằng lái dân sự. Đây cũng là lý do bắt buộc chúng tôi đáp xuống Driffield đó là phi trường của không lực hoàng gia, vì chúng tôi thuộc không lực Hoàng gia Uùc.

Thế không có phi trường quân sự vào gần Yorkshire sao?

Viên phi công trả lời:

- Tất nhiên là có rồi, hàng chục nữa là khác.

Thế họ có biết anh được hàng không dân dụng Anh quốc đào luyện theo tiêu chuẩn của phi hành đoàn chăng?

Dĩ nhiên là phải biết :

- David trả lời :

- Chúng tôi cũng đã nói rõ trong bức điện văn, đang còn bản lưu đây. Anh ta đưa qua cho vị cao uỷ đọc :

- David nói tiếp :

- Dầu sao hàng không dân dụng Anh quốc cũng không huấn luyện cho chúng tôi hạ cánh ở Hurn. Chúng tôi tự huấn luyện lấy.

Ông Ferguson để những bản lưu xuống và nói:

- Tôi hiểu rằng có thằng nào đấy hơi cù lần Chàng phi công nói:

- Có lẽ vậy. Anh Frank Cox nói là có người nào đó đứng ngoài cổ làm cho tình thế khó khăn và làm cho Nữ hoàng mệt chơi. Nó muốn dạy cho Nữ hoàng một bài học là không đến các thuộc địa nữa. Tôi hiểu.

Nghỉ một lúc, vị cao uỷ nói:

- Anh nghĩ về nước Anh như thế nào? Giờ thì anh đã có quá nhiều kinh nghiệm về một nước như thế!

David cười nói:

- Công an cảnh sát ở đây tuyệt vời thật :

Rồi chàng nói thêm có vẻ trịnh trọng :

- Thật ra cũng chẳng có gì đáng phàn nàn, thưa ông. Đây cũng là lần đầu tiên chúng tôi cảm thấy mất vui. Tôi không nghĩ rằng họ cố ý nhắm đến chúng tôi, chỉ là một phi hành đoàn!

Ông Ferguson có vẻ suy tư nói:

- Không đâu, tôi nghĩ rằng họ muốn chơi với cấp cao hơn.

Sau khi đã thảo luận về những công việc thường nhật, David rời toà đại sứ Úc và đi bộ suốt con đường sông dẫn tới câu lạc bộ của chàng. Một cơn lạnh buốt đột ngột ập đến và cơn mưa phùn như sương rây nhẹ làm tê tái, sau niềm vui ấm áp của Canberra. Dân chúng trên đường phố trông phờ phạc và co ro, so với sức khỏe hồng hào của người dân nước Úc, nhưng trông họ cũng có dáng vẻ trầm tư và cương quyết luôn luôn là một điều mới lạ đối với David. Một lần nữa, anh ta lại bị sự ray rứt giữa sự ganh tị và ngưỡng mộ đối với họ, những người này không phải là những con người không đáng kể. Chính họ đã chế tạo ra chiếc Ceres, hàng ngàn phát minh kỳ lạ khác mà xứ sở của anh ta chưa thể làm nổi. Anh ta đi đến câu lạc bộ trong dãy phố Pall Mall và ngồi xem báo hàng tuần để theo dõi thật sát tình hình nước Anh trong những ngày anh ta đi xa. Rõ ràng là có điều gì đó đã xảy ra nên hạ viện mới đưa đề tài phiếu bầu nhiều thành phần ra thảo luận, đó là tin tức hàng đầu, nhưng không thể thu gom tất cả những sự kiện do các tuần báo đăng tải. Với ly cà phê, anh ta ngồi đọc qua các đề mục. Trong các báo của đảng bảo thủ, người ta đề cập nhiều đến việc cải cách phiếu bầu. Trong các báo Lao động có những bài báo chỉ trích gay gắt về cố gắng táo bạo của nhóm Tories muốn hủy bỏ dân chủ và trở lại hình thức cai trị cổ hủ đặc quyền, đặc lợi. Toàn là những bài báo không mấy vui, một bản cáo trạng về sự mất đoàn kết về những nguyên tắc căn bản mà David nhớ lại trong chính đất nước của mình. Bỏ tờ báo xuống, anh ta thở dài với nỗi nhớ nhung quê nhà, ở phía Nam bán cầu mà anh vừa mới chia tay.

David gọi điện thoại về căn hộ của Rosemary vào lúc bảy giờ. Nàng đưa chàng tới một nhà hàng ăn thật nhỏ và kín đáo ở chợ Shepherds, ở đây các bàn ăn sắp xếp một khoảng cách xa để những khách quen có thể nói chuyện kín đáo, ở đây chủ nhân phô bày tài sắp xếp tuy đơn giản nhưng thích hợp với khung cảnh bị hạn chế và ở đây số tiền mà khách phải trả cũng xứng với sự kiến tạo đặc biệt này. Chàng đưa áo choàng của nàng cho nhân viên phục vụ và ngồi xuống gọi một ly nước sêri và một ly nước cà chua.

Chàng hỏi nàng:

- Chuyến đi về Luân Đôn thế nào hả em?

Nàng trả lời:

- Bị sương mù nên mãi ba giờ chiều mới đến được ga King s Cross Chắc là đi toa giường nằm?

Nàng lác đầu:

- Họ không thể sắp xếp kịp anh ạ. Cả đoàn chỉ đi toa thượng hạng thôi. Khi đến Luân Đôn trông Ngài có vẻ mệt mỏi lắm!

Chàng cắn môi nói:

- Nghĩ về chuyện ấy mà anh thấy đau! Thật ra đâu phải cần làm như vậy.

Nàng trả lời:

- Đâu phải lỗi tại anh. Sáng nay có bản phúc trình gửi đến cơ quan em của Bộ hàng không. Chẳng có

gì vương bạn đến cá nhân anh.

Anh biết thế, nhưng anh vẫn đau. Em có biết tên da đen nằm trong đồng gỗ ấy là ai không?

Nàng lưỡng lự một chút rồi nói:

- Hãy quên đi anh ạ! Đó không phải là chuyện liên quan đến chúng ta.

Em nói phải :

Hai người ngồi yên lặng. Chàng thỉnh thoảng hỏi :

- Có ai đến đón Ngài ở ga King s Cross không em?

Hoàng tử Charles và công chúa Anne :

Nàng trả lời :

- Vào buổi sáng sớm mà ăn mặc diện như thế nên cả hai đều rất lịch sự.

Chàng sốt ruột hỏi:

- Thế không có Thủ tướng à? Nội các có ai đến chăng?

Không anh ạ!

Chàng im lặng, đến giờ món hors d oeuvres do bồi bàn bung ra. Chờ cho chàng phục vụ đi khỏi,

David nói:

- Anh đọc hết các bài báo trong tuần xem thử họ nói gì lúc chúng ta đi vắng. Hình như cũng có nhiều liên hệ đến phiếu bầu nhiều thành phần.

Nàng gật đầu:

- Em nghĩ là đúng đấy!

Chính quyền có vẻ cay cú Nàng trả lời:

- Đúng vậy. Thông thường người ta hay cay cú khi một điều gì mà người ta tin tưởng tuyệt đối bị dẹp bỏ. Chính quyền thì vẫn khư khư nguyên tắc cũ, một người một phiếu bầu. Họ cho như vậy là trung thực.

Chàng lại hỏi:

- Tình hình có gì trầm trọng không em?

Em nghĩ là có :

Nàng trả lời :

- Dầu sao, em không tin rằng vấn đề có thể đi xa hơn được.

Có điều gì ngăn cản chăng?

Em không biết nữa. Có lẽ do bản chất con người.

Đáng ra chàng đã đưa ra một lời chỉ trích độc địa, sâu cay về chuyện ấy nhưng chàng đã dừng lại được vì Rosemary là người Anh và chàng đã yêu nàng. Trong lúc hai người yên lặng dùng bữa, chàng suy nghĩ về những gì nàng nói, về mục tiêu và sự quyết tâm của những con người này. Có thể là nàng đúng, có thể là người Anh thật sự có bản chất, cuối cùng đã dẫn dắt họ tránh những khó

khăn. Chàng cũng không để tâm đến việc hỏi nàng lúc ấy nàng có ngụ ý gì, nên chàng đã lái câu chuyện và kể cho nàng nghe về dự định xây một biệt thự nhỏ trên đảo Christmas để Nữ hoàng sử dụng khi Ngài đến đây một lần nữa Anh sẽ viết đề nghị này trong bản tường trình của anh gửi cho Cao uỷ và Cao uỷ sẽ tán thành :

Chàng nhìn nàng dò hỏi :

- Em có nghĩ rằng việc ấy thực hiện được chứ?

Cô nàng nhanh nhẩu trả lời:

- Anh Nigger à, Nữ hoàng thích lắm đấy! Chắc chắn đây là điều bất ngờ nếu chính phủ Úc đề nghị, phải không anh?

Anh cũng nghĩ như vậy :

Chàng trả lời :

- Em có nghĩ rằng điều đó chưa phải lúc nói ra nếu như anh cứ viết vào bản tường trình?

Không, em không nghĩ như vậy. Giờ đây Ngài đang gặp khó khăn. Một việc nhỏ nhặt như thế mà có kết quả thì đều có ý nghĩa đối với Ngài. Cứ nghĩ rằng, có ai đó, ở đâu đó đang cố gắng làm cho Ngài đẹp ý cho dù ở phía bên kia của địa cầu hay ở giữa Thái bình dương.

Em có nghĩ rằng anh có thể trình bày chuyện này với ngài Cao uỷ Ferguson bằng miệng không? Chỉ có điều là mình đã nói đến hai lần.

Nàng cười nói:

- Cũng như mình đọc thánh kinh vậy. Em không thể hiểu tại sao anh không thể nói điều ấy khi gặp lại ông ta, dù sao thì ông ta cũng đã có thiện ý với việc ấy rồi!

Ông ta hầu như ngày nào cũng nói chuyện với Canberra :

Viên phi công nói tiếp :

- Có lẽ ông ta cũng dàn xếp được một việc nhỏ nhặt như thế qua điện thoại.

Aên xong họ ngồi uống cà phê và hút thuốc. Cô nàng nói:

- Ba em mới đến đây ngày hôm qua. Ông cụ đã ở lại trong căn hộ của em, nằm trên giường bố trong phòng khách. Ông cụ cũng ít khi đến Luân đôn nhưng tuần này em không thể về Oxford được, em bận trực. Ba em muốn biết chuyến đi vừa rồi thế nào.

Ông cụ có trở về ngay không? :

- David hỏi Nàng gật đầu:

- Ba em đã trở về sáng nay Anh cũng muốn, lúc nào đó, gặp ba em.

Thì em cũng muốn vậy. Em muốn mời ba em ở lại, đi ăn tối với chúng mình, nhưng ông cụ phải về ngay, có lẽ vì bận dạy phụ đạo :

Cô ta dừng một chút rồi nói tiếp :

- Đêm qua Ba em đã nói chuyện rất nhiều trước khi đi ngủ. Cũng có nhiều chuyện đáng nói lắm.

Chuyện gì nào?

Đủ thứ chuyện :

Nàng trả lời mập mờ :

- Về cuộc khủng hoảng đáng nguyên rủa này. Về nước Anh. Ông cụ cho rằng dân chúng nước này đang dần dần chuyển đổi để tốt hơn.

Chàng nhăn trán lại nói:

- Tốt hơn à?

Nàng gật đầu:

- Ông cụ nói rằng tất cả bọn vô dụng bị loại dần và từ nay chúng sẽ vắng bóng một thời gian dài :

Nàng vừa quây cà phê có vẻ tư lự :

- Dĩ nhiên là tuổi của ba em là sáu mươi ba, một thời gian dài để hồi tưởng, ông đã tham gia đệ nhị thế chiến trong lực lượng Thiết giáp hoàng gia. Đêm qua ông cụ đã nói nhiều về những điều mắt thấy tai nghe khi còn trẻ. Về lớp người bỏ ra nước ngoài khi Pháp và Hà Lan bị xâm chiếm và lớp người còn ở lại.

Thế à?

Nàng gật đầu nói:

- Ông cụ nói khi một đất nước bị quân thù xâm lăng, những người đầu tiên bỏ đi là những người rất thông minh, yêu nước, can đảm. Họ ra đi vì đã quyết định tiếp tục chiến đấu trong lực lượng đồng minh nơi có chiến trường tốt hơn. Nhưng sau lực lượng ấy là những kẻ tị nạn sợ chết, ích kỷ và những kẻ chỉ nghĩ đến làm giàu, những con người đó đâu có chiến đấu cho quê hương đất nước hay một lí tưởng nào khác. Ông cụ đã không xài được những người tị nạn. Ông cụ nói những người ấy đi rồi, nước Pháp đã trở nên tốt hơn. Người dân ở lại dưới chính quyền Đức hầu hết vẫn vững vàng, kiên định, họ sẽ không để cho kẻ xâm lăng đuổi ra khỏi đất nước, họ vẫn gan dạ và đầy kinh nghiệm :

Dừng một chút nàng nói tiếp :

- Ông cụ nói rằng đó cũng là những gì đang xảy ra ở nước Anh trong suốt hai mươi năm qua. Tất cả những con người sợ chết, ích kỷ cũng được loại bỏ.

Chàng thích thú liếc nhìn nàng:

- Đấy cũng là một ý kiến mới mẻ. Có phải ý ông cụ muốn nói nửa dân số Anh cách đây hai mươi năm tệ hơn bây giờ.

Nàng trả lời:

- Ông cụ nói như thế đấy. Ông còn đề ý điều ấy ở lớp thanh niên đang bước vào ngưỡng cửa Đại học. Lớp người ấy bây giờ giỏi hơn cách đây ba mươi năm, khi ông cụ trở về trường Oxford sau thế chiến thứ hai. Họ có cá tính nhiều hơn, họ không “ngồi chờ sung rụng” như thói quen cũ. Đấy là nhận xét

của ông cụ.

Chàng phi công góp ý:

- Nếu đó là sự thật kể cũng lạ. Ba em đâu có dại gì, ông cũng từng chen vai thích cánh với nhiều người thuộc giới thượng lưu trí thức ở Oxford và vẫn hòa đồng. Đôi lúc sự bất hạnh làm cho con người sành điệu hơn, khôn ngoan hơn và mềm dịu hơn. Điều đó cũng có thể xảy ra đối với một đất nước, giống nhau cả mà!

Chàng lại hỏi:

- Em có nghĩ rằng trong lúc lộn xộn này cần làm một điều gì đó về phiếu bầu nhiều thành phần không?

Nàng trả lời:

- Nên lắm chứ. Em nghĩ ông Iorwerth Jones đang gặp phải khó khăn, ông ta không lường trước được.

Nevil Shute

Mùa Mưa

(In The Wet)

Chương 8

Những ngày sau đó, David ít gặp Rosemary. Anh cùng phi hành đoàn đến Hatfield đem chiếc Tare về White Waltham và cùng với Frank Cox bắt đầu công việc lấy cho được các chứng chỉ hạ cánh xuống phi trường dân sự của Anh quốc để được phép đáp xuống phi trường Luân đôn trong trường hợp khẩn cấp. Cả hai người cùng đi đến Bộ Hàng Không và được một quan chức cấp trung hiên lãnh tiếp đón. Ông này đề nghị rằng theo những điều lệ của nội qui thì những sĩ quan Úc và Canada trong lúc phục vụ đội bay Nữ hoàng phải bỏ quân hàm để được tái xác nhận là những phi công dân sự tùy theo từng loại chứng chỉ, tất cả phải mất độ sáu tuần để tiến hành thủ tục. Dewar và David cùng phát biểu là điều này không mấy cần thiết, nhưng vị quan chức ấy thành thật xin lỗi là không thể làm gì hơn được vì đây là qui định của Bộ. David và Dewar bỏ đi và trao quyền quyết định cho Cao ủy phủ. Vài ngày sau, hoàn toàn bất ngờ, họ được gọi đến Bộ một lần nữa. Lần này họ được một quan chức cao cấp hơn tiếp, đó là Bí thư thứ hai. Ông ta tiếp đón hai người rất ân cần và nói rằng ông vui mừng thông báo những văn bằng của hai người đã được điều chỉnh. Trên bàn làm việc của ông ta đã để sẵn những văn bằng dân sự của tất cả nhân viên của phi hành đoàn Úc và Canada. Bằng phi công đệ nhất hạng cho Chỉ huy trưởng phi đội Dewar và Chỉ huy trưởng phi đội Anderson, một tập văn bằng phi

công dân sự, chuyên viên truyền tin và kỹ sư cơ khí cho tất cả phi hành đoàn. Các sĩ quan tiếp nhận các giấy tờ, có hơi ngạc nhiên, cuối cùng họ rút lui về Câu lạc bộ Hàng không Hoàng Gia có mang theo những giấy tờ này.

David nói :

- Trong giọng nói đã có chút ít thay đổi. Nguyên do vì sao?

Dewar nói :

- Trời mà biết ! tôi đã hỏi Frank nhưng anh ta vẫn giữ bí mật. Tôi nghĩ là họ sợ một cái gì đó. :

- Ngừng một chút, Dewar lại nói :

- Anh ta có nói với anh là tôi sẽ đi Ottawa nữa không?

Không. Thế bao giờ anh đi?

Đêm mai. Tôi chở Hoàng tử Charles và toàn gia quyến của ông ta.

David nhìn Dewar hỏi :

- Hoàng tử đi bao lâu?

Tôi đâu biết. Đêm mai mình cất cánh lúc tám giờ với Hoàng tử và Công nương, ba đứa con, người hầu nam và nữ, bí thư và ba phần tư tấn hành lý. Sau đấy tôi phải đợi lệnh.

Trên báo đâu có đăng tin gì phải không?

Không ! Hãy giữ bí mật đấy!

Dĩ nhiên.

Đó là ngày mười tháng chạp. David tối hôm sau cũng có mặt với Ryder để chứng kiến chiếc Sugar cất cánh và yểm trợ nếu cần. Chuyến bay không bị trở ngại. Hoàng tử xứ Gale đến với gia đình và đoàn tùy tùng trên ba chiếc xe hơi và bước ra trên đường băng tối tăm và đầy gió bên cạnh chiếc máy bay và lên ngay ghế ngồi. Cửa máy bay đóng lại, động cơ bắt đầu chuyển động và chiếc Sugar tiến về phi đạo. Frank Cox và David đứng nhìn ngọn đèn lái nhấp nháy trên bầu trời trên đường hướng về Canada và sau đó họ trở lại với sự sáng sủa và ấm áp của văn phòng làm việc.

Vào lúc ấy Frank Cox mới quay qua nói với David :

- Lần tới sẽ là anh, Nigger ạ!

Thế đã sắp xếp gì chưa? David hỏi.

Không nhiều thì ít. Gia đình Havants sắp đi Kenya, đến Nyeri.

Lúc nào?

Thứ sáu hoặc thứ bảy. Chưa có ngày nhất định. Tôi đoán có lẽ thứ bảy.

David gật đầu :

- Chúng tôi sẽ chuẩn bị. Ở lại bên ấy hay trở về liền?

Trở về liền :

- Đại tá Không đoàn trưởng trả lời :

- Có thể có công tác khác nữa sau chuyến bay ấy.

Viên phi công cười :

- Một chuyến đã làm người ta lo rồi ! Chuyến đi Nyeri. Còn một chuyến nữa đi Nanyuki, phải không ?

Phải. :

- Hai người lại trở về với hồ sơ, và Cox lấy ra bản họa đồ và những chi tiết về Nanyuki :

- Anh đã đến đấy chưa ?

David lắc đầu :

- Chưa. :

- Anh ta đang nghiên cứu những chi tiết của phi đạo, độ cao và vùng đất chung quanh.

David nói :

- Ban ngày mà đáp xuống đấy thì an toàn thôi. Nhưng vào giờ chúng ta hạ cánh là đêm rồi, bảy hay tám giờ. Nếu đáp lần đầu mà gặp thời tiết xấu hoặc ban đêm, thì tôi sẽ không đáp đâu. Thay vào đấy, tôi nghĩ ta nên đáp xuống Nairobi.

Họ phải mất mười lăm phút để nghiên cứu đường bay. Cuối cùng viên phi công nói :

- Thế này thì được, cất cánh lúc bảy giờ sáng. Nếu quá sớm thì sẽ đáp đêm ở Nairobi và như thế họ có thể ở lại đêm ở đấy và hôm sau sẽ đi bằng xe hơi.

Frank Cox ghi nhanh các con số trên lưng một bì thư, ông ta nói :

- Họ có thể rời khỏi đây hơi tối một chút và đi chuyên bay đêm. Cất cánh lúc mười một giờ và đến đấy chín giờ sáng. Như thế tiện hơn cho họ vì bọn trẻ được ngủ suốt đêm.

Đi cả gia đình à?

Đại tá gật đầu.

Viên phi công nhìn đại tá cười :

- Chuyến trước Hoàng tử và gia đình, chuyến sau Công chúa Anne và gia đình. Giống như di tản toàn bộ.

Có thể như thế, :

- Đại tá Cox nói :

Chúng ta chỉ biết vậy thôi !

Vâng, chỉ là thông tin thôi mà ! Bay ngày bay đêm tùy vào họ, nhưng tôi thích bay ngày hơn.

Đại tá trả lời :

- Tôi sẽ cho anh biết đúng lúc.

David nói :

- Mấy chàng trai lại thích đi phép trong dịp lễ Giáng sinh vì hầu hết họ đều có quan hệ trong xứ sở này.

Cox lắc đầu :

- Chẳng có nghi phép Giáng sinh cho phi hành đoàn của anh đâu, Nigger ạ! Thật ra, tôi không nghi như vậy, vì cứ tưởng anh có công tác khác cơ. Thôi, xin lỗi nhé !

Viên phi công trả lời :

- Chẳng quan trọng gì đâu ! Thà họ có việc mà làm hơn là ngồi quanh đâu đó. Thế chuyến bay đến đâu ?

Tôi cũng chưa rõ. Tôi nghĩ là họ chưa quyết định.

Sáng hôm sau giới báo chí được thông báo là Hoàng tử và công nương xứ Gale cùng gia đình sẽ đi nghỉ Giáng sinh ở Vương cung Gatineau, nơi đây George và Alice sẽ được học bài vở lòng về trượt tuyết. Tờ Thời báo, trong mục bình luận có nói đến kết quả đáng vui mừng trong những quan hệ của Liên hiệp Anh qua những động thái nội bộ của Vương triều từ nước này đến nước khác. Tuy nhiên, người ta chẳng bình luận về cuộc thăm viếng sắp đến của Công chúa và Quận công Havant đến Kenya.

Hôm đó là thứ năm, David điện thoại cho Rosemary ở trong cung và mời nàng cùng ăn tối với chàng. Chàng nói:

- Chẳng còn bao lâu nữa anh sẽ đi xa, thế tối nay gặp nhau có được không?

Nàng trả lời :

- Chỉ là chuyện anh sắp đi thôi, anh Nigger ? Công việc ở đây không hờ tay. Đêm qua mãi đến hơn mười giờ, em mới về nhà.

Ôi trời ! :

- Chàng nói :

- Chắc là em mệt lắm nhỉ ?

Không sao đâu anh ạ :

Nàng nói tiếp :

- Em nói làm sao, nhớ khi không tới được để ăn cùng anh ở tiệm Mario, một cửa hàng trong khu Shepherds Market.

Chàng hỏi :

- Một mình em, em làm gì được nào ?

Chàng lại nói :

- Anh cũng nấu được nhưng anh muốn tận mắt xem em làm việc. Em có thích, chẳng cần phải gọi món ăn, anh đem đến vài lon đồ hộp và nấu cái gì đó trong lúc chờ đợi em. Anh ở lại không lâu đâu !
Ồ, anh David, ý anh hay đấy ! Thế thì em chẳng phải lo về muộn. Anh nấu được chứ ?

Chàng trả lời :

- Dĩ nhiên là được. Thế làm sao anh vào được nhà ?

Nàng nói cho chàng biết có một người trông nom nhà cửa ở tầng dưới, giữ chìa khóa :

- Em sẽ điện thoại cho cô ấy và bảo cô ta để cho anh vào, :

- Nàng nói tiếp :

- “Em cố về trước bảy giờ nhưng không hiểu có được không. Đừng đọc tất cả thư tình của em, nghe anh !

Dĩ nhiên là anh sẽ đọc. Ít có cơ may cho thằng nhỏ như thế này.

Chàng lái xe lên Luân đôn, trời cũng đã về chiều, với một vali đầy cả đồ hộp mà chàng đem về từ Úc trên chiếc Ceres, chàng ghé lại cửa hàng Fortnum và Mason trước khi về căn hộ của nàng. Cô giữ nhà cho chàng vào và chàng để cả chiếc vali lên bàn, nhìn quanh với vẻ há hê, xem thật kỹ các tấm ảnh và sách của nàng. Mười lăm phút sau chàng thức dậy và cởi áo gió ra và bắt đầu tìm hiểu tiềm năng của căn bếp nhỏ. Chàng mở vali ra bắt đầu nấu bữa ăn, sau đó chàng tìm ra muống nĩa, khăn trải bàn và dọn bàn ra. Chút nữa thì chàng làm chuyện bất chính là hé nhìn một cách sượng sùng vào buồng ngủ của nàng nhưng chỉ ngang cánh cửa buồng và đóng lại vì mặc cảm tội lỗi.

Khi nàng hấp tấp về tới căn hộ thì thấy bàn đã dọn ra, lửa đỏ và một ly nước sêri đã chế sẵn và một đĩa trứng cá muối có bánh qui ở trên. Từ ngoài đường vào, nàng vừa lạnh vừa buồn ngủ, nhưng nhìn vào những thức ăn trên bàn cộng thêm cái mùi hấp dẫn từ nhà bếp tỏa ra và chàng Nigger Anderson, lớn con, da sạm, vừa vui vẻ vừa ấm áp. Nàng nói :

- Ô, anh Nigger ! Thật tuyệt vời ! Anh nấu được gì nào ?

Gà lôi áp chảo. Em có mệt lắm không ? :

- Chàng hỏi.

Giờ thì hết mệt rồi ! Em chưa bao giờ ngủ được một mùi thơm đến thế !

Chàng nói :

- Mùi rượu vang đấy. Rượu vang Úc. Anh luôn luôn cho rượu vang vào món áp chảo. Nó làm mất đi các mùi khó chịu.

Và trứng cá muối. :

- Nàng đi vào phòng ngủ và ném cái áo choàng vào đấy, một lúc sau nàng trở ra, đôi mắt lóng lánh :

- Anh không thể tưởng tượng được trở về với căn phòng ấm áp ý nghĩa làm sao, lại có thêm bữa ăn đã dọn sẵn !

Chàng đưa cho nàng ly sêri và tự mình cầm ly nước cà chua. Hai người cùng ngồi ăn bánh qui và trứng cá muối. Chàng hỏi :

- Hôm nay bận lắm phải không ? :

- Vừa nói vừa quan sát nàng đang ngồi đối diện, có nhiều nét mệt mỏi hiện ra trên đôi mắt, khóe môi nàng.

Nàng trả lời :

- Hoi bạn. Thôi đừng nói đến chuyện ấy nữa, anh Nigger ạ ! Đợi cho em nóng người lên đã.

Chàng gật đầu :

- Khác hẳn với khách sạn Canberra. Theo anh nghĩ, chỉ cần một lúc sau là em ấm lại ngay.

Nàng cũng tán thành :

- Ở đây cũng tuyệt vời ! Cũng thật khó mà nhận ra chỉ mới cách đây mười ngày mình còn ở đây, cũng là hoa như thế, trên cành như thế trong vườn. :

- Nàng nhìn ánh lửa bập bùng nói :

- Em yêu nước Anh. Nhưng em cũng nhận ra rằng có nhiều nơi khác người ta cũng có thể yêu như vậy.

Chàng nói :

- Nước Anh vào mùa Xuân giống như trong truyện thần tiên. Anh sẽ tặng em một mùa xuân như thế. Nhưng vào thời điểm này, bất cứ người nào cũng có được mùa Xuân như anh hằng mong đợi.

Nàng vừa nhấp nước sêri vừa cười :

- Anh mua nước sêri ở đâu ? Không phải thứ của em chứ ?

Chàng lắc đầu :

- Đây là một loại rượu vang ở miền Nam nước Úc, giá rất rẻ. Em có thích không Thích lắm. Em đoán là anh đã chở về nhiều thứ trên máy bay nhưng đâu đâu đó.

Chàng cười :

- Anh đem về gần nửa tấn thực phẩm, đồ ăn và thức uống, anh bảo với nhân viên phi hành là mỗi người có thể mang theo năm mươi ký.

Yên lặng một chốc, nàng bảo :

- Ngày mai anh sắp đi xa rồi, anh nhỉ ?

Ngày mai hay thứ bảy. Anh chưa được lệnh chính xác.

Nàng nói :

- Có lẽ ngày mai. Thiếu tá Macmahon đã nói chuyện ấy với Huân tước Marlow trước khi em đi xa. Công chúa Anne muốn đi ngày mai, vào lúc trời tối.

Họ đã nói với Đại tá Cox chưa ?

Em chắc là họ đã gọi điện thoại khi em rời cơ quan.

David đồng ý và nghĩ rằng Ryder nếu được lệnh, đã thông báo ngay chiều hôm ấy cho phi hành đoàn. Vừa nghĩ như thế thì có tiếng điện thoại reo. Nàng đứng dậy trả lời và đưa ống nghe cho David, cười nói :

- Cửa Trung úy Ryder đây anh ạ !

Chàng nói chuyện với phi công phụ vài phút và sắp đặt công việc xong xuôi.

Chàng bỏ máy xuống. Nàng đứng bên cạnh, vừa uống xong ly sêri và nói :

- Anh Nigger, mời anh dùng bữa. Món gà áp chảo của anh đang làm em thèm lắm đây ! Có lẽ em chảy nước miếng mất !

Hai người bắt đầu ăn món ấy, khoai tây và đậu Hà lan. Chàng rót cho nàng gần nửa chai rượu vang đỏ và ngồi xuống cùng ăn.

Chàng chuẩn bị cho nàng đào hộp, kem hộp làm món tráng miệng, cả hai thứ đều mua ở Úc. Nhìn món đào nàng nói :

- Em nghĩ là anh nên để lại một ít cho chuyến bay ngày mai hay ngày mốt đi Kenya, anh David ạ !
Chàng cười :

- Có lẽ thế. Sau khi đáp xuống Nanyuki rồi, anh sẽ bay tiếp đến Nairobi và để cho phi hành đoàn nghỉ lại đêm. Các anh phải tìm nơi nào đấy để lấy xăng trước khi bay về nhà. Ở Nanyuki không có điểm tiếp liệu. Ngày Chủ nhật, anh sẽ bay ban ngày và đến nơi trước khi trời tối.

Nàng nói :

- Chẳng bao giờ xảy ra nữa đâu, anh Nigger ạ ! Một lần nữa cũng không !

David nói :

- Thứ Hai vừa rồi, họ hồi hải phát các bằng lái cho các anh. Chỗ em làm có nghe người ta nói gì không ?

Nàng trả lời :

- Em có thấy gì đâu ! Ngày thứ bảy Quận công Philip đã cho mời Huân tước Coles và họ đã bàn thảo gần nửa tiếng đồng hồ. Dĩ nhiên em không được phép biết họ nói gì. Em chỉ thấy Huân tước Coles đi vào thì hớn hờ nhưng khi ra thì chẳng vui chút nào.

Chàng phi công nói :

- Khó khăn rồi đấy ! Hoàng tử Charles và gia đình thì ở Canada với ba phần tư tấn hành lý. Anh sẽ đưa Công chúa Anne cùng Quận công Havant và gia đình đến Nyeri, cũng với ba phần tư tấn hành lý.

Cô gái gật đầu.

Chàng nói tiếp :

- Chỉ còn Nữ hoàng và Quận công ở lại nước Anh gánh trách nhiệm trực tiếp của Vương triều.

Rosemary ngồi quan sát chiếc đĩa trước mặt nàng nói :

- Trước đây cũng đã xảy ra như thế rồi !

Chắc thế. Nhưng Frank Cox muốn anh trở về ngay khi đến Kenya, vì còn có công tác khác cho anh.

Cô gái nhìn chàng lo lắng :

- Anh lo nghĩ quá nhiều, anh Nigger. Anh suy diễn làm gì cho mệt khi chưa phải lúc. Anh cần gì phải biết chuyện sắp xảy ra, đôi lúc không cần biết cũng tốt hơn.

Chàng mỉm cười nói :

- Anh đâu có tò mò những bí mật của Hoàng gia. Anh chỉ làm những điều người ta bảo phải làm đúng lúc và không một lời chát vắn. Anh còn lo cho anh và em. Thế lần này em có đi với anh không ?

Chắc có. :

- Nàng trả lời :

- Dầu chuyện gì xảy ra đi nữa, em nghĩ là Thiếu tá Macmahon luôn ở bên ngài, và em sẽ đi với ông ta.

Tốt. Đó là điều anh muốn biết.

Yên lặng một lúc, nàng lại nói :

- Anh David này, em muốn anh phải hết sức cẩn thận trong vài ngày tới. Họ muốn tìm hiểu những điều gì đó ở nơi anh nhưng không được. Người ta, bằng cách nào đó, sẽ cố tìm cho ra ở phi hành đoàn của anh, em cũng không rõ nữa. Ngay cả việc họ cho máy bay của anh không hoạt động. Nhiều việc quái gở có thể xảy ra mà em không thể nói ra được, ngay cả việc xảy đến cho bản thân anh. Nhưng nếu anh muốn là bầy tôi trung thành của Nữ hoàng, anh phải rất thận trọng trong những ngày tới đây, mãi đến sau ngày Giáng sinh.

Chàng nhìn vào mắt nàng nhỏ nhẹ nói :

- Cám ơn em. Anh phải cố nhớ.

Hai người đứng dậy rời khỏi bàn và dồn các đĩa vào một nơi để cho người giữ nhà rửa dùm sáng hôm sau. Sau đấy nàng chế hai ly cà phê từ bình lọc, mang về lại phòng khách và ngồi xuống trước ngọn lửa lò sưởi. Chàng nói :

- Trông em có vẻ mệt. Thôi ráng ngủ cho ngon đi nhé ! Uống xong ly này là anh về trại.

Nàng lại nói :

- Em chưa mệt đâu ! Chỉ là một chút căng thẳng cho cả anh và em, chẳng có gì đáng ngại.

Chàng mỉm cười, ôn tồn nói :

- Ba năm phải chịu đựng như thế, anh nghĩ là vừa đủ cho bất cứ một ai, có lẽ anh cũng bị ảnh hưởng đấy !

Cô gái nhẹ nhàng nói :

- Thế mà ngài chịu đựng đã ba mươi năm rồi, anh David ạ !

Đâu có lẽ, như thế này mãi, phải không em ? :

Chàng nói thêm :

- Anh muốn nói, đây có lẽ là cái vận xấu nhất, sự khủng hoảng đối với các nhà ngoại giao của ngài.

Nàng gật đầu :

- Em cũng nghĩ thế. Nhưng trách nhiệm quá nặng nề đối với một người đàn bà, anh David ạ ! Ngay cả khi không có chuyện rắc rối, ngài phải đọc và đánh dấu cả chồng công báo, riêng cá nhân ngài

cũng phải theo dõi vô số các vụ việc, những trách nhiệm xã hội chẳng ăn nhằm gì, ngài cũng phải lưu tâm. Gần một trăm năm qua, đối với bất cứ ai công việc thật quá nhiều không làm nổi. Từ khi Vương triều trở nên quan trọng và đầy trách nhiệm, công việc quá tải đến độ kinh khủng. Chẳng có gì mới mẻ, chẳng hạn như Hoàng tử Albert chết vì làm việc quá sức, người ta gọi là Albert Thiện. Nữ hoàng Victoria có giải pháp của riêng mình bằng cách rút lui hoàn toàn công việc của xã hội. Vua Edward thứ bảy và vua George thứ năm, cả hai cũng không sống được lâu, suốt ngày ở bàn làm việc cho đến khi đi ngủ thì chết. George thứ sáu cũng làm việc cho đến chết, như vua Albert Thiện vậy. Nữ hoàng Elizabeth và Quận công Philip đã ở trên ngôi báu ba mươi năm, lâu hơn bất cứ một vua nào khác trừ Nữ hoàng Victoria. Họ đã chịu đựng đến cùng. Họ đã có thể gánh vác trách nhiệm vì họ cùng nhau làm việc như một tập thể và họ đã thành công tuyệt vời. Nhưng họ không thể cán đáng công việc lâu hơn nữa vì cả hai cũng đã già, anh David ạ ! Già trước tuổi mà !

Yên lặng một lúc, David hỏi :

- Vậy đâu là lời giải đáp ? Khi Nữ hoàng băng hà, Vương triều cũng đổ theo hay sao ? Bà là vị vua hay Nữ hoàng cuối cùng của nước Anh sao ?

Cô gái trả lời :

- Không, nếu ngài biết cứu giúp Vương triều. Như anh thấy, nếu chuyện ấy xảy ra, chắc chắn sẽ là sự cáo chung của Liên hiệp Anh.

Nàng đứng dậy nói :

- Thôi, đừng nói thêm gì nữa, anh nhé ! Em đã không thể giữ bí mật với anh, cho phép em dừng ở đây là vừa. Anh có hiểu cho em không ?

Chàng đứng lên, đến bên cạnh nàng. Chàng nói :

- Anh hiểu. Giờ thì em phải đi ngủ. Cố mà ngủ ngoan đi nhé ! Hãy giữ những gì đẹp nhất trong giấc ngủ của em. Anh đi đây một chút và kiếm cho em cái mà em thích.

Nàng cười :

- Em sẽ đi ngủ đây. Em sẽ có quà, cái mà em không thể có được và chưa hề dùng đến. Anh cũng cố mà ngủ đi nhé ! Đêm mai là anh bay rồi, bay đến Kenya, phải không anh ?

Chàng gật đầu :

- Em nói đúng. Anh đã có công tác rồi mà chẳng hề lo nghĩ. Dại gì mà không ngủ cho ngon. :

- Chàng mỉm cười nhìn nàng :

- Mọi bận tâm hiện tại của anh là em thôi.

Như bị một ma lực thúc đẩy, nàng tiến đến gần và cầm lấy bàn tay chàng :

- Anh Nigger thân yêu, :

Nàng nhìn vào mắt chàng và nói :

- Anh đến với em tối nay thật tuyệt vời. Em sẽ không bao giờ quên bữa ăn kỷ niệm này.

Chàng cầm bàn tay kia của nàng và kéo nàng sát vào người chàng. Nàng để yên trong vòng tay ấm, mặt hơi ngược lên, chàng cúi xuống, hai người trao đổi nụ hôn nồng ấm. Nàng để như vậy một lúc cho chàng hôn lên mặt và vuốt tóc nàng. Rồi nàng rời vòng tay chàng và nhỏ nhẹ nói :

- Thôi anh nhé, chúng ta đừng tiến xa nữa.

Chàng cười duyên :

- Em nói có hơi muộn đấy ! Vì chúng ta đã bắt đầu rồi !

Em biết, nhưng thôi đừng tiến thêm nữa.

Tay chàng vẫn còn ôm vai nàng :

- Em muốn nói hãy thông thả đợi ngày sáng sửa hơn, :

- Chàng nói tiếp :

- Nhưng em và anh sẽ mãi mãi ghi nhớ giây phút này. Cũng từ giây phút này chúng ta đợi ngày cử hành hôn lễ nhưng chắc phải đợi lâu lắm, phải không em.

Nàng lại nói :

- Anh Nigger thương yêu. Khi đã quyết định rồi, chúng ta sẽ không đợi chờ lâu đâu. Như đã có lần, em đã nói với anh là phải chờ em lâu lắm.

Bao lâu ?

Nữ hoàng gặp trời yên bể lặng cũng vài tháng nữa. Lúc ấy em có thể ra đi được rồi” :

Nàng gỡ vòng tay của chàng và chỉ giữ lại một bàn tay thôi :

- Anh đã làm em nói ra tất cả, thay vì phải giữ kín anh David ạ !

Chàng cười nói :

- Anh sắp sửa đi xa rồi ! Và em phải đi ngủ thôi. Giá mà anh ở lại được với em.

Nàng cười tinh nghịch :

- Anh David, nếu anh nói như thế, có lẽ em chẳng an toàn chút nào khi có anh ở trong căn hộ này !

Không có đâu. Em hơi liều quá thôi !

Chàng quay lui lấy mũ và áo khoác :

- Những cô gái như em làm cho các chàng trai dễ phạm tội.

Nàng lại nói :

- Một ngày nào đó chúng ta sẽ phạm tội, khi Nữ hoàng đã qua đại hạn. Em xin hứa với anh.

Đánh cá nhé ! :

Vừa nói chàng vừa cúi xuống hôn nhẹ lên má nàng :

- Chúc em ngủ ngon, Rosemary.

Nàng nói nhỏ nhỏ :

- Chúc anh ngủ ngon, anh thương yêu. Nhớ bảo trọng trên đường đến Kenya.

Chàng lái chiếc xe thể thao nhỏ trở về Maidenhead trong cơn mơ màu hồng, chẳng bao lâu chàng lạc

vào thế giới thường nhật và lãng quên lời dặn dò cẩn thận của nàng. Chàng ngủ một giấc ngon lành và trước mười giờ chàng đã có mặt ở Luân đôn, ở văn phòng Shell House và hội ý riêng với Chánh đại diện của Hàng không, ông Corbett. Nhờ ông ta, chàng đã khám phá ra sự thật và tuyệt đối tin rằng chàng sẽ thực hiện một chuyến bay xa vào tối hôm ấy. David nói :

- Chiều nay tôi cần hai xe bồn trống không và một xe nhớt. Tôi muốn bất kỳ một giọt xăng nhớt nào bơm ra khỏi chiếc Ceres phải được Bộ chỉ huy giám định và phân tích chính xác. Tôi không muốn tìm thấy, trong lúc đổ đầy bình xăng khác, lại có nước lã hay đường hay một loại gì bậy bạ trộn vào trong xăng nhớt. Sau đấy ông cho xin một biên lai chưa dùng, chúng tôi sẽ bơm xăng trở lại cho máy bay đầy đủ. Và tôi không muốn ai biết chuyện này.

Ông Corbett nhướng mắt lên nói :

- Như vậy bản thân tôi phải quyết định thôi.

Chiều hôm ấy phải mất ba giờ để tiến hành công việc, đến năm giờ thì tiếp tế xăng nhớt và nhận biên lai chưa dùng. David ra lệnh cho tất cả phi hành đoàn phải có mặt ở nhà chứa máy bay trong lúc công việc tiếp tế đang tiến hành, trừ các tiếp viên. Khi xe bồn đã đi khỏi, David ra lệnh cho một nửa phi hành đoàn đi lấy hành lý và ở lại trong phi cơ với nửa kia. David không dám liều lĩnh. Đến mười giờ, người ta dùng máy kéo đưa chiếc Ceres ra khỏi nhà chứa máy bay và cho các động cơ vận hành vài phút. Trong lúc công việc đang tiến hành thì một xe chở đầy hành lý đến. Mười một giờ kém mười lăm, Công chúa, Quận công và ba người con được xe hơi đưa đến theo sau là xe của y tá, người giúp việc và người hầu. Frank Cox và David đón họ trên đường băng và đưa họ vào máy bay. Sau đấy Frank Cox rút lui, cửa máy bay đóng lại và David bắt đầu thi hành công tác.

Dưới đất gió thổi mạnh và hơi ẩm, họ bay vào mây ở độ cao một ngàn bộ. Rồi khỏi tầng mây thấp nhất vào khoảng mười sáu ngàn bộ và bay vào đúng đường bay trong ánh trăng vàng vạc. Công chúa cùng chồng đến buồng lái và ở lại vài phút nói chuyện với các phi công, nhưng chẳng có gì để xem cả ngoài bầu trời xanh và ánh trăng sáng, dưới xa là tầng mây trắng và rồi hai người đi trở về buồng riêng để nghỉ ngơi.

Bay về phương nam họ bỏ lại mây trắng đằng sau và vào lúc nửa đêm họ đến Địa Trung Hải, dưới lớp mây cách khoản họ thấy được ánh điện của thành phố Genoa. Một giờ mười lăm họ bay qua miền dưới của đảo Sicile gần Catania và hai giờ mười lăm họ bay qua vùng Bengazi của bờ biển Phi Châu. Bốn giờ ba mươi phương hướng vô tuyến cho biết thành phố Khartoum sáng lên, có lẽ máy bay cách đó ba trăm dặm về hướng tây. Đến đây thì trời vừa sáng, máy bay đang bay về hướng đông nam. Một giờ sau David bắt đầu cho hạ độ cao và đến sáu trăm mười lăm ngàn bộ, chàng thấy được dải đen phi đạo về phía bắc của đỉnh núi Kenya. Chàng tiến đến gần, cẩn thận đảo một vòng trước khi đáp vì trước đây chàng chưa đến đây bao giờ và ở cao độ sáu trăm ba mươi lăm ngàn bộ, giờ GMT chàng đáp nhẹ bánh trên đường băng và đỗ lại bên cạnh các loại xe hơi đậu gần phi đạo.

Xuống đến đất là chín giờ sáng và mặt trời Châu Phi đã bắt đầu nóng bức.

Chàng đứng vài phút trên đường băng nói chuyện với Công chúa và Quận công và mấy người con vừa mới thức dậy. Tất cả bước lên xe hơi và tài xế lái về hướng Sanaga nơi có biệt xá của Hoàng gia. Phi hành đoàn tiếp tục bay đến Nairobi để tiếp tế nhiên liệu và từ đó trở về nước Anh. Họ đáp xuống phi trường White Waltham sau mười hai giờ, giờ GMT và David cho chiếc Ceres tiếp tế nhiên liệu và kiểm tra ngay chiều hôm đó, Chủ nhật, mười bảy tháng chạp và sẵn sàng cho một chuyến bay khác. Tối hôm đó, David gọi điện thoại cho Đại tá Cox và báo cáo là đã sẵn sàng.

David rất đỗi ngạc nhiên khi thấy chiếc Sugar từ Canada trở về đang nằm trong nhà chứa máy bay. Trong lúc nghỉ giải lao, chàng đã hỏi Chỉ huy trưởng Dewar có chuyện gì mà anh ta phải trở về.

Vị sĩ quan Canada trả lời ngắn gọn :

- Chờ ngài Toàn quyền về.

Tom Forrest ?

Ngài Đại nguyên soái Thomas Forrest chứ ! :

- Chàng Canada trả lời.

Ông ta trở về làm gì ?

Ông ta có nói cho tôi biết đâu !

Có ai đi với ông ta không ?

Không, chỉ một mình ông ta. Thế còn chuyến đi của anh thì sao ?

Cũng thế thôi, :

Chàng người Úc trả lời :

Bay đến đây, đổ đầy xăng rồi quay trở về.

Cũng lạ ghê nhỉ ? :

Vị sĩ quan Canada nhận xét.

Chẳng có gì cả.

Lát sau, khi hai người trong cơ quan, chàng nói riêng với Dewar :

- Tôi được tin là sẽ có lộn xộn trong xứ sở chết tiệt này. Thế nào cũng có phá hoại chìm trong các chiếc máy bay của chúng ta. Hình như Vương triều càng ngày càng có những hoạt động độc lập, như chuyện máy bay của chúng ta, phù hợp với ý nguyện của những người Anh xa xứ. :

- Chàng còn lưu ý Dewar cẩn thận trong việc xăng nhớt. Chàng nói tiếp :

- Tôi chỉ sợ có kẻ đột nhập vào ban đêm. Một người canh chưa đủ đâu.

Sĩ quan Canada nói :

- Chúng mình phải có mặt ở đây nhiều đêm rồi đây !

Chắc chắn là phải có. Điều hành như lính canh.

Khi có mặt ở đây, tôi phải tuần tra với nhân viên phi hành, :

Anh Dewar nói :

- Tuy nhiên, tôi sẽ trở về Ottawa, ngày mai. Có lẽ mình phải đứng ở đây một khoản thời gian. Tôi phải cho nhân viên phi hành của tôi trực đêm nay.

Suy nghĩ một chút, David nói :

- Nếu bay ngày mai thì đêm nay khởi trực cũng được. Một nửa phi hành đoàn của tôi có mặt ở đây sẽ lo cho cả hai chiếc. Ngày mai tôi sẽ sắp xếp qui củ hơn. Chuyến này có chở ai không ?

Sĩ quan Canada lắc đầu :

- Cho tới giờ này thì chỉ biết bay máy bay không ?

Đêm hôm ấy David ở lại trong nhà chứa máy bay với ba nhân viên nữa, điều hành bốn người trực, hai thức tuần tra, hai ngủ trên sàn máy bay Tare. Sáng hôm sau, lúc mười một giờ, David đã có mặt ở Tòa Đại sứ Úc để được ngài Charles ÓKeefe, phó Đô đốc của Hải quân Hoàng gia Úc, tiếp. Đô đốc biết rất rõ về Nigger Anderson vì đã bay với nhau trong đệ nhị thế chiến. Ông ta tiếp David rất thân mật và mời một điếu thuốc.

Viên phi công nói :

- Tôi đang ở vào tình trạng rất khó xử mà không dám nói. Cái mà tôi cần là một toán tuần tra cho chiếc máy bay của tôi trong nhà chứa máy bay ở White Waltham. Tôi không muốn xin không lực Hoàng gia vì đây là tài sản của nước Úc. Nếu ngài có cho tôi xin một toán lính gác thuộc Hạm đội Úc đến đây.

Tôi hiểu, :

- Ngài phó Đô đốc nói tiếp :

- Anh cần toán lính ấy bao lâu ?

Có lẽ đến sau Giáng sinh. Cần độ ba tuần để bảo đảm an ninh.

Ngay chiều nay nếu có thể được, thưa ngài. Tôi chỉ ngại là chưa có nơi ăn chốn ở cho họ.

Họ có thể treo võng trong nhà chứa máy bay.

Thưa vâng, được ạ.

Hai sĩ quan, năm mươi lính, đủ chưa ?

Thưa, quá dư.

Tối nay họ sẽ đến, chỉ huy trưởng ạ ! Không cần điều gì nữa chứ ?

Ba xe nhà binh, chở đầy lính, khẩu phần ăn, võng, đồ lại trước nhà chứa máy bay chiều hôm ấy.

David như cất đi một gánh nặng. Tối hôm ấy anh ta tự lái xe đến biệt thự Grace and Favour, ở đây Frank Cox sống ở căn bìa của đại Công viên Windsor. David trình bày cho chỉ huy trưởng của chàng “việc đã làm xong”.

Tôi nghĩ rằng Đại tá không quan tâm đến các thủy thủ Úc trong nhà chứa máy bay làm gì, chiếc Tare là tài sản của chính phủ Úc và tôi thấy không yên tâm khi để như vậy.

Tôi hiểu :

- Đại tá Cox nhỏ nhẹ trả lời :

- Toán lính ấy do anh đưa đến, phải không ? Họ đến đây chỉ là để coi sóc tài sản của chính phủ Úc ?

Vâng ạ. Tôi không nghĩ rằng ông đã cho tôi hành động sai nhiệm vụ ?

Dĩ nhiên là có. :

- Đại tá Cox trả lời :

- Chuyện ấy không thể chối cãi được :

Dừng một chút, ông ấy nói :

- Làm thế nào mà anh có ý nghĩ là một toán canh gác lại tốt được ?

Viên phi công trả lời :

- Tôi là một người quá thóc mách, tôi không phải là đàn ông quân tử Anh.

Frank Cox cười :

- Nói cho đúng từ là một dân lai Úc, đúng không ?

Viên phi công cười trả lời :

- Đúng rồi ! Tôi là một dân lai Úc nên thính mũi như những người lai khác.

Chàng uống một ly cốc tai cà chua với Không đoàn trưởng trước khi trở về lại Maidenhead.

Có điều gì cần nói cho tôi biết về công tác sắp đến không ?

Chưa có.

Tôi nghĩ là Tom Forrest sẽ trở về Ottawa. Chúng ta có đưa ông ta về chăng ?

Anh đoán mò đấy :

- Đại tá nói :

- Chính bản thân tôi cũng chưa biết nữa là ! Mà nếu có biết đi nữa, tôi cũng chưa nói cho anh hay một ai khác khi chưa cần thiết.

Viên phi công cười giả lã :

- Xin lỗi anh, tôi đoán mò thật rồi ! Tôi muốn đưa ông Tom Forrest đi đâu đó.

Đối với hầu hết các quân nhân cùng thế hệ ấy, David tôn kính vị Đại Nguyên soái ấy. Cũng giống như Nigger Anderson, Tom Forrest cũng đi từ dưới cùng mà lên. Tom Forrest là con trai một người phụ trách nồi hơi ở một tiệm giặt ủi nhỏ ở Roundhay, một vùng ngoại ô của miền bắc xứ Leeds. Ông ta cũng là người lính giữ biên giới trước thế chiến và những ngày đầu chiến tranh, ông đã được thăng cấp hạ sĩ. Cuối trận thế chiến ông mang lon quyền Thiếu tướng. Năm 1946, ông đã thành công trong việc xin lưu ngũ như một Đại úy hiện dịch và thế chiến thứ hai ông là Thiếu tá. Ông giải ngũ với cấp Trung tướng và đó cũng là điều chứng tỏ phẩm chất con người ông trong suốt quá trình sự nghiệp, từ người thợ giặt ủi đến cấp tướng, ai cũng biết ông ta qua cái tên Tom Forrest.

Quan niệm chính trị của ông là xã hội chủ nghĩa nhẹ nhàng mà gốc gác của ông đã chứng tỏ, nhưng

ông là người đặt lòng tin nơi các Hoàng tử, đặc biệt ông là người bạn đáng tôn kính của Hoàng tử xứ Gale. Ở nước Anh, ông được ưa chuộng và kính nể bởi hầu hết các thành viên nội các và thường thường ông cùng Iorwerth Jones đi xem trận chung kết ở Wembley. Đến nay ông đã được sáu mươi một tuổi và đã làm Toàn quyền của Canada được hai năm, một đại biểu bình dân và cạnh tranh với Nữ hoàng trong khối thịnh vượng Anh.

Hôm đó là ngày mười tám tháng chạp, một tuần trước lễ Giáng sinh, David lái chiếc xe hơi thể thao từ cung điện Windsor trở về, thay vì chạy thẳng về Maidenhead, chàng hướng xe về phía nhà chứa máy bay ở phi trường White Waltham. Cách nhà chứa máy bay độ một trăm mét, một lính canh hải quân chặn xe chàng lại, một bóng đen, áo choàng xanh dài mang thắt lưng vải trắng, tay cầm súng trường có gắn lưỡi lê chỉ ngay vào ngực chàng. Chàng bị giữ lại ở đó trong lúc một lính canh khác đi tìm sĩ quan với lòng mừng khắp khời. Khi vị Thiếu úy đến, chàng mới được thả ra với lời xin lỗi vì đã được dặn trước phải làm như vậy.

Chẳng bao lâu David lại trở về với căn hộ nhỏ của chàng. Chàng tự nấu lấy một bữa ăn đạm bạc, bình thường chàng hay đi ăn ở một khách sạn, nhưng giờ đây chàng thích ở nhà hơn là gặp gỡ bắt buộc với một phóng viên tình cờ nơi công cộng. Khi ăn xong, chàng tự rửa bát đĩa. Chàng nằm đọc báo một giờ đồng hồ trước khi đi ngủ.

Ngày ấy là ngày thứ hai và chàng đã đưa Công chúa Anne và gia đình Công chúa đến Kenya vào đêm thứ sáu, có lẽ quá muộn đối với bài bình luận của báo chí vào ngày thứ bảy. Những bài báo ngày thứ hai mà chàng đang đọc phản ánh sự khó khăn tiêm tiến về những hoạt động của Vương triều. Tờ Thời báo nói, việc thăm viếng thường xuyên của Hoàng gia đối với các nước tự trị trong khối thịnh vượng Anh là đúng và rõ ràng là không khí trong lành của Sagana đã làm cho bệnh ho của cháu bé Alexandra mau lành nhưng có điều đáng tiếc là những trường hợp ngăn cản sự đoàn tụ của Vương triều với gia đình của cháu bé để cùng rước lễ Giáng sinh. Đây cũng là lần đầu tiên trong ký ức sinh động khi Hoàng gia không đoàn tụ với nhau trong mùa lễ này ở nước Anh. Hơn nữa, tờ Thời báo nói tiếp, có những điều hiểm nguy rõ ràng đứng ngoài luật định tiền lệ về sự phân tán quá rộng của Hoàng gia trong Liên hiệp Anh, điều này không cần phải có một sự tương tượng quá sống động mới hình dung được một chuỗi sự kiện làm cho nước Anh không còn Vương triều nữa, cũng như không có ai thừa kế ở xứ sở này và cũng không có một Hội đồng Quốc gia.

Tờ Buu điện Hỏa tốc lại nói thẳng thừng. Ngang qua mặt báo là một băng chữ lớn CÔNG CHÚA ĐẾN KENYA. Tiếp theo là bài tường thuật đích thật về chuyến đi của Công chúa và gia đình đến tá túc tại biệt xá ở Sanaga, và lưu ý quý độc giả rằng Hoàng tử và Công nương xứ Gale cũng đã đến Biệt điện ở Gatineau trước đây vài ngày. Bài bình luận nói gọn trong hai từ GIÁNG SINH VUI VẺ ? Bài báo nhằm đến Hoàng tử xứ Gale và Công chúa đương triều thích tham dự lễ Giáng sinh ở các nước tự trị trong khối thịnh vượng Anh hơn là ở tại nước Anh. Tờ Buu điện Hỏa tốc nói tiếp, chắc

chấn là rất nhiều độc giả đồng ý với họ, vì sau ba mươi bảy năm, nước Anh xã hội chủ nghĩa cai trị tôi không còn là nơi hạnh phúc như trước đây. Tuy nhiên, như người viết nói, trái tim của tất cả người dân biết suy nghĩ đúng đắn, đã tìm đến với Nữ hoàng bất kể gia đình ngài, ở thời điểm lớn nhất trong năm Thiên Chúa. Báo Bưu điện Hỏa tốc nói tiếp, đó cũng là điều đáng buồn đối với nước Anh, nếu trong những năm tương lai Hoàng gia tìm thấy tự mình phải hợp nhất vào mùa lễ vui vẻ này ở một trong những nước tự trị trong khối thịnh vượng Anh và nếu buổi trực tiếp truyền hình lễ Giáng sinh do Nữ hoàng chủ tọa ở Biệt điện Tharwa gần Canberra và rồi ghi hình lại và tiếp vận về nước Anh ở một thời điểm thích hợp, bóp méo sự thật với những sự la ó và bất mãn cố hữu.

David bỏ tờ báo xuống suy nghĩ và băn khoăn tại sao tờ Bưu điện Hỏa tốc đã bắn trúng điểm đen. Họ bắn trúng cũng phải. David và phi hành đoàn Úc, và cả chiếc máy bay, lúc nào cũng sẵn sàng cất cánh, một sự thật mà mọi người trong Ban Biên tập báo Bưu điện Hỏa tốc đều biết rất rõ. Một điều như thế khó mà giữ hoàn toàn bí mật đối với một phóng viên lành nghề và kinh nghiệm.

Đối với Nữ hoàng việc đi đến Tharwa trước Giáng sinh là một điều rất thuận lợi và giờ đây Úc Đại Lợi là một quốc gia quan trọng độc nhất nhờ sự cam kết kiên trì của ngài mà không ai trong Hoàng tộc làm được. Chàng ngồi như vậy lâu lắm, băn khoăn lo nghĩ và rồi cầm tờ Mirror lên.

Tờ Mirror không có những bài báo đấu tranh tiên phong mà chỉ là những tường thuật có đóng góp ý kiến. Bài báo có ba cột chính NƯỚC ANH ĐANG GẶP CHUYỆN GÌ ? Bài báo nói rằng những công nhân thật thà, ngay thẳng, miễn bàn về việc đi lang thang các nơi như Canada hay Kenya để dự lễ Giáng sinh. Thì cứ để cho Hoàng gia đi đâu tùy ý, bài báo nói, nhưng công nhân nước Anh sẽ làm lễ Giáng sinh theo cách thích hợp nhất mà người dân Anh thường làm, có thể trong tình đoàn kết thăm thiết trong một ngôi quán ở làng hay trong tình trạng thư giãn thoải mái của một rạp chớp bóng. Tuần ấy là một tuần khó khăn ở nước Anh. Mọi cuộc thăm viếng cung điện Buckingham hình như đầu đề của các báo và những người đi tới viếng cũng rất nhiều, nào là đức Tổng Giám mục của Canterbury đến ngài Tom Forrest, ông Iorwerth Jones đến Đại tá Cox. Nói chung, những người viết giữ yên lặng, do đó tạo ra cảm giác như có điều gì xảy ra ở trong nước, nhưng chẳng có ai biết chuyện sẽ xảy ra như thế nào. Dần dần tin đồn có điều hệ trọng sẽ được Nữ hoàng công bố vào dịp Giáng sinh trên đài. Chẳng ai biết tin đồn phát xuất ở đâu nhưng nó loan đi rất nhanh như là một điều căng thẳng trong tuần lễ.

Vào ngày thứ tư, David bắt đầu bị phóng viên quấy rầy, khi một đại diện của tờ Mirror gọi điện đến căn hộ của chàng, và yêu cầu chàng cho biết ý kiến về những chuyến đi trong tương lai. Chàng trả lời là chưa tham khảo thư ký riêng của Nữ hoàng để trả lời cho vị đại diện ấy nhưng khi chàng đi ra nhà xe để lái về White Waltham, một phó nhóm đã đợi ở đây và chụp một số hình ảnh chàng khi chàng đi bộ xuống lề đường và bước lên xe.

Ngày hôm ấy chàng điện thoại cho Rosemary và hai người đã ăn tối ở quán Mario khu Shepherds

Market. Chàng thấy nàng xanh xao bạc nhược, nên đã quyết định ăn nhanh hơn để đưa nàng thẳng về căn hộ của nàng. Cũng vì thấy nàng mỏi mệt, căng thẳng, chàng đã tránh những đề tài liên hệ đến công việc, mà chỉ nói chuyện về thuyền bè, những nơi thường giông thuyền thuộc bờ biển nước Anh.

Nàng đã thổ lộ :

- Đêm qua em đã về thăm nhà, chỉ vài giờ đồng hồ.

Chàng rất đỗi ngạc nhiên vì đâu phải ngày cuối tuần :

- Em về Oxford à ?

Nàng gật đầu :

- Tuần tới em sẽ không về được và có thể những tuần sau nữa.

Chàng suy nghĩ một chút rồi nói :

- Thế chúng ta có đến với nhau được nữa không ?

Nàng cười trả lời :

- Dĩ nhiên là được.

Chàng cười đáp lại :

- Thế chẳng có gì em nhé ! Anh thấy có nhiều việc xấu đi đấy !

Nàng tìm bàn tay chàng ấn mạnh :

- Em biết mà ! Anh chưa nhận lệnh gì cả, phải không anh Nigger ?

Chàng lắc đầu :

- Cho đến giờ này, anh chỉ được biết là ở đây thêm sáu tháng nữa.

Nàng gật đầu nói :

- Em có nghe nói là anh có nhiều lính Hải quân canh gác máy bay trong nhà chứa máy bay.

Chàng cười vui trả lời :

- Có người khuyên anh phải cẩn thận. Anh không nhớ là người nào.

Nàng cười :

- Có lẽ, em và anh hay lo vào chuyện của người khác. Nhưng em cũng mừng là anh đã làm được việc ấy.

Thế Quận công có biết chuyện này không ?

Nàng lắc đầu nói :

- Em không nghĩ là các ngài biết. Frank Cox có nói cho Thiếu tá Macmahon nhưng em không nghĩ là ông ấy để lộ cho ai biết thêm. Em nghĩ là ông ta rất bằng lòng công việc anh làm. Dầu sao, như thế cũng đỡ lo phần nào !

Hai người lại nói qua những chuyện khác, chốc sau nàng hỏi :

- Thế ngày thứ sáu anh sẽ ở đâu, anh Nigger ?

Chàng trả lời :

- Ở White Waltham. Anh cũng không biết là mình sẽ ở đâu nữa !

Nàng nói :

- Ba em sẽ lên đây ngày thứ sáu. Em muốn anh gặp ông cụ, có thể không có cơ hội nào nữa !

Anh cũng muốn gặp Ba em lắm. Thế ông cụ lên đây làm gì ?

Ông cụ sẽ hội kiến với ngài Tom Forrest vào ngày thứ sáu. Em nghĩ hai người sẽ ăn trưa với nhau ở Câu lạc bộ Athenaeum.

Thế ông cụ có quen ngài Tom Forrest à ?

Ba em đã gặp ông ta một hai lần gì đó. Nhưng giờ này ông ta lại muốn gặp Ba em. Ba em là giáo sư môn Kinh tế chính trị, anh ạ ! Ông ta đã điện thoại cho Ba em và vì vậy Ba em định lên gặp ông ta vào thứ sáu.

Anh hiểu :

- Nội tình rối rắm phức tạp. Không biết thân phụ Rosemary có bị dính líu vào con khủng hoảng của nước Anh không ? Dầu sao, ông cũng vô can.

Chàng cắn môi suy nghĩ nói :

- Nếu tính đến đây vào ngày thứ sáu thì cũng khó cho anh thật ! Anh đã hứa cho Ryder được nghỉ đêm thứ sáu để đi thăm bạn bè của anh ta ở Hampstead. Chúng ta không thể có mặt cùng nhau ở Luân đôn cùng một lúc được. Thế Ba em bao giờ trở về ?

Ông cụ phải trở về Oxford vào đêm thứ sáu.

Chàng phi công trầm tư trong một phút rồi mới nói :

- Khó quá nhỉ ! Anh xin lỗi em, Rosemary. Anh phải có mặt ở nhà đêm thứ sáu ngồi đợi điện gọi.

Anh không thể không có mặt ở đó để đợi lệnh, vì đêm ấy anh đã cho phép Ryder đi nghỉ rồi !

Dĩ nhiên là không được rồi, anh Nigger ạ, nhưng nếu em và Ba em cùng đi tàu lửa xuống Maidenhead, cả ba chúng ta có thể ăn tối trong căn hộ của anh được không ?

Dĩ nhiên là được. Thế em có thể xuống đây bằng cách ấy à ?

Nàng trả lời :

- Vâng, được ạ ! Em muốn anh gặp Ba em trước khi chúng ta đi.

Chàng nói :

- Anh có thể kiếm một chàng trai trong phi hành đoàn lái đưa ông cụ về thẳng Oxford sau khi chúng ta ăn tối và rồi đem xe về lại đây. Người ấy cũng có thể lái xe đưa em đến ga để đi tàu lửa trở về đây. Nhưng như thế sẽ làm em quần chân thôi trong lúc em bận rộn như thế này.

Nàng nói :

- Em thích như thế đấy ! Nó thay đổi không khí mà !

Sau khi ăn tối chàng lái xe đưa nàng về căn hộ của nàng và giúp nàng bước ra khỏi xe đứng trên lề đường Dover. Nàng mời chàng, nếu được, ghé vào căn hộ nàng một chút, nhưng thấy vẻ mặt mệt

mỗi của nàng nên chàng từ chối. Chàng hôn nàng trong bóng tối của lối vào và chúc nàng ngủ ngon rồi chia tay để nàng tự mở cửa vào nhà.

Chúc anh ngủ ngon, anh Nigger yêu quý.

Chúc em ngủ ngon, Rosemary.

Một ngày khó khăn qua đi và lúc bảy giờ kém mười đêm thứ Sáu, David đứng trên sân ga Maidenhead trong đêm tối buốt lạnh, chờ đợi chuyến tàu điện đến từ Paddington. Tàu từ từ tiến vào ga với hai ngọn đèn sáng và tiếng thắng xe nghe náo nức, chàng đứng bên người soát vé dõi mắt tìm Rosemary và cha nàng. Không thấy nàng đâu, chỉ có một ông già mặc chiếc áo mưa cũ, đội nón ni, chặn chàng lại :

- Chỉ huy trưởng Anderson phải không ?

Chàng nhìn ông cụ bộ mặt hao hao giống Rosemary, trả lời :

- Dạ phải :

Chàng hỏi lại :

- Thưa, ông là giáo sư Long ?

Phải. Rosemary nhờ tôi nói với anh là em nó phải về Hoàng cung đêm nay. Nên tôi nghĩ, tốt hơn là tôi nên gặp anh đêm nay vì rồi đây chúng ta khó mà có cơ hội gặp nhau như thế này. Dĩ nhiên là tôi nhận ra anh nhờ bộ đồng phục.

Sau khi nói vài câu, David hướng dẫn cha của Rosemary ra xe. Chỉ phải lái xe một đoạn đường ngắn là về đến căn hộ của chàng. Chàng nói :

- Cháu rất tiếc là cô ấy phải làm việc đêm nay. Cô ấy làm việc hơi quá sức.

Ông cụ trả lời :

- À, thế là phải đợi lâu lắm đấy ! :

- Chàng không trả lời.

Sau khi đưa ông cụ ly nước Sêri và chàng tự pha cho mình một ly cốc tai cà chua, chàng quay lại nói :

- Dầu sao cháu cũng rất mừng là tối nay bác đến một mình. Có lẽ hai bác cháu sẽ được thoải mái hàn huyên với nhau. Rosemary đã thưa với bác là chúng cháu xin kết hôn với nhau chưa à ?

Ông cụ cười nói :

- Nó cũng có nói sơ sơ rồi !

Viên phi công vào đề ngay :

- Cô ấy có thưa với bác là cháu không phải da trắng thuần túy không ạ, mà chỉ là dân lai.

Vâng, có.

Thưa, bác nghĩ sao về chuyện ấy ?

Vị giáo sư nhún vai :

- Tôi có quá nhiều việc quan trọng hơn để lo hơn là suy nghĩ về việc ấy. Để bắt đầu, tôi hỏi anh trước đây đã có vợ chưa ?

Dạ chưa. Thưa bác chuyện ấy không phải là dễ khi mình là người da màu.

Ông cụ cười :

- À, anh lại bắt đầu bằng những chuyện không đâu, thôi chúng ta hãy đã thông tư tưởng càng sớm càng tốt. :

- Ông cụ hỏi thêm vài câu, chàng phi công cười trả lời thoải mái :

- Thôi nhé, hãy để chuyện da màu sang một bên. Bác nghĩ đây là chuyện của Rosemary chứ không phải chuyện của ai khác.

Cháu thấy chính bác không để ý nhiều về vấn đề ấy, nhưng thời nay không ai là không đặt vấn đề về dân “boong” như cháu.

Boong ư ?

Đây là từ chỉ dân da màu của dân bắc Queensland, nơi cháu sinh trưởng.

À ra thế. Quan điểm của bác là như thế này. Nếu cháu là người được xem như có khả năng phục vụ Nữ hoàng một cách trung thành như cháu đã làm, thì cháu cũng có khả năng trở thành rể của bác, nếu như Rosemary muốn kết hôn với cháu. Thế là đủ, còn cái gì cũng không đáng kể.

David đã nhờ Jim Hansen, tiếp viên hàng không Úc của chiếc Tare, đến dọn ăn tối. David ngồi cùng cha của Rosemary và dùng bữa tối với ông cụ, với xúp, thịt gà Anh, thịt heo Úc và món trộn xà lách với xoài và đu đủ và mận tươi của Kenya ăn với kem và đường. Cuối bữa ăn có cà phê. Khi người tiếp viên đi khỏi, ông cụ nói:

- Anh không đặt các món ăn của cửa hàng đây chứ ?

Viên phi công lắc đầu.

Ông cụ lại nói :

- Thật ra, bác cũng nên nói cho cháu biết bác đã nói những gì với Rosemary chiều nay. Đây là những giai đoạn khó khăn và con của bác dấn thân vào những sự việc lớn lao. Bác đã nói với Rosemary rằng, nếu thấy mình hiện diện ở một đất nước xa xôi nào đó mà ở đây mình cảm thấy phải ở lại hàng tháng và có khi cả hàng năm, mà nếu gặp được ý trung nhân ở nơi ấy thì đừng nghĩ rằng bố mẹ sẽ làm trở ngại việc hôn phối. Con gái đi lấy chồng là chuyện tự nhiên, hai bác cũng muốn thế. Nhưng nếu có gì không thuận lợi, em nó không nên trì hoãn để chờ ý kiến của hai bác. Rosemary phải tự quyết định cuộc đời của nó và nếu em nó muốn kết hôn trong lúc ở xa cha mẹ, hai bác cũng miễn chấp.

David nói :

- Hai bác đã thương mà nói như thế chúng con phải nghe theo.

Ông cụ hỏi David về sức học và đời sống trước đây của chàng, hai người lại nói chuyện về miền bắc

Queensland.

Ông cụ nói :

- Rosemary đã kể cho hai bác nghe hầu hết về miền đất này. Hai bác cũng cảm thấy ân hận nếu để con gái mình sinh sống ở Úc vì bác và bác gái là người Anh. Hai bác sẽ chẳng bao giờ rời khỏi thành phố Oxford. Nhưng đầu sao, bác vẫn nghĩ con gái bác hành động đúng. Cô bé đã giữ một vai trò quan trọng trong lúc tuổi còn trẻ. Nếu em nó theo anh đến Úc, nó sẽ đến được trung tâm của Liên hiệp Anh nơi tất cả những sự kiện quan trọng sẽ xảy ra trong tương lai trước khi em nó đến tuổi về hưu.

David tò mò nhìn ông cụ :

- Bác đã nghĩ như vậy ư ? Bác cho rằng nước Úc rồi đây sẽ là trung tâm của Liên hiệp Anh ư ?

Đúng. Dân số của Úc bây giờ là bao nhiêu ?

Độ chừng hai mươi bảy triệu, con số này đang thay đổi không ngừng. Đợt kiểm tra dân số vừa rồi mới chỉ hai mươi ba triệu, nhưng cách đây cũng không lâu lắm.

Vị giảng viên đại học gật đầu :

- Cũng đúng thôi. Thế cháu đoán cuối cùng nó sẽ là bao nhiêu ?

David trả lời :

- Dạ cũng rất khó nói. Tất cả đều tùy thuộc vào nước. Khi cháu còn nhỏ, mọi người nói con số hai mươi lăm triệu là giới hạn. Nhưng trong cuộc sống hiện tại, chương trình thủy lợi bằng tuyết đã được thực hiện, vùng Burdekin và hơn nửa chục các vùng khác và ngày nay chương trình hạt nhân biến nước biển thành ngọt ở miền bắc Úc, chung quanh vùng rừng Rum và giá cả càng ngày càng rẻ. Người ta kháo nhau rằng giới hạn có thể là năm mươi triệu, nhưng có người nói một trăm năm mươi triệu.

Vị giáo sư nói :

- Con số năm mươi triệu hay một trăm năm mươi chẳng quan trọng gì mấy. Nước Anh có thể nuôi sống ba mươi triệu, và khi dân số nước này tụt xuống con số ấy, mọi sự thịnh linh biến đổi và nước Anh đã trở thành một đất nước hạnh phúc và thịnh vượng. Nhưng nước Úc luôn luôn có ưu thế về dân số, đó là ưu thế vĩ đại đối với sự an toàn chiến lược. Và trên tất cả mọi sự, nước cháu có được một hệ thống dân chủ hữu hiệu.

Bác muốn nói đến phiếu bầu nhiều thành phần ?

Ông cụ gật đầu :

- Thế anh có bao nhiêu phiếu bầu Bản thân cháu ? :

Viên phi công hỏi :

Cháu được ba phiếu bầu.

Căn bản và giáo dục ? :

- David gật đầu :

- Thế phiếu bầu thứ ba ?

Người phi công trả lời :

- Sống ở nước ngoài. Cháu có được nhờ tham gia đệ nhị thế chiến.

Ngừng một lát, ông cụ nói tiếp :

- Nếu ai cũng như anh ở nước Anh này có ba phiếu bầu thay vì một, chẳng cần nói đến một vị Toàn quyền làm gì !

David ngồi yên lặng nghe những gì qua đi trong cơn gió thoảng. Phải có một vị Toàn quyền cho nước Anh cũng như trong tất cả các lãnh thổ tự trị trong khối thịnh vượng Anh, một vật “giảm chấn” giữa chính trị gia được bầu và Nữ hoàng, được Nữ hoàng chọn lựa nhờ có khả năng điều hợp giữa các chính trị gia hiện hữu để phụng sự Nữ hoàng. Nếu có người nào đó có thể ngày này qua ngày khác chịu khó làm thế công việc cho Nữ hoàng như Khánh thành các Tòa Thị chính, đặt viên đá đầu tiên cho các đập nước, dự các buổi thiết triều, chủ tọa các buổi tiếp tân trong vườn ngự uyển để Vương triều có thì giờ lo công tác điều hành thật sự Khối Thịnh vượng Anh. Khi David ngồi suy tư những việc như thế thì những mảnh lắp ghép của trò chơi ghép ô dồn đến trong trí chàng. Tom Forrest là người đầu tiên được chọn làm Toàn quyền cho nước Anh, ông đang tiên thân từ tận cùng của xã hội, ông đã được tuyên dương và ngưỡng mộ như là một quân nhân đã lãnh đạo dân chúng Anh tiến tới vinh quang trong đệ nhị thế chiến, ông đã làm Toàn quyền xứ Canada mới được hai năm và là người bạn thân giao của Hoàng tử xứ Gale. Với ý nghĩ ấy, David đã ghép được vào đúng ô của trò chơi ghép ô. Với Tom Forrest hay một người nào đó như ông, sẽ đứng giữa Vương triều và thủ tướng Iorwerth Jones, có lẽ sự kế vị sẽ ít khó chịu hơn đối với Hoàng tử Charles. Có lẽ đó là những gì thân phụ của Rosemary muốn nói. Có lẽ một vị Toàn quyền nước Anh là một điều kiện mà các bậc thừa kế ngai vàng cần có, được xem như một sự chọn lựa của việc thoái vị. Có lẽ lời mắng nhiếc độc địa về phi trường White Waltham là giọt nước cuối cùng làm tràn ly đối với Hoàng tử Charles do Thủ tướng nước Anh. Có lẽ đó cũng là một việc làm có dụng ý. Có lẽ David sẽ lái máy bay cho Hoàng tử Charles đến Canada để nói thay cho Công chúa và chính bản thân Hoàng tử và cũng để trình lại với Nữ hoàng là họ không thể đảm trách công việc ấy.

Tất cả những điều này vụt qua trong ý nghĩ của David trong lúc cha của Rosemary lại ngồi suy tư trước ngọn lửa, không để ý đến cách cư xử thiếu lịch sự của chàng trai hay có lẽ ông cụ đang nghĩ rằng chàng phi công đã nghe tất cả những biến chuyển vừa qua. Ông cụ trầm tĩnh nói :

- Một người một phiếu bầu, thật sự chưa bao giờ có hiệu quả. Nó xuất hiện vào thời kỳ xã hội tự do được đánh thức giữa thế kỷ thứ mười chín. Những thành phần cai trị trong xứ sở này dựa trên sự chậm tiến để sửa sai những khuyết điểm mà những thế hệ trước cùng giai cấp đã làm đối với con người và họ làm cho tất cả mọi người bình đẳng trong việc quyết định những công việc của xứ sở,

dựa trên quyền phủ quyết của Hạ viện để kiểm chế những chính trị gia được bầu thiếu trách nhiệm. Điều ấy trông có vẻ hứa hẹn một thời, trong lúc một số dân biểu có học vấn, được đi nhiều của Hạ viện vẫn còn giữ quyền phủ quyết. Nhưng họ không bao giờ cải cách Hạ viện do vậy cuối cùng sự kiểm chế vẫn tiến hành và rồi hệ thống ấy cũng ngừng hiệu quả.

Quay về phía David, ông cụ nói :

- Tôi nghi ngờ nếu lịch sử có thể chứng tỏ, ở bất cứ lý do nào, bất cứ thời nào, một hình thức cai trị càng tham lam hơn dân chủ như đã thực hiện ở nước Anh trong suốt năm mươi năm qua. Một người dân thường có quyền bầu cử, và người dân thường đó đã đi bầu một cách dứt khoát để làm gia tăng mức sống của chính bản thân, chưa kể đến lợi ích lâu dài của con cái, chưa kể đến lợi ích rộng lớn của xứ sở. :

- Ngừng một chút, ông cụ nói tiếp :

- Khi tôi còn trẻ, nước Anh đã mất những mỏ dầu Batur và nhà máy lọc dầu Abadan. Vào năm cuối hoạt động của công ty ấy, những người có cổ phần đã rút khỏi lợi nhuận bốn triệu Anh kim, và chính phủ Ba Tư được hưởng mười sáu triệu và chính phủ Anh lấy năm mươi bốn triệu tiền thuế. Chính quyền Ba Tư gây bạo loạn và thế là chúng ta mất trắng nền công nghiệp lọc dầu, nhà máy, quyền khai thác và tất tất, vì chúng ta quá tham lam. Từ đấy câu chuyện buồn như thế cứ lặp đi lặp lại mãi. Không có bạo chúa, không có Vương triều chuyên chế nhưng sự kiêu hãnh và tham lam đã làm băng hoại nước Anh và ngay cả đến người dân thường. Mỗi một xu nặn ra được từ quốc gia đều được dồn vào việc nâng mức sống của những thành phần có năng lực thấp nhất trong nước, thành phần có quyền bầu cử. Chẳng có tiền bạc nào của nước Anh dành cho những hành động nhân đạo, hay cho việc đầu tư hải ngoại, hay để tái thiết bị nền công nghiệp của đất nước, và những nhà chính trị có quyền lực nhờ hệ thống phiếu bầu này đã vô trách nhiệm và ít hiểu biết ở cả Thượng lẫn Hạ viện. Ông cụ dừng một chút rồi nói tiếp :

- Người dân nước Úc đã khôn ngoan hơn. Có lẽ nó dễ dàng hơn đối với nước này vì lý do tình hình kinh tế. Nhưng cho tới khi đất nước này theo gương các anh một lần nữa như họ theo các anh trong việc thiết lập bầu phiếu kín và họ cho phép người phụ nữ tham gia bầu phiếu, bác vẫn chưa thấy được một tương lai hồ hởi nào cả.

Ông cụ gỡ chiếc điếu cho tàn thuốc rơi ra rồi nói tiếp :

- Bác phải trở lại Oxford. Bác chỉ muốn nói cho cháu biết thế thôi. Cũng vì những lý do như thế bác chấp nhận cho Rosemary đi Úc và làm lễ cưới ở bên ấy nếu con gái bác quyết định đồng ý lấy chồng. Bác nghĩ đất nước của cháu đang ở trên chính lộ tiến tới sự vĩ đại. Bác không nghĩ là nước Anh sẽ như thế.

Ông cụ đứng dậy và David đứng dậy theo.

Đây có phải là điều bác đã nói với Ngài Tom Forrest chăng ? :

- David hỏi.

Vị giáo sư đại học mỉm cười nói :

- Không nhiều thì ít. Khi người ta khur khur bảo thủ những thành kiến. Người ta có khuynh hướng đã kích chúng bất cứ ai người ta gặp, nhất là khi người ta trở về già.

David nhắc máy điện thoại và gọi cho Trung sĩ Syme để lái xe đưa giáo sư trở về Oxford trong xe hơi của chàng. Trong lúc chờ xe đến, hai người lại nói chuyện với nhau. Chàng phi công nói :

- Cháu sẽ liên lạc với bác sớm vì cháu cần gặp bác gái. Nhưng tình hình đã trở nên khó khăn trong tuần qua hoặc thêm hai tuần nữa và giờ này dường như cháu chẳng bao lâu nữa cũng sẽ đi xa.

Ông cụ nói :

- Không hề gì. Theo lời hứa, có lẽ cháu sẽ trở lại nước Anh trong vòng một tháng nữa, trước cả Rosemary, cháu có thể đến thăm hai bác nhé !

Xe hơi đến, David xuống tận đường để đưa ông cụ về Oxford. Chàng trở lại căn hộ trống và đứng nhìn ngọn lửa tàn một lúc lâu, suy nghĩ những điều đã học được và ý ông cụ muốn nói gì với chàng. Nếu Nữ hoàng phải tuyên bố sự chỉ định Tom Forrest làm Toàn quyền nước Anh, điều đó có nghĩa ngài phải rời khỏi nước Anh ngay, ngài không thể ở lại trong nước sau sự chỉ định ấy. Trong một năm có mặt ở nước Anh chàng đã biết được đầy đủ tình hình của xứ sở này để nhận định được rằng cơn khủng hoảng rất trầm trọng và vì sao Rosemary lại khuyên chàng nên thận trọng và mọi chuyện đã đúng như vậy. Dĩ nhiên, Rosemary đã biết mọi chuyện sẽ xảy ra. Ất hẳn là nàng đã biết những chuyện này lâu lắm rồi, có lẽ ngay cả khi hai người còn ở Ottawa. Da mặt nàng tái và mệt mỏi cũng là chuyện dễ hiểu.

Cơn khủng hoảng đối với dân Anh thật trầm trọng. Bị cơn khủng hoảng này, một số ít người Anh sẽ mất lý trí, cư xử một cách đại dột và có khi làm những chuyện điên khùng. Cũng có thể có một số thành phần dân chúng quay ra chống đối Liên hiệp Anh, Khối Thịnh vượng đã lôi cuốn Nữ hoàng bỏ đi. Sự căm thù sẽ bùng dậy và những chuyện xấu xa sẽ xảy đến. Quân phục của Không lực Hoàng gia Úc quá đặc biệt gây nên một trở ngại lớn, máy bay Úc có thể bị phá hoại. Chàng cũng biết rằng chỉ trong vòng một tuần, nước Anh sẽ ổn định trở lại, sẽ trở về với sự trầm tĩnh cổ hữu, nhưng bất cứ một điều gì cũng có thể xảy ra trong vài ngày đầu. Dân chúng nghèo khổ, lam lũ không có điều kiện để suy nghĩ sáng suốt, khách quan khi bị cú sốc này.

Chàng cũng thầm cảm ơn Thượng Đế đã khiến Rosemary cảnh giác chàng, đã khiến cho sự khôn ngoan của một sĩ quan Hải quân Úc đã cấp cho chàng những toán lính canh máy bay phòng ngừa những sự hiểm nguy mà chính bản thân chàng cũng không hiểu nổi và cũng không thể giải thích. Nhiệm vụ của chàng là giữ cho máy bay an toàn, đầy đủ, và cả phi hành đoàn nữa, luôn sẵn sàng đưa Nữ hoàng đến nơi nào ngài muốn đi. Nhưng khi đứng trước lò sưởi với ngọn lửa sắp tàn, sự thương cảm của chàng lại nghiêng về phía dân Anh. Có bao giờ một dân tộc lại bị đối xử tàn tệ như vậy ?

Trong bốn mươi năm qua, dân tộc đó đã chiến đấu cho sự sinh tồn trong một thế giới khắc nghiệt về kinh tế mà trong đó quốc gia của họ đã được tạo dựng nên. Họ đã tiếp tục chiến đấu một cách ngoan cường, xóa bỏ giai cấp, và đoàn kết với nhau trong chủ nghĩa xã hội thích hợp với cuộc chiến đấu gian khổ của họ. Họ đã phải phạm sai lầm :

Có nước nào mà không ? :

- Nhưng họ đã thực hiện những phẩm chất phi thường về kỹ năng và sản xuất, không những giúp cho việc giảm thiểu sự suy thoái mà còn làm cho nó hoạt động có hiệu quả. Giờ đây, như là một sự tưởng thưởng, Nữ hoàng của họ đã nhường bước một ít, Vương triều vẫn tồn tại và Khối Thịnh vượng chung đoàn kết với nhau. Những người dân Anh khôn khổ đã được sử dụng cật lực ! Nữ hoàng khôn khổ bị quấy rối, âu lo !

Chàng lắc đầu chán nản và buồn khổ rồi đi ngủ. Nhiệm vụ của chàng là phải tự bảo vệ mình, bảo vệ phi hành đoàn và cả chiếc máy bay, ngăn ngừa bất cứ điều gì mà người dân Anh có thể làm trong cơn giận dữ ban đầu do cú sốc gây nên. Giờ đây, họ có làm gì đi nữa, chàng vẫn cảm thấy thương xót cho họ.

Ngày tiếp theo là thứ bảy, ngày trước đêm Giáng sinh. Thường thì chàng cho nhân viên phi hành nghỉ trong hai ngày thứ bảy và Chủ nhật, nhưng chàng đã cắt đặt cho họ canh gác nhà chứa máy bay vào ngày cuối tuần. Chàng vẫn có mặt như thường lệ Ở nhà chứa máy bay vào lúc tám giờ rưỡi. Vào lúc mười giờ, chàng nhận điện thoại của ông Cox mời chàng đến Luân đôn vào điện St. James. Một giờ sau chàng vào văn phòng ở Engine Court. Ông Frank Cox đợi chàng vào mới đóng cửa kín lại.

Các ngài sẽ đi Canberra vào tối Giáng sinh, anh Nigger ạ ! Riêng anh có gì trở ngại không ?

Viên phi công lắc đầu. Mọi việc xảy ra trong mấy ngày qua khiến chàng chờ đợi tin này. Chàng trả lời :

- Tất cả đã sẵn sàng. Thế các ngài muốn đi giờ nào ?

Giờ nào thuận tiện nhất hả anh ?

David trả lời :

- Giờ nào cũng được cả. Thế các ngài có muốn dừng lại ở Colombo chẳng?

Đại tá trả lời :

- Lúc này chưa được. Các ngài còn nợ Tích Lan một cuộc thăm viếng, và các ngài dự định sẽ đến đó nửa tháng hay ba tuần vào tháng Hai cơ ! Nhưng nói chung ngài đang mệt về chuyện này lắm. Ngài muốn bay thẳng đến Tharwa và nghỉ ngơi ở đấy một thời gian.

Viên sĩ quan Úc gật đầu :

- Phải bỏ ra một giờ để tiếp liệu xăng nhớt ở Ratmalana, nếu cất cánh vào lúc chín giờ, sau khi các ngài đã ăn tối, chúng ta sẽ đến Canberra vào lúc bốn giờ sáng. Tôi đã từng tâu với ngài như vậy và có

lẽ đó cũng là cách thoải mái nhất để ngài có thể chọn. Nhưng chúng ta cần thực hiện cách nào mà ngài thích.

Đại tá Cox nói :

- Như thường lệ, ba giờ chiều ngài đọc diễn văn trên đài. Ngài sẽ nói trong hai mươi phút. Quận công Philip muốn đưa ngài đi ngay sau khi xong. Không phải ngay mà sớm hơn một chút. Nếu bay lúc sáu giờ có tiện cho anh không ?

Được thôi. Chúng tôi sẽ tiếp liệu xăng nhớt ở Ratmalana vào giờ ăn sáng và đến Canberra vào lúc một giờ sáng. Dĩ nhiên lúc đó trời còn tối. Chúng ta chẳng có chiến đấu cơ hộ tống như họ muốn chào mừng ngài.

Ngài không thích thế đâu, anh Nigger ạ ! Không phải lúc. Ngài chẳng muốn lễ nghi quan cách gì tất. Ngài đang mệt mỏi lắm !

David gật đầu :

- Như vậy có lẽ đáp xuống một giờ sáng cũng tốt cho mình ! Chắc không có nhiều người tụ tập ở phi trường Fairbairn vào lúc nửa đêm.

Không. Tôi sẽ trình lại với Quận công Philip chiều hôm nay và tôi sẽ đề nghị cất cánh lúc sáu giờ chiều ngày Giáng sinh. Bây giờ, bằng cách nào anh phổ biến hạn chế cho phi hành đoàn của anh ? Phổ biến hạn chế ?

Vâng, vì vấn đề an toàn. Điều tối quan trọng là không được để lộ ra ngoài trước giờ bay.

Viên phi công suy nghĩ một chút rồi nói:

- Tôi muốn hãng Shell kiểm tra nhiên liệu một lần nữa trước khi bay. Bơm xăng ra hết rồi bơm vào trở lại, như họ đã làm trước đây. Nếu họ bắt đầu sáng Giáng sinh, thì sẽ xong vào giờ ăn tối. Tôi sẽ thông báo cho phi hành đoàn và cho họ trở về lấy quân trang quân dụng. Như vậy cũng đủ cho họ biết tin. :

- Chàng dừng lại :

- Dĩ nhiên là phải có thực phẩm.

Tôi sẽ xét lại vấn đề thực phẩm. :

- Đại tá có hơi suy nghĩ nói :

- Có điều gì xảy ra cho phi hành đoàn thì lôi thôi lắm. Thế anh có thể cho phép họ đi cùng nhau trên một xe GMC có hai hay ba thủy thủ Úc đi kèm, có được không ? Cứ luân phiên cho từng người về nơi đồn trú.

David gật đầu :

- Để tôi suy nghĩ về vấn đề này đã. Cứ giao cho tôi, thưa Đại tá. Máy bay tôi và phi hành đoàn sẵn sàng chờ lệnh xuất phát vào lúc sáu giờ. Chúng tôi sẽ không thông báo cho họ trước giờ ăn tối đâu. :

- Chàng nói tiếp :

- Hành lý chuyển lên vào lúc năm giờ ba mươi ?

Frank Cox gật đầu :

- Tôi sẽ lo liệu cho đoàn tùy tùng với hành lý của họ tập hợp ở cung điện và đi một lần xuống sân bay.

Bao nhiêu người ?

Đã ấn định như chuyến bay đến Canberra lần trước, tám người và tôi.

Chàng buộc miệng hỏi :

- Thế cô Long có đi lần này không ?

Có chứ. Cô ấy sẽ đến.

Hai người nói với nhau thêm một lúc nữa về những chi tiết cần thực hiện trong chuyến bay, sau đó David chia tay. Khi vừa đi ra khỏi cửa, Frank Cox nói với theo :

- Nay, luôn tiện, anh đã xem tờ Mirror chưa ?

Chưa.

Đại tá Không đoàn trưởng trở lại bàn giấy và mở tờ báo ở giữa một bức ảnh chụp David rất lớn, đáng điệu buồn bã, đang bước xuống lề đường Maidenhead để tìm xe hơi. Bên dưới có dòng chữ lớn “ANH TA SẼ ĐI VỀ ĐÂU NHỈ ? Chỉ huy trưởng phi đội Anderson của Không lực Hoàng gia Úc trong Phi đội Nữ hoàng”.

David nhìn bức ảnh im lặng một lúc rồi nói :

- Những hoạt động của bọn mình không còn là bí mật nữa.

Frank Cox buồn chán trả lời :

- Tôi biết thế nhưng chúng ta phải thi hành nhiệm vụ.

Đứng ở văn phòng Engine Court, David lưỡng lự, không quyết định, băn khoăn tại sao lại không gọi điện thoại cho Rosemary để hẹn nhau đi ăn tối. Cuối cùng chàng quyết định để nàng yên, chỉ với hai ngày nữa thôi mà nàng phải làm việc cật lực và nếu có gặp nhau đi nữa, chắc sẽ làm nàng bối rối hơn trong lúc nàng không còn đủ nghị lực để bối rối thêm. Chàng gọi taxi ở cuối đường Hoàng cung St. James đến Shell House và tìm được một viên chức của Chi nhánh Hàng Không lo phục vụ ngày lễ, và nhờ người ấy, chàng đã sắp xếp công việc tiếp liệu ở White Waltham vào buổi sáng Giáng sinh. Chàng lái xe về phi trường và thông báo cho phi hành đoàn về việc kiểm tra máy bay vào toàn bộ ngày Chủ nhật. Ngày ấy họ đã làm việc từ sáng đến tối, buổi tối Giáng sinh, và chẳng tìm thấy thiếu sót nào. Đêm hôm đó họ rời khỏi chiếc Ceres và để cho các thủy thủ canh gác và buổi sáng Giáng sinh họ trở lại công tác bơm nhiên liệu ra, phân tích và bơm trở lại cho đầy máy bay.

Vào mười hai giờ trưa, những nhân viên hãng Shell lái những chiếc xe bồn trống rỗng ra đi để trở về với ngày Giáng sinh muộn mản và David tập hợp phi hành đoàn trong khoang chính của máy bay, cửa đóng. Chàng nói :

- Chúng ta sẽ về nhà chiều nay, các bạn ạ ! Cát cánh lúc sáu giờ, có Nữ hoàng trên phi cơ, ghé Ratmalana. :

- Chàng thông báo kế hoạch đi lấy quân trang :

- Tôi muốn chiếc xe chở các bạn trở về đây lúc ba giờ kém mười lăm, sau giờ đó không ai được phép rời khỏi nhà chứa máy bay.

Trung sĩ Không quân Syme hỏi :

- Chúng tôi có thể nghe lời phát biểu của Nữ hoàng không, Cơ trưởng ?

Chàng gật đầu :

- Trong máy bay cũng có đài. Chúng ta cùng nghe với nhau ở đây.

Chiều hôm ấy, tất cả đều tập họp trong văn phòng nhỏ, trống trải nhưng thiết thực trong nhà chứa máy bay, bảy người đàn ông và một cô gái. Đồng phục xanh đậm của Không lực Hoàng gia Úc. Phía ngoài văn phòng, chiếc Ceres bề thế màu sáng bạc, hiện ra lò mờ vĩ đại, đã tiếp tế đầy đủ nhiên liệu và sẵn sàng bay. Những thanh niên đứng ngồi bên cạnh bàn, bề vệ trang nghiêm, nhận thức được rằng sẽ nghe một điều gì đó rất quan trọng, nhưng chưa biết là điều gì !

Tiếng chuông đồng hồ Big Ben vừa gõ, buổi phát thanh bắt đầu, người xướng ngôn vừa giới thiệu và giọng nói quen thuộc bắt đầu nói với mọi người, thỉnh thoảng có bị ngắt quãng vì quá mệt mỏi.

Lời Nữ hoàng vừa dứt, cô Gillian Foster ràn rụa nước mắt.

Nevil Shute

Mùa Mưa

(In The Wet)

Chương 9

Vào lúc năm giờ, họ kéo chiếc Ceres ra khỏi nhà chứa máy bay, đi một vòng rồi mới cho nổ máy. Sau khi khởi động, thấy chẳng có gì trở ngại họ cho tắt máy. David ngồi trong ghế Cơ trưởng một lúc, tâm trí để cả vào tiếng máy nổ xem thử có gì chưa hoàn chỉnh hay có sự kiểm tra nào chưa chính xác. Ở bên dưới, trên đường băng, những thủy thủ Úc, xếp thành vòng tròn quanh chiếc máy bay để ngăn chặn không cho bất cứ người nào nhân đêm tối tiến sát vào chiếc máy bay.

Một chiếc xe buýt của hãng hàng không BOAC chạy đến nhà chứa máy bay như là một sự nguy trang của Frank Cox để tránh sự chú ý. Ông ta cùng tất cả đoàn tùy tùng đi trong xe với tất cả hành lý, trừ Nữ hoàng và Quận công. David bước xuống gặp phi hành đoàn và tìm Ryder khi anh ấy đang

giám sát việc chuyển hành lý lên máy bay. David nói vài tiếng với bác sĩ Mitchison và với Macmahon, và đề nghị hai người lên máy bay cho đỡ lạnh. Rồi chàng quay qua nói với Rosemary :

- Em cũng nên lên máy bay đi. Trông em có vẻ mệt lắm.

Rosemary trả lời :

- Em muốn đứng đây một chút cho thoáng. Ngồi mãi trong văn phòng như bị giam :

- Ngừng một chút nàng nói tiếp :

- Anh có nghe buổi phát thanh không anh ?

Anh nghe với các bạn trong nhà chứa máy bay. Thật cảm động.

Nàng hỏi :

- Anh có ngạc nhiên gì không ?

Chàng lắc đầu :

- Anh cũng biết ít nhiều chuyện sắp xảy ra. Anh không nghĩ là các bạn trong phi hành đoàn hiểu được.

Thế họ chấp nhận chuyện ấy như thế nào ?

Chắc em muốn đề cập đến ngài Tom Forrest ? Các bạn anh cho đó là nhà tư tưởng lớn. Nhưng em thấy đó, họ là người Úc nên chuyện thay đổi một vị Toàn quyền cũng bình thường thôi. Anh không nghĩ là vấn đề có chấp nhận hay không, điều quan trọng là dân Anh sẽ chấp nhận như thế nào ?

Em hiểu rồi ! :

- Nàng đứng đây một phút, đầu để trần, mặc cho gió mát lạnh thổi tung mái tóc, thoải mái nói :

- Em tin rằng giờ đây dân chúng nước Anh đã trưởng thành để nhận định điều đó là cần thiết, chứ cách đây ba mươi năm, lúc Nữ hoàng đăng quang, họ chưa biết gì. Ba em nói dân Anh đã thay đổi nhiều dưới triều đại của ngài, lúc ba em còn trẻ.

David nói :

- Thật là một bài diễn văn tuyệt vời. Ai viết cho Ngài thế em ?

Nàng thở dài trả lời :

- Mọi người. Huân tước Marlow viết một bài. Quận công viết một bài. Rồi sau đó, ngài Tom Forrest nói chuyện với ba em và ngài đã nộp một bài, thực chất là của ba em, từng từ một. Thiếu tá Macmahon đã gộp chung những bài ấy và đưa ngài xét duyệt và rồi ngài Robert Menzies từ Melbourne cũng viết cho ngài ba ngàn từ, trong đó cũng có vài điều thú vị. Và thế là em phải mất nửa tháng trời để đánh máy từ mười lăm đến hai mươi lần, anh Nigger ạ ! Em đã phải thức dậy lúc nửa đêm, hoài hoài như thế, đến nỗi thuộc lòng nhiều đoạn.

Chàng bóp tay nàng trong đêm tối, nàng cười nhìn chàng. Chàng nói :

- Giờ thì xong cả rồi ! Thật đáng phục đối với một bài diễn văn tuyệt vời như thế lại được hình thành do nhiều ý tưởng góp lại.

Nàng trả lời :

- Không phải đâu anh :

- Nữ hoàng buổi sáng Chủ nhật đã bỏ đi tất cả và tự mình ngồi viết theo ý Ngài. Sau đó, không ai được phép thay đổi một từ nào. Em đã đánh máy những gì ngài viết trên mười một tờ giấy khổ một phần tư tập vở, mà chẳng có thay đổi hay tẩy xóa gì hết.

Hai người tay trong tay, đứng với nhau trong bóng tối. Chàng nói :

- Em đã nói đúng về Tharwa, giờ này Tharwa đang mở cửa chờ đợi khách. Ngài chỉ xa vắng Tharwa chưa đầy ba tuần lễ.

Em biết rồi. Ngài ra khỏi nước Anh giờ này là rất thích hợp và xem thử cái gì đang sôi sục dưới quyền ngài Tom Forrest. Ất hẳn một số quá khích của Đảng Lao động đang nổi giận.

Với ngài ?

Nàng nhìn chàng trả lời :

- Ồ không. Với chính phủ của ông Iorwerth Jones. :

- Dừng một chút nàng nói tiếp :

- Ngày hôm qua đã có sự rạn nứt rồi đấy ! Có nhiều kẻ a dua theo, nhưng cũng đã quá chậm.

Anh hiểu. :

- Thật ra chàng cũng ít biết về những màn chính trị của Anh nên chàng không dám bình luận, chỉ nói gọn một câu :

- Ngài Tom Forrest đã đến lúc phải hành động.

Nàng gật đầu :

- Ông ấy cũng chẳng cần ! Đêm thứ tư, ông ấy sẽ tuyên bố trên đài.

Em có biết ông ta sẽ nói gì không ?

Nàng lắc đầu :

- Nếu ông ta tuyên bố tất cả những gì mà ông ta đã làm nháp sẵn, chắc cũng phản ảnh một phần nào trong bài diễn văn. Ông ta có đủ khả năng làm như vậy. Ông ta là một trong những người ái mộ ba em.

Ngọn gió thánng chạp buốt da thổi từng đợt lạnh công quanh hai người và nàng nép sát vào người chàng. Giọng chàng dịu dàng nói :

- Em nên vào máy bay đi ! Đứng ngoài trời như thế này, em cảm lạnh đấy ! Đến khi em ra khỏi máy bay, trời sẽ ẩm và rừng hoa bạt ngàn phô sắc bên ngoài. Em còn nhớ trước sân khách sạn Canberra không ?

Nàng gật đầu :

- Rồi khỏi nước Anh em chẳng ưa chút nào. :

- Nàng nói giọng nhỏ quá khiến chàng phải cúi xuống mới nghe được :

- Nhưng đây là dấu chấm hết cho những sự vụng về và thiếu cương quyết. Đây cũng là dấu chấm hết cho một sự kiện bắt đầu từ năm 1867, khi vô số những người theo chủ nghĩa duy tâm rộng lượng, đã cho một phiếu bầu cho mỗi người.

Chàng dắt nàng lên máy bay, bước lên những bậc cấp để vào khoang giữa, và cô Gillian Foster có bốn phần đưa nàng vào ghế ngồi. David lại bước xuống đường băng và nhìn vào đồng hồ. Chỉ còn mười phút nữa bay trước khi xe hơi Nữ hoàng có mặt. Chàng đi bộ dưới những động cơ, bồn chồn nghĩ ngợi, chốc chốc lại nhìn lên từng động cơ một. Có điều gì hoàn toàn khác lạ đối với chàng như một trở ngại trước chuyến bay. Chàng đã từng bay nhiều và bay xa đến nỗi có một quá trình dài trong quá khứ. Mọi cái đã được kiểm tra và mọi cái đều đúng, thế nhưng chàng vẫn âu lo tiên đoán một sự hiểm nguy xảy đến. Có lẽ là bánh xe cũng nên. Chàng đi bộ tiến về phía những bánh xe lớn, đưa tay sờ lên mặt ngoài của vỏ bánh xe, nhìn khoảng đất trước bánh xe và sau bánh xe, đứng nhón gót để sờ lên điểm cao nhất. Những bánh xe hoàn hảo, với trí thông minh, chàng cũng đã biết như vậy rồi ! Tuy vậy một cảm giác đang bị lâm nguy đang đè nặng trong hồn.

Chàng đi bộ đến cầu thang, nơi mà Frank Cox đang chờ đón Nữ hoàng và đứng lại bên cạnh anh ấy. Đúng sáu giờ, những ngọn đèn của chiếc Daimler lớn xuất hiện trên đường phía ngoài. Xe dừng lại ở trạm gác ở đây những sĩ quan Hải quân đang đứng đợi, sau đó xe tiếp tục chạy và tiến sát vào phi cơ. Hai sĩ quan đứng nghiêm chào khi Nữ hoàng cùng chồng bước ra khỏi xe.

Nữ hoàng chào họ và đi bộ lên cầu thang, Frank Cox hộ tống Nữ hoàng lên máy bay. Quận công dừng lại một lúc để nói chuyện với David :

- Những sĩ quan và thủy thủ Hải quân từ đâu đến ?

Họ đến từ Hải vận hạm Hoàng gia Úc Gona, thưa ngài. Chiếc Gona hiện neo tại Portsmouth.

Làm sao anh có được?

Tôi xin Phó Đô đốc ÓKeefe yểm trợ. Họ đã ở đây được nửa tháng.

Họ toàn là người Úc, phải không ?

Dạ phải.

Có lẽ đây là việc làm khôn ngoan. Cảm ơn Chỉ huy trưởng Anderson.

Ông ta bước lên mấy bậc cấp để vào máy bay, David đi theo ông ta. Jim Hansen, tiếp viên hàng không, đóng cửa lại và David tiến thẳng đến buồng lái bên cạnh Ryder. Frank Cox cũng lên buồng lái sau đó một phút :

- Cát cánh theo giờ của anh, nghe David.

David gạt đầu và khởi động các động cơ.

Mười phút sau họ cho máy bay lên cao, theo hướng đông nam, trên đường đến đảo Síp. Họ bay qua nhiều tầng mây trong bóng đêm, cuối cùng máy bay bắt đầu vào bầu trời trong sáng, đầy ánh trăng ở độ cao chừng hai mươi hai ngàn bộ trên miền Bắc nước Pháp. Cơ trưởng ngồi bất động ở tay lái khi

máy bay càng lên cao, vẫn cảm thấy âu lo, bồn chồn trong dạ và cảm giác đang lâm nguy vẫn đè nặng trong tâm hồn. Chàng chỉ lai một phần tư thổ dân Châu Úc, chẳng phải giòng giống Âu Châu hoàn toàn và trong một vài lĩnh vực, quan niệm và độ nhạy mạnh hơn những người đàn ông bình thường, điều này có thể giải thích cho sự ưu tú của chàng trong việc phi hành, chiếm kỷ lục an toàn. Thế mà tối nay, ngồi trước tay lái với nỗi âu lo càng lớn dần từng phút, và khi máy bay đạt đến độ cao phi hành và giữ mức độ bay bình thường, đầu đây hình như là vùng lân cận của hồ Constance, chàng trao tay lái cho Ryder và đi về phía sau.

Trên sàn máy bay mọi vật đều bình thường. Chàng dừng lại bên bàn đồ họa của kỹ sư cơ khí, nhìn vào từng thiết bị và đọc sổ phi hành rất kỹ. Chẳng có gì đáng nghi ngờ ở đây cả. Chàng ngồi xuống bên cạnh chuyên viên vô tuyến và nhìn lướt qua sổ điện thoại, rồi lại chăm chú nhìn vào những dấu hiệu màu xanh trên đèn cực âm điện tử và kiểm tra vị trí trên máy Decca. Chẳng có gì nghi ngờ ở đây cả. Chàng đi qua khoang giữa máy bay và từ từ đi dọc xuống, tìm kiếm thử có cửa sổ nào bị rạn nứt làm giảm áp suất hay có thể gây hỏa hoạn, nhưng mọi vật đều qui cũ. Hai người tiếp viên nam nữ đang phục vụ ăn tối, Nữ hoàng đang ở trong khoang riêng của ngài và cửa đóng. Chàng chặn cô Gillian Foster và ra dấu về phía cửa ấy :

- Trong ấy bình an cả chứ ?

Cô gái trả lời :

- Bình an cả, thưa ông.

Ngài dùng tối rồi ?

Thưa ông, vâng.

Có ăn được không ?

À, vâng. Ngài ăn gần hết, ngài còn uống một ly rượu vang nữa.

Chàng tiếp tục đi xuống đến cầu thang ở giữa hai dãy ghế. Rosemary nhìn thấy chàng và mỉm cười, nhưng chàng hầu như không thấy nàng. Có cái gì đấy, ở đâu đấy, có vẻ không ổn. Mắt chàng lùng sục khắp nơi, nào quạt khói, then cài cửa, nào nệm ở dưới sàn máy bay. Chàng dừng lại, đánh hơi xem thử có mùi dầu lửa không, nhưng chỉ có mùi thơm nấu ăn.

Jim Hosen đứng trong bếp nói vọng ra :

- Ở đây mọi thứ đều ổn.

Cơ trưởng cho phép em dùng lò lớn hơn nhé ? :

- Người đàn ông ấy nói :

- Phục vụ một bữa ăn tối nóng sốt với một đĩa lớn và một cái lò chắc không dễ đâu ! Theo em, ta nên kiếm một cái lò lớn hơn mà dùng.

David lơ đãng trả lời và tiếp tục đi. Hai chỗ ngồi đi vệ sinh đang sạch, chàng nhìn vào từng cái một, chẳng có gì trong ấy cả. Chàng tiếp tục đi về phía sau, vào ngăn hành lý và đứng nhìn những vali

chồng chất trong khoang chứa, được buộc kỹ bằng những đai nịt. Mọi thứ trông có vẻ trật tự nhưng có cái gì đó không ổn.

Hành lý là thứ chàng không kiểm tra và không ai lại đi kiểm tra hành lý của chính mỗi nhân viên phi hành. Chàng chẳng được nghi ngại, chàng cũng biết thế, cho đến khi nào thấy thoải mái vì mọi thứ đã ổn định. Chàng rút từ túi áo trong ra một cuốn sổ tay và đi về phía buồng lái một lần nữa, đến bên Ryder hỏi :

- Anh mang bao nhiêu hành lý lên tàu, Harry ?

Hai vali và một túi, sao anh hỏi vậy ?

Chỉ để kiểm tra thôi. Anh có dán bảng tên lên đấy chứ ?

Vali thì có. Túi dết tôi để lên trên hết, kìa !

Chàng lại tiếp tục đi từ mũi đến lái, điểm danh mọi người trên máy bay với hành lý của họ. Chàng không dám quấy rầy Nữ hoàng và Quận công, nhưng chàng hỏi các loại hành lý ấy từ các người hầu gái và nô tì. Khi chàng tiến đến bên Frank Cox, ông ta hỏi liền :

- Có chuyện gì thế, Nigger ?

Chàng phi công trả lời :

- Tôi muốn đếm tất cả hành lý lại. Tôi thấy chuyến bay này làm tôi khó chịu quá ! Tôi bị căng thẳng quá sức !

Frank Cox liếc nhìn chàng và đứng dậy khỏi ghế. Chỉ còn lại nam tiếp viên và nữ tiếp viên là có vấn đề và David trở lại khoan chờ hành lý một lần nữa. Chàng nói với nam tiếp viên :

- Giúp tôi một chút đi anh. Tôi muốn kiểm tra những vali ngoài danh sách này.

Đại tá Không đoàn trưởng đi theo hai người vào khoang hành lý và ba người bắt đầu mở và phân loại hành lý.

Mười lăm phút sau họ đi đến một kết luận không giống nhau. Có bốn vali đề tên E.C. Mitchinson thay vì ba trên danh sách.

Jim Hasen vui vẻ nói :

- Chắc là bác sĩ nhầm đấy. Ông đem bốn cái mà khai có ba.

Viên phi công nói :

- Đi nhanh lên và mời ông ta xuống đây để ông ta xác nhận.

Khi bác sĩ đến, David hỏi :

- Kia có phải là bốn vali của ông không ?

Bác sĩ trả lời :

- Cái kia không phải của tôi, cái màu xanh ấy ! Còn lại ba cái là của tôi.

Nhưng đều có tên của ông trên đó mà ! :

- Họ chỉ cho bác sĩ xem bảng tên.

Bác sĩ cương quyết nói :

- Tôi cam đoan không phải là của tôi. Tôi chỉ đem theo ba cái thôi. Tôi chưa bao giờ thấy cái vali thứ tư này.

David nhấc vali lên, đặt nó trên sàn cầu thang và cúi xuống quan sát. Vali còn khóa. Chàng suy nghĩ một chút rồi đi vào khoang trong. Ngay trên cửa máy bay là một đoạn thép có đầu đẹp, đây là dụng cụ để mở vali bị kẹt. Thanh thép sơn đỏ, người ta để đây mục đích là để mở cửa từ phía trong nếu bị khóa chặt vào khung cửa, khi bị méo mó vì va chạm mạnh.

Chàng lấy thanh thép và trở về chỗ chiếc vali. Chàng cạy thật mạnh hai lần và chiếc bản lề bung ra và mở nắp ra được. Phía trong vali, có vật gì đó gói trong vải bao bố, chàng đoán là vật ấy cứng. Chàng từ từ mở ra, cố giữ không di chuyển nhiều và cẩn thận cầm vật ấy bằng cả hai tay, trong lúc những người khác chen tới để xem.

Đó là một hộp bằng kim loại giống như một máy đo các múi nổi có hàn bằng bạc, dài ba tấc, rộng hai tấc, dày một tấc, nặng độ bảy ký.

Chàng cẩn thận đưa lên quá đầu và nhìn dưới đáy hộp. Chẳng có chỗ mở, không có nắp. Hình như người ta cố ý hàn rất kỹ và chẳng hướng dẫn cách mở.

Chàng nhẹ nhàng để xuống trên đồng vải bố trong vali.

Frank Cox nói :

- Chắc là phải ném nó đi thôi, Nigger ạ !

Viên phi công suy nghĩ một chút rồi nói :

- Chúng ta phải hạ thấp thôi. Chúng ta không thể vút nó xuống biển dưới áp lực như thế này. Phải cho máy bay hạ xuống bảy tám ngàn bộ. Còn Nữ hoàng !

Chàng không thể liều cho máy bay chúi xuống để giảm áp suất ở một độ cao lớn như thế khi có Nữ hoàng trên ấy.

Phải mất bao lâu khi anh hạ độ cao ?

Mười bảy mười tám phút.

Cơ trưởng quay lui, đi nhanh về phía buồng lái và nói với người kỹ sư cơ khí và Ryder đang cầm tay lái. Động cơ ở trong tắt, động cơ ở ngoài chạy đều nhưng được điều chỉnh vòng quay để giữ áp suất trong buồng lái. Khi bộ phận hãm tốc ở cánh được sử dụng, đầu máy bay hơi chúi xuống, chiếc Ceres bay đều với tốc độ giảm ba ngàn bộ một phút.

David trở lại bàn đồ họa và nhìn vào bản đồ trong lúc chuyên viên vô tuyến cho biết vị trí chính xác bằng máy Decca. Máy bay cách tây nam thủ đô Belgrade gần một trăm dặm và đang bay qua những dãy núi độ cao hàng ngàn bộ của nước Nam Tư, qua biển Adriatic và Ionian, rồi qua Brindisi của Ý. Chàng nói với Ryder :

- Lái qua hai trăm.

Và thấy máy bay trở lại bình thường. Chàng quay qua, đã có Frank Cox bên cạnh. David đưa ngón tay chỉ trên bản đồ ở giữa Ý và Hy Lạp.

Chúng ta sẽ thả nó đâu đây thôi, nếu cái vật chết tiệt ấy không nổ sớm.

Đại tá nói :

- Không có tiếng động gì cả, có lẽ không phải là bom can giờ. Tôi không thấy lỗ thoát hơi nào hết, chắc có lẽ không phải là ngòi nổ phong vũ biểu, mà có lẽ là ngòi nổ axit. Axit ăn mòn miếng kim loại hay một thứ gì tương tự như thế. Nếu thế thì phải cách ly ngay, và phải rất thận trọng khi đem nó đi. Suy nghĩ nên hạ cánh ở Brindisi hay Bari hơn ?

Viên phi công ngần ngại :

- Tôi đã di chuyển nó một lần rồi nhưng nó không nổ. Riêng bản thân tôi cũng phải cố gắng hết mình để đưa nó ra khỏi máy bay.

Anh định ném nó ra khỏi máy bay ở đâu ?

David nói :

- Hạ bánh xe xuống và tháo rời bộ phận chắn càng trước. Như thế bánh trước sẽ không còn bị vướng.

:

- Suy nghĩ một chút, chàng nói tiếp :

- Nếu hạ cánh xuống Brindisi cũng được. Tôi đã từng đáp ở đây. Về phía đông và tây, phi đạo có hơi gồ ghề đấy ! Nhưng đã có đèn.

Frank Cox cắn môi :

- Nhưng công luận thì sao !

Tôi hiểu, nhưng chúng ta phải quyết định nhanh lên ! Có thể là những tờ báo khắp thế giới sẽ đăng tin Nữ hoàng nước Anh phải đáp khẩn xuống nước Ý để gỡ quả bom đang đặt trên máy bay ngài. :

- David nói tiếp :

- Bản thân tôi đã sẵn sàng ném vật ấy ra ngoài.

Tôi không thể quyết định việc này. :

- Không đoàn trưởng nói :

- Tôi phải thỉnh ý Quận công nhưng tôi nghĩ là cũng phải đáp thôi.

Đại tá hấp tấp đi lui trong lúc David tìm nhanh những phi trường trên đường bay. Phi trường Brindisi điện đang sáng rực rỡ vì yêu cầu của máy bay đáp ban đêm và đó là thông lệ của Không lực Ý.

David gọi sĩ quan cơ khí thứ hai cùng đi xuống khoang hành lý, giờ này khoang đã trống vì được tháo tấm chắn ở càng trước. David nói :

- Tháo những con ốc này ra. Sẵn sàng mở nhanh khi tôi bảo. Sau khi tôi thả càng trước xuống, tôi sẽ ném một vật ra ngoài.

Chàng đi trở lui sàn máy bay; giờ này trời trong, cao độ là hai mươi hai ngàn bộ, trước mặt một cụm

đèn như những ngôi sao nhỏ hiện ra trên mặt đất, ắt hẳn đó là phi trường Brindisi. Chàng quay trở lại tìm Frank Cox. Đại tá bảo :

- Nữ hoàng không muốn đáp xuống. Phải ném nó ra khỏi máy bay xuống biển.

David gật đầu nói :

- Tôi đã dặn anh Cummings lo mở tấm chắn để đi xuống dưới khoang hành lý.

Frank Cox nói :

- Nếu anh đi xuống đấy, tôi sẽ theo liền. Chúc may mắn.

David quay qua nói với Ryder :

- Lái về nam, một tám không ly giác. Hai phút nữa, chúng ta ra tới biển. Xuống thấp như thế này, giữ độ cao bảy ngàn bộ, giảm sức ép, hạ vận tốc xuống hai trăm gút. Hạ càng trước xuống. Giữ như thế cho đến khi có lệnh.

Phi công phụ nhắc lại lệnh ấy xong David mới đi nhanh qua khoang giữa đến khoang hành lý. Jim Hasen còn đứng đấy, giữ cái vali. Trông cái mặt trắng bệch của anh ta, David cười bảo :

- Thế nào chúng mình cũng phải ném nó đi mà, lo gì !

Jim Hasen nói :

- Em đang cầu nguyện đây, Chỉ huy trưởng ạ.

À, thế thì tiếp tục cầu nguyện thêm năm phút nữa.

Viên phi công cúi xuống, đưa cả hai tay cầm hộp kim loại ấy lên, trong lòng cứ nghĩ, không lý gì đây là kết thúc bi thảm của bọn họ ? Chàng đưa lên ngang thắt lưng, quay người đi qua khoang giữa, qua hai dãy ghế. Khi đi qua mặt Rosemary chàng nghe tiếng nói :

- Chúc anh may mắn, anh Nigger nhé !

Khi đi qua khoang đặc biệt, Nữ hoàng cùng chồng đang đứng ở cửa, mặc áo khoác có hoa màu trắng.

Nữ hoàng hỏi :

- Vật ấy phải không, Chỉ huy trưởng ?

Chàng đáp :

- Thưa ngài vâng. Vài phút nữa chúng tôi sẽ ném nó đi !

Ngài lại nói :

- Ta thành thật xin lỗi tất cả các bạn. Nếu không có ta trên máy bay, đâu có xảy ra như thế này !

Chàng tiếp tục đi tới, rất thận trọng. Giá như nó nổ ở nơi nào trên phi cơ, tất cả đều chết, nhưng điều quan trọng là càng tránh xa Nữ hoàng càng tốt. Cái cửa nhỏ dưới bàn sĩ quan cơ khí trên sàn máy bay, có bản lề bằng nhôm đã được mở ra, phía bên dưới có hai dây thang bắc vào hông tàu, rồi mới đến phòng chứa đồ, ngang một mét ba, dọc hai mét. Sĩ quan vô tuyến đứng sẵn ở đấy chờ, đón vật ấy khi David bước xuống khoang nhỏ, khi đứng vững rồi chàng đưa tay đỡ vật ấy từ chàng sĩ quan vô tuyến, anh chàng trở về bàn làm việc, mồ hôi toát ra.

Cúi xuống bên cạnh tấm chắn là Đại tá Cox và sĩ quan cơ khí Cummings. Trong ánh sáng mờ mờ, David lom khom dò từng bước một để tránh va vào một thanh sắt nào đó làm rớt cái hộp. Chàng quỳ xuống bên cạnh hai người kia, tay khư khư giữ hộp nói :

- Đây rồi, có dám cá là cái vật chết tiệt này nó nổ trước khi ném đi không?

Cummings nói :

- Năm ăn một.

Đại tá Cox hỏi :

- Giờ đây cao độ bao nhiêu ?

David trả lời :

- Tôi đâu biết. Chắc là xuống thấp lắm. Thì giờ đâu mà hỏi !

Những giây phút trôi đi thật chậm chạp, họ chờ đợi, bất động, căng thẳng. David nghĩ, nếu vận xui, nó nổ cũng nên ! Tay chàng đau nhức. Thành linh, cao độ thay đổi đột ngột làm mọi người sững sờ.

David nhìn Đại tá Cox, tiếng Đại tá nói :

- Trở lại vị trí cũ !

David gật đầu. Chàng quỳ bên tấm chắn, chứng kiến những giai đoạn diễn tiến của máy bay, tiếng máy rú lên khi máy bay xuống thấp. Cuối cùng khi càng trước nhả ra, có tiếng gió rít mạnh. Trong ánh sáng mờ mờ David nói với Cummings :

- Mở tấm chắn ngay.

Viên sĩ quan cơ khí làm việc có bài bản, mở từng con ốc vít bỏ vào túi áo choàng. Vừa làm vừa ngâm nga một điệu tình ca. Cuối cùng tấm chắn được mở xong.

Một luồng gió mạnh ào ạt thổi vào như vách sắt, không ai đứng dậy nổi. David tay khư khư giữ cái hộp ra dấu cho Cummings đẩy tấm chắn trở lại. Chàng sĩ quan phải từ từ đẩy tấm chắn về lại vị trí cũ và đứng chận ở trên ấy, nhờ trọng lượng của cơ thể và sự giúp sức của Đại tá Cox. Trong khoang đã yên tĩnh trở lại và không còn gió nữa.

Đại tá nói :

- Chúng ta không thể ném qua lỗ ấy, nó bay ngược trở lên đấy, Nigger ạ !

Viên phi công suy nghĩ nói :

- Không hiểu gió vào rồi thoát ra đường nào mà mạnh thế !

Cuối cùng chàng hiểu ra là, khi hạ áp suất, có lẽ Ryder quên không đóng cửa sổ bên cạnh chỗ ngồi, nên gió vào phải tìm đường ra đâu đó. Chàng lưu ý Đại tá Cox rồi nói :

- Nếu chúng ta đóng cửa sổ lại, xem thử có kẻ hở nào nữa không và cho máy bay chậm lại, chúng ta có ném vật đó ra khỏi máy bay được không ?

Trong lúc bay chậm, máy bay chỉ cân bằng được một chút rồi cũng bị chúi xuống nên phải tăng vận tốc trở lại.

Chàng phi công nói :

- Anh phải tỉnh ý Nữ hoàng, có khi ngài thay đổi ý kiến và cho đáp cũng nên !

Chắc không được đâu ! Có lẽ ngài sẽ bảo bay tiếp thôi. Ngài không muốn hạ cánh nơi đâu ngoài Liên hiệp Anh.

David nói :

- Có Malta. Chừng năm mươi phút nữa, chúng ta có thể đáp xuống đây !

Đại tá Cox yên lặng và David lấy làm tiếc là tại sao Đại tá không quyết định cho rồi. Cuối cùng Đại tá nói :

- Chúng ta phải bay chậm lại, anh Nigger. Tự mình anh phải lái và cho Ryder ra sau để thông báo cho các bạn sắp xếp mọi việc. Nếu không thể ném vật đó ra khỏi máy bay, tôi cũng chịu thôi. Trong tình huống ấy, chúng ta sẽ đáp ở Malta.

David nói :

- Thôi được. Tôi không thể báo trước cho Đại tá được. Tôi sẽ cho máy bay bay lên thỉnh linh.

Khoảng ba mươi độ. Đại tá cố ném ra ngoài nhé ! Nếu trường hợp bị kẹt, Đại tá phải đứng chắn ở đây. Máy bay sẽ bị chúi xuống sáu bảy mươi độ và sẽ bị nghiêng đấy !

David đi thẳng lên buồng lái, mở cánh cửa dưới ghế của kỹ sư cơ khí để kiểm tra luồng gió thổi vào khi cất tằm chắn càng trước, thêm một người nữa để phụ cho Đại tá Cox giữ cho vững. Chàng đi đến bên Ryder xem thử cửa sổ bên cạnh tay lái đã đóng chưa. Chàng thảo luận với Ryder một chốc, sau đấy Ryder đi ra đằng sau và ra lệnh cho mọi người phải nịt dây an toàn và cũng giải thích cho Quận công và Nữ hoàng tại sao phải làm thế. Chàng ngồi vào tay lái, buộc thắt lưng an toàn và tắt tất cả đèn đóm trong khoang và bật các ngọn đèn mờ lên để làm việc. Chàng cho động cơ chạy mạnh hơn và đưa máy bay lên chín ngàn bộ.

Ryder trở về chỗ cũ bên cạnh David.

Sau đấy mọi thứ đều ổn và sẵn sàng cả chứ ?

Đã ổn, thưa Cơ trưởng.

Được. Đừng đụng đến tay lái cho đến khi có lệnh của tôi.

Hai phi công ngồi cùng nhau trong ánh sáng mờ và nhìn ra ngoài đêm tối. Họ đang bay trong hai lớp mây, lâu lâu lại có ánh sáng trắng nhợt nhạt rơi vào bên tay phải, nhưng chẳng thấy đường chân trời và chẳng dựa vào đâu mà đoán cao độ trừ những con số trên máy. David cho máy bay bay chùng chùng và ra hiệu cho Frank Cox và Cummings biết là chàng sắp thực hiện việc bay chậm và để cho họ có đủ thời giờ mở tằm chắn.

Khi chàng ngồi ở đấy, trong khung cảnh tranh tối tranh sáng, cố tập trung tư tưởng, nhìn ra ngoài chân trời phía trước mặt và nhìn vào con số không trên mặt la bàn xoay, chàng nhớ lại một kinh nghiệm mà trước đây trong lần bay thử nghiệm khó khăn, chàng đã được mọi người hoan nghênh.

Tất cả những sự kiện đó như hiện rõ trước mắt chàng. Cũng bầu trời ấy mà đường chân trời đã phân cách làm hai, phần trên xám nhạt đó là bầu trời, phần dưới tối hơn, đó là mặt đất. Và cũng từ đây, chàng thấy chiếc máy bay trải dài trước mắt mình với đầy đủ các bộ phận và thiết bị.

Trong một giây, chiếc Ceres phóng lên theo góc độ thẳng đứng, hầu như đứng trên đuôi của chính nó. Không thể tưởng tượng được khi một chiếc máy bay dựng đứng như một con cá sắp bay lên khỏi mặt nước. Rồi đầu máy bay chúc xuống, cũng theo chiều thẳng đứng, với tốc độ kinh hồn. David mặc cho máy bay quay cuồng, chàng bình tĩnh kéo tay ga và qua bao nhiêu giai đoạn, máy bay từ từ trở lại chiều ngang, các động cơ giảm tốc và tốc độ bình thường trở lại ở cao độ năm ngàn bộ. Quay qua Ryder, David nói :

- Giữ cho máy bay ở tốc độ hai trăm ba mươi gút. Tôi đi xem thử ở dưới ấy đã xảy ra như thế nào ? Chàng bước ra khỏi ghế và đến mở cánh cửa nhỏ dưới bàn sĩ quan cơ khí. Đại tá Không đoàn trưởng đang đứng dưới khoang nhỏ, đang cố trèo lên sàn máy bay.

Đại tá nói :

- Nó rớt xuống nhẹ nhàng. Nếu còn vật nào nữa cũng bay ra nốt, chứ không thể bay vào đâu ! Tôi đã ném được trước khi anh cho máy bay giảm tốc và phóng xuống.

Đại tá có thấy gì xảy ra khi nó chạm mặt đất không ?

Frank Cox trả lời :

- Chúng ta bay trong mây dày đặc, thấy gì được.

Frank Cox phui quần áo đứng dậy nói :

- Tôi sẽ đi tin cho các ngài mọi chuyện đã qua.

David nói với sĩ quan cơ khí :

- Ta trở lại độ cao phi hành, và tìm đường bay mới đến Ratmalana. Chúng ta đã xài nhiều nhiều liệu quá rồi !

Frank Cox đồng ý :

- Cứ tiếp tục. Tôi cùng đi với anh kiểm tra xăng dự trữ. Tôi cũng cần giải khát.

David nói :

- Giờ thì mọi sự đã qua.

Anh ăn tối chưa ? :

- Frank Cox hỏi.

Chưa, nhờ anh nói với cô Gillian cho tôi ăn với !

Chàng trở về ghế ngồi nhưng trao tay lái cho Ryder để nghỉ ngơi một chút, mệt mỏi về chuyện căng thẳng vừa rồi. Chàng nhìn Ryder và sĩ quan cơ khí đang đưa máy bay lên cao và vượt lên những đám mây, giờ này ánh trăng khuya còn chiếu ánh sáng về phía bên phải. Một chốc sau đã thấy cô Gillian mang thức ăn đến với ly cà phê nóng. Ăn xong chàng thấy trong người đã khỏe. Sau khi kiểm tra

nhiên liệu với Frank Cox, chàng định hạ cánh xuống Bahrein để tiếp tế, nhưng nghĩ lại máy bay còn nhiều xăng dự trữ nên quyết định đến Colombo. Frank Cox ngồi vào tay lái thay cho Ryder đi nghỉ, David đi ra sau kiểm thêm ly cà phê nữa.

Cửa buồng Nữ hoàng và của Quận công đã đóng, nhưng Rosemary còn thức, chàng đến bên nói đùa :

- Vui quá em nhỉ ? Thế mới biết đời là đáng sống !

Nàng nhích sang một bên để chỗ cho chàng ngồi :

- Ngồi ghé một chút đi anh, Nigger. Hay anh muốn trở về ?

Chàng ra hiệu cho cô tiếp viên mang đến một ly cà phê và ngồi xuống cạnh Rosemary:

- Khi máy bay mất thăng bằng, phía sau này thế nào, có ai rớt ra khỏi ghế hay bị thương gì không ?

Rosemary lắc đầu :

- Anh Ryder và anh Jim Hasen đã kiểm tra tất cả mọi người đều thắt dây an toàn và sắp xếp lại các vali bị rớt ra. Em nghĩ là chị Fethers bệnh đấy. :

- Cô Fethers là người hầu gái của Nữ hoàng.

Chàng nói :

- Tội nghiệp ! Lúc anh trở về buồng lái, anh sẽ ghé qua nói vài lời an ủi. Chỉ có cách đó mới loại vật ấy ra khỏi máy bay. Nếu không có cái cửa ấy thì cũng phải tìm sau đuôi, chỗ nào đó để ném ra. :

- Chàng nhấp một chút cà phê rồi nói :

- Em có mệt không ?

Nàng gật đầu nói :

- Khi đâm bổ xuống, máy bay phải quay vòng vòng, hả anh ? Thật kỳ cục!

Chàng trả lời :

- Cũng có chao đảo một chút, nhưng phi hành đoàn đã quen nhiều với công việc ấy rồi ! Họ cũng chẳng hề hấn gì miễn là em thông cảm cho họ.

Chàng ngồi với nàng một lúc, lưu luyến nắm bàn tay nàng nói :

- Cố mà ngủ một chút đi em ! Vài giờ nữa là trời sáng rồi ! Trong một ngày mà biết bao chuyện làm em sùng sốt ! :

- Nàng mỉm cười với chàng, sau đó chàng trở về buồng lái, có dừng lại để nói vài lời với cô Fethers.

Trong đêm tối họ bay qua Nicosia, Beirut và Barsa và tiếp tục bay về phía vịnh Ba Tư, đi qua Bandar Abbas. Khi thấy rõ vịnh Oman, bầu trời sáng lên trước mặt họ và bốn mươi phút sau, mặt trời lên khi qua biển Ả Rập. Từ đây đến Colombo, chỉ cần giữ độ cao vừa phải, David có thể uống cà phê và ăn bánh qui.

Đang ăn trong buồng lái, thì Frank Cox đi đến nói :

- Nữ hoàng sẽ đến đây sau khi ngài đã nói chuyện với phi hành đoàn và tiếp viên ở khoang giữa.

Ngài muốn nói chuyện với các anh ở nơi này. Tôi sẽ đưa ngài tới. Nói cậu nào đang ngủ thì thức dậy

đi ! Tất cả phải tề chỉnh. Năm phút nữa, ngài sẽ đến.

David ra khỏi ghế, nhường cho Frank Cox tay lái. Hai người trao đổi về đường bay và tốc độ hạ cánh :

Chỉ trong vài phút, quân phục phải tề chỉnh và cánh cửa dịch mở, Nữ hoàng và Quận công hiện ra.

Khoang kê buồng lái rất nhỏ mà cũng chứa được tám người. Nữ hoàng đứng cạnh David, chàng phải nhường cả khoảng trống lại cho ngài và đầu ngài chưa tới vai chàng.

Giọng Nữ hoàng trong và rõ ràng :

- Trước hết, ta muốn cảm ơn tất cả các bạn đã làm được công việc vừa rồi. khi Chính phủ Liên bang đầu tiên đề nghị tặng ta chiếc máy bay này và đưa vào sử dụng trong phi đội và nói rằng việc điều hành là do một phi hành đoàn Úc, ta nghĩ rằng sẽ được đi trong những chuyến bay an toàn. Điều đó giờ đây đã được chứng minh. Ta không nghĩ rằng ta có thể nói hết ý mình nhưng có một điều là ta thành thật cảm ơn các bạn với cả tấm lòng. :

- Ngài ngừng một chút rồi nói tiếp :

- Và đây là mệnh lệnh của ta cho các bạn. Các bạn không được nói với ai là máy bay này đã bị gài bom. Không được hở môi cho bất cứ ai, kể cả vợ, lẫn người yêu, và cũng không được bàn tán với nhau. Coi như đã quên. Đây là lệnh truyền của Nữ hoàng cho các bạn và không ai có quyền phạm phải, ta sẽ xử phạt rất nghiêm khắc. Thế giới bên ngoài chiếc máy bay này sẽ không biết chuyện gì xảy ra cho chuyến bay này.

Nữ hoàng cười nói :

- Bây giờ là bằng hữu với nhau vì các bạn đã cứu sống ta, ta thú thật cho các bạn biết điều này. Ta đã bị mưu sát hai lần từ khi ta lên ngôi cách đây ba mươi năm và đây là lần thứ ba. Đây là một trong những rủi ro nghề nghiệp của ngài vàng nước Anh, hay bất cứ một ngài vàng nào khác mà những người dân tội nghiệp, thiếu thẳng băng, mất trí nghĩ rằng những bạo loạn của họ sẽ được người ta chỉnh lý nếu họ có thể hủy diệt được Vương triều. :

- Ngài nói tiếp :

- Qua hai ví dụ trước về kinh nghiệm bản thân, ta chẳng cảm thấy gì ngoài sự tiếc nuối cho những kẻ đã rắp tâm ám sát ta, khi những trường hợp như thế bị điều tra và bại lộ. Điều đó luôn luôn trùng lặp, bởi vì kẻ ám sát thuộc lĩnh vực chính trị không bao giờ trở thành một đối với Khối Thịnh vượng Anh.

Nhìn những khuôn mặt trẻ bao quanh, Ngài nói :

- Ta tin chắc rằng sự thử thách vừa rồi đối với cuộc sống của ta và các bạn sẽ chứng tỏ cho công việc làm của một kẻ khôn khéo nào đó muốn đánh động tình thương của chúng ta. Rủi thay nó lại đến vào lúc sóng gió của nước Anh khi những cảm nghĩ đã biến thành quá độ. Nó không yểm trợ cho nước Anh lấy lại sự quân bình mà điều hiển nhiên là đưa ta vào chỗ thử thách. Hơn nữa, những sự chia rẽ

phe nhóm tướng có thể hóa giải trong một vài ngày lại trở nên quá trầm trọng, làm thiệt hại cho nước Anh, làm thiệt hại cho Khối Thịnh vượng Anh. Do đó, nhân danh Nữ hoàng ta truyền lệnh cho các bạn phải tuyệt đối giữ kín công việc vừa rồi. Và sự bí mật này được giữ kín cho đến khi ta chết. :

- Nữ hoàng cười nhợt nhạt :

- Sau đây các bạn muốn nói gì thì nói.

Nữ hoàng nhìn David :

- Cơ trưởng có hiểu như thế không ?

Thưa Ngài, hiểu. Tôi sẽ không nói đâu.

Ngài nhìn Ryder :

- Còn anh thì sao, Cơ phó ?

Và cứ thế ngài đi từ người này đến người khác với câu hỏi trực tiếp ấy và David rất ngạc nhiên là ngài biết tên tất cả số anh em ấy.

Cuối cùng ngài cười và nói với tất cả :

- Thế là xong, trừ một điều là cảm ơn tất cả các bạn một lần nữa. :

- Và ngài nhìn David nói :

- Cơ trưởng, xin mời em đến phòng riêng của chúng tôi.

Chàng đi theo Nữ hoàng trở về buồng riêng của ngài. Quận công vào trước rồi đến lượt David, xong hai ngài đóng cửa lại. Nữ hoàng nói :

- Trong tất cả phi hành đoàn, chúng tôi cảm thấy cần đặc biệt cảm ơn Cơ trưởng về sự chu đáo và trực giác đã đưa đến việc khám phá ra mối hiểm nguy và kỹ năng điều khiển chiếc máy bay vừa rồi. Ta suy nghĩ mãi làm cách nào để ngợi khen Cơ trưởng tốt nhất. Thông thường, ta chỉ cần trao tặng Không lực Anh dũng bội tinh, vì có hành động gan dạ, xả thân vì nhiệm vụ không sợ kẻ thù, nhưng ta thấy Cơ trưởng đã có rồi và nếu mang thêm một Anh dũng bội tinh của Không lực nữa thì có hơi bất thường làm cho người ta thắc mắc.

David trả lời :

- Thưa ngài, phải. Trường hợp như thế rất hiếm.

Nữ hoàng lại nói :

- Vì vậy, chúng tôi quyết định tưởng thưởng công lao của Phi đội trưởng bằng cách tuyên dương công trạng của bạn đối với nước Úc hơn là các bạn khác vì nó chứng tỏ cho chúng tôi thấy rằng sự thông minh và nhạy cảm rất xứng đáng được tưởng thưởng như thế. Chúng tôi tin tưởng rằng phẩm chất của bạn đã biểu lộ, sẽ là giá trị của những vấn đề quốc gia, khác với chuyện phi cơ và phi hành. Vì vậy, chúng tôi sẽ lưu ý bí thư của chúng tôi thảo một Nghị định Hoàng gia do chúng tôi ký và cấp cho bạn quyền bầu cử thứ bảy đối với chính phủ Liên bang Úc để sử dụng trong các cuộc bầu cử của chính quyền ở bất kỳ tiểu bang nào mà bạn cư ngụ. Làm như thế để tỏ lòng biết ơn bạn từ nơi đây

lòng của chúng tôi.

Nữ hoàng đưa bàn tay ra, lòng bàn tay úp xuống, David đoán ra ngài định làm gì, cúi xuống thật thấp và hôn bàn tay một cách vụng về.

Họ hạ cánh ở Ratmalana thuộc Tích Lan vào lúc chín giờ, giờ địa phương. Toàn quyền và một nhóm chính trị gia cùng Tiểu đội Danh dự đã có mặt trên sân bay để chào đón Nữ hoàng. Ngài bước xuống máy bay trông tươi mát như đóa hoa cúc, mỉm cười bình tĩnh, người đàn bà mệt mỏi, lo lắng đã biến mất. David ngạc nhiên thấy Nữ hoàng có thể làm được như thế, trong lúc sự căng thẳng mà Hoàng gia đang bị áp đặt, nhưng chàng cũng phải suy nghĩ về những điều khác nữa. Trong lúc Nữ hoàng đang trò chuyện với các nhà chính trị Sri Lanka và trong lúc nhiên liệu đang tiếp tế, David ra lệnh đem tất cả hành lý ra khỏi máy bay, kể cả công tây nơ đựng thực phẩm cũng như các thiết bị. Khi tất cả những thứ này đang nằm trên đường băng dưới bóng im của cánh máy bay, chàng đã cùng với Frank Cox và Dick Ryder đi kiểm tra hết chiếc máy bay. Sau nửa tiếng đồng hồ làm việc, họ mới yên lòng. Rồi, mỗi hành lý khi được mang lên máy bay, họ đã mở ra lục soát nhờ sự giúp sức của chủ nhân như là đã kiểm tra, trước khi bỏ vào khoang hành lý. Cuối cùng, họ sẵn sàng cho máy bay cất cánh, họ đã làm như thế để ngầm hiểu rằng máy bay không còn những vật làm mọi người thấp thỏm nữa.

Họ cất cánh vào lúc mười giờ rưỡi, giờ địa phương, phải ở lại trên đất lâu hơn thường lệ vì phải làm công việc này. Trong năm giờ đồng hồ họ bay trong ánh mặt trời gay gắt, chói chang dưới bầu trời xanh trong, chẳng có gì trước mặt trừ sự xuất hiện đột ngột của biển xanh phía dưới. Tất cả đoàn người đã mệt mỏi vì sự căng thẳng trước khi bay và giờ là sự bình tâm của những xúc động ở giai đoạn đầu. Nữ hoàng và phu quân đang ở trong khoang, có lẽ đang nghỉ ngơi. Những người khác đang ngủ gà ngủ gật trong ghế ngồi mở ra, trông cho cuộc hành trình kết thúc. Ngay cả trong buồng lái, sự bình tâm cũng đã trở lại. Chính Cơ trưởng cũng buồn ngủ, ngay khi độ cao phi hành đã đạt chàng cũng muốn ngủ một giờ trên giường bay.

Họ bay qua bờ biển miền tây Úc vào lúc ba giờ rưỡi, giờ Colombo, nhưng trời đã tối ở Úc, ngay khi bắt đầu qua sa mạc, mặt trời lặn sau lưng họ và ngàn sao xuất hiện. Họ tiếp tục bay trong ánh sáng trắng vừa mọc và giờ này David uống hai viên Benzedrine, và cho cả phi hành đoàn cùng uống. Bữa ăn dọn ra cho qua giờ và sau khi mặt trời lặn ba giờ, họ bắt đầu hạ độ cao và chấm dứt bằng vòng bay quanh phi trường Fairbairn của Canberra. Vào lúc nửa đêm, giờ địa phương, họ thấy được ánh đèn thành phố trước mặt khi tiến gần đến độ cao bảy ngàn bộ, cẩn thận đối những dãy đồi chung quanh, họ cho máy bay lượn sát xuống phi trường điện sáng và xuống dần hai ngàn bộ một phút. Mười hai giờ mười bốn phút David từ từ cho máy bay hạ xuống đúng phi đạo.

Có vài chiếc xe hơi đang đợi chờ họ trên sân bay, chỉ vài chiếc thôi, vì tin Nữ hoàng đến không được phổ biến. Toàn quyền có mặt ở đây để đón ngài và Thủ tướng Hogan nữa, nhưng tất cả đều trong

vòng thân mật, và sau một vài phút nói chuyện với họ, Nữ hoàng cùng phu quân lên xe về Tharwa. Những người còn lại trong đoàn tùy tùng cũng trở về Hoàng cung với hành lý trên một chiếc xe buýt nhỏ, trong lúc David và Ryder đi taxi đến nhà chứa máy bay của Phi đội Nữ hoàng thì thấy chiếc máy bay đã được kéo vào trong an toàn.

Các thành viên trong phái đoàn Hoàng gia đã được đặt chỗ trước ở Khách sạn Canberra. Khi David lái chiếc xe đến đây thì đã thấy phi hành đoàn của chàng có chỗ ăn ở vào lúc một giờ rưỡi sáng. Ở Canberra trời nóng nực và hàn thử biểu lên tới chín mươi độ, ban đêm thì ấm và có mùi thơm dịu dàng của cây bạch đàn và cây keo tây. Chàng lễ mễ khiêng cái vali bước lên tầng cấp để vào phòng khách của khách sạn thì đã thấy Rosemary ngồi đợi chàng giữa những bàn ghế trống trải. Một cây Giáng sinh lớn có trang trí những chùm tuyết giả đứng giữa phòng bên cạnh Rosemary.

Nàng nói :

- Chúng ta lại trở về những căn phòng như trước đây, anh Nigger ạ ! Em đã nhận phòng rồi và chế được hai chai nước chanh nhờ có tú đá. Em nghĩ là anh cũng muốn uống chút gì, phải không ?

Chàng nói :

- Em đừng nên thức khuya như thế !

Giờ này mà nói đi ngủ, chắc em không ngủ được đâu ! Có lẽ nên ra ngồi ngoài vườn cho thoáng một chút, cho đến khi buồn ngủ.

Chàng gật đầu :

- Thôi để anh đem cái vali vào đã ! và rửa cái mặt. Năm phút nữa, anh sẽ ra với em.

Khi chàng trở ra thì thấy nàng ngồi trong góc vườn, có tiếng nước phun ri ri từ một vòi nước ai đã để chảy suốt đêm. Chàng ngồi xuống bên cạnh, nhận ly nước từ tay nàng nói :

- Giờ chúng ta lại ở bên nhau, em nhỉ ?

Cô gái dịu dàng nói :

- Cũng khó mà tin được ! Vì cả hai chúng ta sống cách trở và chuyện xảy đến quá dồn dập. Chỉ mới ba tuần thôi mà chúng ta đã trở lại nơi đây. Và mọi vật chẳng có gì thay đổi, trong lúc này ở nước Anh lại có quá nhiều sự đổi thay, anh David nhỉ ?

Chàng trả lời :

- Nơi đây thật êm ả, đã xa lìa mọi kích động và cảm xúc, không còn lo nghĩ phải làm sao để có đủ tiền bạc, nơi đây con người có thể ngồi suy tư. :

- Quay về phía Rosemary, chàng nói :

- Đến nước Anh để có những kinh nghiệm tuyệt vời và hòa mình vào những công việc lớn, nhưng khi đã làm xong, đây là nơi tốt nhất để thư giãn.

Cô gái chậm rãi nói :

- Em tin rằng đây cũng là ý kiến của Nữ hoàng. Em cũng không chắc tại sao Nữ hoàng lại thích ở

đây.

Quay qua David nàng hỏi :

- Hôm nay là thứ mấy anh nhỉ ?

Chàng suy nghĩ một chốc rồi nói :

- Ngày Giáng sinh là thứ hai. Hôm nay là sáng thứ Tư.

Thế thì chiều nay ngài Tom Forrest sẽ đọc diễn văn trên đài. Chúng ta có thể nghe được không ?

Được chứ. Buổi nói chuyện sẽ được truyền thanh lại trên làn sóng ngắn. Đài phát thanh Úc Đại Lợi sẽ có trong chương trình. Ông ta nói lúc mấy giờ.

Vào lúc chín giờ, sau bản tin.

Như thế sẽ là bảy giờ sáng mai ở đây. :

- Chàng trả lời.

Thế hả anh ? Chúng em có thể nghe ở đây được không ?

Để anh xem đã. Nếu có thể anh sẽ mượn cho một cái radio xách tay. Chuyện có quan trọng lắm không ?

Nàng gật đầu :

- Hình như ông ta bị Ba em luôn ám ảnh trong đầu. Em không biết là ông ta sẽ không nói những điều gì vì hiện tại ông ta bị bỏ lại một mình và đang nắm quyền.

Có lẽ cũng chẳng có gì đáng ngại.

Nàng từ tốn nói :

- Anh nói đúng. Đã đến lúc phải nói thật cho dân chúng biết.

Hai người lại ngồi trong bóng tối tĩnh lặng, không nói lời nào, chỉ lắng nghe tiếng nước chảy rì rào.

Sau đấy nàng nói với chàng :

- Thôi, chúng ta đi ngủ, anh David nhé ! Ất hẳn anh cũng đã mệt mỏi lắm rồi ! :

- Nàng đứng dậy nói :

- Đi nào ! Không lý anh lại ngủ ở đây sao ?

Chàng cũng đứng lên theo nàng :

- Anh lớn rồi, đâu cần ai ru cho mình ngủ nữa !

Nàng nhìn đồng hồ hỏi :

- Mấy giờ rồi, anh nhỉ ? Em còn xài giờ Luân đôn.

Chàng cười :

- Anh đâu biết, giữa đêm giữa hôm như thế này biết là mấy giờ ! Có lẽ nên đi ngủ thôi, em nhỉ ?

Nàng nói :

- Ngủ đến ngày mai luôn anh ạ ! Em cũng sẽ đi ngủ thôi. Ngài nói chẳng cần ai trong chúng ta ở Tharwa cho đến ngày mốt, tức là thứ Năm.

David suy nghĩ nói :

- Vào thời điểm ấy, ngài sẽ nghe ông Tom Forrest phát biểu. Ngài có biết ông ta sẽ nói gì chẳng ?
Chắc không đâu ! Thường thường ngài chẳng biết một vị Toàn quyền sẽ nói gì, ngay cả các chi tiết.
Chàng cầm tay nàng, dịu dàng nói :

- Thôi đi ngủ đi em. Chẳng hơi đâu mà suy nghĩ những gì sắp xảy ra ở cách đây những mười hai ngàn dặm.

Cô nàng lập lại :

- Chẳng hơi đâu mà suy nghĩ, :

Quay qua phía David, Rosemary nói :

- Khi tìm ra vật ấy trên máy bay, anh có sợ không anh ?

Chàng trả lời :

- Cũng có, em ạ ! Cứ nghĩ rằng tất cả chúng ta sẽ chết.

Nàng gật đầu :

- Chắc anh lo nghĩ nhiều lắm nhỉ ?

Chàng trả lời :

- Lo lắm em ạ !

Nàng nép vào người chàng nói :

- Em thì không. Em cũng không chắc là ngài có lo nghĩ hay không nữa. Lúc này đáng buồn thật !
Mọi sự đang thay đổi và tan ra như cám ở nước Anh. Đôi khi em cảm thấy không còn muốn gặp ai nữa cả.

Chàng nói :

- Anh thì phải lưu tâm tới mọi việc. Nếu Nữ hoàng bị mưu sát trên máy bay của chính anh, như thế là do lỗi lầm của anh. Anh là Cơ trưởng, anh phải chịu trách nhiệm. Anh không muốn chết như thế.
Còn điều này nữa... Điều gì hả anh ?

Chàng nhìn nàng cười :

- Nếu anh chết, làm sao có thể cưới em được và bắt buộc em phải cho anh một gia đình. Mà điều này thì anh đang còn hy vọng thực hiện một ngày nào đó.

Anh nói gì gì đâu ạ ! :

- Nàng dụi đầu vào ngực chàng và ngửa mặt lên đón nhận chiếc hôn. Cuối cùng nàng nói :

- Em nghĩ chuyện ấy cũng không lâu đâu. Có lẽ ngài chỉ ở lại đây lo công việc chừng sáu tháng thôi.
Nếu sự việc đúng như vậy, em có thể xin thôi việc mà không làm phiền đến ngài.

Chàng cúi xuống hôn nàng một lần nữa và nói :

- Đối với anh, điều đó không thể sớm hơn được !

Rồi hai người, tay trong tay, dắt nhau về đến cửa phòng ngủ rồi lại hôn nhau trên lối đi. Rosemary

nói :

- Chúc anh ngủ ngon, anh David. Em không mời anh vào đâu nhé ! Em còn là đệ tử của Ngài thì chưa đâu nhé!

Chàng cười :

- Thôi mà ! Ráng mà đi cho vững, đừng ra yết thị nữa !

Nàng cũng cười :

- Chúc anh ngủ ngon, anh Nigger thương yêu.

Chúc em ngủ ngon, Rosemary. Ngủ ngon nhé !

Chàng không gặp nàng nữa trước khi ra sân bay sáng hôm sau vào lúc mười giờ để làm việc kiểm tra thường lệ và tiếp tế nhiên liệu cho máy bay. Trong phòng ăn sĩ quan Không lực Hoàng gia Úc, chàng cầm tờ Thời báo của Canberra, trên trang nhất những đề lớn màu đen nói về bài phát biểu của Nữ hoàng vào dịp lễ Giáng sinh, về chuyến đi của ngài đến Úc, về việc chỉ định ông Tom Forrest và về những hậu quả chính trị của nước Anh. Trong phòng ăn, chàng nhận ra rằng các sĩ quan đang nói chuyện bỗng ngưng ngay lại khi chàng bước vào phòng trước và mọi người cố tránh không hỏi chàng một câu hỏi nào. Đó là một bầu không khí nặng nề, ngưng ngưng và dùng trưa xong, chàng đi liền để thấy nhẹ nhõm tâm hồn. Chàng trở về nhà chứa máy bay để làm thủ tục giấy tờ liên hệ đến chuyến bay, sau đó chàng lên một trong hai xe hơi biệt phái cho Phi đội Nữ hoàng để trở về khách sạn.

Rosemary đi vắng và chàng chẳng tìm được nàng, cho đến lúc chàng đang ngồi trong phòng khách, đợi giờ ăn tối, thư giãn trong bộ đồ nhiệt đới rộng thùng thình, bên cạnh cây Giáng sinh lớn có trang trí những chùm len giả tuyết. Nàng hiện đến tươi mát nói :

- Em đi tắm với cô Gillian. Lợi thật đấy, anh ạ ! Anh về đã lâu chưa ?

Chàng trả lời :

- Anh về đến đây lúc bốn giờ. Đã kiếm ra cái đài. Ông ta sẽ nói trên đài lúc bảy giờ mười lăm sáng mai, giờ Úc. Em muốn nghe ở đâu ?

Nàng trả lời :

- Đừng ở chỗ đông người anh nhé ! Có lẽ chúng em bị cú sốc cũng nên !

Chàng nhướn đôi mày ngạc nhiên hỏi :

- Thế cơ à !

Em cũng chẳng biết. Ông ta là người cứng rắn và ba em thì nhồi nhét cho ông ta quá nhiều tư tưởng. Thôi nghe ở phòng em hay phòng anh gì cũng được, anh Nigger ạ ! Em sẽ dậy trước giờ ấy.

Chàng gật đầu :

- Tốt thôi. Anh sẽ đem máy đến phòng em sau bảy giờ một chút. Đêm nay em muốn làm gì nào ?

Nàng nhỏ nhẹ trả lời :

- Chúng ta hãy làm một việc gì đó để thư giãn tâm hồn. Cố mà nghĩ đến những điều khác nữa đêm nay.

Em thích đi xinê không ?

Chắc là nóng dễ sợ, anh nhỉ ?

Đâu có, :

Chàng trả lời :

- Có rạp chiếu phim ở ngoài trời. Có lẽ em nên mang theo áo choàng, trời ở đây buổi tối thường lạnh đầu sau một ngày nóng nực như thế này. Chúng ta đang ở trên độ cao hai ngàn bộ mà em !

Nàng nói :

- Em chưa bao giờ xem chiếu phim ở ngoài trời, thế họ chiếu phim gì vậy anh ?

Vivienne Walsh và Douglas Mason trong phim Ước vọng của con tim :

Chàng nói :

- Anh không nghĩ đây là phim hay nhất.

Nàng nói :

- Vivienne Walsh cũng khá lắm ! Cứ xem thử đi anh. Nếu dở quá thì chúng mình đi ra, có sao đâu !

Chàng trả lời :

- Anh không nghĩ người ở đây làm như thế đâu. Anh cho đó là thói quen của người Úc gốc Anh. Có lẽ chúng ta sẽ mang tiếng là khinh người. Douglas Mason người ở thành phố Adelaide. Tài tử địa phương chắc cũng không đến nổi tệ.

Nàng cười :

- Thôi thì đi nhé !

Thế nên hai người đã đi xinê, sau khi ăn tối và cả hai ngồi nắm tay nhau trong bóng đêm giá lạnh dưới bầu trời đầy sao, trong lúc mối tình lãng mạn của người Cali đang diễn ra trước mắt họ. Hai người ngồi như thế trong niềm vui mộc mạc, cách ly khỏi những giây phút của các biến chuyển trọng đại đang diễn ra ở bên kia địa cầu giá lạnh, bão tuyết của Luân đôn vào tháng Chạp. Khi tay trong tay trở về khách sạn, những ý nghĩ ấy vẫn còn trong tâm tư hai người, trong bóng đêm ngọt ngào hương hoa. Chàng hôn nàng và chúc ngủ ngon trước cửa phòng ngủ.

Sáng hôm sau, lúc bảy giờ, chàng đi qua phòng nàng, ăn mặc chỉnh tề, tay xách cái radio mà chàng đã nghe thử trước ở phòng ngủ của chàng. Nàng cũng ăn mặc xong và đang đợi chàng, căn phòng còn thoảng thoảng mùi nước hoa “ân tình” (intimate), rơi rớt trên giường vừa mới ngủ, trên quần áo ngủ bỏ lại trên nệm và hương phấn còn tỏa nhẹ trong không gian. Chàng nén lòng và cố lãng quên bằng cách đặt radio xuống và vặn đài lên. Chàng nói :

- Vài phút nữa, ông ấy sẽ phát biểu. Đài đã thông báo là lúc sáu giờ ba mươi và bảy giờ sẽ thông báo lại.

Nhạc mở đầu vang lên cả căn phòng, chàng điều chỉnh cho vừa đủ nghe và ngồi xuống chờ đợi. Giờ đây, sau lời giới thiệu, một giọng nói mạnh, hơi chối tai của Nguyên soái, người xuất thân từ thợ giặt ủi, vang lên trong phòng.

Họ ngồi yên lặng lắng tai nghe. Việc tiếp vận cũng khá tốt, tuy thỉnh thoảng tiếng nói có lúc như bị nghẹn, chứng tỏ phát thanh viên ở xa quá bên kia địa cầu.

Rosemary bất thần nói :

- Sao ông ta làm như vậy được ! :

- Và David trả lời :

- Ông ta đã làm rồi ! :

- Sau đấy hai người trở lại im lặng.

Hai mươi phút sau, giọng nói trầm trầm ấy ngừng hẳn và David tắt radio. Chàng nói :

- Thế là xong. Ông ta cũng cải cách về bầu cử đấy chứ !

Rosemary phản đối :

- Ông ta không có quyền phát biểu như thế ! Nước Anh là Khối Thịnh vượng Anh. Ông ta có quyền gì mà đề nghị các nước khác làm mà không có nước Anh.

Chàng dè dặt trả lời :

- Ông ấy có nói như thế đâu !

Nàng giận dỗi nói :

- Ý của ông ta là như vậy đấy ! Ông ấy đã từng nói nếu họ không làm được gì cho việc cải cách bầu cử, họ sẽ không bao giờ gặp mặt Nữ hoàng nữa. Họ chẳng cần phải nói như vậy về việc bầu phiếu kín và quyền đầu phiếu của phụ nữ.

David cười :

- Chắc chắn ông ta đã nói hơi quá lời. :

- Một phút sau chàng mới nói tiếp :

- Em có để ý đến cách nói của ông ta khi dùng từ “Tôi đã triệu tập Quốc hội của tôi để họp vào ngày thứ hai”, Quốc hội của ông ta, có thật thế không ?

Nàng vẫn còn hằn học :

- Em nghĩ đó là một sự xúc phạm trắng trợn. Quốc hội của Nữ hoàng chứ đâu phải của ông ta.

Ông ta là người đại diện Nữ hoàng.

Dừng một chút, nàng nói tiếp :

- Trên mặt pháp lý, có thể là ông ấy đúng, nhưng đấy không phải là điều được nói ra. Ông ta không phải là vua, nên không có quyền nói như vua. :

- Và rồi nàng nói tiếp :

- Quốc hội đang ngừng họp cho đến ngày hai bốn tháng Giêng. Với thông báo ba ngày, ông ta cũng

không thể triệu tập Quốc hội được.

David nói :

- Ông ta đã làm được. Anh nghĩ là ông ta đã biết các thủ tục về mặt pháp lý.

Nàng suy tư một lúc rồi nói :

- Dĩ nhiên Vương triều có thể triệu tập Quốc hội bất cứ lúc nào và yêu cầu họ thảo luận bất cứ điều gì. Nhưng ông ta không phải là Vương triều :

Hay ông ta là Vương triều ?

Chàng cười :

- Rõ ràng là ông ta cư xử như một người của Vương triều.

Nhưng ông ta luôn luôn chống đối trực tiếp với chính sách của Nhà nước. Nhà nước này không ủng hộ một loại hiệu triệu từ ngai vàng hay một loại diển văn từ Toàn quyền.

Chàng nói :

- Có lẽ ông ta tự tạo cho mình một Nhà nước khác cũng nên! Anh dốt môn Sử ký lắm, nhưng anh cũng xét thấy chẳng có điều gì mới lạ đối với Nhà vua mà phải đụng đầu với Hạ viện.

Nàng trả lời :

- Chắc không. Nhưng chúng ta đã bỏ cái cách tạo sự lộn xộn cách đây hàng thế kỷ.

Đấy mới là điều làm em suy nghĩ.

Một lúc sau, chàng mới nói :

- Ông ta là một người vừa thông minh vừa khôn ngoan. Và ông ta còn là một người đầy kinh nghiệm nữa, nên chẳng để mất cái gì. Ông ta không cầu xin để được làm Toàn quyền của nước Anh và khi bị giải nhiệm, theo anh nghĩ, ông ta cũng chẳng ân hận gì. Ông ta có toàn quyền hành động và suy nghĩ cần làm những việc phải làm, và nếu có sơ sẩy thì xin từ nhiệm thôi, tuy có hơi nhục. Nhưng ông ta cũng chẳng mất gì !

Nàng nói :

- Dĩ nhiên là không mất gì, nhưng em băn khoăn nếu có sơ sẩy đối với Vương triều, thì lại mất quá nhiều, phải không anh ?

Theo em, mất cái gì ? :

Chàng hỏi.

Nàng từ tốn trả lời :

- Chỉ nói riêng việc Vương triều đang kết hợp Liên hiệp Anh lại với nhau. Nếu không có Vương triều, các quốc gia trong Khối Thịnh vượng chung sẽ tan rã, mỗi nước đi theo mỗi đường. Nữ hoàng biết rất rõ về điều này, và ngài không bao giờ để cho nó xảy ra. Ngài không bao giờ bị bắt buộc phải điều qua tiếng lại với Hạ viện cho đến nỗi ngài và tất cả Hoàng gia phải thoái vị, vì điều đó có nghĩa là sự sụp đổ của Khối Thịnh vượng Anh. Em lo là và chẳng điều ấy đã ngăn cản ngài cai trị nước

Anh như một Nữ hoàng phải cai trị ?

Ý em muốn nói, Thủ tướng Iorwerth Jones đã chèn ép con cái của ngài càng nhiều càng tốt như ý ông ta muốn, phải không ?

Nàng đỏ mặt một chút :

- Đây là điều em muốn nói, anh ạ !

Chàng nói :

- Vậy đấy, nhưng ông ta lại không chèn ép được ông Tom Forrest. Nếu ông ta muốn có một cuộc đối địch bằng đầu với Toàn quyền, thì bất cứ lúc nào mà chả được và theo anh nghĩ dường như ông ta đang lâm trận.

Nàng nói :

- Em chỉ băn khoăn... :

Rồi tự nhiên ngừng nói.

Chàng nhìn nàng như dò hỏi :

- Em băn khoăn gì nào ?

Nàng cười, tuy có hơi khác lạ :

- Điều thật đáng khôi hài nếu nước Anh có được một vị vua theo cách này. Một vị vua thật sự có thể cai trị bằng cách đứng mũi chịu sào chống lại những nhà chính trị khoác lác và bắt họ trở về vị trí cũ của họ. Vương triều thật sự đã được thay đổi, người đầu tiên từ lúc Nữ hoàng Victoria.

Hai người ngồi yên lặng một lúc, cuối cùng chàng nói :

- Anh băn khoăn không hiểu chuyện gì sẽ xảy ra ngày thứ Hai. Khi Quốc hội họp, ông ta đích thân đọc bài diễn văn của Toàn quyền :

Ông không nói như thế sao ? Ông ta sẽ đọc bài diễn văn ấy ở đâu ?

Nàng trả lời :

- Ở Thượng viện. Nữ hoàng cũng thường làm như thế. Anh đoán có lẽ ông ta sẽ cho cả Thượng viện một liều thuốc với liều lượng như cũ. Cải cách bầu cử, nếu không sẽ chia tay với Nữ hoàng. Em băn khoăn tại sao ông ta dám nói một điều như thế. Em cũng tự hỏi nếu Nữ hoàng biết được điều này trước khi ra đi, ông ta có tiếp tục làm như thế chẳng ?

Một ý tưởng lại hiện đến trong trí chàng phi công :

- Trong lúc Vương triều muốn thăm từng quốc gia một trong Khối Thịnh vượng Anh, Nữ hoàng muốn ưu tiên lưu tâm đến những quốc gia này để họ đạt được những bước tiến bộ nhất trong việc phát triển chính trị.

Cô gái nói :

- Thế đấy ! Nhưng sao ông ta lại nói đến một điều như vậy ?

Chàng cười :

- Ông ta là người gan dạ và quả quyết nhưng không làm thương tổn một ai dù bị giải nhiệm. Bạn có thể nói rất nhiều điều, và không bị trừng phạt vì những lời này, vì bạn đã thôi việc.

Hai người ngồi trong yên lặng một lúc, cuối cùng chàng nói :

- Giai đoạn nhiễu nhương ! Anh không nghĩ những việc như thế này lại xảy ra dài dài ở Anh.

Nàng trả lời :

- Không đâu anh ạ ! Chúng ta đang sống trong thời đại có sử. Những gì xảy ra bây giờ sẽ được nói đến trong tất cả sách sử ký trong thời gian hai mươi năm, có thể tốt hơn hay xấu hơn. Và em và anh là những nhân chứng. Chúng ta chẳng có trong sách vì chúng ta chẳng phải là những nhân vật quan trọng. Nhưng chúng ta là những nhân chứng thật sự, sống trong đó, có liên quan mật thiết trong suốt giai đoạn ấy.

Chàng cầm tay nàng nói :

- Em nói đúng. Chắc nó không làm em tức giận đâu nhỉ ?

Tức giận cái gì, anh David ?

Chàng cười nhìn nàng :

- Vì phải để cho những việc vô nghĩa lý này tiếp diễn đúng lúc chúng ta quyết định yêu nhau.

Nhưng nó đâu quan trọng bằng hai chúng ta, anh David nhỉ ?

Không phải anh đâu nhé ! Anh mà nghĩa lý gì ! :

Chàng đáp.

Hai người đi ăn sáng với nhau và sau đấy chàng đưa nàng ra xe đi Tharwa. Chàng không còn gặp nàng nữa cho đến giờ ăn tối. Trông nàng có vẻ mệt mỏi, nhưng không kiệt sức. Trong lúc ăn, nàng đã kể cho chàng nghe những việc nàng đã làm :

- Em đã có văn phòng mới rồi, ở South Block trên đồi Capital với ba thư ký đánh máy chọn trong số nhân viên trực.

Thế em không ở Tharwa nữa à !

Nàng lắc đầu trả lời, rồi nói tiếp :

- Công tác thư tín đầy anh ạ ! Có hơn một ngàn tám trăm lá thư ở bưu điện sáng hôm nay, hầu hết là của các người lập dị. Chúng ta không thể xử lý vụ này ngay ở Vương cung Tharwa. Cô Turnbull và em suốt ngày đã đọc qua tất cả, và lựa ra những thư cần trả lời và các thư không cần. Cô ấy đã lựa ra một trăm năm mươi cái quan trọng nhất gửi đến cho Tharwa và sẽ đưa cho Thiếu tá Macmahon tối nay. Ngày mai em bắt đầu trả lời những cái khác với sự giúp sức của ba cô gái ở trực ban.

Chàng nhìn nàng :

- Khô chưa ! Thế em phải trả lời từng lá thư một à ?

Nàng lắc đầu :

- Cô ấy không làm thế đâu. Tất cả đều là thư cá nhân, nhưng chúng em sẽ trả lời gọn trong một hay

hai câu thôi là đủ. Tất cả các thư đều bắt đầu bằng câu “Được sự cho phép của Nữ hoàng Tôn Kính”. Thư nào cũng nói đi nói lại thế thôi, tuy cũng có thay đổi chút ít, nhưng thật ra không đủ từ mà viết, nên cái nào cũng giống nhau.” Chàng lại hỏi :

- Tiếp tục như thế bao lâu nữa ?

Nàng nhún vai trả lời :

- Thiếu tá nói có lẽ cũng phải mất một tháng, công việc mới trở lại bình thường. Tuần tới tốc độ thư gửi đến có lẽ là một ngày một ngàn cái, rồi con số ấy sẽ nhỏ dần đi. Nhưng chúng em chỉ có mười ngàn tờ giấy viết thư có dấu của Hoàng gia, vì vậy chúng em được nghỉ xả hơi vài ngày. Hôm nay chúng em mới đặt in, nhưng cũng phải nửa tháng mới xong. Dĩ nhiên, đây là mùa nghỉ ngơi.

Chàng thắc mắc hỏi :

- Hôm nay em trả lời được bao nhiêu cái ?

À, chẳng được cái nào, :

Nàng trả lời :

- Các em chỉ mới hoàn thiện khâu tổ chức. Một cô gái giỏi có thể hoàn thành một trăm năm mươi cái thư một ngày. Em đang xin thêm hai cô gái nữa nếu như ngày mai em nhận nhiều thư. Chẳng bao lâu nữa thì cũng thoải mái thôi !

Vào cuối tuần chàng ít gặp được nàng. Ngày thứ sáu, Quận công cùng Frank Cox bất ngờ đến phi trường, thật ra chẳng có mục đích nào khác ngoài việc thăm chiếc máy bay và ngỏ lời mời xã giao David đến tắm ở hồ bơi Tharwa khi nào thấy thích. Đây là dịp may hiếm có, bởi vì vào dịp Tết Tây, Canberra nóng đến chín mươi độ dù đứng trong bóng mát mỗi ngày, và thành phố đã lớn dậy rất nhanh nhờ hồ bơi. Thật ra, Tharwa cách thành phố đến hai mươi dặm, nhưng khi bạn đến đây, hồ bơi thật là mộng tưởng, vừa im, vừa rộng rãi lại không có người, nằm dưới chân một vườn hoa hồng.

Chàng phi công nói :

- Ngài thật quá chu đáo ! Xin phép đem cô Long đến được không ?

Được thôi !

Họ đi quanh máy bay vài phút nhìn những người chùi bóng đang làm việc ở cánh. David hỏi :

- Thưa ngài, ngài có ý kiến gì nếu công việc tiếp tục cũng giống như vậy ? Nếu công việc này mất khoản mười lăm hôm, tôi sẽ cho họ đi phép.

Frank Cox nói :

- Nên ở lại thêm một thời gian nữa, Nigger ạ !

Được thôi.

Quận công hỏi :

- Từ đây anh có thể bay thẳng đến Kenya được không, Cơ trưởng ? Điều cần thiết là anh phải đến Sagana tìm cho ra Công chúa Anne đem về đây.

Tôi không thể bay thẳng từ đây đến đó được. Trên đường bay phải hạ cánh đâu đó để tiếp tế nhiên liệu. Chỗ tốt nhất là quần đảo Keeling Cocos. Từ đây đến Nanyuki độ mười bốn giờ bay.

Không thể lâu hơn được ?

Thưa ngài, không. Như thế là quá xa :

Chàng dừng một chút rồi nói tiếp :

- Thật ra, tôi đã nghiên cứu đường bay này ngày trước cơ !

Có gì trở ngại chăng ?

Chàng trả lời :

- Dạ thưa không. Chúng tôi đã sẵn sàng, còn chờ lệnh ngài nữa thôi.

Tôi sẽ cho anh biết.

Rosamary được nghỉ chiều thứ Bảy vì cô đánh máy không làm việc ngày cuối tuần. Nàng còn làm một ít công việc ở văn phòng, sau đó vào lúc mười hai giờ David lái xe đến South Block đón nàng đến Tharwa. Họ ăn trưa với ông Macmahon trong phòng bí thư và thay áo quần ở đây, đi ra với áo quần tắm có áo choàng ngoài, đi xuống khỏi vườn hoa hồng trong nắng nóng để xuống hồ bơi.

Hai người đã ở bên nhau suốt buổi chiều, hồ bơi vắng và chẳng có ai làm phiền. Ngồi trên ghế bố bên cạnh bờ nước, hai người trao đổi những việc đại sự.

Từ khi chúng ta đến đây, em chưa lần nào gặp Nữ hoàng :

Cô gái nói với chàng trai :

- Nhưng Thiếu tá Macmahon và cô Turnbull nói rằng ngài trông rất vui. Tối nào ngài cũng nói chuyện với Huân tước Marlow ở Luân đôn bằng điện thoại, và ngài cũng đã một lần nói chuyện với ông Tom Forrest. Ngài hôm qua ngài đã nhận vô số tờ báo Luân đôn bằng máy bay và hôm nay lại nhận thêm nhiều nữa. Về cuộc cải cách bầu cử, rõ ràng là một số phận bấp bênh trong diễn tiến.

David hỏi :

- Phiếu bầu nhiều thành phần, như ở đây phải không em ?

Em nghĩ có lẽ vậy. Bản thân em đã thấy giấy tờ nói gì đâu ! Thiếu tá Macmahon nói, thật đáng tiếc ông Tom Forrest đã nói ra những điều ông đã làm cho việc bầu phiếu kín và phiếu bầu của nữ giới. Ông ta nghĩ rằng sẽ được ủng hộ của mọi người ở Anh quốc.

Tại sao lại như vậy ?

Nàng nhìn chàng cười :

- Anh không thể cho rằng nước Anh cứ mãi theo đuôi nước Úc, anh Nigger ạ !

Chàng cười nói :

- Đâu phải cứ mãi. Chỉ thêm một lần nữa thôi. Tóm lại, dân Úc đã theo đuôi nước Anh hàng ngàn việc và vẫn sung sướng được làm như thế.

Nàng nói :

- Phải, đúng như vậy. Nhưng dân Anh lại không thể thấy được hoàn toàn như thế. Đối với họ, văn hóa và phát triển chính trị là con đường một chiều.

Vào buổi chiều, chàng lái xe đưa nàng về Canberra. Thiếu tá Macmahon nói cho họ biết là Nữ hoàng sẽ đi đến Vương cung Thánh đường mới St. Mark vào ngày Chủ nhật, lần đầu tiên ngài xuất hiện trước công chúng từ khi đến Úc. David và Rosemary góp mặt để cho đoàn tùy tùng thêm đông, cả hai ngồi trên dãy ghế trong Thánh đường ngay sau lưng Nữ hoàng và Quận công, với cô Turnbull, ông Macmahon và bác sĩ Mitchison. Điều ngạc nhiên đối với David là tất cả phi hành đoàn của chiếc Tare đều có mặt do Ryder dẫn đầu, và do sự sắp xếp gấp rút của phụ tá hội đồng giáo xứ, họ được ngồi ở dãy ghế tiếp liền sau Nữ hoàng, cho nên cả ba dãy ghế những người đi lễ đã cảm ơn sự giải thoát cho họ mà chẳng có lời phàn nàn.

Sau khi ăn trưa, nàng không đi xe hơi với chàng nữa. Chàng muốn đưa nàng đến Letchworth, ở đó có một bất động sản mới thuộc loại tốt ở phía trên đường Yarrow ngay ngoài địa giới của Liên bang, hy vọng thuyết phục nàng thích một trong những căn nhà ấy nhưng nàng không hứng. Nàng nói :

- Chiều nay em bận làm việc rồi, anh Nigger ạ ! Trong văn phòng yên tĩnh, em có thể bắt đầu trả lời thư. Thật ra, người ta chẳng có thì giờ đâu mà để ý kỹ càng từng lá thư, trong lúc bọn em, cả năm cô gái phải làm việc liên tục. Cô Jennifer Menzies cũng đến giúp em.

Cô Jennifer Menzies là ai vậy ?

Cô ta có liên hệ gì với ông cụ ấy :

Chắc nội hay gì gì đấy. Cô ta là một trong năm cô gái đánh máy.

Cô ta có giỏi không ?

Cô gái gặt đầu :

- Chắc chắn cô ta là thượng thặng vì giỏi hơn các người khác nhiều. Cũng nhờ ý kiến của cô ta mà công việc đến chiều hôm nay đã giảm xuống thấy rõ.

Cô ta người Úc ?

Vâng. Cô ta ở Sydney. Cô ta đến nước Anh đã ba năm và ở Girton. Em mới thoáng nghĩ là nếu cô ta đảm nhận công việc trong vài tháng, cô ta đúng là người có thể thay thế em.

Chàng cười :

- Anh rất vui mừng là em đã suy nghĩ đúng. :

- Chàng ngừng một lúc rồi nói tiếp :

- Có phải cô ta là người Úc đầu tiên được làm công tác riêng cho Nữ hoàng ?

Nàng nói :

- Còn anh nữa chứ !

Ngoài anh ra, cô ta có thể đảm trách những công tác đáng tin cậy ?

Em nghĩ là được. :

- Cô gái nói :

- Em không nhớ ra là có người nước nào làm được chưa trừ người Anh. Tuy nhiên đây chưa phải là một trở ngại.

Chàng cười nói :

- Nghe ra, anh cũng là vật thí nghiệm quan trọng đây nhỉ ?

Nàng nói :

- Anh thật tinh quái, cứ trêu em hoài ! Trên thực tế, em tin là Nữ hoàng cũng sẽ mến cô ấy.

Đến tối thứ Hai, chàng còn thấy được Rosemary trước giờ ăn tối và hai người đã gặp nhau trong phòng khách. Nàng nói với chàng :

- Tối nay em sẽ đi Tharwa, có xe tới đón em lúc tám giờ.

Chàng lưu ý nàng :

- Việc gì mà không giới hạn giờ như thế ! Em làm sao làm được việc gì tốt nữa, nếu em kiệt sức !

Nàng cười trả lời :

- Em sẽ không kiệt sức đâu vì đêm nay là một đêm quan trọng.

Ông Tom Forrest sẽ đọc diễn văn của một vị Toàn quyền chứ ?

Nàng gật đầu trả lời :

- Chín giờ, giờ bên Anh. Ngài sẽ nói chuyện với Huân tước Marlow sau khi diễn văn chấm dứt và ngài muốn chúng ta ghi lại câu chuyện ấy để ngài xem lại. Cuộc thảo luận của Hạ viện vào lúc một giờ sáng và ngài sẽ nói chuyện với ông ấy bất cứ giờ nào sau cuộc thảo luận. Những cuộc nói chuyện này cũng phải được ghi chép.

Công việc như thế làm sao chàng ngăn cản được, nên chàng nói :

- Như thế thì em bị mất ngủ đấy ! Anh có thể làm được gì để giúp em ?

Nàng bóp tay chàng :

- Anh Nigger yêu dấu, không, anh không thể làm gì được đâu, cũng như em đã không làm gì được cho anh khi chiếc Ceres gặp lúc nguy hiểm. Hai chúng mình đều có công việc riêng để phụng sự Nữ hoàng và chẳng bao lâu nữa, công việc của em cũng sẽ xong. Không ai nghĩ rằng cuộc thảo luận của Hạ viện sẽ kéo dài đến ngày thứ hai. Điều này hay điều khác, thế thôi.

Chàng nói :

- Ông ta không bao giờ bị mất ghế trong chính phủ. Đảng của họ chiếm đại đa số ở Hạ viện, trên hai trăm ghế!

Nàng nói :

- Em biết, nhưng ông ta được chấp nhận là người đứng đầu chính phủ để nói chuyện với dân chúng qua đài phát thanh. Em không biết chuyện gì sẽ xảy ra nhưng ai cũng nghĩ sẽ xảy ra rất nhanh.

Chàng đưa nàng đi ăn tối và tiễn nàng ra xe về Tharwa. Chàng đứng tán gẫu với Frank Cox được

một lúc, rồi cả hai dò đài để nghe ông Tom Forrest đọc diễn văn ở Thượng viện. Nhưng bắt đài không được hay những đài Úc không tiếp vận nổi, sau đó David đi ngủ. Chàng đọc tờ Reader s Digest được một lúc thì ngủ.

Chàng thức dậy lúc sáu giờ. Chàng đã dặn Rosemary là nếu có tin gì quan trọng thì Chuối dưới cửa một tờ nhắn, nhưng chẳng thấy tờ nhắn đâu. Nếu Hạ viện họp lúc một giờ sáng, giờ của Úc, họ sẽ thảo luận trong năm tiếng đồng hồ. Chàng cũng nghĩ rằng chắc cuộc họp còn kéo dài, nên chàng đi tắm, cạo râu và mặc áo quần.

Trong lúc đang mặc áo gió vào, có tờ giấy nhắn tin Chuối vào dưới cửa. Chàng mở cửa và Rosemary đứng đấy. Cô ta nói :

- Xong rồi, anh Nigger ạ ! Nhà nước đã bị thất bại về một tu chính án, trong bài diễn văn đáp lễ.

Mặt nàng tái xanh và mệt mỏi với các quầng thâm ở khóe mắt, nhưng vẫn hồ hởi. Chàng hỏi :

- Như thế nghĩa là sao ?

Iorwerth Jones và chính phủ đã từ nhiệm hay đang từ nhiệm. Người ta đã ngăn chặn sự la ó.

Chàng ngạc nhiên hỏi :

- Nhưng vụ việc đã xảy ra như thế nào, khi đa số thuộc về họ ?

Nàng đặt tay trên lưng cánh cửa cho đỡ mệt trả lời :

- Gần nửa số dân biểu thuộc Đảng Lao động bầu cho tu chính án của Đảng đối lập. Hai trăm lẻ chín phiếu bầu chống lại chính đảng của họ, và năm mươi tám từ chối bỏ phiếu. Đại đa số trên hai trăm năm mươi bầu cho tu chính án :

Như thế là cải cách bầu cử rồi !

Chàng hỏi :

- Tại sao họ lại làm như thế ?

Nàng trả lời :

- Chính vì Nữ hoàng. Đã có cú sốc nặng nề đối với dân chúng, Nữ hoàng bỏ đi và Toàn quyền được chỉ định. Không có cách nào nghe hết toàn bộ câu chuyện. Nhưng số đông những dân biểu ủng hộ Đảng Lao động hiểu được ý nghĩ của các cử tri trong đơn vị bầu cử và hình như chẳng có gì phải thắc mắc. Cả nước muốn cải cách bầu cử.

Chàng hỏi :

- Chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo ?

Nàng trả lời :

- Sẽ có chính phủ của Đảng Lao động mới khác. Kết quả là đất nước không đồng quan điểm với ông Iorwerth Jones. Ông Tom Forrest sẽ mời ông Grayson thành lập một chính phủ Lao động, cam kết thực thi một hệ thống phiếu bầu nhiều thành phần.

Chàng làm điệu bộ không bằng lòng :

- Một chính phủ Lao động khác ?

Nàng gật đầu :

- Giải pháp độc nhất cho nước Anh, anh Nigger ạ ! Khi mọi việc thực sự khó khăn, bạn phải đoàn kết với nhau và chia xẻ những gì bạn có được. Điều cần có là một chính phủ mới của Đảng Lao động. Nhưng từ nay trở đi, mọi việc càng ngày càng tốt hơn. Cuối cùng, nước Anh đã đi đúng đường của mình.

Chàng đồng ý :

- Có lẽ ! :

- Và rồi chàng nói :

- Nhưng em phải đi ngủ và cố mà ngủ đi nhé !

Nàng gật đầu :

- Em cũng định kéo tấm che nắng xuống và ngủ suốt ngày.

Chàng đưa nàng đến phòng ngủ của nàng và hỏi :

- Em đã ăn sáng chưa ?

Nàng trả lời :

- Nửa đêm qua, em đã ăn qua loa rồi.

Chàng dừng lại ở cửa hỏi :

- Anh đem đến cho em ít thức ăn nhé !

Nàng cười nói :

- Anh Nigger thân yêu, cho em xin nửa lít sữa và một ít bánh qui. Thế thôi anh nhé !

Chàng gật đầu :

- Sắp sẵn đi ngủ đi, anh đi lấy thức ăn cho em. Độ bao lâu ?

Năm phút thôi. :

- Nàng trả lời :

- Thế là lâu lắm rồi !

Chàng đi vào bếp, gặp ban ẩm thực mới đổi phiên. Chàng nói rất hay, cuối cùng chàng lãnh được một bình sữa lạnh và một đĩa bánh qui và mang về phòng cho nàng. Nàng đang ngồi trên giường mặc chiếc áo ngủ mỏng, làm chàng động lòng, nhưng vì thấy nàng quá mệt nên phải cố nén sự khát khao hiện đến trong tâm hồn.

Chàng nói :

- Bữa ăn sáng của em đây ! :

- Chàng để xuống bên cạnh giường.

Nàng nói :

- Em cảm ơn anh. Em sẽ ngủ ngon thôi ! :

- Nàng nhấp một ngụm sữa và nói :

- Anh David, họ có nói gì với anh về chuyến đi sắp tới chưa ?

Chàng trả lời :

- Các anh đang sẵn sàng cho chuyến đi Kenya để đón Công chúa Anne.

À, thế là họ đã nói với anh. Sáng nay ngài vừa nói chuyện với Công chúa Anne. Hoàng tử Charles đang trên đường về đây với Phi đội trưởng Dewar.

Tin này cũng mới đây, chàng hỏi :

- Thật hả em ?

Nàng gật đầu :

- Ngài nói chuyện với Hoàng tử cách đây một giờ, trước khi em rời khỏi văn phòng. Ngài muốn tập họp các con của ngài về để họp gia đình.

Ngày mai Hoàng tử sẽ đến đây. Cũng bay qua đảo Christmas ?

Em không rõ :

- Có thể là như vậy, phải không anh ? :

- Nàng nói tiếp :

- Anh Nigger à, hôm nay anh sẽ nhận được lệnh và bay đi trước khi em thức dậy. Nếu vậy, có lẽ thứ Năm, em mới gặp được anh.

Chàng sửa lại :

- Thứ tư chứ ! Một chuyến đi hai ngày không hơn không kém, miễn là họ sẵn sàng khởi hành khi anh đến.

Nàng nhấp một chút sữa nữa và nói :

- Ngồi xuống nói chuyện với em trong một phút, nghe anh ! Cho đến khi nào em ngủ nhé ! :

- Chàng ngồi xuống bên nàng, cầm một bàn tay nàng và giữ yên lặng.

Trông em mệt quá ! :

- Chàng nói nhỏ :

- Cứ nằm như thế cho đến mai, trong lúc anh đi vắng nhé !

Nàng cười :

- Đó là cách phản đối, phải không anh ? Nhưng cái mệt của em không có nghĩa lý gì với cái mệt của ngài. Tháng trước, em không nghĩ là ngài ngủ yên giấc.

Chàng trả lời :

- Anh cũng biết thế, nhưng hai cái sai đâu có thể làm được một cái đúng. Nếu mà mệt như vậy, ngài cần nghỉ ngơi, nên ngài đâu cần em ở văn phòng.

Nàng lại nói :

- Anh nói ngài cần nghỉ ngơi thì đúng rồi ! Nhưng hy vọng đây là đỉnh cao, và từ nay trở đi cầu

mong Nữ hoàng và nước Anh gặp được bề yên sóng lặng.

Chàng gõ nhẹ vào bàn tay nàng hỏi :

- Thế em có thể rời khỏi công việc và kết hôn với anh chưa ?

Nàng gật đầu :

- Có lẽ thế. Em nghĩ khi chúng em đã hoàn tất công việc rồi, em sẽ nói chuyện với Thiếu tá Macmahon và rồi phải bắt đầu tập việc cho cô Menzies ngay.

Có khi nào cô ấy được ở lại đây không ?

Nàng gật đầu :

- Cô ta sẽ không về lại nước Anh cho đến khi nào tình thế đã yên và có lẽ cũng cho tới khi họ tổ chức được một cuộc tổng tuyển cử với quyền bầu cử mới. Chẳng bao lâu nữa cô ta sẽ phải đi Tích Lan nửa tháng và em biết là cô ấy thích đến Borneo. Nhưng đây sẽ là nhà của cô ấy và là cơ sở chính cho đến mùa thu, hay mùa xuân của nước Úc cũng thế. Nếu phải thêm một người ở văn phòng, thì việc thay đổi nhân viên cũng thuận lợi thôi !

Chàng mỉm cười ý nhị :

- Anh nghĩ đây là một sáng kiến.

Nàng cũng cười đáp lại :

- Em cũng nghĩ thế ! :

- Nàng uống tiếp cho hết ly sữa và để ly xuống, vẫn nắm bàn tay của chàng. Giờ này thì mí mắt nàng sụp xuống tuy nàng cố nhướng lên.

Chàng cúi xuống hôn nàng và nói nhỏ :

- Thôi ngủ đi nhé ! Nếu anh phải đi Kenya hay bay qua địa cầu trước khi em thức dậy, em nên biết rằng anh luôn nghĩ về em suốt đường bay và tính từng giờ để được trở về đây một lần nữa.

Nàng ôm chặt lấy chàng :

- Anh Nigger thân yêu, đừng xa em lâu nghe anh !

Chàng hôn nàng một lần nữa, đặt nàng nằm lên gối, nàng nằm nghiêng một bên, thở dài, xua đuổi những mệt mỏi và đi vào giấc ngủ. Chàng đứng dậy, đến bên cửa sổ, kéo tấm chắn ánh sáng của Ý xuống, để căn phòng tối hơn, tuy vẫn còn chỗ cho gió thổi vào. Trên đường ra cửa, chàng dừng lại bên giường nàng, trong bóng tối mờ mờ, nhưng nàng đã thở đều và sâu, giấc ngủ đến bình yên.

Chàng nhẹ nhàng mở cửa đi ra ngoài và cẩn thận khép cửa lại.

Chàng cũng mệt mỏi và căng thẳng không kém và giờ này chàng nhận biết là một chuyến bay mới sẽ gần kề và chàng còn phải thức khuya nhiều giờ nữa. Chàng đi trở về phòng ngủ của chàng, kéo tấm liếp xuống, nằm trên giường bề bộn để ngủ trong một tiếng đồng hồ trước sức nắng chói chang của ban ngày trở lại.

Chàng biết là mình đã trôi vào giấc ngủ, chàng và Rosemary là một. Cả hai cùng nhau tạo nên một

nhân vật tuyệt vời, tách rời nhau ra thì chẳng đầy đủ. Giờ đây, sau khi thức dậy, chàng sẽ đi xa và bỏ lại nàng và trong lúc xa nàng, chàng luôn mơ tưởng tới nàng, vì nàng là của riêng chàng. Chàng sẽ đi, chỉ trong vài tiếng đồng hồ, nhưng cách xa nàng hằng ngàn dặm, và một phần tư quả đất sẽ ngăn cách hai người, nhưng chàng sẽ trở về và tìm được một nửa kia của cái tôi mới mẻ và như thế là hoàn hảo.

Chàng ngủ rất say. Trong giấc ngủ chàng cảm thấy trôi bồng bềnh càng ngày càng xa nàng, và người thì càng ngày càng yếu đuối. Thời gian ly cách sao mà mênh mông quá, không còn là hai ngày như chàng tưởng hay nhiều lắm là ba ngày. Nàng xa dần khỏi chàng ngay khi chàng nằm ngủ, chàng cố vùng tỉnh dậy nhưng giờ thì chàng đã đuối sức. Nàng ất hẳn ở đấy rồi, cho chàng tìm kiếm, và yêu thương, đã bao năm qua, nếu chàng cần nàng sẽ đến thôi. Nhưng giờ này chàng cần nàng, cần nàng da diết nhưng nàng đâu đến nữa, trong cơn hấp hối và tuyệt vọng, chàng nghe mình nức nở khóc và chàng cảm thấy nước mắt ràn rụa trên gò má.

Chàng đã cần Rosemary và trong ba mươi năm qua hay hơn nữa nàng không thể đến. Chỉ có các loài vật đến được, đứng dang thân ngoài mưa, trong nước lũ để nhìn chàng chết. Chỉ có loài vật và người anh em cố hữu trong rừng cầm tay chàng trong lúc chàng hoảng hốt, mê sảng, mồ hôi dầm dề vì bệnh sốt rét, bàn tay ấy chạm vào người chàng, thỉnh thoảng lay động cơn rét run của chàng.

Chàng chẳng cần mục sư hay súc vật, chỉ cần Rosemary nhưng giờ này nàng ở xa quá, cái lúc chàng rất cần nàng giúp đỡ. Có tiếng vỗ đều đều như tiếng trống, không dứt, tiếng trống định âm nhỏ dần, ru chàng ra khỏi cuộc sống. Chàng biết đời chàng thế là chấm dứt và Rosemary càng ngày càng xa; chàng sẽ tìm gặp nàng một ngày nào đó nhưng giờ thì nàng không thể đến được để giúp chàng. Đời môi chàng mấp máy thoát ra tiếng Rosemary.

Tôi buồn bã nói :

- Cô ấy sẽ đến thôi. :

- Hình như câu ấy tôi đã nhắc lại suốt đêm.

Xơ Finlay tỉnh dậy bên tôi, Xơ nắm lấy bàn tay ông già đo mạch, mắt Xơ nhìn vào đồng hồ trong ánh sáng mờ mờ của buổi rạng đông. Tôi đứng đấy, bên cạnh giường, cố vận dụng thị lực để thấy toàn cảnh ấy, nhưng quá mệt mỏi.

Tiếng Xơ nhẹ nhàng :

- Một chốc nữa ông ta sẽ đi thôi !

Xơ cầm cổ tay ông ta lặng lẽ. Tôi cố gắng, nhưng khó khăn lắm mới đứng dậy được, có Xơ đỡ bên cạnh, nhưng tôi bỏ mặc Xơ nên Xơ phải trở về với ông Stevie. Tôi đứng trên ngưỡng cửa, nhìn ra bãi đất trống nhưng trời còn mưa. Những con chó hoang và lợn rừng, cùng đàn gia súc, cả những con chuột túi loại nhỏ vẫn đứng quanh nhà trong buổi rạng đông mưa dầm và tối ám, tất cả những cái đầu đều quay nhìn về phía chúng tôi một cách thành kính, chăm chú theo dõi sự uy nghi của người quá

vãng.

Nevil Shute

Mùa Mưa

(In The Wet)

Chương 10

Vào khoảng giữa trưa thì Trung sĩ Donovan đến, với ông Hugh McIntyre, quản lý trại Dorset Downs, một trong những người chăn nuôi gia súc tại địa phương. Họ đến bằng thuyền từ trại chăn nuôi ấy, đó là loại xuồng đáy dẹt, chống đi bằng sào qua các con kênh nước lũ. Donovan rời Landsborough từ sáng sớm bằng ngựa và cố vượt cho được để đến với chúng tôi, nhưng ngựa không thể qua các kênh sâu, một phần vì sợ cá sấu, nên anh ấy phải đi vòng theo đường của trại chăn nuôi đến Dorset Downs và được họ cho mượn con thuyền.

Thật ra chỉ là một chiếc xuồng, bị rò rỉ khá nhiều, hơn nữa trời còn mưa nặng hạt nên đáy thuyền nước ăm ắp. Ông Liên Chi không muốn bỏ nhà ra đi, và tôi nghĩ rằng như vậy cũng làm nhẹ gánh cho Trung sĩ Donovan vì cả năm người chúng tôi lại chen chúc trên một con thuyền nhỏ, mà mạn thuyền chỉ cách mép nước một gang tay, vì thế chúng tôi phải ngồi yên, không nhúc nhích và cứ liên tục tát nước với cái lon đựng thuốc lá. Ông Hugh McIntyre hứa là sẽ bảo thẳng nhỏ thổ dân, ngày hôm sau, sẽ mang đến cho ông Liên Chi, mười lít dầu hỏa, và còn gửi thêm bột mì và đường nữa. Trước khi ra đi, chúng tôi đã chôn ông Stevie phía bên kia của khoảng đất trống, nơi những thú vật đã đến. Trung sĩ muốn nấn ná thêm một ngày nữa vì bọn họ vô cùng lo lắng cho sức khỏe của tôi. Nhưng tôi hiểu rằng khi về Dorset Downs họ muốn tôi nằm nghỉ, và như thế sẽ không có ai làm lễ an táng cho người đàn ông ấy. Vì vậy tôi năn nỉ họ chôn ông ta trước khi đi, mà thật ra đâu có mất thì giờ gì cho lắm, vì huyết mới đào được một thước, thì nước đã lên đầy. Chúng tôi phải bỏ quan tài xuồng và hồi hả chôn ngay. Tôi chỉ kịp đọc những phần quan trọng trong lễ cầu nguyện trong lúc Xơ Finlay đỡ lấy cánh tay tôi và những người đàn ông đứng đầu trần trong mưa. Chúng tôi cắm một Thánh giá bằng cành cây để làm dấu nơi ấy và đánh dấu vào hai thân cây nếu trường hợp Thánh giá bị cuốn trôi đi, rồi họ đưa tôi lên thuyền trở về ngôi nhà cũ.

Tháng trước, trong các cuộc đua ngựa tháng Năm ở Landsborough, đó là cuộc đua đầu tiên trong năm sau mùa mưa, tôi bắt đầu để dành tiền để lo bia mộ cho ông ấy. Tôi nhờ các quán rượu và khách sạn vào lúc bảy giờ mỗi tối, lúc mà mọi người đến uống miễn phí sẽ tặng chút ít tiền vì ai cũng còn

nhớ Stevie. Tôi phải uống bia dầu không thích lắm nhưng để ngồi nán lại kiểm cho đủ số sáu mươi Anh kim vào đêm thứ ba, vì mộ bia cũng khá đắt tiền ở một nơi như Landborough vì tiền chuyên chở tốn kém. Tôi đặt làm bia ngay ở Cairns và hy vọng trong một hai tháng sẽ xong và có thể chở về Dorset Downs để dựng ngay.

Tôi đã băn khoăn từ đầu về việc làm bia mộ sao cho thích hợp, ngay từ lúc lên thuyền trở về Dorset Downs, tuy đang bị sốt, nhưng tôi cứ suy nghĩ mãi về việc khắc tên trên bia mộ. Dĩ nhiên, họ là Anderson nhưng khó là sắp xếp làm sao cho đúng Stephan hay David hay Stephen David hay David Stephen. Trong chuyến trở về có nhiều thời gian, tôi định hỏi McIntyre hay Trung sĩ Donovan về việc này nhưng lúc ấy tôi bệnh thật sự, nên cũng không thể giải thích cho họ hiểu ý định của tôi. Họ cứ nghĩ rằng tôi đang còn mơ mơ màng màng, nên họ nói mãi một câu :

- “Cha sẽ khỏi thôi” và “Không lâu nữa đâu, Cha ạ !” và rồi tôi phải bỏ ý định ấy.

Dorset Downs là khu đất trên một ngọn đồi nhỏ, và chúng tôi phải xuống thuyền đi bộ về nhà cách đó một dặm. Đi bộ xa như thế đối với người bệnh như tôi, cũng lắm khó khăn, nhưng những người đàn ông quá tốt, họ cho thằng nhỏ chạy bộ về nhà kiểm cho tôi một con ngựa già và khi ngựa đến, họ đỡ tôi lên, cho ngựa đi thẳng lên đồi. Hugh McIntyre chưa có gia đình, nên chẳng có đàn bà nào mà chỉ có những chai rượu gin; họ đưa tôi lên giường và mời Xơ Finlay ở một phòng kế phòng tôi. Tôi đã ở lại đấy bốn ngày cho tới khi bình phục.

Họ có máy bộ đàm chạy bằng bình ắc quy có thể liên lạc được với Landsborough từ Dorset Downs theo thời gian biểu buổi sáng và buổi chiều. Trung sĩ Donovan đã đi về thị trấn bằng ngựa ngay buổi sáng chúng tôi đến, và trong bệnh viện cũng không có ca khẩn cấp đòi hỏi sự có mặt của Xơ, nên Xơ đã ở lại với tôi ở trại chăn nuôi suốt cả bốn ngày. Vào thời gian này, tôi rất muốn trở về Landsborough. Tôi đã vắng mặt một Chủ nhật, vì suy nhược cơ thể, điều này cũng làm tôi băn khoăn. Tôi bỏ mặc cho tờ báo của giáo khu mới thực hiện được một nửa, nên đã bỏ chuyến bay hàng tuần, đưa báo về Cairns để in ra. Tôi ao ước được trở lại ngay với công việc và khi mặt trời lên buổi sáng ngày thứ năm, tôi lại khẩn khoản họ để được trở về.

Dĩ nhiên, chúng tôi đi bằng ngựa, cả Xơ Finlay và tôi với John Collins và Harpo, hai người này làm ở trại chăn nuôi, cỡi ngựa theo chúng tôi, rồi đem ngựa về. Đường đi nơi nào cũng còn nước lên độ hai gang tay, nên cỡi ngựa đi cũng dễ dàng nhưng cũng phải mất đến ba giờ đồng hồ và vì cỡi ngựa suốt cả đoạn đường như thế, nên khi đến được Landsborough, tôi thấy mệt nhiều. Xơ Finlay từ chối thẳng thừng việc tôi trở về tòa cha sở, và năn nỉ tôi vào bệnh viện thêm vài ngày nữa, tôi bắt chấp mọi chuyện, trở về thị trấn và chẳng chịu nghe lời Xơ.

Trung sĩ Donovan đến bệnh viện ngay khi chúng tôi mới đến nơi. Tôi đang phải nằm trên giường, vì Xơ đã đem áo quần của tôi đi mất, một cử chỉ biểu hiện lòng từ tâm, nhưng thật ra không cần thiết. Tôi đang băn khoăn làm sao sắp xếp việc đặt bia cho Stevie vì một ngôi mộ Ở giữa rừng, thế nào mà

chẳng bị xóa sạch hay lãng quên, nhưng trái lại, nếu có bia mộ, những người làm việc cho trại chăn nuôi, mỗi lần đi qua đây trên đường công tác, cũng xuống ngựa, để lại một vài đóa hoa trên mộ, hay khăn vải một câu gì đó khi họ biết chắc không ai nhìn thấy, mà đối với họ đây là một việc thiện. Vì vậy tôi đã nói với Trung sĩ Donovan về việc đặt bia và khắc tên.

Cha mong muốn làm sao người đời đừng quên ông ấy, :

- Tôi nói với anh Donovan :

- Stevie đã làm nhiều chuyện đáng khâm phục.

Trung sĩ thân nhiên trả lời :

- À, thế cũng tốt !

Tôi nói :

- Cha hết sức ngưỡng mộ Ông ấy. :

- Trung sĩ nhìn tôi có phần ngạc nhiên :

- Có một câu thơ về sự thông thái của vua Salomon mà Cha muốn khắc trên bia mộ Ông ấy.

Thưa Cha, câu gì ạ ?

Tôi nói :

- Hãy ráng chịu nổi nhục thân đoài đoạn, Để rồi người được tưởng thưởng công lao.

Chúa lòng thành sẽ tự thân cảm nhận Có khổ đau giờ mới xứng anh hào (LNĐ).

Yên lặng một lúc rồi Trung sĩ nói :

- À, thưa Cha, đúng vậy.

Tôi hơi thất vọng vì anh ta không có vẻ nhiệt tình cho lắm, nhưng đối với những cảnh sát kỵ mã ở miền Bắc Queensland không nổi tiếng vì những ứng đối lãng mạn. Tôi nói :

- Có điều Cha chưa thông suốt là tên của ông ta. Dĩ nhiên họ là Anderson nhưng tên là Stephen hay David ?

Trung sĩ nhìn tôi chăm chặp :

- Thưa Cha, Cha nhầm lẫn cả rồi ! :

- Ông ta chậm rãi nói :

- Anh ta đâu phải Anderson. Ở Landsborough có ai tên ấy đâu ! Tên anh ta là Stevie Figgins.

Tôi sững sốt nói to :

- Anh ta nói với tôi tên anh ta là Anderson. Nigger Anderson. Người ta gọi anh ta là Nigger vì anh ta lai một phần tư da đen.

Trung sĩ lắc đầu :

- Stevie Figgins, :

Anh ta nhắc lại :

- Con sẽ cho Cha xem sổ hưu của anh ta, tự tay anh ta viết. Thế hẳn nói với Cha tên hẳn là Anderson

à ?

Tôi gật đầu :

- Đúng như thế !

Thằng chả là thế đấy, thừa Cha. Hấn nói bậy bạ khi hấn là con ma men. Thế hấn nói với Cha lúc nào ?

Trong nhà của ông Liên Chi trước khi anh ta chết. :

- Tôi trả lời.

Donovan mỉm cười :

- Lúc ấy đâu còn là hấn ta nữa. Mà Cha lúc ấy cũng không phải là Cha, vì bệnh như thế thì còn biết gì ! Con xin bảo đảm với Cha Stevie Figgons chỉ có một tên và anh ta cũng chẳng phải là dân lai đâu !

Tôi ngồi yên lặng một lúc, cố tập trung tư tưởng. Cuối cùng tôi nói :

- Anh có biết gì về vợ của anh ta không ?

Donovan trả lời :

- Con cũng có biết. Hai người thường đánh nhau như chó với mèo cách đây hai mươi năm, khi anh ta còn giữ chức quản lý trại chăn nuôi Wonamboola. Có lẽ cũng vì rượu mà mất việc. Chị ta bỏ chồng từ đấy và sau này bị xe tải cán chết ở Sydney. Có lẽ vào năm 1950 hay muộn hơn một chút.

Tôi hỏi :

- Thế họ không sống ở Canberra à ?

Anh ta cười :

- Canberra ? Có bao giờ họ đến đó đâu ! Họ không phải là loại người ấy đâu, thừa Cha.

Thế họ có con cái gì không ?

Con không nghe nói đến. Cho dầu có đi nữa, thì họ cũng chẳng trình diện bao giờ. Còn bà con, thì như con biết, chẳng có ai. Điều đó không quan trọng, vì anh ta chẳng để lại gì !

Sau đó Trung sĩ Donovan bỏ đi ngay, còn tôi ở lại một mình cố gắng hòa hợp những gì anh ta nói và ký ức của tôi. Tôi nhận ra rằng, tốt hơn tôi nên bám vào chiếc neo sự thật. Trung sĩ Donovan là một thanh niên có năng lực và điềm đam, và tôi phải chấp nhận những điều anh ta nói về Stevie là đúng sự thật. Tuy nhiên, nó phù hợp với kinh nghiệm bản thân tôi đối với Stevie cho đến cái đêm trước khi ông ta chết ở Dorset Downs. Và riêng đêm hôm đó, tôi phải công nhận, gần suốt đêm tôi bị sốt quá cao.

Tôi định đưa vấn đề ấy, khi gặp Xơ Finlay lâu hơn, thì tối hôm đó Xơ lại mang cho tôi một tách cà phê. Tôi hỏi :

- Xơ này, tôi muốn hỏi Xơ một việc. Xơ có nghe câu chuyện dài của tôi và Stevie trước khi ông ấy chết không ?

Xơ nhìn tôi lạ lùng :

- Câu chuyện nào ? Con có nghe câu chuyện nào đâu !

Tôi nói :

- Sau khi tắt đèn để tiết kiệm pin. Tôi hỏi anh ta về bà con thân thuộc và anh ta bắt đầu kể cho tôi nghe ... vô số chuyện.

Xơ lắc đầu :

- Ông ấy có nói gì đâu. Con chắc chắn thế, thưa Cha.

Không nói gì hết sao ?

Không nói gì. Cha ngồi đấy và cầm tay ông ta, nhưng cả hai người không ai nói lời nào !

Xơ có chắc như vậy không ?

Xơ vừa cười nói :

- Con chắc mà ! Con lo cho Cha nhiều hơn là lo cho ông Stevie, vì ông ta trước sau gì cũng sẽ chết. Và lúc đó Cha đi ngủ, và con không đánh thức Cha dậy vì nghĩ rằng, Cha ngủ được là tốt rồi ! Cha đã ngủ suốt đêm.

Thật là kỳ quặc, vì chính mắt tôi thấy Xơ ngủ.

Xơ có chắc là Xơ không ngủ chứ ?

Xơ phản đối nói :

- Thưa Cha, con không bao giờ ngủ khi có một ca bệnh ban đêm như thế và con chưa bao giờ làm sai.

Tôi nói :

- Cha xin lỗi. Cha không thể bịa đặt một câu chuyện như thế, vì Cha nghĩ là anh ta đã kể cho Cha nghe cả câu chuyện dài về đời tư của anh ta.

Xơ nói :

- Lúc ấy, Cha đang bị bệnh nặng. Nếu con là Cha, con sẽ quên tất cả. Có thể con đã ngủ gật một hai lần, nhưng con vẫn thức và cứ nửa giờ con đi quanh một vòng, để canh chừng cho Cha và đảm sóc vật khốn khổ ấy. Ông Liên Chi và con đã cho ông Stevie hai điều nữa vào lúc hai giờ sáng, ngay trước mặt Cha nhưng Cha đâu có thức giấc.

Dầu sao, cũng phải hỏi câu cuối :

- Bày súc vật vẫn ở đấy sao ?

Dạ vâng. Chúng vẫn ở đấy. Ông Liên Chi trước đây đã thấy chúng làm như thế khi chúng bị mắc cạn trên một nông đất dưới trời mưa.

Làm gì ?

Đứng nhìn vào nhà. Điều đó có chi mà thắc mắc, chỉ cần cây súng là đuổi chúng đi ngay. Con chẳng ưa gì bọn dã thú nhiều như thế.

Tôi giữ im lặng. Một lúc sau Xơ nói :

- Bất cứ điều gì, Cha nghĩ là ông ta nói với Cha, con đều quên hết. Người ta thường nghĩ ra những điều kỳ quái khi bị sốt cao và chẳng nghĩa lý gì cả. Một phần vì điều kiện lâm sàng, một phần vì bệnh lý mà làm cho người bệnh có ảo giác. Khi một cậu bé bị bệnh, đôi khi không thể không ảnh hưởng đến tâm thần, chút ít thôi và khi cậu bé lành bệnh, tâm thần cũng hồi phục và nhanh hơn nhiều.

Cha hiểu rồi, Xơ ạ ! Đây chỉ là một kinh nghiệm kỳ lạ, và Cha hy vọng chẳng còn như thế đâu !

Xơ nói :

- Con chắc như thế ! Thấy cha bình phục nhanh chóng, chúng con định để Cha về tuần tới.

Mặc cho những lời phản đối của tôi, Xơ đã bắt tôi ở trên giường đến năm sáu ngày, năm một mình tôi suy nghĩ, có lẽ Xơ biết tôi muốn trở về tòa cha sở ngay khi tôi khỏi bệnh. Cuối cùng, tôi cũng đã về được đây và nhận ra người ta đã thay đổi bộ mặt của tòa cha sở. Phòng tôi ở, các cửa kiếng đã thay mới và tường thì được quét vôi màu mới, khung giường, ghế ngồi cũng hoàn toàn mới và một bếp dầu, nấu lên hơi ấm tỏa ra cả phòng. Dân chúng đã ưu ái dành cho tôi, sáng kiến của họ và tôi phải nói rằng tôi rất được họ nể trọng.

Hai tháng tiếp theo, tôi đã sống trong tiện nghi và lười biếng. Thường thường vào tháng trước khi các loại xe có động cơ trở lại hoạt động bình thường ở Gulf Country, thay vì cưỡi ngựa đi khắp miền, trong mùa mưa, như thời trai trẻ, tôi đã ngồi một chỗ để viết những chuyên mục cho tờ tạp chí của giáo khu, để có thể phát hành hàng tháng, qua đến mùa nắng, mà không mất thời gian nhiều vì đó là lúc chờ đợi cho con đường khô ráo trở lại để lưu thông.

Dĩ nhiên, vào mùa mưa những bộ mặt lạ lẫm cũng ít xuất hiện ở Landsborough. Nhưng một ngày cuối tháng hai hay đầu tháng ba gì đó, một chiếc máy bay lạ bay đến và hạ cánh xuống phi trường, hoàn toàn bất ngờ. Thì ra đó là một chiếc Dakota của Sở Hàng không dân dụng, cho Sở Công chánh và Địa ốc mượn có thời hạn. Hành khách và phi hành đoàn đã đến nghỉ qua đêm tại Khách sạn Bru điện. Tôi đã gặp họ Ở đây khi tôi đến uống trà.

Thì ra họ là một nhóm chuyên viên đo đạc và kiến trúc sư từ cơ quan chỉ huy là Sở Công chánh ở Canberra. Trên đường đi, họ đã ở lại Brisbane hai ngày và bay thẳng từ đây đến Landsborough. Tự nhiên ai cũng muốn biết họ đến đây làm gì và họ là những người thẳng thắn, thành thật nói về công tác của họ. Họ đến để tái lập phi trường ở Invergarry.

Tôi ngồi một bàn với người đàn ông, hình như trưởng toán, tóc hoa râm, trạc năm mươi lăm tuổi, ông Hutchinson. Ông ta nói :

- Chẳng có gì bí mật cả, báo chí đã nói nhiều, nhưng ở đây bà con chưa nghe nói đến. Đây là sự tiếp tục phát huy Không lực Hoàng gia Úc. Chúng tôi mở lại một số phi trường trong thời chiến ngày xưa và biến chúng thành nơi thích hợp cho những phi đội đặt căn cứ thường trực. Đây là chương trình

lớn, có nghĩa là những tòa nhà và nhà chứa máy bay kiên cố. Cũng phải mất năm năm mới làm xong, có thể lâu hơn. Lấy Invergarry làm thí điểm, nơi mà chúng tôi sẽ đến thăm ngày mai. Tôi biết chẳng còn gì ở đây cả.

Tôi lắc đầu :

- Cách đây ba năm, tôi có đi qua đây.

Thật à ? Chẳng còn gì ở đó, phải không ?

Tôi trả lời :

- Chẳng còn gì trừ phi đạo, đang còn tốt nhưng chẳng có nhà cửa gì cả !

Trông không à ?

Trông không.

Ông ta quay về nói với một người khác :

- Như bạn đã nói, Harry này, người Mỹ đã lấy mọi thứ đi cả rồi ! :

- Quay lại phía tôi ông ta nói :

- Cha nghĩ có khôi hài không, chúng tôi chẳng biết gì ráo ! Nhưng đây là những phi đạo của Mỹ trong cuộc chiến với Nhật, chúng tôi cũng chẳng tham gia gì mấy, hơn nữa những thứ đặt ở nơi người ta không qua lại hằng ngày.

Chúng tôi trao đổi một ít ý kiến về công việc họ sắp làm. Bắt đầu khởi công từ nền của những phi đạo cũ, khảo sát và họa đồ để làm một căn cứ mới cho Không lực Hoàng gia Úc, ngay ở giữa rừng, có khả năng đầy đủ tiện nghi cho một phi đội, như là bước khởi đầu để sau này trở thành căn cứ của một phi đoàn. Ông Hutchinson nói:

- Ít nhất cũng phải mất năm năm trước khi một phi đội hình thành với cả máy bay của nó, làm việc trong thời bình, nên cũng có thể lâu hơn.

Tôi nói nhỏ nhỏ :

- Tương lai, có trực thăng ở đây không ?

Trực thăng ? Ồ, tôi không được rõ lắm. Tôi tin là người ta chỉ chú ý đến oanh tạc cơ loại trung. Tuy mỗi căn cứ cũng có một hai chiếc trực thăng để xê dịch.

Chúng rất tiện lợi cho việc liên lạc. :

- Một người khác nói.

Tôi ngồi ở bàn với họ một lúc sau khi ăn, vì muốn đi chỗ khác thì chỉ có một chỗ là quầy rượu, và không có ai trong số chuyên viên đo đạc là những tay nhậu bia “chuyên nghiệp”. Ngồi như vậy, suy nghĩ về những điều họ đã nói với tôi, tôi quyết định hỏi ông Hutchinson :

- Thế các bạn có biết rõ Canberra không ?

Ông ta nói :

- Tất cả chúng tôi đều ở đây. Chúng tôi mới dọn đến năm ngoái từ Melbourne. Nhưng riêng tôi, có

khi ở mà cũng có đi, gần mười một năm qua.

Thế anh có biết một địa danh là Letchworth không ?

Biết chứ :

Ông ta trả lời :

- Nó nằm ngay phía ngoài biên thùy Liên bang thuộc New South Wales.

Thế anh có biết con đường Yarrow ở Letchworth không ?

Ông ta nhăn mày :

- Không thể nói là tôi biết. Nhưng ở đây chỉ có một hay hai con đường gì đó thôi ! Anh Simon có lẽ biết :

Anh ấy làm việc ở Canberra trước khi đến làm với chúng tôi. Này Simon, có biết con đường Yarrow ở Letchworth không ?

Một thanh niên tóc đỏ hỏi :

- Để làm gì ?

Có một con đường tên là Yarrow ở Letchworth phải không ? Cha Hargreaves hỏi như thế.

Người thanh niên trả lời :

- Sắp có thôi, người ta đâu đã làm. Theo như tôi biết, cũng chưa cấm cọc, phân giới hạn. Đó là con đường người ta định làm, chạy lên đồi, cách xa đường xe lửa. Tất cả đều được đặt tên giống như các địa danh ở bên Anh. Xem bản đồ sẽ rõ, người ta làm chầm chầm.

Tôi hỏi :

- Đã có căn nhà nào trên đường chưa ?

Anh ta lắc đầu :

- Toàn là rừng nguyên sơ. Chưa có dự định xây nhà, thưa Cha. Làm sao Cha nghe được tin ấy ?

Tôi nói mập mờ :

- Có một gã tôi quen nói là muốn xây nhà trên con đường Yarrow ấy.

Anh Simon cười :

- Chắc anh ta phải chờ đợi lâu lắm.

Anh có ý kiến gì về việc làm con đường này ?

Anh ấy lắc đầu :

- Cha làm ơn nói cho tôi biết mất bao lâu Canberra mới được phát triển? Thành phố phải trở thành một đô thị ba bốn trăm ngàn dân, đường Yarrow mới được khởi công xây dựng, phải không ?

Ông Hutchinson nói :

- À không, còn lâu hơn thế nữa kia !

Một cuộc thảo luận ngắn, chẳng đâu vào đâu. Tôi hỏi :

- Thế giờ đây dân số là bao nhiêu ?

Ông ta trả lời :

- Hai mươi một ngàn. Vậy phải hai mươi năm nữa mới bắt đầu làm, thông thường là vậy. Một khi đã làm, người ta phải trừ tính nhà ở hai bên đường sao cho đẹp.

Tôi trở về tòa cha sở đêm ấy, băn khoăn, nghĩ ngợi.

Tuy nhiên, tôi cũng chẳng có thì giờ đâu mà suy nghĩ về những vấn đề này, bởi vì ngay cả mùa mưa, cuộc sống của tôi ở Landsborough cũng đã quá bận rộn. Không phải là những công việc thường nhật như cầu kinh sáng cho học sinh, thăm viếng, và ngay sau đó tôi phải rời khỏi bệnh viện, vì họ đã bầu tôi vào Hội đồng Quản hạt, một vinh dự lớn cho tôi, khi phải nói nhiều ở nơi công cộng. Nhờ chức vụ này mà tôi hối thúc họ thành lập một trường Mỹ thuật, những nơi khác người ta gọi là Thư viện công cộng, đồng thời tôi cố gắng thành lập Hội phụ nữ địa phương. Như thế để chứng minh rằng, rất mất thì giờ, để tìm hiểu quan niệm của những người không am hiểu và cũng cần thời gian để góp nhặt từng đồng để gây quỹ và cũng có lắm công việc như biên thư cho những thành phần ở Brisbane và những đô thị khác. Thành thử tôi ôm đồm nhiều công việc và cũng lấy những công việc ấy làm vui, vì tôi không muốn người ta nghĩ rằng, mục sư của họ chỉ ngồi khoanh tay vào mùa mưa, khi thật khó cho tôi muốn đi lại thăm viếng trong giáo khu.

Mọi sự cuối cùng rồi cũng chấm dứt, và vào khoảng giữa tháng ba chúng tôi liên tục có những ngày trong sáng với mặt trời chói nắng. Chúng tôi cũng còn chịu một hai trận mưa giông để dứt điểm mùa mưa, nhưng vào cuối tháng xe hơi bắt đầu hoạt động trở lại trong phạm vi Landsborough và nước trên con đường đã khô. Đến giữa tháng tư, xe tải đã có thể lưu thông tới vùng Cloncurry trở lại và tôi lại có thể thăm viếng trong họ đạo.

Dĩ nhiên, tôi có nhiều việc để làm. Cũng nhờ những máy thu thanh nhỏ và máy bay, tôi đã biết được những gì đang xảy ra. Có một số các em nhỏ sinh ra trong mùa mưa được tôi rửa tội, vài đám tang được ban phép lành. Trước tiên, tôi đi về hướng đông, đến huyện Newmarket River thuộc giáo xứ của tôi. Điều kiện đi lại không phải dễ dàng, có khi tôi phải bỏ mất một ngày Chủ nhật ở Landsborough vì đường trở về đến một trăm ba mươi dặm và ở đấy cũng có nhiều việc để làm, tôi nghĩ là nên ở lại để làm thỏa mãn các đòi hỏi tinh thần của người dân trong vùng ấy. Trong chuyến đi xa ấy phải mất mười một ngày, và suốt cả vùng ấy đang còn ướt át, lầy lội, nhưng tôi vẫn khỏe mạnh vì được nghỉ ngơi dài ngày cho lại sức.

Tôi trở về Landsborough ngày thứ Bảy, và tôi phải ở lại trong huyện một tuần vì chẳng có phương tiện chuyên vận đến Blazing River cho đến ngày thứ Hai sau. Để giết thì giờ, tôi thăm các trại chăn nuôi quanh vùng, ở lại một đêm ở Dorset Downs, nhờ lòng tốt của McIntyre, tôi mượn được con ngựa và nhờ thằng nhỏ da đen làm hướng dẫn viên đưa tôi đến nhà ông Liên Chi.

Chúng tôi khởi hành từ tờ mờ sáng và phải mất ba tiếng đồng hồ băng qua rừng mới đến đấy. Khi chúng tôi đến nhà, ở trên khoảnh đất cao giữa những vũng nước đọng, chúng tôi mới biết là ông Liên

Chi đang bận làm việc trong vườn. Lũ rút đi để lại một lớp bùn non trên mọi vật, nên ông ta phải cuốc lật đất lên trước khi trồng. Mảnh đất cũng khoảng một sào và ông còn canh tác thêm một miếng nữa, lớn cũng bằng như vậy. Trông xà lách đang nở những đọt non cũng vui mắt, ngôi vườn trông ngăn nắp sạch sẽ sáng lên và tươi tắn dưới mặt trời ấm áp.

Thằng bé giữ ngựa cho tôi xuống, ông Liên Chi bỏ công việc đến chào tôi. Tôi nói chuyện với ông ta và nói cho ông biết dự định của tôi đến thăm mộ anh Stevie, xem thử có gì cần làm không vì hiện giờ tôi đang đi thăm quanh vùng này. Cả hai chúng tôi đi về phía ngôi mộ. Thánh giá trôi đi, nhưng lớp đất phủ trên mộ vẫn còn, hay ông Liên Chi mới chạp cũng nên, vì có một lớp đất mới trên mặt.

Chung quanh mộ Ông ta cắm cọc rồi buộc những tấm tole cũ vào đấy để làm thành bức tường, nên ngôi mộ trông biệt lập vì có rào chắn. Ông không cắm cây Thánh giá nữa mà mỗi góc mộ Ông trồng một cây hoa Gladon.

Tôi hết sức cảm động và trân trọng việc giữ gìn nắm xương tàn của người bạn quá cố của ông ta và nói một vài điều liên quan tới ông ấy, nhưng ông ấy khó mà thông cảm được hết vì ông ta là người Hoa. Tôi hỏi ông ấy xem thử có trở ngại khi tôi đặt một tấm bia cho mộ anh Stevie, ông ta nhún vai có ý muốn nói tôi muốn làm gì thì tùy ý. Tôi lại hỏi ông ấy có muốn ai tới ở chung cho có bạn, ông ta trả lời không, nhưng không nói lý do. Ông ta hình như không sẵn sàng để thảo luận về cuộc sống của ông ta hay chuyện riêng tư gì cả, dầu gặp tôi, ông ta tỏ ra rất mừng. Tôi có hỏi ông ta cần gì ở thị trấn, tôi sẽ gởi lên, nhưng ông ấy bảo vài hôm nữa, ông sẽ đi về thị trấn và sẽ tự mua lấy. Ông ta đã tìm thấy chiếc vali thuốc men của Xơ Finlay khi nước rút xuống và đưa cho tôi đem về cho Xơ, tuy đã bị hư nhiều vì phải bị dầm nước gần ba tháng.

Vì vậy, tôi phải chia tay với ông ta cùng cậu bé người da đen trở về Landsborough, sau mười hai giờ một chút là chúng tôi đến nơi. Tôi để cho cậu bé đem ngựa về và sau khi ăn tối, tôi đi bộ đến bệnh viện và giao chiếc vali cho Xơ Finlay. Xơ mời tôi ở lại uống trà, trong lúc uống trà, tôi kể cho Xơ nghe chuyện về ngôi mộ.

Xơ nói :

- Nghe ngôi mộ được chăm sóc, con cũng mừng. Thật ra ông ấy cũng làm cho chúng ta bực mình nhưng vắng ông ấy cũng thấy nhớ. Ông ta không phải là hạng người tệ hại như vậy.

Tôi nói :

- Nghĩ cho cùng, ông ấy cũng có những cái tốt. Cha cũng tìm thấy nơi ông ta một cá tính làm người khác lưu tâm.

Nhưng nếu ông ta dùng để “bóc mùi” như thế ! :

- Templeton nói.

Tuần tiếp theo, tôi bắt đầu chuyến đi thứ hai trong năm về miền nam và miền Tây của Landsborough, ngày đầu tiên đi nhờ xe thư báo đã bắt đầu chạy lại. Chúng tôi không thể chạy nhanh

được vì sau mùa mưa, xe cộ bắt đầu di chuyển trên đường, nhưng phải gần một giờ mới gặp một chiếc xe khác. Dĩ nhiên là phải dừng lại để tán chuyện gẫu và trao đổi tin tức trong khoảng mười lăm phút. Bác tài cũng phải uống với chúng tôi cho hết chai rum, rồi chúng tôi cũng phải uống cho hết chai của bác tài, sau đó mới tiếp tục lái xe đi. Tối hôm đó tôi xuống xe và ở lại nhà ông bà Cooper ở Sweet River, làm lễ ban thánh thể và rửa tội cho một em bé sáng hôm sau. Buổi chiều Fred Cooper lái xe đưa tôi đến Mariboula, ở đây tháng trước bà cụ Foster đã chết vì bệnh viêm màng phổi. Tôi tiếp tục đi như thế độ một hai ngày nữa, có lẽ là mồng chín hay mười tháng năm, đêm ấy tôi ở lại Blazing Downs với ông bà Taggart. Ở Blazing Downs có con đường lái súc vật đi qua độ một ngàn hai trăm con. Tôi hỏi ai là lái để xem thứ có quen không.

Joe Taggart nói :

- Jock Anderson. Cha gặp anh ta chưa ?

Tôi lắc đầu :

- Cha không thể nói là có quen cái tên ấy. :

- Cái tên Anderson mà tôi quen có vẻ không thật, nên tôi dứt khoát gạt ra khỏi tâm trí tôi.

Anh Joe nói :

- Tôi không biết rõ anh ấy. Anh ấy là người Scotland, người miền núi. Thường làm việc ở biên giới, nhưng thỉnh thoảng cũng đến đây.

Tôi hỏi cho có vậy thôi vì chẳng có gì hấp dẫn cả, chúng tôi quay sang nói chuyện khác. Tôi ở lại đêm với gia đình Taggart, còn Joe thì tình nguyện lái xe đưa tôi đến Wentworth ngày hôm sau, gần cả bốn mươi cây số, như thế là quá tốt. Tôi sắp đặt để làm lễ ban thánh thể sáng hôm sau, sau khi ăn sáng, vì đó là ngày trong tuần, người ta phải đi làm và sau đó, có hai đứa trẻ thổ dân cần rửa tội trước khi chúng tôi lên đường.

Chúng tôi đang ngồi nói chuyện buổi sáng thì nghe tiếng vó ngựa đi vào trại. Tôi không thể phân biệt được là ngựa trong trại hay ngoài đến nhưng Joe nói liền :

- Giờ này mà ai đến vậy kìa ?

Một lúc sau thì thấy một người đàn ông có râu, tóc vàng, cao ráo, mặc áo sơ mi xanh hơi bẩn, cưỡi ngựa có vẻ ngờ ngợ tiến đến dưới hàng hiên khi thấy chúng tôi đang ngồi ở bàn.

Joe đứng dậy chào :

- Vào đây đi Joe, cũng vừa giờ ăn sáng, :

Và rồi ông ta nói to vào phòng dọn ăn :

- Sunshine ơi, con làm ơn đi đến bác Cookie nói cho thêm một phần ăn sáng cho bác Anderson.

Ông ta quay về phía tôi :

- Giới thiệu Cha đây là anh Anderson Jock, đây là Cha Hargreaves ở Landsborough.

Người đàn ông bắt tay tôi :

- Tôi có nghe nói Cha mới đến. :
- Trông anh ta rõ là người Scótlên. Anh ta nói tiếp :
- Mời Cha cùng cỡi ngựa đến trại chúng tôi để rửa tội cho cháu nhỏ.

Tôi cười :

- Rửa tội cho cháu, tôi sẵn lòng. Cháu của ai ? Con anh há ?

Thưa Cha vâng, con của chúng tôi. Vợ tôi đang ở trại.

Anh Joe ạ ! Hôm nay tôi sẽ đi Wentworth. Anh cũng đi về hướng ấy chứ?

Anh ấy trả lời :

- Cũng cách Wentworth mười tám dặm về hướng bắc, thưa cha. Tôi cũng có đem dự phòng một con ngựa, nhưng nếu Cha cỡi chung với tôi, tôi sẽ đưa cha về đây trước khi trời tối. Nếu Cha muốn ở lại đêm, tôi sẽ đưa Cha về Wentworth sáng mai. Nhưng ở đây chỗ ở tồi tàn lắm !

Không hề gì ! :

Tôi nói :

- Tôi quen rồi ! Tôi có mang xách tay theo. :
- Tôi quay qua nói với Joe Taggart :
- Thế là anh đỡ phải chở tôi suốt cả con đường.

Thế là tôi theo anh Jock về trại của anh ấy. Tôi nói :

- Tôi sắp sửa làm lễ ban Thánh thể. Anh có muốn đi theo chúng tôi không?

Anh ấy lúng túng trả lời :

- Đã nhiều năm qua, tôi chưa được dự lễ ban Thánh thể.

Tôi trả lời :

- Thế thì dự đi ! Tôi rất vui mừng đón tiếp anh.

Trước khi buổi lễ bắt đầu, Joe Taggart nói với tôi :

- Tôi xin lỗi Cha đã giới thiệu người ấy. Chỉ có gái và rượu ở nhà hắn ta.

Thôi cũng được anh ạ ! Tôi nghĩ đó cũng là lý do anh ấy không mang cháu nhỏ đến đây.

Anh ấy gật đầu :

- Chính vợ anh ta cũng không thích, nên anh ấy chẳng làm gì được. Tôi chỉ sợ làm buồn lòng Cha thôi !

Tôi nói :

- Chẳng có chi mà phiền. Tôi đến đây để làm việc ấy.

Tôi chỉ sợ Cha mất ngủ. :

- Joe nói.

Tôi cười :

- Đâu phải là lần đầu tôi ở lại trại của người lái trâu, sẽ còn dài dài.

Chúng tôi khởi hành lúc chín giờ sáng, sau khi đã làm lễ ban Thánh thể và rửa tội. Jock Anderson có hai con ngựa nhưng chỉ một cái yên vì dắt một con ngựa có yên sẵn mà không ai cỡi thì cũng hơi què. Anh ta nài nỉ tôi cỡi con có yên, còn anh ta cỡi con không yên lại còn đeo thêm cái vali đựng đồ lễ của tôi. Từ Blazing Downs chúng tôi ra đi.

Trên đường đi, anh ta nói rất ít. Tôi hỏi anh ta từ đâu đến, và anh ta nói cho tôi biết đã ở suốt mùa mưa ở Robinson River, hai trăm dặm về hướng tây bắc, vì đã trót ký hợp đồng đem bầy súc vật từ Wollgorang đến ngay xe lửa sau mùa mưa. Anh ta đã ở trên đường đi ba tuần, và hy vọng mười hai ngày nữa sẽ đưa bầy súc vật đến Curry nếu không có chuyện gì xảy ra. Rồi anh lại vội vã trở về Robinson River để kiểm bầy súc vật khác. Dưới quyền anh còn bốn người nữa và ba mươi con ngựa. Anh ta thuộc loại người làm việc đều đặn và có trách nhiệm, cho nên các quản lý trại súc vật, ai cũng cần. Có lẽ, anh là người kiếm được nhiều tiền nhưng lại ít tiêu tiền khi về thị trấn.

Cỡi ngựa đến trại của anh ta cũng mất hai giờ, trước khi mặt trời lặn. Trại đóng bên cạnh một vũng nước đọng với bầy gia súc và ngựa khắp nơi. Thường thì anh ta di chuyển, nhưng hôm ấy anh ta nghỉ lại để đón tôi. Trại có lều cho vợ chồng anh ta và một mái che bằng cành bạch đàn cho người nuôi gia súc da trắng, Fleming và ba người thổ dân, ngủ ngoài trời.

Có một nhà bếp thô sơ dựng sát bờ sông, bếp lò làm bằng vài viên đá và hai thanh sắt, có một cô gái canh lửa. Cô gái lai, có nước da màu cà phê, người ít nói nhưng trông cũng có duyên. Vì để đón tôi, cô ta mặc áo đầm đỏ tươi, mái tóc đen dài thì cuốn quanh đầu. Tôi cho đó là chuyện lạ, vì sáng hôm sau, khi nhổ trại, cô ta ăn mặc áo quần đàn ông, quần cao bồi, áo carô. Cô ta phụ trách nấu ăn cho toàn trại.

Cô ta có đứa con nhỏ nằm trong võng đi rừng của quân đội Mỹ, trông giống như một cái giường nôi của trẻ em, cũng có mái che không thấm nước, để cháu bé khỏi bị ánh mặt trời chiếu vào, ở phía trong lại có mùng để ngăn ruồi, muỗi vào cắn đứa nhỏ, rất độc hại. Họ mở mùng cho tôi xem thằng nhỏ. Đứa trẻ bụ bẫm, cũng được nhiều tháng tuổi, nước da cũng không đen lắm. Tôi nói :

- Cháu dễ thương quá, sinh lúc nào ?

Jock trả lời :

- Ngày chín tháng giêng. Tôi nhớ là ngày thứ Ba sau lễ Ba vua, vào lúc năm giờ sáng, giờ tôi thức dậy, còn mơ màng vì buồn ngủ, nhìn thấy đàn súc vật còn đứng quanh nhà.

Chuyện trùng hợp là tên người đàn ông ấy cũng là Anderson. Tôi định bụng là quên đi chuyện cũ, trở lại với kỷ niệm làm gì ! Tôi nhìn cháu bé nói :

- Cháu trông khá khinh. Anh chị muốn đặt tên gì ?

Cô gái nhìn chồng mỉm cười, anh ấy tự tin nói :

- Nhà tôi có ý gọi cháu là Stephen khi mới sinh cháu ra, nhưng tôi nghĩ nên chọn tên David, tên của cha tôi. Giờ thì cả hai chúng tôi đều bằng lòng.

Có điều gì ngăn cản tôi phải cần dấu những cảm xúc hiện đến và tiếp tục công việc cần làm, coi như chẳng có chuyện gì lạ lùng cả. Tôi quay về phía người vợ hỏi :

- Chắc chị cũng thỏa mãn với cái tên ấy chứ ?

Cô ta gật đầu :

- Tên cháu là David.

David là tên Thánh đấy cô ạ !

Tôi thân nhiên trả lời, trong lúc chờ đợi để tập trung tư tưởng, tôi liếc nhìn bàn tay cô gái, thấy chiếc nhẫn cưới tôi hỏi:

- Anh chị đã làm phép cưới ?

Anh ấy trả lời :

- Vâng, Cha Fisher đã làm lễ cưới cho chúng tôi tháng chín năm ngoái ở vùng Roper River.

Tôi nghĩ Jock Anderson đã cưới cô gái lai và giờ thì có con, thế cũng được.

Bây giờ thì chẳng có chuyện gì để nói nữa và tôi làm lễ rửa tội cho cháu bé vào Giáo hội Cơ đốc giáo. Chẳng có gì phải chậm trễ nên tôi nói với anh Jock Anderson, phải làm lễ ngay, trước khi ăn, và anh ta đã nói cho bà vợ biết. Chị ta là người ít nói, sau khi người chồng đưa tên, tôi mới biết tên họ của chị ấy là Mary Anderson.

Chuyện người đỡ đầu cũng có chút trở ngại, vì Jock Anderson không chuẩn bị trước. Cuối cùng phải nhờ Phil Fleming, mới có hai mươi tuổi chưa biết nhiều về lễ rửa tội, nên tôi phải nói riêng với anh ta và hướng dẫn những điều cần làm. Chưa có mẹ đỡ đầu nhưng cô Mary nói rằng chị cô là Phoebe, hứa sẽ đỡ đầu cho cháu, nên tôi đã cho phép cô ta thay chị mà làm lễ, vì chị ấy bận làm việc ở Chillagoe.

Họ có một thùng gỗ sạch, đem ra chùi rửa, xong đổ đầy nước lựt và đặt trên một thùng thực phẩm có trái khế, dùng làm nước rửa tội. Chỗ làm lễ, trước hai cây bạch đàn, gần mép nước và cách xa trại, trên một khoảnh đất trống sạch sẽ. Chúng tôi đuổi bầy gia súc đi và tập trung chúng lại ở một nơi khác, trước khi buổi lễ bắt đầu.

Từ ngày thụ phong mục sư đến giờ tôi đã làm lễ rửa tội cho trẻ em hàng trăm hàng ngàn lần và với tuổi tôi, ai cũng nghĩ rằng đã nắm lòng ý nghĩa của lời kinh. Hơn nữa, tôi đã tự rèn luyện để tư duy về những từ tôi đang nói là một nghệ thuật ngăn ngừa buổi hành lễ trở thành máy móc, và trước tiên sự tập trung không bao giờ đưa tôi đến một sự bất ngờ nào trong lễ rửa tội cho trẻ em. Nhưng khi tôi đến câu :

- “Hãy cho đứa bé Chúa Thánh thần, để nó được tái sinh và được làm kẻ thừa kế cho sự cứu rỗi đời đời.” Tôi phải dừng lại, bởi vì thành linh tôi cũng không hiểu thật sự tôi đang nói gì. Đối với tôi hình như trước đây tôi chưa bao giờ nói những lời như vậy và tôi phải nhìn vào quyển kinh để biết chắc là có trong đó và thật ra, chẳng sai chút nào, trước khi tôi có thể tập trung tư tưởng để tiếp tục hành lễ.

Trong ánh sáng của chiều tàn, quanh chúng tôi bầy gia súc đang đứng dầm mình trong nước, có con di chuyển gây ra những tiếng động bì bõm, có con nằm phơi mình nhai lại. Mùi súc vật nồng nặc cả khu trại. Tôi nói nhẹ nhàng với người cha đỡ đầu để khiến anh ấy trả lời cho buổi lễ tiễn hành êm đẹp. Tôi bồng cháu bé, rời khỏi tay mẹ cháu, và tự mình làm lễ đặt tên cho cháu là David.

Cuối cùng, buổi lễ đã xong, cháu bé đã được đặt lại vào võng, người mẹ bận nấu ăn tối và tôi xếp khăn lễ ở bàn thờ.

Bữa ăn tối cũng như lệ thường :

Thịt bò ướp muối, nướng ăn với khoai tây, bánh mì tự làm, bơ, trà đậm uống với đường, ngồi ăn ngay trên đất. Ánh nắng tắt dần khi chúng tôi ăn tối và bà mẹ thắp ngọn đèn bão, trong ánh sáng cuối cùng của ngày, tôi đã chọn được một nơi dưới gốc cây để ngủ, mở xách cá nhân và dọn giường để ngủ.

Tôi biết họ sẽ đi ngủ sớm vì họ phải dậy trước rạng đông để nấu ăn sáng và nhổ trại, và tập hợp gia súc lên đường trước khi ánh mặt trời ló dạng. Nhưng trong lúc bà mẹ còn dọn dẹp sau bữa ăn tối, lo ru con ngủ ở trong lều, tôi ngồi với Jock Anderson trên một khúc gỗ, hút với anh ta một điếu cuối cùng trước khi đi ngủ.

Tôi nói :

- Anh Jock, cháu thật dễ thương, nên hãnh diện vì cháu.

Anh ta trả lời :

- Ôi, vì cháu da màu nên có một thời cũng khổ !

Tôi nói :

- Chuyện ấy tôi chẳng ngại mấy ! Có nhiều việc trọng đại hơn. Cháu có một người mẹ đảm đang.

Anh ta trả lời :

- À, cô ấy là một người đàn bà giỏi. :

- Anh ta hít một hơi ổng điếu rồi nói :

- Tôi không biết bà con ở nhà nói thế nào ? Họ chẳng bao giờ thông cảm cho, thừa Cha. Một người đàn ông sống năm này sang năm khác và chưa bao giờ thấy một cô da trắng độc thân và cảm thấy cô đơn quá chừng ở trong rừng. Và cô ấy là một người vợ đảm đang.

Tôi nói :

- Chắc chắn là thế. Một người con gái da trắng có thể chịu đựng như thế này chẳng ? Anh nên nghĩ đến chuyện đã rồi. anh Jock ạ ! Phải vì lòng thương con, giá như anh có thêm các cháu nữa ! Vợ anh thật đảm đang, nhưng rồi ai cũng phải có một gia đình ổn định khi các cháu ra đời.

Anh ta chậm rãi nói :

- Vâng, thừa Cha. Cô ấy chỉ biết lo việc gia đình thôi. Ông Jimmie Beeman, quản lý trại Tavistock Forest hứa sẽ cho tôi công việc trông coi chăn nuôi gia súc năm ngoái. Ông ta đi xem cuộc đua

ngựa và gặp tôi. Có thể tôi không làm nghề này nữa và đến đây.

Ông cũng biết Mary, phải không ?

Vâng, ông ấy chẳng quan tâm gì đến việc da màu !

Tôi nói :

- Tôi rất đồng ý với anh. Anh đừng bắt buộc chị ấy phải đi theo đoàn khi chị ấy có con mọn. Đối với đàn bà điều đó thật không công bằng. Nếu Jimmie Beeman muốn nhận anh vào làm việc ở Tavistock. Tôi phải đi đến đây. Anh ta có nhà ở đây, phải không ?

Anh ấy gật đầu :

- Tôi phải dẫn đi việc ấy, thưa Cha. Ông ta có một căn nhà hai phòng ở khu vực chăn nuôi.

Tôi nói :

- Có lẽ ông ấy phải xây thêm một phòng nữa, nếu anh làm với ông ta một hai năm. Thế tôi sẽ nói chuyện với ông ấy khi tôi có việc đi qua vùng ấy, tôi hứa giúp anh :

- Tôi ngừng nói và hút thuốc, nhìn ra hồ nước dưới ánh trăng lặng lẽ.

Tôi lại nói :

- Thế anh có biết cô nàng mà ông ấy kết hôn không ? Nan Fowler, con gái của cụ Jim Fowler làm ở Sở Hỏa xa Julia Creek. :

- Anh ta gật đầu :

- Cô ấy là cô giáo vùng Charter Towers.

Tôi nhắc anh ta :

- Thi họ cũng sắp có gia đình như anh vậy, mà cô ấy cũng vẫn còn đi dạy. Anh suy nghĩ gì nữa ! Bây giờ anh đã làm cha rồi !

Anh ấy chậm chậm trả lời :

- Đây là sự thật. Tôi nghĩ trường học là nỗi bận tâm của ông ấy đối với người da màu. :

- Anh ta nói tiếp :

- Thằng con tôi cũng dễ thương đấy, Cha nhi. Nó sẽ lớn lên và đẹp trai. Có thể làm giám thị cho trại nuôi gia súc, không thì làm lái trâu bò.

Tôi bảo :

- Đừng nói như thế. Anh phải cho cháu đi học thật đàng hoàng. Anh không thể biết được tương lai một con người sẽ như thế nào. Nó có thể vươn lên để trở thành một cái gì đó trước khi chết.

Chúng tôi gỡ sạch ống điều rồi đi ngủ liền. Tôi nằm như vậy cũng đã lâu, chờ cơn ngủ đến, mãi ngắm những ngôi sao rực rỡ trên bầu trời Queensland, qua sự trang trí mỹ thuật của tàn lá bạch đàn.

Tôi hiểu được rằng, ở một góc của bức màn đã được vén lên cho tôi thấy được, qua Stevie Higgins, trong bàn tay của Thượng đế, và tôi vẫn còn bối rối nhận biết tại sao việc ấy đã được thực hiện. Bởi vì điều đó có nghĩa là tôi đã được ngợi khen ở một nơi nào đó rất xa chỗ tôi đang sống, tôi chỉ là một

con người nhỏ mọn, tối tăm như bao triệu con người khác vẫn làm công việc thiết thân hàng ngày mà chưa hoàn chỉnh. Tôi là ai mà Thượng đế đã chọn để tiết lộ những huyền vi của Ngài ?

Và Stevie là ai mà sự tiết lộ đầy đủ đã được thực hiện ? Nhưng ở đây tôi cảm thấy đang ở trên một miền đất chắc chắn hơn vì đó là con đường Thượng đế đã vạch ra cho những người nghèo khổ và hèn mọn. Nếu Thánh kinh dạy cho chúng ta điều gì, ý Thượng đế nói ra rất ít với các nhà thông thái và những nhà ngoại giao vĩ đại. Vì thông điệp của Ngài chỉ nói với người nghèo khổ và hèn mọn, người bị gia đình và xã hội ruồng bỏ, người bị khinh khi.

Vì thế, tôi chẳng viết thêm gì cho tác phẩm này. Tôi đã viết ra hết và cũng đã nhẹ nhõm tâm hồn. Tôi xin gấp tập lại để cho tâm trí thanh thoi để làm những việc cho họ đạo bao la này. Tất cả kinh nghiệm kỳ lạ này dạy cho tôi đi đến khẳng định, những gì tôi nghĩ là tôi đã biết, bí mật, có lẽ sâu trong đáy lòng. Nếu một điều gì đó được người ta nói là thật, điều đó có nghĩa là chúng ta đã tự tạo ra Thiên Đàng hay Địa Ngục trong cuộc sống hằng ngày của chính chúng ta, và vương quốc Thiên Đàng là ở đây, giờ này, cho những ai trước đây đã ra đi.

Hết

Lời cuối: Cảm ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Dịch giả: Liễu Nga Đoan

Nguồn: DacTrung.com

Được bạn: MS đưa lên

vào ngày: 11 tháng 1 năm 2004